



## DỰ THẢO ĐỀ ÁN

SẮP XẾP, ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH HUYỆN LỤC  
NGẠN VÀ HUYỆN SƠN ĐỘNG ĐỂ CHIA TÁCH, THÀNH LẬP  
THỊ XÃ CHỦ VÀ THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ  
CHỦ; THÀNH LẬP THỊ TRẤN PHÌ ĐIỀN, THỊ TRẤN BIỂN ĐỘNG  
THUỘC HUYỆN LỤC NGẠN

# DANH MỤC HỒ SƠ DỰ THẢO ĐỀ ÁN

SẮP XẾP, ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH HUYỆN LỤC NGẠN VÀ HUYỆN SƠN ĐỘNG ĐỂ CHIA TÁCH, THÀNH LẬP THỊ XÃ CHỦ VÀ THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ CHỦ; THÀNH LẬP THỊ TRẤN PHÌ ĐIỀN, THỊ TRẤN BIÊN ĐỘNG THUỘC HUYỆN LỤC NGẠN

STT	DANH MỤC HỒ SƠ
1	THUYẾT MINH ĐỀ ÁN
2	BẢNG BIỂU SỐ LIỆU
3	HỆ THỐNG BẢN ĐỒ



## MỤC LỤC

Danh Mục	Trang
<b>Phần thứ nhất</b> <b>CĂN CỨ PHÁP LÝ, SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH VÀ THÀNH LẬP THỊ XÃ CHỦ, THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ CHỦ; THÀNH LẬP THỊ TRẤN THUỘC HUYỆN LỤC NGẠN</b>	1
<b>A. CĂN CỨ PHÁP LÝ</b>	1
I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ	1
II. CĂN CỨ PHÁP LÝ	2
<b>B. SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN, CẤP XÃ; THÀNH LẬP THỊ XÃ, THÀNH LẬP PHƯỜNG VÀ THÀNH LẬP THỊ TRẤN</b>	4
I. SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN, CẤP XÃ	4
II. SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH HUYỆN LỤC NGẠN ĐỀ THÀNH LẬP THỊ XÃ CHỦ	6
III. SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ CHỦ, TỈNH BẮC GIANG	13
IV. SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP THỊ TRẤN BIÊN ĐỘNG VÀ THỊ TRẤN PHÌ ĐIỀN THUỘC HUYỆN LỤC NGẠN MỚI	15
1. Sự cần thiết thành lập thị trấn Biên Động	15
2. Sự cần thiết thành lập thị trấn Phì Điền	17
<b>Phần thứ hai</b> <b>LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN, CẤP XÃ LIÊN QUAN</b>	18
<b>Mục I</b> <b>LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN HUYỆN LỤC NGẠN, HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN KHU VỰC DỰ KIẾN THÀNH LẬP THỊ XÃ CHỦ VÀ KHU VỰC HUYỆN LỤC NGẠN CÒN LẠI</b>	18
<b>A. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN HUYỆN LỤC NGẠN</b>	18
I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH HUYỆN LỤC NGẠN	18
II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN	19
1. Điều kiện địa hình	19
2. Đặc điểm khí hậu	20
3. Thủy văn	20
4. Các nguồn tài nguyên	21
III. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH	23
1. Vị trí, tính chất	23
2. Địa giới hành chính	24

<b>Danh Mục</b>	<b>Trang</b>
IV. DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN, CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT	24
V. DÂN SỐ, LAO ĐỘNG VÀ THÀNH PHẦN DÂN CƯ	25
1. Dân số	25
2. Lao động	25
3. Thành phần dân cư	25
VI. ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH TRỰC THUỘC	25
1. Các xã, thị trấn thuộc khu vực dự kiến thành lập thị xã Chũ	25
2. Các xã thuộc khu vực dự kiến huyện Lục Ngạn mới	26
VII. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI	28
1. Về phát triển kinh tế	28
2. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội	31
3. Về quốc phòng, an ninh	35
VIII. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG	36
1. Về hạ tầng xã hội	36
2. Hạ tầng kỹ thuật	37
IX. HIỆN TRẠNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ	41
1. Về tổ chức bộ máy hệ thống chính trị	41
2. Cán bộ, công chức, viên chức	42
<b>B. HIỆN TRẠNG KHU VỰC DỰ KIẾN THÀNH LẬP THỊ XÃ CHŨ</b>	42
I. VỀ VỊ TRÍ, QUY MÔ KHU VỰC DỰ KIẾN THÀNH LẬP THỊ XÃ CHŨ	42
1. Về vị trí	43
2. Về quy mô và địa giới hành chính	43
II. QUY MÔ DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN VÀ SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	44
1. Về quy mô của thị xã Chũ dự kiến thành lập	44
2. Địa giới hành chính thị xã Chũ dự kiến thành lập	45
IV. QUY MÔ DÂN SỐ, LAO ĐỘNG CỦA KHU VỰC DỰ KIẾN THÀNH LẬP THỊ XÃ CHŨ	46
1. Dân số và mật độ dân số	46
2. Lao động, cơ cấu lao động	46
V. DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN VÀ CƠ CẤU HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT KHU VỰC DỰ KIẾN THÀNH LẬP THỊ XÃ CHŨ	48
VI. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI KHU VỰC DỰ KIẾN THÀNH LẬP THỊ XÃ CHŨ	49
1. Hiện trạng phát triển các ngành kinh tế	49
2. Thu chi ngân sách	53
VII. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN VĂN HÓA - XÃ HỘI	53
1. Giáo dục - đào tạo	53
2. Y tế	54
3. Văn hóa - thông tin, thể dục - thể thao	55
4. Chính sách xã hội, giải quyết việc làm	56
VIII. XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	57

<b>Danh Mục</b>	<b>Trang</b>
<b>IX. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG XÃ HỘI</b>	58
1. Về nhà ở	58
2. Công trình công cộng	58
<b>X. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG KỸ THUẬT</b>	61
1. Về hạ tầng giao thông	61
2. Về cấp điện và chiếu sáng	62
3. Về cấp nước	62
4. Về thoát nước	62
5. Thông tin liên lạc, bưu chính - viễn thông và dịch vụ công trực tuyến	63
6. Vệ sinh môi trường	64
7. Nghĩa trang - nhà tang lễ	65
8. Công viên, cây xanh	65
<b>XI. KIẾN TRÚC CẢNH QUAN ĐÔ THỊ</b>	65
1. Hiện trạng tình hình quy hoạch	65
2. Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị	66
3. Cải tạo, chỉnh trang và các tuyến phố văn minh đô thị	66
4. Không gian công cộng	67
5. Công trình kiến trúc tiêu biểu	67
<b>XII. THU HÚT NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ</b>	67
<b>C. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN KHU VỰC HUYỆN LỤC NGẠN MỚI (CÒN LẠI)</b>	67
<b>I. VỊ TRÍ VÀ PHẠM VI RANH GIỚI</b>	67
1. Vị trí	67
2. Phạm vi ranh giới	67
3. Địa giới hành chính huyện Lục Ngạn mới	69
<b>II. DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN VÀ CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT</b>	69
1. Diện tích tự nhiên của huyện Lục Ngạn mới	69
2. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất của huyện Lục Ngạn mới	69
<b>III. DÂN SỐ VÀ LAO ĐỘNG</b>	70
1. Dân số	70
2. Lao động	71
<b>IV. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI</b>	71
1. Hiện trạng phát triển kinh tế	71
2. Văn hóa - xã hội	74
<b>V. HIỆN TRẠNG HẠ TẦNG</b>	74
1. Hiện trạng hệ thống hạ tầng xã hội	76
2. Hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật	77
<b>Mục II</b> <b>LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CÁC XÃ, THỊ TRẤN DỰ KIẾN THÀNH LẬP PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ CHỮ VÀ THÀNH LẬP THỊ TRẤN THUỘC HUYỆN LỤC NGẠN</b>	82

<b>Danh Mục</b>	<b>Trang</b>
<b>A. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH, HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA CÁC XÃ, THỊ TRẤN DỰ KIẾN THÀNH LẬP PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ CHỦ</b>	82
<b>I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN THỊ TRẤN CHỦ</b>	82
1. Lịch sử hình thành	82
2. Vị trí địa lý, địa giới hành chính	83
3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu sử dụng đất	83
4. Dân số, lao động	84
5. Thôn, tổ dân phố	84
6. Hiện trạng phát triển kinh tế	84
7. Văn hóa - xã hội	86
8. Quốc phòng, an ninh	88
9. Hệ thống chính trị thị trấn Chủ	88
<b>II. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỒNG GIANG</b>	89
1. Lịch sử hình thành	89
2. Vị trí địa lý, địa giới hành chính	90
3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu sử dụng đất	90
4. Dân số, lao động	91
5. Thôn, tổ dân phố	91
6. Hiện trạng phát triển kinh tế	91
7. Văn hóa - xã hội	93
8. Quốc phòng, an ninh	95
9. Hệ thống chính trị xã Hồng Giang	96
<b>III. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA XÃ TRÙ HỤU</b>	96
1. Lịch sử hình thành	97
2. Vị trí địa lý, địa giới hành chính	97
3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu sử dụng đất	98
4. Dân số, lao động	98
5. Thôn, tổ dân phố	99
6. Hiện trạng phát triển kinh tế	99
7. Văn hóa - xã hội	101
8. Quốc phòng, an ninh	103
9. Hệ thống chính trị xã Trù Hựu	103
<b>IV. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA XÃ PHƯỢNG SƠN</b>	104
1. Lịch sử hình thành	104
2. Vị trí địa lý, địa giới hành chính	105
3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu sử dụng đất	105
4. Dân số, lao động	106
5. Thôn, tổ dân phố	106

<b>Danh Mục</b>	<b>Trang</b>
6. Hiện trạng phát triển kinh tế	106
7. Văn hóa - xã hội	108
8. Quốc phòng, an ninh	109
9. Hệ thống chính trị xã Phượng Sơn	110
<b>V. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA XÃ THANH HẢI</b>	110
1. Lịch sử hình thành	110
2. Vị trí địa lý, địa giới hành chính	111
3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu sử dụng đất	111
4. Dân số, lao động	112
5. Thôn, tổ dân phố	112
6. Hiện trạng phát triển kinh tế	112
7. Văn hóa - xã hội	114
8. Quốc phòng, an ninh	116
9. Hệ thống chính trị xã Thanh Hải	116
<b>II. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA XÃ BIỂN ĐỘNG THUỘC HUYỆN LỤC NGẠN MỚI (Dự kiến thành lập thị trấn Biển Động)</b>	117
1. Lịch sử xã Biển Động	117
2. Vị trí địa lý, địa giới hành chính	117
3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu sử dụng đất	117
4. Dân số, lao động	118
5. Thôn, tổ dân phố	118
6. Hiện trạng phát triển kinh tế	118
7. Văn hóa - xã hội	120
8. Quốc phòng, an ninh	121
9. Hệ thống chính trị xã Biển Động	122
10. Hiện trạng hệ thống hạ tầng đô thị	122
<b>III. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA XÃ PHÌ ĐIỀN (KHU VỰC DỰ KIẾN THÀNH LẬP THỊ TRẤN PHÌ ĐIỀN)</b>	127
1. Lịch sử hình thành	127
2. Diện tích tự nhiên và cơ cấu sử dụng đất	127
3. Dân số, lao động	128
4. Hiện trạng phát triển kinh tế	128
5. Văn hóa - xã hội	130
6. Hệ thống chính trị xã Phì Điền	132
7. Hiện trạng phát triển hệ thống hạ tầng đô thị Phì Điền	133
<b>Mục III</b> <b>ĐÁNH GIÁ CÁC ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN CỦA THỊ XÃ CHỦ; HUYỆN LỤC NGẠN MỚI VÀ CÁC PHƯỜNG, THỊ TRẤN DỰ KIẾN THÀNH LẬP</b>	136

<b>Danh Mục</b>	<b>Trang</b>
<b>I. ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP THỊ XÃ CHŨ VÀ CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ CHŨ; THÀNH LẬP HUYỆN LỤC NGẠN MỚI VÀ CÁC THỊ TRẤN THUỘC HUYỆN LỤC NGẠN MỚI</b>	136
<b>II. ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP THỊ XÃ CHŨ VÀ THÀNH LẬP PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ CHŨ; THÀNH LẬP HUYỆN LỤC NGẠN MỚI VÀ THÀNH LẬP THỊ TRẤN THUỘC HUYỆN LỤC NGẠN MỚI</b>	138
1. Tiêu chuẩn thành lập thị xã Chũ	138
2. Về tiêu chuẩn thành lập các phường thuộc thị xã Chũ	141
3. Tiêu chuẩn thành lập huyện Lục Ngạn mới	147
4. Về tiêu chuẩn thành lập thị trấn thuộc huyện Lục Ngạn	148
<b>PHẦN THỨ BA</b> <b>PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN, CẤP XÃ; THÀNH LẬP THỊ XÃ, HUYỆN, PHƯỜNG, THỊ TRẤN</b>	150
<b>A. HIỆN TRẠNG TỈNH BẮC GIANG VÀ CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CÓ LIÊN QUAN</b>	150
<b>I. HIỆN TRẠNG TỈNH BẮC GIANG, HUYỆN LỤC NGẠN, HUYỆN SƠN ĐỘNG VÀ CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH LIÊN QUAN</b>	150
1. Tỉnh Bắc Giang	150
2. Huyện Lục Ngạn	150
3. Huyện Sơn Động	151
<b>B. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN, CẤP XÃ VÀ THÀNH LẬP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ĐÔ THỊ</b>	151
<b>I. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN, CẤP XÃ ĐỂ GIẢI QUYẾT BẤT CẬP VỀ ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH</b>	151
1. Phương án	152
2. Kết quả sau khi điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính	152
<b>II. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH HUYỆN LỤC NGẠN ĐỂ THÀNH LẬP THỊ XÃ CHŨ; THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ CHŨ VÀ THÀNH LẬP THỊ TRẤN THUỘC HUYỆN LỤC NGẠN</b>	152
1. Phương án điều chỉnh địa giới hành chính huyện Lục Ngạn để thành lập thị xã Chũ và các phường thuộc thị xã Chũ	152
2. Thành lập huyện Lục Ngạn mới và thành lập các thị trấn thuộc huyện Lục Ngạn mới	153
<b>III. KẾT QUẢ SAU KHI ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH HUYỆN LỤC NGẠN ĐỂ THÀNH LẬP THỊ XÃ CHŨ; THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ CHŨ VÀ THÀNH LẬP THỊ TRẤN THUỘC HUYỆN LỤC NGẠN</b>	154
1. Thị xã Chũ	154
2. Huyện Lục Ngạn	154

<b>Danh Mục</b>	<b>Trang</b>
3. Tỉnh Bắc Giang	155
<b>IV. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH MỚI THÀNH LẬP</b>	155
1. Nguyên tắc tổ chức	155
2. Phương án sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy; sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động	157
3. Tổ chức một số cơ quan ngành dọc theo quy định của Luật	159
4. Giải pháp chuyển đổi một số giấy tờ cơ bản của công dân sau khi thành lập đơn vị hành chính mới	161
5. Đổi tên và con dấu của các đơn vị hành chính	161
<b>PHẦN THỨ TƯ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THỊ XÃ CHỦ, HUYỆN LỤC NGẠN VÀ CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ TRỰC THUỘC</b>	162
<b>A. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG, ẢNH HƯỞNG CỦA ĐỀ ÁN</b>	162
<b>I. TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH, THÀNH LẬP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN</b>	162
1. Tác động về hoạt động quản lý nhà nước	162
2. Tác động về kinh tế - xã hội	163
3. Tác động về quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự xã hội	165
4. Tác động về môi trường	165
<b>II. TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ CHỦ VÀ THÀNH LẬP THỊ TRẤN THUỘC HUYỆN LỤC NGẠN</b>	166
1. Tác động đến phát triển kinh tế - xã hội	166
2. Tác động về tổ chức quản lý Nhà nước	168
3. Tác động về mặt môi trường	169
4. Tác động về lĩnh vực quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội	170
<b>B. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THỊ XÃ CHỦ VÀ CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ CHỦ</b>	171
<b>I. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THỊ XÃ CHỦ</b>	171
1. Quan điểm phát triển	171
2. Mục tiêu phát triển	171
3. Nhiệm vụ và giải pháp	173
<b>II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ CHỦ ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030</b>	183
1. Định hướng phát triển phường Chủ	183
2. Định hướng phát triển phường Hồng Giang	188
3. Định hướng phát triển phường Trù Hựu	191
4. Định hướng phát triển phường Phượng Sơn	195
5. Định hướng phát triển phường Thanh Hải	198

<b>Danh Mục</b>	<b>Trang</b>
<b>C. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HUYỆN LỤC NGẠN MỚI VÀ CÁC THỊ TRẤN THUỘC HUYỆN LỤC NGẠN</b>	201
<b>I. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HUYỆN LỤC NGẠN MỚI</b>	201
1. Quan điểm phát triển	201
2. Mục tiêu phát triển	201
3. Nhiệm vụ và giải pháp	202
<b>II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THỊ TRẤN BIÊN ĐỘNG THUỘC HUYỆN LỤC NGẠN MỚI</b>	218
1. Mục tiêu tổng quát	218
2. Mục tiêu chủ yếu	219
3. Nhiệm vụ và giải pháp	219
4. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư	226
5. Giải pháp tạo nguồn vốn đầu tư phát triển	226
<b>III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THỊ TRẤN PHÌ ĐIỀN THUỘC HUYỆN LỤC NGẠN MỚI</b>	227
1. Mục tiêu tổng quát	227
2. Chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2025	227
3. Nhiệm vụ và giải pháp	228
4. Phát triển đô thị thị trấn Phì Điền	230
5. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư	234
6. Nhu cầu và giải pháp huy động nguồn vốn	235
<b>Phần thứ năm</b>	237
<b>KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ</b>	
<b>I. KẾT LUẬN</b>	237
<b>II. KIẾN NGHỊ</b>	237



Số: /ĐA-UBND

Lục Ngạn, ngày tháng năm 2023

ĐỀ ÁN

SẮP XẾP, ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH HUYỆN LỤC NGẠN  
VÀ HUYỆN SƠN ĐỘNG ĐỂ CHIA TÁCH, THÀNH LẬP THỊ XÃ CHỦ  
VÀ THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ CHỦ; THÀNH LẬP  
THỊ TRẤN PHÌ ĐIỀN, THỊ TRẤN BIỂN ĐỘNG THUỘC  
HUYỆN LỤC NGẠN

PHẦN THỨ NHẤT

CĂN CỨ PHÁP LÝ, SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI HÀNH  
CHÍNH VÀ THÀNH LẬP THỊ XÃ CHỦ, THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG  
THUỘC THỊ XÃ CHỦ; THÀNH LẬP THỊ TRẤN THUỘC HUYỆN  
LỤC NGẠN

A. CĂN CỨ PHÁP LÝ

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
- Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới;
- Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 2 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện và cấp xã.
- Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 1 năm 2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Kết luận số 48-KL/TW ngày 30 tháng 1 năm 2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030;

7. Nghị quyết số 233-NQ/TU ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về chủ trương sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện và phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022-2025;

## **II. CĂN CỨ PHÁP LÝ**

1. Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
2. Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật số 47/2019/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;
3. Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
4. Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;
5. Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;
6. Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;
7. Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;
8. Nghị quyết số 595/NQ-UBTVQH15 ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc tiếp tục thực hiện chủ trương sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã;
9. Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030;
10. Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ hướng dẫn việc lấy ý kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 66/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2023);
11. Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 – 2025;
12. Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến 2050;

13. Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030;

14. Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

15. Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050”,

16. Văn bản số 661/TTg-CN ngày 23 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc chủ trương lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch chung 05 đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

17. Kế hoạch số 479/KH-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang triển khai thực hiện Nghị quyết số 233-NQ/TU ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chủ trương sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện và phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022-2025;

18. Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2017 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2030;

19. Quyết định số 442/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Chũ, tỉnh Bắc Giang đến năm 2045;

20. Quyết định số .../QĐ-TTg ngày ... của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Chũ, tỉnh Bắc Giang đến năm 2045;

21. Quyết định số .../BXD ngày ... của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công nhận đô thị Chũ, tỉnh Bắc Giang đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV;

22. Quyết định số .../QĐ-BXD ngày ... của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc kết quả rà soát, đánh giá các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng của khu vực các xã, thị trấn dự kiến thành lập phường thuộc thị xã Chũ;

23. Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Biển Động thuộc huyện Lục Ngạn;

24. Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc công nhận đô thị Biển Động thuộc huyện Lục Ngạn đạt tiêu chí đô thị loại V;

25. Quyết định số.../QĐ-UBND ngày ... của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Phì Điền thuộc huyện Lục Ngạn;

26. Quyết định số.../QĐ-UBND ngày ... của UBND tỉnh Bắc Giang về việc công nhận đô thị Phì Điền thuộc huyện Lục Ngạn đạt tiêu chí đô thị loại V;

26. Nghị quyết số .../NQ-HĐND ngày ... của Hội đồng nhân dân huyện Sơn Động về việc tán thành chủ trương điều chỉnh địa giới hành chính huyện Lục Ngạn và huyện Sơn Động;

27. Nghị quyết số .../NQ-HĐND ngày ... của Hội đồng nhân dân huyện Lục Ngạn về việc tán thành chủ trương điều chỉnh địa giới hành chính huyện Lục Ngạn và huyện Sơn Động; điều chỉnh địa giới hành chính huyện, xã để thành lập thị xã Chũ, thành lập các phường thuộc thị xã Chũ, thành lập thị trấn thuộc huyện Lục Ngạn.

## **B. SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN, CẤP XÃ; THÀNH LẬP THỊ XÃ, THÀNH LẬP PHƯỜNG VÀ THÀNH LẬP THỊ TRẤN**

### **I. SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN, CẤP XÃ**

1. Việc điều chỉnh địa giới hành chính giữa huyện Sơn Động và huyện Lục Ngạn và điều chỉnh địa giới hành chính giữa các xã thuộc huyện Lục Ngạn nhằm thực hiện các chủ trương của Trung ương về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, gồm:

a) Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

b) Nghị quyết 37-NQ/TW ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Bộ chính trị đề ra mục tiêu: *Sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã nhằm tổ chức hợp lý đơn vị hành chính các cấp phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển của đất nước; bảo đảm hoàn thiện thể chế về đơn vị hành chính, bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; góp phần phát huy mọi nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Phấn đấu đến năm 2030 các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã được sắp xếp cơ bản phù hợp chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; đáp ứng yêu cầu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong đó, giai đoạn từ năm 2022 - 2030, trên cơ sở tổng kết việc thực hiện giai đoạn 2019 - 2021, xác định lộ trình thực hiện để đến năm 2030 cơ bản hoàn thành việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã phù hợp với Quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính;*

c) Kết luận số 48-KL/TW ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 đề ra nhiệm vụ, giải pháp: *việc sắp xếp phải phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch nông thôn, quy hoạch đô thị; khuyến khích các địa phương chủ động đề xuất sắp xếp đơn vị hành chính tinh gọn, phù hợp với thực tiễn địa phương (kể cả các đơn vị hành chính đã bảo đảm tiêu chuẩn).*

d) Việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Sơn Động và huyện Lục Ngạn phù hợp Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030. Theo đó, tại khoản 4 Điều 1 Nghị quyết đã quy định: Các đơn vị hành chính không thuộc phạm vi quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này được khuyến khích thực hiện sắp xếp theo quy định tại Nghị quyết này để giảm số lượng, tăng quy mô đơn vị hành chính, *giải quyết các vấn đề còn bất hợp lý về phân định địa giới đơn vị hành chính do biến động về địa chất, địa hình hoặc do quá trình phát triển kinh tế - xã hội, tạo thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước ở địa phương.*

Như vậy, Nghị quyết, Kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Kế hoạch của Chính phủ đã xác định rõ mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể của việc sắp xếp đơn vị hành chính, khuyến khích địa phương thực hiện nhập đơn vị hành chính để tạo đột phá, động lực cho việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Điều chỉnh địa giới hành chính giữa huyện Sơn Động và huyện Lục Ngạn và điều chỉnh địa giới hành chính giữa các xã thuộc huyện Lục Ngạn nhằm giải quyết các bất hợp lý về địa giới đơn vị hành chính và quy hoạch đơn vị hành chính đô thị, nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cụ thể là:

a) Về điều chỉnh địa giới hành chính giữa huyện Sơn Động và huyện Lục Ngạn (đối với phần diện tích 75,5 km<sup>2</sup> của Trường bản Quốc gia Khu vực 1 nằm trên địa giới hành chính huyện Sơn Động về huyện Lục Ngạn quản lý).

Việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Sơn Động và huyện Lục Ngạn xuất phát từ yêu cầu thực tiễn công tác quản lý nhà nước về hành chính lãnh thổ và nhu cầu cấp thiết từ thực tế trên địa bàn, cụ thể là: Trường bản Quốc gia khu vực 1 (tiền thân là Trung tâm huấn luyện Cẩm Sơn) thuộc Quân khu 1 (Bộ Quốc phòng) nằm trên địa giới hành chính của tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn. Theo đó, phần diện tích tự nhiên của Trường bản thuộc địa bàn tỉnh Bắc Giang nằm trên 2 huyện là Lục Ngạn và Sơn Động.

Về lịch sử phân định địa giới đơn vị hành chính, khu vực Trường bản không chia theo địa giới đơn vị hành chính cấp xã, chỉ thuộc địa giới đơn vị hành chính cấp huyện. Trải qua hơn 40 năm (thành lập năm 1980, tiền thân là Trung tâm huấn luyện Cẩm Sơn), Ban Giám đốc Trường bản và chính quyền địa phương thuộc 2 huyện Sơn Động và Lục Ngạn cùng phối hợp quản lý. Trong đó Trường bản sử dụng phần diện tích tự nhiên để xây dựng doanh trại, cơ sở huấn luyện và các hạng mục quốc phòng khác; chính quyền địa phương 02 huyện quản lý hành chính lãnh thổ, trong đó có việc trồng rừng, quản lý rừng, phòng chống cháy rừng, khai thác lâm sản trái phép,... Tuy nhiên, quá trình quản lý đan xen giữa Trường bản và chính quyền địa phương đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập, cụ thể là: Tại khu vực 75,5 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên do Trường bản (chủ yếu là đất rừng tự nhiên và trồng rừng phòng hộ) quản lý thuộc địa giới hành chính huyện Sơn Động đã xảy ra tình trạng lấn chiếm đất rừng, chuyển nhượng phần diện tích đất lấn chiếm trái pháp luật và ngăn cản việc chính quyền địa phương trồng rừng phòng hộ,... Để giải quyết tình trạng trên, chính quyền địa phương

thuộc huyện Sơn Động đã chỉ đạo các ngành chức năng (nông nghiệp, kinh tế hạ tầng), Hạt Kiểm lâm, Công an huyện phối hợp với Ban Giám đốc Trường bắn quốc gia cùng phối hợp giải quyết. Tuy nhiên, đến nay tình trạng ngăn cản, đập phá tài sản của đơn vị thi công trồng rừng phòng hộ, tình trạng mua, bán đất rừng phòng hộ trái phép vẫn diễn ra trên địa bàn do nhiều nguyên nhân khác nhau trong đó chủ yếu là khu vực này nằm cách xa trung tâm huyện Sơn Động nên việc phát hiện và xử lý không được kịp thời, dẫn đến quá trình giải quyết gặp nhiều khó khăn, kéo dài.

Xuất phát từ thực trạng trên, tại quy hoạch chung xây dựng đô thị Chũ và quy hoạch vùng huyện Lục Ngạn, UBND tỉnh Bắc Giang đã định hướng điều chỉnh địa giới hành chính huyện Lục Ngạn để thành lập thị xã Chũ và huyện Lục Ngạn mới. Trong đó có đề xuất phương án chuyển 75,5 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên nêu trên thuộc huyện Sơn Động về huyện Lục Ngạn quản lý. Sau khi cấp có thẩm quyền quyết định thành lập thị xã Chũ và huyện Lục Ngạn mới thì phần diện tích 75,5 km<sup>2</sup> sẽ thuộc địa giới hành chính của huyện mới và trung tâm hành chính dự kiến đặt tại thị trấn Phi Điền. Từ thị trấn Phi Điền tới khu vực này tới khu vực 75,5 km<sup>2</sup> có khoảng cách địa lý gần hơn so với từ trung tâm hành chính huyện Sơn Động và giao thông đi lại thuận tiện sẽ là điều kiện để giải quyết được triệt để tình trạng lấn chiếm, chuyển nhượng trái phép đất rừng trong thời gian qua.

b) Đối với điều chỉnh địa giới hành chính giữa xã Thanh Hải và xã Biên Sơn thuộc huyện Lục Ngạn (toàn bộ thôn Khuôn Rẽo)

Khuôn Rẽo là thôn miền núi thuộc xã Thanh Hải, có 1.205 ha (12,05 km<sup>2</sup>) diện tích tự nhiên, dân số là 520 người, nằm ở vị trí biệt lập với xã Thanh Hải. Từ thôn Khuôn Rẽo đến trung tâm xã Thanh Hải khoảng 15 km, giao thông đi lại rất khó khăn, chủ yếu là đường giao thông nông thôn được đổ bê tông, chất lượng đường thấp; địa hình về xã có nhiều đoạn bị sông, suối chia cắt, nên vào mùa mưa thường bị cô lập các thôn còn lại của xã Thanh Hải; việc đi lại của thôn Khuôn Rẽo phụ thuộc đường qua xã Biên Sơn,... Trong những năm qua người dân thôn Khuôn Rẽo gặp rất nhiều khó khăn trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của công dân và tham gia các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trong khi đó thôn Khuôn Rẽo lại nằm tiếp giáp liền kề với xã Biên Sơn, giao thông đi lại thuận tiện. Vì vậy, việc điều chỉnh địa giới hành chính, chuyển thôn Khuôn Rẽo thuộc xã Thanh Hải về xã Biên Sơn quản lý là cần thiết; là điều kiện để chính quyền địa phương tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, sắp xếp lại dân cư và đất sản xuất cho người dân, tạo điều kiện cho người dân liên hệ với chính quyền và thực hiện nghĩa vụ công dân được thuận tiện.

## **II. SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH HUYỆN LỤC NGẠN ĐỂ THÀNH LẬP THỊ XÃ CHŨ**

1. Việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Lục Ngạn để thành lập thị xã Chũ và huyện Lục Ngạn mới nhằm tạo động lực thúc đẩy vùng phía Đông bắc tỉnh Bắc Giang, vùng Đông Bắc bộ và Trung du miền núi phía Bắc.

a) Trong quá trình phát triển, đô thị là động lực để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội; đối với vùng Đông Bắc tỉnh (vùng có điều kiện kinh tế - xã hội còn chậm phát triển so với các vùng còn lại của tỉnh) thì việc hình thành và phát triển 01 đô thị sẽ có vai trò rất quan trọng trong việc tạo ra động lực thúc đẩy tăng trưởng mới.

Bắc Giang là tỉnh trung du thuộc vùng Đông Bắc bộ, là tỉnh nằm trong quy hoạch vùng thủ đô Hà Nội; tỉnh Bắc Giang chiếm phần lớn diện tích của vùng Kinh bắc xưa và có nền văn hoá phong phú, đặc trưng của Kinh bắc, trung tâm tỉnh lỵ cách thành phố Hà Nội khoảng 50 km. Năm 2022, dân số của Bắc Giang khoảng 2,072 triệu người, là tỉnh đông dân nhất và có quy mô kinh tế đứng đầu vùng Trung du và miền núi phía Bắc; là đơn vị hành chính đông thứ 11/63 về số dân, xếp thứ 13/63 về tổng sản phẩm trên địa bàn với GRDP đạt gần 155.900 tỷ đồng (đạt bình quân 3.400 USD/người), tốc độ tăng trưởng GRDP đạt 19,3% xếp thứ 02 toàn quốc. Tuy nhiên, hiện nay ngoài thành phố Bắc Giang (là đô thị trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế - văn hóa, xã hội) thì tỉnh Bắc Giang chưa có đô thị động lực để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và là động lực phát triển vùng của tỉnh. Tại vùng phía Đông bắc tỉnh hiện nay (vùng có vị trí chiến lược quan trọng cả về kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh) chưa có đô thị có quy mô tương xứng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Mặt khác, đến năm 2022 tỷ lệ dân số đô thị của tỉnh Bắc Giang mới đạt 18,22%, mức thấp so với các tỉnh trong khu vực và cả nước.

Nếu tính từ thành phố Bắc Giang đi thành phố Lạng Sơn với chiều dài hơn 100 km theo Quốc lộ 31 thì hiện nay không có một đô thị nào có quy mô cấp thị xã. Do vậy, cần thiết phải đầu tư xây dựng một đô thị trung tâm tương xứng nhằm tạo động lực mạnh để phát triển kinh tế - xã hội vùng Đông Bắc tỉnh Bắc Giang cũng như của cả khu vực Đông Bắc bộ.

b) Sau khi được thành lập, thị xã Chũ và huyện Lục Ngạn mới sẽ phát huy vai trò, động lực cho sự phát triển khu vực phía Đông bắc của tỉnh Bắc Giang; khai thác có hiệu quả mối quan hệ vùng, các thế mạnh kinh tế, đảm bảo phát triển hài hòa và bền vững giữa đô thị, nông thôn; đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước về hành chính lãnh thổ, cụ thể là:

- Thị xã Chũ dự kiến thành lập trên cơ sở điều chỉnh địa giới hành chính huyện Lục Ngạn có phạm vi gồm thị trấn Chũ và 9 xã; nằm ở vị trí thuận lợi, có vai trò đặc biệt quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và đối ngoại của vùng phía Đông Bắc tỉnh Bắc Giang. Là khu vực có tiềm năng, lợi thế vượt trội, là hạt nhân kinh tế và trung tâm phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ lớn nhất của vùng phía Đông Bắc tỉnh (gồm các huyện Lục Ngạn, Lục Nam và Sơn Động). Như vậy, thị xã Chũ được thành lập sẽ đáp ứng nhu cầu đô thị hóa trong hệ thống đô thị tỉnh Bắc Giang, đáp ứng yêu cầu của thị trường và phù hợp với năng lực phát triển của địa phương; tạo ra cơ hội hoàn thiện các đô thị hiện hữu, thay đổi mô hình không gian, tạo cơ hội hình thành nhóm các động lực, phù hợp với bối cảnh kinh tế vùng; tạo ra những chuyển biến, thay đổi tích cực, đón nhận cơ hội hình thành

cực tăng trưởng phía Đông bắc của tỉnh Bắc Giang, nâng cao sức cạnh tranh trong hệ thống các đô thị thuộc vùng Thủ đô Hà Nội và vùng trung du miền núi phía Bắc; thiết lập mô hình chính quyền đô thị để trở thành đô thị thủ phủ trái cây, hình thành vùng sinh thái nông nghiệp hàng hóa, nông nghiệp sạch, thông minh, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của miền Bắc. Từ đó tạo ra những động lực mới cho phát triển xã hội và tìm kiếm nguồn lực từ bên ngoài cho các khu vực mở rộng.

- Huyện Lục Ngạn mới có quy mô diện tích tự nhiên phù hợp với năng lực quản lý của chính quyền huyện; có điều kiện tập trung khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế sẵn có, các thế mạnh kinh tế, đảm bảo phát triển hài hòa và bền vững; đáp ứng các tiêu chí huyện nông thôn mới phục vụ chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới và các kế hoạch phát triển nông thôn toàn tỉnh; tạo lập cơ sở pháp lý cho các công tác quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị và nông thôn trong huyện. Tiếp tục phấn đấu để Lục Ngạn sẽ trở thành một trong những vùng nguyên liệu nông lâm sản chất lượng cao (đặc biệt là cây ăn quả, rừng sản xuất), phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, lâm nghiệp theo hướng hiện đại, hiệu quả; trung tâm du lịch, dịch vụ, du lịch sinh thái, văn hóa lễ hội vùng phía Đông của tỉnh; vùng phát triển công nghiệp quy mô vừa và nhỏ, tiểu thủ công nghiệp với các ngành nghề chủ đạo và thế mạnh của huyện; vùng phát triển kinh tế - xã hội gắn kết chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng, an ninh.

2. Việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Lục Ngạn để thành lập thị xã Chũ và huyện Lục Ngạn mới nhằm thực hiện các nghị quyết, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt

a) Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XIX (nhiệm kỳ 2020 - 2025) đã đề ra mục tiêu, nhiệm vụ đưa Bắc Giang trở thành tỉnh phát triển nhanh, toàn diện, vững chắc; có tốc độ tăng trưởng kinh tế nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước; có kết cấu hạ tầng phát triển đồng bộ, trọng tâm là hạ tầng giao thông, công nghiệp, đô thị. Các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội phát triển toàn diện thuộc nhóm tiên tiến của cả nước. Các tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Khối đại đoàn kết toàn dân được củng cố vững chắc, quyền làm chủ của nhân dân được phát huy cao độ, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt. Bảo đảm giữ vững quốc phòng, an ninh, tạo môi trường ổn định để phát triển. Phấn đấu Bắc Giang nằm trong nhóm 15 tỉnh đứng đầu cả nước về quy mô nền kinh tế; thu nhập bình quân đầu người (GRDP/người/năm) cao hơn bình quân cả nước. Vị thế, hình ảnh tỉnh Bắc Giang tiếp tục được khẳng định ở tầm cao mới; tỷ lệ dân số đô thị toàn tỉnh đạt 32,4%;

b) Tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050”, tỉnh Bắc Giang đã được bổ sung vào quy hoạch vùng Thủ đô Hà Nội. Trong đó khẳng định Bắc Giang là cửa ngõ xuất nhập khẩu, trung tâm tiếp vận - trung chuyển hàng hóa của vùng



Thủ đô Hà Nội với cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị (Lạng Sơn), phát triển du lịch (Tây Yên Tử, Hồ Khuôn Thần, Hồ Cẩm Sơn...), sản xuất các sản phẩm nông lâm nghiệp chất lượng cao tại các huyện phía Đông của tỉnh; là đầu mối kinh doanh - thương mại quan trọng của vùng với các tỉnh Đông bắc của vùng Trung du và Miền núi phía Bắc; đến năm 2030, tỷ lệ đô thị hóa khoảng 40 - 45%;

c) Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030 đã đặt ra mục tiêu đến năm 2030 thị trấn Chũ mở rộng là đô thị loại IV.

d) Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ đã xác định mục tiêu: “Phát huy mọi tiềm năng, lợi thế, nguồn lực để đưa Bắc Giang phát triển nhanh, toàn diện và bền vững. Công nghiệp là động lực chủ yếu cho tăng trưởng gắn với phát triển không gian mới, đưa Bắc Giang trở thành một trong những trung tâm phát triển công nghiệp của vùng; dịch vụ phát triển đa dạng, có bước đột phá; nông nghiệp phát triển ổn định, theo hướng an toàn, chất lượng và hiệu quả. Kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, đô thị được đầu tư đồng bộ, hiện đại. Khoa học, công nghệ, kinh tế tri thức được phát huy, trở thành nhân tố chủ yếu đóng góp cho nâng cao chất lượng tăng trưởng; phát triển mạnh nguồn nhân lực chất lượng cao. Các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội được phát triển toàn diện và thuộc nhóm tiên tiến của cả nước; đời sống vật chất, tinh thần và môi trường sống của nhân dân được nâng lên; mở rộng hợp tác, hội nhập ngày càng sâu rộng với thế giới; xây dựng thể trận quốc phòng, an ninh vững chắc. Đến năm 2030, Bắc Giang trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại, quy mô GRDP đứng trong nhóm 15 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước và đứng đầu vùng Trung du và miền núi phía Bắc”. Về phát triển đô thị, phát triển thị trấn Chũ là trung tâm vùng phía Đông (gồm 3 huyện Lục Nam, Lục Ngạn và Sơn Động) của tỉnh và thị trấn Chũ mở rộng trở thành đô thị loại IV.

đ) Quyết định số 442/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Chũ đến năm 2045 đã xác định mục tiêu: “Phân đầu đến năm 2025 xây dựng đô thị Chũ đủ điều kiện trở thành thị xã. Đến năm 2045 đạt tiêu chí của đô thị loại III và là thành phố thuộc tỉnh Bắc Giang với tỷ lệ đô thị hóa khoảng 50 - 70%”.

3. Việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Lục Ngạn để thành lập thị xã Chũ và huyện Lục Ngạn mới xuất phát từ thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị và yêu cầu công tác quản lý nhà nước trên địa bàn

a) Về phát triển kinh tế - xã hội

Năm 2022, huyện Lục Ngạn đã hoàn thành tốt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tốc độ tăng trưởng tổng giá trị sản xuất đạt 14,1%; thu ngân sách tại địa bàn đạt 412,06 tỷ đồng, (đạt 149,98% dự toán) vượt cao so với dự toán tỉnh giao, đứng thứ 4/10 huyện, thành phố. Tổng giá trị sản xuất các ngành đạt 17.435 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng đạt 14,1%. Trong đó: Giá trị sản xuất ngành nông - lâm nghiệp - thủy sản đạt 3.671 tỷ đồng, tăng 0,96%; công nghiệp - xây

dụng đạt 6.865 tỷ đồng, tăng 19,39%; thương mại - dịch vụ đạt 6.899 tỷ đồng, tăng 17,05%. Cơ cấu kinh tế đảm bảo cân đối và tiếp tục có sự chuyển dịch; giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn đạt 2.606 tỷ đồng (bằng 109% so với năm 2020). Cơ cấu sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là trong chuyển đổi cơ cấu giống cây ăn quả và chăn nuôi đại gia súc đã có bước phát triển mạnh; giá trị sản xuất trên 01 ha đất nông nghiệp đạt 128,51 triệu đồng. Huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt 7.450 tỷ đồng. Địa bàn huyện hiện có 331 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký trên 3.350 tỷ đồng, trong đó có 241 doanh nghiệp và 96 hợp tác xã đang hoạt động. Các doanh nghiệp đã hình thành mô hình tổ chức liên kết sản xuất và cung ứng được các sản phẩm cho thị trường trong và ngoài nước, như vải thiều, trà rừng hoa vàng, tiêu thụ nông sản, dịch vụ nông lâm nghiệp; các hợp tác xã cũng từng bước xây dựng các mô hình chuỗi liên kết trong sản xuất nông lâm nghiệp.

Tuy nhiên, do đặc điểm về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên nên kinh tế huyện Lục Ngạn đã hình thành các vùng phát triển mang đặc trưng riêng:

- Vùng đồi thấp (vùng trung tâm), gồm thị trấn Chũ và các xã: Hồng Giang, Thanh Hải, Trù Hựu, Phượng Sơn, Quý Sơn, Nam Dương, Mỹ An, Kiên Lao, Kiên Thành của huyện Lục Ngạn (nằm trong phạm vi quy hoạch chung đô thị Chũ). Đây là vùng có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển công nghiệp chế biến hoa quả, tiểu thủ công nghiệp, du lịch sinh thái kiểu miệt vườn, hình thành một đô thị hiện đại với hạt nhân là thị trấn Chũ. Thị trấn Chũ được UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung vào năm 2012 với quy mô 23,23 km<sup>2</sup>; đến năm 2019, UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch chung đô thị Chũ với quy mô 123 km<sup>2</sup>, gồm thị trấn Chũ và 12 xã tại Quyết định số 891/QĐ-UBND, ngày 19 tháng 11 năm 2019, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt quy hoạch chung đô thị Chũ với quy mô 251,47 km<sup>2</sup> tại Quyết định số.... Như vậy, vùng trung tâm huyện Lục Ngạn đã được cấp có thẩm quyền xác định trở thành đô thị động lực phía Đông bắc của tỉnh Bắc Giang từ năm 2012; đến nay sau hơn 10 năm tập trung đầu tư phát triển, đô thị trung tâm huyện Lục Ngạn đã dần hình thành và mang diện mạo của một đô thị mới. Năm 2022, kinh tế của vùng có tốc độ tăng trưởng cao, tốc độ tăng trưởng trung bình 3 năm giai đoạn 2020 - 2022 đạt 13,9%; tỷ trọng các ngành công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ chiếm 72,72% trong tổng giá trị các ngành kinh tế; thu nhập bình quân đầu người năm 2022 đạt 5,10 triệu đồng/người/tháng, cao hơn so với thu nhập bình quân đầu người cả nước là 1,11 lần. Bên cạnh đó, đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân ngày càng được cải thiện, nâng cao; công tác xóa đói giảm nghèo được quan tâm chú trọng, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm còn 1,96%; công tác y tế, giáo dục được đầu tư phát triển, đáp ứng được nhu cầu của Nhân dân. Hệ thống các công trình hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật được đầu tư nâng cấp, sửa chữa và xây dựng mới như: công trình y tế, công trình giáo dục, công trình văn hóa - thể thao, hoàn thành các tuyến đường chính nội thị và các tuyến đường nhánh vào các khu dân cư mới; các tuyến đường được nâng cấp, nhựa hóa, bê tông hóa; vỉa hè được cải tạo, lát gạch; hệ thống điện chiếu sáng cũng được đầu tư đảm bảo đô thị sáng - xanh - sạch - đẹp; nhiều dự án liên quan

đến chỉnh trang, nâng cấp đô thị cũng được ưu tiên triển khai, như xây trung tâm liên hợp thể thao, xây dựng công viên trung tâm; trạm xử lý nước thải sinh hoạt khu vực, lưu vực thị trấn Chũ,...

- Vùng đồi núi cao, gồm 19 xã còn lại của huyện Lục Ngạn; vùng này có địa hình chia cắt mạnh, độ dốc lớn, tiềm năng, có thể phát triển kinh tế rừng, chăn nuôi đại gia súc và trồng cây ăn quả.

#### b) Về đặc điểm địa bàn

Lục Ngạn nằm phía Đông bắc của tỉnh, cách thành phố Bắc Giang khoảng 50 km; là huyện có quy mô diện tích tự nhiên rộng (1.032,51 km<sup>2</sup>), lớn hơn diện tích của tỉnh Bắc Ninh (823,1 km<sup>2</sup>), tỉnh Hà Nam (852,2 km<sup>2</sup>); dân số đông (253.082 người), có 29 đơn vị hành chính cấp xã. Địa bàn huyện có địa hình đa dạng phức tạp (địa hình chia cắt thành hai vùng rõ rệt là vùng đồi núi cao và vùng đồi thấp), trong đó khu vực phía Đông bắc của huyện Lục Ngạn cách thị trấn Chũ (trung tâm huyện Lục Ngạn) khoảng 40 km, giao thông đi lại rất khó khăn, chủ yếu là đường đất; địa hình có nhiều sông suối chia cắt, nên vào mùa mưa thường bị cô lập và phụ thuộc đường qua huyện Sơn Động; có một số khu vực chưa có đường giao thông đến nơi, giao lưu giữa vùng phía Đông bắc với trung tâm huyện gặp rất nhiều khó khăn nhất là trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của công dân và tham gia các chương trình phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Vì vậy, thành lập huyện Lục Ngạn mới tại khu vực phía Đông bắc của huyện Lục Ngạn hiện nay để tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, khai thác tiềm năng phát triển, sắp xếp bố trí lại dân cư và đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ và nhân dân trong vùng còn thiếu đất, rút ngắn khoảng cách với vùng thuận lợi (vùng trung tâm huyện), tạo điều kiện cho người dân liên hệ với chính quyền và thực hiện nghĩa vụ công dân được thuận tiện.

Cơ cấu dân cư đa dạng với 08 dân tộc anh em cùng sinh sống rải rác hầu hết khắp các xã, thị trấn trong huyện (đồng bào dân tộc thiểu số chiếm trên 51% với 7 dân tộc thiểu số là: Tày, Nùng, Sán Dìu, Sán Chỉ, Cao Lan, Dao và Hoa sinh sống đan xen ở các thôn bản, khu phố); có trên 13.200 tín đồ tôn giáo của 3 tôn giáo chính là Công giáo, Phật giáo và Tin lành; nhu cầu giao dịch, giải quyết các thủ tục hành chính lớn,...

#### c) Về công tác quản lý

Trong thời gian qua, chính quyền các cấp từ huyện, đến xã đã không ngừng được củng cố, kiện toàn, đáp ứng các yêu cầu quản lý hành chính lãnh thổ. Tuy nhiên, thực trạng phát triển kinh tế - xã hội và đô thị diễn ra hình thành 2 vùng đặc trưng trên địa bàn huyện thời gian qua đã đặt ra những yêu cầu mới trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của chính quyền huyện. Cơ cấu tổ chức bộ máy của một huyện thuần nông (mô hình tổ chức chính quyền nông thôn), có xen kẽ một số loại hình du lịch sinh thái kiểu miệt vườn hiện nay đã gặp nhiều bất cập khi phải quản lý, điều hành phát triển địa bàn có quá trình đô thị hóa nhanh chóng của thị trấn Chũ và khu vực phụ cận. Nhiều vấn đề bức xúc xã hội nảy sinh trên địa bàn đô thị hóa, như: công tác quản lý trật tự xây dựng đô thị, cấp giấy phép xây dựng nhà ở, giấy phép kinh doanh, đặc biệt là quản lý quy

hoạch, quản lý sử dụng tài nguyên đất, thực hiện các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật như giao thông, điện, nước,... và các công trình văn hóa, giáo dục, y tế, thương mại, du lịch,... đã và đang đặt ra hết sức bức bách; quản lý hộ khẩu, nhân khẩu, an ninh trật tự, các tệ nạn xã hội,... đã và đang chi phối phần nhiều quỹ thời gian làm việc của bộ máy chính quyền các cấp tỉnh Bắc Giang nói chung, huyện Lục Ngạn nói riêng, ảnh hưởng không tốt đến hoạt động chỉ đạo, điều hành chung của huyện.

Thực tiễn công tác quản lý nhà nước trên địa bàn đòi hỏi sự ra đời của một bộ máy chính quyền đô thị quy mô thị xã, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương. Do vậy, điều chỉnh địa giới hành chính huyện Lục Ngạn để thành lập thị xã Chũ và huyện Lục Ngạn mới nhằm tạo cơ sở để tỉnh Bắc Giang tổ chức, kiện toàn bộ máy chính quyền phù hợp với địa bàn đô thị và nông thôn, đảm bảo hoàn thành tốt hơn chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn lãnh thổ.

Với các lý do nêu trên, đô thị Chũ đã hội tụ đủ các yếu tố để thành lập một thị xã cấp vùng tỉnh Bắc Giang; tạo động lực, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội vùng phía Đông bắc tỉnh Bắc Giang cũng như của cả vùng trung du miền núi phía Bắc nước ta. Việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Lục Ngạn để thành lập thị xã Chũ như là một đòi hỏi tất yếu khách quan, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đô thị trên địa bàn. Sau khi thị xã Chũ được thành lập, cấp ủy, chính quyền các cấp tỉnh Bắc Giang có kế hoạch đầu tư phát triển phù hợp, tạo thêm những điểm nhấn về kinh tế, xã hội và đô thị động lực thúc đẩy kinh tế các vùng, khu vực trong tỉnh phát triển đồng đều, góp phần từng bước rút ngắn khoảng cách về mức sống của nhân dân địa phương.

Việc thành lập thị xã Chũ trên cơ sở điều chỉnh địa giới hành chính huyện Lục Ngạn góp phần thực hiện có hiệu quả Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng chính phủ về việc định hướng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050; đồng thời, đáp ứng nguyện vọng của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh Bắc Giang nói chung, huyện Lục Ngạn nói riêng.

4. Việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Lục Ngạn để thành lập thị xã Chũ và huyện Lục Ngạn mới góp phần củng cố thế trận quân sự, quốc phòng vùng phía Đông bắc tỉnh Bắc Giang và khu vực Trung du miền núi phía Bắc

Lục Ngạn là huyện miền núi với địa hình đồi núi thấp, núi cao, có đường giao thông huyết mạch, độc đạo nối liền tỉnh Bắc Giang với tỉnh Lạng Sơn và tỉnh Quảng Ninh; địa bàn huyện có rất nhiều điểm cao có giá trị chiến lược về mặt quốc phòng - an ninh, do có phạm vi quan sát, khống chế rộng cả trên không, mặt đất đến các huyện, thành phố giáp danh; nhiều khu vực địa hình được xem là có tầm quan trọng đặc biệt trong thế trận phòng thủ của tỉnh và khu vực trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc.

Huyện Lục Ngạn nằm ở vị trí chiến lược, cách trung tâm tỉnh Lạng Sơn khoảng 100 km, cách cửa khẩu quốc tế Đồng Đăng khoảng 130 km, đây được xem là cứ điểm bảo vệ biên giới từ phía sau, là hậu phương vững chắc cho các mặt trận chiến đấu, bảo vệ biên giới lãnh thổ phía Bắc của tổ quốc. Vì vậy, việc

thành lập thị xã Chũ và huyện Lục Ngạn mới sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn trong việc quy hoạch thể trận quốc phòng toàn dân, xây dựng hạ tầng kỹ thuật đô thị gắn với vị trí phòng thủ quốc phòng tỉnh Bắc Giang và Quân Khu 1, kết hợp quy hoạch đô thị và khoanh vùng bảo tồn diện tích rừng tự nhiên đặc dụng, luôn chủ động trong việc sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia nếu có xung đột xảy ra.

### **III. SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ CHŨ, TỈNH BẮC GIANG**

1. Việc thành lập các phường thuộc thị xã Chũ xuất phát từ quy định của pháp luật về tổ chức đơn vị hành chính

Điều 110 Hiến pháp năm 2013 quy định: Các đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được phân định như sau: Nước chia thành tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; tỉnh chia thành huyện, thị xã và thành phố thuộc tỉnh; thành phố trực thuộc Trung ương chia thành quận, huyện, thị xã và đơn vị hành chính tương đương; huyện chia thành xã, thị trấn; thị xã và thành phố thuộc tỉnh chia thành phường và xã.

Thị xã Chũ dự kiến thành lập có 10 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 01 thị trấn và 09 xã. Theo đó, khi thành lập thị xã Chũ sẽ tiến hành tổ chức lại đơn vị hành chính đối với thị trấn Chũ. Vì vậy, việc thành lập phường thuộc thị xã Chũ trên cơ sở thị trấn Chũ bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

2. Việc thành lập các phường thuộc thị xã Chũ xuất phát từ yêu cầu phát triển đô thị Chũ trong thời gian qua và định hướng quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt

Ngày 22 tháng 11 năm 2012, UBND tỉnh Bắc Giang đã phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tỷ lệ 1/5.000 (tại Quyết định số 1738/QĐ-UBND) với quy mô 23,23 km<sup>2</sup>, gồm toàn bộ thị trấn Chũ và một phần các xã liền kề (Thanh Hải, Trù Hựu, Nam Dương, Nghĩa Hồ). Ngày 05 tháng 6 năm 2013, Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quyết định công nhận thị trấn Chũ mở rộng đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV (tại Quyết định số 567/QĐ-BXD). Đây được xem là cột mốc quan trọng, đặt nền tảng cho việc khẳng định vị thế của thị trấn Chũ trong hệ thống các đô thị thuộc tỉnh Bắc Giang, trong định hướng trở thành một cực phát triển phía Đông bắc của tỉnh.

Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 269/QĐ-TTg ngày 02 tháng 3 năm 2015, trong đó khẳng định: Mục tiêu tỷ lệ đô thị hóa đạt 22,3%, chú trọng xây dựng thành phố Bắc Giang và 2 thị xã Chũ, Thăng để điều phối phát triển tiểu vùng; đến năm 2030 phát triển hài hòa giữa đô thị và nông thôn, tỷ lệ đô thị hóa đạt 36,7%. Về phát triển không gian đô thị đến năm 2020, trên địa bàn tỉnh có 21 đô thị, trong đó có 01 đô thị loại II; 02 đô thị loại IV và 17 đô thị loại V. Cụ thể, xây dựng thành phố Bắc Giang trở thành đô thị loại II, thị trấn Chũ và thị trấn Thăng đạt đô thị loại IV.

Thực hiện quy hoạch nêu trên, năm 2019 UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch chung đô thị Chũ với quy mô 123 km<sup>2</sup>, gồm thị trấn Chũ và 12 xã (Hồng Giang, Thanh Hải, Nghĩa Hồ, Trù Hựu, Phụng Sơn, Quý Sơn, Nam Dương, Mỹ An, Tân Mộc, Tân Lập, Kiên Lao, Kiên Thành).

Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ đã xác định mục tiêu đến năm 2030, Bắc Giang trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại, quy mô GRDP đứng trong nhóm 15 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước và đứng đầu vùng Trung du và miền núi phía Bắc”. Trong đó, phát triển thị trấn Chũ là trung tâm vùng phía Đông (gồm 3 huyện Lục Nam, Lục Ngạn và Sơn Động) của tỉnh và thị trấn Chũ mở rộng trở thành đô thị loại IV. Thực hiện quy hoạch nêu trên, UBND tỉnh đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Chũ đến năm 2045 tại Quyết định số .../QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm 2023 với quy mô 251,47 km<sup>2</sup>, gồm 10 đơn vị hành chính cấp xã (thị trấn Chũ và các xã Hồng Giang, Thanh Hải, Trù Hựu, Phụng Sơn, Quý Sơn, Nam Dương, Mỹ An, Kiên Lao, Kiên Thành); trong đó, xác định rõ phạm vi ranh giới khu vực nội thị của thị xã Chũ gồm thị trấn Chũ và các xã Phụng Sơn, Trù Hựu, Hồng Giang, Thanh Hải.

Như vậy, đô thị Chũ ngày nay có lịch sử hình thành, phát triển trong hơn 10 năm qua, được các cấp chính quyền địa phương tập trung nguồn lực đầu tư phát triển trong những năm qua. Đến nay, các yếu tố cơ bản đã được hình thành và mang diện mạo của đô thị mới, đáp ứng tiêu chuẩn để thành lập phường theo quy định.

3. Việc thành lập các phường thuộc thị xã Chũ xuất phát từ thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, đô thị hóa và yêu cầu của công tác quản lý hành chính lãnh thổ tại các xã, thị trấn

#### a) Về hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội

Thị trấn Chũ và các xã Phụng Sơn, Trù Hựu, Hồng Giang, Thanh Hải nằm ở vị trí thuận lợi về giao thông, có Quốc lộ 31, Quốc lộ 279 chạy qua, kết nối vùng phía Đông bắc của tỉnh Bắc Giang (gồm các huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam) với các trung tâm kinh tế trong khu vực như tỉnh Quảng Ninh, Lạng Sơn; gần Quốc lộ 1A, cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn,... đi khu cửa khẩu quốc tế Đồng Đăng; kết nối giao thương, du lịch, lưu chuyển hàng hóa, đặc biệt là xuất khẩu đặc sản quả vải đi các cửa khẩu của tỉnh Lạng Sơn. Khu vực có địa hình bằng phẳng, quỹ đất dành cho phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và thương mại - dịch vụ, du lịch sinh thái lớn; tập trung nhiều cơ sở sản xuất kinh doanh, cụm công nghiệp, cụm sản xuất ngành nghề truyền thống, các cơ quan, doanh nghiệp, trường học và một số dự án lớn,... tạo sự chuyển biến trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội và đô thị trên địa bàn các xã, thị trấn.

Những năm qua, kinh tế - xã hội trên địa bàn thị trấn Chũ và các xã Phụng Sơn, Trù Hựu, Hồng Giang, Thanh Hải có tốc độ tăng trưởng khá, như: Thị trấn Chũ đạt 14,2%; xã Hồng Giang đạt 10,2%; xã Trù Hựu đạt 11,4%,.... Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, tỷ trọng phi nông nghiệp chiếm trên

65% giá trị kinh tế. Thu ngân sách năm 2022 đạt kế hoạch đề ra; tỷ lệ hộ nghèo của xã bình quân giai đoạn 2020-2022 thấp hơn bình quân của huyện Lục Ngạn và tỉnh Bắc Giang. Văn hóa - xã hội có nhiều chuyên biến tích cực, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân ngày càng được cải thiện.

#### b) Về phát triển đô thị

Thực hiện Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chũ (năm 2012), Quy hoạch chung đô thị Chũ (năm 2019 và năm 2023), UBND tỉnh đã chỉ đạo tổ chức lập và phê duyệt quy hoạch phân khu đối với thị trấn Chũ và các xã Phượng Sơn, Trù Hựu, Hồng Giang, Thanh Hải. Trên cơ sở đó, các cấp chính quyền địa phương đã huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật với quy mô lớn, hiện đại, đồng bộ, từng bước hình thành không gian đô thị trên địa bàn các xã, thị trấn. Năm 2021, huyện Lục Ngạn ban hành Đề án về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông kết nối, hạ tầng đô thị và khu dân cư tập trung. Đến nay nhiều dự án đã được triển khai, mang lại diện mạo mới cho phố Chũ và các vùng lân cận. Các dự án nhằm phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng giao thông và môi trường đô thị, như: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 31, xây dựng đường vành đai thị trấn Chũ, cải tạo và nâng cấp tuyến Trù Hựu - Sơn Hải - Hộ Đáp, tuyến Nam Dương - Đèo Gia,...; lát vỉa hè, lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng Quốc lộ 31 khu trung tâm thị trấn Chũ và đường tỉnh 289, lắp đèn trang trí khu trung tâm huyện; các dự án khu đô thị, dân cư; đầu tư xây dựng trung tâm dịch vụ - thương mại, dự án khu dân cư và dịch vụ thương mại chợ nông sản; lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng, trang trí từng tuyến đường, ngõ phố; xây dựng hệ thống thoát nước thải và các khu xử lý nước thải tập trung; đưa vào sử dụng nhà máy nước Hồng Giang và nhà máy nước Phượng Sơn.

Kết quả của quá trình đầu tư, xây dựng của tỉnh nói chung, huyện Lục Ngạn nói riêng đến nay đô thị Chũ đã được Bộ trưởng Bộ Xây dựng công nhận đạt tiêu chuẩn của đô thị loại IV tại Quyết định số .../QĐ-BXD ngày... và công nhận các xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn về trình độ phát triển hạ tầng để thành lập phường thuộc thị xã Chũ tại Quyết định số .../QĐ-BXD ngày ....

#### d) Về công tác quản lý

Trong quá trình đô thị hóa và phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn các xã đã tác động lớn đến đời sống sinh hoạt của nhân dân làm phát sinh nhiều vấn đề mới cần giải quyết như: Quản lý các cơ sở sản xuất, chế biến nông sản xuất khẩu, quản lý các cơ sở kinh doanh thương mại - dịch vụ, quản lý và cấp phép xây dựng, quản lý trật tự đô thị, phòng chống các tệ nạn xã hội,... Theo đó, việc thành lập các phường thuộc thị xã Chũ là cần thiết, tạo lập cơ sở pháp lý để chuyển đổi mô hình tổ chức quản lý từ chính quyền ở địa phương nông thôn sang chính quyền địa phương ở đô thị; phù hợp với các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

## **IV. SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP THỊ TRẤN BIỂN ĐỘNG VÀ THỊ TRẤN PHÌ ĐIỀN THUỘC HUYỆN LỤC NGẠN MỚI**

### **1. Sự cần thiết thành lập thị trấn Biển Động**

Xã Biên Động nằm ở phía Đông, cách thị trấn Chũ (thị trấn huyện lỵ huyện Lục Ngạn) khoảng 20 km theo Quốc lộ 31, cách thành phố Bắc Giang khoảng 60 km. Xã Biên Động có vị trí đặc biệt quan trọng, là trung tâm trong vùng liên huyện phía Đông huyện Lục Ngạn; cách thị trấn Đồi Ngô khoảng 40 km về phía Tây, cách thị trấn huyện lỵ An Châu của huyện Sơn Động khoảng 15 km về phía Đông và được liên kết với các trung tâm động lực tỉnh qua Quốc lộ 31, là trục xương sống theo hướng Đông - Tây của tỉnh. Ngoài ra, địa bàn xã Biên Động còn nằm gần các các “nút” ngã 3 liên vùng tỉnh: Bắc Giang - Lạng Sơn (Quốc lộ 31 giao với Quốc lộ 279 phía Tây thuộc huyện Lục Ngạn) và Bắc Giang - Quảng Ninh (Quốc lộ 31 giao với Quốc lộ 279 phía Đông thuộc huyện Sơn Động). Như vậy, xét về mặt vị trí địa lý, khoảng cách, cộng với tiềm năng, lợi thế nội tại, xã Biên Động có những điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội và hình thành một đô thị mới. Năm 2021, huyện Lục Ngạn phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết khu dân cư trung tâm xã Biên Động, nằm trên địa bàn 4 thôn (Đồng Man, Biển Giữa, Biển Trên và Phố Biển) với diện tích quy hoạch hơn 28,7 ha, quy mô dân số khoảng 5.200 người; về không gian, kiến trúc, cảnh quan gồm: Các công trình thương mại, dịch vụ; công trình cơ quan, trường học, nhà văn hoá, trạm y tế, đất thể dục - thể thao, đất công viên cây xanh, công trình nhà cao tầng, công trình nhà liền kề, trạm xử lý nước thải, bãi đỗ xe,... Đây được xem là cơ sở, tiền đề cho sự ra đời của một đô thị mới nằm phía Đông huyện Lục Ngạn; có vai trò, tính chất là đô thị vệ tinh, chuyên ngành, phát triển tiểu thủ công nghiệp, đầu mối giao thông, du lịch sinh thái, cộng đồng, gắn với nông nghiệp công nghệ cao và văn hóa bản địa.

Thực hiện Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 219/QĐ-TTg, UBND tỉnh Bắc Giang lập và phê duyệt Đề án Quy hoạch chung đô thị Biên Động tại Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 16/5/2023 với tính chất là đô thị loại V, trên trục đô thị hóa phát triển theo hướng Đông - Tây tỉnh Bắc Giang, là trung tâm tiểu vùng phía Đông Bắc huyện Lục Ngạn, là đô thị vệ tinh, chuyên ngành, phát triển thương mại dịch vụ, đầu mối, công nghiệp, du lịch sinh thái, cộng đồng gắn với nông nghiệp công nghệ cao và văn hóa bản địa.

Triển khai thực hiện các quyết định nêu trên và để đáp ứng được các yêu cầu về định hướng phát triển của tỉnh Bắc Giang và huyện Lục Ngạn trong thời gian tới, chính quyền địa phương tỉnh Bắc Giang nói chung và huyện Lục Ngạn nói riêng đã tập trung mọi nguồn lực đầu tư phát triển đô thị Biên Động theo các quy hoạch, định hướng, chương trình được duyệt. Đến nay, xã Biên Động đang dần trở thành trung tâm kinh tế, trung tâm phát triển tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, các khu ở với chất lượng cao, đầu mối giao thông quan trọng có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội phía Đông huyện Lục Ngạn. Năm 2022, tổng giá trị sản xuất các ngành đạt 856 tỷ đồng, 12,4% (cao hơn 2,90% so với năm 2021); bình quân 3 năm giai đoạn 2020 - 2022 đạt 10,63%. Trong đó, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chiếm 7,10%; thương mại - dịch vụ chiếm 65,42% và nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 27,57%. Lĩnh vực văn hóa - xã hội cũng có bước tiến bộ rõ rệt, chất lượng giáo dục - đào tạo, công tác



bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, xây dựng nếp sống văn minh đô thị, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, quốc phòng được tăng cường, công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch được quan tâm đúng mức, hệ thống chính trị luôn được xây dựng và củng cố vững mạnh. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đã và đang được đầu tư đồng bộ, gồm đường giao thông, điện chiếu sáng, nhà văn hóa, khu liên hợp thể thao, hệ thống cấp, thoát nước, trường học, bệnh viện, công viên, cây xanh đô thị, nghĩa trang... phản ánh sự chuyển biến căn bản về việc hình thành một đô thị văn minh, hiện đại và phát triển bền vững. Căn cứ các tiêu chuẩn theo quy định, đối chiếu với kết quả đạt được, xã Biền Động đã được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại V tại Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2023.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đã đạt được, việc xã Biền Động phát triển mọi mặt về kinh tế - xã hội, đặc biệt là phát triển đô thị đã làm gia tăng dân số, lao động cơ học đã phát sinh nhiều bất cập trong quản lý của chính quyền xã. Vì vậy, việc thành lập thị trấn Biền Động là cần thiết và phù hợp với quy hoạch chung đô thị Biền Động được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Sau khi được thành lập, đô thị Biền Động sẽ giữ vai trò quan trọng, là trung tâm trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội phía Đông của huyện Lục Ngạn mới.

## **2. Sự cần thiết thành lập thị trấn Phì Điền**

Khu vực dự kiến thành lập thị trấn Phì Điền là điểm dân cư dịch vụ thương mại được đô thị hóa cao do nằm trên tuyến Quốc lộ 31 và gần Quốc lộ 279, thuộc địa giới hành chính của xã Phì Điền với quy mô diện tích tự nhiên là 7,29 km<sup>2</sup> và dân số là 5.638 người; có vị trí và khả năng kết nối thuận lợi đến đô thị Chũ và các vùng kinh tế, vùng sản xuất nông nghiệp quan trọng của tỉnh. Theo Quốc lộ 31, khu vực dự kiến thành lập thị trấn Phì Điền có thể kết nối đến đường cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn và thành phố Bắc Giang (trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của tỉnh và vùng trọng điểm phát triển công nghiệp, đô thị nằm phía Tây nam tỉnh Bắc Giang); về phía Đông kết nối với thị trấn Đồi Ngô, thị trấn Chũ (dự kiến thành lập thị xã Chũ). Mặt khác, khu vực dự kiến thành lập thị trấn Phì Điền nằm ở trung tâm vùng sản xuất nông nghiệp của huyện Lục Ngạn, có khả năng thu hút đầu tư phát triển trong lĩnh vực dịch vụ thương mại - dịch vụ vận tải, dịch vụ phát triển nông - công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

Nhận thấy tiềm năng và lợi thế của khu vực dự kiến thành lập thị trấn Phì Điền, Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 -2030 tầm nhìn 2050 tại Quyết định số 219/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đã xác định xây dựng xã Phì Điền trở thành đô thị loại V và là thị trấn huyện lỵ của huyện Lục Ngạn mới; đồng thời, tạo tiền đề thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cho huyện Lục Ngạn mới nói riêng và góp phần tăng tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh Bắc Giang nói chung.

Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính huyện Lục Ngạn để thành lập thị xã Chũ và huyện Lục Ngạn mới thì huyện Lục Ngạn không có thị trấn trung tâm huyện lỵ. Như vậy, việc thành lập thị trấn Phì Điền trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Phì Điền là cần thiết. Thị trấn huyện lỵ đặt tại khu vực dự kiến thành lập thị trấn Phì Điền sẽ tạo điều kiện thuận lợi

cho người dân thuộc các xã xa trung tâm được giao dịch hành chính thuận lợi, đi lại dễ dàng hơn so với về thị trấn Chũ hiện nay.

Thị trấn Biên Động, thị trấn Phì Điền cùng với các đô thị khác như: Chũ, Thắng, Đồi Ngô, An Châu,... trở thành một chuỗi đô thị liên hoàn là các đô thị trung tâm có vai trò rất quan trọng trong sự phát triển tổng thể của tỉnh Bắc Giang. Từ các thị trấn Biên Động, Phì Điền có thể kết nối dễ dàng với các đô thị trong vùng bằng các tuyến Quốc lộ, đường tỉnh đã được xây dựng hoàn chỉnh tạo điều kiện thúc đẩy kinh tế - xã hội khu vực phía Đông huyện Lục Ngạn mới.

## **PHẦN THỨ HAI**

### **LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN, CẤP XÃ LIÊN QUAN**

#### **Mục I**

### **LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN HUYỆN LỤC NGẠN, HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN KHU VỰC DỰ KIẾN THÀNH LẬP THỊ XÃ CHŨ VÀ KHU VỰC HUYỆN LỤC NGẠN CÒN LẠI**

#### **A. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN HUYỆN LỤC NGẠN**

##### **I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH HUYỆN LỤC NGẠN**

Thời Lý - Trần, huyện có tên là Na Ngạn, gồm địa bàn 2 huyện Lục Ngạn và Lục Nam ngày nay; Thời kỳ thuộc Minh chia làm 2 huyện Lục Nam và Na Ngạn thuộc châu Lạng Giang, phủ Lạng Thương; Đến thời Lê đổi thành Lục Ngạn thuộc phủ Lạng Giang.

Thời kỳ Pháp thuộc (1889), thực dân Pháp tách tả ngạn sông Thương thành 3 huyện: Hữu Lũng, Lục Ngạn, Bảo Lộc. Tháng 9 năm 1891, thực dân Pháp đổi thành Đạo quan binh 1 - Phả Lại. Tháng 10 năm 1895, Toàn quyền Đông Dương thành lập lại huyện Lục Ngạn.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, bỏ cấp phủ, châu, quận, gọi chung là huyện. Ngày 21 tháng 01 năm 1957, Thủ trưởng Chính phủ ban hành Nghị định số 24-QĐ/TTg. Theo đó, điều chỉnh địa giới hành chính hai huyện Lục Ngạn và Sơn Động để thành lập huyện Lục Nam.

Sau khi điều chỉnh, huyện Lục Ngạn bao gồm 23 xã: Biên Động, Biên Sơn, Cẩm Sơn, Đòng Cốc, Giáp Sơn, Hồng Giang, Kiên Lao, Kim Sơn, Ninh Hộ, Phong Minh, Phong Vân, Phú Nhuận, Phú Thịnh, Phượng Sơn, Tân Hoa, Tân Lập, Tân Mộc, Thanh Sơn, Thống Nhất, Toàn Thắng, Trù Hựu A, Trù Hựu B và Tự Do.

Ngày 20 tháng 7 năm 1957, thành lập thị trấn Chũ, thị trấn huyện lỵ huyện Lục Ngạn trên cơ sở tách phố Chũ thuộc xã Trù Hựu.

Ngày 10 tháng 7 năm 1958, Bộ Nội vụ ra Nghị định số 225-NV. Theo đó: Chia xã Cẩm Sơn thành 2 xã: Cẩm Sơn và Tân Sơn; Chia xã Đồng Cốc thành 2 xã: Đồng Cốc và Tân Quang; Chia xã Ninh Hộ thành 2 xã: Ninh Sơn và Hộ Đáp; Chia xã Kiên Lao thành 2 xã: Kiên Lao và Kiên Thành.

Ngày 28 tháng 7 năm 1958, chuyển xã Mỹ An thuộc huyện Lục Nam về huyện Lục Ngạn quản lý.

Ngày 27 tháng 10 năm 1962, hai tỉnh Bắc Giang và Bắc Ninh hợp nhất thành tỉnh Hà Bắc, huyện Lục Ngạn thuộc tỉnh Hà Bắc.

Ngày 14 tháng 3 năm 1963, chuyển xã Đèo Gia thuộc huyện Sơn Động về huyện Lục Ngạn quản lý.

Sau đó, một số xã lại được đổi tên: Ninh Sơn thành Sơn Hải, Phú Thịnh thành Phi Điền, Thanh Sơn thành Thanh Hải, Thống Nhất thành Quý Sơn, Toàn Thắng thành Nghĩa Hồ, Trù Hựu A thành Trù Hựu, Trù Hựu B thành Nam Dương và Tự Do thành Sa Lý. Từ đó, huyện Lục Ngạn có 1 thị trấn Chũ (huyện lỵ) và 29 xã: Biển Động, Biên Sơn, Cẩm Sơn, Đèo Gia, Đồng Cốc, Giáp Sơn, Hộ Đáp, Hồng Giang, Kiên Lao, Kiên Thành, Kim Sơn, Mỹ An, Nam Dương, Nghĩa Hồ, Phi Điền, Phong Minh, Phong Vân, Phú Nhuận, Phượng Sơn, Quý Sơn, Sa Lý, Sơn Hải, Tân Hoa, Tân Lập, Tân Mộc, Tân Quang, Tân Sơn, Thanh Hải, Trù Hựu.

Ngày 30 tháng 01 năm 1985, giải thể xã Kim Sơn, địa bàn sáp nhập vào xã Biển Động và trường bản TB1. Tuy nhiên, đến ngày 19 tháng 10 năm 1993, xã Kim Sơn được tái lập trên cơ sở 1 xóm đã cắt về xã Biển Động và phần diện tích do trường bản TB1 bàn giao lại.

Ngày 07 tháng 10 năm 1995, mở rộng thị trấn Chũ trên cơ sở sáp nhập 184 ha và 844 người thuộc xã Trù Hựu (gồm làng Chũ, làng Nhật Đức và các hộ dân cư thuộc xã Trù Hựu đang sống xen cư trên địa bàn thị trấn Chũ).

Ngày 06 tháng 11 năm 1996, huyện Lục Ngạn thuộc tỉnh Bắc Giang vừa được tái lập.

Ngày 05 tháng 6 năm 2013, thị trấn Chũ mở rộng được công nhận là đô thị loại IV. Ngày 01 tháng 01 năm 2020, sáp nhập xã Nghĩa Hồ vào thị trấn Chũ. Huyện Lục Ngạn có 1 thị trấn và 28 xã như hiện nay.

## **II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN**

### **1. Điều kiện địa hình**

Huyện Lục Ngạn là huyện miền núi địa hình chia cắt thành hai vùng rõ rệt là vùng núi và vùng đồi thấp:

a) Địa hình vùng núi cao: chiếm gần 60% diện tích tự nhiên toàn huyện; bao gồm 12 xã là Sơn Hải, Cẩm Sơn, Tân Sơn, Hộ Đáp, Phong Minh, Sa Lý, Phong Vân, Kim Sơn, Phú Nhuận, Đèo Gia, Tân Lập, Tân Mộc. Vùng này địa hình bị chia cắt mạnh, độ dốc khá lớn, độ cao trung bình từ 300 - 400 m, nơi thấp nhất là 170 m so với mực nước biển. Trong đó núi cao độ dốc >25<sup>0</sup>, chiếm

hơn 60% diện tích tự nhiên trong vùng và chủ yếu là diện tích rừng tự nhiên. Vùng này dân cư chủ yếu là các dân tộc ít người, có mật độ dân số thấp, khoảng 110 người/km<sup>2</sup>, kinh tế chưa phát triển, tiềm năng đất đai còn nhiều, có thể phát triển kinh tế rừng, chăn nuôi đại gia súc và trồng cây ăn quả. Trong tương lai có điều kiện phát triển du lịch tại các hồ Cẩm Sơn, Khuôn Thần...

b) Địa hình vùng đồi thấp: bao gồm 16 xã còn lại và 1 thị trấn. Diện tích chiếm trên 40% diện tích toàn huyện. Địa hình có độ chia cắt trung bình với độ cao trung bình từ 80 - 120 m so với mực nước biển. Đất đai trong vùng phần lớn là đồi thoải, một số nơi đất bị xói mòn, thường thiếu nguồn nước tưới cho cây trồng. Nhưng ở vùng này đất đai lại thích hợp với trồng các cây ăn quả như: hồng, nhãn, vải thiều... Đặc biệt là cây vải thiều, vùng này đã và đang phát triển thành một vùng chuyên canh vải thiều lớn nhất miền Bắc, đồng thời tiếp tục trồng cây lương thực, phát triển công nghiệp chế biến hoa quả. Trong tương lai còn có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái kiểu miệt vườn.

## 2. Đặc điểm khí hậu

Lục Ngạn nằm trọn trong vùng Đông Bắc Việt Nam nên chịu ảnh hưởng của vùng nhiệt đới gió mùa, trong đó có tiểu vùng khí hậu mang nhiều nét đặc trưng của vùng miền núi, có khí hậu tương tự các tỉnh Lạng Sơn, Thái Nguyên.

a) Nhiệt độ trung bình cả năm là 23,5<sup>0</sup>C, vào tháng 6 cao nhất là 27,8<sup>0</sup>C, tháng 1 và tháng 2 nhiệt độ thấp nhất là 18,8<sup>0</sup>C.

b) Bức xạ nhiệt trung bình so với các vùng khí hậu nhiệt đới, số giờ nắng bình quân cả năm là 1.729 giờ, số giờ nắng bình quân trong ngày là 4,4 giờ. Với đặc điểm bức xạ nhiệt như vậy là điều kiện thuận lợi cho phát triển nhiều loại cây trồng.

c) Độ ẩm không khí trung bình là 81%, cao nhất là 85%, thấp nhất là 72%.

d) Gió bão: là vùng chịu ảnh hưởng của gió mùa đông bắc, vào mùa đông tốc độ gió bình quân 2,2m/s, mùa hạ có có gió mùa đông nam, là vùng ít chịu ảnh hưởng của bão.

Đánh giá chung về điều kiện khí hậu thời tiết có thể thấy Lục Ngạn là vùng có lượng mưa thấp, ít sương muối, mưa xuân đến muộn hơn, ẩm độ không khí không quá cao, lượng bức xạ nhiệt trung bình, đó là những yếu tố thuận lợi tạo điều kiện cho cây ăn quả (nhất là vải thiều) đậu quả tốt hơn khi ra hoa thụ phấn so với các huyện khác trong tỉnh Bắc Giang .

## 3. Thủy văn

So với các vùng khác trong tỉnh Bắc Giang, Lục Ngạn thường có lượng mưa thấp hơn. Theo tài liệu của trạm khí tượng thủy văn huyện cho thấy các đặc điểm khí hậu thể hiện như sau:

Lượng mưa trung bình hàng năm 1.321mm, lượng mưa năm cao nhất 1780mm tập trung vào các tháng 6,7,8, lượng mưa năm thấp nhất là 912mm, tháng có ngày mưa ít nhất là tháng 12 và tháng 1. Đây là một khó khăn cho phát triển cây trồng và vật nuôi.

#### 4. Các nguồn tài nguyên

##### a) Tài nguyên đất

Lục Ngạn có tổng diện tích đất tự nhiên là 103.251 ha. Theo kết quả điều tra bổ sung gần đây nhất cho thấy đất Lục Ngạn có 6 nhóm đất chính và 14 nhóm đất phụ sau :

- Nhóm đất phù sa sông suối có diện tích là 2.148,15 ha, chiếm 2,16% diện tích đất điều tra. Trong nhóm đất này có tới 80% diện tích có thể trồng các cây hoa màu và 20% diện tích đất có thể cấy 2 vụ lúa và 1 vụ màu.

- Nhóm đất bùn lầy có diện tích 18,79 ha chiếm 0,02% diện tích đất điều tra thổ thường phân bố ở vùng trũng, thường xuyên bị ngập úng. Số diện tích này có thể cải tạo để nuôi trồng thủy sản.

- Nhóm đất Feralít vàng nhạt ở trên núi có độ cao từ 700 - 900m so với mực nước biển có diện tích là 1.728,72 ha chiếm 1,82% diện tích đất điều tra. Nhóm đất này có độ dốc tương đối lớn, tầng dày từ 30 - 100cm thích hợp với phát triển cây lâm nghiệp, cần trồng rừng và khoanh nuôi tái sinh rừng.

- Nhóm đất Feralít trên núi, ở độ cao từ 200 - 700m so với mặt nước biển có diện tích 23.154,73 ha, chiếm 24,4% diện tích điều tra, phân bố chủ yếu ở vùng đồi cao, độ dốc lớn, thích hợp với việc phát triển lâm nghiệp. Trong nhóm đất này một số diện tích ở độ cao trung bình trên 200m có thể trồng các loại cây ăn quả lâu năm như: nhãn, hồng, vải thiều.

- Nhóm đất Feralít ở vùng đồi thấp, ở độ cao từ 25 - 200m có diện tích là 56.878,42 ha, chiếm 59,93% diện tích điều tra. Nhóm đất này thích hợp với việc trồng rừng, trồng các cây công nghiệp và các cây ăn quả như : nhãn, vải thiều, hồng, na, đặc biệt là cây vải thiều cho hiệu quả kinh tế cao.

- Nhóm đất trồng lúa có diện tích là 5.042 ha, chiếm 4,98% so với diện tích tự nhiên. Nhóm đất này phân bố ở các cánh đồng bằng phẳng và ruộng bậc thang trên các đồi thấp. Đất này có tầng dày khá thích hợp cho việc trồng các cây lương thực như lúa, ngô, khoai, sắn, rau. Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng nhiều nơi đã bị bạc màu.

Lục Ngạn tuy là huyện miền núi nhưng có khoảng hơn 10 ngàn ha đất tương đối bằng có độ dốc từ 0 - 8<sup>0</sup> chiếm khoảng 10% so với diện tích đất tự nhiên. Đây là một thuận lợi cho việc trồng cây lương thực và hoa màu. Nếu có biện pháp khai thác, cải tạo đất để tăng độ phì, trồng cây lương thực có năng suất cao thì sẽ giải quyết tốt vấn đề lương thực cho nhân dân trong huyện.

Huyện có hơn 30% đất có độ dốc từ 8 - 25<sup>0</sup>, phân bố ở các vùng đồi núi thấp. Đây là một tiềm năng phát triển cây công nghiệp và cây ăn quả, đặc biệt là cây vải thiều đang có xu hướng phát triển mạnh. Khoảng 60% đất còn lại có độ dốc > 25<sup>0</sup> phù hợp với phát triển lâm nghiệp và nghề rừng.

Đất đai Lục Ngạn với đặc điểm khí hậu ở vùng nhiệt đới gió mùa. Tuy lượng mưa hàng năm ít hơn so với các vùng khác trong tỉnh Bắc Giang, nhưng có tài nguyên nước mặt ở sông Lục Nam và các hồ Cẩm Sơn, Khuôn Thần có

trữ lượng tương đối lớn, nếu được khai thác hợp lý sẽ có điều kiện phát triển nền kinh tế đa dạng theo hình thức nông lâm - công nghiệp và thương mại dịch vụ, du lịch vườn trại trên cơ sở một hệ sinh thái đa dạng của nhiều loại cây rừng, cây ăn quả có giá trị kinh tế cao.

#### b) Tài nguyên nước

##### - Nguồn nước mặt:

Trên địa bàn huyện có sông Lục Nam chảy qua dài gần 45 km từ Đèo Gia xuống Mỹ An đến Phượng Sơn. Nước sông chảy quanh năm với lưu lượng khá lớn. Mức nước sông trung bình vào mùa lũ khoảng 4,5m, lưu lượng lũ lớn nhất:  $Q_{\max} = 1.300 - 1.400 \text{ m}^3/\text{s}$ , lưu lượng nước mùa kiệt  $Q_{\min} = 1 \text{ m}^3/\text{s}$ . Ngoài sông Lục Nam còn có nhiều suối nhỏ nằm rải rác ở các xã vùng núi cao.

Ngoài sông Lục Nam, trên địa bàn huyện còn có nhiều suối nhỏ nằm rải rác ở các xã vùng cao, hệ thống ao hồ chứa tương đối nhiều do kết quả hoạt động tích cực của phong trào thủy lợi, đắp đập ngăn nước. Hồ Cẩm Sơn có diện tích tại địa phương lớn nhất huyện 2.600 ha, hồ Khuôn Thần diện tích 140 ha và hàng chục hồ chứa khác với tổng diện tích hàng ngàn ha, cùng với hệ thống sông suối đã cung cấp một lượng nước khá lớn đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân.

##### - Nguồn nước ngầm:

Nguồn nước ngầm: hiện tại chưa được điều tra kỹ để đánh giá về trữ lượng nước ngầm nhưng qua khảo sát sơ bộ các giếng ở một số vùng trong huyện cho thấy mực nước ngầm nằm không quá sâu (khoảng 20 - 25 m), chất lượng nước khá tốt, có thể khai thác dùng trong sinh hoạt của các điểm dân cư.

Nhìn chung nguồn nước trong huyện có trữ lượng và chất lượng tương đối tốt, có thể đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân. Tuy nhiên, do đặc điểm lượng mưa thấp hơn các vùng khác trong tỉnh nên sản xuất nông nghiệp cũng gặp không ít khó khăn, có năm do hạn hán kéo dài, nhiều hồ đập bị cạn kiệt nước đã gây ảnh hưởng lớn đến thời vụ sản xuất và đời sống của nhân dân. Vì vậy trong tương lai cần phải khảo sát kỹ về trữ lượng nước, có kế hoạch hợp lý, kết hợp với việc bảo vệ và phát triển rừng đầu nguồn để khắc phục tình trạng thiếu nước trong mùa khô hạn.

Tóm lại, tài nguyên nước Lục Ngạn ở các sông Lục Nam và hai hồ chứa lớn là Cẩm Sơn và Khuôn Thần cùng nhiều hồ, sông suối nhỏ có tiềm năng rất lớn, huyện cần bổ sung hoàn chỉnh hệ thống lấy nước, dự trữ nước một cách hợp lý sẽ phục vụ tốt cho sản xuất nông - lâm nghiệp, công nghiệp và sinh hoạt, đồng thời cần tiến hành thăm dò đánh giá nguồn nước ngầm đi đôi với việc đẩy mạnh công tác trồng rừng để giữ lượng nước mưa và nước ngầm.

#### c) Tài nguyên rừng:

Lục Ngạn là huyện miền núi có diện tích lâm nghiệp là 35.817,85 ha, chiếm 35,38% tổng diện tích đất tự nhiên của toàn huyện.

Trong đó, diện tích đất rừng sản xuất là 16.124,04 ha, chiếm 45,02% tổng diện tích đất lâm nghiệp. Diện tích đất rừng phòng hộ là 19.693,81 ha, chiếm 54,98% tổng diện tích đất lâm nghiệp của huyện.

d) Tài nguyên khoáng sản:

Huyện Lục Ngạn có một số khoáng sản quý như: than, đồng, vàng..., theo tài liệu điều tra tài nguyên dưới lòng đất cho biết: về than các loại có trữ lượng khoảng 30.000 tấn. Quặng đồng có khoảng 40.000 tấn nhưng hàm lượng thấp nên không có ý nghĩa khai thác công nghiệp. Ngoài ra Lục Ngạn còn có vàng sa khoáng nhưng trữ lượng không lớn, một số khoáng sản khác như đá, sỏi, cát, đất sét có thể khai thác để sản xuất các loại vật liệu xây dựng phục vụ cho xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

đ) Tài nguyên nhân văn:

Lục Ngạn 8 dân tộc (trong đó dân tộc Kinh chiếm 49%, các dân tộc khác chiếm 51% như Tày, Nùng, Sán Dìu, Sán Chỉ, Cao Lan, Dao và Hoa). Năm 2022, toàn huyện có 202 làng bản được công nhận làng văn hoá và có 27.226 hộ gia đình được công nhận gia đình văn hoá. Nhân dân các dân tộc trong huyện đang tích cực lao động sản xuất, chuyển đổi cơ cấu kinh tế phù hợp với nền kinh tế thị trường, phát triển mạnh kinh tế vườn rừng, kinh tế trang trại tạo nên những vườn cây đặc sản vải thiều, môi trường sinh thái đẹp và có sức hấp dẫn du khách tham quan du lịch sinh thái. Đó là nguồn tài nguyên nhân văn, giàu truyền thống tốt đẹp để phát huy nội lực. Lục Ngạn có khu di tích lịch sử Đền Hả được xếp hạng cấp quốc gia, một di tích xếp hạng cấp tỉnh đồng thời có nhiều cảnh đẹp thiên nhiên nổi tiếng như Hồ Cẩm Sơn, hồ Khuôn Thân, hồ Làng Thum có thể đầu tư xây dựng thành các khu nghỉ ngơi du lịch phục vụ nhân dân trong huyện và các du khách trong và ngoài nước.

### **III. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH**

#### **1. Vị trí, tính chất**

Huyện Lục Ngạn nằm ở phía Đông Bắc tỉnh Bắc Giang và cách thành phố Bắc Giang khoảng 40 km; có hệ thống các đường giao thông đang dần được xây dựng đồng bộ. Các tuyến đường cũ được cải tạo, mở rộng, nhiều tuyến đường được xây mới. Huyện Lục Ngạn có quốc lộ 31, quốc lộ 279, đường tỉnh 248, đường tỉnh 289, đường tỉnh 290,... chạy qua, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao thương giữa người dân trong huyện với huyện Sơn Động, thành phố Bắc Giang và tỉnh Quảng Ninh.

Huyện Lục Ngạn là một trung tâm kinh tế chính trị của tiểu vùng Đông bắc tỉnh Bắc Giang (gồm 3 huyện miền núi phía Bắc tỉnh Bắc Giang: Lục Nam, Lục Ngạn và Sơn Động); có tiềm năng về đất đai và điều kiện tự nhiên thuận lợi, với sông Lục Nam dài gần 45 km (đoạn sông này còn gọi là sông Chũ, tên chữ là Minh Đức), hồ Cẩm Sơn, hồ Khuôn Thân và hàng chục hồ nước khác với tổng diện tích hàng ngàn ha, cùng với hệ thống sông, suối tự nhiên cho phép phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp và chế biến các sản phẩm nông - lâm

nghiệp đa dạng, phong phú như phát triển nghề rừng, trồng cây ăn quả, công nghiệp chế biến hoa quả.

## **2. Địa giới hành chính**

- Phía Đông giáp huyện Sơn Động;
- Phía Tây và Nam giáp huyện Lục Nam;
- Phía Nam giáp huyện Lục Nam;
- Phía Bắc giáp tỉnh Lạng Sơn.

## **IV. DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN, CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT**

1. Huyện Lục Ngạn có 1.032,51 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên (103.251,36 ha); chiếm 26,50% diện tích tự nhiên của tỉnh Bắc Giang (diện tích tự nhiên của tỉnh là 3.895,9 km<sup>2</sup>).

2. Trong 1.032,51 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên (103.251,36 ha) thì cơ cấu sử dụng như sau:

a) Đất nông nghiệp là 756,43 km<sup>2</sup> (75.643,2 ha), chiếm 73,26%, gồm:

- Đất lúa là 4.292,07 ha.
- Đất trồng cây hàng năm là 1.584,55 ha.
- Đất trồng cây lâu năm là 29.543,33 ha.
- Đất rừng phòng hộ là 10.003,4 ha.
- Đất rừng sản xuất là 29.494,52 ha.
- Đất nuôi trồng thủy sản là 252,21 ha.
- Đất nông nghiệp khác là 18,12 ha.

b) Đất phi nông nghiệp là 252,13 km<sup>2</sup> (25.213,06 ha), chiếm 24,42%, gồm:

- Đất quốc phòng là 15.423,34 ha (trong đó phần diện tích tự nhiên thuộc Trường bắn Quốc gia Khu vực 1 là 14.854,48 ha).

- Đất an ninh là 1,16 ha.
- Đất cụm công nghiệp là 21,94 ha.
- Đất thương mại - dịch vụ là 6,51 ha.
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là 32,39 ha.
- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản là 0,53 ha.
- Đất sản xuất vật liệu xây dựng là 33,10 ha.
- Đất phát triển hạ tầng là 2.519,35 ha.
- Đất vui chơi giải trí công cộng là 0,24 ha.
- Đất ở nông thôn là 2.205,03 ha.



- Đất ở đô thị là 222,58 ha.
- Đất trụ sở cơ quan là 19,76 ha.
- Đất trụ sở cơ quan tổ chức sự nghiệp là 2,15 ha
- Đất cơ sở tín ngưỡng là 25,17 ha.
- Đất sông ngòi, kênh rạch là 1.742,92 ha.
- Đất có mặt nước chuyên dùng là 2.956,83 ha.
- Đất phi nông nghiệp khác là 0,06 ha.

c) Đất chưa sử dụng là 23,95 km<sup>2</sup> (2.395,25 ha), chiếm 2,33%.

## **V. DÂN SỐ, LAO ĐỘNG VÀ THÀNH PHẦN DÂN CƯ**

### **1. Dân số**

Huyện Lục Ngạn có 59.899 hộ với 255.419 người, chiếm 12,33% dân số của tỉnh Bắc Giang (dân số của tỉnh là 2.072.091 người). Trong đó dân số thường trú là 242.732 người; tạm trú là 12.687 người; mật độ dân số là 250 người/km<sup>2</sup>.

### **2. Lao động**

a) Trong tổng số 255.419 người của huyện Lục Ngạn, có 176.348 người trong độ tuổi lao động, chiếm 68,30% dân số của huyện.

b) Lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của huyện Lục Ngạn năm 2022 là 154.769 người. Trong đó:

- Lao động phi nông nghiệp là 82.324 người, chiếm tỷ lệ 53,19%
- Lao động nông nghiệp là 72.445 người, chiếm tỷ lệ 46,81%.

### **3. Thành phần dân cư**

Huyện có vốn văn hoá đa dạng với 8 dân tộc đang sinh sống trên địa bàn, trong đó dân tộc Kinh chiếm 49%, các dân tộc khác như Tày, Nùng, Sán Dìu, Sán Chỉ, Cao Lan, Dao, Hoa chiếm 51%; di tích Chùa Am Vãi thuộc hệ thống Thiên phái Trúc Lâm Yên Tử nằm trong vùng bảo tồn tổng thể di tích và danh thắng Tây Yên Tử tỉnh Bắc Giang.

## **VI. ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH TRỰC THUỘC**

Huyện Lục Ngạn có 29 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 01 thị trấn Chũ và 28 xã có diện tích tự nhiên và dân số cụ thể như sau:

### **1. Các xã, thị trấn thuộc khu vực dự kiến thành lập thị xã Chũ**

- a) Các xã, thị trấn thuộc khu vực dự kiến là nội thị của thị xã Chũ
  - Thị trấn Chũ có 12,84 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 18.276 người (gồm dân số thường trú 16.151 người và dân số tạm trú là 2.125 người);
  - Xã Trù Hựu có 12,75 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 11.930 người (gồm dân số thường trú 10.071 người và dân số tạm trú là 1.859 người);

- Xã Thanh Hải có 29,06 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 19.521 người (gồm dân số thường trú 17.046 người và dân số tạm trú là 2.475 người); trong đó, thôn Khuôn Rẽo có 12,05 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, 107 hộ với 637 người.

Như vậy, sau khi chuyển thôn Khuôn Rẽo về xã Biên Sơn thì xã Thanh Hải có **17,01 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên và dân số là 18.884 người.**

- Xã Phụng Sơn có 20,65 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 13.990 người (gồm dân số thường trú 12.427 người và dân số tạm trú là 1.563 người);

- Xã Hồng Giang có 14,50 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 12.584 người (gồm dân số thường trú 10.682 người và dân số tạm trú là 1.902 người).

b) Các xã, thị trấn thuộc khu vực dự kiến là ngoại thị của thị xã Chũ

- Xã Mỹ An có 17,34 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 6.896 người (gồm dân số thường trú 6.588 người và dân số tạm trú là 308 người);

- Xã Nam Dương có 30,06 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 9.745 người (gồm dân số thường trú 9.251 người và dân số tạm trú là 494 người).

- Xã Quý Sơn có 40,74 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 19.432 người (gồm dân số thường trú 18.665 người và dân số tạm trú là 767 người).

- Xã Kiên Lao có 56,85 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 7.456 người (gồm dân số thường trú 6.910 người và dân số tạm trú là 546 người).

- Xã Kiên Thành có 28,70 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 10.516 người (gồm dân số thường trú 10.179 người và dân số tạm trú là 337 người).

Như vậy, khu vực dự kiến thành lập thị xã Chũ có 10 đơn vị hành chính cấp xã, quy mô diện tích tự nhiên là 263,52 km<sup>2</sup> và dân số là 130.346 người (dân số thường trú là 117.970 người, dân số tạm trú là 12.376 người). Tuy nhiên, sau khi điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, chuyển toàn bộ thôn Khuôn Rẽo của xã Thanh Hải (dự kiến thành lập phường Thanh Hải) về xã Biên Sơn (huyện Lục Ngạn mới) thì thị xã Chũ dự kiến thành lập có **251,47 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 129.709 người.**

## **2. Các xã thuộc khu vực dự kiến huyện Lục Ngạn mới**

- Xã Biền Động có 18,65 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 9.308 người (gồm dân số thường trú 9.235 người và dân số tạm trú là 68 người);

- Xã Phi Điền có 7,29 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 5.670 người (gồm dân số thường trú 5.620 người và dân số tạm trú là 18 người);

- Xã Giáp Sơn có 17 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 10.565 người (gồm dân số thường trú 10.492 người và dân số tạm trú là 28 người).

- Xã Tân Hoa có 21,38 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 7.474 người (gồm dân số thường trú 7.450 người và dân số tạm trú là 16 người).

- Xã Tân Quang có 18,77 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 11.305 người (gồm dân số thường trú 11.900 người và dân số tạm trú là 0 người).

- Xã Biên Sơn có 20,67 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 9.131 người (gồm dân số thường trú 9.132 người và dân số tạm trú là 16 người).

Sau khi tiếp nhận 12,05 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên và 637 người thuộc thôn Khuân Rễo, xã Thanh Hải thì xã Biên Sơn có 32,72 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên và dân số là 9.768 người.

- Xã Đèo Gia có 47,30 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 5.275 người (gồm dân số thường trú 5.261 người và dân số tạm trú là 14 người);

- Xã Tân Mộc có 37,13 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 6.915 người (gồm dân số thường trú 6.880 người và dân số tạm trú là 6 người);

- Xã Tân Lập có 55,63 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 8.931 người (gồm dân số thường trú 8.921 người và dân số tạm trú là 12 người);

- Xã Phong Minh có 48,63 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 2.995 người (gồm dân số thường trú 2.974 người và dân số tạm trú là 10 người);

- Xã Phong Vân có 36,80 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 6.121 người (gồm dân số thường trú 6.067 người và dân số tạm trú là 0 người);

- Xã Cẩm Sơn có 41,39 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 5.339 người (gồm dân số thường trú 5.318 người và dân số tạm trú là 24 người);

- Xã Đồng Cốc có 18,27 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 6.621 người (gồm dân số thường trú 6.594 người và dân số tạm trú là 24 người);

- Xã Hộ Đáp có 44,55 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 4.971 người (gồm dân số thường trú 4.956 người và dân số tạm trú là 24 người);

- Xã Kim Sơn có 13,58 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 2.585 người (gồm dân số thường trú 7.476 người và dân số tạm trú là 45 người);

- Xã Phú Nhuận có 25,47 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 5.003 người (gồm dân số thường trú 4.994 người và dân số tạm trú là 0 người);

- Xã Sơn Hải có 58,24 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 4.455 người (gồm dân số thường trú 4.455 người và dân số tạm trú là 3 người);

- Xã Tân Sơn có 53,98 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 9.180 người (gồm dân số thường trú 9.233 người và dân số tạm trú là 01 người);

- Xã Sa Lý có 35,32 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 3.229 người (gồm dân số thường trú 3.197 người và dân số tạm trú là 02 người);

- Trường bản Quốc gia Khu vực 1 có 148,84 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên.

Như vậy, sau khi điều chỉnh địa giới hành chính giữa xã Thanh Hải và xã Biên Sơn, điều chỉnh địa giới hành chính huyện Lục Ngạn để thành lập thị xã Chũ thì huyện Lục Ngạn mới sẽ có 781,04 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên (nếu bao gồm cả 75,5 km<sup>2</sup> thuộc Trường bản nằm trên địa giới hành chính huyện Sơn Động dự kiến điều chỉnh về huyện Lục Ngạn mới quản lý thì diện tích của huyện mới sẽ là **856,54 km<sup>2</sup>**), dân số là **125.710 người**, trong đó dân số thường trú là 125.399 người, dân số tạm trú là 311 người.

## VII. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

### 1. Về phát triển kinh tế

#### 1.1. Tăng trưởng kinh tế

Trong những kỳ qua, tình hình kinh tế trong và ngoài nước có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường. Bên cạnh những khó khăn chung, Lục Ngạn có đặc thù là huyện miền núi, diện tích rộng, dân số đông, trình độ dân trí không đồng đều; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tuy đã được cải thiện nhưng vẫn thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu; nguồn lực đầu tư cho phát triển còn hạn chế. Đời sống của nhân dân còn nhiều khó khăn nhất là ở vùng cao; những diễn biến bất thường của thời tiết, dịch bệnh bùng phát,... đã ảnh hưởng đến phát triển kinh tế của địa phương. Tuy nhiên, được sự lãnh đạo, chỉ đạo hiệu quả của của tỉnh Bắc Giang, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc trên địa bàn huyện Lục Ngạn đã vượt qua mọi khó khăn, tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, không ngừng đổi mới, sáng tạo, nỗ lực phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu phát triển kinh tế đã đề ra.

Kinh tế của huyện giai đoạn 2020 - 2022 tiếp tục phát triển nhanh, quy mô được mở rộng. Tổng giá trị sản xuất của các ngành năm 2020 đạt 13.462 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân 13,56%/năm; trong đó: nông - lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,87%, công nghiệp - xây dựng tăng 22,47%, thương mại- dịch vụ tăng 15,38%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ. Theo đó, giá trị sản xuất ngành nông - lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 42,32% năm 2015 còn 28,44% vào năm 2020; công nghiệp - xây dựng tăng từ 23,63% năm 2015 lên 36,74% vào năm 2020; thương mại - dịch vụ tăng từ 34,14% năm 2015 lên chiếm 34,82% vào năm 2020. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội năm 2020 đạt 17.397 tỷ đồng; giá trị sản xuất bình quân/1ha đất nông nghiệp đạt 112,89 triệu đồng/năm.

Năm 2022, với quyết tâm chính trị cao, sự đoàn kết đồng lòng, tinh thần chủ động khắc phục khó khăn, kịp thời thích ứng linh hoạt của cấp ủy, chính quyền và các tầng lớp Nhân dân trong huyện, cùng với sự hỗ trợ của các cấp, các ngành, tình hình kinh tế của huyện Lục Ngạn tiếp tục duy trì được nhịp tăng trưởng ổn định. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tập trung đầu tư; tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc các xã, thôn đẩy nhanh xây dựng hoàn thiện các tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao. Tổng giá trị sản xuất các ngành (theo giá so sánh năm 2010) năm 2022 đạt 17.435 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng đạt 14,1%. Trong đó: Giá trị sản xuất ngành nông - lâm nghiệp - thủy sản đạt 3.671 tỷ đồng, tăng 0,96%; công nghiệp - xây dựng đạt 6.865 tỷ đồng, tăng 19,39% (trong đó công nghiệp đạt 2.606 tỷ đồng, xây dựng đạt 4.259 tỷ đồng); thương mại - dịch vụ đạt 6.899 tỷ đồng, tăng 17,05%. Về cơ cấu kinh tế năm 2022, giá trị sản xuất nông - lâm nghiệp và thủy sản chiếm 27,28%; công nghiệp - xây dựng chiếm 36,65%; thương mại - dịch vụ chiếm 36,07%. Thu ngân sách trên địa bàn đạt 412,062 tỷ đồng; huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt 7.450 tỷ đồng; giá trị sản xuất trên 01 ha đất nông nghiệp đạt 128,51 triệu đồng.

#### 1.2. Phát triển ngành, lĩnh vực

a) Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng

- Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn tăng khá, vượt mục tiêu đề ra. Năm 2020, giá trị sản xuất theo giá cố định đạt 1.959 tỷ đồng (theo giá hiện hành ước đạt 2.977 tỷ đồng); tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 22,47%/năm. Thực hiện đồng bộ việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; sáng tạo trong hoạt động quảng bá, xúc tiến, thu hút đầu tư vào địa bàn. Đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh tiếp cận các nguồn vốn, đầu tư mở rộng sản xuất; thực hiện tốt công tác khuyến công gắn với đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực cho đội ngũ lãnh đạo quản lý doanh nghiệp và đào tạo nghề cho lao động. Các làng nghề truyền thống tiếp tục phát triển, góp phần tích cực vào mục tiêu giải quyết việc làm và chuyển dịch cơ cấu lao động. Năm 2022, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phục hồi và phát triển nhanh, giá trị sản xuất đạt 6.865 tỷ đồng, tăng 19,36% so với năm 2021. Một số lĩnh vực và sản phẩm đóng góp lớn về giá trị như: May mặc, vật liệu xây dựng, sản xuất mỳ Chũ, thùng xốp, nước đá công nghiệp, chế biến gỗ,...

- Xây dựng

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công giao năm 2022 là 374,17 tỷ đồng, trong đó: Trả nợ 111 công trình quyết toán, hoàn thành; 30 công trình chuyển tiếp; thanh toán 12 công trình nguồn năm trước chuyển sang; đầu tư xây dựng mới 205 công trình. Đến ngày 31/12/2022, khối lượng thực hiện đạt 374,17 tỷ đồng; tổng công nợ các dự án đầu tư công trên địa bàn huyện là 38,028 tỷ đồng, tăng 4,8% so với cùng kỳ năm trước. Đã tổ chức thẩm định 89 công trình với tổng mức đầu tư 382,8 tỷ đồng; kiểm tra, nghiệm thu 123 công trình. Phê duyệt quyết toán 117 công trình với tổng giá trị 143,5 tỷ đồng. Cấp 106 giấy phép xây dựng nhà ở dân cư đô thị, thực hiện cứng hóa đờng trên 38 km đờng giao thông.

b) Thương mại - dịch vụ - du lịch

Hệ thống chợ đờng quy hoạch, nâng cấp, mở rộng, chuyển đổi mô hình quản lý, mang lại hiệu quả tích cực. Công tác xúc tiến thương mại đờng đẩy mạnh, hình thức phong phú, đa dạng góp phần mở rộng thị trường tiêu thụ các sản phẩm của địa phương. Hoạt động tài chính, ngân hàng phát triển mạnh cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển; huy động vốn và dư nợ tín dụng tăng trưởng khá. Các loại hình dịch vụ bưu chính, viễn thông, vận tải, bảo hiểm, y tế, giáo dục phát triển nhanh, chất lượng ngày càng nâng cao, đáp ứng tốt nhu cầu của nhân dân. Hoạt động du lịch sinh thái, cộng đồng gắn với vùng cây ăn quả có bước phát triển; đã thu hút đáng kể lượng khách du lịch vào địa bàn.

Năm 2020, tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn huyện đạt 5.134 tỷ đồng (theo giá hiện hành đạt 7.890 tỷ đồng); tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 15,38%/năm. Toàn huyện có 19 chợ (01 chợ hạng 1, 01 chợ hạng 2, 17 chợ hạng 3). Giai đoạn 2016 - 2020, có trên 155.000 lượt khách đến thăm quan, du lịch;

trong đó, có khoảng trên 4.000 khách nước ngoài (bình quân đạt trên 31.000 lượt khách/năm).

Năm 2022, tổng giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ đạt 6.899 tỷ đồng (giá hiện hành), tăng 17,05% so với cùng kỳ năm 2021; giá trị lưu chuyển hàng hóa đạt 5.484 tỷ đồng. Cấp ủy, chính quyền và cộng đồng doanh nghiệp đã kịp thời, linh hoạt thực hiện các giải pháp xúc tiến thương mại, chuyên hướng mở rộng thị trường nội địa để tiêu thụ tới 2/3 tổng sản lượng vải thiều. Chủ động đổi mới, chuyển hướng các hoạt động quảng bá, xúc tiến tiêu thụ sản phẩm đặc trưng gắn với khai thác, khơi dậy tiềm năng phát triển dịch vụ du lịch của huyện thông qua các chương trình du lịch theo mùa (Chương trình Hương sắc mùa hè; Chương trình Về miền quả ngọt Lục Ngạn), tạo được hiệu ứng tốt và sức hút mới cho địa phương. Công tác quản lý thị trường được duy trì; tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động kinh doanh vật tư nông nghiệp, xăng dầu, các mặt hàng sinh hoạt thiết yếu, chống gian lận thương mại,...

#### c) Nông - lâm nghiệp - thủy sản

Tiếp tục hoàn thiện quy hoạch vùng sản xuất, đa dạng hóa các loại cây trồng, vật nuôi nhằm khai thác và phát huy tiềm năng, lợi thế; tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện hiệu quả các đề án, dự án, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất. Cây ăn quả, nhất là vải thiều tiếp tục duy trì ổn định diện tích và phát triển theo hướng đa dạng, nâng cao chất lượng, giá trị, hiệu quả; việc phát triển đàn vật nuôi được quan tâm, một số mô hình có hiệu quả kinh tế cao được chú trọng triển khai như chăn nuôi trâu, bò, ngựa, dê, gia cầm...; sản xuất lâm nghiệp phát huy hiệu quả tích cực; triển khai thực hiện chương trình OCOP “*Mỗi xã một sản phẩm*”, nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng, xây dựng thương hiệu các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của địa phương, góp phần nâng cao vị thế, chất lượng và khả năng cạnh tranh trên thị trường. Tổng giá trị sản xuất ngành nông - lâm nghiệp năm 2022 đạt 3.671 tỷ đồng.

#### - Nông nghiệp

Sản xuất nông nghiệp được duy trì được ổn định, các chỉ tiêu đều đạt kế hoạch đề ra, tuy nhiên tốc độ tăng trưởng có thấp hơn so với những năm trước do nhiều yếu tố, đặt ra yêu cầu đẩy mạnh tái cơ cấu, chuyển dịch trong sản xuất nông nghiệp của huyện. Các loại cây trồng chủ lực đạt sản lượng khá tốt; cây vải thiều diện tích 17.357 ha, tăng 1.907 ha, tổng sản lượng 126.623 tấn, bằng 87,4% sản lượng năm 2021. Hoạt động xuất khẩu vải thiều gặp khó khăn, song việc mở rộng thị trường nội địa được đẩy mạnh đã đảm bảo khả năng tiêu thụ tối đa sản phẩm của địa phương. Cây có múi, cây táo, ổi,... đang cho thu hoạch, ước tổng sản lượng khoảng 70.000 tấn, hiện việc tiêu thụ và giá bán rất thuận lợi. Giá trị thu nhập từ cây ăn quả toàn huyện ước đạt 4.081 tỷ đồng. Hoạt động chăn nuôi phục hồi nhanh sau dịch bệnh; công tác phòng ngừa, vệ sinh, thú y được triển khai thường xuyên, không để bùng phát bệnh dịch trong chăn nuôi, tạo sự ổn định về thị trường thực phẩm trên địa bàn. Năm 2022, diện tích cây lúa là 1.557, sản lượng thóc đạt 8.872 tấn; cây ngô là 2.541, sản lượng đạt 11.860 tấn; vải chín sớm 34.133 tấn, vải chính vụ 92.490 tấn, bằng 87,43% sản lượng

năm 2021,... Toàn huyện hiện có 5.436 con trâu; đàn bò 3.834 con; đàn lợn 45.256 con; gia cầm các loại (gà, vịt, ngan, ngỗng, gia cầm khác) 2,21 triệu con; đàn dê 10.324 con; đàn ngựa 4.990 con.

#### - Lâm nghiệp

Năm 2022, toàn huyện trồng mới được 1.766,17 ha rừng, đạt 135,8% kế hoạch; trồng 800.000 cây keo và cây phân tán theo chương trình 01 tỷ cây xanh; khai thác 1.380 ha rừng trồng, tổng khối lượng lâm sản đạt 149.000 m<sup>3</sup> gỗ, giá trị lâm sản đạt trên 178 tỷ đồng.

### **1.3. Thu, chi ngân sách nhà nước**

Hoạt động thu, chi ngân sách được quản lý chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; huyện đã tập trung đồng bộ, quyết liệt các biện pháp chống thất thu, tăng thu ngân sách, khai thác và quản lý tốt nguồn thu tại địa bàn; hằng năm, số thu đều đạt và vượt chỉ tiêu tỉnh giao. Thực hiện phân bổ và giao dự toán ngân sách theo đúng Luật Ngân sách nhà nước; chỉ đạo điều hành ngân sách bám sát dự toán được giao, điều chỉnh, bổ sung kịp thời khi có nhiệm vụ phát sinh, đảm bảo đáp ứng các nhiệm vụ chi theo quy định. Kiểm soát chặt chẽ chi ngân sách, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước. Tổng thu ngân sách nhà nước tại địa bàn trong giai đoạn 2015-2020 đạt 631,694 tỷ đồng (vượt 20,4% dự toán tỉnh giao), tốc độ tăng thu ngân sách nhà nước đạt 20,18%; tổng chi ngân sách đạt 6.120 tỷ đồng; trong đó, chi đầu tư phát triển trên 733,286 tỷ đồng, chiếm 12% tổng chi ngân sách.

Năm 2022, thu ngân sách đạt 1.523,83 tỷ đồng, đạt 122,66% dự toán, bằng 104,68% so với cùng kỳ năm 2021 (gồm: Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên đạt 1.039,36 tỷ đồng, từ điều tiết từ nguồn thu ngân sách tại địa bàn huyện trong dự toán đạt 360,59 tỷ đồng; thu kết dư ngân sách năm trước đạt 676 triệu đồng; thu bổ sung từ chuyên nguồn đạt 123,21 tỷ đồng). Trong đó thu ngân sách tại địa bàn trong dự toán đạt 412,06 tỷ đồng, đạt 149,98% dự toán tỉnh giao, bằng 91,57% dự toán huyện giao, bằng 87,85% so với cùng kỳ năm 2021. Chi ngân sách nhà nước đạt 1.523,83 tỷ đồng, đạt 122,66% dự toán, bằng 122,66% so với cùng kỳ năm trước. Hoạt động chi ngân sách được thực hiện đảm bảo đúng dự toán giao và triệt để tiết kiệm. UBND huyện tiếp tục quản lý chặt chẽ việc sử dụng ngân sách của các cơ quan, đơn vị, trường học và ngân sách xã.

Tổng vốn huy động của các ngân hàng, quỹ tín dụng năm 2022, đạt 5.073 tỷ đồng (bằng 119,7% so với cùng kỳ); tổng dư nợ đạt 5.770 tỷ đồng (bằng 122,56% so với cùng kỳ); nợ xấu 30,15 tỷ đồng, chiếm 0,52% tổng dư nợ. Các dịch vụ tài chính đáp ứng nhu cầu tín dụng của doanh nghiệp và người dân. Kho bạc Nhà nước phối hợp các ngân hàng trên địa bàn đáp ứng đủ lượng tiền mặt phục vụ các hoạt động của địa phương; phối hợp thực hiện nghiêm Luật Ngân sách Nhà nước, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động chi, thanh toán các nguồn vốn đảm bảo tiến độ và tuân thủ quy định của Nhà nước.

## **2. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội**

### **2.1. Về giáo dục**

Sự nghiệp giáo dục - đào tạo ổn định và có bước phát triển khá toàn diện; quy mô, mạng lưới trường lớp tiếp tục được củng cố; cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục được đầu tư theo hướng chuẩn hóa và đồng bộ, chất lượng giáo dục đại trà được nâng lên; chất lượng mũi nhọn ổn định. Công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia được quan tâm; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tăng cường về số lượng, chất lượng được nâng lên đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện. Thực hiện hướng nghiệp, dạy nghề, phân luồng học sinh sau trung học tiếp tục được quan tâm; Công tác xã hội hóa giáo dục tiếp tục được quan tâm, hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập có bước phát triển mới.

Toàn huyện có 100 trường học các loại, gồm 33 trường mầm non, 31 trường tiểu học, 30 trường THCS, 05 trường trung học phổ thông và Trung tâm giáo dục thường xuyên - giáo dục dạy nghề. Giai đoạn 2015 - 2020, tổ chức 2.006 lớp với 57.905 học sinh; tham gia các cuộc thi cấp tỉnh đạt 198 giải; tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ đào tạo từ chuẩn trở lên đạt 100%. Tổng kinh phí đầu tư cho GD&ĐT giai đoạn 2015 - 2020 là trên 2.353,8 tỷ đồng, đã hoàn thành xây dựng mới 07 trường đạt chuẩn quốc gia.

Năm 2022, huyện đã hoàn thành tốt kế hoạch năm học 2021 - 2022 và tổ chức triển khai đầy đủ kế hoạch năm học 2022 - 2023. Ngành Giáo dục đẩy mạnh thi đua lập thành tích chào mừng kỷ niệm 40 năm Ngày Nhà giáo Việt Nam. Toàn huyện duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; đạt phổ cập giáo dục THCS mức độ 3 và xóa mù chữ ở 29 xã, thị trấn. Đã dôn, xóa được thêm 14 điểm trường lẻ; tỷ lệ kiên cố hóa trường lớp học toàn huyện đạt 90,99%. Chất lượng giáo dục có chuyển biến tích cực, việc xây dựng trường chuẩn quốc gia đảm bảo kế hoạch đề ra. Tổ chức thi học sinh giỏi cấp huyện lớp 6, 7, 8 đạt 820 giải (37 giải Nhất, 181 giải Nhì, 249 giải Ba, 353 giải Khuyến khích); tổ chức hội thi Tin học trẻ cấp huyện đạt 65 giải; tham gia kỳ thi chọn học sinh giỏi văn hóa cấp tỉnh năm học 2021 - 2022 đạt 36 giải, tăng 12 giải so với năm trước (05 giải Nhì, 11 giải Ba, 12 giải Khuyến khích), xếp thứ 6 toàn tỉnh.

Huyện quan tâm thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, chuyên đổi số trong giáo dục; hưởng ứng tốt các phong trào thi đua của ngành. Tăng cường công tác kiểm tra đề kịp thời nắm bắt, phát hiện sai phạm xử lý kịp thời; tập trung tuyên truyền để học sinh tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%.

## **2.2. Về công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân**

Cấp ủy, chính quyền luôn quan tâm chỉ đạo, đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, nâng cao trình độ, y đức và chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân. Hệ thống y tế trên địa bàn được sắp xếp tinh gọn; cơ sở vật chất, trang thiết bị khám, chữa bệnh tiếp tục được tăng cường theo hướng hiện đại. Nhiệm vụ phòng, chống dịch, bệnh được thực hiện có hiệu quả; tổ chức tốt mạng lưới giám sát dịch bệnh từ cơ sở; thực hiện đầy đủ chương trình tiêm chủng mở rộng, phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ em, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng. Tăng cường kiểm tra hoạt động hành nghề y, dược tư nhân và vệ sinh an toàn thực



phẩm. Mạng lưới y tế cơ sở tiếp tục được tăng cường, 29/29 xã, thị trấn đều đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế. Công tác xã hội hóa các dịch vụ y tế có bước phát triển. Địa bàn huyện hiện có Trung tâm y tế huyện (được thành lập năm 2018, trên cơ sở sáp nhập Trung tâm y tế, Bệnh viện đa khoa và Trung tâm Dân số - KHHGD huyện Lục Ngạn) với quy mô 270 giường bệnh điều trị nội trú (thực kê 430 giường), với tổng số 400 cán bộ, viên chức có chuyên môn cao với 6 phòng ban và 18 khoa; 29 cơ sở y tế tư nhân (đa khoa, mắt, nội tổng hợp, da liễu, răng - hàm - mặt, phụ sản,...) và 29 trạm y tế xã, phường được đầu tư cơ sở vật chất và mua sắm các trang thiết bị hiện đại để nâng cao chất lượng điều trị (máy CT Scanner, máy mổ phaco, thiết bị phẫu thuật nội soi).

Năm 2022, tổng số lượt khám chữa bệnh là 254.374 người (trong đó Trung tâm y tế huyện là 133.799 người, trạm y tế xã là 65.798 người; y tế tư nhân là 54.777 lượt người); địa bàn huyện không xảy ra tình trạng thiếu vật tư, sinh phẩm và thuốc phục vụ khám chữa bệnh. Kiểm tra, phối hợp 90 cơ sở, nhắc nhở 16 cơ sở, xử lý vi phạm hành chính 06 cơ sở, thu phạt 17 triệu đồng; tổ liên ngành xã, thị trấn kiểm tra 171 cơ sở, có 168/171 cơ sở đạt vệ sinh ATTP, nhắc nhở 20 cơ sở, xử lý vi phạm hành chính 05 cơ sở với tổng số tiền 13,5 triệu đồng; không có vụ ngộ độc thực phẩm xảy ra trên địa bàn. Tổ chức 62 hội nghị lồng ghép, 1.732 lượt tư vấn nhóm, 3.517 lượt tư vấn tại hộ gia đình, phát thanh tuyên truyền 4.667 lượt trên hệ thống truyền thanh xã, thôn bản. Đến ngày 31/12/2022, tổng số trẻ em được sinh ra trong năm là 1.618 trẻ (giảm 130 trẻ so cùng kỳ), tỷ suất sinh là 4,90‰, giảm 0,87‰ so với cùng kỳ; có 318 trẻ là con thứ 3 trở lên, chiếm 22,9%; tỷ số giới tính khi sinh là 129,4 nam/100 nữ; có 25/29 xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em.

### **2.3. Văn hóa, thông tin, thể dục thể thao**

Đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân tiếp tục được nâng cao. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội; thực hiện quy chế văn hóa công sở có chuyển biến tích cực. Hạ tầng thông tin phát triển khá đồng bộ; hệ thống truyền thanh, truyền hình được khai thác, sử dụng phát huy hiệu quả. Phong trào văn hóa - văn nghệ, thể thao quần chúng phát triển rộng khắp. Công tác quy hoạch và đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao được quan tâm. Hoạt động bảo tồn, quảng bá, phát huy truyền thống, bản sắc văn hóa riêng của người dân địa phương gắn với phát triển du lịch có tiến bộ. Công tác gia đình, bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ, phòng chống tai nạn, bạo lực, xâm hại phụ nữ, trẻ em được quan tâm.

Năm 2022, tổ chức treo 145 băng vượt đường, tu sửa làm mới 318 pano, xây dựng, phát sóng được 1.985 tin bài trên hệ thống truyền thanh cơ sở; tuyên truyền lưu động được 272 lượt. Cử đoàn VĐV tham gia các giải thể thao do tỉnh tổ chức, kết quả: Giải Vô địch Bóng bàn tỉnh Bắc Giang năm 2022 đạt 01 giải Nhất, 03 giải Ba; giải Đá cầu tỉnh Bắc Giang đạt 01 giải Nhất, 01 giải Ba; giải Cờ tướng xếp thứ 5/10 huyện, thành phố. Hướng dẫn 02 Hợp tác xã thành lập

điểm du lịch; lựa chọn 02 Hợp tác xã đăng ký xây dựng sản phẩm OCOP về du lịch cộng đồng.

#### 2.4. Thực hiện các chính sách xã hội, giải quyết việc làm

##### a) Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách xã hội

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách xã hội, góp phần bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn, nhất là ở địa phương có tỷ lệ hộ nghèo cao, vùng đặc biệt khó khăn. Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia, chính sách giảm nghèo, chính sách dân tộc miền núi; đời sống của nhân dân được cải thiện rõ rệt. Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm được quan tâm. Cơ cấu lao động chuyển dịch tích cực theo hướng giảm tỷ lệ lao động trong lĩnh vực nông nghiệp, tăng tỷ lệ lao động trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng, thương mại, dịch vụ

Năm 2022, các chính sách an sinh xã hội, người có công, dân tộc miền núi, giảm nghèo, lao động việc làm được thực hiện đầy đủ theo quy định, góp phần ổn định đời sống nhân dân. Giải quyết 3.580/3.624 việc làm mới cho người lao động đạt 101,23% kế hoạch; tổng số người đi xuất khẩu lao động 339/310 đạt 109,35% kế hoạch. Công tác tuyên truyền, vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội tự nguyện đạt kết quả tốt (toàn huyện hiện có 5.140/4.898 người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, đạt 104,94% kế hoạch năm). Đến 31/12/2022, đã tổ chức chi trả các chế độ chính sách xã hội cho 124.406 lượt đối tượng thụ hưởng, với tổng số tiền 106.482,282 triệu đồng (chế độ người có công là 36.316 lượt đối tượng, số tiền chi trả 54,99 tỷ đồng; chế độ bảo hiểm xã hội là 88.090 lượt đối tượng, số tiền chi trả 51, 48 tỷ đồng).

##### b) Công tác dân tộc miền núi

Công tác dân tộc miền núi của huyện Lục Ngạn cũng đã có nhiều chuyển biến tích cực, đến nay đời sống vật chất tinh thần của đồng bào các dân tộc thiểu số trong huyện được nâng lên rõ rệt, bộ mặt nông thôn miền núi đang khởi sắc từng ngày, khối đại đoàn kết các dân tộc được củng cố bền chặt. Lục Ngạn có 8 dân tộc anh em cùng sinh sống, chiếm trên 51% dân số của huyện. Những năm qua, các hạng mục đầu tư thuộc dự án xây dựng kết cấu hạ tầng và hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình 135, cũng như các hạng mục hỗ trợ kết cấu hạ tầng và kỹ thuật chăn nuôi được triển khai, góp phần phát triển kinh tế xã hội, đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân vùng dân tộc, giảm tình trạng khó khăn cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo. Đặc biệt, huyện có Đề án hỗ trợ sản xuất cho 13 xã nghèo có tỷ lệ hộ nghèo cao của huyện; trong 5 năm huyện đã tiếp nhận và đầu tư trên 80 tỷ đồng xây dựng 214 công trình các loại cho các xã đặc biệt khó khăn và xã khu vực II có thôn bản đặc biệt khó khăn. Trong đó, 99 công trình đường giao thông và 37 công trình trường học, với tổng số vốn trên 30 tỷ đồng; còn lại là các công trình Điện, Trạm y tế, nhà sinh hoạt cộng đồng và Chợ,... góp phần đặc lực cho sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương các xã vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

##### c) Về xóa đói, giảm nghèo

Để thực hiện công tác giảm nghèo hiệu quả và bền vững trong thời gian qua, các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể luôn quán triệt sâu sắc quan điểm chỉ đạo của tỉnh và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện đề ra, trong đó coi công tác giảm nghèo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và của người dân, là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu để đẩy mạnh phát triển kinh tế, ổn định chính trị - xã hội và không ngừng cải thiện đời sống nhân dân. Thực hiện đa dạng hóa các nguồn lực để thực hiện giảm nghèo bền vững, chủ động và tích cực tranh thủ nguồn kinh phí của Trung ương và tỉnh phân bổ cho địa phương. Hàng năm huyện đặc biệt ưu tiên bố trí ngân sách huyện để đảm bảo thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững theo chương trình, kế hoạch đã đề ra; Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội của huyện luôn phối hợp chặt chẽ với các ngành chức năng của huyện và các xã, thị trấn, triển khai thực hiện tốt việc huy động “Quỹ vì người nghèo”; đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động và tích cực huy động sự đóng góp, tài trợ của các doanh nghiệp, các tổ chức và cá nhân trong và ngoài huyện nhằm tăng nguồn lực cho thực hiện các mục tiêu giảm nghèo bền vững. Các cấp, các ngành, các đoàn thể cũng đã phát huy tinh thần tương thân, tương ái, tuyên truyền vận động cộng đồng giúp đỡ người nghèo vượt qua khó khăn, vươn lên trong cuộc sống, thi đua sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm và thu nhập ổn định để thoát nghèo bền vững...

Tổng số hộ nghèo trên địa bàn huyện Lục Ngạn năm 2020 là 2.148 hộ/56.213 hộ, chiếm tỷ lệ 3,82%; năm 2021 là 3.776 hộ/56.601 hộ, chiếm tỷ lệ 6,67%; năm 2022 là 2.754 hộ/56.655 hộ, chiếm tỷ lệ 4,86%. Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm 2020-2022 trên địa bàn huyện Lục Ngạn là 5,12%.

### **3. Về quốc phòng, an ninh**

#### **3.1. Về quân sự, quốc phòng**

Quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Nhà nước về công tác quốc phòng - quân sự địa phương; xây dựng lực lượng bộ đội thường trực, dự bị động viên và dân quân, tự vệ vững mạnh; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ huấn luyện, diễn tập, động viên, tuyển quân hằng năm. Chăm lo xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân; gắn phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh trên địa bàn. Quan tâm đầu tư xây dựng khu vực phòng thủ huyện ngày càng vững chắc; rà soát, điều chỉnh quy hoạch thể trận quân sự trong khu vực phòng thủ và đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Đã hoàn thành 100% chỉ tiêu kế hoạch giao nhận quân năm 2022 (379 công dân tham gia nghĩa vụ quân sự, 32 công dân nghĩa vụ công an nhân dân); hoàn thành tốt các kế hoạch diễn tập năm 2022; đang tập trung triển khai sơ tuyển quân năm 2023.

#### **3.2. Về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội**

Cấp ủy, chính quyền các cấp đã tăng cường công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời chỉ đạo giải quyết các vụ việc phức tạp về ANTT ngay từ khi mới phát sinh;

tăng cường công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự; phòng ngừa và đấu tranh quyết liệt với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội. Chú trọng xây dựng lực lượng công an nhân dân vững mạnh về mọi mặt; hoàn thành bố trí công an chính quy về 29 xã, thị trấn. Phối hợp chặt chẽ hoạt động của các cơ quan tư pháp trong việc đảm bảo an ninh trật tự, xử lý các loại tội phạm. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc tiếp tục phát huy hiệu quả với nhiều hình thức phong phú, hiệu quả. Thực hiện đồng bộ, quyết liệt các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông góp phần giảm thiểu tối đa tai nạn giao thông.

Năm 2022, đã giải quyết xong vụ việc phức tạp kéo dài nhiều năm về tranh chấp rừng và đất lâm nghiệp giữa một số hộ dân tại xã Đèo Gia, xã Phú Nhuận (với bộ phận người dân xã Yên Định, huyện Sơn Động). Có 07 đoàn, 75 người nước ngoài thuộc 11 quốc gia nhập cảnh vào địa phương (Trung Quốc 63, Iraq 01, Anh 01, Mỹ 04, Đức 01, Hàn Quốc 05, Bosina 03, Serbia 02; mục đích thăm thân 21, du lịch 07, làm việc 10, thu mua vải thiều 37. Phát hiện có 699 công dân vắng mặt tại địa phương nghi xuất cảnh sang nước ngoài lao động; có 157 người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc quay trở về địa phương. Trong năm địa bàn huyện xảy ra 61 vụ phạm tội về trật tự xã hội (giảm 15 vụ so với năm 2021), hậu quả làm 01 người chết, 18 người bị thương, tài sản bị xâm hại khoảng 850 triệu đồng, đã điều tra, làm rõ 44 vụ, 90 đối tượng. Bắt, vận động đầu thú 05 đối tượng truy nã. Bắt giữ 24 vụ 155 đối tượng, thu giữ 410 triệu đồng, trong đó khởi tố 07 vụ 40 bị can. Triệt xóa 02 tụ điểm phức tạp về ma túy; bắt giữ 27 vụ 39 đối tượng phạm tội về ma túy. Khởi tố vụ án, khởi tố 02 bị can về tội chứa mại dâm, đưa vào diện theo dõi, quản lý đối với 30 trường hợp. Tuần tra, kiểm soát, lập biên bản 3.142 trường hợp vi phạm về ATGT, tạm giữ 683 phương tiện; tước giấy phép lái xe có thời hạn 47. 584 trường hợp; xử lý 3.069 trường hợp vi phạm. Xảy ra 24 vụ tai nạn giao thông, làm chết 10 người, bị thương 23 người (giảm 02 vụ, giảm 01 người chết và giảm 06 người bị thương so với năm 2021).

## **VIII. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG**

### **1. Về hạ tầng xã hội**

#### **a) Cơ quan, công sở**

Tại khu vực trung tâm (khu vực dự kiến thành lập thị xã Chũ) có 31 cơ sở cơ quan công sở, an ninh quốc phòng; trong đó, 26 cơ sở cơ quan công sở, 05 cơ sở an ninh quốc phòng.

Khu vực huyện Lục Ngạn còn lại chưa có các công trình công sở cấp huyện chỉ có trụ sở làm việc của 19 xã (Đảng ủy, HĐND, UBND, MTTQ xã). Về quy mô, chất lượng nhà công sở cơ bản hiện nay đều có trụ sở làm việc đảm bảo chất lượng (trụ sở làm việc kết cấu khung chịu lực, tầng cao từ 2 tầng trở lên, niên hạn sử dụng từ 20 năm trở lên).

#### **b) Hiện trạng về dân cư và nhà ở**

Khu vực dự kiến thành lập thị xã Chũ có 01 thị trấn, 09 xã với tổng diện tích khu dân cư khoảng 3.154,81 ha, chiếm 25,70% diện tích tự nhiên; 27.035

ngôi nhà; trong đó, có khoảng 7.956 nhà kiên cố, 16.753 nhà bán kiên cố, 467 nhà tạm, 5.569 nhà đạt tiêu chuẩn.

Các khu dân cư nông thôn mang đặc trưng của thôn, bản vùng miền núi, dân cư ở thưa thớt không tập trung.

#### c) Hạ tầng giáo dục

Cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học được quan tâm, tạo điều kiện hỗ trợ cho giáo viên, học sinh các cấp tham gia nghiên cứu, học tập; sự nghiệp “trồng người” thường xuyên được chăm lo, chất lượng giáo dục toàn diện được duy trì ổn định và có chuyển biến tích cực, trong đó chất lượng đào tạo mũi nhọn có nhiều tiến bộ vượt bậc.

Địa bàn huyện hiện có 100 cơ sở giáo dục, gồm: Giáo dục mầm non có 33 cơ sở; Trường tiểu học có 31 cơ sở; Trường trung học cơ sở có 30 cơ sở; Trung học phổ thông có 04 cơ sở và Trường dân tộc nội trú huyện, 01 Trung tâm giáo dục dạy nghề huyện tập trung ở 29 xã, thị trấn.

#### d) Hạ tầng y tế

Hệ thống y tế trên địa bàn từng bước được nâng cao về chất lượng; quan tâm đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị khám, chữa bệnh. Đội ngũ y, bác sỹ được duy trì ổn định. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được duy trì tốt, hoạt động khám, chữa bệnh, bảo hiểm y tế đã phần nào đáp ứng được nhu cầu của nhân dân.

Huyện Lục Ngạn hiện có 01 Trung tâm y tế huyện, quy mô 290 giường bệnh với 270 cán bộ, nhân viên y tế; 29 Trạm y tế xã; cơ sở y tế ngoài công lập có Phòng khám đa khoa Mỹ Phát quy mô 1.200 m<sup>2</sup>, với 40 cán bộ, nhân viên y tế; Bệnh viện đa khoa Bắc Thăng Long quy mô 10.119 m<sup>2</sup>, với 50 giường bệnh và 168 cán bộ, nhân viên y tế.

#### đ) Hạ tầng văn hóa thể thao

- Công trình văn hóa cấp huyện có Trung tâm văn hóa thể thao huyện diện tích 3.000 m<sup>2</sup>, Nhà hội trường huyện diện tích 1.000 m<sup>2</sup>, Thư viện huyện 60 m<sup>2</sup> và bể bơi trung tâm huyện diện tích 336 m<sup>2</sup>.

- Hệ thống công trình văn hóa cấp khu ở có Trung tâm văn hóa thể thao và nhà văn hóa 29/29 xã, thị trấn và Nhà văn hóa ở các thôn, khu phố.

#### e) Hiện trạng công trình thương mại

Tại khu vực trung tâm có khoảng 113,50 ha đất công trình thương mại; có 21 cơ sở dịch vụ, thương mại; trong đó, 11 chợ, 01 hiệu sách, 03 cửa hàng sách, 04 công ty.

Khu vực huyện Lục Ngạn mới chưa có các công trình dịch vụ thương mại lớn, mang tính chất vùng, chủ yếu là các chợ dân sinh hạng III nằm tại 12/19 xã; trong đó có 09 chợ đã được đầu tư bán kiên cố, 03 chợ tạm tại xã Tân Quang, Cẩm Sơn và Tân Hoa.

## 2. Hạ tầng kỹ thuật

## 2.1. Hệ thống giao thông

### a) Hệ thống đường Quốc lộ, đường tỉnh

Trên địa bàn huyện có 133,5 km đường Quốc lộ và đường tỉnh; trong đó, có 02 tuyến Quốc lộ dài 67 km và 03 tuyến đường tỉnh dài 66,5 km.

Đường Quốc lộ: Tổng chiều dài các tuyến quốc lộ là 67 km, trong đó: Quốc lộ 31 dài 40 km chạy qua địa bàn huyện có kết cấu mặt đường láng nhựa rộng 6,5m; từ thành phố Bắc Giang đến huyện Lục Ngạn, huyện Sơn Động đi tỉnh Lạng Sơn; Quốc lộ 279 dài 27 km từ Quảng Ninh qua huyện Sơn Động, huyện Lục Ngạn đi tỉnh Lạng Sơn. Tuyến đường Quốc lộ 279 chất lượng tương đối tốt và phát huy hiệu quả giao thông đối ngoại của huyện Lục Ngạn, tuyến đường Quốc lộ 31 bị hư hỏng nặng khó khăn trong lưu thông.

Đường tỉnh: Có 03 tuyến đường tỉnh chạy qua với tổng chiều dài là 66,5 km, trong đó:

- Đường tỉnh 248, với chiều dài 26 km có kết cấu mặt đường đá dăm láng nhựa rộng 3,5m, hiện trạng mặt đường đang xuống cấp.

- Đường tỉnh 289, với chiều dài 25,5 km có kết cấu mặt đường đá dăm láng nhựa rộng 3,5m, hiện trạng đã và đang được cải tạo nâng cấp lên đường cấp III, kết cấu mặt đường bê tông atphán, mặt đường rộng từ 9m đến 15m.

- Đường tỉnh 290, với chiều dài 14 km có kết cấu mặt đường bê tông xi măng rộng 9,0m, hiện trạng mặt đường tốt.

### b) Hệ thống đường huyện, xã, thôn (đường giao thông nông thôn)

Toàn huyện có 2.371,4 km đường giao thông nông thôn; trong đó đã cứng hoá 2.065 km đạt 89,4%; chưa cứng hoá 251,1 km chiếm 10,6%.

- Đường huyện: Có 07 tuyến đường với tổng chiều dài 117,2 km; đã cứng hoá 113,2 km đạt 96,6%. Nhiều đoạn tuyến có kết cấu mặt đường đá dăm láng nhựa đã bị xuống cấp hư hỏng; tuyến đường đất Tân Hoa - Kim Sơn - Biền Động - Phú Nhuận rất xấu hiện nay đang được cải tạo, nâng cấp mặt đường bê tông xi măng rộng 5,5m.

- Đường xã: Có tổng chiều dài 402,3 km; đã cứng hoá 382,2 km đạt 95,0%. Hiện nay nhiều đoạn kết cấu mặt đường đá dăm láng nhựa, mặt đường bê tông xi măng xây dựng đã lâu đang bị xuống cấp hư hỏng.

- Đường thôn, nội đồng: Có tổng chiều dài 1.851,9 km; đã cứng hoá 1619 km đạt 87,42%. Hiện nay nhiều đoạn mặt đường bê tông xi măng xây dựng từ trước, đường đất, đất cấp phối xấu, đi lại không êm thuận.

### c) Giao thông đường thủy nội địa

- Đường sông có chiều dài khoảng 40 km, có 03 cầu bê tông (cầu Chũ, cầu Chũ mới trên đường tỉnh 289, cầu Xạ Nhỏ ở xã Đèo Gia), 03 bến khách ngang sông và 09 cầu phao, 01 bến hàng hoá (bến Đầm, xã Phụng Sơn), 01 cảng Mỹ An đang xây dựng. Hiện nay chỉ có cầu Chũ và cầu Xạ Nhỏ đang khai thác, cầu Chũ mới trên đường tỉnh 289 đang trong giai đoạn hoàn thành. Bến

khách ngang sông (bến Đầm) được nhà nước đầu tư, còn lại các bến khác do nhân dân tự đầu tư nên chất lượng còn thấp.

Các hồ, đập lớn thường xuyên có người và phương tiện tham gia giao thông qua lại gồm: Hồ Cẩm Sơn, hồ Khuôn Thần, có 02 bến thủy nội địa được đầu tư xây dựng phục vụ người và phương tiện tham gia giao thông, còn lại vẫn là bến tạm chưa kiên cố.

## **2.2. Hiện trạng thoát nước mặt**

Địa bàn huyện Lục Ngạn chưa có hệ thống thoát nước hoàn chỉnh; hệ thống thoát chung nước mặt và nước thải. Các tuyến ống thoát nước chủ yếu được xây dựng dọc theo các khu dân cư bám theo tuyến đường tỉnh 289, đường tỉnh 290, Quốc lộ 31. Tại các xã nông thôn phần lớn thoát nước theo độ dốc tự nhiên từ cao xuống thấp vào hệ thống ao hồ và kênh mương; một số tuyến đường bê tông trong các khu dân cư đã có rãnh thoát nước.

Khu vực dự kiến thành lập thị xã Chũ được phân thành 14 lưu vực thoát nước theo các con suối, dòng chảy hiện hữu, tổng diện tích khoảng 31.195 ha.

Tại các xã trong huyện, hệ thống thoát nước chỉ có một vài tuyến công, mương xây hở thoát nước bám theo các trục đường giao thông chính ở khu trung tâm (thoát chung cả nước mưa và nước thải). Nước thải phần lớn được xử lý bằng bể tự hoại hoặc chảy theo địa hình tự nhiên đổ ra sông, suối,...

## **2.3. Hiện trạng cấp nước**

Nguồn nước mặt chính cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn huyện Lục Ngạn là sông Lục Nam; có hệ thống xử lý nước sạch gồm Trạm bơm cấp 1 - hệ thống bể lắng - hệ thống bể lọc. Bê khử trùng làm sạch và hệ thống bơm tăng áp cung cấp nước đến hộ dân với công suất 3.000 m<sup>3</sup>/ngđ.

Khu vực các xã nông thôn có nguồn nước chủ yếu lấy từ nước mặt, nước mưa và nước ngầm. Địa bàn toàn huyện hiện có 22 công trình cấp nước tập trung nông thôn tổng công suất 2.992 m<sup>3</sup>/ngđ.

## **2.4. Cấp điện**

Hệ thống điện tiếp tục được cải tạo, xây mới và nâng cấp mở rộng. Ngành điện đã đầu tư thay thế mới hệ thống trạm biến áp, dây hạ áp, trạm chống quá tải... Tuy nhiên, chất lượng đường dây điện và hệ thống cột điện chưa đảm bảo tiêu chuẩn, ngành điện tiếp tục phối hợp với các xã xây dựng nông thôn mới để thực hiện hoàn thành tiêu chí về điện.

Nguồn cấp điện của huyện Lục Ngạn là Trạm biến áp 110 kV Lục Ngạn 2x40 MVA. Năm 2019, xây dựng thêm trạm 110 kV Lục Ngạn 2 trên địa bàn xã Mỹ An, 01 Máy biến áp, tổng công suất đạt 25 MVA, 06 lộ xuất tuyến

## **2.5. Hiện trạng thông tin liên lạc**

Toàn bộ địa bàn huyện Lục Ngạn đã được phủ sóng di động, internet (3G, 4G); gồm có 29 bưu điện, 01 tổng đài vệ tinh, hệ thống các trạm thu phát sóng di động (BTS).

Hiện tại địa bàn huyện có 3 doanh nghiệp tham gia cung cấp dịch vụ điện thoại cố định: Viễn Thông Quân đội (cung cấp dịch vụ điện thoại cố định hữu tuyến và vô tuyến), viễn thông VNPT (cung cấp dịch vụ điện thoại cố định hữu tuyến và vô tuyến), viễn thông Mobifone (cung cấp dịch vụ điện thoại cố định hữu tuyến và vô tuyến).

Dịch vụ viễn thông, Internet có viễn thông Bắc Giang và Viễn thông Quân Đội cung cấp dịch vụ internet. Mạng Internet tốc độ cao ADSL đã triển khai cung cấp dịch vụ toàn huyện Lục Ngạn.

## **2.6. Hiện trạng thoát nước thải, quản lý CTR và nghĩa trang**

### **a) Nước thải**

- Tại một số khu vực thành lập thị xã Chũ đã có cống hộp, ở hai bên đường chủ yếu thoát nước mưa và một phần nước thải; các khu vực dân cư khác chưa có hệ thống thoát nước thải tách riêng; nước thải sinh hoạt chỉ xử lý qua bể tự hoại trước khi ra hệ thống chung. Các cơ sở sản xuất, dịch vụ, trạm y tế, nước thải hầu như chưa được xử lý mà thải trực tiếp ra các rãnh thoát nước và thấm trực tiếp xuống đất. Các khu vực nông thôn, nước mưa và nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư và các công trình công cộng được thải trực tiếp ra sông, hồ, kênh, mương, hoặc tự thấm.

- Tại các xã, hệ thống thoát nước chỉ có một vài tuyến cống, mương xây hở thoát nước bám theo các trục đường giao thông chính ở khu trung tâm (thoát chung cả nước mưa và nước thải). Nước thải phần lớn được xử lý bằng bể tự hoại hoặc chảy theo địa hình tự nhiên đổ ra sông, suối...

### **b) Chất thải rắn**

Cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt trong khu vực dự kiến thành lập thị xã Chũ có bãi rác thải huyện Lục Ngạn khoảng 10 ha. Rác thải trong khu vực đang được Công ty môi trường đô thị tổ chức thu gom hàng ngày, vận chuyển và đổ ra bãi rác thải của huyện Lục Ngạn.

Trên địa bàn 19 xã rác thải được thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định đảm bảo vệ sinh môi trường tại lò đốt rác thải sinh hoạt cấp xã và Nhà máy xử lý CTR sinh hoạt bằng công nghệ TTD-01.

### **c) Nghĩa trang tập trung**

Hiện tại, trong khu vực dự kiến thành lập thị xã Chũ có khoảng 111 nghĩa trang, nghĩa địa. Nghĩa địa nhỏ lẻ theo các cụm dân cư với tổng diện tích khoảng 95 ha (thị trấn Chũ có 05; xã Hồng Giang có 09; xã Thanh Hải có 11; xã Trù Hựu có 07; xã Phượng Sơn có 05; xã Quý Sơn có 23; xã Nam Dương có 06; xã Mỹ An có 05; xã Tân Mộc có 02; xã Kiên Lao có 11; xã Kiên Thành có 14).

Khu vực huyện Lục Ngạn mới có tổng diện tích nghĩa trang khoảng 202,76 ha. Hiện tại các nghĩa trang được UBND các xã giao cho Ban Quản lý các thôn trực tiếp quản lý, sử dụng theo quy định. Tuy nhiên, phần lớn các nghĩa địa tại các thôn, khu phố do tập quán của địa phương các nghĩa địa đã hình thành từ lâu đời do vậy các nghĩa trang đều chưa đáp ứng yêu cầu theo quy định.



## **IX. HIỆN TRẠNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ**

### **1. Về tổ chức bộ máy hệ thống chính trị**

a) Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Lục Ngạn khóa XXV có 41 đồng chí. Trong đó, Ban Thường vụ có 13 đồng chí, gồm: 01 đồng chí Bí thư - Chủ tịch HĐND, 02 Phó Bí thư, 01 Phó Chủ tịch HĐND, 02 Phó Chủ tịch UBND và các đồng chí là Trưởng Công an, Chỉ Huy trưởng Quân sự, Thủ trưởng cơ quan: Tổ chức, Kiểm tra, Tuyên giáo, Dân vận, Ủy ban Mặt trận tổ quốc, Bí thư Đảng ủy thị trấn Chũ.

b) Cơ quan khối Đảng: Văn phòng Huyện ủy, Ban Tổ chức, Ủy ban Kiểm tra, Ban Dân vận, Ban Tuyên giáo, Trung tâm Bồi dưỡng chính trị.

c) HĐND huyện Lục Ngạn 35 đại biểu, Bí thư là Chủ tịch HĐND, 01 Phó Chủ tịch HĐND và Ban Pháp chế (01 Phó Ban chuyên trách), Ban Kinh tế - xã hội (01 Phó Ban chuyên trách).

d) UBND huyện Lục Ngạn có 17 thành viên, gồm: Chủ tịch UBND, 03 Phó Chủ tịch UBND và 13 thành viên khác là thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, Trưởng Công an huyện, Chỉ huy trưởng BCH Quân sự huyện.

đ) Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, gồm: Ủy ban Mặt trận tổ quốc huyện, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội nông dân, Liên đoàn lao động, Huyện đoàn. Cơ quan giúp việc được tổ chức theo mô hình cơ quan giúp việc chung.

e) Hội chữ thập đỏ (tổ chức xã hội có sử dụng biên chế viên chức của khối chính quyền).

g) Cơ quan chuyên môn thuộc UBND có 13 đơn vị, gồm: Văn phòng HĐND - UBND, các phòng: Y tế, Giáo dục - Đào tạo, Nội vụ, Thanh tra, Lao động Thương binh và Xã hội, Văn hóa - Thông tin, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế và hạ tầng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Dân tộc.

h) Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện có:

- Sự nghiệp giáo dục có 93 Trường học công lập trực thuộc và 01 trường Mầm non tư thục.

- Sự nghiệp y tế có 29 trạm y tế trực thuộc Trung tâm y tế huyện.

- Sự nghiệp thuộc UBND huyện có 04 đơn vị, gồm: Trung tâm văn hóa - thông tin và thể thao huyện; Trung tâm phát triển quỹ đất và quản lý trật tự giao thông, xây dựng và môi trường; Trung tâm dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp; Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Ngoài ra, còn có Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường) và các đơn vị theo ngành dọc của trung ương đứng chân trên địa bàn huyện, gồm: Chi cục thống kê, Chi cục thuế Lục Ngạn - Sơn Động, Kho bạc nhà nước, Bảo hiểm xã hội, hệ thống các ngân hàng.

## **2. Cán bộ, công chức, viên chức**

### **2.1. Huyện Lục Ngạn**

#### **a) Hội đồng nhân dân huyện**

- HĐND huyện có 35 đại biểu, Thường trực HĐND có 01 Chủ tịch HĐND (Bí thư Huyện ủy kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND; 02 trưởng các Ban của HĐND (kiêm nhiệm).

- Trình độ chuyên môn đại học trở lên 34 người, chiếm 97,14%; sơ cấp 1 người, chiếm 2,86%. Lý luận chính trị cao cấp 18 người, chiếm 51,43; trung cấp 16 người, chiếm 45,71%.

#### **b) Ủy ban nhân dân huyện**

- UBND huyện có 13 phòng, ban chuyên môn với 89 cán bộ, công chức.

- Trình độ chuyên môn đại học trở lên 89 người, chiếm 100%. Lý luận chính trị cao cấp 31 người, chiếm 34,83%; trung cấp 34 người, chiếm 38,20%.

## **2.2. Cấp xã**

#### **a) Cán bộ, công chức cấp xã**

Tổng số cán bộ, công chức cấp xã là 571 người, gồm cán bộ là 315 người, công chức là 256 người. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ có 15 người, chiếm 3%; đại học có 533 người, chiếm 93%; cao đẳng là 07 người, chiếm 01%; trung cấp là 16 người, chiếm 3%.

- Trình độ chính trị: Cao cấp có 09 người, chiếm 02%; trung cấp có 492 người, chiếm 86%; sơ cấp có 63 người, chiếm 11%.

#### **b) Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã là cán bộ, công chức cấp xã**

Tổng số cán bộ, công chức cấp xã là đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã là 300 người, gồm cán bộ là 244 người, công chức là 56 người. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ có 4 người, chiếm 01%; đại học có 280 người, chiếm 93%; cao đẳng là 2 người, chiếm 01%; trung cấp là 3 người, chiếm 01%.

- Trình độ chính trị: Cao cấp có 3 người, chiếm 01%; trung cấp có 282 người, chiếm 94%; sơ cấp có 4 người, chiếm 01%.

#### **c) Người hoạt động không chuyên trách**

- Người hoạt động không chuyên trách 29 xã, thị trấn là 145 người.

- Ở thôn, tổ dân phố: Huyện Lục Ngạn có 322 thôn, tổ dân phố với 904 người hoạt động không chuyên trách.

## **B. HIỆN TRẠNG KHU VỰC DỰ KIẾN THÀNH LẬP THỊ XÃ CHỦ I. VỀ VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, VAI TRÒ CỦA KHU VỰC DỰ KIẾN THÀNH LẬP THỊ XÃ CHỦ**

## 1. Về vị trí

Khu vực dự kiến thành lập thị xã Chũ nằm tại vị trí trung tâm huyện Lục Ngạn, có các tuyến giao thông thuận lợi kết nối liên vùng với các huyện lân cận như Lục Nam, Sơn Động cũng như tỉnh Lạng Sơn, tỉnh Quảng Ninh - những khu vực có nền kinh tế phát triển mạnh mẽ của vùng trung du và đồng bằng Bắc bộ. Có các điều kiện tự nhiên thuận lợi, tài nguyên đất đai gắn với cảnh quan tự nhiên phong phú như hồ Khuôn Thần, chùa Am Vãi,... Trên cơ sở đó, khu vực dự kiến thành lập thị xã Chũ có nhiều tiềm năng để trở thành trung tâm phát triển kinh tế - xã hội và trở thành một trong những động lực thúc đẩy phát triển của vùng phía Đông Bắc tỉnh Bắc Giang.

## 2. Chức năng, vai trò

### a) Về vai trò

Theo Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 17 tháng 02 năm 2022, trên cơ sở địa lý tự nhiên, đặc điểm dân cư và văn hóa xã hội, điều kiện, trình độ phát triển và dự báo khả năng phát triển, tỉnh Bắc Giang phân thành 03 vùng kinh tế như sau:

- Vùng phía Đông: gồm các huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, lấy thị trấn Chũ là trung tâm vùng.

- Vùng phía Bắc: gồm các huyện Yên Thế, Tân Yên, Lạng Giang, lấy thị trấn Vôi là trung tâm.

- Vùng trọng điểm (vùng Tây Nam tỉnh): gồm các huyện Hiệp Hòa, Việt Yên, Yên Dũng, thành phố Bắc Giang và một phần phía Nam, huyện Lạng Giang, Tây, Tây Nam huyện Lục Nam.

Đối với vùng kinh tế phía Đông của tỉnh thì đô thị trung tâm vùng là đô thị Chũ (Lục Ngạn): Tính chất là trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội của vùng miền núi phía Đông tỉnh Bắc Giang, phát triển theo hướng tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực gồm: Công nghiệp - Dịch vụ - Nông, lâm nghiệp; phát triển đô thị gắn với các đô thị động lực của tỉnh; là đầu mối giao thông quan trọng của vùng phía Đông và của tỉnh.

Theo Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2019 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt đề án Quy hoạch chung xây dựng đô thị Chũ, tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (tỉ lệ 1/10.000), đô thị Chũ được định hướng:

- Là đô thị trung tâm tổng hợp cấp vùng tỉnh, đầu mối giao lưu thương mại, du lịch, dịch vụ, động lực phát triển vùng Đông Bắc tỉnh Bắc Giang; lấy vùng nguyên liệu nông, lâm nghiệp gắn với công nghiệp chế biến nông sản, nông nghiệp hàng hóa, sinh thái, tâm linh và các ngành kinh tế có giá trị cao làm hạt nhân.

- Là đô thị xanh, hướng tới phát triển bền vững, lấy yếu tố cảnh quan tự nhiên, môi trường sinh thái làm chủ đạo, kết hợp các giải pháp tổ chức không gian hiện đại, gắn kết hài hòa khu vực đô thị với nông thôn nông nghiệp, tạo nên sự khác biệt, hấp dẫn về phong cách đặc trưng của đô thị.

#### b) Chức năng

Tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 19/11/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt quy hoạch chung đô thị Chũ huyện Lục Ngạn tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050 tỷ lệ 1/10.000 chức năng cơ bản của thị xã Chũ (dự kiến) gồm:

- Thương mại; dịch vụ cộng đồng; dịch vụ công cộng; khu ở; khu vực hỗn hợp; cây xanh, thể dục thể thao, không gian mở, quảng trường; dịch vụ, du lịch, giải trí; giao thông đô thị; giao thông nông thôn, nông nghiệp; dịch vụ hậu cần, vận tải, kho vận; công nghiệp phụ trợ và tiêu thủ công nghiệp; khu vực canh tác nông nghiệp phục vụ đô thị, nông nghiệp hàng hóa; nông nghiệp công nghệ cao; lâm nghiệp trồng rừng cảnh quan; dịch vụ nông nghiệp; bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Các chức năng đặc trưng và dự án động lực gồm: thương mại (xuất nhập khẩu); dịch vụ hậu cần vận tải (logistics); công nghiệp kho vận, bảo quản hàng hóa, chế biến nông, lâm sản và công nghiệp phụ trợ; nông nghiệp công nghệ cao; du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng; du lịch tâm linh và cộng đồng.

## **II. QUY MÔ DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN VÀ SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH**

### **1. Về quy mô của thị xã Chũ dự kiến thành lập**

a) Thị xã Chũ dự kiến thành lập có quy mô bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số của thị trấn Chũ và 09 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: Hồng Giang, Trù Hựu, Phượng Sơn, Thanh Hải (sau khi chuyển thôn Khuân Rẽo thuộc xã Thanh Hải về xã Biên Sơn quản lý); Quý Sơn, Nam Dương, Mỹ An, Kiên Lao, Kiên Thành.

Tổng diện tích tự nhiên 251,47 km<sup>2</sup> (bằng 25.147,69 ha) và quy mô dân số là 129.709 người, trong đó dân số thường trú là 117.333 người, dân số tạm trú quy đổi là 12.376 người. Trong đó:

- Khu vực nội thị của thị xã Chũ có 77,76 km<sup>2</sup> (bằng 7.776,38 ha) diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 75.664 người (gồm toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của thị trấn Chũ và các xã: Hồng Giang, Trù Hựu, Phượng Sơn, Thanh Hải (sau khi chuyển thôn Khuân Rẽo thuộc xã Thanh Hải về xã Biên Sơn quản lý).

- Khu vực ngoại thị có 173.13 km<sup>2</sup> (bằng 17.371,31 ha) diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 54.045 người, (gồm toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của các xã: Quý Sơn, Nam Dương, Mỹ An, Kiên Lao, Kiên Thành).

b) Diện tích tự nhiên, dân số của các đơn vị hành chính thuộc thị xã Chũ:

- Thị trấn Chũ có 12,84 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 18.276 người (gồm dân số thường trú 16.151 người và dân số tạm trú là 2.125 người);

- Xã Trù Hựu có 12,75 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 11.930 người (gồm dân số thường trú 10.071 người và dân số tạm trú là 1.859 người);

- Xã Thanh Hải có 29,06 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 19.521 người (gồm dân số thường trú 17.046 người và dân số tạm trú là 2.475 người); trong đó, thôn Khuôn Rẽo có 12,05 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, 107 hộ với 637 người. Như vậy, sau khi chuyển thôn Khuôn Rẽo về xã Biên Sơn thì xã Thanh Hải có **17,01 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên và dân số là 18.884 người.**

- Xã Phụng Sơn có 20,65 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 13.990 người (gồm dân số thường trú 12.427 người và dân số tạm trú là 1.563 người);

- Xã Hồng Giang có 14,50 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 12.584 người (gồm dân số thường trú 10.682 người và dân số tạm trú là 1.902 người).

b) Các xã, thị trấn thuộc khu vực dự kiến là ngoại thị của thị xã Chũ

- Xã Mỹ An có 17,34 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 6.896 người (gồm dân số thường trú 6.588 người và dân số tạm trú là 308 người);

- Xã Nam Dương có 30,06 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 9.745 người (gồm dân số thường trú 9.251 người và dân số tạm trú là 494 người).

- Xã Quý Sơn có 40,74 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 19.432 người (gồm dân số thường trú 18.665 người và dân số tạm trú là 767 người).

- Xã Kiên Lao có 56,85 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 7.456 người (gồm dân số thường trú 6.910 người và dân số tạm trú là 546 người).

- Xã Kiên Thành có 28,70 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 10.516 người (gồm dân số thường trú 10.179 người và dân số tạm trú là 337 người).

Như vậy, khu vực dự kiến thành lập thị xã Chũ có 10 đơn vị hành chính cấp xã, quy mô diện tích tự nhiên là 263,52 km<sup>2</sup> và dân số là 130.346 người (dân số thường trú là 117.970 người, dân số tạm trú là 12.376 người). Tuy nhiên, sau khi điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, chuyển toàn bộ thôn Khuôn Rẽo của xã Thanh Hải (dự kiến thành lập phường Thanh Hải) về xã Biên Sơn (huyện Lục Ngạn mới) thì thị xã Chũ dự kiến thành lập có **251,47 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 129.709 người.**

## **2. Địa giới hành chính thị xã Chũ dự kiến thành lập**

a) Phía Bắc giáp các xã Sơn Hải, Biên Sơn huyện Lục Ngạn mới và các xã Hòa Sơn, Tân Thành thuộc huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

b) Phía Nam giáp xã Tân Mộc, huyện Lục Ngạn mới và các xã Trường Giang, Vô Tranh thuộc huyện Lục Nam.

c) Phía Đông giáp các xã Tân Lập, Tân Quang, Giáp Sơn, Biên Sơn và Trung tâm huấn luyện Cẩm Sơn thuộc huyện Lục Ngạn mới.

d) Phía Tây giáp các xã Cương Sơn, Đông Phú, Đông Hưng thuộc huyện

Lục Nam mới và xã Tân Thành thuộc huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

#### **IV. QUY MÔ DÂN SỐ, LAO ĐỘNG CỦA KHU VỰC DỰ KIẾN THÀNH LẬP THỊ XÃ CHỦ**

##### **1. Dân số và mật độ dân số**

Dân cư sống khu vực dự kiến thành lập thị xã Chủ chủ yếu là kinh doanh dịch vụ, hành chính, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, chủ yếu ở khu vực thị trấn Chủ; một số ít làm nông dân hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp. Mật độ dân số trên địa bàn phân bố không đều, nơi có điều kiện thuận lợi về tiện nghi đô thị, gần các trụ sở các cơ quan, ban ngành, các trung tâm thương mại,... của huyện, thị trấn Chủ và hai bên đường (đường tỉnh 289, đường tỉnh 290, Quốc lộ 31),... thì mật độ cao hơn; các khu vực còn lại có mật độ thấp dần do có diện tích đất nông nghiệp lớn.

a) Theo số liệu thống kê của Chi cục thống kê huyện Lục Ngạn, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, dân số thị xã Chủ là 129.709 người, trong đó: Dân số thường trú là 117.333 người; dân số tạm trú quy đổi là 12.376 người. Trong đó, dân số khu vực nội thị dự kiến là 75.664 người đã bao gồm dân số thường trú và dân số tạm trú quy đổi; dân số khu vực ngoại thị dự kiến là 54.045 người đã bao gồm dân số thường trú và dân số tạm trú quy đổi.

STT	Đơn vị hành chính	Dân số (Người)			Ghi chú
		Thường trú	Tạm trú	Tổng dân số	
I	Khu vực nội thị dự kiến	65.740	9.924	75.664	
II	Khu vực ngoại thị dự kiến	51.593	2.452	54.045	
III	Toàn đô thị	117.333	12.376	129.709	

(Nguồn: Chi cục thống kê huyện Lục Ngạn)

##### **2. Lao động, cơ cấu lao động**

Năm 2022, dân số trong độ tuổi lao động trong khu vực dự kiến thành lập thị xã Chủ là 87.228 người, lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế là 79.258 người (chiếm 90,86% lao động toàn khu vực), gồm: Lao động phi nông nghiệp là 57.772 người, chiếm tỷ lệ 72,89%; lao động nông nghiệp là 21.486 người, chiếm tỷ lệ 21,11%.

Trong đó:

a) Lao động đang làm việc tại khu vực nội thị là 44.524 người, gồm: Lao động phi nông nghiệp khu vực nội thị là 35.190 người, chiếm 79,04%; lao động nông nghiệp khu vực nội thị là 8.334 người, chiếm 20,96%.

b) Lao động khu vực ngoại thị là 34.734 người, gồm: Lao động phi nông nghiệp khu vực ngoại thị là 22.582 người, chiếm 65,01%; lao động nông nghiệp khu vực nội thị là 12.152 người, chiếm 34,99%.

Những năm gần đây chất lượng lao động của thị xã Chũ đã được cải thiện một bước, trình độ văn hóa của lực lượng lao động ngày được nâng cao. Tỷ lệ lao động chưa tốt nghiệp phổ thông giảm, số lao động tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông ngày càng tăng. Số lao động được đào tạo tăng đều qua các năm, nhất là từ năm 2005 đến nay. Lao động phi nông nghiệp chiếm tỷ lệ cao, trong một hộ sản xuất bao giờ cũng có nhóm tham gia vào chế biến thủ công nghiệp, chế biến nông sản và tham gia vào dịch vụ buôn bán, giao thương,...

STT	Đơn vị hành chính	Tổng số lao động đang làm việc (người)	Lao động PNN (người)	Lao động nông nghiệp (người)	Tỷ lệ lao động PNN (%)
<b>I</b>	<b>Khu vực nội thị dự kiến</b>	<b>44.524</b>	<b>35.190</b>	<b>9.334</b>	<b>79,04</b>
1	Thị trấn Chũ	11.414	10.261	1.153	89,90
2	Xã Hồng Giang	6.826	4.985	1.841	73,03
3	Xã Trù Hựu	7.794	6.105	1.689	78,33
4	Xã Phụng Sơn	8.452	6.477	1.975	76,63
5	Xã Thanh Hải	10.038	7.362	2.676	73,34
<b>II</b>	<b>Khu vực ngoại thị dự kiến</b>	<b>34.734</b>	<b>22.582</b>	<b>12.152</b>	<b>65,01</b>
1	Xã Quý Sơn	12.972	8.472	4.500	65,31
2	Xã Nam Dương	6.380	4.453	1.927	69,80
3	Xã Mỹ An	3.857	2.604	1.253	67,51
4	Xã Kiên Lao	5.220	3.195	2.025	61,21
5	Xã Kiên Thành	6.305	3.858	2.447	61,19
<b>Tổng cộng</b>		<b>79.258</b>	<b>57.772</b>	<b>21.486</b>	<b>72,89</b>

(Nguồn: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Lục Ngạn)

## V. DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN VÀ CƠ CẤU HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT KHU VỰC DỰ KIẾN THÀNH LẬP THỊ XÃ CHŨ

Diện tích tự nhiên tự nhiên của thị xã Chũ dự kiến thành lập là 263,53 km<sup>2</sup>, bằng 26.353,17 ha, trong đó phần diện tích tự nhiên của thôn Khuôn Rễo thuộc xã Thanh Hải dự kiến nhập về xã Biên Sơn là 12,05 km<sup>2</sup>. Như vậy, sau khi điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, chuyển toàn bộ thôn Khuôn Rễo của xã Thanh Hải (dự kiến thành lập phường Thanh Hải) về xã Biên Sơn (huyện Lục Ngạn mới) thì thị xã Chũ dự kiến thành lập có **251,47 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 129.709 người.**

Trong đó:

- Diện tích đất nông nghiệp là 210,02 km<sup>2</sup>, chiếm tỷ lệ 83,52%;
- Diện tích đất phi nông nghiệp là 41,34 km<sup>2</sup>, chiếm tỷ lệ 16,44%;
- Diện tích đất chưa sử dụng là 0,1 km<sup>2</sup>, chiếm tỷ lệ 0,04%.

*Bảng thống kê cơ cấu sử dụng đất thị xã Chũ (dự kiến) năm 2022*

STT	Loại đất	Diện tích (ha)
	<b>Tổng diện tích đất tự nhiên</b>	25.147,69
<b>I</b>	<b>Nhóm đất nông nghiệp</b>	21.002,65
1	Đất sản xuất nông nghiệp	15.019,76
1.1	Đất trồng cây hàng năm	1.951,03
-	Đất trồng lúa	1.663,75
-	Đất trồng cây hàng năm khác	287,27
1.2	Đất trồng cây lâu năm	13.068,74
2	Đất lâm nghiệp	5.829,23
2.1	Đất rừng sản xuất	4.978,34
2.2	Đất rừng phòng hộ	850,90
2.3	Đất rừng đặc dụng	0,00
3	Đất nuôi trồng thủy sản	136,23
4	Đất làm muối	
5	Đất nông nghiệp khác	17,42
<b>II</b>	<b>Nhóm đất phi nông nghiệp</b>	4.134,91
1	Đất ở	1.206,46
1.1	Đất ở tại nông thôn	982,45
1.2	Đất ở tại đô thị	224,01



2	Đất chuyên dùng	1.664,83
2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	7,18
2.2	Đất quốc phòng	399,89
2.3	Đất an ninh	1,03
2.4	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	86,88
2.5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	69,50
2.6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	1.100,34
3	Đất cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng	27,59
4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	86,38
5	Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng	1.149,66
6	Đất phi nông nghiệp khác	
<b>III</b>	<b>Nhóm đất chưa sử dụng</b>	<b>10,13</b>

(Nguồn: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Lục Ngạn)

## **VI. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI KHU VỰC DỰ KIẾN THÀNH LẬP THỊ XÃ CHŨ**

### **1. Hiện trạng phát triển các ngành kinh tế**

Năm 2022, việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện gặp rất nhiều khó khăn và thách thức do ảnh hưởng của dịch Covid khiến xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc gần như đóng băng toàn bộ, giá xăng dầu biến động mạnh, giá nguyên liệu đầu vào tăng cao... dưới sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, các cấp, các ngành của tỉnh, huyện đã thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp phòng, chống dịch Covid-19 và kịp thời tháo gỡ khó khăn trong sản xuất kinh doanh, nỗ lực phấn đấu thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra. Môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện, thu hút đầu tư vào địa bàn tăng nhanh. Kinh tế tiếp tục ổn định và tăng trưởng với mức độ khá; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, từng bước xây dựng, điều chỉnh và phát triển các ngành phù hợp với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Cho đến nay, cơ cấu kinh tế của thị xã Chũ (dự kiến) cơ bản phát triển đúng hướng, theo mục tiêu đề ra là: tăng tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng, giảm tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản. Tổng giá trị sản xuất năm 2022 đạt 29.270 tỷ đồng (tính theo giá hiện hành), trong đó cơ cấu và tỷ trọng các ngành như sau:

- Ngành công nghiệp - xây dựng đạt 10.727 tỷ đồng, chiếm 36,65%,

- Ngành thương mại - dịch vụ đạt 10.557 tỷ đồng, chiếm 36,07%,
- Ngành nông - lâm - thủy sản đạt 7.986 tỷ đồng, chiếm 27,28%.

Bảng thống kê chỉ tiêu phát triển kinh tế năm 2022

STT	Danh mục	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
<b>1</b>	<b>Tổng sản phẩm trên địa bàn huyện (GRDP, Giá hiện hành, Tỷ đồng)</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>23.159</b>	<b>25.432</b>	<b>29.270</b>
1.1	Nông - lâm - thủy sản	Tỷ đồng	6.942	7.765	7.986
1.2	Công nghiệp - xây dựng	Tỷ đồng	8.327	8.837	10.727
1.3	Thương mại - dịch vụ	Tỷ đồng	7.890	8.830	10.557
<b>2</b>	<b>Tổng sản phẩm trên địa bàn huyện (GRDP, Giá so sánh, Tỷ đồng)</b>		<b>13.462</b>	<b>15.280</b>	<b>17.435</b>
2.1	Nông - lâm - thủy sản	%	29,98	30,53	27,28
2.2	Công nghiệp - xây dựng	%	35,96	34,75	36,65
2.3	Thương mại - dịch vụ	%	34,07	34,72	36,07

(Nguồn: Chi cục Thống kê huyện Lục Ngạn)

Tốc độ tăng trưởng Kinh tế của đô thị luôn duy trì ổn định ở mức cao, tốc độ tăng trung bình giai đoạn 2020 - 2022 đạt 13,9%/năm. Kết quả trên từng lĩnh vực như sau:

- a) Về công nghiệp - xây dựng
- Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Thị xã Chũ (dự kiến) đã thực hiện tốt công tác khuyến công, cải cách hành chính, đào tạo, hỗ trợ và nâng cao nguồn nhân lực; thường xuyên gặp gỡ để kịp thời hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh, đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, chất lượng sản phẩm, phát triển những sản phẩm có giá trị kinh tế cao, có thị trường tiêu thụ. Những tháng đầu năm 2022, mặc dù tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp giảm mạnh do tác động từ đại dịch Covid-19 làm các chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt gãy; nhưng nhờ các Chính sách hỗ trợ, kích cầu, tạo điều kiện của Chính phủ và tỉnh Bắc Giang, sản xuất kinh doanh trên địa bàn sớm vượt qua khó khăn và tăng trưởng trở lại, góp phần nâng giá trị sản xuất ở giai đoạn cuối năm bù lại phần thiếu hụt trong quý I và đầu quý II, đã giải quyết được nhiều việc làm, nâng cao thu nhập kinh tế cho

người dân, từng bước đưa lao động nông nghiệp chuyển dần sang các ngành phi nông nghiệp phát triển góp phần ổn định đời sống Nhân dân.

Kết quả, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phục hồi và phát triển nhanh, giá trị sản xuất đạt 2.880 tỷ đồng (tính theo giá hiện hành), đạt 100% KH năm, bằng 142,53% so với năm 2021. Một số lĩnh vực và sản phẩm đóng góp lớn về giá trị như: May mặc, vật liệu xây dựng, sản xuất mỳ Chũ, thùng xốp, nước đá công nghiệp, chế biến gỗ...

- Xây dựng:

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công giao năm 2022 là 374,17 tỷ đồng, trong đó: Trả nợ 111 công trình quyết toán, hoàn thành; 30 công trình chuyển tiếp; thanh toán 12 công trình nguồn năm trước chuyển sang; đầu tư xây dựng mới 205 công trình. Tổng công nợ các dự án đầu tư công trên địa bàn tính đến ngày 31/12/2022 là 38,028 tỷ đồng, tăng 4,8% so với cùng kỳ năm trước. Đã tổ chức thẩm định 89 công trình với tổng mức đầu tư 382,8 tỷ đồng, qua thẩm định giảm trừ 6,3 tỷ đồng. Kiểm tra, nghiệm thu 123 công trình. Phê duyệt quyết toán 117 công trình với tổng giá trị 143.503 triệu đồng, giảm trừ 640 triệu đồng. Cấp 106 giấy phép xây dựng nhà ở dân cư đô thị.

Các dự án đầu tư, nhất là về hạ tầng giao thông được hỗ trợ tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ thi công. Nhiều công trình, dự án trọng điểm có quy mô lớn được triển khai hoàn thành đưa vào sử dụng đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội góp phần thay đổi diện mạo của huyện. Tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư tài trợ lập đề án quy hoạch 11 khu đô thị, khu dân cư; có 07 nhà đầu tư thực hiện các dự án phát triển đô thị và dịch vụ với tổng vốn đầu tư 1.825 tỷ đồng; hiện đã đăng ký và đề xuất 08 danh mục dự án để tiếp tục tổ chức lựa chọn nhà đầu tư.

Năm 2022, giá trị sản xuất ngành xây dựng đạt 7.847 tỷ đồng.

b) Về thương mại - dịch vụ

Với tiềm năng, lợi thế về tự nhiên, di tích lịch sử, văn hóa với nhiều cảnh quan thiên nhiên đẹp như: chùa Am Vãi hồ Cẩm Sơn; hồ Khuôn Thần, xã Kiên Lao; hồ làng Thum, xã Quý Sơn;... Ngoài ra, trên địa bàn có 03 làng nghề truyền thống, có nhiều sản phẩm truyền thống đặc trưng như: mỳ Chũ, rượu Kiên Thành, mật ong, phấn hoa, gạo nếp,... Đây là những điều kiện thuận lợi để đô thị Chũ phát triển du lịch sinh thái cộng đồng, thu hút khách tham quan.

Hệ thống hạ tầng thương mại dịch vụ của huyện Lục Ngạn khá đa dạng và phong phú bao gồm: hệ thống các siêu thị, cửa hàng tiện ích, chợ nông thôn,... Nhờ sớm không chế thành công dịch và triển khai nhiều giải pháp kích cầu tiêu dùng nên ngành thương mại, dịch vụ đã sớm phục hồi. Các doanh nghiệp, các hộ kinh doanh tích cực đầu tư, mở rộng kinh doanh, áp dụng nhiều hình thức phục vụ để đáp ứng kịp thời nhu cầu của người tiêu dùng như: bán hàng online qua mạng, giao hàng tận nhà và bán tại cửa hàng cho khách mang về,... Công tác quản lý thị trường, phòng chống buôn lậu và gian lận thương mại được duy trì. Trong thời gian qua đã đạt được một số kết quả rõ rệt, góp phần ngăn chặn, hạn

chế tình trạng sản xuất, buôn bán, vận chuyển hàng lậu, hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

Năm 2022, giá trị sản xuất ngành thương mại - dịch vụ năm 2022 đạt 10.557 tỷ đồng (theo giá so sánh), tăng 36,07% so với năm 2021.

c) Về nông - lâm - thủy sản

- Nông nghiệp

Sản xuất nông nghiệp duy trì được ổn định, các chỉ tiêu đều đạt kế hoạch đề ra, tuy nhiên tốc độ tăng trưởng có thấp hơn so với những năm trước do nhiều yếu tố, đặt ra yêu cầu đẩy mạnh tái cơ cấu, chuyển dịch trong sản xuất nông nghiệp. Các loại cây trồng chủ lực đạt sản lượng khá tốt; cây vải thiều diện tích 17.357 ha, tăng 1.907 ha, tổng sản lượng 126.623 tấn, bằng 87,4% sản lượng năm 2021. Hoạt động xuất khẩu vải thiều gặp khó khăn, song việc mở rộng thị trường nội địa được đẩy mạnh đã đảm bảo khả năng tiêu thụ tối đa sản phẩm của địa phương. Cây có múi, cây táo, ổi... đang cho thu hoạch, ước tổng sản lượng khoảng 70.000 tấn, hiện việc tiêu thụ và giá bán rất thuận lợi. Giá trị thu nhập từ cây ăn quả đạt 4.081 tỷ đồng.

Vốn là một huyện miền núi, lợi thế kinh tế của Lục Ngạn vẫn là nông, lâm nghiệp với thế mạnh là trồng cây ăn quả, với các giống cây trồng có giá trị kinh tế cao như: vải thiều, nhãn lồng, hồng, na ... trong đó đặc biệt thương hiệu vải thiều Lục Ngạn đã và đang được xây dựng đến với không chỉ trong nước mà cả ngoài nước cũng được đông đảo người dân biết đến. Việc tiêu thụ vải thiều, cam bưởi và các sản phẩm đặc trưng cũng được huyện quan tâm đẩy mạnh, thích ứng linh hoạt, an toàn với dịch Covid - 19. Do đó, tiêu thụ thuận lợi, thị trường được mở rộng, chất lượng và giá trị ngày càng được nâng cao. Tập trung triển khai phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo hướng chuyên canh, mô hình sản xuất nông nghiệp sạch, tạo mọi thuận lợi để đẩy mạnh mối liên kết tiêu thụ giữa người dân và doanh nghiệp. Huyện đã xây dựng nhà máy chế biến rau, củ, quả để phục vụ nhu cầu người dân trên địa bàn, các vùng, tỉnh lân cận cũng như xuất khẩu ra thị trường quốc tế. Giá trị thu nhập từ cây ăn quả năm 2021 đạt 4.081 tỷ đồng.

Hoạt động chăn nuôi phục hồi nhanh sau dịch bệnh; công tác phòng ngừa, vệ sinh, thú y được triển khai thường xuyên, không để bùng phát bệnh dịch trong chăn nuôi, tạo sự ổn định về thị trường thực phẩm trên địa bàn. Một số đợt mưa lũ xảy ra bất thường gây thiệt hại nhỏ ở 1 số xã đã kịp thời được hỗ trợ, khắc phục. Năm 2022, đã tổ chức 181 lớp tập huấn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và lâm nghiệp cho 5.979 lượt người. Trên địa bàn hiện có 5.436 con trâu, 3.834 con bò, 45.256 con lợn, gia cầm các loại (gà, vịt, ngan, ngỗng, gia cầm khác) 2,21 triệu con, đàn dê 10.324 con; đàn ngựa 4.990 con. Đã tổ chức tiêm 143.000 liều vắc xin cho đàn vật nuôi (trong đó có 140.000 liều cúm gia cầm) cấp 950 lít hoá chất tiêu độc, khử trùng.

- Lâm nghiệp:

Năm 2022 đã hoàn thành công tác rà soát 3 loại rừng theo kế hoạch, chuẩn bị tốt các điều kiện và hoàn thành triển khai các hạng mục lâm sinh.

Duy trì các chốt trực bảo vệ rừng, tuần tra, quản lý lâm sản; rà soát, xử lý các trường hợp dựng lều lán, lán chiếm đất rừng phòng hộ. Thường xuyên chỉ đạo các xã thực hiện tốt chức năng quản lý bảo vệ rừng đối với cấp xã, công tác phối hợp giữa chính quyền xã và lực lượng chức năng được nâng lên rõ rệt.

Tăng cường công tác tuần tra, bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng, kiện toàn các tổ, đội xung kích, thành lập các chốt trực bảo vệ rừng; kiện toàn Ban chỉ đạo phát triển lâm nghiệp bền vững cấp huyện và các Ban chỉ đạo cấp xã; xây dựng kế hoạch điều chỉnh phương án phòng cháy, chữa cháy rừng mùa hanh khô 2022 - 2023 và thành lập các chốt trực bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng tại các khu vực trọng điểm có nguy cơ cháy rừng cao... Tổ chức ký quy chế phối hợp trong công tác bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng đối với các huyện giáp ranh.

Tổ chức tuyên truyền công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng; phát bản tin cảnh báo nguy cơ cháy rừng vào thời kỳ cao điểm; tổ chức tuyên truyền lưu động và diễn tập bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng nhằm nâng cao năng lực, trách nhiệm, phối hợp của các cấp, các ngành, các xã, thị trấn trong công tác phòng cháy chữa cháy rừng.

Trong năm 2022, đã trồng mới được 1.766,17 ha rừng, đạt 135,8% kế hoạch được giao; trồng 800.000 cây keo và cây phân tán theo chương trình 01 tỷ cây xanh; khai thác 1.380 ha rừng trồng, tổng khối lượng lâm sản đạt 149.000 m<sup>3</sup> gỗ, giá trị lâm sản đạt trên 178 tỷ đồng.

## **2. Thu chi ngân sách**

Công tác thu ngân sách được tập trung thực hiện đồng bộ bằng nhiều biện pháp, như: tăng cường quản lý nguồn thu, chống thất thu ngân sách được triển khai áp dụng, công tác kiểm tra, quản lý điều hành chi ngân sách được đảm bảo. Trong năm, đã thực hiện tốt kế hoạch quản lý - điều hành chi tiết kiệm, chống lãng phí, nhưng vẫn hiệu quả, đảm bảo các khoản chi cần thiết như: cắt giảm, điều chỉnh các dự án không cần thiết, giảm chi phí lễ hội, chế độ hội nghị, giảm chi phí công tác. Hiện nay thị xã Chũ (dự kiến) đã tự cân đối được ngân sách. Cụ thể, tổng thu ngân sách trên địa bàn năm 2022 đạt 1.523.834 triệu đồng; tổng chi ngân sách năm 2022 là 1.523.834 triệu đồng.

## **VII. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN VĂN HÓA - XÃ HỘI**

### **1. Giáo dục - đào tạo**

Công tác quản lý, chỉ đạo tiếp tục được đổi mới, công tác xã hội hóa được đẩy mạnh, cơ sở vật chất các trường được tăng cường, nhiệm vụ xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia cơ bản đảm bảo tiên độ. Chú trọng nâng cao chất lượng dạy học, các nhiệm vụ chuyên môn, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác dạy học và quản lý giáo dục. Công tác thi đua khen thưởng đi vào nền nếp, chặt chẽ, thực hiện tốt, tạo được phong trào thi đua tích cực. Bên

ạnh đó, đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục được quan tâm, đảm bảo về cả số lượng, tăng cường về chất lượng; tuyển dụng đủ chỉ tiêu giáo viên hàng năm; bố trí, sắp xếp đội ngũ nhà giáo đảm bảo theo quy định.

Hệ thống giáo dục đào tạo trên địa bàn được đầu tư tương đối đầy đủ và toàn diện cho cả ba cấp học. Đã hoàn thành tốt kế hoạch năm học 2021-2022 và tổ chức triển khai đầy đủ kế hoạch năm học 2022-2023. Ngành Giáo dục đẩy mạnh thi đua lập thành tích chào mừng kỷ niệm 40 năm ngày nhà giáo Việt Nam (20/11/201982 - 20/11/2022). Duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; đạt phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3 và xóa mù chữ các xã, thị trấn. Tổ chức thi học sinh giỏi cấp huyện lớp 6, 7, 8 đạt 820 giải (37 giải Nhất, 181 giải Nhì, 249 giải Ba, 353 giải Khuyến khích). Tổ chức hội thi tin học trẻ cấp huyện đạt 65 giải. Tham gia kỳ thi chọn học sinh giỏi văn hóa cấp tỉnh năm học 2021-2022 đạt 36 giải, tăng 12 giải so với năm trước, xếp thứ 6 toàn tỉnh.

## 2. Y tế

Công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của Nhân dân đã được các cấp Ủy, chính quyền quan tâm, chỉ đạo; nhiều kế hoạch, đề án, dự án được xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả. Hoạt động xã hội hóa công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe Nhân dân có tiên bộ đáng kể, huy động được nhiều nguồn lực tích cực hưởng ứng, tham gia.

Trên địa bàn ngoài trung tâm y tế Chũ còn có bệnh viện đa khoa Bắc Thăng Long và các trạm y tế tại các xã, thị trấn đều có bác sỹ duy trì hoạt động thường xuyên, liên tục. Với mạng lưới y tế xây dựng hoàn chỉnh, các xã, thị trấn cơ bản đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho người dân địa phương. Bên cạnh đó, các cơ sở y tế không ngừng đầu tư mua sắm các trang thiết bị hiện đại; đồng thời thường xuyên cử cán bộ đi đào tạo để phục vụ công tác khám, chữa bệnh do đó nhiều kỹ thuật chuyên sâu đã được thực hiện thành công trên địa bàn. Hầu hết các cơ sở khám chữa bệnh công lập và phòng khám đa khoa tư nhân đã triển khai, áp dụng khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế cho người dân. Tổng số lượt khám chữa bệnh: 254.374 lượt người (trung tâm y tế huyện 133.799 lượt người, trạm y tế xã 65.798 lượt người; y tế tư nhân 54.777 lượt người). Không xảy ra tình trạng thiếu vật tư, sinh phẩm và thuốc phục vụ khám chữa bệnh.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức của mọi người về ý nghĩa thông điệp “*Hiến máu cứu người là một nghĩa cử cao đẹp*”; mở rộng đối tượng tham gia hiến máu tình nguyện và tiếp tục nâng cao số lượng người tình nguyện hiến máu, một người hiến máu nhiều lần và vận động được nhiều người cùng hiến máu cứu người nhằm tăng số lượng đơn vị máu để phục vụ cấp cứu và điều trị bệnh cho Nhân dân.

Nghiêm túc triển khai, thực hiện các quyết định, công văn của UBND tỉnh, Sở Y tế. Kịp thời ban hành quyết định kiện toàn Tổ chuyên môn triển khai nhân rộng mô hình điểm “Nhà hàng ăn uống”, “Bếp ăn tập thể” bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn; triển khai thực hiện kiểm tra các bếp ăn tập thể trong

các trường học, doanh nghiệp thuộc phân cấp quản lý trên địa bàn; ban hành các văn bản chỉ đạo về tăng cường bảo đảm an toàn thực phẩm tại các bếp ăn tập thể ở trường học; giao Trung tâm Y tế huyện xây dựng kế hoạch và lịch kiểm tra các cơ sở bếp ăn tập thể trên địa bàn... Kiểm tra, phối hợp 90 cơ sở, nhắc nhở 16 cơ sở, xử lý vi phạm hành chính 06 cơ sở, thu phạt 17 triệu đồng. Tổ liên ngành xã, thị trấn kiểm tra 171 cơ sở, nhắc nhở 20 cơ sở, xử lý vi phạm hành chính 05 cơ sở. Trong năm không có vụ ngộ độc thực phẩm xảy ra trên địa bàn.

Công tác tuyên truyền bảo vệ sức khỏe Nhân dân; phòng, chống dịch Covid-19 được triển khai thường xuyên, liên tục và rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng bằng nhiều hình thức khác nhau. Phối hợp với các thành viên Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh Covid-19, đã tổ chức tiêm vắc xin phòng Covid-19 mũi 4 cho người trên 18 tuổi đạt 119,83%; tiêm mũi 3 cho trẻ từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi đạt 102%; tiêm mũi 2 cho trẻ từ 5 tuổi đến dưới 12 tuổi đạt 99%. Đồng thời, cập nhật thông tin vào phần mềm sức khỏe toàn dân đạt 100% kế hoạch đề ra.

### **3. Văn hóa - thông tin, thể dục - thể thao**

Thực hiện quán triệt sâu sắc các chỉ thị của HĐND, UBND huyện, Nghị quyết đại hội Đảng bộ huyện và Đề án xây dựng đời sống văn hóa. Ban chỉ đạo “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” từ huyện đến cơ sở đã được kiện toàn. Đến nay, 100% làng, thôn, khu dân cư đã xây dựng xong Quy ước đúng thể thức văn hóa, tăng cường được vai trò quản lý xã hội đối với cộng đồng dân cư, phát huy tốt quyền dân chủ cơ sở.

Công tác thông tin tuyên truyền được đẩy mạnh nhân dịp các ngày lễ lớn của đất nước, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng. Thực hiện 145 băng vượt đường, tu sửa làm mới 318 pano, xây dựng, phát sóng được 1.985 tin bài trên hệ thống truyền thanh cơ sở; tuyên truyền lưu động được 272 lượt.

Hoạt động lễ hội truyền thống được duy trì, tiếp tục bảo tồn và phát huy những giá trị di sản văn hóa truyền thống, khơi dậy những phong tục tập quán tốt đẹp. Phong trào văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao thường xuyên được tổ chức nhằm nâng cao và rèn luyện thể chất, tạo ra môi trường văn hóa sôi nổi phục vụ tốt các nhiệm vụ chính trị, các ngày lễ lớn của địa phương, đất nước.

Phong trào văn hóa, nghệ thuật quần chúng nhìn chung phát triển tốt. Đa dạng hóa các loại hình hoạt động của câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ quần chúng nhằm thu hút đông đảo mọi tầng lớp Nhân dân tham gia. Công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa, thông tin cơ bản được duy trì. Việc bình xét các danh hiệu phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa năm 2022 được chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, khách quan, thực chất. Nhiệm vụ chuyển đổi số được triển khai thực hiện phù hợp với yêu cầu chỉ đạo của tỉnh và tình hình thực tế địa phương.

Năm 2022, đã cử đoàn vận động viên tham gia các giải thể thao do tỉnh tổ chức, kết quả: tại giải vô địch bóng bàn tỉnh Bắc Giang năm 2022 đạt 01 giải

Nhất, 03 giải Ba; tại giải đá cầu tỉnh Bắc Giang đạt 01 giải Nhất, 01 giải Ba; tại giải Cờ tướng xếp thứ 5/10 huyện, thành phố. Đã tổ chức thành công các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, đẩy mạnh đổi mới công tác quảng bá xúc tiến du lịch quy mô tập trung cấp huyện phục vụ Nhân dân (Đại hội TDTT huyện Lục Ngạn lần thứ IX; chương trình hương sắc mùa Hè, chương trình về miền quả ngọt Lục Ngạn...).

#### **4. Chính sách xã hội, giải quyết việc làm**

Trong những năm qua, chính quyền và các đoàn thể huyện đã tích cực thực hiện chính sách về an sinh xã hội, lồng ghép với Chương trình Mặt trận Tổ quốc xây dựng nông thôn mới, thực hiện đầy đủ công tác chính sách xã hội đối với các đối tượng như: thăm hỏi, chăm sóc các đối tượng người cao tuổi, người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người có hoàn cảnh khó khăn. Tổ chức thăm, tặng quà cho người có công và thân nhân liệt sĩ, hộ nghèo nhân dịp tết Nguyên đán, ngày thương binh liệt sĩ,... Việc thực hiện thường xuyên các chính sách an sinh xã hội đã tạo điều kiện cho người nghèo trên địa bàn huyện được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội càng ngày tốt hơn.

Hàng năm các xã, thị trấn phối hợp với các ban, ngành tổ chức điều tra, khảo sát nhu cầu học nghề của người lao động, tổ chức đăng ký học nghề cho lao động nông thôn theo hướng dẫn của Sở, ngành. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên mở các lớp dạy nghề ngắn hạn. Thông qua các lớp đào tạo nghề, người lao động đã được nâng cao trình độ kiến thức về khoa học kỹ thuật, kỹ năng làm việc,... góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp chuyển dần sang lao động phi nông nghiệp.

Các chương trình giảm nghèo thời gian qua đã và đang tiếp cận theo hướng hỗ trợ chăm lo trực tiếp và toàn diện nhu cầu của người nghèo, thông qua việc thực hiện đa dạng các giải pháp như: huy động nhiều nguồn lực đầu tư phát triển sản xuất, tạo sinh kế cho người nghèo, đẩy mạnh xã hội hóa công tác giảm nghèo thông qua các phong trào “quỹ vì người nghèo”, “ngày vì người nghèo”,... Đa số hộ nghèo, cận nghèo đã có ý thức, quyết tâm vươn lên, mạnh dạn hơn trong việc ứng dụng kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất, tìm việc làm để tăng thu nhập.

Theo số liệu thống kê của Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Lục Ngạn, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều của thị xã Chũ (dự kiến) năm 2022 là 1,96%.

Bảng thống kê hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều năm 2022

<b>STT</b>	<b>Đơn vị hành chính</b>	<b>Tổng số hộ</b>	<b>Số hộ nghèo (%)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
<b>I</b>	<b>Khu vực nội thị dự kiến</b>	<b>16.478</b>	<b>269</b>	<b>1,63</b>
1	Thị trấn Chũ	4.095	28	0,68
2	Xã Hồng Giang	2.569	34	1,32



3	Xã Trù Hựu	2.512	77	3,07
4	Xã Phượng Sơn	3.377	39	1,15
5	Xã Thanh Hải	3.925	91	2,32
<b>II</b>	<b>Khu vực ngoại thị dự kiến</b>	<b>12.818</b>	<b>304</b>	<b>2,37</b>
1	Xã Quý Sơn	4.780	89	1,86
2	Xã Nam Dương	2.211	52	2,35
3	Xã Mỹ An	1.585	27	1,70
4	Xã Kiên Lao	1.856	70	3,77
5	Xã Kiên Thành	2.386	66	2,77
<b>Tổng cộng</b>		<b>29.296</b>	<b>573</b>	<b>1,96</b>

(Nguồn: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Lục Ngạn)

## VII. XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Qua 10 năm triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, thị xã Chũ (dự kiến) đã có những thay đổi rõ nét; kinh tế phát triển khá, các lĩnh vực như: văn hóa, y tế, giáo dục,... phát triển toàn diện, quy chế dân chủ ở cơ sở được thực hiện tốt, an ninh trật tự xã hội được tăng cường, hệ thống chính trị được củng cố, kiên toàn. Trình độ sản xuất và đời sống của người dân được nâng cao, tình làng nghĩa xóm được khơi dậy; các hoạt động văn hóa truyền thống dần được khôi phục và phát huy. Các xã đã có những bước triển khai phù hợp với điều kiện cụ thể của từng đơn vị, đồng thời xuất hiện cách làm hay, hiệu quả của mỗi địa phương phát huy tối đa vai trò của hệ thống chính trị, đặc biệt của chi bộ Đảng trong xây dựng nông thôn mới.

Chỉ đạo các xã rà soát, cập nhật bổ sung Đề án quy hoạch, Đề án xây dựng nông thôn mới cho phù hợp với thực tế của địa phương giai đoạn 2021 - 2025 định hướng đến năm 2030 để làm cơ sở triển khai thực hiện các chương trình phát triển kinh tế xã hội gắn với xây dựng nông thôn mới.

Năm qua, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các ban ngành đoàn thể tích cực vận động nhân dân thực hiện tốt phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; xây dựng thôn, xóm, gia đình văn hóa, bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp, đẩy mạnh sản xuất, tham gia xây dựng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới; hiến đất, tài sản trên đất, ngày công lao động để xây dựng nông thôn mới, kết quả: hiến 40.234 m<sup>2</sup> đất; phá dỡ 4.235 m tường rào, vãnh lao, ki ốt; hiến 2.398 cây ăn quả các loại; đóng góp được 2.316 ngày công và 11.112 triệu đồng tiền mặt để thực hiện các công trình nông thôn mới; 9/9 xã thuộc thị

xã Chũ (dự kiến) đạt chuẩn nông thôn mới trong đó xã Hồng Giang và xã Quý Sơn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

## **IX. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG XÃ HỘI**

### **1. Về nhà ở**

Những năm gần đây, vấn đề nhà ở ngày càng được quản lý tốt hơn cả về quy hoạch và kiến trúc; đẩy nhanh các biện pháp, dự án phát triển, như: cải tạo các khu dân cư cũ, chú trọng xây dựng nhà ở với chất lượng kiên cố, hình thức kiến trúc đa dạng, đảm bảo công năng và tiện nghi sống, góp phần làm tăng tính thẩm mỹ công trình và từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống người dân. Với tốc độ phát triển kinh tế khá nhanh, nhu cầu xây dựng nhà ở của người dân và các công trình công cộng, phúc lợi xã hội phát triển mạnh, hình thành nên một đô thị khang trang, hiện đại, năng động. Các công trình nhà ở được xây dựng theo kiểu nhà ở kết hợp buôn bán, nhà ở kiểu đô thị. Trong đó, nhà ở kết hợp buôn bán phát triển trong các khu trung tâm buôn bán sầm uất, bám dọc trục quốc lộ 31, đường tỉnh 289, đường tỉnh 290 chạy qua trung tâm các xã, thị trấn.

Tính đến ngày 31/12/2022, trên địa bàn có 29.672 căn nhà với tổng diện tích sàn nhà ở là 2.565.057 m<sup>2</sup>, trong đó tổng số nhà ở kiên cố, bán kiên cố là 27.102 căn nhà, chiếm tỷ lệ 91,34%.

Bảng thống kê nhà ở năm 2022

<b>STT</b>	<b>Danh mục</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Hiện trạng</b>
1	Tổng số nhà	Nhà	29.672
2	Tổng số nhà kiên cố	Nhà	27.102
3	Tổng số nhà bán kiên cố, nhà tạm	Nhà	2.570
4	Tỷ lệ nhà ở kiên cố	%	<b>91,34</b>

(Nguồn: Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Lục Ngạn)

### **2. Công trình công cộng**

#### **a) Công trình y tế**

Hiện trên địa bàn có 13 cơ sở y tế trong đó có 02 cơ sở cấp đô thị là trung tâm y tế huyện Lục Ngạn (430 giường, tổng diện tích 36.054 m<sup>2</sup>) và bệnh viện đa khoa Bắc Thăng Long (100 giường, tổng diện tích 10.119 m<sup>2</sup>), 01 phòng khám đa khoa tư nhân và 10 trạm y tế cấp xã. 100% các trạm y tế đã được UBND tỉnh công nhận đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế. Nhìn chung các cơ sở y tế đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu khám và điều trị của người dân trong và ngoài đô thị, giảm áp lực khám và điều trị vượt tuyến.

#### **b) Công trình giáo dục - đào tạo**

Trong nhiều năm qua, sự nghiệp giáo dục - đào tạo đã được quan tâm phát triển và đạt được kết quả toàn diện cả về quy mô loại hình đào tạo và chất lượng giáo dục. Hệ thống trường, lớp học được chú trọng đầu tư xây dựng hoàn chỉnh, kiên cố đáp ứng đủ nhu cầu học tập của con em địa phương. Trên địa bàn đô thị

hiện có 41 trường học (trong đó gồm: 03 trường trung học phổ thông, 11 trường trung học cơ sở, 13 trường tiểu học, 14 trường mầm non). Ngoài ra, còn 01 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên. Hệ thống trường lớp đảm bảo đáp ứng được nhu cầu đến trường của con em trên địa bàn. Chất lượng giáo dục có sự chuyển biến tích cực; học sinh được phát triển toàn diện cả về phẩm chất và năng lực, hài hòa đức, trí, thể, mỹ và phát huy tốt nhất tiềm năng của bản thân; tạo được niềm tin của Nhân dân đối với ngành giáo dục và cả hệ thống chính trị.

### c) Công trình văn hóa

Lục Ngạn là miền đất cổ có từ lâu đời, giàu truyền thống lịch sử văn hóa, trải qua sự thăng trầm của lịch sử. Đến nay Lục Ngạn vẫn còn lưu giữ được nhiều những di tích lịch sử có giá trị văn hóa như: chùa Am Vãi, đền Hả, chùa Khánh Vân...

Chùa Am Vãi có tên gọi khác là Am Ni tự, tọa lạc ở vị trí được coi là nơi hội tụ của đất trời và nằm trong quần thể di tích trên vòng cung Đông Triều, gồm có các chùa: Yên Phụ - Yên Tử - Am Vãi. Am Vãi là ngôi chùa thuộc thời Lý - Trần, là nơi công chúa nhà Trần tự danh là “Mục Sơn Xuyên” tu hành. Trong quần thể di tích có chứa đựng những huyền tích như: “Hang tiên”, “Hang gạo”, “Bàn cờ tiên”, “Dấu chân phật”... phản ánh đa dạng đời sống tín ngưỡng, tâm linh của Nhân dân địa phương. Với giá trị về bề dày lịch sử, văn hóa, năm 2003, chùa Am Vãi đã được UBND tỉnh Bắc Giang công nhận xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa; năm 2017 Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ra quyết định xếp hạng quần thể di tích lịch sử cấp Quốc gia. Lễ hội truyền thống chùa Am Vãi diễn ra trong hai ngày, (ngày 2 và 3 tháng 3 âm lịch) thu hút nhiều du khách thập phương.

Đền Hả nằm trên mảnh đất linh thiêng thuộc khu vực xã Hồng Giang. Với chiều dài lịch sử có từ lâu đời, quần thể di tích đền Hả cổ kính linh thiêng là nơi hội tụ sinh hoạt văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng của nhân dân. Hàng năm cứ đến ngày mùng 6 tháng Giêng, chính quyền địa phương lại tổ chức lễ hội để diễn lại các trận đánh quân xâm lược Tống và tưởng nhớ người Anh hùng đã hy sinh vì non sông đất nước; nhắc nhở con cháu lòng biết ơn, nối tiếp truyền thống cha ông. Năm 1991, đền Hả được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng là di tích lịch sử cấp Quốc gia. Nhằm tăng cường quản lý, mở rộng quy mô, nâng tầm giá trị của di tích cấp Quốc gia. Từ năm 2017, lễ hội đền Hả được tổ chức với quy mô cấp huyện, bảo đảm trang nghiêm về nghi lễ; đa dạng, đặc sắc, hấp dẫn, mang đậm nét đặc trưng.

Đền Khánh Vân nằm trong quần thể di tích đền, chùa Khánh Vân nằm trên địa bàn thị trấn Chũ, thờ Tướng quân Vi Hùng Thắng - vị tướng đời Trần đã có công lớn trong đánh giặc Nguyên Mông vào thế kỷ XIII. Năm 2006, đền được UBND tỉnh Bắc Giang công nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh. Những năm qua, lễ hội được mở rộng, tổ chức thường niên thu hút đông đảo du khách thập phương. Lễ hội hàng năm được UBND thị trấn Chũ tổ chức với

nhieu nội dung phong phú đặc sắc, trong đó có lễ dâng hương, tế lễ cầu an, lễ rước kiệu Tướng quân Vi Hùng Thắng.

Bên cạnh các đền, chùa trên địa bàn thị xã Chũ (dự kiến) còn có những công trình văn hóa cấp đô thị như: cung Văn hóa, cung Thiếu nhi...; các xã đều có nhà văn hóa khang trang cơ bản đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt văn hóa của người dân.

#### d) Công trình thể dục - thể thao

Các công trình thể dục - thể thao thời gian qua đã được tu sửa, nâng cấp và xây dựng mới, từng bước nâng cao chất lượng đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, nghiên cứu, học tập, vui chơi giải trí của người dân. Hệ thống công trình thể dục - thể thao trên địa bàn khá phát triển và đang hoạt động tốt, có chất lượng kiên cố, kiểu dáng kiến trúc hiện đại và là địa điểm diễn ra các sự kiện, hoạt động phong trào thể dục - thể thao như: nhà thi đấu đa năng, các sân bóng đá, bể bơi, trong khuôn viên các nhà văn hóa đều có các sân cầu lông, bóng chuyền... đáp ứng tốt nhu cầu thể thao, rèn luyện sức khỏe của người dân.

#### đ) Công trình thương mại - dịch vụ

Mạng lưới thương mại dịch vụ trên địa bàn về cơ bản được phân thành hai loại hình bán lẻ truyền thống và bán lẻ hiện đại. Ngoài hệ thống chợ truyền thống như: chợ Kép, chợ Chũ, chợ Cơ khí,... các điểm bán hàng, cửa hàng tự chọn cũng ngày càng được mở rộng và hoạt động sôi nổi. Các trung tâm thương mại, siêu thị đã và đang được đầu tư phát triển đáp ứng được nhu cầu mua sắm thiết yếu của người dân như: siêu thị điện máy xanh; siêu thị thế giới di động; trung tâm điện máy Văn Chiến, siêu thị FPT, siêu thị Viettel...; các ngân hàng lớn như: Agribank, Vietcombank, Vietinbank,...đều có chi nhánh hoạt động. Với cơ sở vật chất đều được xây dựng kiên cố, đầu tư hoàn chỉnh, đồng bộ, phù hợp với quy hoạch, việc quản lý, hoạt động có hiệu quả đảm bảo trật tự an toàn, văn minh thương mại, hàng hóa đa dạng phong phú đã đáp ứng được nhu cầu sản xuất, kinh doanh, buôn bán phục vụ đời sống sinh hoạt người dân trên địa bàn.

Hệ thống dịch vụ như khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng trên địa bàn cũng phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng của khách du lịch tới tham quan, du lịch, công tác, buôn bán,....

#### e) Trụ sở cơ quan

Thị xã Chũ (dự kiến) có hệ thống hành chính phục vụ 02 cấp khá hoàn chỉnh, gồm các công trình phục vụ toàn đô thị và các công trình phục vụ các xã, thị trấn. Các công trình hành chính huyện, cơ quan công sở được quy hoạch xây dựng tập trung đại đa số ở khu vực trung tâm với tổng diện tích 18.138 m<sup>2</sup> được đầu tư, xây dựng với cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc tương đối đầy đủ phù hợp với hiện trạng phát triển và đảm bảo công tác quản lý hành chính Nhà nước trên địa bàn. Đến nay, các công trình trụ sở cơ quan quản lý Nhà nước, tổ chức đoàn thể được quy hoạch, lập kế hoạch đầu tư cải tạo, chỉnh trang hàng năm theo quy định hiện hành của Nhà nước.

## X. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG KỸ THUẬT

### 1. Về hạ tầng giao thông

#### a) Giao thông đường bộ

Xác định hạ tầng giao thông đồng bộ, ngoài việc xoá thế cô lập cho các xã vùng sâu, vùng xa, tạo thuận lợi cho người và phương tiện giao thương, phát triển kinh tế còn hình thành quỹ đất để quy hoạch các khu đô thị, khu dân cư mới. Theo đó, huyện đã quy hoạch, xây mới nhiều tuyến nội thị, như: mở rộng, làm mới đường Trần Phú, Lê Duẩn; cải tạo nút giao thông đường Trần Phú kéo dài giao cắt quốc lộ 31 đi cầu Nam Dương. Ngoài ra, huyện cũng được tỉnh đầu tư xây mới cầu Chũ; nâng cấp, mở rộng đường tỉnh 289 qua thị trấn...

Nếu như 3 năm trước, hầu hết các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn, gồm: đường huyện, đường xã, đường thôn xóm đều xuống cấp, khó đi, thì nay đã được nâng cấp, mở rộng, cứng hóa (trên 90%). Giao thông cải thiện đã tạo hiệu ứng tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư trên địa bàn, “đánh thức” tiềm năng kinh tế, phát triển thương mại - dịch vụ, tạo bước đột phá trong phát triển du lịch, thúc đẩy phát triển sản xuất, tiêu thụ nông sản hàng hóa...

Hệ thống đường đô thị của đô thị Chũ được phát triển tại thị trấn Chũ và các xã lân cận đa số là các trục chính được nâng cấp, mở rộng từ các đường giao thông đối ngoại như: quốc lộ 31; đường tỉnh 289, đường tỉnh 290 và một số tuyến đường thuộc dự án khu dân cư, khu đô thị.

Quốc lộ 31: đoạn đi qua địa bàn có chiều dài 21 km, tiêu chuẩn đường cấp IV, kết cấu mặt đường bê tông nhựa. Chiều dài được chiếu sáng là 3,5 km, đạt tỷ lệ 16,67%.

Đường tỉnh 289 và đường tỉnh 290: đoạn qua địa bàn có tổng chiều dài 23,5 km được nhựa hóa, bê tông hóa chất lượng tương đối tốt. Tổng chiều dài đường được chiếu sáng là 4,5 km, đạt tỷ lệ 19,2%.

Đường phố chính có tổng chiều dài 162,83 km, tổng chiều dài được chiếu sáng là 53,28 km đạt tỷ lệ 32,72%.

Đường khu nhà ở, ngõ xóm có tổng chiều dài 873,97 km, tổng chiều dài được chiếu sáng là 195,26 km đạt tỷ lệ 22,34%.

#### b) Bến, bãi đỗ xe

Thị xã Chũ (dự kiến) có 1 bến xe khách loại IV với diện tích khoảng 8.400 m<sup>2</sup> tại thị trấn Chũ do Công ty cổ phần xe khách Bắc Giang quản lý và khai thác. Các hình thức vận tải hành khách công cộng trên địa bàn tương đối đa dạng với các hình thức: xe bus, taxi, xe hợp đồng, ... và xe đưa đón công nhân. Nhìn chung, năng lực vận tải hiện tại đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu vận chuyển hàng hóa phục vụ cho nhu cầu sản xuất và giải quyết nhu cầu đi lại của Nhân dân.

#### c) Giao thông đường thủy

Thị xã Chũ (dự kiến) có khoảng 66 km đường sông thuận lợi cho việc giao thông đường thủy và khai thác vật liệu xây dựng, bến, cảng...; có 01 cảng (cảng Xuân An, xã Mỹ An) và 02 bến hàng hoá (bến Đầm, bến Trại 1 xã Phụng Sơn) được đầu tư xây dựng khá đồng bộ giúp tăng cường khả năng vận chuyển hàng hóa, đặc biệt là hàng nông sản với các khu vực thuộc đồng bằng sông Hồng, sông Thái Bình.

## **2. Về cấp điện và chiếu sáng**

Hiện thị xã Chũ (dự kiến) nhận điện từ 2 trạm biến áp 110 kV: Lục Ngạn 1 và Lục Ngạn 2. Mạng lưới phân phối điện bao gồm lưới điện 35 kV và 22 kV. Đến nay, điện đã được cấp đến từng hộ dân trên địa bàn.

Hệ thống lưới điện truyền tải, phân phối điện được đầu tư đảm bảo chất lượng, vận hành linh hoạt và an toàn lưới điện. Năm 2022, tổng sản lượng điện phục vụ sinh hoạt đạt 60.696.132 kWh, đảm bảo cung cấp điện năng có chất lượng tốt để phục vụ an sinh, sản xuất, kinh doanh góp phần phát triển kinh tế, chính trị xã hội, một cách hiệu quả và bền vững.

Lưới chiếu sáng đèn đường đã được xây dựng trong khu vực trung tâm và một số tuyến đường chính lân cận thuộc thị trấn Chũ. Hình thức chiếu sáng chủ yếu là cột đèn độc lập, sử dụng bóng led cao áp với công suất từ 220V- 150W đến 220V- 400W. Lưới điện chiếu sáng cho các khu dân cư ở các xã được quan tâm đầu tư tương đối đồng bộ.

## **3. Về cấp nước**

Nguồn nước cung cấp chính cho đô thị được lấy chủ yếu từ nhà máy nước sạch thị trấn Chũ (công suất 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm) và nhà máy nước sạch Hồng Giang (công suất 2.200 m<sup>3</sup>/ngày đêm). Các nhà máy này có hệ thống xử lý gồm: trạm bơm cấp 1, hệ thống bể lắng, bể lọc, bể khử trùng làm sạch và hệ thống bơm tăng áp cung cấp nước đến từng hộ dân với. Với công suất này cơ bản đáp ứng được nhu cầu sử dụng của các hộ dân thị trấn Chũ, một số thôn của xã Hồng Giang, Trù Hựu. Mạng lưới ống cấp nước chính có D90 - D110 với tổng chiều dài 18 km.

Hiện đang tiến hành xây dựng thêm nhà máy nước Phụng Sơn (công suất 2.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, đường ống chính có D100 - D250, tổng chiều dài 11,9 km).

Ngoài ra nguồn cung cấp nước cho người dân còn có từ các nguồn nước mặt gồm hệ thống sông, suối, hồ...; nguồn nước mưa và nguồn nước ngầm từ các giếng khoan, giếng khơi.

## **4. Về thoát nước**

### **a) Hệ thống thoát nước mưa, nước mặt**

Khu vực thị xã Chũ (dự kiến) chưa có hệ thống thoát nước hoàn chỉnh. Hệ thống thoát chung nước mặt và nước thải. Các tuyến ống thoát nước chủ yếu được xây dựng dọc theo các khu dân cư bám theo tuyến đường quốc lộ 31, đường tỉnh 289, đường tỉnh 290 trong phạm vi trung tâm thị trấn.

- Khu vực các xã phần lớn thoát nước theo độ dốc tự nhiên từ cao xuống thấp vào hệ thống ao hồ và kênh mương. Một số tuyến đường bê tông trong các khu dân cư đã có rãnh thoát nước.

- Toàn đô thị Chũ được phân thành 14 lưu vực thoát nước theo các con suối, dòng chảy hiện hữu, tổng diện tích khoảng 31.195 ha, cụ thể: Lưu vực IA (3.908 ha); Lưu vực I-B (5.479 ha); Lưu vực I-C (3.815 ha); Lưu vực I-D (3.171 ha); Lưu vực I-E (794 ha); Lưu vực II-A (2.477 ha); Lưu vực II-B (2.081 ha); Lưu vực II-C (1.978 ha); Lưu vực II-D (1.519 ha); Lưu vực II-E (902 ha); Lưu vực III-A (3.273 ha); Lưu vực III-B (1.058 ha); Lưu vực III-C (556 ha); Lưu vực IV (177 ha). Do mật độ xây dựng còn thưa thoáng, hiện tại nước mưa tự thấm một phần, phần còn lại nước mặt tiêu thoát chủ yếu theo địa hình về kênh mương thủy lợi và cuối cùng thoát ra sông Lục Nam.

#### b) Hệ thống thoát nước thải

Hiện nay, trên địa bàn thị xã Chũ (dự kiến) chưa có nhà máy xử lý nước thải cho các hộ dân và cơ quan; do đó, nước thải sinh hoạt chảy tự do qua tấm chắn rác ra hệ thống cống, rãnh nắp đan sau đó thoát vào hệ thống kênh mương. Hầu hết các hộ gia đình trên địa bàn đã sử dụng bể tự hoại, xí hai ngăn hợp vệ sinh. Lượng nước thải tập trung về các kênh mương ở phía cuối nguồn trong khu vực nên mức độ ô nhiễm môi trường không đáng kể.

Nước thải y tế đã được tách lọc và xử lý riêng bằng hệ thống xử lý tập trung trước khi xả ra hệ thống thoát nước bên ngoài qua hệ thống kênh mương lân cận.

### **5. Thông tin liên lạc, bưu chính - viễn thông và dịch vụ công trực tuyến**

#### a) Thông tin, viễn thông

Những năm gần đây, hệ thống mạng lưới viễn thông trên địa bàn không ngừng được đầu tư mở rộng và nâng cao chất lượng, tập trung chủ yếu vào phát triển mạng di động và mạng băng rộng, tối ưu lại cáp đồng sẵn có để nâng cao hiệu quả. Ngành bưu chính viễn thông đã có bước phát triển nhanh chóng, chuyển hướng thực hiện theo cơ chế mới, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị, hiệu quả hoạt động ngày càng nâng cao, đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc của người dân.

Toàn bộ địa bàn đã phủ sóng di động, Internet (3G, 4G); có 11 bưu điện, 01 tổng đài vệ tinh, 48 trạm thu phát sóng di động BTS. Có 03 doanh nghiệp đang tham gia cung cấp dịch vụ bao gồm: viễn thông Quân đội, viễn thông VNPT và viễn thông Mobifone. Cùng với việc xây dựng những hạ tầng kỹ thuật viễn thông thiết yếu khác như truyền dẫn, mạng băng rộng và wifi, là nền tảng cơ sở để xây dựng những đột phá về các dịch vụ băng thông rộng, internet tốc độ cao cùng với sự mở rộng nhiều dịch vụ sử dụng thẻ, mạng cố định,... góp phần tích cực trong việc khai thác thông tin, tuyên truyền các chủ trương, chính sách pháp luật, thông tin phục vụ sản xuất.

### b) Truyền thanh, truyền hình

Đài truyền thanh và truyền hình huyện có diện tích 442 m<sup>2</sup> nằm trên địa bàn thị trấn Chũ đóng vai trò là cầu nối giữa Đảng với dân; tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chú trọng bám sát những nhiệm vụ trọng tâm của huyện, phản ánh kịp thời phong trào thi đua của các cấp, các ngành, các địa phương trong huyện trên tất cả các lĩnh vực công tác chính trị, kinh tế, quốc phòng an ninh, văn hoá, xã hội; phản ánh kịp thời các sự kiện trọng đại, những ngày lễ lớn của đất nước, của các ban, ngành, đoàn thể.

### c) Dịch vụ công trực tuyến

Những năm gần đây, thị xã Chũ (dự kiến) đã cố gắng phấn đấu xây dựng dịch vụ công trực tuyến, tạo ra những nền móng vững chắc cho việc chuyển đổi số toàn diện trong giai đoạn 2021-2030.

Thời gian qua, việc ứng dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 được xem là khâu quan trọng, then chốt trong tiến trình cải cách hành chính và triển khai chính phủ điện tử trên địa bàn. Sử dụng dịch vụ công trực tuyến giúp giảm thời gian, chi phí đi lại cho việc gửi hồ sơ và nhận kết quả của các tổ chức, cá nhân; tăng tính công khai, minh bạch của thủ tục hành chính; nâng cao trách nhiệm, trình độ chuyên môn và kiến thức về công nghệ thông tin của đội ngũ công chức các cơ quan hành chính nhà nước được phân công xử lý hồ sơ thủ tục hành chính góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Năm qua, đã có 6.181/12.524 hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết trực tuyến đạt tỷ lệ 49,35%.

## 6. Vệ sinh môi trường

Rác thải trên địa bàn thị xã Chũ (dự kiến) đang được công ty môi trường đô thị huyện Lục Ngạn tổ chức thu gom và xử lý hàng ngày. Công tác vệ sinh môi trường tại các khu phố được duy trì thực hiện theo kế hoạch đảm bảo các tuyến đường được sạch đẹp. Đối với rác thải y tế đều thực hiện tốt việc phân loại chất thải nguy hại và chất thải thông thường, tất cả đều được thu gom ngay tại nơi phát sinh, sau đó chuyển về khu vực tập kết chất thải trước khi xử lý đúng quy trình, quy định.

Thường xuyên chỉ đạo các xã, thị trấn cùng với người dân thực hiện các biện pháp phòng ngừa, kiểm soát, xử lý khắc phục ô nhiễm trong sản xuất và các hoạt động dễ gây phát sinh ô nhiễm môi trường. Tăng cường công tác tuyên truyền và kiểm tra thực hiện cam kết bảo vệ môi trường; nâng cao nhận thức và hành vi bảo vệ môi trường của người dân.

Hiện nay tại trên địa bàn có 80 xe thu gom rác, 04 xe cuốn ép chở rác chuyên dùng, 01 xe tưới rửa đường, ... Rác thải sau khi được thu gom sẽ được đưa về xử lý tại nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt tập trung tại xã Kiên Thành và 03 lò đốt rác tại xã Thanh Hải và xã Mỹ An. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đạt 83,44%.



## **7. Nghĩa trang - nhà tang lễ**

Do địa bàn rộng, các khu dân cư nằm cách xa nhau, thị xã Chũ (dự kiến) có 111 nghĩa trang, nghĩa địa nhỏ lẻ theo các cụm dân cư với tổng diện tích khoảng 95 ha. Thời gian tới sẽ đóng cửa và từng bước di dời khu nghĩa trang, khu nghĩa địa ra khỏi địa bàn các khu dân cư, chuyển về khu nghĩa trang tập trung nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường sống cho người dân. Hiện huyện chưa có đài hóa thân, các trường hợp hỏa táng phải sang các huyện, thành phố lân cận để hỏa táng trước khi đưa về chôn cất tại quê nhà. Tỷ lệ hỏa táng năm 2022 đạt 27,52%.

## **8. Công viên, cây xanh**

Hệ thống cây xanh tại công viên, cây xanh trên các tuyến đường đang góp phần có ý nghĩa quan trọng trong quá trình phát triển thay đổi diện mạo của đô thị. Trên địa bàn thị xã Chũ (dự kiến) đang triển khai xây dựng công viên trung tâm có diện tích 70.000 m<sup>2</sup> nhằm tạo môi trường cảnh quan đô thị, góp phần nâng cao giá trị thẩm mỹ và phục vụ các hoạt động vui chơi giải trí cho người dân trên địa bàn.

# **XI. KIẾN TRÚC CẢNH QUAN ĐÔ THỊ**

## **1. Hiện trạng tình hình quy hoạch**

Sau khi Quy hoạch chung đô thị Chũ được phê duyệt ngày 19 tháng 11 năm 2019, UBND tỉnh Bắc Giang và UBND huyện Lục Ngạn đã rà soát các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đã được lập trước thời điểm Quy hoạch chung được phê duyệt nhằm đảm bảo tính đồng bộ nhất quán. Đồng thời tiến hành điều chỉnh các quy hoạch chưa phù hợp với Quy hoạch chung được phê duyệt.

Trước bối cảnh xu hướng phát triển đô thị diễn ra mạnh mẽ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 138-NQ/TU ngày 01/9/2016 về việc đẩy mạnh phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 233/NQ/TU ngày 25/7/2022 về chủ trương sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện và phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022 - 2025; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 235/KH-UBND ngày 27/10/2016 về việc thực hiện Nghị quyết số 138-NQ/TU ngày 01/9/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch số 479/KH-UBND ngày 22/8/2022 về việc triển khai Nghị quyết số 233/NQ/TU ngày 25/7/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chủ trương sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện và phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022 - 2025. Huyện Lục Ngạn đã tranh thủ thời cơ, tận dụng và phát huy các nguồn lực, tổ chức lập các quy hoạch, Chương trình định hướng để đón đầu xu hướng, đưa ra lộ trình thực hiện cũng như cơ sở pháp lý để thực hiện mục tiêu phát triển đô thị đã đề ra.

### a) Về quy hoạch đô thị

Cùng với xu hướng phát triển chung của tỉnh, thời gian qua huyện đã thu hút được rất nhiều nhà đầu tư có tầm cỡ đến nghiên cứu và phát triển các khu chức năng tại huyện, đến nay có nhiều đồ án đã được lập trên tổng diện tích gần 1.000 ha (trong đó sử dụng nguồn vốn ngân sách lập 14 đồ án với tổng diện tích 326 ha, còn lại là nguồn vốn hợp pháp khác với tổng diện tích đã lập khoảng 675 ha). Các quy hoạch chi tiết gắn với các dự án đầu tư xây dựng các khu đô thị, khu vực chức năng đô thị, công viên, quảng trường, các công trình công cộng... các đồ án cơ bản tuân thủ các định hướng lớn của Quy hoạch chung được duyệt làm cơ sở cho việc triển khai đầu tư xây dựng các khu chức năng, cơ sở hạ tầng cho huyện đảm bảo làm tăng các tiêu chí còn yếu và thiếu của đô thị loại IV mà đô thị cần hướng tới việc thành lập thị xã trong tương lai.

Ngày 20/9/2021, UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định số 977/QĐ-UBND phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết khu đô thị, du lịch sinh thái thể thao Khuôn Thần tại xã Kiên Lao, huyện Lục Ngạn (tỷ lệ 1/500) với quy mô diện tích nghiên cứu khoảng 873 ha. Đây là dự án được Tập đoàn FLC đề xuất đầu tư, với mục tiêu hình thành một khu đô thị du lịch hỗn hợp, sinh thái hài hòa với cảnh quan tự nhiên với đầy đủ các tiện ích, tạo thành điểm đến hấp dẫn về thể thao, du lịch; bảo tồn và phát huy giá trị, tiềm năng du lịch hồ Khuôn Thần...

#### b) Về phát triển đô thị

Hiện nay, huyện Lục Ngạn đã và đang xây dựng và triển khai nhiều Đồ án phát triển đô thị như: Đề án Đề nghị công nhận đô thị Chũ là đô thị loại IV trực thuộc huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang; Chương trình phát triển đô thị huyện Lục Ngạn giai đoạn ....; Chương trình phát triển thị xã Chũ (dự kiến) ...

### **2. Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị**

Huyện Lục Ngạn hiện đang tập chung đẩy nhanh xây dựng quy chế quản lý Quy hoạch. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân huyện sẽ chỉ đạo các ngành bám sát, xử lý triệt để các trường hợp vi phạm quy hoạch, trật tự xây dựng và kiến trúc đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhằm quản lý, phát triển đô thị đảm bảo tuân thủ thiết kế đô thị; quy hoạch phân khu chức năng, các quy hoạch chi tiết; các quy hoạch chuyên ngành và chức năng, vai trò của thị xã Chũ (dự kiến) theo Đồ án Quy hoạch chung, Chương trình phát triển thị xã Chũ (dự kiến).

### **3. Cải tạo, chỉnh trang và các tuyến phố văn minh đô thị**

Để cải tạo kiến trúc cảnh quan đô thị, trong giai đoạn vừa qua, nhiều dự án đã được tập trung đầu tư như: cải tạo, nâng cấp mở rộng quốc lộ 31; cải tạo chỉnh trang khu hành chính tập trung, khu quảng trường trung tâm huyện, kè hồ trung tâm hành chính, đầu tư hệ thống điện chiếu sáng; đầu tư đồng bộ cây xanh tại các khu dân cư; tập trung đầu tư các dự án trung tâm thương mại, ... Trên địa bàn khu vực nội thị dự kiến có nhiều tuyến phố đẹp là các tuyến giao thông chính đô thị có mặt cắt đường  $\geq 7,5$  m; các tuyến phố này đã được rà soát, lên danh sách và đang hoàn thiện các thủ tục trình UBND huyện thẩm định và ban hành quyết định công nhận.

#### **4. Không gian công cộng**

Trên địa bàn có 01 khu không gian công cộng là: khu quảng trường trung tâm. Đây là nơi vui chơi, giải trí và thường xuyên tổ chức các sự kiện hàng năm của huyện. Trong năm tới, huyện sẽ triển khai cải tạo một số hạng mục các công trình không gian công cộng tạo điểm nhấn văn hóa, đô thị cơ bản đáp ứng không gian phục vụ chung cho nhu cầu người dân.

#### **5. Công trình kiến trúc tiêu biểu**

Hệ thống các công trình lịch sử, văn hóa hiện có trên địa bàn thị xã Chũ (dự kiến) gắn với lịch sử, mang những nét văn hóa đặc sắc, góp phần phát triển các hoạt động văn hóa trên địa bàn; đồng thời là tài nguyên du lịch tâm linh quý giá.

Hàng năm, các công trình di tích như: chùa Am Vãi, đền Khánh Vân, đền Hả,... luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của các ban ngành của tỉnh, của huyện, cũng như sự đóng góp tích cực của du khách thập phương và Nhân dân trên địa bàn nhằm mục tiêu trùng tu tôn tạo để lưu giữ nét văn hóa đặc sắc đến các thế hệ mai sau. Do vậy, đến nay các công trình này đều hoạt động tốt, đảm bảo tính bền vững, ổn định về kết cấu cũng như đảm bảo về mỹ quan của công trình.

### **XII. THU HÚT NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ**

Môi trường đầu tư, kinh doanh của huyện ngày càng thông thoáng hấp dẫn hơn, tiến độ cho ý kiến đối với đề nghị chấp thuận đầu tư và triển khai các dự án nhanh hơn; chất lượng dự án đầu tư tốt hơn, hầu hết các dự án được chấp thuận đầu tư đã triển khai thực hiện theo đúng lộ trình và tiến hành sản xuất, kinh doanh theo đúng kế hoạch đề ra. Kết quả năm 2022 các nhà đầu tư tài trợ lập đề án quy hoạch 11 khu đô thị, khu dân cư; có 07 nhà đầu tư thực hiện các dự án phát triển đô thị và dịch vụ với tổng vốn đầu tư 1.825 tỷ đồng; hiện đã đăng ký và đề xuất 08 danh mục dự án để tiếp tục tổ chức lựa chọn nhà đầu tư. Các hoạt động xúc tiến, mời gọi đầu tư, khuyến khích khởi nghiệp được tăng cường thực hiện; trong năm, đã cấp mới, cấp đổi 1.205 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh với tổng vốn đăng ký 1.315,8 tỷ đồng; thành lập mới 34 hợp tác xã, đạt 340% kế hoạch, với số vốn đăng ký trên 84,6 tỷ đồng.

### **C. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN KHU VỰC HUYỆN LỤC NGẠN MỚI (CÒN LẠI)**

#### **I. VỊ TRÍ VÀ PHẠM VI RANH GIỚI**

##### **1. Vị trí**

Huyện Lục Ngạn mới nằm ở phía Đông Bắc tỉnh Bắc Giang, cách trung tâm thành phố Bắc Giang khoảng 65 km. Địa bàn huyện nằm ở vị trí thuận lợi, có hệ thống giao thông kết nối đồng bộ đi tỉnh Lạng Sơn và tỉnh Quảng Ninh.

##### **2. Phạm vi ranh giới**

###### **a) Phạm vi**

Theo phương án chia tách và điều chỉnh địa giới hành chính huyện Lục Ngạn và thành lập thị xã Chũ, tỉnh Bắc Giang. Về định hướng sẽ chia không gian huyện Lục Ngạn thành hai phần: Phần không gian hình thành thị xã Chũ, phần còn lại sẽ là huyện Lục Ngạn mới. Huyện Lục Ngạn sau khi đã chia tách không gian sẽ bao gồm 19 đơn vị hành chính cấp xã, một phần diện tích xã Thanh Hải của huyện Lục Ngạn và một phần huyện Sơn Động. Như vậy, huyện Lục Ngạn mới có 19 xã, gồm: Giáp Sơn, Phi Điền, Đồng Cốc, Phú Nhuận, Đèo Gia, Biên Động, Tân Hoa, Kim Sơn, Biên Sơn, Hộ Đáp, Cẩm Sơn, Tân Sơn, Tân Quang, Tân Lập, Phong Minh, Phong Vân, Sa Lý, Sơn Hải, Tân Mộc, chưa bao gồm một phần diện tích xã Thanh Hải (thôn Khuân Rễo) và một phần diện tích của huyện Sơn Động (thuộc Trường bản Quốc gia TB1).

b) Diện tích và dân số các xã thuộc huyện Lục Ngạn mới

- Xã Biên Động có 18,65 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 9.308 người (gồm dân số thường trú 9.235 người và dân số tạm trú là 68 người);
- Xã Phi Điền có 7,29 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 5.670 người (gồm dân số thường trú 5.620 người và dân số tạm trú là 18 người);
- Xã Giáp Sơn có 17 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 10.565 người (gồm dân số thường trú 10.492 người và dân số tạm trú là 28 người).
- Xã Tân Hoa có 21,38 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 7.474 người (gồm dân số thường trú 7.450 người và dân số tạm trú là 16 người).
- Xã Tân Quang có 18,77 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 11.305 người (gồm dân số thường trú 11.900 người và dân số tạm trú là 0 người).
- Xã Biên Sơn có 20,67 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 9.131 người (gồm dân số thường trú 9.132 người và dân số tạm trú là 16 người).
- Xã Đèo Gia có 47,30 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 5.275 người (gồm dân số thường trú 5.261 người và dân số tạm trú là 14 người);
- Xã Tân Mộc có 37,13 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 6.915 người (gồm dân số thường trú 6.880 người và dân số tạm trú là 6 người);
- Xã Tân Lập có 55,63 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 8.931 người (gồm dân số thường trú 8.921 người và dân số tạm trú là 12 người);
- Xã Phong Minh có 48,63 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 2.995 người (gồm dân số thường trú 2.974 người và dân số tạm trú là 10 người);
- Xã Phong Vân có 36,80 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 6.121 người (gồm dân số thường trú 6.067 người và dân số tạm trú là 0 người);
- Xã Cẩm Sơn có 41,39 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 5.339 người (gồm dân số thường trú 5.318 người và dân số tạm trú là 24 người);
- Xã Đồng Cốc có 18,27 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 6.621 người (gồm dân số thường trú 6.594 người và dân số tạm trú là 24 người);

- Xã Hộ Đáp có 44,55 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 4.971 người (gồm dân số thường trú 4.956 người và dân số tạm trú là 24 người);
- Xã Kim Sơn có 13,58 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 2.585 người (gồm dân số thường trú 7.476 người và dân số tạm trú là 45 người);
- Xã Phú Nhuận có 25,47 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 5.003 người (gồm dân số thường trú 4.994 người và dân số tạm trú là 0 người);
- Xã Sơn Hải có 58,24 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 4.455 người (gồm dân số thường trú 4.455 người và dân số tạm trú là 3 người);
- Xã Tân Sơn có 53,98 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 9.180 người (gồm dân số thường trú 9.233 người và dân số tạm trú là 01 người);
- Xã Sa Lý có 35,32 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 3.229 người (gồm dân số thường trú 3.197 người và dân số tạm trú là 02 người);
- Trường bắn Quốc gia Khu vực 1 có 148,84 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên.

### **3. Địa giới hành chính huyện Lục Ngạn mới**

- Phía Bắc giáp tỉnh Lạng Sơn;
- Phía Nam giáp huyện Lục Nam, Sơn Động;
- Phía Đông giáp huyện Sơn Động;
- Phía Tây giáp tỉnh Lạng Sơn và thị xã Chũ.

## **II. DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN VÀ CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT**

### **1. Diện tích tự nhiên của huyện Lục Ngạn mới**

Diện tích tự nhiên tự nhiên của huyện Lục Ngạn mới là 768,98 km<sup>2</sup>, bằng 76.898,20 ha (chưa bao gồm phần diện tích tự nhiên của thôn Khuân Rễo thuộc xã Thanh Hải dự kiến nhập về xã Biên Sơn là 12,05 km<sup>2</sup> và 75,5 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên của huyện Sơn Động thuộc khu vực Trường bắn Quốc gia KV 1 chuyển về huyện Lục Ngạn mới).

### **2. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất của huyện Lục Ngạn mới**

- a) Đất nông nghiệp là 53.555,66 ha, gồm:
  - Đất lúa là 2.595,67 ha.
  - Đất trồng cây hàng năm là 1.297,26 ha.
  - Đất trồng cây lâu năm là 16.051,07 ha.
  - Đất rừng phòng hộ là 9.152,50 ha.
  - Đất rừng sản xuất là 24.350,14 ha.
  - Đất nuôi trồng thủy sản là 108,33 ha.
  - Đất nông nghiệp khác là 0,69 ha.
- b) Đất phi nông nghiệp là 29,957,41 ha, gồm:

- Đất quốc phòng là 14.969,23 ha (bao gồm diện tích Trường bắn quốc gia KV 1 là 14.854,48 ha).
- Đất an ninh là 0,13 ha.
- Đất cụm công nghiệp là 0 ha.
- Đất thương mại - dịch vụ là 2,71 ha.
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là 7,92 ha.
- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản là 0 ha.
- Đất sản xuất vật liệu xây dựng là 13,63 ha.
- Đất phát triển hạ tầng là 1.194,14 ha.
- Đất vui chơi giải trí công cộng là 0 ha.
- Đất ở nông thôn là 1.200,49 ha.
- Đất ở đô thị là 0 ha.
- Đất trụ sở cơ quan là 13,08 ha.
- Đất trụ sở cơ quan tổ chức sự nghiệp là 0 ha
- Đất cơ sở tín ngưỡng là 11,60 ha.
- Đất sông ngòi, kênh rạch là 1.217,56 ha.
- Đất có mặt nước chuyên dùng là 2.326,09 ha.
- Đất phi nông nghiệp khác là 0 ha.
- c) Đất chưa sử dụng là 2.385,12 ha.

Như vậy, sau khi điều chỉnh địa giới hành chính giữa xã Thanh Hải và xã Biên Sơn, điều chỉnh địa giới hành chính huyện Lục Ngạn để thành lập thị xã Chũ thì huyện Lục Ngạn mới sẽ có 781,04 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên (nếu bao gồm cả 75,5 km<sup>2</sup> thuộc Trường bắn nằm trên địa giới hành chính huyện Sơn Động dự kiến điều chỉnh về huyện Lục Ngạn mới quản lý thì diện tích của huyện mới sẽ là **856,54 km<sup>2</sup>**), dân số là **125.710 người**, trong đó dân số thường trú là 125.423 người, dân số tạm trú là 287 người. Sau khi tiếp nhận 12,05 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên và 637 người thuộc thôn Khuân Rẻo, xã Thanh Hải thì xã Biên Sơn có 32,72 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên và dân số là 9.768 người.

### III. DÂN SỐ VÀ LAO ĐỘNG

#### 1. Dân số

Khu vực dự kiến thành lập huyện Lục Ngạn mới có 29.865 hộ, dân số là 125.710 người (gồm dân số thường trú là 125.399 người, dân số tạm trú là 311 người); dân số đều là các xã nông thôn; mật độ dân số trung bình khoảng 170 người/km<sup>2</sup> (thấp hơn mật độ dân số toàn huyện là 227 người/km<sup>2</sup>).

Tốc độ tăng dân số trung bình giai đoạn 2017 - 2022 khoảng 1,13%/năm. Riêng năm 2022, tỷ lệ tăng dân số trên địa bàn đạt 1,43%; dân số phân bố không đều giữa các xã, tập trung cao hơn tại các xã gần khu vực trung tâm, thuận lợi về

giao thông, có Quốc lộ 31 chạy qua như: Phì Điền, Tân Quang, Giáp Sơn, Biên Động (mật độ dân số trên 450 người/km<sup>2</sup>; trong đó cao nhất là Phì Điền với 759 người/km<sup>2</sup>); thấp nhất tại các xã miền núi, địa hình phức tạp, điều kiện hạ tầng cơ sở còn hạn chế như: Minh Phong, Sơn Hải, Sa Lý (mật độ dân số dưới 100 người/km<sup>2</sup>).

## **2. Lao động**

Khu vực dự kiến thành lập huyện Lục Ngạn mới có lực lượng lao động dồi dào, khoảng 75.365 người (chiếm 57,77% dân số). Do là khu vực nông thôn, nhiều xã có điều kiện kinh tế khó khăn; lực lượng lao động trên địa bàn chủ yếu tập trung trong các ngành nông - lâm - ngư nghiệp, chiếm tỷ trọng lớn, khoảng 41.148 người, chiếm tỷ lệ 54,60% cơ cấu lao động theo các ngành kinh tế huyện; ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ - thương mại ít phát triển hơn, nên lao động phi nông nghiệp trên địa bàn huyện là 34.217 người, chiếm tỷ lệ 55,40%.

## **IV. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**

### **1. Hiện trạng phát triển kinh tế**

#### **a) Tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế**

Trong những năm qua, cùng với xu thế phát triển chung của cả nước và của tỉnh, với chính sách mở cửa trong công cuộc cải cách kinh tế, nền kinh tế của huyện Lục Ngạn mới từng bước ổn định và phát triển ở hầu hết các ngành, các lĩnh vực từ nông nghiệp, thủy sản đến công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ. Đây là bước tạo đà cho quá trình phát triển và chuyển dịch kinh tế trên địa bàn huyện và tạo cơ sở cho sự phát triển các lĩnh vực xã hội như giáo dục, y tế, văn hóa... cải thiện đáng kể đời sống người dân trên địa bàn huyện cả về vật chất và tinh thần.

Giai đoạn 2017 - 2020, huyện Lục Ngạn đã đạt nhiều thành tựu nổi bật về kinh tế. Tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình đạt 13,56%/năm; trong đó, nông - lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,87%; công nghiệp - xây dựng tăng 22,47%; thương mại - dịch vụ tăng 15,38%.

Năm 2022, mặc dù tình hình dịch bệnh Covid còn diễn biến phức tạp, tuy nhiên với sự quan tâm, nỗ lực của Đảng, chính quyền và nhân dân, huyện Lục Ngạn tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, không ngừng đổi mới, sáng tạo, nỗ lực phấn đấu hoàn thành các mục tiêu kinh tế đạt ra. Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn đạt 6.102,25 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng đạt 13,5%. Trong đó giá trị sản xuất ngành nông - lâm nghiệp - thủy sản đạt 1.284,85 tỷ đồng; công nghiệp - xây dựng đạt 2.402,75 tỷ đồng; thương mại - dịch vụ đạt 2.414,65 tỷ đồng.

#### **b) Về chuyển dịch cơ cấu kinh tế**

Giai đoạn 2016-2020, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ; giảm dần tỉ trọng nông, lâm ngư nghiệp. Năm 2016, ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 25%; nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 41%; thương mại - dịch vụ chiếm 34%. Đến năm

2020, ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 34,75%; nông - lâm nghiệp và thủy sản chiếm 30,53%; thương mại - dịch vụ chiếm 34,72%.

Năm 2022, cơ cấu ngành nông - lâm - thủy sản chiếm 21,05%; ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 39,37%, ngành thương mại, dịch vụ chiếm 39,57%.

d) Về phát triển ngành, lĩnh vực

- Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - xây dựng:

Về công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: Giai đoạn 2017 - 2020, giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có mức tăng trưởng khá, vượt mục tiêu đặt ra, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 22,47%/năm. Huyện đã thực hiện đồng bộ các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; sáng tạo trong hoạt động quảng bá, xúc tiến, thu hút đầu tư vào địa bàn; đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh tiếp cận các nguồn vốn, đầu tư mở rộng sản xuất; thực hiện tốt công tác khuyến công gắn với đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực cho đội ngũ lãnh đạo quản lý doanh nghiệp và đào tạo nghề cho lao động. Các làng nghề truyền thống tiếp tục phát triển, góp phần tích cực vào mục tiêu giải quyết việc làm và chuyển dịch cơ cấu lao động. Năm 2020, với tình hình dịch bệnh Covid diễn biến phức tạp, trong đợt dịch Covid-19 (tháng 5, tháng 6), có hơn 50% số cơ sở phải tạm dừng hoạt động. Từ tháng 7/2021, huyện đẩy mạnh hỗ trợ các doanh nghiệp phục hồi sản xuất gắn với an toàn phòng, chống dịch, nhờ đó đến tháng 8/2021, tất cả các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đã hoạt động trở lại, góp phần phục hồi đà tăng trưởng kinh tế chung của huyện. Theo đó, đến nay tổng giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp vẫn đạt kế hoạch đặt ra. Địa bàn huyện Lục Ngạn có 3 cụm công nghiệp (CCN) đã được thành lập, gồm: Cụm công nghiệp Ba Trại có quy mô 8,6 ha; cụm công nghiệp Cầu Đất có quy mô 19,56 ha; cụm công nghiệp Mỹ An có quy mô 46,70 ha. Các lĩnh vực đầu tư chủ yếu tại các cụm công nghiệp gồm bao bì, thùng xốp, đá cây, chế biến nông, lâm sản,...

Về đầu tư xây dựng: Công tác đầu tư, xây dựng trên địa bàn được triển khai mạnh mẽ. Trong 3 năm (từ năm 2017-2020), địa bàn huyện có nhiều lượt doanh nghiệp tìm hiểu, xúc tiến đầu tư. Huyện đã tập trung huy động các nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và tạo ra bước đột phá trong phát triển hạ tầng giao thông. Đến nay, đã cứng hóa trên 1.500 km đường giao thông nông thôn, nâng tỷ lệ cứng hóa lên gần 85%, tăng 402,6% so với năm 2017. Nhiều tuyến giao thông quan trọng kết nối với vùng sâu được hoàn thành, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội như: Đường tỉnh 290, đường vào thôn Suối Chạc xã Phong Vân (8,5 km), đường huyện 81 từ Nam Dương đi Đèo Gia (22,5 km); triển khai các dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 31, tuyến đường đi xã Kim Sơn - Phú Nhuận; tuyến đường huyện 85 từ ngã ba Đèo Vàng đến trung tâm xã Hộ Đáp,...

Năm 2022, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng đạt 2.402,75 tỷ đồng, tăng 22,47%.



- Hiện trạng phát triển dịch vụ - thương mại

Trong những năm qua, thương mại dịch vụ trên địa bàn huyện Lục Ngạn có những bước phát triển tích cực; tốc độ tăng trưởng trung bình toàn ngành đạt bình quân 15,38%/năm. Hệ thống chợ được quy hoạch, nâng cấp, mở rộng, chuyển đổi mô hình quản lý, mang lại hiệu quả tích cực; công tác xúc tiến thương mại được đẩy mạnh, hình thức phong phú, đa dạng góp phần mở rộng thị trường tiêu thụ các sản phẩm của địa phương; nhiệm vụ quản lý thị trường được chú trọng. Hoạt động tài chính, ngân hàng phát triển mạnh cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển; các loại hình dịch vụ bưu chính, viễn thông, vận tải, bảo hiểm, y tế, giáo dục phát triển nhanh, chất lượng ngày càng nâng cao, đáp ứng tốt nhu cầu của nhân dân; hoạt động du lịch sinh thái, cộng đồng gắn với vùng cây ăn quả có bước phát triển, đã thu hút đáng kể lượng khách du lịch vào địa bàn (bình quân đạt trên 31.000 lượt khách/năm).

Năm 2022, tổng giá trị sản xuất ngành thương mại dịch vụ trên địa bàn đạt 2.414,65 tỷ đồng; tổng lưu chuyển hàng hóa bán lẻ trên thị trường có xu hướng tăng trưởng khả quan. Trong giai đoạn tình hình dịch bệnh Covid diễn biến phức tạp, huyện đã chủ động thực hiện có hiệu quả kế hoạch, phương án, kịch bản hỗ trợ nhân dân tiêu thụ vải thiều, cam, bưởi và các sản phẩm đặc trưng, đảm bảo thích ứng với diễn biến của dịch bệnh. Đặc biệt, huyện đã linh hoạt giải quyết kịp thời các vướng mắc phát sinh cho các tổ chức, cá nhân trong lưu thông hàng hóa thiết yếu, đảm bảo phục vụ người dân. Các hoạt động xúc tiến thương mại được duy trì tổ chức bằng nhiều hình thức phù hợp, phát huy được hiệu quả tích cực (liên kết với các doanh nghiệp lớn, các tổ chức chính trị xã hội trong tiêu thụ vải thiều; tổ chức bán hàng qua các kênh thương mại điện tử...); công tác quản lý, kiểm soát thị trường được duy trì.

- Hiện trạng phát triển nông - lâm nghiệp và thủy sản

Trong những năm qua ngành nông, lâm, ngư nghiệp vẫn tiếp tục phát triển mạnh, khai thác tốt tiềm năng, lợi thế của địa phương; tiếp tục hoàn thiện quy hoạch vùng sản xuất, đa dạng hóa các loại cây trồng, vật nuôi nhằm khai thác và phát huy tiềm năng, lợi thế. Tổng giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp năm 2022 theo giá so sánh đạt 1.284,85 tỷ đồng, chiếm 21,05% tổng giá trị trong các ngành kinh tế của huyện.

Về lĩnh vực trồng trọt: Năm 2022, toàn vùng gieo trồng được hơn 3.000 ha cây lương thực có hạt, đạt tổng sản lượng hơn 14.700 tấn (chiếm 73% tổng sản lượng toàn huyện); chủ động chỉ đạo đẩy mạnh sản xuất vải thiều chất lượng cao, tổng giá trị từ vải thiều và các dịch vụ phụ trợ khác đạt hàng nghìn tỷ đồng/năm; ngoài ra, địa bàn huyện cũng triển khai các loại cây trồng khác như nhãn, cây có múi (cam, bưởi)..., sản lượng cho năng suất cao, tiêu thụ thuận lợi. Đăng ký mới danh mục 11 sản phẩm OCOP năm 2022, triển khai 07 mô hình sản xuất.

Về chăn nuôi: Tổng đàn vật nuôi vẫn duy trì phát triển ổn định; hướng dẫn nhân dân tái đàn sau dịch bệnh; duy trì thực hiện công tác phòng, chống dịch

bệnh trong chăn nuôi, tăng cường kiểm dịch, kiểm tra vệ sinh thú y, không để bùng phát, lây lan dịch bệnh nguy hiểm trên đàn vật nuôi.

Về lâm nghiệp: Năm 2022, toàn huyện trồng mới được 2.033,2 ha rừng, đạt 169,43% kế hoạch. Trong đó, diện tích rừng trồng mới tập trung chủ yếu trên địa bàn huyện Lục Ngạn mới với khoảng gần 1.900 ha (chiếm 90% diện tích rừng trồng mới huyện); khai thác 2.150,94 ha rừng trồng với sản lượng 232.150,8 m<sup>3</sup> gỗ, tổng giá trị đạt khoảng 241,1 tỷ đồng; trồng 633.000 cây keo theo chương trình 01 tỷ cây xanh; thực hiện tốt công tác bảo vệ và phòng, chống cháy rừng; kiểm tra và xử lý kịp thời các vi phạm về bảo vệ rừng,...

#### d) Thu chi ngân sách nhà nước

Thu chi ngân sách trên địa bàn huyện được triển khai và thực hiện hiệu quả. Chính quyền huyện Lục Ngạn đã tập trung đồng bộ, quyết liệt các biện pháp chống thất thu, tăng thu ngân sách, khai thác và quản lý tốt nguồn thu; hằng năm, số thu đều đạt và vượt chỉ tiêu giao. Tốc độ tăng thu ngân sách nhà nước tại địa bàn trong giai đoạn 2015 - 2020 đạt 20,18%; trong đó, thu tiền sử dụng đất có mức tăng trưởng là 49,2%; tốc độ tăng bình quân các khoản thu trừ thu tiền sử dụng đất đạt 11,24%/năm. Năm 2022, thu ngân sách đạt 533,34 tỷ đồng, chiếm 35% tổng thu ngân sách trên địa bàn huyện Lục Ngạn.

## 2. Văn hóa - xã hội

#### a) Hiện trạng giáo dục và đào tạo

Trong những năm qua, hoạt động giáo dục được quan tâm; quy mô, mạng lưới trường lớp tiếp tục được củng cố; cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục được đầu tư theo hướng chuẩn hóa và đồng bộ, tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 87,5%; chất lượng giáo dục đại trà được nâng lên. Công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia được quan tâm, trên 90% trường trong khu vực đạt chuẩn quốc gia; 19/19 xã duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục THCS mức độ 2 và xóa mù chữ mức độ 2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tăng cường về số lượng, nâng lên về chất lượng.

- Đối với giáo dục cấp mầm non, tiểu học và trung học cơ sở: Năm 2022, khu vực huyện Lục Ngạn mới có 56 trường học từ mầm non đến trung học cơ sở; trong đó, có 19 trường mầm non, 18 trường tiểu học, 17 trường trung học cơ sở và 2 trường phổ thông; với 993 phòng học, hơn 1.600 giáo viên các cấp; hàng năm đào tạo khoảng hơn 26.600 học sinh.

- Đối với hệ thống giáo dục trung học phổ thông có 02 trường là: trường THPT số 2 tại xã Tân Hoa và trường THPT số 4 tại xã Tân Sơn:

+ Trường Lục Ngạn số 2 có tổng diện tích 22.951,8 m<sup>2</sup> với 38 lớp, 1.571 học sinh, 87 cán bộ, giáo viên, nhân viên (trong đó cán bộ quản lý là 03, giáo viên là 81, nhân viên là 03; Đảng viên có 45 người, thạc sĩ có 07 người, đại học là 79 người, cao đẳng và trung cấp là 01 người. Cơ sở vật chất nhà trường được trang bị tương đối đầy đủ, khang trang, khuôn viên nhà trường sạch, đẹp, có đầy

đủ thiết bị phục vụ dạy và học; Ban lãnh đạo nhà trường luôn có nhiều biện pháp nhằm đổi mới, cải tiến, nâng cao chất lượng dạy và học trong nhà trường.

+ Trường THPT Lục Ngạn số 4 có tổng diện tích khoảng 16.699 m<sup>2</sup>, 30 lớp, gần 1.200 học sinh và 76 cán bộ, giáo viên, nhân viên; có 17 phòng học kiên cố, 4 phòng học bộ môn, có đầy đủ thư viện, nhà đa năng và các phòng tổ chuyên môn. Các phòng học đều được trang bị tivi thông minh và máy chiếu, trong đó có 03 phòng học tương tác với hệ thống bảng thông minh.

#### b) Hiện trạng y tế

Công tác phát triển y tế trên địa bàn khu vực huyện Lục Ngạn mới thường xuyên được quan tâm, chất lượng khám, chữa bệnh từng bước được nâng cao, đội ngũ viên chức y tế được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật bằng các hình thức dài hạn, ngắn hạn. Trang thiết bị, phương tiện từng bước được đầu tư, 100% các xã triển khai khám chữa bệnh bảo hiểm y tế.

Hiện nay, khu vực huyện Lục Ngạn mới chưa có cơ sở y tế cấp huyện, vùng, chỉ có các công trình y tế cấp xã, nằm tại 19 xã trên địa bàn với 95 giường bệnh. Diện tích mặt bằng và diện tích xây dựng của các trạm y tế xã đảm bảo đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân theo bộ tiêu chí về y tế quốc gia

#### c) Hiện trạng phát triển văn hóa, thông tin thể thao

##### - Lĩnh vực văn hóa

Đời sống văn hóa tinh thần của người dân trên địa bàn huyện Lục Ngạn mới từng bước được củng cố và nâng cao; hạ tầng văn hóa, thông tin phát triển khá đồng bộ; hệ thống truyền thanh, truyền hình được khai thác, sử dụng phát huy hiệu quả. Công tác quy hoạch và đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao được quan tâm, trong 5 năm từ năm 2017 - 2022 đã đầu tư xây mới 04 nhà văn hóa xã, 51 nhà văn hóa thôn, nâng tổng số lên 17/19 xã có nhà văn hóa xã.

Hoạt động bảo tồn, quảng bá, phát huy truyền thống, bản sắc văn hóa riêng của người dân địa phương gắn với phát triển du lịch có tiến bộ. Công tác gia đình, bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ, phòng chống tai nạn, bạo lực, xâm hại phụ nữ, trẻ em được quan tâm

Khu vực huyện Lục Ngạn mới có 01 Thư viện tại xã Giáp Sơn, hiện tại chỉ đảm bảo phục vụ cho nhu cầu của nhân dân xã và khu vực lân cận; 17 nhà văn hóa cấp xã, trong đó có 16 nhà văn hóa đạt chuẩn theo quy định; 08 di tích cấp tỉnh tại xã Đèo Gia, Giáp Sơn, Biền Động và Tân Quang

##### - Lĩnh vực thể dục thể thao:

Hoạt động thể dục thể thao trên địa bàn huyện Lục Ngạn mới những năm gần đây được quan tâm và phát triển; cơ sở thể dục thể thao từng bước được đầu tư, đời sống của nhân dân cũng có nhiều bước phát triển. Tuy nhiên, địa bàn huyện Lục Ngạn mới phần lớn là các xã nông thôn, nhiều xã địa hình đồi núi phức tạp, điều kiện kinh tế còn khó khăn, còn nhiều xã chưa có các công trình phục vụ văn hóa, thể thao cho người dân; chưa có các công trình thể dục thể thao cấp huyện, cấp vùng.

d) Xóa đói, giảm nghèo

Tổng số hộ nghèo trên địa bàn huyện Lục Ngạn mới năm 2020 là 1.170 hộ/27.197 hộ, chiếm tỷ lệ 6,51%; năm 2021 là 3.051 hộ/27.330 hộ, chiếm tỷ lệ 11,16%; năm 2022 là 2.181 hộ/27.359 hộ, chiếm tỷ lệ 7,97%. Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm 2020 - 2022 trên địa bàn thị xã là 8,55%.

## V. HIỆN TRẠNG HẠ TẦNG

### 1. Hiện trạng hệ thống hạ tầng xã hội

a) Hiện trạng hệ thống công trình hành chính

Khu vực huyện Lục Ngạn mới hiện chưa có các công trình công sở cấp huyện. Đây cũng là một trong những hạng mục cần đầu tư sau khi huyện Lục Ngạn mới được thành lập; công sở cấp xã được đặt ở khu vực trung tâm của các xã và kết hợp với các khu chức năng khác (công trình thể dục thể thao, nhà văn hoá, trạm y tế, trường học...).

Về quy mô, chất lượng nhà công sở cơ bản hiện nay đều có trụ sở làm việc đảm bảo chất lượng (trụ sở làm việc kết cấu khung chịu lực, tầng cao từ 2 tầng trở lên, niên hạn sử dụng từ 20 năm trở lên). Tuy nhiên, đối với công sở cấp xã bên cạnh các trụ sở làm việc đảm bảo an toàn, diện tích làm việc được đầu tư mới, thì vẫn còn các công trình nhà cấp 4 cũ vẫn được sử dụng để làm việc và các chức năng khác (kho, nhà để xe,...).

b) Hiện trạng công trình giáo dục và đào tạo

- Năm 2022, khu vực huyện Lục Ngạn mới có 56 trường học từ mầm non đến trung học cơ sở; trong đó, có 19 trường mầm non, 18 trường tiểu học, 17 trường trung học cơ sở và 2 trường phổ thông, với 993 phòng học.

- Hệ thống giáo dục trung học phổ thông có 02 trường: Trường Lục Ngạn số 2 có tổng diện tích 22.951,8 m<sup>2</sup> với 38 lớp; Trường THPT Lục Ngạn số 4, có tổng diện tích 16.699 m<sup>2</sup>, với 30 lớp.

c) Hiện trạng hạ tầng y tế

Khu vực huyện Lục Ngạn mới chưa có cơ sở y tế cấp huyện, vùng, chỉ có các công trình y tế cấp xã, nằm tại 19 xã trên địa bàn với 95 giường bệnh.

d) Hiện trạng công trình thương mại

Khu vực huyện Lục Ngạn mới chưa có các công trình dịch vụ thương mại lớn, mang tính chất vùng, chủ yếu là các chợ dân sinh hạng III nằm tại 12/19 xã; trong đó có 09 chợ đã được đầu tư bán kiên cố, 03 chợ tạm tại xã Tân Quang, Cẩm Sơn và Tân Hoa. Còn 7 xã chưa có chợ là: Phong Minh, Hộ Đáp, Sơn Hải, Kim Sơn, Đồng Cốc, Tân Lập và Đèo Gia. Ngoài ra, trên địa bàn còn có một số các cửa hàng tiện lợi, buôn bán lương thực, các cơ sở kinh doanh xăng dầu tập trung chủ yếu tại xã Phi Điền và dọc các trục đường chính trong khu vực.

đ) Hiện trạng công trình văn hóa, thể thao

Khu vực huyện Lục Ngạn mới có tổng số 17/19 xã có nhà văn hóa xã; có 01 Thư viện; 08 di tích cấp tỉnh.

Khu vực huyện Lục Ngạn mới chưa có các công trình phục vụ văn hóa, thể thao cho người dân và các công trình thể dục thể thao cấp huyện, cấp vùng.

## **2. Hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật**

### **2.1. Giao thông:**

#### **a) Hiện trạng kết nối giao thông vùng**

Tỉnh Bắc Giang nằm cách Thủ đô Hà Nội 50 km về phía Bắc, cách cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị 110 km về phía Nam, cách cảng Hải Phòng hơn 100 km về phía Đông; có cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn, Quốc lộ 1A, Quốc lộ 17, Quốc lộ 31, Quốc lộ 37, Quốc lộ 279, Quốc lộ 45 và đường sắt có đường sắt Hà Nội - Đồng Đăng, đường sắt Kép - Lưu Xá đi qua, cùng hệ thống sông ngòi phong phú nên có điều kiện phát triển mạnh giao thông cả đường bộ và đường thủy. Khu vực huyện Lục Ngạn mới nằm ở phía Đông tỉnh Bắc Giang, cách thành phố Bắc Giang 50 km về phía đông, có mạng lưới giao thông phân bố chưa được thuận lợi. Hiện nay, khu vực huyện Lục Ngạn mới có 02 phương thức vận tải là đường bộ và đường thủy (chủ yếu là đường bộ) thuận lợi cho việc lưu thông hàng hóa và hành khách trong và ngoài huyện.

#### **b) Hiện trạng mạng lưới giao thông:**

##### **- Đường bộ:**

Mạng lưới giao thông đường bộ trên địa bàn huyện được hình thành theo trục dọc, trục ngang và liên kết các huyện trong tỉnh, các tỉnh trong vùng, bao gồm: Quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị, đường xã với tổng chiều dài 578,1 km (không bao gồm đường thôn xóm).

##### **+ Quốc lộ có 02 tuyến đi qua địa bàn huyện, gồm:**

Quốc lộ 31 chiều dài qua huyện khoảng 14,5 km (điểm đầu từ xã Giáp Sơn đến hết xã Biện Động). Đây là tuyến giao thông trục ngang huyết mạch của huyện kết nối từ thành phố Bắc Giang qua thị trấn Lục Nam, thị xã Chũ và kết nối với huyện Sơn Động; là tuyến đường kết nối, đảm bảo sự thông suốt giữa các huyện miền núi phía Đông của tỉnh với trung tâm kinh tế - văn hóa - chính trị của tỉnh. Đoạn tuyến đi qua huyện Lục Ngạn mới có kết cấu mặt đường láng nhựa rộng 6,5m, đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi, quy mô 2 làn xe; một số đoạn tuyến đang được đầu tư nâng cấp mở rộng thành đường cấp III, quy mô 4 làn xe.

Quốc lộ 279 tuyến có điểm đầu từ giao Quốc lộ 31 tại xã Tân Hoa đến thôn Bền xã Cẩm Sơn. Đoạn tuyến đi qua huyện có chiều dài khoảng 29 km, đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi, quy mô 2 làn xe. Quốc lộ 279 hiện trạng chất lượng tương đối tốt và là tuyến đường quan trọng trong vận chuyển hàng hóa từ các tỉnh Đông bắc đến Móng Cái - Quảng Ninh đồng thời góp phần phát triển kinh tế và phát huy hiệu quả giao thông đối ngoại của huyện Lục Ngạn.

+ Đường tỉnh có 04 tuyến chạy qua với tổng chiều dài 80,5 km, cụ thể:

Đường tỉnh 248 (ĐT.248) chiều dài khoảng 26 km (điểm đầu giao với Quốc lộ 279 tại cầu Trắng xã Phong Vân điểm cuối hết địa phận xã Sa Lý). Hiện trạng là đường cấp V miền núi.

Đường tỉnh 289 kéo dài (ĐT.289 kéo dài) chiều dài 3 km (điểm đầu từ thị trấn Chũ, điểm cuối đến hết địa phận xã Tân Mộc). Hiện trạng là đường cấp IV miền núi, chất lượng tương đối tốt.

Đường tỉnh 290 (ĐT.290) chiều dài 12 km (điểm đầu giao với Quốc lộ 31 tại xã Hồng Giang điểm cuối giao với Quốc lộ 279 tại địa phận xã Phong Vân). Hiện trạng là đường cấp IV miền núi, mặt đường bê tông xi măng, chất lượng đường tốt.

Đường tỉnh 289C (ĐT.289C) tuyến nâng cấp từ đường huyện 85 Kiên Thành - Hộ Đáp với tổng chiều dài khoảng 28km. Hiện trạng là đường cấp IV miền núi, mặt đường chất lượng tốt và tuyến nâng cấp từ đường Tân Sơn - Hữu Kiên có chiều dài 11,5 km.

- Đường huyện có 04 tuyến, tổng chiều dài 65,35 km, hiện trạng các tuyến đường huyện đạt tiêu chuẩn là đường cấp IV, V, VI, gồm:

+ Đường huyện 81 tuyến Nam Dương - Tân Lập - Đèo Gia, chiều dài khoảng 23,3 km, đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, mặt đường bê tông xi măng, chất lượng tốt;

+ Đường huyện 83 tuyến Chũ - Biên Sơn, tổng chiều dài khoảng 10 km, đạt tiêu chuẩn đường cấp V miền núi;

+ Đường huyện 84 tuyến Tân Hoa - Kim Sơn - Biển Động - Đèo Gia, chiều dài khoảng 22,05 km;

+ Đường huyện 88 tuyến Hồng Giang - Tân Quang - Giáp Sơn, chiều dài 10 km, đạt loại B cấp V-VI miền núi, đã cứng hóa 100%.

- Đường giao thông nông thôn:

+ Đường xã tổng chiều dài 404,1 km, đã cứng hóa 334,07 km, đạt 82,67% và 70,03 km đường đất, chiếm 17,33%; quy mô đường xã nhỏ hẹp, chủ yếu mới chỉ đạt giao thông nông thôn loại B, nhiều tuyến loại C; hệ thống cầu, cống chưa đồng bộ với cấp đường và có tải trọng thấp.

+ Đường thôn xóm tổng chiều dài 1.410,04 km, trong đó có 1.211,79 km đường bê tông xi măng, chiếm 85,94%; 198,24 km đường đất, chiếm 14,06%. Đường có quy mô nhỏ, chủ yếu mới đạt tiêu chuẩn giao thông nông thôn loại B và loại C.

+ Đường nội đồng tổng chiều dài 405,0 km, trong đó có 279,89 km đường bê tông xi măng, chiếm 69,12% và 125,11 km đường cấp phối đất, chiếm 30,88%.

- Đường thủy:

+ Đường thủy nội địa tại Bắc Giang phát triển trên 3 con sông là sông Thương (Phả Lại - Á Lữ dài 62 km cấp III), sông Cầu (Phả Lại - Đa Phúc dài 104 km cấp III) và sông Lục Nam (ngã 3 Nhãn - Chũ dài 56 km cấp III); có 3 tuyến vận tải do Trung ương quản lý với tổng chiều dài 222 km, trong đó sông chảy qua đại bàn huyện Lục Ngạn có sông Lục Nam.

Sông Lục Nam bắt nguồn từ độ cao khoảng 700 m trên vùng núi Kham thuộc địa phận huyện Đình Lập (Lạng Sơn) theo hướng Tây Nam chảy qua các huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam (thuộc tỉnh Bắc Giang) và hội lưu với sông Thương tại nơi giáp ranh giữa Đức Giang, Trí Yên và Hưng Đạo. Tuyến sông đạt tiêu chuẩn cấp III - cấp đường thủy nội địa. Hiện tại trên hệ thống sông Lục Nam có khoảng 170 công trình chủ yếu là hồ, đập phục vụ nước tưới cho các huyện: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam; đoạn qua huyện Lục Ngạn dài khoảng 40 km, từ xã Phượng Sơn đến xã Đèo Gia phục vụ vận tải và tưới tiêu nông nghiệp, tàu thuyền qua lại.

- Cảng, bến thủy nội địa:

Trên địa bàn huyện Lục Ngạn mới có 01 bến khách ngang sông là bến Công Lộ thuộc xã Đèo Gia; có đường lên xuống đã được cứng hoá nhưng vẫn còn thiếu hệ thống thông tin biển báo, phương tiện vận chuyển nhỏ. Ngoài ra còn có 2 bến đò tại xã Sơn Hải và Tân Sơn và các bến thủy nội địa nhỏ lẻ, chuyên bốc xếp hàng hóa vật liệu xây dựng (cát, đá).

c) Công trình giao thông:

- Bến bãi đỗ xe:

Trên địa bàn huyện hiện nay có 01 bến xe tại xã Tân Sơn với diện tích 2.508m<sup>2</sup>, là bến xe loại V hiện Công ty TNHH Hiệp Anh là đơn vị quản lý.

Hiện tại trên địa bàn huyện Lục Ngạn chưa có bãi đỗ xe tĩnh. Xe tải, xe khách dừng đỗ bốc xếp hàng, trả khách nhiều điểm tại xã và bám dọc theo các trục quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện.

- Cầu qua sông:

Trên tuyến sông Lục Nam có 3 cầu bắc qua sông chủ yếu là cầu nhỏ, kết nối giữa 2 bờ sông Lục Nam còn nhiều hạn chế

## 2.2. Hiện trạng cấp nước

- Nguồn nước cấp cho sinh hoạt trên địa bàn huyện Lục Ngạn chủ yếu lấy từ nước mặt, nước mưa và nước ngầm;

- Trên địa bàn toàn huyện hiện có 22 công trình cấp nước tập trung nông thôn tổng công suất: 2.992 m<sup>3</sup>/ngđ; các công trình này đều hoạt động kém bền vững chủ yếu là các công trình tự chảy quy mô công suất rất nhỏ;

- Chất lượng nước của công trình: Theo kết quả phân tích Bộ chỉ số năm 2020, các công trình này đều không đạt theo QCVN 02:2009 vì là công trình cấp nước tự chảy.

## 2.3. Hiện trạng cấp điện

## a) Nguồn điện:

Hiện nay huyện Lục Ngạn nhận điện từ 2 trạm 110 kV sau:

- Trạm 110 kV Lục Ngạn mới nâng công suất năm 2020 lên 2x40 MVA điện áp 110/35/22kV.

- Năm 2019 xây dựng thêm trạm 110 kV Lục Ngạn 2 trên địa bàn xã Mỹ An, 01 Máy biến áp, tổng công suất đặt 25 MVA, 06 lộ xuất tuyến (đã đưa vào vận hành trong Quý 2/2020).

## b) Lưới điện:

- Lưới điện truyền tải: Có 2 xuất tuyến 110 kV từ trạm 220 kV Bắc Giang cấp điện cho 2 trạm 110kV.

## - Lưới trung áp:

Tổng chiều dài đường dây trung áp là 490 km; giai đoạn 2011 - 2015 hoàn thiện và đưa vào sử dụng thêm 119 trạm biến áp các loại, 794.785 m đường dây điện, dựng mới 10.996 cột, lắp mới 21.260 công tơ với tổng vốn đầu tư trên 96 tỷ đồng; giai đoạn 2016 - 2019 sửa chữa nâng cấp 545 km đường dây 0,4 kV; đầu tư xây dựng mới 165 trạm biến áp chống quá tải với tổng công suất 24.500 KVA; 90,75 km đường dây trung áp.

## - Lưới hạ thế và chiếu sáng:

+ Hiện tại lưới hạ áp huyện vận hành ổn định ở một số khu vực. Đến nay lưới điện hạ áp chủ yếu sử dụng dây dẫn chủ yếu A, AC, AV, ABC, AXLPE 70, 50, 35.

+ Lưới chiếu sáng đèn đường đã được xây dựng trong khu vực trung tâm xã và một số tuyến đường chính. Hình thức chiếu sáng chủ yếu là cột đèn độc lập, sử dụng bóng Natri cao áp với công suất từ 220V-150W đến 220V- 400W; lưới điện chiếu sáng cho các khu dân cư xa trung tâm chưa được đầu tư.

## 2.4. Hiện trạng hệ thống thông tin liên lạc

## a) Mạng Viễn thông

- Mạng chuyên mạch: Hiện tại trên địa bàn có 2 doanh nghiệp tham gia cung cấp dịch vụ điện thoại cố định là Viễn Thông Bắc Giang (cung cấp dịch vụ điện thoại cố định hữu tuyến và vô tuyến), Viễn thông Quân đội (cung cấp dịch vụ điện thoại cố định hữu tuyến và vô tuyến). Mạng chuyên mạch tại Bắc Giang hầu hết sử dụng hệ thống tổng đài chuyển mạch kênh (TDM) làm nhiệm vụ chuyển mạch cho lưu lượng thoại nội hạt. Công nghệ chuyển mạch hiện tại vẫn đáp ứng tốt cho các dịch vụ thoại nhưng hạn chế cho việc cung cấp dịch vụ mới, chi phí tăng dung lượng mở rộng tốn kém.

- Mạng truyền dẫn: Hiện tại trên địa bàn có các tuyến cáp quang của VNPT, Viettel toàn bộ là cáp quang sử dụng công nghệ SDH và PDH.

- Mạng ngoại vi: Mạng ngoại vi (cồng, bể cáp điện thoại và internet) trên địa bàn được các doanh nghiệp đặc biệt quan tâm đầu tư, đã đáp ứng được cơ



bản nhu cầu lắp đặt điện thoại của nhân dân và chính quyền địa phương. Để nâng cao chất lượng, rút ngắn cự ly phục vụ của mạng ngoại vi các doanh nghiệp đã mở rộng các trạm chuyên mạch, các điểm tập chung thuê bao, bán kính phục vụ bình quân của các trạm đã giảm đáng kể.

- Mạng di động: Trên địa bàn hiện tại có 3 doanh nghiệp cung cấp chính dịch vụ điện thoại di động: Mạng vinaphone (công nghệ GSM), trạm thu phát sóng di động chủ yếu được lắp đặt, sử dụng chung cơ sở hạ tầng và được quản lý chung với các trạm Viễn thông của Viễn thông Bắc Giang; Mạng mobiphone (công nghệ GSM); Mạng Viettel Mobile (công nghệ GSM), trạm thu phát sóng di động chủ yếu lắp đặt tại các cơ quan, nhà dân trên địa bàn huyện.

- Dịch vụ viễn thông, Internet: Có viễn thông Bắc Giang và Viễn thông Quân Đội cung cấp dịch vụ internet. Mạng Internet tốc độ cao ADSL đã triển khai cung cấp dịch vụ toàn xã.

#### b) Mạng Bưu chính:

- Điểm phục vụ: Mạng bưu chính tại huyện Lục Ngạn đã phát triển rộng khắp, 100% số xã có điểm phục vụ. Nhu cầu về dịch vụ Bưu chính của người dân trên địa bàn đã được đáp ứng tương đối đầy đủ.

- Dịch vụ: Bưu điện các xã cung cấp các dịch vụ Bưu chính như: dịch vụ cơ bản, dịch vụ cộng thêm, dịch vụ EMS, dịch vụ chuyển tiền, dịch vụ tiết kiệm bưu điện.

### 2.5. Hiện trạng thoát nước thải, quản lý chất rắn và nghĩa trang

#### a) Hiện trạng thoát nước thải:

- Tại các xã trong huyện, hệ thống thoát nước chỉ có một vài tuyến cống, mương xây hở thoát nước bám theo các trục đường giao thông chính ở khu trung tâm (thoát chung cả nước mưa và nước thải).

- Nước thải phần lớn được xử lý bằng bể tự hoại hoặc chảy theo địa hình tự nhiên đổ ra sông, suối...

#### b) Thu gom và quản lý chất thải rắn (CTR):

Tổng khối lượng CTR phát sinh trên địa bàn (19 xã) khoảng 88 tấn/ngày. Công tác thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn:

- CTR được các hợp tác xã vệ sinh môi trường thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định đảm bảo vệ sinh môi trường tại lò đốt rác thải sinh hoạt cấp xã và Nhà máy xử lý CTR sinh hoạt (không chôn lấp) bằng công nghệ TTD-01 tại thôn Cai Lè, xã Kiên Thành có công suất 100 tấn/ ngày.

- Việc vận chuyển rác thải trên địa bàn do Công ty Cổ phần Môi trường và Đô thị Lục Ngạn, HTX Dịch vụ môi trường Thắng Hưng, HTX môi trường Phong Vân thực hiện. Số cơ sở xử lý CTR: có 06 cơ sở bao gồm: Nhà máy xử lý triệt để rác thải sinh hoạt (không chôn lấp) bằng công nghệ TTD-01 của Công ty Cổ phần thương mại Thành Đạt, 03 lò đốt rác thải cấp xã (Thanh Hải, Hộ Đáp,

Phú Nhuận) và 02 lò đốt rác thải sinh hoạt tại xã Kim Sơn, xã Mỹ An (đang vận hành thử nghiệm).

c) Hiện trạng nghĩa trang:

Khu vực huyện Lục Ngạn mới có tổng diện tích nghĩa trang khoảng 202,76ha. Hiện tại các nghĩa trang được UBND các xã giao cho BQL các thôn trực tiếp quản lý, sử dụng theo quy định. Tuy nhiên, phần lớn các nghĩa địa tại các thôn, khu phố do tập quán của địa phương các nghĩa địa đã hình thành từ lâu đời do vậy các nghĩa trang đều chưa đáp ứng yêu cầu theo quy định.

## Mục II

### LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CÁC XÃ, THỊ TRẤN DỰ KIẾN THÀNH LẬP PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ CHŨ VÀ THÀNH LẬP THỊ TRẤN THUỘC HUYỆN LỤC NGẠN

#### A. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH, HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA CÁC XÃ, THỊ TRẤN DỰ KIẾN THÀNH LẬP PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ CHŨ

##### I. THỊ TRẤN CHŨ

##### 1. Lịch sử hình thành

Thị trấn Chũ là một trong số các thị trấn có lịch sử hình thành và phát triển lâu đời, không những có vị trí quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội huyện Lục Ngạn mà còn đóng vai trò thúc đẩy sự phát triển của vùng Đông Bắc tỉnh Bắc Giang; thị trấn Chũ được thành lập trên cơ sở phố Chũ; phố Chũ được thành lập năm 1930, trực thuộc tổng Trù Hựu, phủ Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Phố Chũ tương đương như một làng, có trưởng phố (như lý trưởng). Khi mới thành lập, phố Chũ chỉ có vài chục gia đình;

Trước cách mạng tháng Tám năm 1945, phố Chũ có khoảng 100 hộ với trên 300 nhân khẩu, ở một dãy từ đường 31 (trước đây là đường 13B) đến bờ sông Lục Nam dài khoảng 500 m. Từ năm 1932, các gia đình làm ăn khá giả bắt đầu kiến thiết, xây dựng nhà gác 12 hộ, còn lại phần lớn là nhà tranh tre, nứa lá. Phố xá bắt đầu đông vui nhộn nhịp, nhất là vào ngày phiên chợ Chũ. Trước đây, nguồn sống chính của nhân dân phố Chũ là buôn bán, tập trung ở chợ Chũ, đó là chợ vùng, chợ lớn của huyện, vào phiên chính có tới hàng nghìn người. Chợ Chũ không chỉ là nơi giao thương kinh tế mà còn là trung tâm văn hóa đặc sắc của một vùng;

Ngày 21/01/1957, Thủ tướng Chính phủ ký Nghị định số 24/TTg chia hai huyện Sơn Động, Lục Ngạn thành 3 huyện Sơn Động, Lục Ngạn và Lục Nam. Phố Lục Nam là huyện lỵ huyện Lục Ngạn nay là huyện lỵ của Lục Nam. Các cơ quan đảng, chính quyền và các đoàn thể huyện Lục Ngạn chuyển về phố Chũ. Phố Chũ chuyển thành huyện lỵ là trung tâm kinh tế, văn hóa của huyện Lục

Ngạn và cả vùng. Trong quá trình xây dựng và phát triển, diện tích phố Chũ ngày càng được mở rộng, dân số ngày càng đông lên. Tính từ đầu năm 1957, phố Chũ có 398 hộ, gồm 1.560 nhân khẩu;

Ngày 20/7/1957, Bộ Nội vụ ban hành Nghị định số 483/NV-NĐ thành lập thị trấn Chũ, thuộc huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang

Thực hiện Nghị quyết số 653/2015/UBTVQH14, tỉnh Bắc Giang sắp xếp, sáp nhập xã Nghĩa Hồ vào thị trấn Chũ. Theo đó, thị trấn Chũ hiện có 12,84 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên và dân số là 17.119 người.

## **2. Vị trí địa lý, địa giới hành chính**

### **a) Vị trí, tính chất**

Thị trấn Chũ là trung tâm kinh tế, văn hóa, hành chính, giáo dục - đào tạo; đầu mối giao lưu thương mại - dịch vụ của huyện Lục Ngạn.

### **b) Địa giới hành chính thị trấn Chũ:**

- Phía Đông giáp xã Hồng Giang và xã Tân Lập;
- Phía Tây giáp xã Trù Hựu;
- Phía Nam giáp xã Nam Dương;
- Phía Bắc giáp xã Thanh Hải.

## **3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu sử dụng đất**

### **a) Diện tích tự nhiên**

Thị trấn Chũ có 12,84 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, bằng 1.284,03 ha; trong đó: Đất nông nghiệp là 663,07 ha; đất phi nông nghiệp là 620,93 ha; đất chưa sử dụng là 0,03 ha.

### **b) Cơ cấu sử dụng đất**

- Đất nông nghiệp là 663,07 ha, gồm:
  - + Đất trồng lúa là 60,22 ha;
  - + Đất trồng cây hàng năm là 11,25 ha;
  - + Đất trồng cây lâu năm là 584,97 ha;
  - + Đất nuôi trồng thủy sản là 6,37 ha;
  - + Đất nông nghiệp khác là 0,26 ha.
- Đất phi nông nghiệp là 620,93 ha, gồm:
  - + Đất quốc phòng là 190,45 ha;
  - + Đất an ninh là 0,73 ha ;
  - + Đất thương mại, dịch vụ là 2,02 ha ;
  - + Đất sản xuất phi nông nghiệp là 1,22 ha;
  - + Đất phát triển hạ tầng là 152,82 ha;

- + Đất ở nông thôn là 43,93 ha ;
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan là 0,45 ha ;
- + Đất cơ sở tín ngưỡng là 3,44 ha ;
- + Đất sông ngòi, kênh rạch là 146,05 ha ;
- + Đất mặt nước chuyên dùng là 9,55 ha.

- Đất chưa sử dụng là 0,03 ha

#### **4. Dân số, lao động**

##### a) Dân số

Thị trấn Chũ có 4.222 hộ, 18.276 người, gồm dân số thường trú là 16.151 người, dân số tạm trú là 2.125 người; tỷ lệ tăng dân số là 0,5% (trung bình 3 năm 2020-2022 là 0,61%); mật độ dân số là 1.423 người/km<sup>2</sup>.

##### b) Lao động

Thị trấn Chũ có 11.414 lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế trên địa bàn; trong đó:

- Lao động phi nông nghiệp là 10.261 người, chiếm tỷ lệ 89,90%.
- Lao động nông nghiệp là 1.153 người, chiếm tỷ lệ 10,10%.

#### **5. Thôn, tổ dân phố**

Thị trấn Chũ có 19 tổ dân phố, gồm: Minh Khai, Trường Chinh, Lê Duẩn, Trần Phú, Lê Hồng Phong, Quang Trung, Làng Chũ, Lê Lợi, Trần Hưng Đạo, Trung Nghĩa, Mới, Cầu Cát, Minh Lập, Ôi, Hồ Sen, Lâm Trường, Minh Khai, Nghĩa, Nhập Thành.

#### **6. Hiện trạng phát triển kinh tế**

##### a) Về phát triển kinh tế

Trong năm 2022 mặc dù còn gặp nhiều khó khăn nhưng với sự quan tâm hỗ trợ từ cấp trên, sự quyết tâm, quyết liệt đổi mới sáng tạo trong lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, sự đoàn kết, chung sức đồng lòng của cả hệ thống chính trị và Nhân dân, thị trấn Chũ đã nhanh chóng kiểm soát được dịch bệnh, Covid-19, đồng thời thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị. Điển hình trong công tác lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, thị trấn Chũ đã phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu cấp trên giao. Giá trị sản xuất trên địa bàn thị trấn năm 2022 đạt 1.737,60 tỷ đồng; trong đó: Giá trị sản xuất ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đạt 214,10 tỷ đồng; thương mại - dịch vụ đạt 1.454,30 tỷ đồng và nông - lâm nghiệp - thủy sản đạt 69,20 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2022 đạt 14,2%; bình quân 3 năm giai đoạn 2020 - 2022 đạt 10,96%.

Cơ cấu kinh tế của thị trấn năm 2022, gồm: Giá trị sản xuất ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chiếm 12,32%; thương mại - dịch vụ chiếm 83,70% và nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 3,98%.

b) Kết quả đạt được trên các ngành, lĩnh vực

- Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng

Thực hiện Kế hoạch của Tỉnh ủy Bắc Giang về chiến lược phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035, thị trấn Chủ chú trọng phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, tạo điều kiện thuận lợi phát triển, qua đó ngày càng có nhiều cơ sở, mô hình sản xuất kinh doanh mới có hiệu quả được mở ra. Tổng số cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề trên địa bàn hiện có 426 cơ sở, giải quyết việc làm và tạo thu nhập ổn định cho gần 2.000 lao động. Sản xuất của làng nghề “Mỳ Chũ” và các cơ sở chế biến mỳ tiếp tục có bước phát triển với 124 hộ, sản lượng bình quân mỗi năm đạt trên 1.200 tấn, giá trị ước đạt trên 26 tỷ đồng.

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản được quan tâm thực hiện, tổng số công trình, dự án thuộc các nguồn vốn năm 2022 do UBND thị trấn làm chủ đầu tư là 17 công trình, đã khởi công 7 công trình, đã hoàn thành và phê duyệt quyết toán 8 công trình; tổng giá trị thanh toán xây dựng cơ bản gần 12,5 tỷ đồng.

- Hoạt động thương mại - dịch vụ

Thị trấn luôn quan tâm đầu tư cải tạo, nâng cấp một số hạng mục tại các chợ Chũ, chợ cơ khí nhằm đáp ứng nhu cầu kinh doanh, mua bán của người dân; phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng; tập trung chấn chỉnh xử lý các trường hợp sử dụng lòng đường, vỉa hè làm nơi bày bán hàng hoá. Hoạt động của 02 Quỹ tín dụng nhân dân ngày càng hiệu quả, đáp ứng tốt nhu cầu vay vốn của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; huy động tiền gửi trung bình hàng năm đạt 125,9 tỷ đồng/năm; dư nợ cho vay năm sau cao hơn năm trước, trung bình hàng năm đạt 147,6 tỷ đồng/năm.

Hoạt động thương mại, dịch vụ, kinh doanh vận tải với 1.386 hộ kinh doanh, dịch vụ các loại, 170 đầu xe, 100% hộ sử dụng điện lưới; Dịch vụ bưu chính viễn thông phát triển rộng khắp, 100% số hộ có khả năng truy cập viễn thông và trên 80% hộ truy cập, sử dụng internet.

- Sản xuất nông nghiệp

Trồng trọt:

Tổng diện tích cây màu năm 2022 đạt 84,8 ha; diện tích cây ăn quả 324,1 ha. Tổng sản lượng lương thực có hạt (ngô) là 172,8 tấn, đạt 108% kế hoạch; tổng sản lượng cây công nghiệp (Lạc) là 13,75 tấn, đạt 105,8% kế hoạch; sản lượng cây ăn quả là 2.904 tấn (trong đó: Vải thiều 1.640 tấn đạt 128,9%; Nhãn 90 tấn; Bưởi các loại 794 tấn đạt 162,4%; Cam các loại 380 tấn đạt 83,5% so với kế hoạch).

Chăn nuôi:

Hàng năm, xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch phòng, chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi trên địa bàn, do đó, đã hạn chế dịch bệnh xảy ra trên địa bàn. Tổng đàn gia súc, gia cầm toàn thị trấn 62.525 con đạt 129%; kết quả tiêm phòng dịch 44.470 liều, trong đó: đăng ký mua qua Trung tâm dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp 6.000 liều; nhân dân tự mua 38.470 liều.

c) Thu, chi ngân sách trên địa bàn

Thu ngân sách trên địa bàn có nhiều chuyển biến tích cực, đã tập trung chỉ đạo khai thác các nguồn thu, chống thất thu với nhiều biện pháp tích cực. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2022 đạt 28,37 tỷ đồng (thu ngân sách tại địa bàn 6,31 tỷ đồng, đạt 123,8%; thu các loại quỹ trên địa bàn 313,88 triệu đồng, đạt 97,87% kế hoạch).

Công tác lãnh đạo, quản lý điều hành ngân sách bảo đảm theo luật và có nhiều tiến bộ, cơ bản đáp ứng được cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; chú trọng công tác thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí trong chi tiêu ngân sách. Chi ngân sách đạt 20,86 tỷ đồng (trong đó chi thường xuyên là 8,14 tỷ đồng). Thu nhập bình quân là 79,8 triệu đồng/người/năm 2022.

## 7. Văn hóa - xã hội

a) Về giáo dục

Cùng đó sự nghiệp phát triển kinh tế, sự nghiệp giáo dục, đào tạo thường xuyên được quan tâm, chất lượng giáo dục được nâng lên rõ rệt, các trường trên địa bàn luôn được đánh giá xếp loại nằm ở tốp đầu của huyện. Năm 2022, học sinh các trường đã tham gia các cuộc thi và đạt 613 giải các cấp, tăng 85 giải so với năm học trước; thị trấn giữ vững 03 trường học đạt chuẩn quốc gia mức độ I và trường mầm non thị trấn Chũ số 1 đã kiểm tra sơ bộ lần 1, đáp ứng đủ các tiêu chí đạt chuẩn theo quy định; 02 trường học đạt chuẩn mức độ II; phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, đạt 100% kế hoạch; phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 2, đạt 100% so với kế hoạch.

Tổng kết năm học 2021 - 2022, thị trấn Chũ đã được Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang tặng Cờ thi đua đối với 02 trường THCS, tặng Bằng khen đối với trường Tiểu học thị trấn Chũ số 1. Năm học mới 2022 - 2023, UBND thị trấn đã chỉ đạo các trường học triển khai thực hiện Kế hoạch năm học với khẩu hiệu “Quyết tâm thực hiện thắng lợi chủ đề năm học 2022 - 2023: Đoàn kết, nỗ lực vượt khó khăn, đổi mới sáng tạo, củng cố, nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo”.

Năm học 2022 - 2023, trên địa bàn thị trấn có 313 cán bộ, giáo viên, nhân viên; 115 lớp học, 46 phòng học; tổng số học sinh 4.556 trẻ; tuyển sinh các cấp 1.090 học sinh; 1.734 trẻ đăng ký ăn bán trú.

b) Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Công tác y tế được duy trì tốt, công tác khám, chữa bệnh, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe ban đầu và phòng chống bệnh dịch cho nhân dân luôn được quan tâm chú trọng, thực hiện có hiệu quả.

Công tác truyền thông giáo dục về dân số - kế hoạch hóa gia đình được duy trì thường xuyên; chăm sóc, bảo vệ trẻ em được quan tâm. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn 9,3%, giảm 0,3% so với cùng kỳ; mức giảm tỷ lệ sinh 1,89‰; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,5%. Tỷ lệ dân số tham gia đóng BHYT đạt 99,37% vượt chỉ tiêu giao 0,37%; số người tham gia BHXH tự nguyện lũy kế 422 người đạt 101,7%.

#### c) Văn hóa, thông tin, thể dục thể thao

Phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao quần chúng phát triển rộng khắp, góp phần làm cho đời sống văn hóa, tinh thần của đại đa số nhân dân thêm phong phú, lành mạnh; các câu lạc bộ thể dục thể thao, văn nghệ quần chúng tiếp tục được khuyến khích phát triển. Tham gia ngày hội văn hóa các dân tộc, ngày hội trái cây và các lễ hội khác đều đạt nhiều giải cao.

Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc được duy trì đẩy mạnh. Đến ngày 31/12/2022, cơ bản thị trấn Chũ đã hoàn thành việc làm thẻ căn cước cho công dân. Với những thành tích đã đạt được, năm 2022 là năm thứ 3 liên tiếp Đảng bộ thị trấn Chũ tiếp tục được Ban Thường vụ Huyện ủy xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Tỷ lệ hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa 3.619 hộ, đạt 100,5% so với kế hoạch; tỷ lệ tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hóa 16 /19 tổ đạt 89% so với kế hoạch; thị trấn Chũ tiếp tục giữ vững đạt chuẩn văn hóa đô thị năm 2022.

Công tác thông tin tuyên truyền tiếp tục được thực hiện có hiệu quả, Trạm đài truyền thanh của thị trấn đã thu, phát sóng và đưa tin bài phản ánh kịp thời các hoạt động kinh tế, chính trị, an ninh quốc phòng và đời sống xã hội trên địa bàn huyện nói chung và trên địa bàn thị trấn nói riêng. Các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng được quản lý theo đúng quy định của pháp luật như Lễ hội đền Khánh Vân, đình làng Nghĩa Khuông.

#### d) Thực hiện chính sách xã hội

Các chính sách đảm bảo an sinh xã hội, chính sách đối với người có công, dân tộc, xóa đói giảm nghèo được quan tâm thực hiện kịp thời, đúng quy định, góp phần ổn định đời sống của nhân dân. Nhân dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần, các đơn vị trên địa bàn tổ chức thăm hỏi, chuyển và tặng 998 suất quà cho các đối tượng chính sách, già làng uy tín, người có công, hộ nghèo, hộ đặc biệt khó khăn; vận động ủng hộ Tết vì người nghèo năm 2023; lập 103 hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp cho các đối tượng theo quy định.

Phối hợp với Đoàn Thanh niên tổ chức tuyên truyền công tác phòng, chống đuối nước cho trẻ em bằng nhiều hình thức như phát tờ rơi cho các em học sinh ở trường, tuyên truyền tại nhà văn hóa TDP, cắm 05 biển báo khu vực nước sâu nguy hiểm tại các hồ, ao nước sâu,...

Năm 2022, thị trấn đã giải quyết việc làm cho 360 lao động, đạt 109% so với kế hoạch; số lao động xuất khẩu là 32 người, đạt 118,5% so với kế hoạch; Số hộ nghèo là 28 hộ, tỷ lệ hộ nghèo 0,68%; số hộ cận nghèo là 21 hộ, tỷ lệ hộ cận nghèo 0,51%.

## **8. Quốc phòng, an ninh**

### **a) Quân sự, quốc phòng**

Thường xuyên quán triệt, triển khai thực hiện tốt các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, của tỉnh, huyện về nhiệm vụ quốc phòng - quân sự địa phương. Tăng cường xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân ngày càng vững chắc; kết hợp chặt chẽ củng cố quốc phòng - an ninh với phát triển kinh tế- xã hội; kiên quyết đấu tranh chống âm mưu “diễn biến hòa bình”, “bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch. Hàng năm, xây dựng và bổ sung phương án tác chiến trị an, khu vực chiến đấu phòng thủ, phòng chống thiên tai, phòng chống cháy nổ; Xây dựng lực lượng dân quân, dự bị động viên vững mạnh, nâng cao khả năng sẵn.

Tổ chức giao lệnh gọi công dân nhập ngũ năm 2022 cho 15/15 thanh niên đạt 100% kế hoạch. Hoàn thành kế hoạch đăng ký công dân trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ năm 2022 là 95 công dân đạt 100%; tổ chức rà soát nguồn dân quân tự vệ năm 2022; hoàn thành công tác huấn luyện dân quân năm 2022.

Phối hợp với Công an nắm chắc tình hình an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội, sẵn sàng phối hợp, kịp thời xử trí tốt các tình huống xảy ra. Công tác hậu phương quân đội, năm 2022 đã thông báo, đôn đốc 08 công dân làm hồ sơ hưởng trợ cấp theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

### **b) An ninh trật tự**

Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh trật tự được duy trì và đẩy mạnh; Các nhiệm vụ trọng tâm giữ vững an ninh trật tự trên địa bàn được triển khai thực hiện có hiệu quả. Lực lượng công an thị trấn đã tăng cường phối hợp với các cấp, các ngành trong công tác bảo vệ chính trị, tham mưu cho cấp ủy, chính quyền giải quyết những vấn đề phức tạp trong nhân dân. Thường xuyên thực hiện tuần tra vũ trang ban đêm, dẹp hành lang an toàn giao thông, khu vực ngã tư Cơ Khí và các quán nước vỉa hè tại khu Quảng trường theo kế hoạch được 99 buổi; lập biên bản và cho ký cam kết không lấn chiếm hành lang an toàn giao thông. Nhìn chung, tình hình an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội ổn định.

Năm 2022, trên địa bàn thị trấn xảy ra 40 vụ việc (tăng 17 vụ so với năm 2021), gồm: Va chạm giao thông 6 vụ, đánh bạc 3 vụ, gây rối trật tự công cộng 3 vụ; Mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy, mại dâm 15 vụ; Trộm cắp tài sản 10 vụ, vận chuyển pháo trái phép 01 vụ, tai nạn giao thông 01 vụ, cướp tài sản 01 vụ.

## **9. Hệ thống chính trị thị trấn Chũ**

### **a) Cán bộ, công chức thị trấn**

Tổng số cán bộ, công chức là 23 người, gồm cán bộ là 09 người, công chức là 14 người. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ có 03 người, chiếm 13%; đại học có 20 người, chiếm 87%.



- Trình độ chính trị: Cao cấp có 01 người, chiếm 4,35%; trung cấp có 18 người, chiếm 78,26%; sơ cấp có 05 người, chiếm 21,74%.

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân

Tổng số cán bộ, công chức là đại biểu Hội đồng nhân dân thị trấn có 13 người, trong đó:

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ có 2 người, chiếm 15,38%; đại học có 11 người, chiếm 84,62%.

- Trình độ chính trị: Cao cấp có 01 người, chiếm 7,69%; trung cấp có 12 người, chiếm 92,31%.

c) Tổng số người hoạt động không chuyên trách 19 khu phố là 52 người.

## **II. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỒNG GIANG**

### **1. Lịch sử hình thành**

Trước thế kỷ 19, xã Hồng Giang là một phần của tổng Hà Hộ. Năm 1909, Toàn quyền Đông Dương quyết định thành lập huyện Sơn Động gồm ba tổng cắt ra từ huyện Lục Ngạn (Biên Động, Niêm Sơn và Hà Hộ).

Năm 1919, Quyền Thống sứ Bắc Kỳ quyết định đổi huyện Sơn Động thành châu Sơn Động (thời điểm này tổng Hà Hộ gồm có 7 xã là: Gia Sơn, Hà Hộ, Hồ Đức, Hữu Bằng, Kỳ Công, Phục Lạp và Xuân Trì). Hà Hộ thời điểm này gồm các xã Hồng Giang, Biên Sơn, Thanh Hải và Giáp Sơn ngày nay.

Sau cách mạng tháng Tám năm 1945, đơn vị hành chính tổng bị bãi bỏ, đến giữa năm 1946 thành lập đơn vị hành chính mới là xã hoặc liên xã. Thời kỳ này, châu Sơn Động có 53 xã cũ sáp nhập thành 41 xã. Trong đó, xã Phương Sơn thuộc châu Sơn Động được thành lập bao gồm phần đất của những xã Hà Hộ, Hồ Đức, Phục Lạp và Xuân Trì.

Năm 1947, Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu I quyết định tách các xã phía Tây của châu Sơn Động về phủ Lục Ngạn, sáp nhập các xã phía Đông và Đông Bắc của Sơn Động cùng với 10 xã tả ngạn sông Lục Nam của phủ Lục Ngạn về huyện Hải Chi, tỉnh Hải Ninh lập ra châu Lục Sơn Hải trực thuộc liên tỉnh Quảng Hồng.

Năm 1948, xã Phương Sơn được chia thành hai xã là xã Hồng Giang và xã Thanh Sơn

Năm 1957, chia hai huyện Lục Ngạn và Sơn Động thành 3 huyện là huyện Sơn Động, huyện Lục Ngạn và huyện Lục Nam, xã Hồng Giang thuộc về huyện Lục Ngạn.

Năm 1964, điều chỉnh địa giới hành chính sáp nhập các làng Thượng, Chính, Ngọt thuộc xã Giáp Sơn vào xã Hồng Giang.

Năm 2010 xã Hồng Giang gồm 17 thôn gồm: Kép Một, Kép Hai A, Kép Hai B, Kép Ba, Hăng, Lường, Thượng, Ngọt, Chính, Trong, Nguộn Trong,

Nguồn Ngoài, Bãi Bông, Ao Ca, Hiệp Tân, Phương Sơn và Phố Kép cho đến ngày nay.

## **2. Vị trí địa lý, địa giới hành chính**

### **a) Vị trí địa lý**

Xã Hồng Giang nằm ở phía Đông Bắc và cách thị trấn Chũ là trung tâm của huyện Lục Ngạn khoảng 4 km về phía Đông. Hồng Giang là một xã vùng thấp của huyện Lục Ngạn có vị trí nằm ở khu vực trung tâm của huyện Lục Ngạn, có tuyến Quốc lộ 31 đi qua, nối liền từ thành phố Bắc Giang, qua thị trấn Chũ và tiếp nối tới huyện Sơn Động. Ngoài ra, Hồng Giang còn có tuyến tỉnh lộ 290 nối liền từ Quốc lộ 31 đi Đồng Mỏ, tỉnh Lạng Sơn; đồng thời, là xã có tiềm năng về đất đai, điều kiện địa hình cho phép phát triển mạnh sản xuất nông nghiệp và chế biến các sản phẩm nông nghiệp.

### **b) Địa giới hành chính xã Hồng Giang**

- Phía Đông giáp xã Giáp Sơn, xã Biên Sơn và xã Tân Quang;
- Phía Tây giáp thị trấn Chũ và xã Thanh Hải;
- Phía Nam giáp xã Tân Quang và thị trấn Chũ;
- Phía Bắc giáp xã Thanh Hải và xã Biên Sơn.

## **3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu sử dụng đất**

### **a) Diện tích tự nhiên**

Xã Hồng Giang có 14,50 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, bằng 1.450,34 ha; trong đó: Đất nông nghiệp là 1.067,94 ha; đất phi nông nghiệp là 381,93 ha; đất chưa sử dụng là 0,47 ha.

### **b) Cơ cấu sử dụng đất**

- Đất nông nghiệp là 1.450,34 ha, gồm:
  - + Đất trồng lúa là 62,82 ha;
  - + Đất trồng cây hàng năm là 2,57 ha;
  - + Đất trồng cây lâu năm là 987,07 ha;
  - + Đất nuôi trồng thủy sản là 15,48 ha;
  - + Đất nông nghiệp khác là 0 ha.
- Đất phi nông nghiệp là 1.067,94 ha, gồm:
  - + Đất quốc phòng là 86,88 ha;
  - + Đất an ninh là 0 ha ;
  - + Đất thương mại, dịch vụ là 0,71 ha ;
  - + Đất sản xuất phi nông nghiệp là 0,17 ha;
  - + Đất phát triển hạ tầng là 107,82 ha;

- + Đất ở nông thôn là 109,03 ha ;
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan là 0,80 ha ;
- + Đất cơ sở tín ngưỡng là 2,10 ha ;
- + Đất sông ngòi, kênh rạch là 25,58 ha ;
- + Đất mặt nước chuyên dùng là 48,84 ha.
- Đất chưa sử dụng là 0,47 ha

#### **4. Dân số, lao động**

##### a) Dân số

Xã Hồng Giang có 2.761 hộ, 12.584 người, gồm dân số thường trú là 10.682 người, dân số tạm trú là 1.902 người; tỷ lệ tăng dân số là 1,16% (trung bình 3 năm 2020 - 2022 là 1,16%); mật độ dân số là 868 người/km<sup>2</sup>.

##### b) Lao động

Xã Hồng Giang có 6.826 lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế trên địa bàn; trong đó:

- Lao động phi nông nghiệp là 4.985 người, chiếm tỷ lệ 73,03%.
- Lao động nông nghiệp là 1.841 người, chiếm tỷ lệ 26,97%.

#### **5. Thôn, tổ dân phố**

Xã Hồng Giang có 14 thôn, gồm: Thôn Kép 1, Thôn Chính, Thôn Kép 2A, Thôn Trong, Thôn Lương, Thôn Nguộn Ngoài, Thôn Phố Kép, Thôn Ngọt, Thôn Nguộn Trong, Thôn Kép 2B, Thôn Hiệp Ca, Thôn Kép 3, Thôn Hăng Bông, Thôn Thượng Phương Sơn.

#### **6. Hiện trạng phát triển kinh tế**

##### a) Về phát triển kinh tế

Trong những năm gần đây tình hình kinh tế của Hồng Giang có những bước phát triển mạnh mẽ, đang dần trở thành trung tâm kinh tế của huyện Lục Ngạn. Với lợi thế kết nối của Quốc lộ 31, Tỉnh lộ 290 với thành phố Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn cũng như với tỉnh Bắc Ninh, thành phố Hà Nội, tỉnh Hải Dương, thành phố Hải Phòng, tỉnh Quảng Ninh,... rất thuận lợi để giao lưu thương mại, đặc biệt các sản phẩm nông sản; được thiên nhiên ưu đãi về khí hậu và đất đai cội với trình độ sản xuất thâm canh cao của nhân dân; là trung tâm về sản xuất cây ăn quả của huyện Lục Ngạn trong đó chủ yếu tập trung vào 3 loại là Vải thiều, Cam, và Bưởi Diễn.

Trong năm 2022, giá trị sản xuất trên địa bàn xã đạt 685 tỷ đồng; trong đó: Giá trị sản xuất ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đạt 167 tỷ đồng; thương mại - dịch vụ đạt 206 tỷ đồng và nông - lâm nghiệp - thủy sản đạt 312 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2022 đạt 10,2%; bình quân 3 năm giai đoạn 2020 - 2022 đạt 10,4%.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng tỷ trọng tiêu thụ công nghiệp, ngành nghề nông thôn, xây dựng và thương mại, dịch vụ. Cơ cấu kinh tế của thị trấn năm 2022, gồm: Giá trị sản xuất ngành công nghiệp - tiêu thụ công nghiệp chiếm 24,38%; thương mại - dịch vụ chiếm 30,07% và nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 45,55%.

b) Kết quả đạt được trên các ngành, lĩnh vực

- Công nghiệp - tiêu thụ công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ

Sản xuất tiêu thụ công nghiệp, ngành nghề nông thôn và thương mại dịch vụ tiếp tục phát triển. Hoạt động mua, bán, lưu thông hàng hóa đã đáp ứng được cơ bản nhu cầu phục vụ sản xuất và tiêu dùng của nhân dân trong xã, tạo nhiều công ăn việc làm cho người lao động, tạo thu nhập ổn định, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế.

Các hoạt động sản xuất tiêu thụ công nghiệp, ngành nghề nông thôn và xây dựng tiếp tục phát triển, nổi bật là sản xuất gạch bê tông, mộc dân dụng, làm mỳ. Năm 2022, giá trị sản xuất ước đạt 167 tỷ đồng, chiếm 24,38% cơ cấu kinh tế; các ngành nghề hỗ trợ phát triển nông thôn tiếp tục phát triển, góp phần giải quyết việc làm và chuyển dịch cơ cấu lao động; số lao động trong lĩnh vực công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp, ngành nghề nông thôn và xây dựng ngày càng tăng, hiện nay có khoảng 2.000 lao động.

Hoạt động thương mại, dịch vụ tiếp tục được mở rộng và phát triển, có bước tăng trưởng khá; toàn xã có 3 công ty, 8 hợp tác xã và hơn 400 hộ hoạt động thương mại, dịch vụ, phục vụ mua sắm, tiêu dùng trên địa bàn xã, đã góp phần thúc đẩy sự phát triển nâng cao đời sống nhân dân; tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ năm 2022 đạt 206 tỷ đồng, chiếm 30,07 trong cơ cấu kinh tế của xã (tăng 8,97% so với năm 2020). Chợ Kép được chuyển đổi mô hình hoạt động, đầu tư xây dựng, nâng cấp đạt chuẩn chợ hạng 2.

Hoạt động vận tải được duy trì, toàn xã có 69 ô tô vận tải, tương đương với số xe đầu nhiệm kỳ. Dịch vụ bưu chính, viễn thông phát triển nhanh, đáp ứng tốt nhu cầu đời sống nhân dân; tốc độ phát triển thuê bao điện thoại và Internet tăng mạnh; tỷ lệ hộ dân sử dụng điện thoại di động đạt 100%, Internet kết nối đến 14 thôn trong xã.

- Sản xuất nông nghiệp

Sản xuất nông nghiệp đạt được những kết quả khá toàn diện về diện tích, năng suất, sản lượng, phát huy lợi thế của địa phương, tiếp tục thực hiện đa dạng hóa các loại cây trồng. Tổng giá trị sản xuất nông nghiệp năm 2022 (theo giá hiện hành) ước đạt 312 tỷ đồng.

Về trồng trọt: Sản xuất nông nghiệp tiếp tục được chú trọng từ khâu sản xuất đến tiêu thụ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm. Vải thiều và các loại cây có múi tiếp tục giữ vị thế chủ lực, mang lại giá trị kinh tế cao, là nguồn thu nhập chính của nhân dân. Vải thiều, diện tích 527 ha (tăng 5 ha so với cùng kỳ năm 2021), đã triển khai sản xuất theo tiêu chuẩn VIETGAP

với diện tích 521 ha, sản lượng đạt 4.680/2771 tấn, đạt 168% so với kế hoạch, giá bán dao động từ 8.000đ - 30.000đ/kg, giá trị ước đạt trên 75 tỉ đồng. Cây có múi, diện tích 286 ha, giảm 57 ha so với cùng kỳ năm 2021. Các loại cây có múi đang trong thời kỳ nuôi quả non (quả xanh). Trong đó: Cam, diện tích 185ha, trong đó, 155 ha sản xuất theo tiêu chuẩn VIETGAP; Bưởi, diện tích 101 ha, trong đó, 65 ha sản xuất theo tiêu chuẩn VIETGAP.

Về chăn nuôi: Trong năm 2022, xã đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền đến bà con nhân dân về phun tiêu độc, khử trùng, phòng, chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm, do đó đàn gia súc, gia cầm phát triển ổn định, không xảy ra dịch bệnh nguy hiểm. Đã cấp phát 15 lít thuốc sát trùng để khử trùng chuồng trại. Đã triển khai tiêm phòng cúm cho đàn gia cầm, giám sát dịch bệnh tới tận hộ gia đình chăn nuôi.

Công tác khuyến nông: Các chính sách hỗ trợ nhân dân về trồng trọt, chăn nuôi tiếp tục được triển khai và phát huy hiệu quả, đã phối hợp tổ chức 06 lớp tập huấn kỹ thuật sản xuất cam, bưởi theo tiêu chuẩn VietGap, 01 lớp tập huấn kỹ thuật trồng, thâm canh cây bơ theo hướng sản xuất hàng hóa,...

#### c) Thu, chi ngân sách trên địa bàn

Thu, chi ngân sách đúng quy định, các khoản chi đảm bảo tiết kiệm, đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế và đảm bảo an sinh xã hội, chi các nhiệm vụ đột xuất phát sinh. Thực hiện tốt kế hoạch phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2022 đạt 10,65 tỷ đồng; chi ngân sách đạt 8,82 tỷ đồng (trong đó chi thường xuyên là 8,82 tỷ đồng); thu nhập bình quân là 53,1 triệu đồng/người/năm 2022.

### **7. Văn hóa - xã hội**

#### a) Về giáo dục

Công tác giáo dục trên địa bàn đã có nhiều chuyển biến tích cực; giữ vững kết quả phổ cập THCS và xóa mù, phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập tiểu học đúng độ tuổi mức độ 3; quy mô trường lớp và chất lượng giáo dục ngày càng được nâng lên, quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường lớp học, trang thiết bị dạy và học được tăng cường; công tác xã hội hoá giáo dục ngày càng được đẩy mạnh; 03 trường học đều giữ vững các tiêu chí trường chuẩn quốc gia; 100% cán bộ, giáo viên các cấp học đều đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ.

Địa bàn xã hiện có: Trường Mầm non đạt chuẩn Quốc gia năm 2014 với 16 phòng học, 05 phòng chức năng, diện tích sân chơi, bãi tập 1.000m<sup>2</sup>; trường Tiểu học Hồng Giang I đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 năm 2012 với 14 phòng học, 09 phòng chức năng, diện tích sân chơi, bãi tập 3919 m<sup>2</sup>; trường tiểu học Hồng Giang 2 đạt chuẩn mức độ 1 năm 2011 với 16 phòng học, 09 phòng chức năng, diện tích sân chơi, bãi tập 2160 m<sup>2</sup>; trường Trung học cơ sở đạt chuẩn Quốc gia năm 2011 với 26 phòng học, 23 phòng chức năng, diện tích sân chơi, bãi tập 12.962 m<sup>2</sup>.

Các trường hoàn thành kế hoạch năm học 2021 - 2022; chất lượng giáo dục toàn diện được giữ vững và nâng cao, chất lượng mũi nhọn được chú trọng. Quy mô lớp học, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học được thực hiện tốt. Công tác bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên đạt hiệu quả, đặc biệt là thực hiện tốt các cuộc vận động và các phong trào thi đua. Theo đó năm học 2021 - 2022 đã đạt được những kết quả đáng khích lệ (Trường trung học cơ sở duy trì 17 lớp với 622/624 học sinh đạt tỷ lệ 99,5%; Trường tiểu học duy trì 37 lớp học với 1.182 học sinh, 1.174/1.174 học sinh tham gia xếp loại; trường mầm non tổng số có 23 lớp với 607/609 cháu ra lớp đạt tỷ lệ 99,7%). Các trường tổ chức khai giảng năm học 2022 - 2023 đảm bảo trang trọng, ý nghĩa và tiết kiệm. Phát động phong trào thi đua, chuẩn bị các điều kiện tổ chức Lễ kỷ niệm 40 năm ngày Nhà giáo Việt Nam. Thực hiện kế hoạch dạy và học theo chương trình của ngành dọc cấp trên.

#### b) Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ, đội ngũ cán bộ, nhân viên y tế xã, thôn được củng cố, sắp xếp theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6; các chương trình y tế được triển khai có hiệu quả; cơ sở vật chất, trang thiết bị được tăng cường phục vụ tốt cho công tác khám, chữa bệnh ban đầu cho nhân dân; triển khai lập hồ sơ sức khỏe cá nhân đạt 100% kế hoạch. Công tác chăm sóc trẻ em có nhiều chuyển biến, các chương trình tiêm chủng mở rộng, chống suy dinh dưỡng cho trẻ em dưới 5 tuổi đạt kết quả tốt. Công tác dân số - KHHGD đã có những bước tiến triển, hoạt động truyền thông được đẩy mạnh, người dân nhận thức đầy đủ cũng như được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản ngày càng nhiều hơn. UBND xã thực hiện tốt công tác phòng chống dịch, năm 2022 đã có trên 4.186 lượt công dân đến trạm y tế khai báo y tế, số trường hợp F0 là 1.873 trường hợp.

#### c) Văn hóa, thông tin, thể dục thể thao

Hồng Giang là xã giàu truyền thống văn hóa và có nhiều tiềm năng về phát triển du lịch như: Di tích Đền Hả là di tích cấp quốc gia; khu Đền thờ họ Thân có địa thế khuôn viên và nét kiến trúc đẹp; các công trình nhà ở của nhân dân được xây dựng với phong cách bố trí nhà ở nằm trong vườn sản xuất cây ăn quả tạo nên bản sắc kiến trúc nhà vườn riêng biệt của vùng trồng cây ăn quả. Địa bàn xã có các dân tộc thiểu số sinh sống như Sán Dìu, Tày, Nùng, Cao Lan, Sán Chí, Hoa, Mường, Dao Thanh Y, Dao,... tạo nên sự giao thoa về văn hóa đặc trưng của vùng trung du miền núi; xã có các Câu lạc bộ hát dân ca nhằm lưu giữ và duy trì các những nét văn hóa truyền thống như Câu lạc bộ hát Then, Câu lạc bộ hát Soọng Cô truyền thống tạo nên nét văn hóa để kết hợp các sản phẩm du lịch đặc trưng vùng miền của các dân tộc miền núi phía Bắc.

Địa bàn xã có Nhà văn hóa xã với tổng diện tích 600 m<sup>2</sup>, gồm 250 ghế ngồi, có các phòng chức năng như phòng họp, đài truyền thanh, phòng để dụng cụ,...; khu thể thao xã 12.000 m<sup>2</sup> gồm sân bóng đá, khán đài; 14/14 thôn có Nhà văn hóa, trong đó có 11/14 nhà văn hóa đảm bảo chỗ ngồi, diện tích sân khấu, trang thiết bị đạt chuẩn theo quy định.

Năm 2022, toàn xã có 2.450 hộ đăng ký danh hiệu gia đình văn hóa, đạt 96% kế hoạch. Qua bình xét có 2.354 hộ đạt danh hiệu gia đình văn hóa; 13/14 làng đạt danh hiệu khu dân cư văn hoá đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch huyện giao; 14/14 đạt tiêu chí “sáng - xanh - sạch - đẹp - an toàn”.

Các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể thao, thông tin, tuyên truyền tiếp tục có sự đổi mới và từng bước nâng cao chất lượng. Công tác vận động tuyên truyền nhân dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 99,2%, bảo hiểm xã hội tự nguyện 231/220 đạt 105% chỉ tiêu giao. Chỉ đạo triển khai rà soát hộ nghèo, cận nghèo đảm bảo dân chủ, thực chất, nghiêm túc.

#### d) Thực hiện chính sách xã hội

Các chế độ, chính sách đối với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội được quan tâm thực hiện đầy đủ, kịp thời; tổ chức thăm hỏi, tặng quà các gia đình chính sách ngày thương binh liệt sỹ, tết nguyên đán hàng năm; tiếp tục đề nghị giải quyết chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đối tượng trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, dân công hỏa tuyến, chất độc da cam...

Năm 2022, xã chỉ đạo các thôn tổ chức đón giao thừa, thăm hỏi tặng quà gia đình chính sách và hộ nghèo, rà soát hỗ trợ gia đình khó khăn không để hộ nào không có tết trong địa bàn xã. Theo đó, vận động xây dựng quỹ “Ngày vì người nghèo” được 76,6 triệu đồng; vận động các đơn vị khác được 18,3 triệu đồng; thăm hỏi động viên trao quà trị giá 205,3 triệu đồng cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ khó khăn, gia đình chính sách, người có công; tặng quà các gia đình chính sách nhân dịp Thương binh Liệt sỹ tổng số tiền là 152,95 triệu đồng.

Giải quyết 16 hồ sơ mai táng phí người có công; công tác bảo trợ xã hội: 12 hồ sơ mai táng phí, 13 hồ sơ người cao tuổi, 02 hồ sơ trẻ mồ côi, 17 hồ sơ hỏa táng, 09 hồ sơ cho hộ gia đình nuôi dưỡng, thực hiện việc chi trả đúng và kịp thời cho các đối tượng Bảo trợ xã hội. Tổ chức họp hội đồng xác định mức độ khuyết tật xét duyệt cho 31 trường hợp đủ điều kiện hưởng, nâng hệ.

Số hộ nghèo năm 2022 là 34 hộ, tỷ lệ hộ nghèo 1,32%; bình quân 3 năm 2020-2022 là 1,01% (năm 2020 là 1,03%; năm 2021 là 0,7%; năm 2022 là 1,32%).

## 8. Quốc phòng, an ninh

### a) Quân sự, quốc phòng

Công tác sẵn sàng chiến đấu, phối hợp với lực lượng công an xã trong dịp Lễ, Tết và Lễ hội của địa phương đảm bảo an toàn tuyệt đối. Công tác đăng ký công dân sẵn sàng nhập ngũ (tuổi 17) và phương tiện kỹ thuật cần cho Quốc phòng, quân sự địa phương. Thực hiện chặt chẽ, đúng quy trình các bước tuyển quân năm 2022, hoàn thành 100% chỉ tiêu trên giao; quân số nhập ngũ 15/15 chỉ tiêu. Công tác tuyển quân năm 2023, đưa 66 công dân khám tuyển nghĩa vụ quân sự tại huyện, quân số khám tuyển đạt 100%; giao chỉ tiêu xây dựng lực lượng dân quân đúng thời gian quy định cho các thôn, đảm bảo 100% các thôn

trên địa bàn đều có lực lượng dân quân; làm tốt công tác tham mưu về công tác quốc phòng quân sự địa phương theo từng giai đoạn, kế hoạch. Tổ chức huấn luyện các lực lượng dân quân; tổ chức diễn tập phòng thủ cấp xã theo kế hoạch đã được huyện phê duyệt, đảm bảo đúng thời gian quy định, hoàn thành 100% chỉ tiêu huấn luyện, đảm bảo an toàn tuyệt đối về người, vũ khí trang bị, thực hiện tốt công tác quân sự địa phương năm 2022.

#### b) An ninh trật tự

Chính quyền xã thường xuyên tăng cường lãnh đạo công tác đảm bảo an ninh nông thôn; tình hình an ninh trật tự trên địa bàn xã luôn được giữ vững, không để xảy ra các điểm nóng về an ninh trật tự. Phát huy vai trò nòng cốt của lực lượng công an xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; thường xuyên củng cố xây dựng lực lượng; tăng cường tuần tra bảo đảm an ninh trật tự, kiểm soát giao thông; chủ động giải quyết các vụ việc phát sinh trên địa bàn xã. Trong năm 2022, xảy ra 12 vụ việc gồm: 01 vụ phòng hình sự, 02 vụ đánh bạc nhỏ lẻ, 04 vụ trộm cắp tài sản, gây thương tích 03 vụ; phối hợp công an huyện Lục Ngạn bắt quả tang 02 vụ tàng trữ trái phép chất ma túy.

Công an xã, các Tổ an ninh nhân dân thôn tăng cường tuần tra, nhất là những địa bàn nghi có tụ tập cờ bạc, ma túy. Từ khi các tổ an ninh nhân dân được thành lập, kiện toàn và đi vào hoạt động, tình hình an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã được đảm bảo, có hiệu quả rõ rệt, hiện không có điểm nóng về an ninh trật tự.

### **9. Hệ thống chính trị xã Hồng Giang**

#### a) Cán bộ, công chức xã

Tổng số cán bộ, công chức là 19 người, gồm cán bộ là 10 người, công chức là 09 người. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: Đại học có 18 người, chiếm 94,74%; trung cấp có 01 người, chiếm 5,26%.

- Trình độ chính trị trung cấp có 14 người, chiếm 73,68%.

#### b) Đại biểu Hội đồng nhân dân

Tổng số cán bộ, công chức là đại biểu Hội đồng nhân dân xã có 09 người, trong đó:

- Trình độ chuyên môn: Đại học có 08 người, chiếm 88,80%; trung cấp có 01 người, chiếm 11,2%.

- Trình độ chính trị: Trung cấp có 08 người, chiếm 88,80%; sơ cấp có 01 người, chiếm 11,2%.

c) Tổng số người hoạt động không chuyên trách 14 khu phố là 37 người.

### **III. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA XÃ TRÙ HỰU**



## 1. Lịch sử hình thành

Đầu thế kỷ XIX, xã Trù Hựu thuộc tổng Trù Hựu, huyện Bảo Lộc, Phủ Lạng Giang, trấn Kinh Bắc. Tổng Trù Hựu gồm 11 xã: Trù Hựu, Ân Thâm, Đào Lãng, Đông Hương, Từ Xuyên, Lại Thâm, Đào Sơn, Gia Quan, Phú Viên, Lại Yên, Lão Hương.

Ngày 10/10/1895, tỉnh Bắc Giang thành lập, tổng Trù Hựu cùng với các tổng Kiên Lao và Hà Hộ không trực thuộc tỉnh Bắc Giang mà trực thuộc Tiểu quân khu Yên Thế thuộc Đạo quan binh I Phả Lại.

Ngày 29/11/1899, Tiểu quân khu Yên Thế giải thể, tổng Trù Hựu trở lại trực thuộc huyện Bảo Lộc, tỉnh Bắc Giang.

Ngày 11/5/1917, tổng Trù Hựu và tổng Tam Dị sáp nhập vào huyện Lục Ngạn. Đến trước cách mạng tháng Tám năm 1945, Tổng Trù Hựu còn 6 xã: Trù Hựu, Từ Xuyên, Lại Thâm, Phú Viên, Lại Yên, Lão Hương.

Sau cách mạng tháng Tám thành công, đơn vị hành chính tổng bị bãi bỏ, Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà thành lập đơn vị hành chính xã hoặc liên xã (gồm nhiều xã cũ). Liên xã Trù Hựu được thành lập gồm đất của tổng Trù Hựu trước đây.

Đầu năm 1955, xã Trù Hựu chia thành các xã: Trù Hựu A, Nghĩa Hồ, Phương Sơn, Mỹ An, Trù Hựu B.

Ngày 20/7/1957, Bộ Nội vụ ra Nghị định số 483/NV tách một phần đất của xã Trù Hựu A thành lập thị trấn Chũ.

Ngày 14/6/1958, Bộ Nội vụ ra Nghị định số 202/NV đổi tên xã Trù Hựu A là xã Trù Hựu, xã Trù Hựu B là xã Nam Dương.

Năm 1976, thôn Đồng Cầu đổi thành thôn Thanh Cầu; năm 1962, xã tiếp nhận 70 hộ của các tỉnh miền xuôi lên xây dựng kinh tế, lập thành 3 thôn: Thanh Giang, Thanh Hùng, Hải Yên.

Ngày 7/10/1995, Thủ tướng Chính phủ ra Nghị định số 58- CP sáp nhập vào thị trấn Chũ 184 ha diện tích đất tự nhiên và 844 nhân khẩu thuộc xã Trù Hựu gồm làng Chũ, làng Nhật Đức và các hộ dân cư thuộc xã Trù Hựu đang sống xen cư trên địa bàn thị trấn Chũ.

Ngày nay, xã Trù Hựu có 12,75 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số 11.568 người và 15 thôn.

## 2. Vị trí địa lý, địa giới hành chính

### a) Vị trí địa lý

Xã Trù Hựu nằm ở phía Tây Bắc của huyện Lục Ngạn; địa bàn xã có 2 trục giao thông chính chạy qua là Quốc lộ 31 theo hướng thị trấn Chũ đi thành phố Bắc Giang dài 1,77 km và Tỉnh lộ 289 chạy theo hướng Nam - Bắc có chiều dài 3,86 km.

### b) Địa giới hành chính xã Trù Hựu

- Phía Đông giáp thị trấn Chũ;
- Phía Tây giáp xã Quý Sơn;
- Phía Nam giáp xã Nam Dương và xã Mỹ An;
- Phía Bắc giáp xã Quý Sơn.

### **3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu sử dụng đất**

#### a) Diện tích tự nhiên

Xã Trù Hựu có 12,75 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, bằng 1.275,23 ha; trong đó: Đất nông nghiệp là 988,41 ha; đất phi nông nghiệp là 286,82 ha; đất chưa sử dụng là 0,01 ha.

#### b) Cơ cấu sử dụng đất

- Đất nông nghiệp là 988,41 ha, gồm:
  - + Đất trồng lúa là 102,56 ha;
  - + Đất trồng cây hàng năm là 0 ha;
  - + Đất trồng cây lâu năm là 878,37 ha;
  - + Đất nuôi trồng thủy sản là 7,48 ha;
  - + Đất nông nghiệp khác là 0 ha.
- Đất phi nông nghiệp là 286,82 ha, gồm:
  - + Đất quốc phòng là 17,89 ha;
  - + Đất an ninh là 0 ha ;
  - + Đất thương mại, dịch vụ là 0,07 ha ;
  - + Đất sản xuất phi nông nghiệp là 0 ha;
  - + Đất phát triển hạ tầng là 95,96 ha;
  - + Đất ở nông thôn là 90,13 ha ;
  - + Đất xây dựng trụ sở cơ quan là 0,13 ha ;
  - + Đất cơ sở tín ngưỡng là 1,30 ha ;
  - + Đất sông ngòi, kênh rạch là 51,66 ha ;
  - + Đất mặt nước chuyên dùng là 29,68 ha.
- Đất chưa sử dụng là 0,01 ha.

### **4. Dân số, lao động**

#### a) Dân số

Xã Trù Hựu có 2.845 hộ, 11.930 người, gồm dân số thường trú là 10.071 người, dân số tạm trú là 1.859 người; tỷ lệ tăng dân số là 0,31% (trung bình 3 năm 2020-2022 là 0,32%); mật độ dân số là 936 người/km<sup>2</sup>.

#### b) Lao động

Xã Trù Hựu có 7.794 lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế trên địa bàn; trong đó:

- Lao động phi nông nghiệp là 6.105 người, chiếm tỷ lệ 78,33%.
- Lao động nông nghiệp là 1.689 người, chiếm tỷ lệ 21,67%.

### **5. Thôn, tổ dân phố**

Xã Trù Hựu có 15 thôn, gồm: Thôn Hựu, Thôn Thông, Thôn Lay, Thôn Tân Tiến, Thôn Hải Yên, Thôn Bình Nội, Thôn Góc Vôi, Thôn Sậy, Thôn Sậy To, Thôn Thanh Tân, Thôn Hợp Thành, Thôn Thanh Cầu, Thôn Thanh An, Thôn Mịn Con, Thôn Mịn To.

### **6. Hiện trạng phát triển kinh tế**

#### a) Về phát triển kinh tế

Được sự quan tâm chỉ đạo, giúp đỡ của các cấp từ tỉnh tới huyện, thời gian qua Đảng bộ và nhân dân các dân tộc xã Trù Hựu đã phát huy kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, phát huy truyền thống cách mạng, đoàn kết, vượt qua khó khăn, không ngừng đổi mới sáng tạo, nỗ lực phấn đấu đạt được nhiều thành tựu quan trọng và các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đề ra.

Trong năm 2022, giá trị sản xuất trên địa bàn xã đạt 592,5 tỷ đồng. Trong đó: Giá trị sản xuất ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đạt 168,3 tỷ đồng; thương mại - dịch vụ đạt 186,7 tỷ đồng và nông - lâm nghiệp thủy sản đạt 237,5 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2022 đạt 11,4%; bình quân 3 năm giai đoạn 2020-2022 đạt 9,07%.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng tỷ trọng tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn, xây dựng và thương mại, dịch vụ. Cơ cấu kinh tế của thị trấn năm 2022, gồm: Giá trị sản xuất ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chiếm 28,41%; thương mại - dịch vụ chiếm 31,51% và nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 40,08%.

#### b) Kết quả đạt được trên các ngành, lĩnh vực

- Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ

Hoạt động công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn xã chủ yếu là các ngành nghề nông thôn như sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí, hàn xì, sản xuất đồ gỗ, sản xuất mì gạo. Hiện tại trên địa bàn xã ước có khoảng 400 cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp (trong đó có khoảng trên 50 cơ sở sản xuất mì gạo giải quyết việc làm cho trên 300 hộ dân trong toàn xã). Giá trị sản xuất tiểu thủ công nghiệp và các ngành nghề nông thôn đạt 168,3 tỷ đồng chiếm 28,4%, tăng 31 tỷ so năm 2021. Hàng năm đã tạo thêm từ 350 đến 550 việc làm mới trong lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp; sự chuyển dịch cơ cấu lao động sang lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp thể hiện xu hướng tích cực trong phát triển kinh tế của xã.

Hoạt động thương mại, dịch vụ tiếp tục được mở rộng và phát triển, có bước tăng trưởng khá; xã đã sớm xây dựng kế hoạch, phương án hướng dẫn hỗ

trợ nhân dân sản xuất, thu hoạch, chế biến và tiêu thụ vải thiều năm 2022. Quan tâm tạo điều kiện để phát triển các ngành nghề nông thôn chủ yếu như: cơ sở sửa chữa, cơ khí, mộc dân dụng, chế biến lương thực thực phẩm, may mặc, sản xuất và bán vật liệu xây dựng, vận tải ô tô, công nhân lao động ở các công ty trong và ngoài tỉnh. Địa bàn xã hiện có trên 250 hộ kinh doanh dịch vụ và khoảng trên 350 điểm bán lẻ hàng hóa các loại, có 02 cơ sở kinh doanh xăng dầu, có 55 ô tô vận tải hàng hóa và 11 xe chở khách. Tổng giá trị lưu chuyển hàng hóa đạt 186,7 tỷ đồng, chiếm 31,5%, tăng 39 tỷ đồng so với năm 2021.

Trong năm 2022, xã đã tích cực thực hiện nhiều biện pháp để triển khai thực hiện cuộc vận động người Việt ưu tiên dùng hàng Việt với các hình thức hoạt động phong phú, sáng tạo, thiết thực, tạo điều kiện cho các hộ phát triển kinh doanh các dịch vụ, góp phần ổn định và phát triển kinh tế; triển khai các cơ chế, chính sách để hỗ trợ phát triển thương hiệu; hỗ trợ trong công tác xúc tiến thương mại như tham gia hội chợ cam bưởi hằng năm nhằm quảng bá các sản phẩm cây ăn quả của địa phương. Hoạt động tín dụng, ngân hàng được thực hiện thường xuyên, đến nay tổng dư nợ trên địa bàn đạt trên 200 tỷ đồng đã tạo nguồn vốn cho nhân dân phát triển sản xuất, kinh doanh.

#### - Sản xuất nông nghiệp

Sản xuất nông nghiệp đạt được những kết quả khá toàn diện về diện tích, năng suất, sản lượng, phát huy lợi thế của địa phương, tiếp tục thực hiện đa dạng hóa các loại cây trồng. Tổng giá trị sản xuất nông nghiệp năm 2022 (theo giá hiện hành) đạt 237,5 tỷ đồng, chiếm 40,08% cơ cấu kinh tế của xã.

Trồng trọt: năm 2022, xã gieo trồng được 73 ha (giảm 13 ha so với cùng kỳ) diện tích cây trồng vụ xuân. Cùng với việc hướng dẫn nhân dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, đặc biệt chú trọng đến ứng dụng khoa học kỹ thuật và đầu tư thâm canh nhằm nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm hàng hóa. Đồng thời lập danh sách các hộ sản xuất vải thiều đủ điều kiện xuất khẩu sang Trung Quốc. Cây ăn quả đặc biệt là vải thiều tiếp tục giữ vị thế cây chủ lực, mang lại giá trị kinh tế cao, là nguồn thu nhập chủ yếu của địa phương. Tập trung chăm sóc các loại cây ăn quả, tổng diện tích các loại cây ăn quả 797 ha (giảm 67,4 ha), chú trọng sản xuất vải thiều chất lượng cao đủ đáp ứng sang các thị trường trong và ngoài nước chú trọng sản xuất vải thiều chất lượng cao với 460 ha, sản lượng quả tươi đạt trên 3.450 tấn đạt 138% kế hoạch, giá bán bình quân 12.000 đồng/kg, tổng giá trị đạt trên 41,4 tỷ đồng (tăng 138 tấn, giảm 1,7 tỷ đồng so với năm 2021). Tổ chức 03 lớp tập huấn về sản xuất vải thiều theo tiêu chuẩn VietGap cho 107 người tham gia. Đồng thời lập danh sách đề nghị cấp giấy chứng nhận sản xuất vải VietGap cho 1273 hộ với diện tích là 455 ha.

Chăn nuôi: Tăng cường tuyên truyền các thôn thực hiện tốt việc tái đàn sau dịch bệnh; tiếp tục thực hiện kế hoạch phòng chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm năm 2022; tổ chức đăng ký và tiêm phòng vac-xin cho đàn vật nuôi hoàn thành kế hoạch đề ra, không để bùng phát dịch bệnh trên địa bàn; kết quả tổng đàn vật nuôi trên địa bàn năm 2022, trâu 20 con, bò 80 con, ngựa 17 con, lợn 3.120 con, gia cầm 105.590 con.

### c) Thu, chi ngân sách trên địa bàn

Công tác thu, chi ngân sách trên địa bàn được đảm bảo quản lý chặt chẽ, đúng luật ngân sách, đảm bảo chi trả lương, phụ cấp, chi thường xuyên, chi sự nghiệp phát triển kinh tế, sự nghiệp văn hóa, chi đầu tư xây dựng cơ bản đảm bảo tiết kiệm, chống lãng phí. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2022 đạt 15,36 tỷ đồng; chi ngân sách đạt 8,7 tỷ đồng (trong đó chi thường xuyên là 6,43 tỷ đồng); thu nhập bình quân là 60,3 triệu đồng/người/năm 2022.

## 7. Văn hóa - xã hội

### a) Về giáo dục

Sự nghiệp giáo dục, đào tạo tiếp tục phát triển và đạt kết quả khá toàn diện. Quy mô, mạng lưới trường, lớp học được củng cố. Cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục được đầu tư; chất lượng giáo dục toàn diện được nâng lên, số lượng học sinh được duy trì; việc xã hội hóa giáo dục được đẩy mạnh; phong trào khuyến học, khuyến tài phát triển đã góp phần quan trọng trong sự nghiệp giáo dục của toàn Đảng, toàn dân.

Đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm năm học 2021 - 2022. Tập trung chỉ đạo các trường rà soát bổ sung sửa chữa cơ sở vật chất chuẩn bị năm học mới 2022 - 2023 đúng kế hoạch. Duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2 và xoá mù chữ. Đồng thời tổ chức thành công lễ kỷ niệm 40 năm ngày nhà giáo Việt Nam.

Năm học 2022 - 2023, toàn xã có 62 lớp học, trong đó bậc mầm non là 19 lớp với 629 học sinh, bậc tiểu học 28 lớp với 828 học sinh và bậc trung học cơ sở 15 lớp với 469 học sinh; 100% học sinh trong độ tuổi được đến trường. Cả 03 trường đều đạt chuẩn Quốc gia; tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp các cấp 99,8%; 100% giáo viên các trường đạt chuẩn và trên chuẩn. Số lượng học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp huyện tăng lên; thứ hạng của các trường đều đứng trong top 10 so với toàn huyện.

### b) Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân được quan tâm, các hoạt động khám chữa bệnh được duy trì thường xuyên. Đã tiến hành thu thập thông tin, khám và lập hồ sơ quản lý sức khỏe cho 100% số nhân khẩu của địa phương vào phần mềm quản lý. Thực hiện tốt công tác phòng dịch bệnh không để xảy ra trên địa bàn; công tác kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm thường xuyên được quan tâm.

Công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình đạt nhiều kết quả, chất lượng dân số được nâng lên. Chỉ đạo tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ, huy động mọi nguồn lực, chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 phù hợp với tình hình thực tế của địa phương đến nay cơ bản đã ổn định; trong năm trên địa bàn xã đã có 1.680 trường hợp F0, tất cả các trường hợp đều được chăm sóc, tư vấn khám chữa khỏi bệnh. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được

quan tâm, trong năm, trạm y tế đã khám chữa bệnh cho 1.520 lượt nhân dân đạt 101,3% kế hoạch; quản lý tốt hành nghề y, được tư nhân, vệ sinh an toàn thực phẩm được tăng cường; tổ chức tiêm phòng đầy đủ cho trẻ em và phụ nữ đặc biệt là công tác tiêm phòng Covid-19 theo quy định. Công tác dân số, chăm sóc và bảo vệ trẻ em được duy trì.

#### c) Văn hóa, thông tin, thể dục thể thao

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao quần chúng thường xuyên được quan tâm chỉ đạo, đẩy mạnh công tác bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc trong xã. Công tác xã hội hóa về hoạt động văn hóa, thể thao được đồng đảo các tầng lớp nhân dân hưởng ứng; thông qua đó đã tổ chức được nhiều cuộc giao lưu văn nghệ các giải thi đấu thể thao tạo nên không khí vui tươi, phấn khởi, sôi nổi trên địa bàn xã.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” luôn được phát huy mạnh mẽ và có nhiều chuyển biến tích cực trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá; khơi dậy những phong tục, tập quán tốt đẹp của các dân tộc trên địa bàn được quan tâm. Thường xuyên xây dựng, củng cố và nâng cấp hệ thống các thiết chế văn hóa và phát huy hiệu quả sử dụng trong xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư. Hoàn thành kế hoạch bình xét các danh hiệu văn hóa năm 2022 kết quả 2.295 hộ đạt danh hiệu gia đình văn hóa, đạt 101.1% kế hoạch; làng văn hóa 15/15 làng, đạt 100% kế hoạch, trong đó có 06 làng văn hóa giữ vững 5 năm liên tục.

Phong trào thể dục thể thao được duy trì và hoạt động thường xuyên, xã có 01 câu lạc bộ cầu lông, 01 câu lạc bộ bóng đá, 05 câu lạc bộ dưỡng sinh, 05 câu lạc bộ thể dục thể thao người cao tuổi. Tỷ lệ người dân tham gia luyện tập thể thao thường xuyên chiếm hơn 50% dân số. Các câu lạc bộ nói riêng và hoạt động phong trào thể dục thể thao ở các thôn diễn ra sôi nổi, tập luyện thường xuyên và tham gia đạt thành tích cao trong huyện.

#### d) Thực hiện chính sách xã hội

Các chính sách đảm bảo an sinh xã hội, chính sách đối với người có công, “Đền ơn đáp nghĩa”, xóa đói giảm nghèo, lao động việc làm được thực hiện kịp thời, đúng quy định, góp phần ổn định đời sống nhân dân. Thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo, tạo sự đồng thuận cao trong cộng đồng dân cư. Công tác giải quyết việc làm cho người lao động có nhiều chuyển biến mới.

Tổ chức thăm hỏi, chuyên và tặng 778 suất quà cho các hộ gia đình chính sách, người có công, vận động ủng hộ, thăm hỏi hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và hỗ trợ khó khăn đột xuất tổng trị giá 268.301 triệu đồng nhân dịp Tết Nguyên Đán; tổ chức tiếp nhận 32 hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp người có công và bảo trợ xã hội; vận động 476 người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện đạt 100,2% kế hoạch và 3.499 người tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện, đạt 100,2% kế hoạch; tiếp tục hoàn thiện cấp thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng và tuyên truyền, vận động được 02 trường hợp tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện và 2.087 trường hợp tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện.

Hoàn thành tốt cuộc điều tra, rà soát thống kê hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 kết quả hộ nghèo 77 hộ (giảm 23 hộ so với năm 2021), tỷ lệ 3.07% và cận nghèo 90 hộ (giảm 28 hộ so với năm 2021), tỷ lệ 3.58% đạt 100% kế hoạch huyện giao tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3 năm 2020-2022 là 2,78% (năm 2020 là 0,97%; năm 2021 là 4,31%; năm 2022 là 3,07%).

## **8. Quốc phòng, an ninh**

### **a) Quân sự, quốc phòng**

Tập trung xây dựng, củng cố quốc phòng toàn dân, gắn với thế trận an ninh nhân dân ngày càng vững chắc, tiềm lực quốc phòng - an ninh của xã được tăng cường; kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế. Thực hiện nghiêm túc chế độ trực và thực hiện tốt công tác quân sự địa phương. Hoàn thành tốt kế hoạch giao quân theo đúng kế hoạch, đạt 100% chỉ tiêu (với 16/16 thanh niên lên đường nhập ngũ), đồng thời tham mưu lập biên bản và xử phạt 01 trường hợp vắng mặt tại địa điểm giao quân khi có lệnh gọi nhập ngũ. Tổ chức huấn luyện Dân quân bảo đảm an toàn trong huấn luyện theo kế hoạch; tham gia bắn đạn thật 100% đạt yêu cầu trong đó 75% tỷ lệ dân quân đạt loại khá và giỏi. Tổ chức khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự năm 2023 có 64/66 đạt 97% chỉ tiêu, 02 thanh niên vắng có lý do; kết quả khám đủ điều kiện sức khỏe tham gia nghĩa vụ quân sự 26/64 thanh niên, 38/64 thanh niên không đủ điều kiện sức khỏe tham gia nghĩa vụ quân sự. Tiếp tục tuyên truyền thực hiện tốt công tác quốc phòng quân sự địa phương; phối hợp với lực lượng công an nắm chắc tình hình an ninh trật tự, tình hình Nhân dân góp phần đảm bảo an ninh, quốc phòng trên địa bàn. Huy động lực lượng Dân quân tham gia thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

### **b) An ninh trật tự**

Lực lượng công an được quan tâm xây dựng, củng cố và chỉ đạo các mặt công tác; chủ động nắm bắt tình hình, kịp thời giải quyết, xử lý các vụ việc liên quan đến an ninh nông thôn; tập trung đấu tranh trấn áp tội phạm, tệ nạn xã hội, đảm bảo an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được đẩy mạnh. Trong năm 2022, tình hình an ninh chính trị tiếp tục được giữ vững ổn định, thông qua công tác nắm tình hình chưa phát hiện có dấu hiệu phức tạp liên quan đến an ninh chính trị.

Năm 2022 phát hiện 05 trường hợp xuất cảnh sang Campuchia lao động trái phép. Người địa phương xuất cảnh trái phép lao động bị phía nước ngoài bắt giữ trao trả: 06 trường hợp Trung Quốc, 05 trường hợp Campuchia. Tình hình trật tự an toàn xã hội xảy ra 06 vụ việc liên quan đến an ninh trật tự; có 21 đối tượng nghiện ma túy. Công an xã trong quá trình tuần tra đã phát hiện lập biên bản 01 trường hợp trồng cây chứa chất ma túy, đã bàn giao Công an huyện giải quyết theo thẩm quyền. Xảy ra 03 vụ tai nạn giao thông làm 02 người chết, 02 người bị thương, 02 xe mô tô, 01 xe ô tô bị hư hỏng.

## **9. Hệ thống chính trị xã Trù Hựu**

a) Cán bộ, công chức xã

Tổng số cán bộ, công chức là 20 người, gồm cán bộ là 11 người, công chức là 09 người. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ có 01 người, chiếm 05%; đại học có 19 người, chiếm 95%.

- Trình độ chính trị trung cấp có 18 người, chiếm 90%.

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã có 25 người, trong đó:

- Trình độ chuyên môn: Đại học có 09 người, chiếm 36%.

- Trình độ chính trị: Trung cấp có 09 người, chiếm 36%.

c) Tổng số người hoạt động không chuyên trách 15 khu phố là 36 người.

#### **IV. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA XÃ PHƯỢNG SƠN**

##### **1. Lịch sử hình thành**

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, phần đất xã Phượng Sơn ngày nay thuộc tổng Trù Hựu, phủ Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Tổng Trù Hựu có 6 xã: Trù Hựu, Lại Thâm, Từ Xuyên, Lại An, Phú Hương, Lão Hương. Trong đó có 4 xã thuộc xã Phượng Sơn ngày nay là: Từ Xuyên (có 3 thôn: Cẩm Nang, Cò Lợ và Cỏ Đèo), Lão Hương (có 4 thôn: Bồng, Ải, Cây Sai, và Cầu Súm), Lại Thâm (có 3 thôn: Chẽ, Đất Đỏ và Mào Gà) và Lại An (có 2 thôn: Lại An và Lâm).

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Hiến pháp năm 1946 của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà quy định các đơn vị hành chính dưới tỉnh là huyện và xã. Đơn vị hành chính cấp tổng bị bãi bỏ. Theo chủ trương của Chính phủ cho phép gộp nhiều xã nhỏ thành một xã lớn, dưới xã là thôn. Năm 1946, hợp nhất 3 xã Từ Xuyên, Lão Hương, Lại Thâm thành một xã, lấy tên là xã Phượng Sơn.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, để thuận tiện cho việc chỉ đạo, tháng 7 năm 1947, Ủy ban hành chính khu XII cắt 10 xã tả ngạn sông Lục Nam của huyện Lục Ngạn cùng với huyện Sơn Động và huyện Hải Chi (tỉnh Hải Ninh) lập ra huyện Lục Sơn Hải trực thuộc liên tỉnh Quảng Hồng.

Thi hành Quyết định của Liên khu, thôn Đàm (nằm bên hữu ngạn) thuộc xã Mỹ Nương cắt về xã Phượng Sơn; 2 thôn Tòng Lệnh, An Phúc thuộc xã Phượng Sơn (nằm bên tả ngạn) cắt về xã Mỹ Nương.

Ngày 3/10/1963, Chính phủ ra Quyết định thành lập Nông trường mía Lục Ngạn. Một phần diện tích xã Phượng Sơn cắt về trực thuộc nông trường quản lý. Khi mới thành lập, nông trường có 300 công nhân. Diện tích nông trường quản lý hơn 2000ha đất canh tác. Nhiệm vụ chính của nông trường là trồng mía làm đường phen, trồng dứa, trồng vải, sản xuất, chế biến rượu, cốm...



Năm 1997, Nông trường mía Lục Ngạn giải thể. Diện tích đất đai của xã Phượng Sơn trước đây cắt cho nông trường quản lý, nay sáp nhập vào xã Phượng Sơn gồm 3 thôn: Kim 2, Kim 3, Cầu Đất, nâng tổng số thôn của xã Phượng Sơn từ 13 lên 16 thôn: Trại 1, Đầm, Cầu Đất, Mào Gà, Kim 1, Kim 2, Kim 3, Chẽ, Phượng Khanh, Hạ Mã, Cầu Từ, Bòng, Phú Xuyên, Từ Xuyên, Ai, Phượng Khê cho đến ngày nay.

## **2. Vị trí địa lý, địa giới hành chính**

### **a) Vị trí địa lý**

Xã Phượng Sơn nằm về phía tây huyện Lục Ngạn, cách thị trấn Chũ 08 km; xã Phượng Sơn có địa hình bán sơn địa, nằm trên vùng chuyển tiếp giữa địa hình trung du và đồng bằng, bao gồm dạng gò đồi và đồng bằng, hướng dốc chính theo hướng Tây Bắc - Đông Nam.

### **b) Địa giới hành chính xã Phượng Sơn**

- Phía bắc giáp xã Quý Sơn;
- Phía đông giáp xã Mỹ An;
- Phía nam giáp huyện Lục Nam (xã Trường Giang và xã Tiên Nha);
- Phía tây giáp huyện Lục Nam (xã Đông Hưng).

## **3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu sử dụng đất**

### **a) Diện tích tự nhiên**

Xã Phượng Sơn có 20,65 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, bằng 2.065,43 ha; trong đó: Đất nông nghiệp là 1.599,59 ha; đất phi nông nghiệp là 463,28 ha; đất chưa sử dụng là 1,56 ha.

### **b) Cơ cấu sử dụng đất**

- Đất nông nghiệp là 1.599,59 ha, gồm:
  - + Đất trồng lúa là 266,36 ha;
  - + Đất trồng cây hàng năm là 15,37 ha;
  - + Đất trồng cây lâu năm là 1.092,09 ha;
  - + Đất rừng sản xuất là 199,29 ha ;
  - + Đất nuôi trồng thủy sản là 29,48 ha;
  - + Đất nông nghiệp khác là 0 ha.
- Đất phi nông nghiệp là 463,28 ha, gồm:
  - + Đất quốc phòng là 36,93 ha;
  - + Đất an ninh là 0 ha ;
  - + Đất thương mại, dịch vụ là 0,47 ha ;
  - + Đất sản xuất phi nông nghiệp là 10,71 ha;

- + Đất phát triển hạ tầng là 15,74 ha;
- + Đất ở nông thôn là 135,56 ha ;
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan là 0,26 ha ;
- + Đất cơ sở tín ngưỡng là 1,73 ha ;
- + Đất sông ngòi, kênh rạch là 139,09 ha ;
- + Đất mặt nước chuyên dùng là 26,80 ha.
- Đất chưa sử dụng là 1,56 ha.

#### **4. Dân số, lao động**

##### a) Dân số

Xã Phụng Sơn có 3.515 hộ, 13.990 người, gồm dân số thường trú là 12.427 người, dân số tạm trú là 1.563 người; tỷ lệ tăng dân số là 0,48% (trung bình 3 năm 2020-2022 là 0,15%); mật độ dân số là 677 người/km<sup>2</sup>.

##### b) Lao động

Xã Phụng Sơn có 8.452 lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế trên địa bàn; trong đó:

- Lao động phi nông nghiệp là 6.477 người, chiếm tỷ lệ 76,63%.
- Lao động nông nghiệp là 1.975 người, chiếm tỷ lệ 23,37%.

#### **5. Thôn, tổ dân phố**

Xã Phụng Sơn có 15 thôn, gồm: Thôn Trại 1, Thôn Đầm, Thôn Cầu Đất, Thôn Mào Gà, Thôn Kim 1, Thôn Kim 2, Thôn Kim 3, Thôn Chẽ, Thôn Phụng Khanh, Thôn Hạ Mã, Thôn Cầu Từ, Thôn Phú Bồng, Thôn Từ Xuyên, Thôn Ải, Thôn Phụng Khê

#### **6. Hiện trạng phát triển kinh tế**

##### a) Về phát triển kinh tế

Năm 2022, tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội vẫn còn gặp khó khăn, do kinh tế chưa hoàn toàn phục hồi sau đại dịch Covid-19. Kinh tế thế giới và trong nước có nhiều biến động, giá cả hàng nông sản giảm, chăn nuôi không ổn định, giá một số các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu tăng cao (đặc biệt là xăng dầu và thực phẩm) đã ảnh hưởng không nhỏ đến cuộc sống của nhân dân và kinh tế xã hội của địa phương. Tuy nhiên, với quyết tâm cao, xã đã tập trung thực hiện đồng bộ tất cả các giải pháp nhằm hoàn thành các chỉ tiêu phát triển kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng và dự toán ngân sách nhà nước được giao.

Giá trị sản xuất trên địa bàn xã năm 2022 đạt 950 tỷ đồng. Trong đó: Giá trị sản xuất ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đạt 342 tỷ đồng; thương mại - dịch vụ đạt 323 tỷ đồng và nông - lâm nghiệp - thủy sản đạt 285 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2022 đạt 9%; bình quân 3 năm giai đoạn 2020-2022 đạt 8%.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng tỷ trọng tiêu thụ công nghiệp, ngành nghề nông thôn, xây dựng và thương mại, dịch vụ. Cơ cấu kinh tế của thị trấn năm 2022, gồm: Giá trị sản xuất ngành công nghiệp - tiêu thụ công nghiệp chiếm 36%; thương mại - dịch vụ chiếm 34% và nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 30%.

b) Kết quả đạt được trên các ngành, lĩnh vực

- Công nghiệp - tiêu thụ công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ

Địa bàn có 01 cụm công nghiệp Cầu Đất đang hoạt động hiện nay địa phương đang triển khai các biện pháp thu hút đầu tư vào Cụm công nghiệp tạo việc làm cho lao động tại chỗ ở địa phương. Xã có gần 1.200 lao động là kỹ sư, công nhân, lao động phổ thông làm việc cho các nhà máy, xí nghiệp và các khu công nghiệp trong và ngoài tỉnh tạo thu nhập chính cho địa phương. Các hoạt động máy cơ giới (máy xúc, máy ủi, máy san gạt...) sản xuất gạch bê tông; khai thác kinh doanh bến bãi vật liệu xây dựng; sản xuất nông cụ phục vụ ngành nghề nông nghiệp; tổ lao động xây dựng; sản xuất xốp hoa quả, may mặc... vẫn là các ngành nghề chính và là thế mạnh của địa phương,. Trên địa bàn xã hiện có 18 doanh nghiệp đang hoạt động, tạo công ăn việc làm tại chỗ cho trên 450 lao động. Xã đã tích cực chỉ đạo, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp, ngành nghề nông thôn, khuyến khích đầu tư vào địa bàn xã nên công nghiệp và tiêu thụ công nghiệp đang chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong tổng sản phẩm địa phương. Giá trị sản xuất công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp và xây dựng đạt 342 tỷ đồng, chiếm 36% tổng sản phẩm địa phương.

Các loại hình dịch vụ phong phú, đa dạng, đặc biệt là hoạt động bán lẻ hàng hóa. Địa bàn xã có hơn 450 các hộ kinh doanh cá thể, có 12 cửa hàng tiện ích, 01 cửa hàng điện máy. Hàng hóa trên địa bàn phong phú, đa dạng, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của nhân dân địa phương. Các dịch vụ phụ trợ buôn bán nông sản phát triển đa dạng như: buôn bán thùng xốp hoa quả, cân và đóng gói vải thiều tươi, khô, mua bán hoa quả các loại; dịch vụ kinh doanh hàng hóa; dịch vụ vận tải... tạo ra nguồn thu nhập lớn cho địa phương. Tổng giá trị thương mại dịch vụ đạt 285 tỷ đồng, chiếm 30% tổng sản phẩm địa phương.

- Sản xuất nông nghiệp

Tổng diện tích 122,5 ha (giảm 15,5 ha so với năm 2022), sản lượng 747,5 tấn, thu nhập 5,5 tỷ đồng. Trong đó:

Tổng diện tích gieo cấy lúa đạt 114,5 ha, năng suất bình quân đạt 62 tạ/ha, sản lượng đạt 709,8 tấn; thu nhập 5,3 tỷ đồng. Cây ngô diện tích 8 ha, năng suất bình quân 45 tạ/ha, sản lượng đạt 36 tấn. Cây lạc có diện tích trồng cả năm 8 ha, năng suất bình quân 27,8 tạ/ha, sản lượng đạt 22,24 tấn. Đậu đỗ các loại có diện tích trồng cả năm 4 ha, năng suất bình quân 13,9 tạ/ha, sản lượng đạt 5,56 tấn. Rau các loại có diện tích 32ha, năng suất bình quân 83 tạ/ha, sản lượng đạt 265,6 tấn. Diện tích cây ăn quả 1.102 ha, gồm: Vải thiều có diện tích 677,2 ha (trong đó vải đang trong giai đoạn khai thác là 596,6 ha, vải chính vụ 473,6 ha); diện

tích trồng mới là 80,8 ha; tổng sản lượng vải quả 3.877,6 tấn, giá bán từ 6.000đ/kg đến 30.000đ/kg; tổng thu nhập đạt 39 tỷ đồng. Ngoài ra, địa bàn xã còn có các loại cây ăn quả khác, như: Nhãn, táo, cam, bưởi các loại,... giá trị bình quân trên 1 ha diện tích ước đạt 95 triệu đồng/ha.

Đàn trâu bò có 110 con tăng 53 con so với cùng kỳ 2021, đàn lợn hiện tại có 1.240 con tăng 150 con so cùng kỳ; đàn gia cầm có 153.508 con; đàn dê có 750 con, tăng 426 con so với cùng kỳ; đàn ngựa 18 con.

Trong năm xã đã tiến hành triển khai 3 đợt tiêm phòng theo đúng kế hoạch của cấp trên chỉ đạo và triển khai các đợt tiêm phòng bổ sung. Các chỉ tiêu tiêm phòng cho đàn gia súc gia cầm đều đạt các chỉ tiêu được giao, triển khai 02 đợt ra quân tiêu độc khử trùng phòng chống dịch bệnh, vận động được mỗi hộ gia đình chăn nuôi mua 50-70 kg vôi bột để tiêu độc phòng chống dịch bệnh vào các đợt tiêu độc khử trùng.

#### c) Thu, chi ngân sách trên địa bàn

Công tác thu, chi ngân sách trên địa bàn được đảm bảo quản lý chặt chẽ, đúng luật ngân sách, đảm bảo chi trả lương, phụ cấp, chi thường xuyên, chi sự nghiệp phát triển kinh tế, sự nghiệp văn hóa, chi đầu tư xây dựng cơ bản đảm bảo tiết kiệm, chống lãng phí. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2022 đạt 17,12 tỷ đồng; chi ngân sách đạt 17,12 tỷ đồng (trong đó chi thường xuyên là 8,2 tỷ đồng); thu nhập bình quân là 64,6 triệu đồng/người/năm 2022.

### **7. Văn hóa - xã hội**

#### a) Về giáo dục

Sự nghiệp giáo dục - đào tạo tiếp tục được củng cố và phát triển, chất lượng giáo dục có nhiều chuyển biến tích cực, kết quả tốt nghiệp các cấp học tăng; chất lượng giáo dục mũi nhọn được nâng lên, nhiều học sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh, huyện, 100% số trẻ đến độ tuổi được vận động đến trường; tỷ lệ học sinh bỏ học ở các cấp giảm; 3/3 trường trên địa bàn đạt chuẩn quốc gia. Tổng số học sinh 3 trường là 2.472 học sinh; tổng số cán bộ, giáo viên là 185 đều đạt chuẩn về trình độ chuyên môn.

Chỉ đạo các nhà trường thực hiện thu các khoản thu đúng theo quy định của nhà nước, thu đúng, thu đủ; đồng thời quản lý tốt các khoản thu, cũng như việc sử dụng dân chủ, đảm bảo công khai, minh bạch. Các nhà trường tổ chức tốt ngày khai giảng năm học mới 2022-2023; kỷ niệm 40 năm ngày nhà giáo Việt Nam.

#### b) Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Công tác y tế tiếp tục được quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt, đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh thường xuyên và đột xuất của nhân dân trong xã; làm tốt công tác truyền thông, khám chữa bệnh, y tế dự phòng, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân; thanh toán BHYT theo quy định; số lượt KCB là 3.901 lượt, tăng 11,4 % so với cùng kỳ năm 2021.

Thực hiện tốt việc triển khai lồng ghép công tác truyền thông dân số - kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản với truyền thông giáo dục sức khỏe cho nhân dân; chương trình tiêm chủng trẻ em đạt 100% kế hoạch đề ra. Công tác truyền thông được làm thường xuyên liên tục đã huy động được sự tham gia tích cực của các ban ngành đoàn thể, các tổ chức xã hội nhằm nâng cao nhận thức của nhân dân với công tác dân số - KHHGD.

- Tổng số sinh 145 trẻ, tỷ suất sinh 11,68%; tổng số sinh lần 3 trở lên là 22 trẻ; tỷ số giới tính khi sinh 107 nam/100 nữ; tăng dân số tự nhiên là 5,48%.

#### c) Văn hóa, thông tin, thể dục thể thao

Làm tốt công tác truyền thanh tuyên truyền chủ trương đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các nhiệm vụ địa phương trên thông tin đại chúng, loa truyền thanh của xã; tuyên truyền cho nhân dân treo cờ chào mừng ngày lễ lớn trong năm, công tác thu gom, xử lý rác thải; phòng chống bạo lực gia đình,... Đài truyền thanh đã xây dựng được 80 chương trình, trên 200 tin bài; tiếp sóng đài huyện với trung ương từ thứ 2 đến thứ 6.

Năm 2022, 3356 hộ đăng ký danh hiệu gia đình văn hóa, đạt 99,1%; có 3.221/3384 hộ đạt danh hiệu gia đình văn hóa, đạt 95%; 15/15 thôn đăng ký xây dựng danh hiệu Làng văn hóa, có 11/15 thôn đạt danh hiệu Làng văn hóa, bằng 73,3%; làng văn hóa 5 năm liên tục 8/15 thôn.

#### d) Thực hiện chính sách xã hội

Vận động ủng hộ tiền và tiếp nhận tiền ủng hộ của các trường học, cơ quan đơn vị đóng quân trên địa bàn để tặng cho các đối tượng các gia đình khó khăn, hộ nghèo, cận nghèo, các hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, ốm đau,... trong dịp Tết Nguyên Đán. Tiếp nhận và cấp phát quà của Chủ tịch nước với số tiền 63.600.000đồng; quà của tỉnh với số tiền là 104.000.000đồng. Rà soát, thống kê đối tượng đi điều dưỡng tổng là 47 đối tượng; 24 điều dưỡng tập trung; 16 điều dưỡng tại nhà.

Làm hồ sơ đối tượng BTXH 41 đối tượng trong đó hồ sơ NCT là 20 đối tượng; hồ sơ xét khuyết tật 21 đối tượng trong đó chăm sóc người khuyết tật là 6 trường hợp, xét hưởng khuyết tật là 15; đối tượng đơn thân nuôi con thuộc hộ nghèo và cận nghèo 5 trường hợp. Vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế với hộ có mức sống trung bình đạt 91,32%; vận động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện là 76 người đạt 212%, vượt chỉ tiêu so với huyện giao.

Năm 2022, toàn xã còn 39 hộ nghèo, chiếm 1,15%; tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3 năm 2020-2022 là 0,83% (năm 2020 là 0,54%; năm 2021 là 0,80%; năm 2022 là 0,83%).

## 8. Quốc phòng, an ninh

#### a) Quân sự, quốc phòng

Lực lượng quân sự duy trì nghiêm các chế độ trực, tuần tra, canh gác, huấn luyện và sẵn sàng chiến đấu; tích cực phối hợp với các lực lượng giữ vững an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Thực hiện công tác tuyên

quân đạt chỉ tiêu huyện giao, huấn luyện dân quân theo kế hoạch đạt kết quả tốt.

b) An ninh trật tự

Lực lượng công an xã được kiện toàn ổn định với nòng cốt là lực lượng công an chính quy trực thường xuyên 24/24 giờ, duy trì ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, các vụ việc phát sinh đều được giải quyết kịp thời, tạo niềm tin cho nhân dân.

## **9. Hệ thống chính trị xã Phượng Sơn**

a) Cán bộ, công chức xã

Tổng số cán bộ, công chức là 20 người, gồm cán bộ là 10 người, công chức là 10 người. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ có 01 người, chiếm 05%; đại học có 18 người, chiếm 90%; trung cấp có 01 người, chiếm 5%.

- Trình độ chính trị trung cấp có 16 người, chiếm 80%; sơ cấp có 04 người, chiếm 20%.

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã có 28 người, trong đó:

- Trình độ chuyên môn: Đại học có 14 người, chiếm 50%; trung cấp có 01 người, chiếm 3,6%.

- Trình độ chính trị: Trung cấp có 11 người, chiếm 39,30%; sơ cấp có 03 người, chiếm 10,7%.

c) Tổng số người hoạt động không chuyên trách 15 khu phố là 186 người.

## **V. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA XÃ THANH HẢI**

### **1. Lịch sử hình thành**

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, xã Thanh Hải thuộc về 3 xã Xuân Trì, Phục Lạp, Hữu Bằng. Mỗi xã chỉ có một số làng, xóm cổ truyền. Tiếp đến, nhiều xóm, thôn đã được thành lập vào thời gian sau cách mạng.

Xã Xuân Trì trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945 gồm các thôn: Trại Nương, Trại Giáp, Trương Phù, Bản Hạ, Sẻ Cũ, Sẻ Mới, Bông, Trại Na, Làng Vàng, Đồng Tuấn, Hà Thanh, Cầu Đền.

Xã Phục Lạp có các thôn: Hồ Quế, Giáp Hạ, Giáp Thượng, Làng Dinh, Non Dầu, Trại Chánh Hiền, Gôi Găng.

Xã Hữu Bằng có các thôn: Xóm Bẻng, Bùng Ròng, Bùng Núi, Bùng Ruộng, Khuôn Rẻo, Bùng Hành, Khuôn Nà, Suối Vạt.

Sau cách mạng tháng Tám năm 1945, bãi bỏ đơn vị tổng, xã Thanh Sơn được thành lập, thuộc huyện Lục Ngạn, tỉnh Hà Bắc; đến kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vào năm 1971 xã Thanh Sơn đổi tên thành Thanh Hải và có 39

thôn: Công Ty, Bông 1, Bông 2, Tân Trường, Hồ Quế, Đức Chinh, Xẻ Mới, Xẻ Cũ, Lai Cách, Đồi Đỏ, Giáp Hạ 1, Giáp Hạ 2, Giáp Hạ 3, Giáp Trung, Cẩm Vũ, Kim Thạch, Tân Giáp, Đông Tuấn, Lò Gạch, Trại Na, Phố xã, Hà Thanh, Trại Giữa, Vàng 1, Vàng 2, Cẩm Định, Cẩm Sơn, Cầu Đền, Thanh Bình, Bãi Dài, Cẩm Hoà, Bùng Ruộng, Giáp Thượng, Quý Thượng, Bùng Núi, Lòng Hồ, Khuôn Rễo, Bùng Ròng, Khuôn Yên.

Từ năm 1971 đến nay xã Thanh Hải, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang với 30 thôn, diện tích tự nhiên là 29,06 km<sup>2</sup>, dân số là 17.907 người.

## **2. Vị trí địa lý, địa giới hành chính**

### **a) Vị trí địa lý**

Xã Thanh Hải nằm ở phía Bắc của huyện lỵ Lục Ngạn, cách thị trấn Chũ khoảng 6 km.

### **b) Địa giới hành chính xã Thanh Hải**

- Phía Đông giáp xã Hồng Giang và Biên Sơn.
- Phía Tây giáp xã Kiên Thành, Trù Hựu.
- Phía Nam giáp thị trấn Chũ.
- Phía Bắc giáp xã Hộ Đáp, Sơn Hải.

## **3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu sử dụng đất (bao gồm thôn Khuôn Rễo)**

### **a) Diện tích tự nhiên**

Xã Thanh Hải có 29,06 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, bằng 2.906,82 ha; trong đó: Đất nông nghiệp là 2.472,49 ha; đất phi nông nghiệp là 434,30 ha; đất chưa sử dụng là 0,03 ha.

### **b) Cơ cấu sử dụng đất**

- Đất nông nghiệp là 2.472,49 ha, gồm:
  - + Đất trồng lúa là 333,77 ha;
  - + Đất trồng cây hàng năm là 1,58 ha;
  - + Đất trồng cây lâu năm là 1.374,46 ha;
  - + Đất rừng sản xuất là 723,59 ha ;
  - + Đất nuôi trồng thủy sản là 39,09 ha;
  - + Đất nông nghiệp khác là 0 ha.
- Đất phi nông nghiệp là 434,30 ha, gồm:
  - + Đất quốc phòng là 87,21 ha;
  - + Đất an ninh là 0 ha ;
  - + Đất vật liệu xây dựng là 0,84 ha;
  - + Đất phát triển hạ tầng là 137,85 ha;

- + Đất ở nông thôn là 163,76 ha ;
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan là 0,53 ha ;
- + Đất cơ sở tín ngưỡng là 0,93 ha ;
- + Đất sông ngòi, kênh rạch là 43,18 ha ;
- + Đất mặt nước chuyên dùng là 0 ha.

- Đất chưa sử dụng là 0,03 ha.

#### **4. Dân số, lao động** (bao gồm thôn Khuân Rễo)

a) Xã Thanh Hải có 4.061 hộ, 19.521 người, gồm dân số thường trú là 17.046 người, dân số tạm trú là 2.475 người; tỷ lệ tăng dân số là 0,54% (trung bình 3 năm 2020-2022 là 0,71%); mật độ dân số là 672 người/km<sup>2</sup>.

b) Xã Thanh Hải không bao gồm thôn Khuân Rễo (thôn có 12,05 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số 637 người) sẽ có 17,01 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 18.884 người; có 10.038 lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế trên địa bàn; trong đó:

- Lao động phi nông nghiệp là 7.362 người, chiếm tỷ lệ 73,34%.
- Lao động nông nghiệp là 2.676 người, chiếm tỷ lệ 26,66%.

#### **5. Thôn, tổ dân phố**

Xã Thanh Hải có 30 thôn, gồm: Bùng Ruộng, Giáp Trung, Bông 1, Trại Giữa, Cầu Đền, Thanh Bình, Đồng Tuấn, Quý Thượng, Xây Lấp, Lai Cách, Cẩm Định Cẩm Sơn, Phố Xã, Bông 2, Xẻ Cũ, Đồi Đỏ Cẩm Vũ, Hà Thanh, Giáp Hạ, Kim Thạch, Đức Chính, Bùng Núi, Bùng Rông, Tân Trường, Khuôn Rễo, Tân Giáp, Giáp Thượng, Xẻ Mới, Hồ Quế, Bãi Dài Cẩm Hòa, Vàng, Trại Na.

#### **6. Hiện trạng phát triển kinh tế**

##### **a) Về phát triển kinh tế**

Giá trị sản xuất trên địa bàn xã năm 2022 đạt 932,92 tỷ đồng. Trong đó: Giá trị sản xuất ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đạt 250,54 tỷ đồng; thương mại - dịch vụ đạt 342,72 tỷ đồng và nông - lâm nghiệp - thủy sản đạt 339,66 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2022 đạt 9,20%; bình quân 3 năm giai đoạn 2020-2022 đạt 8,40%.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng tỷ trọng tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn, xây dựng và thương mại, dịch vụ. Cơ cấu kinh tế của thị trấn năm 2022, gồm: Giá trị sản xuất ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chiếm 26,86%; thương mại - dịch vụ chiếm 36,41% và nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 36,74%.

##### **b) Kết quả đạt được trên các ngành, lĩnh vực**

- Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ

Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng hàng năm tăng vượt mức mục tiêu đề ra. Năm 2022, sản xuất tiểu thủ công nghiệp và



ngành nghề đạt 250,54 tỷ đồng. Trong đó, nghề làm mỳ gạo được phát triển mạnh ở các thôn: Đức Chính, Tân Trường, Đồi Đò Cẩm Vũ, Vàng, Tân Giáp, Bãi Dài Cẩm Hòa; hiện cả xã có 35 lò tráng mỳ đã tạo việc làm, thu nhập ổn định cho trên 200 hộ gia đình, làng nghề sinh vật cảnh thôn Bồng 1 và một số hộ ở các thôn khác ngày càng phát triển đem lại giá trị thu nhập cao (làm mỳ gạo hiện cả xã có sản lượng đạt trên 1.310 tấn, trị giá đạt trên 26,2 tỷ đồng, làng nghề sinh vật cảnh giá trị thu nhập đạt trên 1,8 tỷ đồng). Qua đó đã góp phần tích cực vào mục tiêu giải quyết việc làm và chuyển dịch cơ cấu lao động; số lao động tham gia trong lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề ngày càng tăng. Các sản phẩm may mặc, sửa chữa xe máy, mỳ gạo, đồ mộc dân dụng, gạch ép xi măng, xây dựng là các sản phẩm chủ yếu trong sản xuất của địa phương. Chính sách đào tạo nghề được quan tâm, số lao động đi xuất khẩu sang các nước 18 trường hợp, thu nhập đạt trên 24,1 tỷ đồng, số lao động phổ thông trong nước ngày một gia tăng đến nay có khoảng 4.110 lao động có thu nhập ổn định.

Thương mại, dịch vụ tiếp tục phát triển, tổng giá trị thu nhập 342,72 tỷ đồng, chiếm 36,41% cơ cấu kinh tế của xã; các mặt hàng thiết yếu ngày càng phong phú, đa dạng đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân. Chợ xã được duy trì và nâng cao hiệu quả, mạng lưới cửa hàng bán buôn, bán lẻ hàng hoá ngày càng tăng số hộ kinh doanh, chủ yếu phục vụ mua sắm, tiêu dùng, xây dựng trên địa bàn xã. Hoạt động dịch vụ vận tải đã có sự gia tăng số lượng phương tiện, khối lượng vận tải hành khách, hàng hoá với trên 100 ô tô các loại. Xã có 01 điểm bưu điện văn hóa xã, 100% hộ dân có người sử dụng điện thoại di động, 75% hộ dân sử dụng mạng Internet, các hộ kinh doanh buôn, bán điện thoại di động, dịch vụ Internet ngày một phát triển.

#### - Sản xuất nông nghiệp

Sản xuất nông, lâm nghiệp tiếp tục được chú trọng từ khâu sản xuất đến tiêu thụ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị, tăng thu nhập cho người dân. Năm 2022, mặc dù ảnh hưởng của thời tiết làm giảm sản lượng một số loại cây ăn quả, dịch bệnh kéo dài nhưng tổng giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 339,66 tỷ đồng.

Tổng diện tích gieo trồng đạt 89 ha. Trong đó cây ngô là 55 ha, năng suất đạt 79 tạ/ha, sản lượng đạt 434,5 tấn; cây lạc là 22 ha, năng suất đạt 26 tạ/ha, sản lượng ước đạt 57,2tấn; đậu đỗ các loại là 12 ha, năng suất ước đạt 22 tạ/ha, sản lượng đạt 26,4 tấn.

Duy trì diện tích cây vải thiều hiện có 756 ha, do điều kiện thời tiết thuận lợi nên tỷ lệ vải thiều ra hoa, đậu quả đạt từ 85 - 90%. Tổng sản lượng đạt 10.000 tấn, trị giá 120 tỷ đồng. Diện tích các loại cây ăn quả khác là 830 ha. Trong đó bưởi Diễn, da xanh là 300 ha, cam là 530 ha, giá trị đạt 263,31 tỷ đồng; cây ăn quả khác là 153,5 ha, sản lượng đạt 9.250 tấn.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hướng dẫn nhân dân thực hiện các biện pháp phòng trừ dịch bệnh trên đàn vật nuôi, chú trọng biện pháp tiêu độc, khử trùng, tiêm phòng đầy đủ các loại vắc-xin, hạn chế lây lan dịch bệnh trên

địa bàn xã. Năm 2022, đàn trâu có 35 con, đàn bò có 55 con, đàn ngựa có 155 con, lợn có 4.230 con, dê có 310 con, gia cầm, thủy cầm có 168.855 con.

Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng được tăng cường trong năm toàn xã đã đăng ký trồng mới được trên 50 ha rừng, đồng thời vận động các chủ rừng tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và phòng chống cháy rừng trên địa bàn xã không xảy ra cháy rừng.

#### c) Thu, chi ngân sách trên địa bàn

Công tác thu, chi ngân sách trên địa bàn được đảm bảo quản lý chặt chẽ, đúng luật ngân sách, đảm bảo chi trả lương, phụ cấp, chi thường xuyên, chi sự nghiệp phát triển kinh tế, sự nghiệp văn hóa, chi đầu tư xây dựng cơ bản đảm bảo tiết kiệm, chống lãng phí. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2022 đạt 13,59 tỷ đồng; chi ngân sách đạt 10,88 tỷ đồng (trong đó chi thường xuyên là 4,83 tỷ đồng); thu nhập bình quân là 52,02 triệu đồng/năm 2022 (tăng 2,02 triệu đồng so với năm 2021).

### **7. Văn hóa - xã hội**

#### a) Về giáo dục

Sự nghiệp giáo dục của xã luôn được quan tâm, quy mô trường, lớp, cơ sở vật chất, trang thiết bị được tăng cường, nề nếp, chất lượng giáo dục toàn diện tiếp tục có chuyên biến. Kết quả thi học sinh giỏi các cấp và kết quả tốt nghiệp các cấp học đều tăng so với năm trước; tỷ lệ trẻ đến nhà trẻ, trẻ trong độ tuổi ra lớp mẫu giáo, trẻ 6 tuổi vào lớp 1, học sinh vào lớp 6 năm học 2022 - 2023 đều đạt và vượt kế hoạch.

Duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 và phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2, thực hiện tốt việc phối hợp với đoàn xã tổ chức bàn giao học sinh cho đoàn thanh niên ở các thôn và gia đình quản lý trong dịp nghỉ hè, đặc biệt là tuyên truyền về đuối nước, an toàn giao thông, cấp 1.000 tờ rơi tuyên truyền tai nạn thương tích, đuối nước và cấm biển cảnh báo đuối nước, phối hợp với nhà trường, đoàn thanh niên xã mở 5 lớp dạy bơi cho các cháu trên địa bàn. Công tác đầu tư xây dựng trường chuẩn Quốc gia và công nhận lại được quan tâm chỉ đạo, năm 2022 xây dựng trường mầm non số 01 đạt chuẩn quốc gia, nâng số trường đạt chuẩn quốc gia lên 5/5 trường, đạt tỷ lệ 100%.

Tổ chức tuyên dương, khen thưởng học sinh đạt giải trong các kỳ thi, giáo viên dạy giỏi và giáo viên dạy đội tuyển thi học sinh giỏi đạt giải các cấp năm học 2021 - 2022.

#### b) Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Triển khai thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, đảm bảo đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; tăng cường công tác quản lý hành nghề y, dược tư nhân và kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm; trong năm đã khám, chữa bệnh cho 5.697 lượt người, đạt 100% kế hoạch.

Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình được duy trì, tỷ suất sinh là

0,05%; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 1,16%, giảm 0,08% so với cùng kỳ; tỷ lệ sinh con lần 3 là 11%; tỷ lệ nam/nữ là 105/100. Công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em được quan tâm chỉ đạo thường xuyên; thực hiện tốt kế hoạch tiêm chủng đầy đủ các loại vắc-xin cho 221 trẻ, đạt 100% kế hoạch, trẻ từ 6 tháng đến 60 tháng tuổi được uống bổ sung vitamin A; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng là 11%, giảm 1% so với cùng kỳ.

#### c) Văn hóa, thông tin, thể dục thể thao

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; thực hiện nếp sống văn minh; không để xảy ra các hoạt động mê tín dị đoan, trục lợi về tâm linh tại các cơ sở tôn giáo, cơ sở tín ngưỡng; không để các đối tượng lợi dụng tuyên truyền, kích động tụ tập đông người, gây phức tạp về an ninh trật tự; đồng thời ngăn chặn, xử lý các trường hợp không chấp hành quy định về phòng, chống dịch Covid -19. Các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo có kế hoạch tổ chức các hoạt động phù hợp với tình hình mới, đảm bảo thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19; rút ngắn thời gian và hạn chế số lượng người tham dự các hoạt động.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và công tác gia đình năm 2022 thực hiện tốt và có hiệu quả. Số hộ gia đình đạt danh hiệu văn hóa 03 năm liên tục là 3.490 hộ, đạt 89,1% so với tổng số hộ trong toàn xã; 29/30 thôn đạt danh hiệu làng văn hóa, đạt 103,5% chỉ tiêu kế hoạch huyện giao; 29/30 thôn đạt danh hiệu “thôn Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn”.

Phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao quần chúng phát triển rộng khắp, góp phần xây dựng đời sống văn hóa, tinh thần phong phú, lành mạnh; tuyên truyền các chủ trương đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước; tuyên truyền quảng bá các sản phẩm của địa phương,...

#### d) Thực hiện chính sách xã hội

Các chính sách đảm bảo an sinh xã hội, người có công, đền ơn đáp nghĩa, xoá đói, giảm nghèo, lao động việc làm, bảo trợ xã hội được thực hiện kịp thời, góp phần ổn định đời sống nhân dân; làm thủ tục gia hạn thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng là người có công, hộ nghèo, cận nghèo.

Đến nay tỷ lệ bao phủ thẻ bảo hiểm y tế toàn xã đạt 99,06%, vận động nhân dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện được 195 người.

Phong trào đền ơn đáp nghĩa, Tết vì người nghèo được quan tâm chỉ đạo, 100% hộ người có công, gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo, người có uy tín và hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được tặng quà với tổng số đã tiếp nhận và cấp phát trị giá 351,12 triệu đồng. Tổng số đối tượng hưởng trợ cấp xã hội là 863 người; đối tượng hưởng mới là 61 đối tượng, mai táng phí là 70 trường hợp; công tác chi trả chi trả được thực hiện đầy đủ, kịp thời.

Năm 2022, toàn xã còn 91 hộ nghèo, chiếm 3,32%; tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3 năm 2020-2022 là 3,14% (năm 2020 là 1,56%; năm 2021 là 5,54%; năm 2022 là 3,32%).

## **8. Quốc phòng, an ninh**

### **a) Quân sự, quốc phòng**

Công tác quốc phòng, quân sự địa phương thường xuyên được quan tâm thực hiện tốt; thực hiện nghiêm túc Luật Dân quân tự vệ, công tác huấn luyện đảm bảo quân số, chất lượng; công tác xây dựng lực lượng thực hiện đúng quy trình, đủ về lực lượng, đảm bảo chất lượng (gồm 139 đồng chí đạt 100% chỉ tiêu); công tác huấn luyện đạt kết quả cao 100% kế hoạch;

Đăng ký thanh niên sẵn sàng nhập ngũ được thực hiện nghiêm túc theo quy định của pháp luật, hoàn thành 100% chỉ tiêu giao quân (gồm 27 thanh niên), hoàn thành công tác huấn luyện dân quân cho 139 đối tượng và tham gia hội thi, hội thao quốc phòng, an ninh tại huyện đạt giải nhất, tham gia hội thao tại tỉnh Bắc Giang đạt giải 3 toàn đoàn.

### **b) An ninh trật tự**

Tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã cơ bản ổn định và giữ vững, không để xảy ra điểm nóng; tăng cường quản lý các hoạt động xuất, nhập cảnh, việc quản lý tạm trú, tạm vắng trên địa bàn, đặc biệt là thời điểm thu hoạch vải thiều và các trường hợp đi lao động ở các nước.

Năm 2022, tội phạm về trật tự xã hội xảy ra 04 vụ (01 vụ trộm cắp tài sản, 01 vụ cố ý gây thương tích, 01 vụ đánh bạc và 01 vụ gây rối trật tự công cộng), giảm 3 vụ so với năm 2021; tội phạm về ma túy 01 vụ; tội phạm về kinh tế - môi trường 01 vụ. Công tác xử lý vi phạm hành chính đã giải quyết xử lý 03 vụ đánh bạc, 12 đối tượng, thu và phạt 19,44 triệu đồng. Tình hình an ninh nông thôn luôn ổn định, không có vụ việc phức tạp, không có khiếu kiện đông người, công tác tuần tra đạt 121 buổi ban đêm. An toàn giao thông được thực hiện đúng kế hoạch, xây dựng và triển khai kế hoạch giải tỏa hành lang an toàn giao thông trên địa bàn xã phục vụ nhân dân tiêu thụ vải thiều năm 2022; triển khai kế hoạch giải tỏa, xử lý các điểm lấn chiếm hành lang an toàn giao thông bày bán hàng hóa, họp chợ trái phép trên tuyến đường liên xã,...; 100% hộ dân, cán bộ công chức, học sinh - sinh viên và các hộ kinh doanh trên địa bàn xã ký cam kết không buôn bán, tàng trữ, đốt pháo trái phép.

## **9. Hệ thống chính trị xã Thanh Hải**

### **a) Cán bộ, công chức xã**

Tổng số cán bộ, công chức là 21 người, gồm cán bộ là 11 người, công chức là 10 người. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ có 0 người, chiếm 0%; đại học có 21 người, chiếm 100%.

- Trình độ chính trị trung cấp có 18 người, chiếm 85,57%; sơ cấp có 03 người, chiếm 14,2%.

### **b) Đại biểu Hội đồng nhân dân**

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã có 30 người, trong đó:

- Trình độ chuyên môn: Đại học có 11 người, chiếm 36,67%; trung cấp có 01 người, chiếm 3,6%.
- Trình độ chính trị: Trung cấp có 13 người, chiếm 43,33%; sơ cấp có 03 người, chiếm 10%.

c) Tổng số người hoạt động không chuyên trách 30 khu phố là 90 người.

## **II. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA XÃ BIỂN ĐỘNG THUỘC HUYỆN LỤC NGẠN MỚI (Dự kiến thành lập thị trấn Biển Động)**

### **1. Lịch sử xã Biển Động**

Năm 1909, châu Sơn Động được thành lập, gồm 3 tổng, trong đó có tổng Biển Động. Đến năm 1927, tổng Biển Động có các xã Biển Động, Biển Động Phố, Cẩm Đàn, Chiên Sơn, Giáo Liêm, Huân Vy, Phúc Thắng, Quế Sơn, Thảo Nhàn, Xa Lý.

Trước cách mạng tháng Tám năm 1945, xã Biển Động và phố Biển thuộc tổng Biển Động; sau cách mạng tháng Tám năm 1945, xã Biển Động được thành lập gồm 8 thôn.

Năm 1985, xã Biển Động sáp nhập thêm thôn Đồng Láy thuộc xã Kim Sơn; năm 1993, tái lập xã Kim Sơn, theo đó tách thôn Đồng Láy về xã Kim Sơn.

Ngày nay, xã Biển Động có 18,65 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 9.308 người và 09 thôn.

### **2. Vị trí địa lý, địa giới hành chính**

#### **a) Vị trí địa lý**

Xã Biển Động nằm ở vị trí phía Đông Nam của huyện Lục Ngạn và là địa bàn có ranh giới tiếp giáp với huyện Sơn Động. Trong không gian vùng tỉnh, Biển Động nằm ở vị trí trung tâm phân vùng phía Đông trong không gian vùng huyện Lục Ngạn mới.

#### **b) Địa giới hành chính:**

- Phía Bắc giáp xã Kim Sơn;
- Phía Nam giáp xã Phú Nhuận;
- Phía Đông giáp xã Cẩm Đàn;
- Phía Tây giáp xã Tân Hoa.

### **3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu sử dụng đất**

#### **a) Diện tích tự nhiên**

Xã Biển Động có 18,65 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, bằng 1.864,85 ha; trong đó: Đất nông nghiệp là 1.658,28 ha; đất phi nông nghiệp là 193,41 ha; đất chưa sử dụng là 13,16 ha.

#### b) Cơ cấu sử dụng đất

- Đất nông nghiệp là 1.658,28 ha, gồm:
  - + Đất trồng lúa là 259,69 ha;
  - + Đất trồng cây hàng năm là 60,24 ha;
  - + Đất trồng cây lâu năm là 962,78 ha;
  - + Đất rừng sản xuất là 358,99 ha ;
  - + Đất nuôi trồng thủy sản là 16,58 ha;
  - + Đất nông nghiệp khác là 0 ha.
- Đất phi nông nghiệp là 193,41 ha, gồm:
  - + Đất thương mại, dịch vụ là 0,08 ha;
  - + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là 0,40 ha;
  - + Đất phát triển hạ tầng là 68,90 ha ;
  - + Đất vui chơi, giải trí công cộng là 0,24 ha ;
  - + Đất ở nông thôn là 53,70 ha ;
  - + Đất xây dựng trụ sở cơ quan là 0,32 ha ;
  - + Đất cơ sở tín ngưỡng là 0,69 ha ;
  - + Đất sông ngòi, kênh rạch là 44,04 ha ;
  - + Đất mặt nước chuyên dùng là 25,04 ha.
- Đất chưa sử dụng là 13,16 ha.

### 4. Dân số, lao động

#### a) Dân số

Xã Biên Động có 2.165 hộ, 9.308 người, gồm dân số thường trú là 9.235 người, dân số tạm trú là 68 người; tỷ lệ tăng dân số là 0,12% (trung bình 3 năm 2020-2022 là 0,12%); mật độ dân số là 499 người/km<sup>2</sup>.

#### b) Lao động

Xã Biên Động có 5.054 lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế trên địa bàn; trong đó:

- Lao động phi nông nghiệp là 3.145 người, chiếm tỷ lệ 62,23%.
- Lao động nông nghiệp là 1.909 người, chiếm tỷ lệ 27,67%.

### 5. Thôn, tổ dân phố

Xã Biên Động có 09 thôn, gồm: Thôn Thùng Thành, Thôn Biên Dưới, Thôn Phố Biên, Thôn Biên Trên, Thôn Đồng Man, Thôn Thảo, Thôn Ba Lều, Thôn Khuyên Quéo.

### 6. Hiện trạng phát triển kinh tế

### a) Về phát triển kinh tế

Giá trị sản xuất trên địa bàn xã năm 2022 đạt 856 tỷ đồng. Trong đó: Giá trị sản xuất ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đạt 60 tỷ đồng; thương mại - dịch vụ đạt 560 tỷ đồng và nông - lâm nghiệp - thủy sản đạt 236 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2022 đạt 12,4% (cao hơn 2,90% so với năm 2021); bình quân 3 năm giai đoạn 2020-2022 đạt 10,63%.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng tỷ trọng tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn, xây dựng và thương mại, dịch vụ. Cơ cấu kinh tế của thị trấn năm 2022, gồm: Giá trị sản xuất ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chiếm 7,10%; thương mại - dịch vụ chiếm 65,42% và nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 27,57%.

### b) Kết quả đạt được trên các ngành, lĩnh vực

#### - Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ

Thương mại, dịch vụ tiếp tục phát triển mạnh, nhiều hàng hóa phong phú, đa dạng, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của người dân trên địa bàn xã và khu vực lân cận. Mạng lưới cửa hàng phân phối, bán lẻ ngày càng tăng về số lượng và quy mô. Tổng số hộ kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn xã đến năm 2022 là 350 hộ, tăng 140 hộ so với năm 2020. Hoạt động dịch vụ vận tải có sự gia tăng về số lượng phương tiện, khối lượng vận tải hành khách hàng hoá, toàn xã có 82 ô tô các loại, tăng 32 xe so với năm 2020.

Giá trị sản xuất ngành thương mại - dịch vụ năm 2022 đạt 560 tỷ đồng tăng 6,56 lần so với năm 2015; tốc độ tăng trưởng trung bình ngành giai đoạn 2020-2022 đạt trên 60%/năm. Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đạt 60 tỷ đồng, chiếm 7,10% trong cơ cấu kinh tế của xã.

#### - Sản xuất nông nghiệp

Sản xuất nông, lâm nghiệp tiếp tục được chú trọng từ khâu sản xuất đến tiêu thụ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị, tăng thu nhập cho người dân. Năm 2022, mặc dù ảnh hưởng của thời tiết làm giảm sản lượng một số loại cây ăn quả, dịch bệnh kéo dài nhưng tổng giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 236 tỷ đồng, chiếm 27,57% trong cơ cấu kinh tế của xã.

Trồng trọt là ngành chủ đạo trong khu vực ngành nông nghiệp, xã đã duy trì diện tích gieo cấy lúa 2 vụ hằng năm là 354 ha, năng suất đạt 52 tạ/ha, sản lượng đạt 1.850 tấn; cây hoa màu các loại đạt 160 ha, tăng bình quân 31,9%/năm, sản lượng 1.664 tấn, đạt 200% mục tiêu; tổng sản lượng lương thực có hạt là 2.270 tấn, bình quân đầu người đạt 250 kg/năm. Diện tích cây ăn quả là 995 ha, tăng bình quân 10,6%/năm; trong đó cây vải thiều là 852 ha, tăng 7 ha so với năm 2015, sản lượng bình quân đạt 3.500 tấn/năm, giá trị thu bình quân hàng năm đạt 62 tỷ đồng; Diện tích trồng cây có múi, táo, ôi là 29 ha, thu nhập 5 tỷ đồng/năm. Công tác tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật cho nông dân luôn được quan tâm. Trong năm đã mở được 15 lớp tập huấn và giới thiệu việc làm

cho trên 260 lao động; tuyên truyền, vận động nhân dân đầu tư, mở rộng quy mô chăn nuôi để có sản phẩm chất lượng cao, tạo giá trị hàng hoá.

Công tác tập huấn, chuyên giao khoa học kỹ thuật cho nông dân luôn được xã quan tâm; công tác tuyên truyền, vận động nhân dân đầu tư, mở rộng quy mô chăn nuôi để có sản phẩm chất lượng cao, tạo giá trị hàng hoá đã được triển khai. Tổng đàn trâu, bò 87 con, đàn lợn 1.526, đàn gia cầm 61.278 con. Công tác phòng chống dịch bệnh, tiêm phòng dịch bệnh hằng năm được triển khai đồng bộ.

Tính đến năm 2022, tổng diện tích rừng xã Biên Động là 358,99 ha, toàn bộ đều là rừng sản xuất, diện tích rừng giao cho các hộ dân sử dụng khoảng 95 ha. Công tác tuyên truyền, khuyến cáo người dân chăm sóc, bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng được xã thường xuyên thực hiện, triển khai.

#### c) Thu, chi ngân sách trên địa bàn

Công tác thu, chi ngân sách trên địa bàn được đảm bảo quản lý chặt chẽ, đúng luật ngân sách, đảm bảo chi trả lương, phụ cấp, chi thường xuyên, chi sự nghiệp phát triển kinh tế, sự nghiệp văn hóa, chi đầu tư xây dựng cơ bản đảm bảo tiết kiệm, chống lãng phí. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2022 đạt 14,18 tỷ đồng; chi ngân sách đạt 9,34 tỷ đồng (trong đó chi thường xuyên là 5,12 tỷ đồng); thu nhập bình quân là 57,05 triệu đồng/người/năm 2022.

### **7. Văn hóa - xã hội**

#### a) Giáo dục đào tạo

Cơ sở vật chất, trang thiết bị đầu tư cho các trường học trên địa bàn đã từng bước tăng cường, chú trọng xây dựng các phòng học và các hạng mục phụ trợ khác. Địa bàn xã hiện có Trường mầm non Biên Động với 05 điểm trường, Trường Tiểu học Biên Động và Trường THCS Biên Động. Hoạt động giáo dục và đào tạo trên địa bàn xã vẫn được duy trì đúng nề nếp, đảm bảo nội dung chương trình, kế hoạch năm học, có sự chủ động, linh hoạt về phương pháp, hình thức tổ chức để thích ứng với yêu cầu phòng chống dịch; duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục bậc mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục THCS mức độ 2.

Năm học 2021-2022, Trường tiểu học có 507/832 học sinh được khen thưởng, đạt 60,93%; tỷ lệ học sinh lên lớp đạt 99,4%. Trường THCS có học sinh 313/524 học sinh khá giỏi, đạt 59,3%; thi học sinh giỏi đạt 71 giải, trong đó văn hóa đạt 44 giải, thể dục thể thao đạt 18 giải, các nội dung khác 09 giải. Học sinh tốt nghiệp lớp 9 là 121 học sinh, đạt 99,2%; số học sinh thi vào lớp 10 là 105/121 học sinh, đạt 86,7%; học sinh thi đỗ vào lớp 10 là 105 học sinh, đạt 100% so với số học sinh dự thi. Trường Trung học cơ sở xếp hạng 10 trong toàn huyện. Tổ chức khai giảng năm học mới 2022-2023, Trường Mầm non có 18 lớp với 526 học sinh; Trường Tiểu học có 28 lớp, 879 học sinh; Trường Trung học cơ sở có 14 lớp, 535 học sinh.

#### b) Về y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân



Cơ sở vật chất trang thiết bị y tế trên địa bàn xã những năm qua đã được bổ sung, công tác khám chữa bệnh từng bước được nâng cao về chất lượng; trạm y tế xã có 7 cán bộ y tế, trong đó có 02 bác sỹ, đạt chuẩn quốc gia về y tế. Trong năm, đã tổ chức khám chữa bệnh cho 1.728 lượt người; tổng sinh có 105 trường hợp, trong đó có 26 trường hợp sinh con thứ 3. Mức giảm tỷ lệ sinh còn 0,95%, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 0,15%; tỷ lệ suy dinh dưỡng còn 13,1%. Các chương trình y tế quốc gia, y tế cộng đồng cũng được quan tâm, tỷ lệ người dân phủ bảo hiểm y tế đạt 99,74% (cao hơn mức trung bình toàn huyện).

#### c) Về văn hóa, thông tin, thể thao

Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực dịch vụ, văn hóa, thể dục thể thao trên địa bàn xã ngày càng phong phú, đa dạng và tăng cường. Các thiết chế văn hóa từ xã đến thôn từng bước xây dựng hoàn thiện. Năm 2022, xã đã thực hiện bình xét các danh hiệu văn hóa, kết quả có 1.815 hộ đạt danh hiệu văn hóa, đạt 96,5%; có 8/9 làng đạt làng văn hóa, đạt 100% chỉ tiêu giao.

Tiếp tục thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang. Đặc biệt trong việc tang trong năm qua đã có nhiều chuyên viên tích cực, như tổ chức gọn nhẹ, tiết kiệm; chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện đám tang điểm, cam kết thực hiện nếp sống văn minh.

#### d) Chính sách giảm nghèo

Công tác chính xã hội thường xuyên được quan tâm, chủ động thăm hỏi, động viên các đối tượng chính sách, người có công với cách mạng khi ốm đau. Trong năm đã tổ chức tiếp nhận và trao quà tết cho 41 hộ nghèo, 66 hộ cận nghèo, 97 suất quà tết cho các hộ gia đình chính sách. Tổ chức thăm hỏi, tặng quà 94 đối tượng chính sách, tổ chức kỷ niệm 75 năm ngày thương binh liệt sỹ. Hoàn thiện hồ sơ 19 trường hợp đề nghị hưởng trợ cấp xã hội, 09 hồ sơ hưởng mai táng phí; lập danh sách 14 nhà ở dột nát thuộc hộ nghèo, cận nghèo đề nghị cấp trên hỗ trợ cải thiện về nhà ở. Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em luôn được quan tâm, thực hiện cấm biển cảnh báo đuối nước tại các ao hồ đập trên địa bàn; triển khai tháng cao điểm vận động nhân dân tham gia bảo hiểm xã hội, kết quả đã có 25 người tham gia; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 99,64%.

Triển khai rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, kết quả năm 2022 toàn xã còn 33 hộ nghèo, chiếm 1,58%; tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3 năm 2020-2022 là 2,24% (năm 2020 là 2%; năm 2021 là 3,15%; năm 2022 là 1,58%).

### **8. Quốc phòng, an ninh**

#### a) Quân sự, quốc phòng

Quyết định giao chỉ tiêu dân quân cho các thôn, tổ chức giao 20 công dân lên đường nhập ngũ năm 2022 (trong đó có 02 công dân tham gia nghĩa vụ công an), tăng 04 công dân so với năm 2021. Tổ chức khai mạc huấn luyện dân quân; tham gia hội thi, hội thao quân sự huyện; tổ chức đăng ký công dân trong độ tuổi 17, tổng số gọi 56/56 công dân tham gia. Tổ chức huấn luyện dân quân đảm bảo quân số theo kế hoạch. Tổ chức huấn luyện tại xã Tân Quang có 18 đồng chí

tham gia. Triển khai kế hoạch tuyển chọn và gọi công dân sẵn sàng nhập ngũ năm 2023, kết quả khám sơ tuyển có 60 công dân đạt, hội đồng nghĩa vụ quân sự đã xem xét tạm hoãn cho 06 công dân do đang đi học chuyên nghiệp, hoàn cảnh gia đình khó khăn; tham gia khám vòng 2 tại huyện 54 công dân, kết quả đủ điều kiện nhập ngũ 24 công dân.

#### b) An ninh trật tự

Trong năm xảy ra 10 vụ việc, tăng 04 vụ so với cùng kỳ, trong đó trộm cắp tài sản 02 vụ, mua bán trái phép chất ma túy 02 vụ, cố ý gây thương tích 01 vụ, tàng trữ trái phép chất ma túy 03 vụ, đánh bạc 01 vụ, hủy hoại tài sản 01 vụ; xác minh làm rõ chuyển công an huyện 04 vụ, phối hợp với đội nghiệp vụ giải quyết được 06 vụ.

Tình hình tai nạn và va chạm giao thông xảy ra 04 vụ, tăng 01 vụ so với năm 2021. Lập 01 hồ sơ giáo dục tại xã; xử phạt hành chính 02 trường hợp về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Quản lý 141 đối tượng, gồm tù tha về là 115 đối tượng, tù cho hưởng án treo là 03 đối tượng, cờ bạc 04 đối tượng, trộm cắp là 03 đối tượng, sử dụng ma túy là 12 đối tượng, có tiền án chính trị là 03 trường hợp, giáo dục tại xã là 01 đối tượng.

### **9. Hệ thống chính trị xã Biển Động**

#### a) Cán bộ, công chức xã

Tổng số cán bộ, công chức là 19 người, gồm cán bộ là 11 người, công chức là 08 người. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ có 01 người, chiếm 5,30%; đại học có 18 người, chiếm 94,7%.

- Trình độ chính trị: Cao cấp có 01 người, chiếm 5,30%; trung cấp có 15 người, chiếm 78,5%; sơ cấp có 03 người, chiếm 15,78%.

#### b) Đại biểu Hội đồng nhân dân

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã có 25 người, trong đó:

- Trình độ chuyên môn: Đại học có 12 người, chiếm 48%; trung cấp có 01 người, chiếm 4%.

- Trình độ chính trị: Trung cấp có 14 người, chiếm 56%; sơ cấp có 02 người, chiếm 08%.

#### c) Tổng số người hoạt động không chuyên trách 09 thôn là 30 người.

### **10. Hiện trạng hệ thống hạ tầng đô thị**

#### **10.1. Hiện trạng hệ thống hạ tầng xã hội**

##### a) Hiện trạng hệ thống công trình hành chính

Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND nằm tại thôn Phó Biễn, gồm 1 nhà làm việc 3 tầng với 14 phòng và 1 hội trường 50 chỗ ngồi; diện tích, quy mô khu đất là 5.300 m<sup>2</sup>.

b) Hiện trạng hạ tầng y tế

Trên địa bàn xã Biễn Động có 01 trạm y tế xã tại thôn Phó Biễn, được xây dựng năm 2015 với tổng diện tích 0,31 ha.

c) Hiện trạng hạ tầng giáo dục và đào tạo

Địa bàn xã Biễn Động có 01 Trường Mầm non với 5 điểm trường; 01 Trường Tiểu học Biễn động với 3 điểm trường và 01 Trường Trung học cơ sở.

Trường Mầm non Biễn Động, có 05 điểm Trường đặt tại thôn Biễn Dưới, Đồng Man, Thùng Thành, Khuyên Quéo và Ba Lều, tổng diện tích 6.096 m<sup>2</sup>, với 17 phòng học, 01 phòng chức năng, đạt chuẩn quốc gia. Trường Tiểu học Biễn Động có 03 điểm trường đặt tại thôn Biễn Giữa, Khuyên Quéo và Thùng Thành với tổng diện tích 13.829m<sup>2</sup>, 22 phòng học, 08 phòng chức năng, 4.000m<sup>2</sup> sân chơi và đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 năm 2016. Trường THCS Biễn Động đặt tại thôn Biễn Giữa có diện tích 10.373 m<sup>2</sup>, với 14 phòng học, 16 phòng chức năng, 6.000m<sup>2</sup> sân chơi.

d) Hiện trạng hạ tầng văn hoá - thể thao

Địa bàn xã có 01 nhà văn hóa, diện tích 600 m<sup>2</sup>, đã được tu sửa mới theo đúng tiêu chuẩn với hội trường 180 chỗ ngồi; 01 sân vận động, diện tích khoảng 6.571 m<sup>2</sup> được xây dựng đạt tiêu chuẩn, có hệ thống tường rào bao quanh sân bóng đá, hệ thống cây xanh, khu vui chơi giải trí đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Ngoài ra, các thôn trên địa bàn đều có các điểm, khu vui chơi phục vụ các hoạt động văn hóa văn nghệ thể dục thể thao; 9/9 thôn đều có nhà văn hóa thôn đạt chuẩn theo quy định.

đ) Hiện trạng công trình thương mại

Các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ trên địa bàn xã hoạt động hiệu quả; các điểm mua bán trao đổi hàng hóa phân bố ở các thôn đều đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn giao thông và trật tự công cộng. Số hộ kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn xã khoảng 350 hộ, tăng 140 hộ so với năm 2015;

Xã có 01 chợ hạng 3, đạt chuẩn theo quy định với diện tích 7.260 m<sup>2</sup>, trên 180 chỗ ngồi; 03 cây xăng cung cấp xăng dầu, đảm bảo nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.

e) Hiện trạng nhà ở

Nhà ở được hình thành theo từng điểm, phân bố tại 9 thôn, không gian sử dụng hình thành từ nhu cầu sinh hoạt, sản xuất từ lâu đời. Các công trình giảm dần (độ tiện nghi, tầng cao, mật độ) từ đường Quốc lộ, liên xã vào trong. Hình thức kiến trúc theo dạng nhà ở nông thôn (đối với các công trình cũ), theo dạng nhà ở đô thị (đối với các công trình xây mới). Các công trình bám dọc đường Quốc lộ, liên xã là các dạng nhà ở kết hợp thương mại, dịch vụ (chủ yếu là kinh

doanh thương mại, dịch vụ nhỏ lẻ). Địa bàn xã Biền Động hiện có 2.049 hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ xây dựng, không có nhà tạm, nhà dột nát; diện tích sàn nhà ở bình quân trên địa bàn xã đạt 20 m<sup>2</sup>/người.

## **10.2. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật**

a) Giao thông:

### **❖ Giao thông đối ngoại**

- Quốc lộ 31 đi qua địa bàn xã theo hướng Đông Bắc - Tây Nam, là tuyến giao thông đối ngoại quan trọng của xã cũng như của huyện Lục Ngạn mới, chiều dài qua xã khoảng 4,2 km từ thôn Thùng Thành đến thôn Ba Lều, mặt cắt 35 m (mặt đường rộng 7m, lề đường mỗi bên 13 - 15m).

- Đường huyện tuyến từ Tân Hoa - Kim Sơn - Biền Động - Đèo Gia, tổng chiều dài khoảng 22,05 km, quy mô đường cấp IV, nền đường rộng 6,5m, hiện đang thi công xây dựng.

- Đường liên xã có 02 tuyến với tổng chiều dài khoảng 4,9 km, đã được cứng hóa toàn bộ, gồm:

- Đường ngã ba Ô Lấp đi Kim Sơn, đoạn đi qua dài khoảng 2,7 km đã được cứng hóa, với mặt cắt ngang rộng từ 4-6 m.

- Đường cây xăng đi Phú Nhuận, chiều dài khoảng 2,2 km đã được cứng hóa, nền đường rộng 7,5m, với mặt cắt ngang rộng từ 4-6 m.

### **❖ Giao thông đối nội**

- Đường trục xã gồm 7 tuyến với tổng chiều dài khoảng 10,38 km, đã được cứng hóa toàn bộ, nền đường 4,5-6 m, mặt rộng từ 3-5 m.

- Mạng lưới đường liên thôn, trục thôn đã được bổ sung nhiều tuyến, được bê tông hoá, chiều dài 59,58 km, gồm:

+ Đường trục liên thôn có 6 tuyến với tổng chiều dài khoảng 4,57 km, mặt cắt ngang 4 đến 6 m, đã bê tông hóa toàn bộ.

+ Đường trục thôn có 66 tuyến với tổng chiều dài khoảng 21,78 km, mặt cắt ngang 4 đến 6 m, đã bê tông 93,8%.

+ Đường ngõ xóm có tổng chiều dài khoảng 20 km, mặt cắt ngang 2,5 đến 4,5 m, đã bê tông hóa 85,95%.

+ Đường nội đồng có 38 tuyến với tổng chiều dài khoảng 13,23 km, mặt cắt ngang 2 đến 4,5m, đã bê tông hóa 40,41%.

Bến xe, hiện trên địa bàn xã Biền Động chưa có bến xe, bãi đỗ xe.

Như vậy, hệ thống giao thông đối ngoại (Quốc lộ 31) đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối xã Biền Động với các đô thị lân cận (thành phố Bắc Giang, huyện Sơn Động, thị xã Chũ); lưu lượng các phương tiện tham gia giao thông rất lớn, nhất là vào mùa thu hoạch vải thiều, cam, bưởi.

b) Hiện trạng công trình thủy lợi và công trình phòng tránh thiên tai

Địa bàn xã có 12 hồ đập, đập dâng (Đông Man, Hồ Sen, Biển Dưới, Bé Ngần, Trúc Bạch, Ao Chiêng,...) phục vụ tưới nước cho sản xuất của các thôn; số kênh mương xã quản lý 10,87 km, đã cứng hóa được 6,2 km, đạt 67,4%.

c) Hiện trạng thoát nước

- Thoát nước mưa:

Có 2 lưu vực tiêu thoát nước mưa chính: Lưu vực 1, khu vực phía Bắc xã thoát ra sông Thảo; lưu vực 2, khu vực phía Nam xã thoát ra suối, khe tự thủy nhỏ rồi thoát về sông Lục Nam ở phía Nam.

Khu trung tâm xã được đầu tư hệ thống thoát chung chạy dọc Quốc lộ 31 và các tuyến đường khu dân cư hiện trạng với chiều dài khoảng 14 km mương nắp đan và mương hở; là hệ thống thoát chung nên vệ sinh môi trường được đảm bảo.

Khu vực dân cư không tập trung hầu như chưa được đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước; nước mặt chủ yếu thoát theo địa hình tự nhiên ra sông, suối, kênh tiêu hoặc tự thấm.

d) Hiện trạng cấp nước

Hiện trên địa bàn xã Biển Động chưa được đầu tư hệ thống cấp nước sạch tập trung, đa số dân ở xã Biển Động hiện đang sử dụng nước hợp vệ sinh. Theo số liệu thống kê từ bộ chỉ số đánh giá nước sạch, nước hợp vệ sinh môi trường nông thôn thì toàn xã có 2.095 hộ được cấp nước từ các công trình nhỏ lẻ hợp vệ sinh (1.960 giếng khoan, 135 giếng đào), đạt tỷ lệ 100% và số hộ sử dụng nước hợp vệ sinh (có máy lọc nước) 2.045 hộ, chiếm tỷ lệ 97%.

đ) Hiện trạng cấp điện

- Nguồn điện:

Hiện trên địa bàn xã Biển Động nhận điện từ trạm 110kV Lục Ngạn với công suất 2x40 MVA, điện áp 110/35/22 kV.

- Lưới điện:

Lưới trung áp: Xã Biển Động vận hành ở cấp điện áp 22 kV và có 13,8 km đường dây 22 kV; trên địa bàn xã Biển Động đang sử dụng 16 trạm biến áp lưới 22/0,4 kV chủ yếu là trạm treo trên cột và trạm xây.

Lưới hạ thế và chiếu sáng: Địa bàn xã Biển Động lưới hạ áp vận hành ổn định ở một số khu vực; chủ yếu sử dụng dây dẫn AC, ABC, AXLPE 70, 50, 35.

- Lưới chiếu sáng đèn đường đã được xây dựng trong khu vực trung tâm và một số tuyến đường chính. Hình thức chiếu sáng chủ yếu là cột đèn độc lập, sử dụng bóng Natri cao áp với công suất từ 220V-150W đến 220V- 400W; lưới điện chiếu sáng cho các khu dân cư xa trung tâm chưa được đầu tư.

e) Hiện trạng hệ thống thông tin liên lạc

- Mạng viễn thông:

**Mạng chuyên mạch:** Hiện tại trên địa bàn xã có 2 doanh nghiệp tham gia cung cấp dịch vụ điện thoại cố định là viễn thông Bắc Giang (cung cấp dịch vụ điện thoại cố định hữu tuyến và vô tuyến) và viễn thông Quân đội (cung cấp dịch vụ điện thoại cố định hữu tuyến và vô tuyến). Mạng chuyên mạch tại Bắc Giang hầu hết sử dụng hệ thống tổng đài chuyên mạch kênh (TDM) làm nhiệm vụ chuyển mạch cho lưu lượng thoại nội hạt. Công nghệ chuyên mạch hiện tại vẫn đáp ứng tốt cho các dịch vụ thoại.

**Mạng truyền dẫn:** Địa bàn xã có các tuyến cáp quang của VNPT, Viettel toàn bộ là cáp quang sử dụng công nghệ SDH và PDH.

- Mạng ngoại vi:

Mạng ngoại vi (công, bề cáp điện thoại và internet) trên địa bàn xã trong những năm qua đã được các doanh nghiệp đặc biệt quan tâm đầu tư, đáp ứng cơ bản nhu cầu lắp đặt điện thoại của nhân dân và chính quyền địa phương. Để nâng cao chất lượng, rút ngắn cự ly phục vụ của mạng ngoại vi các doanh nghiệp đã mở rộng các trạm chuyên mạch, các điểm tập chung thuê bao, bán kính phục vụ bình quân của các trạm đã giảm đáng kể.

- Mạng di động:

Trên địa bàn xã hiện tại có 3 doanh nghiệp cung cấp chính dịch vụ điện thoại di động, gồm: Mạng Vinaphone (công nghệ GSM), trạm thu phát sóng di động chủ yếu được lắp đặt, sử dụng chung cơ sở hạ tầng và được quản lý chung với các trạm viễn thông của viễn thông Bắc Giang; mạng Mobiphone (công nghệ GSM) và mạng Viettel Mobile (công nghệ GSM), trạm thu phát sóng di động chủ yếu lắp đặt tại các cơ quan, nhà dân trên địa bàn xã.

- Dịch vụ viễn thông, Internet:

Tại xã hiện có viễn thông Bắc Giang và viễn thông Quân đội cung cấp dịch vụ internet; mạng Internet tốc độ cao ADSL đã triển khai cung cấp dịch vụ toàn xã.

- Mạng Bưu chính:

Mạng bưu chính tại huyện Lục Ngạn đã phát triển rộng khắp nên 100% số thôn trong xã đều có điểm phục vụ, nhu cầu về dịch vụ bưu chính của người dân trên địa bàn đã được đáp ứng tương đối đầy đủ.

- Dịch vụ:

Bưu điện xã cung cấp các dịch vụ bưu chính như dịch vụ cơ bản, dịch vụ cộng thêm, dịch vụ EMS, dịch vụ chuyển tiền, dịch vụ tiết kiệm bưu điện,...

g) Hiện trạng thoát nước thải, quản lý chất rắn và nghĩa trang:

- Thoát nước thải:

Hệ thống thoát nước thải là hệ thống chung với hệ thống thoát nước mưa; phần lớn nước thải đã được xử lý cục bộ bằng bể tự hoại trong từng công trình.

- Quản lý CTR:

Địa bàn chưa có bãi xử lý chất thải rắn (rác) tập trung; điểm tập kết, trung chuyển rác thải cấp xã đang được tiến hành xây dựng xong khoảng 80%.

Điểm tập kết rác thải cấp thôn có 04 điểm; chất thải rắn sinh hoạt đã được hợp tác xã vệ sinh môi trường Biên Động thu gom và xử lý.

- Quản lý nghĩa trang:

Hiện nay trên địa bàn xã chưa có nhà tang lễ và nghĩa trang tập trung của xã, mà chủ yếu là các nghĩa trang phân tán theo từng thôn, với tổng diện tích khoảng 4 ha.

### **III. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA XÃ PHÌ ĐIỀN (KHU VỰC DỰ KIẾN THÀNH LẬP THỊ TRẤN PHÌ ĐIỀN)**

#### **1. Lịch sử hình thành**

##### **a) Lịch sử xã Phì Điền**

Năm 1946 xã được thành lập lúc đó là xã Mai Điền.

Tháng 9/1949 chi bộ xã Mai Điền được thành lập.

Tháng 10/1949 chi bộ xã Mai Điền đã chính thức đi vào hoạt động dưới sự chỉ đạo của cấp trên.

Ngày 01/10/1950 xã Mai Điền được cấp trên nhất trí cho đổi tên là xã Phú Thịnh thuộc huyện Lục Ngạn tỉnh Bắc Giang

Tháng 4/1971 sau nhiều lần đổi qua các tên Mai Điền, Phú Thịnh thì xã chính thức đổi và sử dụng tên Phì Điền cho đến nay.

##### **b) Vị trí địa lý, địa giới hành chính**

- Vị trí địa lý:

Xã Phì Điền nằm ở phía Đông huyện Lục Ngạn, có vị trí quan trọng trong chiến lược xây dựng, bảo vệ vùng phía Đông của vùng liên huyện trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền cách mạng, trong kháng chiến thực dân Pháp, chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của giặc Mỹ, trong bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Ngày nay trong thời kỳ đổi mới và hội nhập, Phì Điền là đầu mối cho các xã giáp ranh mở rộng mối giao lưu thông thương kinh tế với các vùng trong khu vực trong và ngoài nước.

- Địa giới hành chính:

+ Phía Bắc giáp xã Tân Hoa và Giáp Sơn;

+ Phía Tây giáp xã Tân Quang và Giáp Sơn;

+ Phía Đông giáp xã Tân Hoa;

+ Phía Nam giáp xã Tân Quang và xã Đông Cốc.

#### **2. Diện tích tự nhiên và cơ cấu sử dụng đất**

##### **a) Diện tích tự nhiên:**

Xã Phì Điền có 7,29 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, bằng 728,58 ha; trong đó: Đất nông nghiệp là 587,91 ha; đất phi nông nghiệp là 140,67 ha; đất chưa sử dụng là 0 ha.

b) Cơ cấu sử dụng đất:

Đất nông nghiệp là 587,91 ha, gồm:

- + Đất trồng lúa là 30,76 ha;
- + Đất trồng cây hàng năm là 2,06 ha;
- + Đất trồng cây lâu năm là 427,70 ha;
- + Đất rừng sản xuất là 125,17 ha ;
- + Đất nuôi trồng thủy sản là 2,22 ha;
- + Đất nông nghiệp khác là 0 ha.

Đất phi nông nghiệp là 140,67 ha, gồm:

- + Đất phát triển hạ tầng là 33,83 ha ;
- + Đất ở nông thôn là 98,41 ha ;
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan là 0,20 ha ;
- + Đất sông ngòi, kênh rạch là 4,87 ha ;
- + Đất mặt nước chuyên dùng là 3,36 ha.

Đất chưa sử dụng là 0 ha.

### **3. Dân số, lao động**

a) Dân số

Xã Phì Điền có 1.222 hộ, 5.670 người, gồm dân số thường trú là 5.620 người, dân số tạm trú là 18 người; tỷ lệ tăng dân số là 0,4% (trung bình 3 năm 2020-2022 là 0,4%); mật độ dân số là 773,39 người/km<sup>2</sup>.

b) Lao động

Xã Phì Điền có 3.557 lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế trên địa bàn. Trong đó, lao động phi nông nghiệp là 2.455 người, chiếm tỷ lệ 69,02%; lao động nông nghiệp là 1.102 người, chiếm tỷ lệ 30,98%.

Xã Phì Điền có 04 thôn, gồm: Thôn Mai Tô, Thôn Chay, Thôn Phì, Thôn Cầu Chét.

### **4. Hiện trạng phát triển kinh tế**

a) Về phát triển kinh tế

Giá trị sản xuất trên địa bàn xã năm 2022 đạt 170 tỷ đồng. Trong đó: Giá trị sản xuất ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đạt 22 tỷ đồng; thương mại - dịch vụ đạt 78 tỷ đồng và nông - lâm nghiệp - thủy sản đạt 70 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm đạt 17,5%; trong đó, thương mại -



dịch vụ tăng trưởng khá, bình quân đạt 20%/năm; tiểu thủ công nghiệp, các ngành nghề địa phương tăng 18%/năm; nông - lâm nghiệp tăng 14%/năm.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng tỷ trọng tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn, xây dựng và thương mại, dịch vụ. Cơ cấu kinh tế của thị trấn năm 2022, gồm: Giá trị sản xuất ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chiếm 12,94%; thương mại - dịch vụ chiếm 41,18% và nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 45,88%.

b) Kết quả đạt được trên các ngành, lĩnh vực

- Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và thương mại - dịch vụ:

Các hoạt động sản xuất tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề địa phương ngày càng phát triển, chiếm 12,93% cơ cấu kinh tế, số lao động tham gia trong lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp và các ngành nghề ngày càng tăng. Các sản phẩm như: may mặc, đồ mộc dân dụng, gạch ép xi măng,... là sản phẩm chủ yếu của địa phương. Hiện nay, trên địa bàn xã có 02 hợp tác xã, các xưởng sản xuất đá cây, cơ sở sản xuất cây giống, gạch không nung đang hoạt động và làm ăn hiệu quả, giải quyết việc làm tại chỗ cho nhiều lao động, công nhân đều thu nhập bình quân từ 07 đến 09 triệu đồng/lao động/tháng.

Thương mại, dịch vụ tiếp tục phát triển, hàng hóa ngày càng đa dạng, đáp ứng tốt hơn nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân, một số ngành dịch vụ thương mại phát triển tốt như: dịch vụ trong các khâu nông nghiệp, vận tải, kinh doanh tổng hợp, ăn uống, văn hóa văn nghệ, thu mua sản phẩm nông nghiệp,... Năm 2022, xã có tổng số 71 hộ có ô tô kinh doanh vận tải, 9 điểm kinh doanh cây giống, 20 hộ kinh doanh dịch vụ ăn uống và ca nhạc, 65 điểm thu mua vải thiều cho nhân dân trong vùng,... hệ thống chợ được cải tạo, nâng cấp, chuyển đổi mô hình quản lý tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển thương mại dịch vụ cho nhân dân. Các loại hình dịch vụ phụ trợ như: dịch vụ đóng gói, xuất khẩu hàng nông sản; dịch vụ đá, xốp, vận tải được khuyến khích phát triển. Năm 2022, tổng giá trị sản xuất tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ đạt 100 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch. Hoạt động xúc tiến thương mại được đẩy mạnh, cuộc vận động người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam thu hút đông đảo người dân tham gia.

- Sản xuất nông nghiệp:

Cấp ủy đảng, chính quyền tập trung chỉ đạo thực hiện các chính sách về nông nghiệp, nông dân và nông thôn; chú trọng mở rộng diện tích cây ăn quả, phát triển những cây trồng chủ lực của địa phương như: vải thiều, táo, cam, bưởi theo hướng đa dạng, nâng cao chất lượng, giá trị và hiệu quả. Phát triển đàn vật nuôi, đặc biệt là một số đàn vật nuôi phù hợp với địa phương như đàn lợn, đàn gia cầm, đàn ong, nhưng do tình hình giá thức ăn tăng, thị trường giá cả không ổn định, dịch bệnh xảy ra, đã ảnh hưởng đến tâm lý mở rộng phát triển chăn nuôi của người dân dẫn đến một số chỉ tiêu phát triển chăn nuôi không đạt kế hoạch đề ra.

Năm 2022, diện tích vải thiều toàn xã là 382 ha, sản lượng đạt 4.000 tấn; cây có múi 40 ha; lương thực có hạt là 25 ha, sản lượng đạt 120 tấn; cây công nghiệp 5 ha, sản lượng đạt 13 tấn. Khuyến khích nhân dân phát triển chăn nuôi; chỉ đạo công tác tái đàn theo lộ trình, không tái đàn ô ạt; tổng đàn lợn trên địa bàn 450 con, đàn gia cầm 42.850 con. Triển khai kế hoạch tháng vệ sinh tiêu độc khử trùng, kết quả đã phun được 30 lít hóa chất tại các điểm dễ phát sinh dịch bệnh và tại các hộ chăn nuôi; tiêm phòng đợt 01, đợt 02 được 3.000 liều vắc xin cúm gia cầm H5N1.

c) Thu, chi ngân sách trên địa bàn

Công tác thu ngân sách trên địa bàn được xã tập trung chỉ đạo quyết liệt, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các ngành có số thu tập trung thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu thu năm 2022. Thu ngân sách nhà nước năm 2022 đạt 4,78 tỷ đồng, trong đó thu ngân sách trên địa bàn 251,26 triệu đồng. Xã đã bám sát Nghị quyết HĐND xã để phân bổ theo dự toán, giao chỉ tiêu chi cho từng ngành và thực hiện chế độ công khai tài chính, đảm bảo các khoản chi đúng, chi đủ và đúng pháp luật; chi ngân sách năm 2022 là 4,15 tỷ đồng.

## 5. Văn hóa - xã hội

a) Giáo dục đào tạo

Công tác giáo dục, đào tạo tiếp tục được cấp ủy, chính quyền quan tâm lãnh, chỉ đạo, quy mô trường lớp, cơ sở vật chất trang thiết bị giáo dục được đầu tư hoàn thiện; chất lượng giáo dục toàn diện, giáo dục mũi nhọn có sự tiến bộ. Tập trung chỉ đạo các trường học thực hiện nghiêm túc nề nếp dạy và học, quản lý tốt sĩ số học sinh, thường xuyên đổi mới và nâng cao phương pháp, chất lượng giáo dục ở các cấp học.

Tổng kết năm học 2021-2022; ở ba cấp học có 04 giáo viên đạt danh hiệu giáo viên giỏi cấp tỉnh; 37 giáo viên đạt danh hiệu giáo viên giỏi cấp huyện, 30 giáo viên đạt danh hiệu giáo viên giỏi cấp trường. Trường THCS có 01 học sinh giỏi cấp tỉnh, 63 học sinh giỏi cấp huyện, 34 học sinh giỏi cấp trường, 176 học sinh khá, tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp lớp 9 đạt 100%, tỷ lệ điểm thi vào lớp 10 bình quân các môn đạt 5,5 điểm, tỷ lệ học sinh lớp 9 thi đỗ vào lớp 10 đạt 80,2%. Trường tiểu học có 16 học sinh đạt giải cấp huyện, 412 học sinh được khen thưởng. Trường mầm non có 294 trẻ đạt bé chăm ngoan học giỏi, 127 trẻ đạt bé ngoan.

Thực hiện nghiêm nề nếp dạy và học, quản lý tốt sĩ số học sinh, thường xuyên đổi mới và nâng cao phương pháp, chất lượng giáo dục ở các cấp học; các trường chủ động về cơ sở vật chất và tổ chức Lễ khai giảng năm học mới.

b) Về y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, kế hoạch hóa gia đình và trẻ em được quan tâm; Trạm y tế xã tiếp tục được đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, đội ngũ y, bác sỹ được tăng cường, hiện nay Trạm y tế xã có 07 cán bộ y bác sỹ (02 bác sỹ; 3 y sỹ, 1 dược sỹ và 1 cán bộ dân số); bốn thôn đều

có cán bộ y tế - dân số kế hoạch hóa gia đình, thường xuyên được củng cố, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ và hoạt động có hiệu quả. Công tác khám chữa bệnh cho nhân dân được thực hiện tốt.

Năm 2022, tổ chức khám và điều trị cho 960 lượt người, tổ chức tiêm chủng cho trẻ dưới 01 tuổi. Đẩy mạnh hoạt động dân số - kế hoạch hóa gia đình, tăng cường tuyên truyền sử dụng các biện pháp tránh thai nhằm giảm tỷ lệ gia tăng dân số; mức giảm tỷ lệ sinh là 0,05%, tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên là 0,4%, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng là 11,5%.

#### c) Về văn hóa, thông tin, thể thao

Phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao quần chúng phát triển rộng khắp, 04 thôn đều có các câu lạc bộ văn nghệ, thể dục thể thao hoạt động thường xuyên; phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” đạt kết quả tích cực; số hộ gia đình văn hóa, làng và cơ quan văn hóa hàng năm đều đạt 80% trở lên. Việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và thực hiện quy chế văn hóa công sở có tiến bộ, một số phong tục lạc hậu đã dần được loại bỏ như: không hút thuốc lá trong đám cưới và nơi công cộng; trong đám tang không đi lùi đón lễ, không để quá thời gian quy định,... Hệ thống truyền thanh của xã và các thôn tiếp tục được đầu tư, nâng cấp; thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, nhà nước.

Năm 2022, treo 40 băng rôn, khẩu hiệu tuyên truyền; tiếp sóng và phát 35 tin bài tuyên truyền về phòng chống Covid-19, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh chính trị - quốc phòng quân sự địa phương.

Đẩy mạnh các hoạt động văn hóa - văn nghệ và phong trào thể dục, thể thao ở các thôn; tổ chức thành công Đại hội thể dục thể thao xã lần thứ IX; tiến hành bình xét các danh hiệu văn hóa năm 2022.

#### d) Chính sách xã hội, giảm nghèo

Thường xuyên quan tâm thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; các chế độ, chính sách đối với người có công, hộ nghèo, cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người dân tộc thiểu số được triển khai kịp thời, hiệu quả, góp phần bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn.

Năm 2022, tổ chức thăm hỏi, tặng 98 suất quà trị giá 85 triệu đồng cho các đối tượng chính sách xã hội, người có công, các đối tượng là hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, gia đình gặp hoạn nạn,... trong dịp Tết Nguyên đán. Xét duyệt và đề nghị chi trả chế độ cho 09 hồ sơ người khuyết tật, 02 hồ sơ người nuôi dưỡng, 01 hồ sơ đơn thân nuôi con nhỏ, 05 hồ sơ mai táng phí. Xây mới 04 nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo với tổng số tiền vận động là 170 triệu đồng; sửa chữa 03 nhà đại đoàn kết trị giá 30 triệu đồng, vận động tặng 04 suất quà cho hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trị giá 02 triệu đồng.

Triển khai rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, kết quả năm 2022 toàn xã còn 29 hộ nghèo, chiếm 2,47%; tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3 năm 2020-2022 là 2,66% (năm 2020 là 2,32%; năm 2021 là 3,2%; năm 2022 là 2,47%).

e) Quốc phòng, an ninh

- Quân sự, quốc phòng

Thực hiện kịp thời, đầy đủ các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên về nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương; quan tâm bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho các đối tượng, tập trung xây dựng lực lượng dự bị động viên và dân quân vững mạnh, thực hiện tốt nhiệm vụ huấn luyện, diễn tập, động viên; thường xuyên kiện toàn đầy đủ quân số theo biên chế lực lượng dân quân nòng cốt và lực lượng dân quân rộng rãi đảm bảo yêu cầu huấn luyện và chiến đấu; hàng năm hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ diễn tập quân binh chủng tại xã Kim Sơn do quân khu tổ chức.

Năm 2022, xã hoàn thành 100% chỉ tiêu giao quân; đăng ký công dân thực hiện nghĩa vụ quân sự lần đầu (tuổi 17) đối với 35 công dân; huấn luyện dân quân năm 2022 đối với 4 lực lượng với tổng số 58 dân quân tham gia huấn luyện; tổ chức bắn đạn thật, kết quả đạt khá; có 02 công dân có đơn tình nguyện lên đường nhập ngũ; có 14 công dân đủ điều kiện nhập ngũ năm 2023.

- An ninh trật tự

Làm tốt công tác bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, đấu tranh làm thất bại âm mưu “*diễn biến hòa bình*”, “*bạo loạn lật đổ*” của các thế lực phản động; tập trung làm tốt công tác bảo đảm an ninh trật tự, phòng ngừa đấu tranh với các loại tội phạm và tệ nạn xã hội, triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trên địa bàn. Năm 2022, trên địa bàn xã xảy ra 06 vụ việc các loại, trong đó trộm cắp 03 vụ, đánh nhau gây thương tích 03 vụ. Tệ nạn cờ bạc vẫn còn hiện tượng đánh bạc nhỏ lẻ; tội phạm và tệ nạn ma túy có 15 đối tượng nghiện ma túy. Tình hình tai nạn và va chạm giao thông xảy ra 01 vụ làm 01 người chết, hư hỏng 01 xe máy.

## **6. Hệ thống chính trị xã Phì Điền**

a) Cán bộ, công chức xã

Tổng số cán bộ, công chức là 18 người, gồm cán bộ là 11 người, công chức là 07 người. Trong đó: Trình độ chuyên môn đại học có 18 người, đạt 100%. Trình độ chính trị: Cao cấp có 01 người, chiếm 5,56%; trung cấp có 15 người, chiếm 83,33%; sơ cấp có 02 người, chiếm 11,11%.

b) Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã có 21 người. Trong đó: Trình độ chuyên môn: Đại học có 13 người, chiếm 61,9%; cao đẳng có 01 người, chiếm 4,8%. Trình độ chính trị: Cao cấp có 01 người, chiếm 5,30%; trung cấp có 10 người, chiếm 47,62%; sơ cấp có 03 người, chiếm 14,3%.

c) Tổng số người hoạt động không chuyên trách 04 thôn là 11 người.

## 7. Hiện trạng phát triển hệ thống hạ tầng đô thị Phì Điền

### a) Hiện trạng hạ tầng xã hội

Nhà ở trên địa bàn xã Phì Điền chủ yếu là dạng nhà ở nông thôn, loại nhà cấp 4 với chiều cao từ 1-3 tầng. Hầu hết là nhà ở kiên cố mái bằng hoặc mái dốc lợp tôn, nhưng các công trình nhà ở được xây dựng chưa có quy hoạch cụ thể về nhà ở nông thôn, cảnh quan kiến trúc chưa được quan tâm.

Trên địa bàn xã Phì Điền có nhiều công trình hạ tầng xã hội như: Nhà văn hóa, chợ Mai Sơn, Trường mầm non Phì Điền, Trường tiểu học Phì Điền, Trường trung học cơ sở Phì Điền, Trạm y tế Phì Điền và bưu điện Phì Điền. Các công trình này được xây dựng với quy mô nhỏ, hình thức kiến trúc khá, tầng cao 1-2 tầng.

Trụ sở cơ quan có UBND xã Phì Điền và các phòng chức năng với quy mô diện tích khoảng 0,42 ha; cơ sở vật chất khá đầy đủ, đáp ứng được nhu cầu làm việc và phục vụ nhân dân.

### b) Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật

#### - Hiện trạng giao thông

Giao thông đối ngoại có Quốc lộ 31 chạy qua trên địa bàn xã Phì Điền với chiều dài đoạn khoảng 5,6 km; quy mô đường cấp IV với 2 làn xe cơ giới, mặt đường bê tông nhựa. Quốc lộ 279 chạy phía Đông của xã Phì Điền kết nối với tỉnh Lạng Sơn và tỉnh Quảng Ninh; quy mô đường cấp 4 với 2 làn xe cơ giới, mặt đường bê tông nhựa.

Đường huyện đoạn chạy trên địa bàn xã Phì Điền với chiều dài đoạn khoảng 2 km; bề rộng nền đường 6 đến 8m, mặt đường bê tông nhựa chất lượng tốt. Giao thông trong khu vực trung tâm có hệ thống đường giao thông nông thôn phục vụ nhu cầu đi lại và sản xuất nông nghiệp, bề rộng nền đường 2 đến 9 m, mặt đường đã cơ bản được bê tông hóa; chưa có hệ thống bãi đỗ xe tập trung, chủ yếu là các điểm đỗ xe tự phát quy mô nhỏ.

#### - Hiện trạng thoát nước mưa:

Trên địa bàn xã Phì Điền chưa có hệ thống thoát nước mưa hoàn chỉnh và chảy riêng với nước thải sinh hoạt. Trong các khu dân cư, nước mặt được tiêu thoát nhờ hệ thống cống rãnh ven đường, chảy ra ruộng, ao, hồ và kênh mương thủy lợi; khu vực đồng ruộng, nước mặt được tiêu thoát nhờ hệ thống kênh mương thủy lợi nội đồng và sự hỗ trợ của các trạm bơm.

Do địa hình xã Phì Điền có nhiều đồi núi nên việc thoát nước hoàn toàn dựa vào điều kiện tự nhiên và độ dốc của địa hình; có 4 lưu vực thoát nước chính, nước mưa thoát ra các kênh, mương thủy lợi về 2 suối chính có hướng thoát Bắc - Nam và Đông - Tây, rồi thoát nước về sông Lục Nam.

#### + Lưu vực thoát nước

Lưu vực số 1 (phía Tây hồ Muối): Nước mưa chảy theo độ dốc nền địa hình tự nhiên xuống các khe tự thủy chảy về suối hiện trạng và mương tưới tiêu

trong khu vực rời thoát nước theo hướng Bắc - Nam thoát qua đường Quốc lộ 31 về sông Lục Nam.

Lưu vực số 2 (khu vực phía Nam và phía Đông Hồ Muối): Nước mưa chảy theo độ dốc nền địa hình tự nhiên xuống các khe tụ thủy chảy về suối hiện trạng và Kênh tưới tiêu (kênh sau Hồ Muối), theo hướng Bắc - Nam thoát qua đường Quốc lộ 31 ra suối Cầu Chét về sông Lục Nam.

Lưu vực số 3 (phía Đông khu vực): Nước mưa thoát xuống các khe tụ thủy chảy về suối hiện trạng, theo hướng Bắc - Nam thoát ra suối Cầu Chét qua đường Quốc lộ 31 về sông Lục Nam.

Lưu vực số 4 (phía Nam Quốc lộ 31): Hệ thống thoát nước mưa được xây dựng mới kết hợp với cống hiện hữu, hướng thoát nước xuống các khe tụ thủy chảy về các suối hiện trạng chảy theo hướng Bắc - Nam thoát ra suối Cầu Chét về sông Lục Nam.

#### - Hiện trạng công trình thủy lợi

Công trình thủy lợi hồ Trại Muối thuộc địa hình miền núi huyện Lục Ngạn, nằm trong khu vực địa hình không đồng đều do có nhiều đồi xen lẫn sông, suối, mật độ dày (bình quân 0,5 km/km<sup>2</sup>); xen kẽ các dãy núi và các đồi thấp là những khu ruộng bậc thang với các khe suối nhỏ, tại đây địa hình có cao độ 50 m đến 60 m nhân dân đang trồng lúa, cây hoa màu và cây ăn quả.

Khu tưới nằm cách tuyến đập chính 1,2 km, khu vực này có nhiều gò đồi độc lập thấp dần từ Bắc đến Nam và từ Đông sang Tây; do mật độ suối tương đối dày nên thuận lợi cho việc tiêu thoát lũ.

Hồ Trại Muối, thuộc thôn Muối (xã Giáp Sơn) hiện tại hoạt động bình thường, hồ làm việc điều tiết hàng năm, phục vụ tưới cho 500 ha đất canh tác.

#### - Hiện trạng cấp nước

Xã Phi Điền nằm hai bên tuyến Quốc lộ 31. Nguồn nước sử dụng cho sinh hoạt chủ yếu là giếng khơi và nước mưa; 100% số hộ dân dùng nước giếng khoan, có xử lý sơ bộ qua hệ thống lọc hộ gia đình, giếng khoan chiều sâu 70m trở lên; 50% số hộ dân dùng bổ sung nước mưa, các bể chứa dung tích khoảng 2 - 3 m<sup>3</sup>.

Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch là 99%; tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh là 96,8%; tỷ lệ chất thải rắn được thu gom là 99,1%; độ che phủ rừng đạt 43,3%.

#### - Hiện trạng cấp điện

Nguồn điện: Xã nằm trong phân vùng phụ tải (vùng 3) bao gồm các huyện Lục Nam, Lục Ngạn, Sơn Động (được xác định trong quy hoạch điện lực tỉnh Bắc Giang).

Hiện tại vùng 3 được cấp điện từ trạm 220 kV - Sơn Động và các trạm 110 kV - Đồi Cốc, Lục Ngạn 1, Lục Ngạn 2, Lục Nam và Sơn Động. Trên địa

bản xã Phì Điền đang được cấp điện trực tiếp từ trạm 110 kV - Lục Ngạn 2x40 MW thông qua lộ 372 chạy dọc theo Quốc lộ 31.

Lưới điện trung thế: Xã đang được cấp nguồn từ lộ 372 chạy dọc theo Quốc lộ 31 với chiều dài cắt qua khoảng 18 km, các tiết diện dây trục chính AC (90-150) mm chục nhánh AC (35-70) mm; 22 trạm biến áp có gam máy từ 100 kVA, 160 kVA, 180 kVA, 250 kVA, 320 kVA, 400 kVA, 630 kVA với tổng công suất 6020 kVA.

Lưới hạ thế và chiếu sáng: Công ty điện lực Bắc Giang đã tiếp nhận lưới điện hạ áp nông thôn từ các xã, đến nay 100% số hộ trong xã được cấp bằng điện lưới Quốc gia; nhìn chung lưới hạ áp đang vận hành khá ổn định.

Lưới điện chiếu sáng tại các trục đường chính, liên huyện, xã và các trục đường thôn xóm nhìn chung đã được đầu tư xây dựng.

- Hiện trạng thông tin liên lạc

Xã Phì Điền nằm trong hệ thống thông tin liên lạc của huyện Lục Ngạn do vậy trong tương lai rất thuận tiện cho việc đầu nối khi đô thị được hình thành; đang được nhận tín hiệu từ tổng đài Lục Ngạn thông qua tuyến cáp quang chạy dọc quốc lộ 31 cấp đến khu vực nghiên cứu;

Hạ tầng mạng viễn thông có độ phủ tương đối tốt, công nghệ hiện đại, đáp ứng được nhu cầu sử dụng của người dân trong thời điểm hiện tại và giai đoạn sắp tới đồng thời có khả năng nâng cấp để cung cấp các dịch vụ mới khi có kế hoạch triển khai.

Hạ tầng cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động phủ sóng tới hầu hết các khu vực trên địa bàn và tỷ lệ sử dụng chung hạ tầng cột ăng ten còn thấp.

- Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

Hiện trạng thoát nước thải: Hệ thống thoát nước thải vẫn chung với hệ thống thoát nước mưa; nước thải sinh hoạt chủ yếu được xử lý bằng bể tự hoại.

Cấu tạo cống chủ yếu là tuyến mương xây đập nắp đan; tại các thôn thuộc chỉ có một vài tuyến cống, mương hở thoát nước bám theo các trục đường giao thông chính ở khu trung tâm; nước thải phần lớn tự thấm hoặc chảy theo địa hình tự nhiên đổ ra sông, suối.

Quản lý chất thải rắn: Xã Phì Điền đã có đơn vị chịu trách nhiệm thu gom và xử lý chất thải rắn, lượng chất thải rắn sinh hoạt được đưa về khu xử lý tập trung của huyện.

Rác thải được vận chuyên về “nhà máy xử lý triệt để rác thải sinh hoạt (không chôn lấp) bằng công nghệ TTD-01” tại thôn Cai Lé, xã Kiên Thành. Đến nay, nhà máy đã xây dựng hoàn thành và đã được cơ quan chức năng của tỉnh kiểm tra nghiệm thu, nhà máy đã đi vào vận hành xử lý rác thải cho các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Lục Ngạn.

Hiện trạng nghĩa trang: Trên địa bàn xã Phì Điền có 5 nghĩa trang tập trung, với diện tích khoảng 8,4 ha, phần lớn nghĩa trang đều phục vụ nhu cầu

mai táng của người dân trên địa bàn các thôn trong xã, trung bình mỗi thôn có 1 nghĩa trang; diện tích trung bình 1,0 ha/1 nghĩa trang, đây là diện tích các nghĩa trang tập trung, chưa kể các khu đất diện tích nhỏ tại các ruộng gia đình tự ý bố trí làm nơi chôn cất.

### **Mục III**

## **ĐÁNH GIÁ CÁC ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN CỦA THỊ XÃ CHŨ; HUYỆN LỤC NGẠN MỚI VÀ CÁC PHƯỜNG, THỊ TRẤN DỰ KIẾN THÀNH LẬP**

### **I. ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP THỊ XÃ CHŨ VÀ CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ CHŨ; THÀNH LẬP HUYỆN LỤC NGẠN MỚI VÀ CÁC THỊ TRẤN THUỘC HUYỆN LỤC NGẠN MỚI**

Việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Lục Ngạn để thành lập thị xã Chũ và huyện Lục Ngạn mới; thành lập các phường thuộc thị xã Chũ, thành lập thị trấn thuộc huyện Lục Ngạn mới bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 128 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, gồm:

1. Phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính, các định hướng quy hoạch và quy hoạch ngành, lĩnh vực có liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt:

a) Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Trong đó dự kiến kế hoạch phân loại thị trấn Chũ mở rộng trở thành đô thị loại IV trực thuộc tỉnh Bắc Giang giai đoạn đến năm 2030.

b) Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, xác định mục tiêu đến năm 2030, Bắc Giang trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại, quy mô GRDP đứng trong nhóm 15 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước và đứng đầu vùng Trung du và miền núi phía Bắc”. Trong đó, Phát triển thị trấn Chũ là trung tâm vùng phía Đông (gồm 3 huyện Lục Nam, Lục Ngạn và Sơn Động) của tỉnh và thị trấn Chũ mở rộng trở thành đô thị loại IV;

c) Quyết định số 442/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Chũ đến năm 2045 đã xác định mục tiêu: “Phân đầu đến năm 2025 xây dựng đô thị Chũ đủ điều kiện trở thành thị xã. Đến năm 2045 đạt tiêu chí của đô thị loại III và là thành phố thuộc tỉnh Bắc Giang với tỷ lệ đô thị hóa khoảng 50-70%”.

d) Quyết định số 1038/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Lục Ngạn đã xác định huyện Lục Ngạn mới là một trong những vùng nguyên liệu nông - lâm sản chất lượng cao (đặc biệt là cây ăn quả, rừng sản xuất...), phát



triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, lâm nghiệp theo hướng hiện đại, hiệu quả...; một trong những trung tâm du lịch, dịch vụ du lịch sinh thái, văn hóa, lễ hội vùng phía Đông của tỉnh; là vùng phát triển công nghiệp (quy mô vừa và nhỏ), tiêu thủ công nghiệp với các ngành nghề chủ đạo và thế mạnh của huyện (sản phẩm nông lâm nghiệp, vật liệu xây dựng, dệt may, tiêu dùng...; là vùng phát triển kinh tế - xã hội gắn kết chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng, an ninh, bảo tồn, phát huy truyền thống, bản sắc văn hóa các dân tộc.

đ) Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 16/5/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt quy hoạch chung đô thị Biên Động, huyện Lục Ngạn đến năm 2035. Theo đó, thị trấn Biên Động là đô thị loại V, trên trục đô thị hóa phát triển theo hướng Đông - Tây (Quốc lộ 31) tỉnh Bắc Giang; Là trung tâm tiểu vùng phía Đông Bắc huyện Lục Ngạn. Là đô thị vệ tinh, chuyên ngành, phát triển thương mại dịch vụ, đầu mối, công nghiệp, du lịch sinh thái, cộng đồng gắn với nông nghiệp công nghệ cao và văn hóa bản địa.

e) Quyết định số 952/QĐ-UBND ngày 21/9/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị Phì Điền, huyện Lục Ngạn đến năm 2040. Theo đó, thị trấn Phì Điền là trung tâm hành chính mới của huyện Lục Ngạn, khu vực phát triển đô thị sinh thái, gắn với thương mại, dịch vụ, tiêu thủ công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao.

2. Bảo đảm lợi ích chung của Quốc gia, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền địa phương các cấp; phát huy tiềm năng, lợi thế nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và của từng địa phương.

Do đặc điểm về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên nên kinh tế huyện Lục Ngạn đã hình thành các vùng phát triển mang đặc trưng riêng: Vùng đồi thấp (vùng trung tâm), gồm thị trấn Chũ và các xã: Hồng Giang, Thanh Hải, Trù Hựu, Phượng Sơn, Quý Sơn, Nam Dương, Mỹ An, Kiên Lao, Kiên Thành của huyện Lục Ngạn. Vùng đồi núi cao, gồm 19 xã còn lại của huyện Lục Ngạn; vùng này có địa hình chia cắt mạnh, độ dốc lớn. Việc thành lập thị xã Chũ và huyện Lục Ngạn mới sẽ chuyển trung tâm hành chính của huyện về thị trấn Phì Điền sẽ là điều kiện thuận lợi cho chính quyền địa phương trong việc chăm lo, phát triển kinh tế - xã hội vùng khó khăn của huyện; rút ngắn khoảng cách đi lại của người dân khi thực hiện các thủ tục hành chính. Đồng thời, thị xã Chũ được thành lập sẽ khai thác tiềm năng, lợi thế đặc trưng của đô thị Chũ với các địa phương khác trong tỉnh cũng như vùng phụ cận. Huy động được hiệu quả các nguồn lực xã hội (trong và ngoài tỉnh) để phát triển nhanh, bền vững; xây dựng được không gian phát triển hợp lý, xác định các khu vực động lực tăng trưởng kinh tế; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng có trọng tâm, trọng điểm, từng bước hiện đại, đảm bảo tính kết nối; phát huy và giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc.

3. Bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội:

Lục Ngạn là địa bàn chiến lược trọng yếu, có vị trí quan trọng cả về chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của tỉnh Bắc Giang. Tuy nhiên, do điều kiện địa lý tự nhiên đa số là rừng núi hiểm trở, sông, suối chia

cất, lại là nơi cơ sở hạ tầng phát triển không đồng đều giữa vùng đồi thấp (vùng trung tâm) và vùng núi cao; có số đông đồng bào các dân tộc thiểu số sinh sống, nên kinh tế, trình độ dân trí có sự chênh lệch lớn; đời sống đồng bào các dân tộc còn nhiều khó khăn, tỷ lệ đói nghèo cao... nên đây là địa bàn để các thế lực thù địch lợi dụng đẩy mạnh chống phá, gây mất ổn định về quốc phòng, an ninh và chính sách đối ngoại của địa phương. Do vậy, việc điều chỉnh địa giới hành chính, thành lập đơn vị hành chính mới có quy mô hợp lý góp phần củng cố, tăng cường hơn nữa công tác quốc phòng, an ninh trên địa bàn; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, địa phương đối với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, kết hợp với củng cố quốc phòng - an ninh vùng phía Đông Bắc của tỉnh Bắc Giang.

4. Bảo đảm sự đồng thuận của cử tri và Nhân dân trên địa bàn huyện Lục Ngạn nói chung và các xã, thị trấn nói riêng; việc điều chỉnh địa giới hành chính tuy có làm xáo trộn cuộc sống của người dân trong thời gian đầu nhưng với truyền thống đoàn kết dân tộc, lịch sử, văn hóa của địa phương nên đời sống của người dân sẽ sớm ổn định và tiếp tục phát triển trong thời kỳ mới.

5. Đáp ứng các tiêu chuẩn của thành phố thuộc tỉnh theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

## **II. ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP THỊ XÃ CHỦ VÀ THÀNH LẬP PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ CHỦ; THÀNH LẬP HUYỆN LỤC NGẠN MỚI VÀ THÀNH LẬP THỊ TRẤN THUỘC HUYỆN LỤC NGẠN MỚI**

### **1. Tiêu chuẩn thành lập thị xã Chủ**

Căn cứ các tiêu chí, tiêu chuẩn được quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIII về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13; đối chiếu với hiện trạng phát triển của khu vực dự kiến thành lập thị xã Chủ, UBND huyện Lục Ngạn đánh giá các tiêu chuẩn thành lập thị xã cụ thể như sau:

#### **a) Tiêu chuẩn 1: Quy mô dân số**

- Quy định là từ 100.000 người trở lên.

- Hiện trạng: Quy mô dân số của khu vực dự kiến thành lập thị xã Chủ gồm 10 đơn vị hành chính đến 10/08/2023 là 129.709 người (sau khi trừ 637 người của thôn Khuôn Rẻo thuộc xã Thanh Hải về xã Biên Sơn thuộc huyện Lục Ngạn mới quản lý). Trong đó, dân số thường trú là 127.333 người, dân số tạm trú là 12.376 người, gồm: dân số khu vực nội thị là 75.664 người (gồm dân số thường trú là 65.740 người, dân số tạm trú là 9.924 người); dân số khu vực dự

kiến ngoại thị là 54.045 người (gồm dân số thường trú là 51.593 người, dân số tạm trú là 2.452 người).

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn 2: Diện tích tự nhiên

- Quy định là từ 200 km<sup>2</sup> trở lên.

- Hiện trạng:

Diện tích tự nhiên của khu vực dự kiến thành lập thị xã Chũ gồm 10 đơn vị hành chính đến 31/12/2022 là 251,47 km<sup>2</sup> (sau khi trừ 12,05 km<sup>2</sup> của thôn Khuôn Rễo thuộc xã Thanh Hải về xã Biên Sơn thuộc huyện Lục Ngạn mới quản lý). Trong đó: Đất nông nghiệp là 210.02 km<sup>2</sup>; đất phi nông nghiệp là 41.34 km<sup>2</sup>; đất chưa sử dụng là 0,10 km<sup>2</sup>. Diện tích tự nhiên khu vực nội thị dự kiến là 77,76 km<sup>2</sup>; diện tích đất tự nhiên khu vực ngoại thị là 173,13 km<sup>2</sup>.

Đánh giá: Đạt.

c) Tiêu chuẩn 3: Số đơn vị hành chính trực thuộc

- Số đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc

Quy định từ 10 đơn vị trở lên.

Hiện trạng: Thị xã Chũ dự kiến thành lập có 10 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm: Thị trấn Chũ và các xã: Trù Hựu, Thanh Hải, Kiên Lao, Kiên Thành, Hồng Giang, Nam Dương, Phương Sơn, Quý Sơn, Mỹ An.

Đánh giá: Đạt.

- Tỷ lệ số phường trên tổng số đơn vị hành chính cấp xã

Quy định là từ 50% trở lên.

Hiện trạng: Thị xã Chũ dự kiến thành lập có 05 phường/10 đơn vị hành chính cấp xã nằm trong phạm vi khu vực nội thị đã được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại IV và đánh giá đạt tiêu chuẩn về trình độ phát triển hạ tầng để thành lập phường gồm: Chũ, Trù Hựu, Thanh Hải, Phương Sơn và Hồng Giang. Như vậy, tỷ lệ số phường của thị xã Chũ đạt 50%.

Đánh giá: Đạt.

d) Tiêu chuẩn 4: Đã được công nhận là đô thị loại IV

Thị xã Chũ dự kiến thành lập đã được công nhận là đô thị loại IV tại Quyết định số .../QĐ-BXD ngày ... của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Trong đó:

- Phạm vi phân loại đô thị được xác định (đô thị Chũ) gồm 10/29 đơn vị hành chính cấp xã của huyện Lục Ngạn.

- Khu vực dự kiến phát triển nội thị có diện tích tự nhiên là 77,76 km<sup>2</sup>, gồm thị trấn Chũ và các xã: Trù Hựu, Thanh Hải, Phương Sơn và Hồng Giang.

Đánh giá: Đạt.

## đ) Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

- Cân đối thu chi ngân sách

Quy định: Cân đối thu, chi là cân đối đủ

Hiện trạng: Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện Lục Ngạn năm 2022 đạt 1.523,83 tỷ đồng (trong đó các khoản thu ngân sách địa phương được hưởng là 360,59 tỷ đồng; thu bổ sung từ ngân sách cấp trên là 1.039,35 tỷ đồng; thu kết dư là 676 tỷ đồng; thu chuyển nguồn 123,21 tỷ đồng); chi ngân sách địa phương thực hiện là 1.523,83 tỷ đồng (trong đó chi đầu tư phát triển là 374,17 tỷ đồng; chi thường xuyên 1.129,53 tỷ đồng; dự phòng ngân sách là 20,13 tỷ đồng). Cân đối thu, chi: Đủ.

Đánh giá: Đạt.

- Thu nhập bình quân đầu người năm so với cả nước

Quy định: bằng 0,7 lần so với bình quân chung của cả nước.

Hiện trạng: Năm 2022, thu nhập bình quân đầu người của thị xã Chũ dự kiến thành lập đạt 61 triệu đồng/người/năm; thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam năm 2022 khoảng 55 triệu đồng/người/năm. Như vậy, thu nhập bình quân đầu người của thị xã Chũ dự kiến thành lập bằng 1,11 lần so với bình quân chung của cả nước.

Đánh giá: Đạt

- Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất

Quy định: Đạt bình quân của tỉnh Bắc Giang là 12,45% (năm 2020 đạt 13,24%; năm 2021 đạt 7,82%; năm 2022 đạt 19,3%).

Hiện trạng: Tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn trung bình 03 năm 2020 - 2022 là 13,9% (gồm năm 2020 là 16,83%; năm 2021 là 9,81%; năm 2022 là 15,09%).

Đánh giá: Đạt.

- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều trung bình 3 năm gần nhất (năm 2020- 2022)

Quy định: Đạt bình quân của tỉnh Bắc Giang là 4,07% (năm 2020 là 3,14%; năm 2021 là 5,27%; năm 2022 là 3,81%).

Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều trung bình 3 năm (2020 - 2022) của thị xã Chũ dự kiến thành lập là 1,80% (năm 2020 là 1,30%; năm 2021 là 2,16%; năm 2022 là 1,95%). Như vậy, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều trung bình 3 năm gần nhất (2020 - 2022) của thị xã Chũ thấp hơn của tỉnh Bắc Giang.

Đánh giá: Đạt.

- Tỷ trọng công nghiệp xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế

Quy định: Từ 75% trở lên.

Hiện trạng: Cơ cấu kinh tế năm 2022 của thị xã Chũ, gồm: Công nghiệp - xây dựng chiếm 36,65%; nông - lâm nghiệp, thủy sản chiếm 27,28%; thương mại - dịch vụ - du lịch chiếm 36,07%.

Đánh giá: Đạt.

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp nội thị

Quy định: Từ 75% trở lên.

Hiện trạng:

Tổng số lao động đang làm việc ở các ngành kinh tế trên địa bàn là 79.258 người, gồm: Lao động phi nông nghiệp là 57.772 người, chiếm tỷ lệ 72,89%; lao động nông nghiệp là 21.486 người, chiếm tỷ lệ 21,11%. Tổng số lao động đang làm việc ở các ngành kinh tế khu vực nội thị là 44.524 người, gồm: Lao động phi nông nghiệp khu vực nội thị là 35.190 người, chiếm 79,04%; lao động nông nghiệp khu vực nội thị là 8.334 người, chiếm 20,96%.

Đánh giá: Đạt.

**Đánh giá chung:** Thị xã Chũ dự kiến thành lập đạt 5/5 tiêu chuẩn của thị xã trực thuộc tỉnh quy định Điều 6 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

## 2. Về tiêu chuẩn thành lập các phường thuộc thị xã Chũ

a) Tiêu chuẩn thành lập phường Chũ

- Tiêu chuẩn về quy mô dân số

Quy định từ 5.000 người trở lên.

Hiện trạng: Quy mô dân số thị trấn Chũ tính đến 10/08/2023 là 18.276 người, gồm dân số thường trú là 16.151 người, dân số tạm trú là 2.125 người.

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chuẩn 2: Diện tích tự nhiên

Quy định từ 5,5 km<sup>2</sup> trở lên.

Hiện trạng: Thị trấn Chũ có 12,84 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên (bằng 1.284,03 ha). Trong đó đất nông nghiệp là 663,07 ha; đất phi nông nghiệp là 620,93 ha; đất chưa sử dụng là 0,03 ha.

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chuẩn 3: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

+ Tiêu chí 1. Cân đối thu, chi ngân sách:

Quy định cân đối thu đủ chi.

Hiện trạng: Thu ngân sách trên địa bàn thị trấn Chũ năm 2022 đạt 28,37 tỷ đồng, chi ngân sách đạt 20,86 tỷ đồng. Cân đối địa phương.

Đánh giá: Đạt.

+ Tiêu chí 2. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều bình quân 3 năm:

Quy định đạt bình quân 3 năm (2020 - 2022) của thị xã Chũ là 1,91% (năm 2020 là 1,30%; năm 2021 là 2,48%; năm 2022 là 1,96%)

Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều bình quân 3 năm (2020 - 2022) của thị trấn Chũ là 0,67% (năm 2020 là 0,54%; năm 2021 là 0,78%; năm 2022 là 0,68%).

Đánh giá: Đạt.

+ Tiêu chí 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp:

Quy định từ 70% trở lên.

Hiện trạng: Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của thị trấn Chũ là 11.414 người. Trong đó, lao động phi nông nghiệp là 10.261 người, chiếm 89,90%; lao động nông nghiệp là 1.153 người, chiếm 10,1%.

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chuẩn 4: Trình độ phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

Thị trấn Chũ đạt 12/13 tiêu chuẩn yêu cầu đối với khu vực dự kiến thành lập phường theo quy định của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15) tại Quyết định số .../QĐ-BXD ngày ... của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Như vậy, phường Chũ dự kiến thành lập thuộc thị xã Chũ đạt 4/4 tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15).

b) Tiêu chuẩn thành lập phường Hồng Giang

- Tiêu chuẩn về quy mô dân số

Quy định từ 5.000 người trở lên.

Hiện trạng: Quy mô dân số xã Hồng Giang tính đến 10/08/2023 là 12.584 người, gồm dân số thường trú là 10.682 người, dân số tạm trú là 1.902 người.

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chuẩn 2: Diện tích tự nhiên

Quy định từ 5,5 km<sup>2</sup> trở lên.

Hiện trạng: Xã Hồng Giang có 14,50 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên (bằng 1.450,34 ha). Trong đó: Đất nông nghiệp là 1.067,94 ha; đất phi nông nghiệp là 381,93 ha; đất chưa sử dụng là 0,47 ha.

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chuẩn 3: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội:

+ Tiêu chí 1. Cân đối thu, chi ngân sách:

Quy định cân đối thu đủ chi.

Hiện trạng: Thu ngân sách trên địa bàn xã Hồng Giang năm 2022 đạt 10,65 tỷ đồng, chi ngân sách đạt 8,82 tỷ đồng. Cân đối địa phương.

Đánh giá: Đạt.

+ Tiêu chí 2. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều bình quân 3 năm:

Quy định đạt bình quân 3 năm (2020 - 2022) của thị xã Chũ là 1,91% (năm 2020 là 1,30%; năm 2021 là 2,48%; năm 2022 là 1,96%)

Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều bình quân 3 năm (2020 - 2022) của xã Hồng Giang là 1,02% (năm 2020 là 1,03%; năm 2021 là 0,7%; năm 2022 là 1,32%).

Đánh giá: Đạt.

+ Tiêu chí 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp:

Quy định từ 70% trở lên.

Hiện trạng: Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Hồng Giang là 6.826 người. Trong đó, lao động phi nông nghiệp là 4.985 người, chiếm tỷ lệ 73,03%; lao động nông nghiệp là 1.841 người, chiếm tỷ lệ 26,97%.

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chuẩn 4: Trình độ phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

Xã Hồng Giang đạt 12/13 tiêu chuẩn yêu cầu đối với khu vực dự kiến thành lập phường theo quy định của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15) tại Quyết định số .../QĐ-BXD ngày ... của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Đánh giá: Đạt.

Như vậy, phường Hồng Giang dự kiến thành lập thuộc thị xã Chũ đạt 4/4 tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15).

c) Tiêu chuẩn thành lập phường Trù Hựu

- Tiêu chuẩn về quy mô dân số

Quy định từ 5.000 người trở lên.

Hiện trạng: Quy mô dân xã Trù Hựu tính đến 10/08/2023 là 11.930 người, gồm dân số thường trú là 10.071 người, dân số tạm trú là 1.859 người.

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chuẩn 2: Diện tích tự nhiên

Quy định từ 5,5 km<sup>2</sup> trở lên.

Hiện trạng: Xã Trù Hựu có 12,75 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên (bằng 1.275,23 ha) Trong đó: Đất nông nghiệp là 988,41 ha; đất phi nông nghiệp là 286,82 ha; đất chưa sử dụng là 0,01 ha.

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chuẩn 3: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội:

+ Tiêu chí 1. Cân đối thu, chi ngân sách:

Quy định cân đối thu đủ chi.

Hiện trạng: Thu ngân sách trên địa bàn xã Trù Hựu năm 2022 đạt 15,36 tỷ đồng, chi ngân sách đạt 8,70 tỷ đồng. Cân đối địa phương.

Đánh giá: Đạt.

+ Tiêu chí 2. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều bình quân 3 năm:

Quy định đạt bình quân 3 năm (2020 - 2022) của thị xã Chũ là 1,91% (năm 2020 là 1,30%; năm 2021 là 2,48%; năm 2022 là 1,96%)

Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều bình quân 3 năm (2020 - 2022) của xã Trù Hựu là 2,78% (năm 2020 là 0,97%; năm 2021 là 4,31%; năm 2022 là 3,07%).

Đánh giá: Không đạt.

+ Tiêu chí 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp:

Quy định từ 70% trở lên.

Hiện trạng: Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Trù Hựu là 7.794 người. Trong đó, lao động phi nông nghiệp là 6.105 người, chiếm 78,33%; lao động nông nghiệp là 1.689 người, chiếm 21,67%.

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chuẩn 4: Trình độ phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

Xã Trù Hựu đạt 11/13 tiêu chuẩn yêu cầu đối với khu vực dự kiến thành lập phường theo quy định của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15) tại Quyết định số .../QĐ-BXD ngày ... của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Đánh giá: Đạt.

Như vậy, phường Trù Hựu dự kiến thành lập thuộc thị xã Chũ đạt 3/4 tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15). Riêng tiêu chuẩn về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội có tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm là chưa đạt.



d) Tiêu chuẩn thành lập phường Phụng Sơn

- Tiêu chuẩn về quy mô dân số

Quy định từ 5.000 người trở lên.

Hiện trạng: Quy mô dân xã Phụng Sơn tính đến 10/08/2023 là 13.990 người, gồm dân số thường trú là 12.427 người, dân số tạm trú là 1.563 người.

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chuẩn 2: Diện tích tự nhiên

Quy định từ 5,5 km<sup>2</sup> trở lên.

Hiện trạng: Xã Phụng Sơn có 20,65 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên (bằng 2.065,43 ha). Trong đó: Đất nông nghiệp là 1.599,59 ha; đất phi nông nghiệp là 463,28 ha; đất chưa sử dụng là 1,56 ha.

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chuẩn 3: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội:

+ Tiêu chí 1. Cân đối thu, chi ngân sách:

Quy định cân đối thu đủ chi.

Hiện trạng: Thu ngân sách trên địa bàn xã Phụng Sơn năm 2022 đạt 17,12 tỷ đồng, chi ngân sách đạt 17,12 tỷ đồng. Cân đối địa phương.

Đánh giá: Đạt.

+ Tiêu chí 2. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều bình quân 3 năm:

Quy định đạt bình quân 3 năm (2020 - 2022) của thị xã Chũ là 1,91% (năm 2020 là 1,30%; năm 2021 là 2,48%; năm 2022 là 1,96%).

Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều bình quân 3 năm (2020 - 2022) của xã Phụng Sơn là 0,83% (năm 2020 là 0,54%; năm 2021 là 0,80%; năm 2022 là 1,15%).

Đánh giá: Đạt.

+ Tiêu chí 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp:

Quy định từ 70% trở lên.

Hiện trạng: Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Phụng Sơn là 8.452 người. Trong đó, lao động phi nông nghiệp là 6.477 người, chiếm 76,63%; lao động nông nghiệp là 1.975 người, chiếm 23,37%.

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chuẩn 4: Trình độ phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

Xã Phụng Sơn đạt 11/13 tiêu chuẩn yêu cầu đối với khu vực dự kiến thành lập phường theo quy định của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15) tại Quyết định số .../QĐ-BXD ngày ... của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Đánh giá: Đạt.

Như vậy, phường Phượng Sơn dự kiến thành lập thuộc thị xã Chũ đạt 4/4 tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15).

đ) Tiêu chuẩn thành lập phường Thanh Hải

- Tiêu chuẩn về quy mô dân số

Quy định từ 5.000 người trở lên.

Hiện trạng: Quy mô dân xã Thanh Hải tính đến 10/08/2023 là 19.521 người, sau khi đã chuyển 637 người thuộc thôn Khuôn Rẻo về xã Biên Sơn quản lý thì phường Thanh Hải có 18.884 người, gồm dân số thường trú là 16.409 người, dân số tạm trú là 2.475 người.

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chuẩn 2: Diện tích tự nhiên

Quy định từ 5,5 km<sup>2</sup> trở lên.

Hiện trạng: Xã Thanh Hải có 29,06 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, sau khi chuyển 12,05 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên thuộc thôn Khuôn Rẻo về xã Biên Sơn quản lý thì phường Thanh Hải có 17,01 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên.

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chuẩn 3: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội:

+ Tiêu chí 1. Cân đối thu, chi ngân sách:

Quy định cân đối thu đủ chi.

Hiện trạng: Thu ngân sách trên địa bàn xã Thanh Hải năm 2022 đạt 13,59 tỷ đồng, chi ngân sách đạt 10,88 tỷ đồng. Cân đối địa phương.

Đánh giá: Đạt.

+ Tiêu chí 2. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều bình quân 3 năm:

Quy định đạt bình quân 3 năm (2020 - 2022) của thị xã Chũ là 1,91% (năm 2020 là 1,30%; năm 2021 là 2,48%; năm 2022 là 1,96%).

Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều bình quân 3 năm (2020 - 2022) của xã Thanh Hải là 3,14% (năm 2020 là 1,56%; năm 2021 là 5,54%; năm 2022 là 2,32%).

Đánh giá: Không đạt.

+ Tiêu chí 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp:

Quy định từ 70% trở lên.

Hiện trạng: Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Thanh Hải là 10.038 người. Trong đó, lao động phi nông nghiệp là 7.362 người, chiếm 73,34%; lao động nông nghiệp là 2.676 người, chiếm 26,66%.

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chuẩn 4: Trình độ phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

Xã Thanh Hải đạt 10/13 tiêu chuẩn yêu cầu đối với khu vực dự kiến thành lập phường theo quy định của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15) tại Quyết định số .../QĐ-BXD ngày ... của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Đánh giá: Đạt.

Như vậy, phường Thanh Hải dự kiến thành lập thuộc thị xã Chũ đạt 3/4 tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc 3 hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15). Riêng tiêu chuẩn về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội có tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm chưa đạt.

### **3. Tiêu chuẩn thành lập huyện Lục Ngạn mới**

#### **2.1. Tiêu chuẩn về dân số**

a) Quy định: Huyện miền núi, vùng cao 80.000 người trở lên;

b) Hiện trạng: Huyện Lục Ngạn mới có 125.710 người (gồm dân số thường trú là 125.399 người, dân số tạm trú là 311 người).

Đánh giá: Đạt.

#### **2.2. Tiêu chuẩn diện tích tự nhiên**

a) Quy định: Huyện miền núi, vùng cao từ 850 km<sup>2</sup> trở lên.

b) Hiện trạng: Huyện Lục Ngạn mới có 768,98 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên (gồm đất nông nghiệp là 535,56 km<sup>2</sup>; đất phi nông nghiệp là 209,57 km<sup>2</sup>; đất chưa sử dụng là 23,85 km<sup>2</sup>). Sau khi tiếp nhận 12,05 km<sup>2</sup> của thôn Khuôn Rẻo thuộc xã Thanh Hải (dự kiến là phường Thanh Hải thuộc thị xã Chũ) và 75,5 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên của huyện Sơn Động thì huyện Lục Ngạn mới sẽ có 856,54 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên.

Đánh giá: Đạt.

### **3. Tiêu chuẩn về số đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc**

a) Quy định: từ 13 đơn vị trở lên trong đó có ít nhất 01 thị trấn;

b) Hiện trạng: Huyện Lục Ngạn mới có 19 đơn vị hành chính cấp xã; dự kiến thành lập 02 thị trấn là Biền Động và Phì Điền. Theo đó, huyện sẽ có 17 xã và 02 thị trấn.

Đánh giá: Đạt.

Như vậy, huyện Lục Ngạn mới đạt 3/3 tiêu chuẩn của huyện thuộc tỉnh theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15).

#### **4. Về tiêu chuẩn thành lập thị trấn thuộc huyện Lục Ngạn**

a) Tiêu chuẩn của thị trấn Biên Động

- Tiêu chuẩn về quy mô dân số

Quy định từ 8.000 người trở lên.

Hiện trạng: Quy mô dân xã Biên Động tính đến 10/08/2023 là 9.308 người, gồm dân số thường trú là 9.235 người, dân số tạm trú là 68 người.

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chuẩn 2: Diện tích tự nhiên

Quy định từ 14 km<sup>2</sup> trở lên.

Hiện trạng: Xã Biên Động có 18,65 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên (bằng 1.864,85 ha. Trong đó, đất nông nghiệp là 1.658,28 ha; đất phi nông nghiệp là 193,41 ha; đất chưa sử dụng là 13,16 ha).

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chuẩn 3: Phân loại đô thị

Quy định được phân loại đô thị loại V hoặc loại IV

Xã Biên Động được công nhận đạt tiêu chuẩn của đô thị loại V tại Quyết định số: 1011/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Giang.

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chuẩn 4: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội:

+ Tiêu chí 1. Cân đối thu, chi ngân sách:

Quy định cân đối thu đủ chi.

Hiện trạng: Thu ngân sách trên địa bàn xã Biên Động năm 2022 đạt 14,18 tỷ đồng, chi ngân sách đạt 9,34 tỷ đồng. Cân đối ngân sách địa phương.

Đánh giá: Đạt.

+ Tiêu chí 2. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều bình quân 3 năm:

Quy định đạt bình quân 3 năm (2020 - 2022) của huyện Lục Ngạn là 8,69% (năm 2020 là 6,51%; năm 2021 là 11,6%; năm 2022 là 7,97%).

Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều bình quân 3 năm (2020 - 2022) của xã Biên Động là 2,24% (năm 2020 là 2%; năm 2021 là 3,15%; năm 2022 là 1,58%).

Đánh giá: Đạt.

+ Tiêu chí 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp:

Quy định từ 65% trở lên.

Hiện trạng: Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Biền Động là 5.054 người. Trong đó, lao động phi nông nghiệp là 3.145 người, chiếm 62,23%; lao động nông nghiệp là 1.909 người, chiếm 27,67%.

Đánh giá: Không đạt.

Như vậy, xã Biền Động dự kiến thành lập thị trấn thuộc huyện Lục Ngạn đạt 3/4 tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15). Riêng tiêu chuẩn về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội có tiêu chí tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chưa đạt.

b) Tiêu chuẩn của thị trấn Phì Điền.

- Tiêu chuẩn về quy mô dân số

Quy định từ 8.000 người trở lên.

Hiện trạng: Quy mô dân số xã Phì Điền tính đến 10/08/2023 là 5.670 người.

Đánh giá: Không đạt.

- Tiêu chuẩn 2: Diện tích tự nhiên

Quy định từ 14 km<sup>2</sup> trở lên.

Hiện trạng: Xã Phì Điền có 7,29 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên.

Đánh giá: Đạt (Áp dụng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị quyết về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính).

- Tiêu chuẩn 3: Phân loại đô thị

Quy định được phân loại đô thị loại V hoặc loại IV

Xã Phì Điền được công nhận đạt tiêu chuẩn của đô thị loại V tại Quyết định số:...../QĐ-UBND ngày ... của UBND tỉnh Bắc Giang.

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chuẩn 4: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội:

+ Tiêu chí 1. Cân đối thu, chi ngân sách:

Quy định cân đối thu đủ chi.

Hiện trạng: Thu ngân sách trên địa bàn xã Phì Điền năm 2022 đạt 4,78 tỷ đồng, chi ngân sách đạt 4,15 tỷ đồng. Cân đối ngân sách địa phương.

Đánh giá: Đạt.

+ Tiêu chí 2. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều bình quân 3 năm:

Quy định đạt bình quân 3 năm (2020 - 2022) của huyện Lục Ngạn là 8,69% (năm 2020 là 6,51%; năm 2021 là 11,6%; năm 2022 là 7,97%).

Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều bình quân 3 năm (2020 - 2022) của xã Phì Điền là 2,66% (năm 2020 là 2,32%; năm 2021 là 3,2%; năm 2022 là 2,47%).

Đánh giá: Đạt.

+ Tiêu chí 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp:

Quy định từ 65% trở lên.

Hiện trạng: Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Phì Điền là 3.557 người, lao động phi nông nghiệp là 2.455 người, chiếm tỷ lệ 69,02%; lao động nông nghiệp là 1.102 người, chiếm tỷ lệ 30,98%.

Đánh giá: Đạt.

Như vậy, xã Phì Điền dự kiến thành lập thị trấn thuộc huyện Lục Ngạn đạt 3/4 tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15). Tiêu chuẩn về quy mô dân số không đạt.

## **PHẦN THỨ BA**

### **PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN, CẤP XÃ; THÀNH LẬP THỊ XÃ, HUYỆN, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**

#### **A. HIỆN TRẠNG TỈNH BẮC GIANG VÀ CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CÓ LIÊN QUAN**

##### **I. HIỆN TRẠNG TỈNH BẮC GIANG, HUYỆN LỤC NGẠN, HUYỆN SƠN ĐỘNG VÀ CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH LIÊN QUAN**

###### **1. Tỉnh Bắc Giang**

Theo số liệu thống kê của tỉnh Bắc Giang, tính đến ngày 10 tháng 08 năm 2023 tỉnh Bắc Giang có 3.895,9 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 2.072.091 người; có 10 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm thành phố Bắc Giang và 09 huyện: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế, Lạng Giang, Yên Dũng, Việt Yên, Tân Yên và Hiệp Hoà; 209 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 182 xã, 10 phường và 17 thị trấn.

###### **2. Huyện Lục Ngạn**

a) Theo số liệu thống kê, tính đến ngày 10 tháng 08 năm 2023, huyện Lục Ngạn có 1.032,51 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên (trong đó, đất nông nghiệp là 756,43 km<sup>2</sup>; đất phi nông nghiệp là 252,13 km<sup>2</sup>; đất chưa sử dụng là 23,95 km<sup>2</sup>). Dân số có 255.419 người (trong đó dân số thường trú là 242.732 người; tạm trú là

12.687 người; mật độ dân số là 250 người/km<sup>2</sup>). Có 29 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 01 thị trấn (Chũ) và 28 xã.

Địa giới hành chính: Phía Đông giáp huyện Sơn Động; Phía Tây và Nam giáp huyện Lục Nam; Phía Nam giáp huyện Lục Nam; Phía Bắc giáp tỉnh Lạng Sơn.

b) Diện tích, dân số của các xã, thị trấn liên quan đến điều chỉnh địa giới hành chính và thành lập phường, thị trấn cụ thể như sau:

- Thị trấn Chũ có 12,84 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 18.276 người (gồm dân số thường trú 16.151 người và dân số tạm trú là 2.125 người);

- Xã Trù Hựu có 12,75 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 11.930 người (gồm dân số thường trú 10.071 người và dân số tạm trú là 1.859 người);

- Xã Thanh Hải có 29,06 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 19.521 người (gồm dân số thường trú 17.046 người và dân số tạm trú là 2.475 người); trong đó, thôn Khuôn Rẻo có 12,05 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, 107 hộ với 637 người.

- Xã Phượng Sơn có 20,65 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 13.990 người (gồm dân số thường trú 12.427 người và dân số tạm trú là 1.563 người);

- Xã Hồng Giang có 14,50 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 12.584 người (gồm dân số thường trú 10.682 người và dân số tạm trú là 1.902 người).

- Xã Biên Động có 18,65 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 9.308 người (gồm dân số thường trú 9.235 người và dân số tạm trú là 68 người);

- Xã Phi Điền có 7,29 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 5.670 người (gồm dân số thường trú 5.620 người và dân số tạm trú là 18 người);

- Xã Biên Sơn có 20,67 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 9.131 người (gồm dân số thường trú 9.132 người và dân số tạm trú là 16 người).

### **3. Huyện Sơn Động**

Theo số liệu thống kê, tính đến ngày 10 tháng 08 năm 2023, huyện Sơn Động có 860,56 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên (trong đó, đất nông nghiệp là 729,13 km<sup>2</sup>; đất phi nông nghiệp là 131,43 km<sup>2</sup>; đất chưa sử dụng là 4,91 km<sup>2</sup>). Dân số có 88.969 người (trong đó dân số thường trú là 87.387 người; tạm trú là 1.803 người; mật độ dân số là 104 người/km<sup>2</sup>). Có 17 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 02 thị trấn (An Châu, Tây Yên Tử) và 15 xã.

Địa giới hành chính: Phía đông giáp tỉnh Quảng Ninh và tỉnh Lạng Sơn; Phía tây giáp thị xã Chũ, huyện Lục Ngạn và huyện Lục Nam; Phía nam giáp tỉnh Quảng Ninh; Phía bắc giáp tỉnh Lạng Sơn.

## **B. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN, CẤP XÃ VÀ THÀNH LẬP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ĐÔ THỊ**

### **I. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN, CẤP XÃ ĐỂ GIẢI QUYẾT BẤT CẬP VỀ ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH**

## 1. Phương án

a) Điều chỉnh địa giới hành chính giữa huyện Sơn Động và huyện Lục Ngạn như sau: Điều chỉnh 75,5 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên của huyện Sơn Động (thuộc Trường bản Quốc gia KV 1) về huyện Lục Ngạn quản lý.

b) Điều chỉnh 12,05 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên và 637 người của xã Thanh Hải thuộc huyện Lục Ngạn (bao gồm toàn bộ thôn Khuôn Rẽo) về xã Biên Sơn huyện Lục Ngạn quản lý.

## 2. Kết quả sau khi điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính

a) Huyện Lục Ngạn

Huyện Lục Ngạn sau khi nhận 75,5 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên của huyện Sơn Động sẽ có 586,54 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên; dân số có 255.419 người; 29 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 01 thị trấn (Chũ) và 28 xã. Trong đó:

- Xã Thanh Hải sau khi chuyển 12,05 km<sup>2</sup> và 637 người thuộc thôn Khuôn Rẽo về xã Biên Sơn quản lý sẽ có 17,01 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 18.884 người.

- Xã Biên Sơn sau khi tiếp nhận 12,05 km<sup>2</sup> và 637 người thuộc thôn Khuôn Rẽo của xã Thanh Hải sẽ có 32,72 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, 9.768 người.

b) Huyện Sơn Động sau khi chuyển 75,5 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên về huyện Lục Ngạn sẽ có 785,06 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên; dân số có 88.969 người và 17 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 02 thị trấn (An Châu, Tây Yên Tử) và 15 xã.

## II. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH HUYỆN LỤC NGẠN ĐỂ THÀNH LẬP THỊ XÃ CHŨ; THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ CHŨ VÀ THÀNH LẬP THỊ TRẤN THUỘC HUYỆN LỤC NGẠN

### 1. Phương án điều chỉnh địa giới hành chính huyện Lục Ngạn để thành lập thị xã Chũ và các phường thuộc thị xã Chũ

#### 1.1. Thành lập thị xã Chũ

Thành lập thị xã Chũ trên cơ sở điều chỉnh 251,47 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 129.709 người của huyện Lục Ngạn, bao gồm toàn bộ diện tích, dân số của thị trấn Chũ và 09 xã: Trù Hựu, Thanh Hải, Phượng Sơn, Hồng Giang, Mỹ An, Nam Dương, Quý Sơn, Kiên Lao, Kiên Thành.

a) Vị trí, chức năng

Thị xã Chũ nằm tại vị trí trung tâm phía Đông Bắc của tỉnh Bắc Giang, có các tuyến giao thông thuận lợi kết nối liên vùng với các huyện lân cận như Lục Nam, Sơn Động cũng như tỉnh Lạng Sơn, tỉnh Quảng Ninh - những khu vực có nền kinh tế phát triển mạnh mẽ của vùng trung du và đồng bằng Bắc bộ. Có các điều kiện tự nhiên thuận lợi, tài nguyên đất đai gắn với cảnh quan tự nhiên phong phú như hồ Khuôn Thần, chùa Am Vãi,... Trên cơ sở đó, thị xã Chũ có nhiều tiềm năng để trở thành trung tâm phát triển kinh tế - xã hội và trở thành một trong những động lực thúc đẩy phát triển của vùng phía Đông Bắc tỉnh.



## b) Quy mô về diện tích và dân số của thị xã

Thị xã Chũ có 251,47 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên; dân số là 129.709 người; có 10 đơn vị trực thuộc, gồm 05 phường: Chũ, Trù Hựu, Thanh Hải, Phượng Sơn, Hồng Giang và 05 xã: Mỹ An, Nam Dương, Quý Sơn, Kiên Lao, Kiên Thành.

c) Địa giới hành chính của thị xã Chũ: Phía Đông giáp huyện Sơn Động và huyện Lục Ngạn mới; Phía Tây và Nam giáp huyện Lục Nam; Phía Nam giáp huyện Lục Nam; Phía Bắc giáp tỉnh Lạng Sơn.

d) Về tên gọi thị xã: Thị xã Chũ, tỉnh Bắc Giang

e) Trụ sở UBND thị xã: Sử dụng trụ sở làm việc hiện nay của huyện Lục Ngạn, đóng tại phường Chũ.

## 1.2. Thành lập các phường thuộc thị xã Chũ

a) Thành lập phường Chũ trên cơ sở toàn bộ 12,84 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 18.276 người của thị trấn Chũ.

b) Thành lập phường Thanh Hải trên cơ sở toàn bộ 17,01 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 18.884 người của xã Thanh Hải.

c) Thành lập phường Trù Hựu trên cơ sở toàn bộ 12,75 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 11.930 người của xã Trù Hựu.

d) Thành lập phường Phượng Sơn trên cơ sở toàn bộ 20,65 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 13.990 người của xã Phượng Sơn.

đ) Thành lập phường Hồng Giang trên cơ sở toàn bộ 14,50 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 12.584 người của xã Hồng Giang.

## 2. Thành lập huyện Lục Ngạn mới và thành lập các thị trấn thuộc huyện Lục Ngạn mới

### 2.1. Thành lập huyện Lục Ngạn mới

Thành lập huyện Lục Ngạn mới trên cơ sở 586,54 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên; dân số 255.419 người còn lại của huyện Lục Ngạn, bao gồm toàn bộ diện tích, dân số của 19 xã (gồm: Phì Điền, Biền Động, Biền Sơn, Giáp Sơn, Tân Hoa, Tân Quang, Đèo Gia, Tân Mộc, Tân Lập, Phong Minh, Phong Vân, Cẩm Sơn, Đồng Cốc, Hộ Đáp, Kim Sơn, Phú Nhuận, Sơn Hải, Tân Sơn, Sa Lý và 224,34 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên thuộc Trường bản Quốc gia KV 1).

a) Địa giới hành chính của huyện Lục Ngạn mới: Phía Đông giáp huyện Sơn Động; Phía Tây giáp thị xã Chũ và tỉnh Lạng Sơn; Nam giáp huyện Lục Nam; Phía Bắc giáp tỉnh Lạng Sơn.

b) Về tên gọi huyện: Huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

c) Trụ sở UBND huyện mới: Đầu tư xây dựng Khu trung tâm hành chính mới của huyện Lục Ngạn tại thị trấn Phì Điền.

### 2.2. Thành lập các thị trấn thuộc huyện Lục Ngạn

a) Thành lập thị trấn Biền Động trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ 18,65 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 9.308 người của xã Biền Động.

Trụ sở làm việc của thị trấn Biền Động: Sử dụng trụ sở làm việc hiện tại của xã Biền Động.

b) Thành lập thị trấn Phì Điền trên cơ sở toàn bộ 7,29 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 5.670 người của xã Phì Điền.

Trụ sở làm việc của thị trấn Phì Điền: Sử dụng trụ sở làm việc hiện tại của xã Phì Điền.

### III. KẾT QUẢ SAU KHI ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH HUYỆN LỤC NGẠN ĐỂ THÀNH LẬP THỊ XÃ CHỦ; THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ CHỦ VÀ THÀNH LẬP THỊ TRẤN THUỘC HUYỆN LỤC NGẠN

#### 1. Thị xã Chủ

Thị xã Chủ có 251,47 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên; dân số là 129.709 người; có 10 đơn vị trực thuộc, gồm 05 phường (Chủ, Trù Hựu, Thanh Hải, Phượng Sơn, Hồng Giang) và 05 xã (Mỹ An, Nam Dương, Quý Sơn, Kiên Lao, Kiên Thành). Trong đó:

a) Phường Chủ có 12,84 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên và 18.276 người; địa giới hành chính phường Chủ: Phía Đông giáp phường Hồng Giang và xã Tân Lập; Phía Tây giáp phường Trù Hựu; Phía Nam giáp xã Nam Dương; Phía Bắc giáp phường Thanh Hải.

b) Phường Thanh Hải có 17,01 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên và **18.884 người**; địa giới hành chính phường Thanh Hải: Phía Đông giáp phường Hồng Giang và huyện Lục Ngạn mới; Phía Tây giáp xã Kiên Thành và phường Trù Hựu; Phía Nam giáp phường Chủ; Phía Bắc giáp huyện Lục Ngạn mới.

c) Phường Trù Hựu có 12,75 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên và 11.930 người; địa giới hành chính phường Trù Hựu: Phía Đông giáp phường Chủ; Phía Tây giáp xã Quý Sơn; Phía Nam giáp xã Nam Dương và xã Mỹ An; Phía Bắc giáp xã Quý Sơn.

d) Phường Phượng Sơn có 20,65 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên và 13.990 người; địa giới hành chính phường Phượng Sơn: Phía Bắc giáp xã Quý Sơn; Phía Đông giáp xã Mỹ An; Phía Nam và Tây giáp huyện Lục Nam.

đ) Phường Hồng Giang có 14,50 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên và 12.584 người; địa giới hành chính phường Hồng Giang: Phía Đông giáp huyện Lục Ngạn mới; Phía Tây giáp phường Chủ và phường Thanh Hải; Phía Nam giáp phường Chủ và huyện Lục Ngạn mới; Phía Bắc giáp phường Thanh Hải và huyện Lục Ngạn mới.

#### 2. Huyện Lục Ngạn

Huyện Lục Ngạn có 856,54 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên và 125.710 người; có 19 xã, thị trấn, gồm: Thị trấn Phì Điền, thị trấn Biền Động và 17 xã (Biên Sơn,

Giáp Sơn, Tân Hoa, Tân Quang, Đèo Gia, Tân Mộc, Tân Lập, Phong Minh, Phong Vân, Cẩm Sơn, Đồng Cốc, Hộ Đáp, Kim Sơn, Phú Nhuận, Sơn Hải, Tân Sơn, Sa Lý, Trường bắn Quốc gia KV1). Trong đó:

a) Thị trấn Biên Động có 18,65 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, 9.308 người; địa giới hành chính thị trấn Biên Động: Phía Bắc giáp xã Kim Sơn; Phía Tây giáp xã Tân Hoa; Phía Đông giáp huyện Sơn Động; Phía Nam giáp xã Tân Hoa và xã Phú Nhuận.

b) Thị trấn Phì Điền có 7,29 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, dân số là 5.670 người; địa giới hành chính thị trấn Phì Điền: Phía Bắc giáp trường bắn quốc gia KV1; Phía Tây giáp xã Giáp Sơn; Phía Đông giáp xã Tân Hoa; Phía Nam giáp xã Tân Quang và xã Đông Cốc.

c) Xã Biên Sơn có 32,72 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, 9.768 người; địa giới hành chính Biên Sơn: Phía Bắc giáp xã Hộ Đáp; Phía Tây giáp xã Sơn Hải và thị xã Chũ; Phía Đông giáp trường bắn quốc gia KV1; Phía Nam giáp thị xã Chũ.

### **3. Tỉnh Bắc Giang**

Tỉnh Bắc Giang có 3.895,9 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 2.072.091 người; có 11 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm thành phố Bắc Giang, thị xã Chũ và 09 huyện, gồm: Yên Dũng, Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế, Lạng Giang, Việt Yên, Tân Yên và Hiệp Hoà; 209 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: 176 xã, 15 phường và 18 thị trấn. Theo đó, sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, thành lập đơn vị hành chính đô thị thì tỉnh Bắc Giang tăng 01 đơn vị (01 thị xã); không tăng đơn vị hành chính cấp xã nhưng có tăng 05 phường và 01 thị trấn, giảm 06 xã.

## **IV. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH MỚI THÀNH LẬP**

### **1. Nguyên tắc tổ chức**

#### **1.1. Đối với các tổ chức Đảng, Đoàn thể**

Tổ chức Đảng, Ủy ban mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Liên đoàn Lao động, Hội Cựu chiến binh, Tổ chức các hội,... thực hiện theo hướng dẫn của Luật, Điều lệ,... của Tổ chức đảng, mặt trận, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức khác trong trường hợp chia tách, thành lập thêm đơn vị hành chính cấp huyện.

#### **1.2. Đối với tổ chức chính quyền địa phương**

##### **a) Tổ chức Hội đồng nhân dân**

- Đại biểu Hội đồng nhân dân đã được bầu hoặc công tác ở địa phận thuộc thị xã Chũ thì hợp thành Hội đồng nhân dân của thị xã Chũ; đại biểu Hội đồng nhân dân đã được bầu hoặc công tác ở địa phận thuộc huyện Lục Ngạn mới thì hợp thành Hội đồng nhân dân của huyện Lục Ngạn mới và tiếp tục hoạt động cho đến khi hết nhiệm kỳ.

Trường hợp Hội đồng nhân dân ở thị xã Chũ, huyện Lục Ngạn mới có số đại biểu lớn hơn hoặc bằng hai phần ba tổng số đại biểu được bầu theo quy định thì Hội đồng nhân dân của đơn vị hành chính đó bầu các chức danh của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) và hoạt động cho đến khi Hội đồng nhân dân khóa mới được bầu ra; trường hợp số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân không đủ hai phần ba tổng số đại biểu được bầu theo quy định và thời gian còn lại của nhiệm kỳ nhiều hơn 18 tháng thì tiến hành bầu cử bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật về bầu cử. Hội đồng nhân dân sau khi đã được bầu bổ sung đại biểu tiến hành bầu các chức danh của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân theo quy định và hoạt động cho đến khi Hội đồng nhân dân khóa mới được bầu ra.

- Kỳ họp đầu tiên của Hội đồng nhân dân ở thị xã Chũ và huyện Lục Ngạn mới do một triệu tập viên được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang chỉ định trong số đại biểu Hội đồng nhân dân của thị xã Chũ và huyện Lục Ngạn mới cho đến khi Hội đồng nhân dân bầu ra Chủ tịch Hội đồng nhân dân của đơn vị hành chính mới.

Trường hợp số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân ở thị xã Chũ hoặc huyện Lục Ngạn mới không đủ hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu theo quy định và thời gian còn lại của nhiệm kỳ ít hơn hoặc bằng 18 tháng thì Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang trực tiếp chỉ định Quyền Chủ tịch Hội đồng nhân dân theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện Lục Ngạn cũ để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang chỉ định Quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân lâm thời ở thị xã Chũ và huyện Lục Ngạn mới để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân theo quy định cho đến khi Ủy ban nhân dân khóa mới được bầu ra.

#### b) Ủy ban nhân dân

- Ủy ban nhân dân thị xã Chũ và huyện Lục Ngạn mới do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu ra. Số lượng, điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình bầu thành viên Ủy ban nhân dân thị xã Chũ và huyện Lục Ngạn mới thực hiện theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

- Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân huyện Lục Ngạn cũ sẽ được tổ chức lại theo các chức năng, nhiệm vụ tương ứng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thị xã Chũ và huyện Lục Ngạn mới.

- Về biên chế: Trước mắt được xác định trên cơ sở tổng biên chế được giao của huyện Lục Ngạn cũ.

- Về trụ sở: Bố trí trụ sở tại các trụ sở hiện có của huyện Lục Ngạn cũ làm trụ sở hoạt động của thị xã Chũ; trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức thuộc huyện Lục Ngạn mới trước mắt bố trí tại thị trấn Phì Điền dự kiến thành lập và sớm triển khai tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng trung tâm chính trị - hành

chính của huyện Lục Ngạn mới ngay sau khi Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết thành lập thị xã Chũ và huyện Lục Ngạn mới.

- Về giáo dục: Trước mắt, giữ ổn định các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn hiện có và thực hiện lộ trình sắp xếp đảm bảo mang lại lợi ích tốt nhất cho người dân, nâng cao chất lượng dạy và học.

- Về y tế: Thành lập Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn mới (bao gồm chức năng của Bệnh viện Đa khoa khu vực), đảm bảo đầy đủ các trang thiết bị, y bác sỹ nhằm cung cấp dịch vụ tốt nhất cho người dân.

- Những nơi đang được hưởng các chế độ, chính sách đặc thù theo chủ trương, chính sách của Trung ương, của tỉnh cần được rà soát cụ thể để có giải pháp phù hợp đảm bảo quyền lợi tối đa theo quy định trong quá trình sắp xếp.

- Đối với việc chuyển đổi các giấy tờ có liên quan đến nhân thân hoặc hoạt động sản xuất, kinh doanh khi thay đổi địa giới hành chính sẽ có cơ chế, chính sách hỗ trợ phù hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân và doanh nghiệp đảm bảo các quy định của pháp luật.

## **2. Phương án sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy; sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động**

### **2.1. Sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy**

a) Thành lập tổ chức Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của thị xã Chũ và huyện Lục Ngạn mới theo đúng các quy định, văn bản hướng dẫn của Đảng, nhà nước và Điều lệ của các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội.

b) Cơ quan thuộc Thị ủy, Huyện ủy, gồm: Văn phòng và các Ban: Tổ chức, Kiểm tra, Dân vận, Tuyên giáo, Trung tâm Bồi dưỡng chính trị.

c) Các Ban của HĐND: Ban Pháp chế; Ban Kinh tế - xã hội.

d) Cơ quan thuộc UBND, gồm: Văn phòng HĐND - UBND và các Phòng: Nội vụ, Y tế, Giáo dục - Đào tạo, Lao động Thương binh và Xã hội, Văn hóa - Thông tin, Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kinh tế hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Thanh tra, Quản lý đô thị.

đ) Các đơn vị sự nghiệp của thị xã Chũ và huyện Lục Ngạn mới được tổ chức tương ứng với các đơn vị sự nghiệp của huyện Lục Ngạn cũ.

e) Đối với các đơn vị ngành dọc đóng trên địa bàn: Các cơ quan ngành dọc trên địa bàn xây dựng phương án thành lập tổ chức tương ứng tại của thị xã Chũ và huyện Lục Ngạn mới. Đảm bảo có thể đi vào hoạt động khi Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội có hiệu lực thi hành.

### **2.2. Nhu cầu bổ sung cán bộ, công chức**

a) Đối với thị xã Chũ:

*Tổ chức Đảng: 32 người, gồm:*

- Bí thư kiêm Chủ tịch HĐND thị xã, Phó Bí thư: 02 người;
- Văn phòng Thị ủy: 07 người;
- Ban Tổ chức: 05 người;
- Ban Tuyên giáo: 05 người;
- Ban Dân vận: 04 người;
- Ủy ban Kiểm tra: 05 người;
- Trung tâm bồi dưỡng chính trị: 04 người.

*Mặt trận tổ quốc và các Đoàn thể: 24 người, gồm:*

- Ủy ban Mặt trận tổ quốc thị xã: 05 người;
- Hội Nông dân: 04 người;
- Hội Cựu Chiến binh: 03 người;
- Hội Phụ nữ: 04 người;
- Đoàn Thanh niên: 05 người;
- Liên đoàn Lao động: 03 người.

*HĐND thị xã: 02 người, gồm:*

- Phó chủ tịch HĐND: 01 người;
- Thường trực HĐND: 01 người.

*UBND thị xã: 62 người, gồm:*

- Lãnh đạo UBND: 3 người;
- Văn phòng HĐND và UBND: 8 người;
- Phòng Nội vụ: 5 người;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch: 6 người;
- Phòng Quản lý đô thị: 6 người;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường: 5 người;
- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: 5 người;
- Phòng Tư pháp: 3 người;
- Thanh tra: 4 người;
- Phòng Văn hóa và Thông tin: 4 người;
- Phòng Y tế: 3 người;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo: 5 người;
- Phòng Kinh tế: 5 người.

b) Đối với huyện Lục Ngạn mới:

Huyện Lục Ngạn mới dự kiến có cơ cấu, số lượng cán bộ, công chức như huyện Lục Ngạn hiện nay.

Như vậy, sau khi thành lập thị xã Chũ và huyện Lục Ngạn mới, cơ quan khối Đảng tăng 07 đầu mối; Đoàn thể tăng 06 đầu mối; Hội đồng nhân dân tăng 02 đầu mối (2 Ban); Ủy ban nhân dân tăng 12 đầu mối; Đơn vị sự nghiệp tăng 05 đầu mối; Cơ quan khối ngành dọc tăng 09 đầu mối. Ngoài ra, có 01 đơn vị thuộc cấp phòng là Văn phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất,...

2.3. Phương án bố trí cán bộ, công chức cho việc tăng 01 đơn vị hành chính cấp huyện Lục Ngạn mới

a) Nhu cầu cán bộ, công chức cho huyện mới dự kiến là 202 người, trong đó:

- Khối chính quyền: 133 người;
- Khối đảng: 31 người;
- Mặt trận, đoàn thể: 38 người;

b) Phương án bố trí cán bộ, công chức cho huyện mới

- Điều động, tăng cường cán bộ từ tỉnh về: Dự kiến 5 người;
- Điều động, tăng cường từ các phòng ban của huyện Lục Ngạn về đảm nhận các chức danh chủ chốt, trưởng phó các phòng chuyên môn của khối đảng, chính quyền, Mặt trận và đoàn thể: Dự kiến 41 người;
- Điều chuyển số cán bộ đang hợp đồng tại huyện Lục Ngạn để chuẩn bị cho việc thành lập huyện mới: Dự kiến 50 người;
- Bố trí cán bộ đào tạo nguồn và sinh viên cử tuyển tốt nghiệp các trường: Dự kiến 30 người;
- Tiếp nhận mới những người có trình độ chuyên môn, phù hợp với công việc được giao: 76 người.

### **3. Tổ chức một số cơ quan ngành dọc theo quy định của Luật**

#### 3.1. Thành lập Công an

a) Đối với thị xã Chũ

- Công an thị xã Chũ

Công an thị xã Chũ do Trưởng Công an thị xã chỉ huy, không quá 04 Phó Trưởng Công an thị xã.

Tổ chức bộ máy được giữ nguyên như Công an huyện Lục Ngạn hiện nay, gồm 11 đội công tác: Đội Tổng hợp; Đội An ninh; Đội Xây dựng phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc; Đội Điều tra tổng hợp; Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội; Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về quản lý kinh tế và chức vụ; Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy; Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự

xã hội; Đội Cảnh sát giao thông, trật tự; Đội Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu hộ cứu nạn; Đội Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp.

- Thành lập Công an các phường thuộc thị xã Chũ

Thành lập Công an phường tại 5 phường dự kiến thành lập với tổng số biên chế là 60 cán bộ, chiến sỹ do Giám đốc Công an tỉnh ấn định trên cơ sở biên chế được Công an tỉnh phân bổ cho Công an thị xã Chũ, với cơ cấu dự kiến như sau:

Lãnh đạo, chỉ huy gồm Trưởng Công an phường chỉ huy, không quá 03 Phó Trưởng Công an phường.

Tổ chức bộ máy Công an phường gồm 03 tổ: Tổ Cảnh sát khu vực; Tổ Cảnh sát trật tự; Tổ Cảnh sát phòng, chống tội phạm.

Biên chế của Công an của mỗi phường từ 10 đến 16 cán bộ, chiến sỹ.

- Trụ sở làm việc

Trụ sở làm việc của Công an thị xã Chũ sử dụng trụ sở Công an huyện Lục Ngạn hiện nay. Trụ sở làm việc của Công an các phường tận dụng, cải tạo các phòng làm việc của Công an xã hiện nay và các nhà văn hóa thôn dôi dư sau sáp nhập; bố trí thêm phòng làm việc trong Công sở xã và xây mới nơi nghỉ, sinh hoạt cho cán bộ, chiến sỹ (bố trí đất xây dựng trụ sở Công an phường độc lập, diện tích từ 1.500 m<sup>2</sup> đến 2.000 m<sup>2</sup>, Công an tỉnh triển khai lập dự án đầu tư xây dựng trụ sở Công an phường).

b) Đối với huyện Lục Ngạn

- Thành lập Công an huyện Lục Ngạn như sau:

Công an huyện Lục Ngạn do Trưởng Công an huyện chỉ huy, không quá 03 Phó Trưởng Công an huyện.

Tổ chức bộ máy được bố trí như Công an huyện Lục Ngạn hiện nay, gồm gồm 11 đội công tác: Đội Tổng hợp; Đội An ninh; Đội Xây dựng phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc; Đội Điều tra tổng hợp; Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội; Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về quản lý kinh tế và chức vụ; Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy; Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Đội Cảnh sát giao thông, trật tự; Đội Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu hộ cứu nạn; Đội Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp.

Trụ sở làm việc:

Quy hoạch đất xây dựng trụ sở Công an huyện có diện tích từ 10.000 m<sup>2</sup> đến 20.000 m<sup>2</sup>, Công an tỉnh triển khai lập dự án đầu tư xây dựng phù hợp.

- Thành lập Công an thị trấn Biện Động và thị trấn Phì Điền trên cơ sở công an xã Biện Động và công an xã Phì Điền hiện nay, cụ thể:

Cơ cấu lãnh đạo, chỉ huy: Công an thị trấn do Trưởng Công an thị trấn chỉ huy, có không quá 02 Phó Trưởng Công an thị trấn và 05 Công an viên là công an chính quy.



Tổ chức bộ máy Công an thị trấn, gồm 03 tổ: Tổ Cảnh sát khu vực; Tổ Cảnh sát trật tự; Tổ Cảnh sát phòng, chống tội phạm.

Biên chế của Công an thị trấn do Trưởng Công an huyện Lục Ngạn ấn định trên cơ sở biên chế được Công an tỉnh Bắc Giang phân bổ cho Công an huyện.

Trụ sở làm việc của Công an thị trấn trước mắt vẫn sử dụng Trụ sở làm việc hiện có trong khuôn viên UBND xã hiện nay; nhưng về lâu dài sẽ tính toán xây mới theo quy định của Bộ Công an để đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, công việc.

### 3.2. Thành lập Tòa án, Viện Kiểm sát

UBND tỉnh Bắc Giang sẽ phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định:

a) Thành lập Tòa án nhân dân thị xã Chũ trên cơ sở kế thừa Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn; thành lập Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Chũ trên cơ sở kế thừa Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn.

b) Thành lập Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn; thành lập Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn mới theo quy định của pháp luật.

## 4. Giải pháp chuyển đổi một số giấy tờ cơ bản của công dân sau khi thành lập đơn vị hành chính mới

Các loại giấy tờ cần chuyển đổi gồm giấy tờ tùy thân, giấy tờ chứng minh nhân thân, quyền sở hữu, quyền sử dụng gồm những loại cơ bản như chứng minh nhân dân (thẻ căn cước công dân), hộ chiếu quốc gia, giấy tờ hộ tịch, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, đăng ký kinh doanh và các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật.

Để tạo điều kiện cho người dân thực hiện chuyển đổi các loại giấy tờ, tài liệu có liên quan, sau khi thành lập đơn vị hành chính mới, tỉnh Bắc Giang sẽ chỉ đạo cơ quan công an và đơn vị có liên quan lập kế hoạch tiến hành thực hiện chuyển đổi giấy tờ cho người dân; phân công người phụ trách địa bàn, lịch làm việc với công dân theo từng thôn, tổ dân phố; trong đó ưu tiên thực hiện đối với những trường hợp người dân có nhu cầu chuyển đổi ngay, cấp bách.

Đối với các loại giấy tờ còn lại, UBND cấp huyện có thông báo, hướng dẫn để người dân nếu có nhu cầu chuyển đổi đến làm thủ tục tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

## 5. Đổi tên và con dấu của các đơn vị hành chính

Khi có Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập thị xã, phường, thị trấn, tỉnh Bắc Giang sẽ tiến hành đổi con dấu của các cơ quan, tổ chức trên địa bàn thị trấn phù hợp với tên đơn vị hành chính.

**PHẦN THỨ TƯ**  
**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN**  
**THỊ XÃ CHỦ, HUYỆN LỤC NGẠN VÀ CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH**  
**CẤP XÃ TRỰC THUỘC**

**A. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG, ẢNH HƯỞNG CỦA ĐỀ ÁN**

**I. TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH, THÀNH LẬP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN**

**1. Tác động về hoạt động quản lý nhà nước**

**1.1. Tác động tích cực**

a) Sau khi thành lập đơn vị hành chính có quy mô hợp lý sẽ thuận tiện cho chính quyền địa phương trong việc quy hoạch, thu hút và bố trí dân cư trên địa bàn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với an ninh quốc phòng giúp chính quyền theo dõi, giám sát, ngăn chặn có hiệu quả âm mưu của các thế lực thù địch, đảm bảo công tác an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

b) Việc thành lập đơn vị hành chính cấp huyện có quy mô diện tích tự nhiên lớn, dân số đông và phát triển không đồng đều thành đơn vị hành chính có quy mô hợp lý, tạo điều kiện tập trung được các nguồn lực về đất đai, dân số để quy hoạch đầu tư mở rộng sản xuất theo hướng hiện đại, phát huy có hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh về tài nguyên, khoáng sản để phát triển. Đồng thời, việc chia tách sẽ tạo điều kiện và thúc đẩy việc giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình quản lý lãnh thổ, phát triển kinh tế và nâng cao chất lượng, hiệu quả cung ứng dịch vụ công.

c) Việc giảm quy mô diện tích tự nhiên, dân số của đơn vị hành chính sẽ giảm áp lực đối với chính quyền cấp tỉnh và cấp huyện, từ đó công tác quản lý và chỉ đạo tổ chức hoạt động của chính quyền địa phương được thực hiện tốt hơn. Đặc biệt, địa bàn huyện Lục Ngạn hình thành 2 vùng phát triển khác nhau (vùng đồi núi thấp có địa hình thuận lợi cho phát triển và đang hình thành diện mạo của một đô thị mới; vùng núi cao có điều kiện tập trung phát triển nông nghiệp hàng hóa, cây ăn trái và du lịch sinh thái) nên thời gian qua công tác quản lý gặp nhiều khó khăn. Theo đó, cơ cấu tổ chức bộ máy của một huyện thuần nông, có xen kẽ một số làng nghề truyền thống nay đã gặp nhiều bất cập, nhiều vấn đề bức xúc xã hội nảy sinh trên địa bàn đô thị hóa, như: công tác quản lý trật tự xây dựng đô thị, cấp giấy phép xây dựng nhà ở, giấy phép kinh doanh, quản lý quy hoạch, quản lý sử dụng tài nguyên đất, thực hiện các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật như giao thông, điện, nước... đã và đang chi phối phần nhiều quỹ thời gian làm việc của bộ máy chính quyền các cấp. Do vậy, việc tách huyện Lục Ngạn thành 2 đơn vị hành chính đô thị và nông thôn rõ ràng sẽ là điều kiện pháp lý cho chính quyền địa phương thực hiện tốt hơn chức năng quản lý hành chính lãnh thổ và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

d) Việc hình thành đơn vị hành chính cấp huyện có quy mô hợp lý sẽ khắc phục được tình trạng đẩy việc từ cấp huyện xuống dưới xã, thị trấn dẫn tới hiệu quả hoạt động và chất lượng công việc thấp; công tác nắm tâm tư nguyện vọng và vận động quần chúng của nhiều xã, thị trấn sẽ được thực hiện tốt hơn.

### 1.2. Một số khó khăn ban đầu

a) Việc chia tách, thành lập thêm 01 đơn vị hành chính mới sẽ tăng tổ chức bộ máy, biên chế cả hệ thống chính trị với tổng số biên chế tăng thêm theo quy định khoảng 120 người. Theo đó, ngân sách địa phương phải dành một khoản để chi tiền lương, phụ cấp và chi hành chính, làm tăng chi ngân sách nhà nước. Tỉnh Bắc Giang phải ban hành mới, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách về phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển, phân bổ ngân sách chi thường xuyên, tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ, công chức và tiền lương, phụ cấp... cho phù hợp; quy định lại số lượng tổ chức và biên chế cán bộ, công chức cũng như số chức danh lãnh đạo, quản lý ở các cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể của các đơn vị hành chính theo quy mô dân số, diện tích và số lượng đơn vị hành chính trực thuộc, phân loại đơn vị hành chính.

b) Một số chương trình, mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế của địa phương cần thiết phải điều chỉnh cho phù hợp với địa giới đơn vị hành chính mới, điều này dẫn đến phải điều chỉnh, phê duyệt lại quy hoạch của địa phương.

### 1.3. Giải pháp

a) Với số lượng cán bộ, công chức cấp huyện hiện có thì khi chia tách thành 2 bộ máy hành chính (thị xã Chũ và huyện Lục Ngạn mới) thì cần xem xét tuyển dụng, sắp xếp bổ sung rà soát thêm biên chế để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ, chức năng, phối hợp thực hiện và chỉ đạo; thực hiện các cuộc giám sát (tự giám sát, phối hợp giám sát) do Thường trực HĐND, các Ban HĐND của tỉnh chỉ đạo, tổ chức. Trước yêu cầu cấp bách của việc chia tách huyện mới, được sự lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh, huyện Lục Ngạn hiện nay đã có phương án dự kiến để bố trí sắp xếp các chức danh chủ chốt cho các cán bộ cấp huyện để điều hành các công việc của bộ máy hành chính mới.

b) Đổi mới cơ chế quản lý (kinh tế, ngân sách, đầu tư,...) kết hợp với cải cách về thể chế và thủ tục hành chính, thực hiện phân cấp cho các cấp chính quyền địa phương từ huyện đến xã để nâng cao trách nhiệm và quyền hạn quản lý địa bàn. Nâng cao năng lực quản lý, hiệu lực chỉ đạo, điều hành và giám sát Nhà nước ở địa phương trong tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hoá - xã hội, an ninh - quốc phòng.

## 2. Tác động về kinh tế - xã hội

### 2.1. Tác động tích cực:

a) Thành lập huyện Lục Ngạn mới tại khu vực phía Đông để tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội, khai thác tiềm năng phát triển, sắp xếp bố trí lại dân cư và đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ, rút ngắn khoảng cách phát triển với vùng thuận lợi, tạo điều kiện cho người dân liên hệ

với chính quyền và thực hiện nghĩa vụ công dân được thuận tiện. Huyện Lục Ngạn mới có đất đai rộng, thổ nhưỡng, khí hậu thuận lợi cho phát triển nông nghiệp và chăn nuôi; thích hợp với phát triển cây ăn quả và là nguyên liệu cho công nghiệp chế biến; cùng với tiềm năng đất đai và lợi thế khác có điều kiện để mở rộng phát triển các ngành công nghiệp và dịch vụ, thu hút đầu tư của các doanh nghiệp trong và ngoài nước, qua đó tiếp nhận vốn, công nghệ sản xuất và công nghệ quản lý, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo ra công ăn việc làm và chuyển dịch cơ cấu lao động, cho phép mở rộng thêm quy mô sản xuất, phát triển thêm nhiều sản phẩm mới, tăng thêm xuất khẩu,...

b) Huyện Lục Ngạn mới có dân số và nguồn nhân lực trẻ, cần cù, năng động và có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất và kinh doanh. Đây là một nguồn lực tốt có thể đáp ứng cho nhu cầu phát triển các ngành đặc biệt là công nghiệp và dịch vụ.

c) Các tác động từ bên ngoài như hội nhập kinh tế, chiến lược và các chính sách phát triển ưu tiên của Nhà nước đối với tỉnh Bắc Giang và khu vực trung du miền núi phía Bắc,... rất thuận lợi cho thị xã Chũ và huyện Lục Ngạn mới tiếp tục phát huy thế mạnh và tranh thủ nhanh các nguồn lực từ bên ngoài để phát triển kinh tế - xã hội.

## 2.2. Một số khóa khăn:

a) Bên cạnh những lợi thế về tiềm năng còn có những thách thức và bất cập trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đó là sức ép cạnh tranh về đầu ra của các sản phẩm; khả năng gia tăng nhanh về dân số từ luồng dân di cư đến địa bàn kéo theo sự gia tăng áp lực giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường.

b) Hoạt động sản xuất, kinh doanh, sinh hoạt của người dân và doanh nghiệp sẽ bị ảnh hưởng, xáo trộn do thay đổi giấy tờ, thủ tục, địa chỉ.

## 2.3. Giải pháp

a) Đánh giá về mặt lợi thế của từng vùng, từng khu vực, chính quyền địa phương các cấp căn cứ vào mục tiêu quy hoạch, kế hoạch để xây dựng các dự án phát triển sản xuất chi tiết như: Dự án phát triển vùng cây ăn trái đặc sản, dự án phát triển vùng rau màu, thực phẩm và nuôi trồng thủy sản...

b) Tăng cường đầu tư vào lĩnh vực công nghệ sinh học, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong các lĩnh vực: Cung ứng giống trong nông nghiệp, thâm canh cây trồng - vật nuôi, áp dụng kỹ thuật tiên tiến trong cải tạo đất, nghiên cứu đưa ra hệ thống canh tác điển hình.

c) Nghiên cứu có kế hoạch đầu tư phát triển các mô hình làng nghề truyền thống, hình thành các hợp tác xã để củng cố thương hiệu riêng cho các sản phẩm mang tính đặc thù thị xã (sản xuất mỳ Chũ, chế biến trái cây, làng nghề truyền thống,...); nghiên cứu thị trường, thực trạng môi trường đầu tư trên địa bàn thị xã để đề ra các chính sách hợp lý trong việc thu hút đầu tư cho các hoạt động ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất.

d) Thực hiện chính sách đổi đất tạo vốn để xây dựng cơ sở hạ tầng, thông qua các biện pháp: Chuyển đổi vị trí của các trụ sở cơ quan hành chính có lợi thế, tiềm năng về kinh doanh dịch vụ và thương mại, phát triển đô thị cho các doanh nghiệp khai thác hiệu quả về mặt vị trí thuận lợi, về dịch vụ thương mại, công nghiệp, các khu dân cư... tại các khu vực ven trục giao thông, các trung tâm hành chính xã, thị trấn và các chợ đầu mối.

### **3. Tác động về quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự xã hội**

#### **3.1. Tác động tích cực:**

a) Thị xã Chũ và huyện Lục Ngạn mới được thành lập sẽ kết hợp hài hòa giữa yêu cầu phát triển nhanh nền kinh tế với đảm bảo an ninh, quốc phòng, vì đây là địa bàn chiến lược quan trọng của tỉnh Bắc Giang và khu vực trung du miền núi phía Bắc. Sau khi thành lập và đi vào hoạt động sẽ thuận tiện cho việc quy hoạch, thu hút và bố trí dân cư trên địa bàn các xã dọc tuyến Quốc lộ, tỉnh lộ,... và khu vực nhạy cảm về an ninh, quốc phòng, phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội gắn với an ninh quốc phòng, đảm bảo cho khu vực phía Đông Bắc của tỉnh Bắc Giang tăng cường lực lượng tại chỗ, giúp cho chính quyền và bộ đội theo dõi, giám sát các hoạt động trong khu vực, ngăn chặn có hiệu quả âm mưu của các thế lực thù địch, đảm bảo công tác an ninh luôn được giữ vững.

b) Việc chia tách, thành lập đơn vị hành chính mới xuất phát từ yêu cầu tăng cường và củng cố quốc phòng an ninh, do các đơn vị hành chính nằm ở vị trí chiến lược về quốc phòng an ninh, có mật độ dân số đông, công tác quản lý gặp nhiều khó khăn nên chia tách để có quy mô phù hợp, nhằm quản lý tốt hơn.

#### **3.2. Khó khăn:**

Thị xã Chũ và huyện Lục Ngạn mới đã và đang thu hút lực lượng lao động tới làm việc và buôn bán. Vì vậy, dân số tăng rất nhanh, dẫn đến công tác quản lý của chính quyền gặp không ít những khó khăn, đặt ra yêu cầu phải tăng cường công tác quản lý địa bàn.

### **4. Tác động về môi trường**

#### **4.1. Tác động tích cực:**

a) Việc hình thành đơn vị hành chính cấp huyện có quy mô hợp lý là điều kiện thuận lợi để chính quyền địa phương cấp huyện tập trung thời gian giải quyết những vấn đề môi trường nổi cộm hiện nay trên địa bàn; là cơ sở để thu hút, tăng cường đầu tư cho công tác môi trường (xử lý rác thải, chất thải rắn,...) theo quy hoạch chung đô thị Chũ và quy hoạch vùng huyện Lục Ngạn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Việc thành lập thị xã, đơn vị hành chính có chức năng quản lý nhà nước về đô thị sẽ là cơ sở pháp lý cho việc giải quyết những bất cập trong quá trình quản lý, điều hành của chính quyền nông thôn hiện nay.

#### **4.2. Khó khăn ban đầu:**

a) Sự phát triển công nghiệp, đô thị, dịch vụ, du lịch... làm chất lượng cuộc sống của người dân được nâng cao, song cũng gây các áp lực lên môi trường đất, nước, không khí, đồng thời ảnh hưởng đến chất lượng môi trường sống của các hệ sinh thái trong vùng.

b) Phát triển du lịch, đặc biệt là các hoạt động du lịch sinh thái,... với việc khai thác các cảnh quan thiên nhiên, rừng và hệ sinh thái tự nhiên, có thể gây ra các tác động tiêu cực đến sự hình thành, phát triển của nhiều loài sinh vật nếu không có biện pháp kiểm soát và bảo vệ chặt chẽ, đặc biệt tại các rừng tự nhiên.

c) Phát triển của giao thông với các tuyến đường đi qua khu vực sinh sống của các hệ sinh thái cũng gây ra các ảnh hưởng tiêu cực tới tiến trình phát triển loài, sự kiếm ăn, cư trú... Dân cư tăng, đô thị ngày càng phát triển các nhu cầu về đất đai ngày càng nhiều, diện tích rừng, đất nông nghiệp, mặt nước có nguy cơ bị thu hẹp ảnh hưởng đến đời sống của các loài sinh vật sống trên đó.

### 4.3. Giải pháp

a) Phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, các đoàn thể quần chúng trong việc sử dụng đất với kết hợp việc bảo vệ môi trường, các chương trình, dự án kinh tế - xã hội (như xóa đói giảm nghèo, chương trình dân số và kế hoạch hoá gia đình,...).

b) Rà soát, bổ sung, hoàn chỉnh các quy định bảo đảm khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên vào phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường.

c) Chú trọng trong việc nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, giáo dục môi trường cho cộng đồng thông qua các mô hình quần chúng tham gia bảo vệ môi trường, đưa giáo dục môi trường vào trường học.

d) Đầu tư các công trình xử lý chất thải ở các khu, cụm công nghiệp, bệnh viện, khu đô thị,... đảm bảo cho chất thải được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường; có cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới và ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ sản xuất sạch để giảm thiểu ô nhiễm và bảo vệ môi trường; thường xuyên kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện có hiệu quả các chương trình trồng rừng, phủ xanh đất trống đồi núi trọc để tăng tỷ lệ che phủ và bảo vệ nguồn nước.

## II. TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ CHỦ VÀ THÀNH LẬP THỊ TRẤN THUỘC HUYỆN LỤC NGẠN

### 1. Tác động đến phát triển kinh tế - xã hội

#### 1.1. Mặt tích cực

a) Đối với đơn vị hành chính nông thôn khi chuyển thành đơn vị hành chính đô thị sẽ mở rộng không gian phát triển đô thị, đáp ứng được nhu cầu quỹ đất cho phát triển. Tạo ra động lực và điều kiện cho sự phát triển hơn nữa về kinh tế, văn hóa - xã hội của địa phương theo hướng chuyển dịch kinh tế nông nghiệp, nông thôn thành kinh tế đô thị gắn với dịch vụ, thương mại, công nghiệp; cùng theo đó là sự đáp ứng tốt hơn về cơ sở hạ tầng như: giao thông,

điện, thông tin liên lạc và các thiết chế văn hóa, giáo dục, y tế... Thúc đẩy đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông nhằm kết nối với khu vực trung tâm và các địa bàn giáp ranh, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa, nâng cao mức sống người dân.

b) Với vai trò là đô thị chuyên ngành, trung tâm của thị xã và của huyện về công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và thương mại - dịch vụ trung tâm tiểu vùng, việc thành lập các phường, thị trấn sẽ khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên của vùng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của vùng phía Đông Bắc tỉnh Bắc Giang. Các phường, thị trấn có cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, tăng dần tỷ trọng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ; thu nhập bình quân đầu người tăng lên, các hoạt động sản xuất kinh doanh cũng thuận lợi hơn. Với vị trí địa lý thuận lợi về giao thông, các phường, thị trấn sẽ là địa điểm thu hút hoạt động đầu tư sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp trong và ngoài nước; đảm bảo cho kinh tế địa phương ngày càng phát triển, góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động.

c) Để đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định, các phường, thị trấn đã được quy hoạch, đầu tư, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Theo đó, sẽ tiếp tục được ưu tiên đầu tư hệ thống hạ tầng giao thông, cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc, văn hóa - xã hội,... sẽ đáp ứng yêu cầu của người dân ngày càng tốt hơn.

d) Các phường, thị trấn được thành lập là cơ sở pháp lý cho việc tổ chức bộ máy chính quyền đô thị quản lý phù hợp thực trạng phát triển trên địa bàn, điều này tạo ra nguồn lực to lớn thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

## 1.2. Hạn chế, khó khăn

a) Sau khi thành lập sẽ có những khó khăn trong quản lý đất đai, cấp giấy phép xây dựng nhà ở, giấy phép kinh doanh,... khi thực hiện nhiệm vụ của chính quyền đô thị. Cơ sở hạ tầng đô thị đã được đầu tư xây dựng trên một số lĩnh vực chưa đồng bộ; thói quen, lối sống về bảo vệ môi trường, trật tự đô thị một số người dân còn hạn chế. Sự phát triển kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa sẽ dẫn đến nhiều vấn đề mới nảy sinh như tình trạng gia tăng dân số, lao động, việc làm, chuyển dịch cơ cấu, thành phần dân cư; quản lý kiến trúc cảnh quan và môi trường đô thị; trật tự, an toàn, tệ nạn xã hội, quốc phòng, an ninh.

b) Quá trình phát triển kinh tế kéo theo đời sống văn hóa, tinh thần và các vấn đề xã hội của người dân sẽ phát sinh thêm những vấn đề cần giải quyết như: tình trạng lấn chiếm vỉa hè để kinh doanh, buôn bán, việc quản lý các đối tượng vô gia cư,... cần phải có thời gian để khắc phục cho phù hợp.

c) Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất, tăng diện tích đất ở, giao thông, công trình công cộng, dịch vụ thương mại, công nghiệp... đồng thời thu hẹp diện tích đất nông nghiệp gây ra ảnh hưởng hoạt động sản xuất, sinh hoạt người dân và cơ cấu kinh tế trong khu vực. Các hộ dân nằm trong khu vực giải

tỏa phải di chuyển đến nơi ở mới ảnh hưởng đến cuộc sống, phát sinh các mâu thuẫn trong vấn đề giải phóng mặt bằng. Việc trưng dụng đất nông nghiệp sẽ khiến một bộ phận dân cư bị mất đất sản xuất, buộc phải chuyển đổi ngành nghề, thay đổi lối sống từ nông nghiệp sang làm dịch vụ, công nghiệp,...

### 1.3. Giải pháp khắc phục

Rà soát lại các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các chế độ, chính sách hiện hành làm cơ sở cho việc điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với mô hình phát triển đô thị; tiếp tục hoàn thiện hệ thống hạ tầng đô thị, như hạ tầng giao thông, cấp thoát nước, vệ sinh môi trường và các công trình công cộng tạo cơ sở tăng trưởng kinh tế. Có cơ chế thông thoáng, thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp và khối tư nhân vào phát triển kinh tế địa phương; khuyến khích phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tiếp cận nguồn vốn mở rộng sản xuất kinh doanh, xây dựng nhà ở góp phần đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tiến tới xây dựng đô thị văn minh, đồng bộ, hiện đại.

## 2. Tác động về tổ chức quản lý Nhà nước

### 2.1. Tác động tích cực

a) Việc chuyển đổi từ chính quyền nông thôn sang chính quyền đô thị sẽ giúp cho công tác quản lý nhà nước được tốt hơn, phù hợp với thực tiễn phát triển đô thị và giải quyết hiệu quả hơn các bất cập phát sinh do quá trình đô thị hóa như: quản lý kinh tế, quản lý quy hoạch xây dựng, kiến trúc, quản lý kết cấu hạ tầng kỹ thuật, quản lý dân cư, phòng chống các tệ nạn xã hội, bảo đảm trật tự công cộng, cảnh quan và bảo vệ môi trường.

b) Thành lập các phường, thị trấn trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên và dân số của các đơn vị hành chính nên không làm phát sinh biên chế cán bộ, công chức. Đồng thời, việc thành lập cơ sở đề cơ cấu, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, công chức các phường đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ về quản lý trật tự đô thị, xây dựng, quản lý đất đai, dân cư, giải quyết thủ tục hành chính... ở cơ sở.

c) Công tác quản lý nhà nước được thực hiện chuyên sâu, theo ngành, lĩnh vực của đô thị gắn với thực hiện tốt cải cách thủ tục hành chính được cải cách tạo thuận lợi giải quyết công việc nhanh, hiệu quả, giảm áp lực cho các dịch vụ hành chính công. Cùng với đó, việc bố trí lực lượng công an chính quy sẽ góp phần đảm bảo an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

### 2.2. Hạn chế, khó khăn

a) Việc thay đổi đơn vị hành chính thị trấn, xã lên phường, từ xã lên thị trấn sẽ ảnh hưởng đến công tác giải quyết các thủ tục hành chính của tổ chức, cá nhân; các doanh nghiệp, tổ chức và người dân trên địa bàn phải kê khai thay đổi lại địa chỉ đơn vị, gia đình cho phù hợp; các giấy tờ sở hữu liên quan cũng phải thay đổi.



b) Công tác quản lý Nhà nước từ mô hình chính quyền nông thôn sang chính quyền đô thị, bước đầu cần phải có thời gian để ổn định; đội ngũ cán bộ, công chức sẽ có khó khăn nhất định ban đầu do sự khác biệt về chức năng, nhiệm vụ giữa hai mô hình quản lý.

### 2.3. Giải pháp khắc phục

a) Tập trung xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, thường xuyên kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức cấp ủy, chính quyền, mặt trận và các tổ chức chính trị xã hội; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Rà soát đội ngũ cán bộ, công chức; tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn để đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới phù hợp với chức năng, mô hình đô thị sau khi thành lập; đồng thời phục vụ người dân được tốt hơn.

b) Chính quyền địa phương các cấp thuộc tỉnh Bắc Giang sẽ chỉ đạo thực hiện công tác thay đổi giấy tờ, địa chỉ, giấy phép đăng ký kinh doanh,.. cho các doanh nghiệp, người dân trên địa bàn theo quy định và không thu phí chuyển đổi.

## 3. Tác động về mặt môi trường

### 3.1. Tác động tích cực

a) Diện mạo đô thị được chỉnh trang, mở rộng; các khu chức năng được bố trí hợp lý; hệ thống giao thông được hoàn chỉnh tạo điều kiện phát triển về nhiều mặt, kích cầu kinh tế địa phương, thu hút đầu tư...; các cơ sở hạ tầng xã hội phát triển, giúp chất lượng cuộc sống của người dân được đảm bảo, nâng cao dân trí và sức khỏe cộng đồng; hệ thống hạ tầng kỹ thuật được quy hoạch đồng bộ, hoàn chỉnh (giao thông, cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc, thoát nước, xử lý nước thải...) là cơ hội cải thiện chất lượng môi trường sống của nhân dân, đưa đô thị phát triển theo hướng bền vững.

b) Xây dựng hệ thống công viên, cây xanh, mặt nước giúp điều hòa vi khí hậu, tạo lập khu vui chơi, giải trí, nghỉ ngơi, thư giãn, đáp ứng các nhu cầu sinh hoạt cộng đồng của nhân dân hình thành một đô thị hiện đại, văn minh gắn liền với phát triển bền vững.

### 3.2. Hạn chế, khó khăn

Môi trường đô thị sẽ bị ảnh hưởng dưới áp lực cuộc sống đô thị công nghiệp, dịch vụ. Sự tăng trưởng nhanh chóng của các ngành công nghiệp sẽ làm tăng khí thải, bụi, rác thải, nước thải làm biến đổi các thành phần của môi trường không khí, đất, nước... Khối lượng rác thải rắn tăng lên cùng quá trình đô thị hóa, quá trình phát triển kinh tế, tăng quy mô dân số, tăng mức sống, tăng thu nhập. Rác thải từ các ngành công nghiệp, xây dựng, thương mại, hộ gia đình. Khi ngành công nghiệp tăng trưởng cả về số lượng, chất lượng và quy mô các nhà máy thì lượng nhiên liệu tiêu dùng tăng làm lượng khí thải ra môi trường tăng nếu không được kiểm soát chặt chẽ sẽ làm môi trường bị ô nhiễm ngày càng cao. Dân số tăng nhanh do gia tăng dân số cơ học từ các ngành công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn sẽ gây ra nhiều vấn đề phải giải quyết như nhà ở,

dịch vụ, thông tin, giáo dục, y tế, cơ sở hạ tầng, việc làm, ô nhiễm môi trường, cùng với đó số lượng phương tiện giao thông cá nhân sẽ tăng nhanh làm gia tăng khói bụi, gây ô nhiễm môi trường không khí.

### 3.3. Giải pháp khắc phục

a) Quan tâm nâng cao năng lực thực thi nhiệm vụ quản lý Nhà nước trong lĩnh vực môi trường, tăng cường phối hợp với các cơ quan chức năng triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những tác động đến môi trường.

b) Bố trí cây xanh giao thông hợp lý, tăng cường dải cây xanh cách ly công nghiệp; trên các tuyến trục giao thông chính (đặc biệt với khu vực dân cư, bệnh viện, trường học...); tăng cường giao thông công cộng; khuyến cáo sử dụng nhiên liệu, năng lượng sạch, hạn chế sử dụng nhiên liệu hóa thạch.

c) Phát triển công nghiệp sạch, có cơ chế khuyến khích, ưu tiên các doanh nghiệp sử dụng công nghệ hiện đại, phát thải ô nhiễm thấp, có biện pháp quản lý bảo vệ môi trường tốt; đồng thời có chế tài xử phạt nghiêm khắc các cơ sở gây ô nhiễm, ảnh hưởng đến môi trường, hệ sinh thái và cộng đồng dân cư...

d) Thực hiện tốt công tác đền bù và giải phóng mặt bằng, chuyển đổi ngành nghề và hướng nghiệp cho nhân dân; quản lý chặt chẽ quá trình xây dựng, phát triển dịch vụ trên địa bàn. Nghiêm cấm các hành vi lấn chiếm, xây dựng trái phép, các hành vi gây ảnh hưởng đến môi trường, hệ sinh thái tự nhiên trong khu vực; khuyến cáo người dân sử dụng nước cấp, quản lý chặt chẽ việc khai thác nước ngầm trên địa bàn.

đ) Quản lý chặt chẽ hoạt động xử lý nước thải, đảm bảo các trạm xử lý luôn hoạt động liên tục, đúng công suất và quy trình kỹ thuật, đảm bảo nước thải đầu ra luôn đạt các tiêu chí môi trường theo quy định, khi phát hiện sự cố kịp thời xử lý và có biện pháp dự phòng; tăng cường công tác quản lý buôn bán hóa chất bảo vệ thực vật và kiểm định vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn; hướng dẫn người dân sử dụng hóa chất đúng quy cách, liều lượng; vận động người dân có ý thức thu gom bao bì hóa chất sau khi sử dụng tập trung đưa đi xử lý.

e) Tăng cường đội ngũ kiểm lâm, bảo vệ rừng và hệ sinh thái; có các kế hoạch phát triển và khai thác rừng hiệu quả, phù hợp; phòng chống cháy rừng, kiểm soát chặt chẽ hoạt động buôn bán, khai thác lâm sản.

## 4. Tác động về lĩnh vực quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội

### 4.1. Tác động tích cực

a) Quá trình phát triển kinh tế xã hội, ưu tiên nguồn lực để phát triển đô thị đạt tiêu chuẩn, tiêu chí của thành lập thị trấn, đã một lần nữa khẳng định quan điểm, chủ trương trong việc tập trung phát triển kinh tế, phát triển đô thị gắn với tăng cường bảo đảm quốc phòng - an ninh trong tình hình mới.

b) Thành lập phường, thị trấn là tiền đề để xác định địa bàn trọng điểm về an ninh trật tự làm cơ sở kiện toàn lại tổ chức của lực lượng quân sự, bố trí lực

lượng công an chính quy, bảo vệ dân phố nên sẽ góp phần củng cố, đảm bảo yêu cầu về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

#### 4.2. Hạn chế, khó khăn

Dân số cơ học và số lượng người nhập cư tăng sẽ có những tác động đến công tác bảo đảm an ninh trật tự; các tệ nạn xã hội dễ có điều kiện xâm nhập đến một bộ phận dân cư, nhất là giới trẻ.

#### 4.3. Giải pháp khắc phục

Thường xuyên triển khai công tác phát động quần chúng; xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân; duy trì có hiệu quả phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc; tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao ý thức cảnh giác cách mạng của quần chúng nhân dân đối với âm mưu thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch. Hệ thống chính trị và các tổ chức ở các tổ dân phố phải nắm chắc tình hình và tư tưởng của quần chúng nhân dân, kịp thời giải quyết những phát sinh, vướng mắc; kiên quyết không để hình thành các tổ chức, lực lượng phản động trên địa bàn, không để xảy ra các “điểm nóng” mà các thế lực thù địch tạo cơ chống phá, gây mất ổn định tình hình.

## **B. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THỊ XÃ CHŨ VÀ CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ CHŨ**

### **I. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THỊ XÃ CHŨ**

#### **1. Quan điểm phát triển**

Xây dựng thị xã Chũ trở thành đô thị trung tâm gắn với sản xuất nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao, trở thành động lực tăng trưởng kinh tế, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng có trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo tính kết nối vùng phía Đông của tỉnh Bắc Giang; là đô thị trung tâm tổng hợp cấp vùng tỉnh Bắc Giang; đầu mối giao lưu thương mại, du lịch, dịch vụ, động lực phát triển vùng Đông bắc tỉnh Bắc Giang; lấy vùng nguyên liệu nông, lâm nghiệp gắn với công nghiệp chế biến nông sản, nông nghiệp hàng hóa, nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ, du lịch văn hóa, sinh thái, tâm linh và các ngành kinh tế có giá trị gia tăng cao làm hạt nhân phát triển.

Xây dựng thị xã Chũ là đô thị xanh, hướng tới phát triển bền vững, lấy yếu tố cảnh quan tự nhiên, môi trường sinh thái làm chủ đạo, kết hợp các giải pháp tổ chức không gian hiện đại, gắn kết hài hòa khu vực nội thị của thị xã Chũ với nông thôn nông nghiệp, tạo nên sự khác biệt, hấp dẫn về phong cách đặc trưng của thị xã.

#### **2. Mục tiêu phát triển**

##### **a) Mục tiêu chung**

Khai thác toàn diện, có hiệu quả các tiềm năng lợi thế của địa phương, phấn đấu trở thành vùng trọng điểm về kinh tế, công nghiệp chế biến nông sản, nông nghiệp hàng hóa, nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ, du lịch

văn hóa, sinh thái, tâm linh của tỉnh Bắc Giang, Trung du miền núi phía Bắc và vùng Đông bắc bộ. Kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với đảm bảo an sinh xã hội, giảm thiểu sự chênh lệch về mức sống giữa dân cư nội thị, ngoại thị và các địa bàn xa trung tâm, phân đầu xóa đói giảm nghèo nhanh và bền vững.

Bảo tồn phát huy giá trị bản sắc văn hóa dân tộc, cải tạo phong tục, tập quán lạc hậu, giữ được đặc trưng tự nhiên và xã hội của địa phương; giải quyết có hiệu quả những bất cập, tồn tại trong quy hoạch, quản lý đô thị, đất đai, phát triển du lịch; đảm bảo tính đồng bộ và kế thừa không làm xáo trộn, phá vỡ giá trị hiện có.

Xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh, đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức thực sự trách nhiệm đáp ứng yêu cầu phát triển của thị xã Chũ trong thời kỳ mới; đẩy mạnh công tác quản lý Nhà nước, kêu gọi đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng được hiệu quả, đúng quy hoạch phê duyệt; đáp ứng yêu cầu pháp triển đô thị, nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị; có nguồn lực kinh tế để lựa chọn phát triển.

Đảm bảo củng cố quốc phòng, an ninh; xây dựng một số công trình có tính cấp thiết đáp ứng khả năng cơ động sẵn sàng chiến đấu, bảo đảm đáp ứng tốt các cơ sở chiến lược trong mạng lưới quốc phòng, an ninh trong việc bảo vệ chủ quyền của tổ quốc.

#### b) Chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng sản phẩm trên địa bàn (GRDP): giai đoạn đến năm 2025 bình quân 14 đến 16%/năm; giai đoạn đến năm 2030 đạt 16%/năm.

- Tổng giá trị sản xuất của các ngành đến năm 2030 đạt 20.500 tỷ đồng. Trong đó: Nông, lâm nghiệp, thủy sản giá trị đạt 2.800 tỷ đồng, chiếm 14,66%, tốc độ tăng trưởng khoảng 4,0%; công nghiệp - xây dựng giá trị đạt 8.500 tỷ đồng, chiếm 40,46%, tốc độ tăng trưởng khoảng 17,4%; thương mại, dịch vụ giá trị đạt 9.200 tỷ đồng, chiếm 44,88%, tốc độ tăng trưởng khoảng 16,1%.

- Thu nhập bình quân/người/năm đạt 85 triệu đồng vào năm 2025 và đạt 105 triệu đồng vào năm 2030.

- Giá trị sản xuất/1ha đất sản xuất nông nghiệp năm 2025 đạt 132,2 triệu đồng; tỷ lệ che phủ rừng đạt 40%.

- Thu ngân sách trên địa bàn trong dự toán tăng bình quân 15%/năm.

- Tỷ lệ hộ nghèo toàn thị xã giảm còn dưới 1,5%; các xã khu vực ngoại thị còn dưới 3%.

- Tỷ lệ gia đình văn hóa trên 90%; thôn, tổ dân phố văn hóa đạt 85%; cơ quan văn hóa đạt 100%.

- Trường đạt chuẩn quốc gia 42/42 trường, đạt 100%; trong đó có 03 trường đạt chuẩn mức độ 2.

- Tỷ lệ dân số đô thị sử dụng nước sạch 100%; tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh 99%.

- Giải quyết việc làm cho bình quân cho 2.000 người/năm, xuất khẩu lao động bình quân 110 người/năm; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75%.

### **3. Nhiệm vụ và giải pháp**

#### **3.1. Về phát triển kinh tế**

##### **a) Phát triển công nghiệp - xây dựng**

Đẩy mạnh phát triển làng nghề, tiêu thủ công nghiệp truyền thống sản xuất các sản phẩm hàng hóa lưu niệm đặc sắc phục vụ nhu cầu của khách du lịch. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển tiêu thủ công nghiệp, chú trọng phát triển, đầu tư chiều sâu khôi phục các ngành nghề truyền thống phục vụ du lịch. Tăng cường phát triển hợp tác xã, làng nghề, ưu tiên khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn, tập trung phát triển mỗi địa phương một nghề.

Tổ chức thực hiện tốt các quy hoạch công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp đã được phê duyệt, tập trung tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án công nghiệp trên địa bàn. Tập trung thực hiện các dự án khu du lịch, khu vui chơi giải trí, khu nghỉ dưỡng cao cấp được đầu tư trên địa bàn.

Đầu tư phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản các sản phẩm nông, lâm nghiệp và đầu tư các ngành nghề giải quyết được nhiều lao động; phát triển dịch vụ du lịch (trọng tâm là khu du lịch sinh thái, thể thao)...

##### **b) Thương mại - dịch vụ và du lịch**

Tiếp tục thực hiện công tác quản lý, chỉ đạo hướng dẫn thủ tục cấp phép đối với các mặt hàng kinh doanh có điều kiện. Tăng cường công tác quản lý thị trường, chống hàng giả, hàng kém chất lượng và gian lận thương mại nhằm bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, đồng thời bảo đảm lưu thông hàng hóa thông suốt. Đồng thời, thu hút đầu tư phát triển các trung tâm thương mại, siêu thị, nhà hàng, khách sạn,...

Xây dựng thị xã Chũ trở thành vùng du lịch văn minh, thân thiện, xanh - sạch - đẹp, chất lượng, an toàn, thân thiện, đẹp về kiến trúc, cảnh quan, có thương hiệu, nhiều sản phẩm du lịch đặc sắc, riêng biệt. Tạo điều kiện để nhân dân vùng khó khăn tham gia phát triển và hưởng lợi từ du lịch, ưu đãi và khuyến khích đầu tư vào các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

Tạo bước đột phá trong phát triển du lịch trên địa bàn; chú trọng các loại hình du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, tâm linh và du lịch trải nghiệm nhằm khai thác tốt lợi thế vùng cây ăn quả tập trung, các giá trị văn hóa đặc sắc của đồng bào các dân tộc trên địa bàn. Tăng cường tuyên truyền, quảng bá giới thiệu du lịch trên các phương tiện thông tin đại chúng. Công khai niêm yết giá dịch vụ, đảm bảo tính công bằng giữa các đơn vị kinh doanh, tạo môi trường kinh doanh lành mạnh.

Tiếp tục đầu tư hạ tầng du lịch nhằm khai thác tối đa lợi thế về phát triển du lịch, đa dạng hóa các loại hình như: du lịch văn hóa, sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch thể thao mạo hiểm, du lịch tâm linh.

### c) Nông - lâm nghiệp

Khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế, rà soát quy hoạch tổng thể sản xuất nông lâm nghiệp, xác định rõ định hướng sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cho từng vùng, gắn kết chặt chẽ nông nghiệp với du lịch, bảo vệ môi trường cảnh quan tự nhiên. Xây dựng thị xã Chũ và huyện Lục Ngạn trở thành vùng cây ăn quả trọng điểm cấp quốc gia.

Nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp, tăng thu nhập cho nhân dân, trọng tâm là ứng dụng khoa học kỹ thuật để chuyển dịch cơ cấu trồng trọt và chăn nuôi, gắn với xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là hạ tầng giao thông, đô thị.

Thực hiện tốt phòng chống dịch bệnh và đói rét cho gia súc, nâng cao chất lượng kiểm dịch, kiểm soát giết mổ gia súc, gia cầm. Khuyến khích phát triển các loại hình hợp tác xã nông nghiệp, xây dựng và nhân rộng mô hình liên kết 04 nhà, làm tốt các chính sách, hỗ trợ phát triển nông nghiệp và đổi mới cơ chế hỗ trợ sản xuất cho phù hợp, hiệu quả. Củng cố kênh mương đảm bảo tưới tiêu.

Tập trung phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm bản địa phục vụ du lịch, quy hoạch vùng chăn nuôi và hướng dẫn phương thức chăn nuôi phù hợp. Nâng cao năng suất, sản lượng thủy sản nước lạnh. Khảo sát mở rộng diện tích nuôi thủy sản bằng các giống mới, các giống cá đặc sản địa phương.

### 3.2. Về phát triển văn hóa - xã hội

#### a) Giáo dục - đào tạo

Duy trì và phát triển quy mô, mạng lưới trường, lớp học hợp lý, đẩy mạnh hướng nghiệp, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, giáo dục tiểu học, trung học cơ sở. Phân luồng học sinh sau tốt nghiệp, duy trì tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở lên trung học phổ thông và học nghề.

Thực hiện giáo dục toàn diện, tạo chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, chuẩn hóa giáo dục vùng cao, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện vùng phát triển. Chú trọng phát triển trường phổ thông dân tộc bán trú, thực hiện có hiệu quả công tác hướng nghiệp, phân luồng trung học cơ sở, xóa mù chữ cho người lớn và đào tạo nghề cho người lao động.

Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập. Xây dựng đội ngũ giáo viên đủ số lượng, đồng bộ về cơ cấu bộ môn, ưu tiên hợp đồng, tuyển dụng giáo viên là con em các dân tộc địa phương. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục.

#### b) Văn hóa, thông tin, thể dục thể thao

Bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, bảo vệ các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể, tài nguyên về văn hóa, hình thành các đội văn nghệ dân gian đặc sắc tại các làng du lịch cộng đồng trên địa bàn. Tuyên truyền vận động nhân dân xây dựng khu dân cư văn hóa, cải tạo tập quán lạc hậu, đẩy mạnh phong trào xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.

Duy trì Lễ hội dân gian các dân tộc trên địa bàn. Xây dựng thiết chế văn hóa, gắn với đời sống văn hóa cơ sở và phát triển du lịch. Đầu tư xây dựng các Trung tâm văn hóa cấp xã, nhà văn hóa cấp thôn, tổ dân phố.

Đầu tư và nâng cấp hạ tầng thông tin; tăng cường áp dụng công nghệ thông tin trong xử lý, giải quyết công việc của các cơ quan nhà nước; nâng cấp các trạm truyền hình, đầu tư mới các trạm truyền thanh, từng bước thay thế truyền thanh hữu tuyến bằng hệ thống truyền thanh vô tuyến.

#### c) Lĩnh vực y tế

Củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở, đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế cho tuyến y tế cơ sở. Tăng cường nâng cao các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, chú trọng đến các đối tượng phụ nữ và trẻ em, vùng đặc biệt khó khăn, người nghèo, người dân tộc thiểu số và các đối tượng chính sách.

Đầu tư phát triển Trung tâm y tế thị xã, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh của các phòng khám đa khoa khu vực và trạm y tế xã, phường.

Thực hiện triển khai có hiệu quả các chỉ tiêu kế hoạch của dự án và Chương trình mục tiêu Quốc gia về Dân số & Kế hoạch hóa gia đình, giảm tỷ lệ sinh con thứ 3, mở rộng bảo hiểm y tế toàn dân. Ưu tiên đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là đội ngũ bác sỹ, tăng cường công tác quản lý nhà nước về hành nghề y dược tư nhân, sản xuất kinh doanh thuốc đông y, kiểm tra và quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm.

#### d) Về đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động

Các trường, cơ sở giáo dục nghề nghiệp phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền tiến hành điều tra, khảo sát nhu cầu đào tạo nghề, nhu cầu giải quyết việc làm, ngành nghề cần đào tạo, trình độ văn hóa và trình độ đào tạo, độ tuổi của người dân trên địa bàn.

Tổ chức tư vấn nghề nghiệp, tuyên truyền chính sách của Nhà nước, đồng thời thông tin về năng lực đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nhu cầu tuyển dụng lao động của tổ chức, doanh nghiệp lân cận, các khu du lịch để người lao động biết, lựa chọn và đăng ký học nghề phù hợp với khả năng, nguyện vọng của người lao động.

Hỗ trợ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài về chi phí học nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết, các chi phí về ăn ở, đi lại, chi phí làm thủ tục hộ chiếu, thị lực, khám sức khỏe, lý lịch tư pháp trước khi đi làm việc ở nước ngoài. Người lao động đi làm việc ở nước ngoài nếu có nhu cầu vay vốn được vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

#### đ) Về lĩnh vực bảo đảm an ninh - quốc phòng

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, xã hội với quốc phòng, an ninh, đối ngoại; đảm bảo việc thực hiện các dự án, công trình hạ tầng không ảnh hưởng đến thế trận phòng thủ của địa phương. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân với xây dựng nền an ninh nhân dân vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị,

trật tự an toàn xã hội. Hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân, tỷ lệ đơn vị dân quân, tự vệ đạt vững mạnh hằng năm.

Xử lý tốt các tình huống, các vấn đề phức tạp nảy sinh từ cơ sở, ngăn chặn và giải quyết kịp thời các hoạt động tôn giáo trái pháp luật, di cư tự do, phụ nữ bỏ đi khỏi địa phương.

Chủ động phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, giải quyết tốt đơn thư khiếu nại tố cáo. Mở rộng mạng lưới an ninh nhân dân đến tận thôn bản, xóm phố. Thành lập đội cảnh sát phòng cháy chữa cháy trên địa bàn thị xã.

Đảm bảo chất lượng công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Thực hiện tốt các cuộc thanh tra hàng năm gắn với thực hiện nghiêm túc các kết luận thanh tra và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân.

Nâng cao chất lượng cán bộ, đảng viên và các cấp ủy, chính quyền cơ sở, nâng cao nhận thức làm rõ âm mưu, hoạt động của địch và tính chất mạnh động, nguy hiểm của hoạt động lợi dụng dân tộc thiểu số xâm phạm an ninh quốc gia, từ đó chỉ đạo các ngành, các cấp tập trung củng cố cơ sở chính trị ở các địa bàn trọng điểm, phức tạp. Chủ động phòng ngừa, ngăn chặn các đối tượng. Xây dựng thế trận an ninh nhân dân và phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ tạo nền tảng vững chắc cho đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn.

#### e) Lĩnh vực quản lý nhà nước

Củng cố bộ máy quản lý nhà nước tại các cấp; xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng cấp, ngành, cá nhân. Thực hiện sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, biên chế, số lượng và đối tượng cần thực hiện chính sách tinh giảm biên chế đối với từng cơ quan, đơn vị phù hợp với mô hình chính quyền đô thị.

Tăng cường công tác đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ công chức theo chức năng nhiệm vụ mới của mô hình quản lý đô thị. Nâng cao hiệu quả công tác phối kết hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước, tính chuyên nghiệp của bộ máy chính quyền các cấp, đặc biệt là cấp cơ sở.

Cải cách, đơn giản hóa tất cả các thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp. Tăng cường nguồn lực cho xóa đói giảm nghèo, nâng cao nhận thức của nhân dân và củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở, đào tạo, nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ tại chỗ, đặc biệt là cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số, gắn liền với giải quyết các vấn đề xã hội, thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội gắn với an ninh quốc phòng.

### **3.3. Phát triển đô thị**

Đổi mới nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác quy hoạch, thiết kế đô thị, quản lý quy hoạch kiến trúc, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, quản lý đô thị gắn với kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa xã hội. Ưu tiên quỹ đất vùng trung tâm nội thị xây dựng khu thương mại, du lịch, dịch vụ tổng hợp, hiện đại xứng tầm là đô thị trung tâm phía Đông của tỉnh. Huy động các nguồn lực, tập



trung xây dựng tạo bước đột phá về hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị, phát triển nhanh kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội như: Giao thông, thủy lợi, điện, cấp nước, thoát nước... phát triển Chủ đảm bảo các tiêu chí của đô thị loại III vào năm 2030 và đến năm 2040 cơ bản đạt các tiêu chuẩn thành lập thành phố Chủ.

a) Phát triển giao thông:

- Giao thông đối ngoại:

Quốc lộ 31: Đoạn qua khu vực nội thị thị xã Chủ, lộ giới 30 m (trong đó lòng đường 15 m, hè đường 2 bên 15 m); đoạn qua khu vực nông thôn, nông nghiệp lộ giới 36 m (trong đó lòng đường 10,5 m, lề đường 2 bên 25,5 m).

Các tuyến đường tỉnh 289; 290; 293 kéo dài, 295: Đoạn qua khu vực nội thị thị xã, lộ giới 36 m (trong đó lòng đường 15 m, hè đường 2 bên 21 m); đoạn qua khu vực nông thôn, nông nghiệp, lộ giới 36 m (trong đó lòng đường 10,5 m, lề đường 2 bên 25,5m).

- Giao thông đô thị gồm:

Đường trục chính đô thị: Đoạn qua khu vực nội thị thị xã lộ giới 42 m (trong đó lòng đường 21 m, dải phân cách rộng 3 m, hè đường 2 bên 18 m); đoạn qua khu vực nông thôn, nông nghiệp lộ giới 42 m (trong đó lòng đường 10,5 m, lề đường 2 bên 31,5 m).

Đường liên đô thị: Đoạn qua khu vực nội thị thị xã lộ giới 36 m (trong đó lòng đường 21 m, dải phân cách rộng 3,0 m, hè đường 2 bên 12 m); đoạn qua khu vực nông thôn, nông nghiệp lộ giới 36 m, (trong đó lòng đường 10,5 m, lề đường 2 bên 25,5 m).

Đường liên khu vực: Đoạn qua khu vực nội thị thị xã lộ giới 30 m (trong đó lòng đường 10,5 m, hè đường 2 bên 19,5 m); đoạn qua khu vực nông thôn, nông nghiệp lộ giới 30 m (trong đó lòng đường 7,5 m, lề đường 2 bên 22,5m).

Đường chính khu vực: Đoạn qua khu vực nội thị thị xã lộ giới 27,5 m (trong đó lòng đường 10,5 m, hè đường 2 bên 17 m); đoạn qua khu vực đô thị Hồ Khuôn Thần lộ giới 27,5 m (trong đó lòng đường 7 m, lề đường 2 bên 20,5 m); một số đoạn qua khu vực đất ở đô thị có lộ giới 23 m (trong đó lòng đường 7 m, lề đường 2 bên 16 m). Đoạn qua khu vực nông thôn, nông nghiệp lộ giới 27,5 m (trong đó lòng đường 7 m, lề đường 2 bên 20,5 m).

- Hệ thống giao thông tĩnh (dành cho giao thông công cộng):

Hệ thống giao thông tĩnh thị xã Chủ bao gồm các bãi đỗ xe và điểm dịch vụ vận tải; diện tích tối thiểu 01 khu vực cửa ngõ đô thị khoảng 15 - 25 ha.

- Giao thông đường thủy:

Tuyến giao thông thủy bao gồm giao thông thủy thị xã Chủ với chiều dài sông Lục Nam khoảng 47,5 km, sông Bò khoảng 19 km. Bố trí 01 bến cảng tại Mỹ An, tối thiểu 10 bên thuyền trên sông Lục Nam; 05 bên thuyền trên sông Bò.

b) Về cao độ san nền

Thị xã Chũ có đặc trưng cảnh quan đa dạng, gồm các khu vực đồng trũng và đồi núi cao. Vì vậy, cần hạn chế san lấp tránh phá vỡ cảnh quan tự nhiên. Với những khu vực thuộc lưu vực sông Lục Nam, sông Bò khi xây dựng cần tôn nền trên 13 m (cốt chậm lũ 12,5 m) để phòng ngập lụt. Đồng thời lựa chọn cốt nền xây dựng gắn với từng khu vực cụ thể.

c) Về thoát nước mưa

- Thị xã Chũ có nhiều dòng chảy, nhiều độ dốc khác nhau nên lựa chọn giải pháp thoát nước tự nhiên.

Các khu vực nông thôn, nông nghiệp sử dụng mương hở, suối; mở rộng lòng suối, làm đường kỹ thuật dọc ven sông, ven suối tạo dòng chảy cho thoát nước theo quy hoạch hành lang xanh với chiều rộng tối thiểu 5,5 m. Đối với một số tuyến đường đi men theo sườn đồi sẽ làm mương đón nước, tránh hiện tượng sạt lở đất; hệ thống mương đón nước được dẫn đầu nối vào hệ thống thoát nước chung, hoạt động theo chế độ tự chảy.

Các khu vực dân cư, khu đô thị tập trung trong khu vực nội thị bố trí hệ thống thoát nước mưa riêng với hệ thống thoát nước thải; sử dụng cống tròn bê tông cốt thép hoặc cống hộp bê tông cốt thép có cùng tiết diện từ D3.000, D2.400; D1.800, D1.200; D1.000 đến D800 tương ứng với cấp cụm đô thị, tiểu khu đô thị và khu ở.

- Toàn thị xã được phân thành 14 lưu vực thoát nước theo các con suối, dòng chảy hiện hữu, tổng diện tích khoảng 35.729 ha; trong khu vực xây dựng các đô thị, tiểu khu đô thị phân chia thành 30 tiêu lực vực thoát nước.

d) Về cấp nước

- Nhu cầu:

Giai đoạn ngắn hạn, đến năm 2030 khoảng tổng nhu cầu cấp nước từ 17.000 đến 17.500 m<sup>3</sup>/ngđ.

Trong dài hạn, đến năm 2050 khoảng 30.000 - 30.500 m<sup>3</sup>/ngđ.

- Nguồn cấp nước:

Trong ngắn hạn, đến năm 2030 có 04 nhà máy nước gồm nhà máy nước Chũ hiện có 3.000 m<sup>3</sup>/ngđ, tăng công suất đạt 5.000 m<sup>3</sup>/ngđ. Xây dựng mới nhà máy nước Phụng Sơn khoảng 4.000 m<sup>3</sup>/ngđ, nhà máy nước Hồng Giang 4.400 m<sup>3</sup>/ngđ (nguồn nước sông Lục Nam); xây mới nhà máy nước tiểu khu đô thị sinh thái Hồ Khuôn Thần công suất đạt 6.700 m<sup>3</sup>/ngđ (nguồn nước hồ Cẩm Sơn).

Trong dài hạn, đến năm 2050 có 05 nhà máy nước là nhà máy nước Chũ hiện có 5.000 m<sup>3</sup>/ngđ, nhà máy nước Phụng Sơn 4.000 m<sup>3</sup>/ngđ, nhà máy nước Hồng Giang 4.400 m<sup>3</sup>/ngđ và nhà máy nước Mỹ An đạt 18.000 m<sup>3</sup>/ngđ. Nguồn nước cấp cho đô thị Chũ lấy từ sông Lục Nam, Sông Bò; tăng công suất nhà máy nước tiểu khu đô thị sinh thái Hồ Khuôn Thần đạt 8.000 m<sup>3</sup>/ngđ (nguồn nước từ hồ Cẩm Sơn).

- Mạng lưới truyền dẫn chính:

Sử dụng mạng lưới hỗn hợp, kết hợp mạng lưới vòng và mạng lưới cụt nhằm đảm bảo cho việc cấp nước được liên tục đầy đủ và giảm giá thành xây dựng. Trong ngắn hạn, đến năm 2030: Khu vực phía Bắc sông Lục Nam, xây dựng tuyến ống nước các tiểu khu đô thị dọc theo Quốc lộ 31, từ Phượng Sơn đến Hồng Giang và khu đô thị hồ Khuôn Thần.

Trong dài hạn, đến năm 2050: Xây dựng tuyến ống nước trục hạ tầng chính, mạch vòng đi qua sông Lục Nam, cấp nước cho toàn thị xã, ống cấp nước 20.500 ram, khoảng 72 lần.

- Cấp nước chữa cháy:

Xe cứu hoả lấy nước từ sông, hồ, hoặc lấy nước từ các trụ cứu hoả (theo hệ thống cung cấp nước sạch) để chữa cháy.

đ) Thoát nước thải:

- Khu vực nội thị thị xã:

Xây dựng hệ thống thoát nước riêng (nước thải và nước mưa chảy theo hệ thống ống riêng). Toàn thị xã có 23 trạm xử lý nước thải sinh hoạt, tổng công suất đến năm 2030 khoảng 11.000 - 11.500 m<sup>3</sup>/ngày; giai đoạn đến 2050 khoảng ...m<sup>3</sup>/ngày. Hệ thống thoát nước thải có đường kính từ D400 - D800 để thu gom dẫn về các trạm xử lý; riêng với đoạn ống thoát tiếp cận với các trạm, trung tâm xử lý nước thải sẽ sử dụng loại cống có hiệu năng cao để phù hợp với công suất của trạm xử lý nước thải.

Nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn về môi trường sẽ lưu chứa ở các hồ sinh học trong các trung tâm xử lý nước thải để kiểm tra chất lượng nước trước khi xả ra môi trường.

- Khu vực nông thôn: Xây dựng hệ thống thoát nước chung, xử lý nước thải bằng bể tự hoại, hồ sinh học trong điều kiện tự nhiên ở từng khu vực để tưới nông nghiệp.

- Các khu vực khác ngoài đô thị (hậu cần vận tải, công nghiệp, du lịch, dịch vụ, thương mại): Tổ chức xử lý nước thải riêng, với yêu cầu đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định trước khi xả ra môi trường tự nhiên.

e) Về cấp điện:

- Nhu cầu:

Nhu cầu cấp điện trong ngắn hạn, đến năm 2030 khoảng 71.500 - 72.000 KVA/ngày; nhu cầu cấp điện trong dài hạn, đến năm 2050 khoảng 149.500 KVA/ngày.

- Nguồn điện:

Trong ngắn hạn, nguồn điện cấp cho thị xã Chũ được lấy từ trạm biến áp 110 kV Lục Ngạn và Lục Ngạn 2, công suất (25+40) MVA; giai đoạn 2031-2035 sẽ nâng cấp trạm Lục Ngạn công suất 40 MVA, trạm Lục Ngạn 2 công

suất 40 MVA, trạm Lục Ngạn 3 công suất 25 MVA và xây dựng mới trạm Chũ 220/110 kV công suất (2+250) MVA. Trong dài hạn, cần kết nối với lưới điện quốc gia theo các hướng khác nhau đảm bảo có từ 1-2 nguồn cấp dự phòng.

Lưới trung áp 35/22 kV: Mở rộng nâng cấp các trạm điện hiện có, xây dựng mới một số tuyến và trạm đáp ứng đủ nhu cầu tiêu thụ; lưới điện qua đoạn nội thị được bọc cách điện bằng PVC đảm bảo hành lang an toàn điện.

Trạm hạ áp 35 (22)/0,4 kV: Sửa chữa, cải tạo thay thế dần các trạm biến áp không đủ tiêu chuẩn vận hành. Các trạm biên áp xây dựng mới dùng loại trạm 22/0,4 kV. Trên cơ sở nhu cầu dùng điện của từng khu vực bố trí các trạm lưới 22/0,4 kV cho phù hợp với công suất yêu cầu, bán kính phục vụ các trạm hạ áp không quá 400 m.

Lưới hạ áp 0,4 kV:

Mạng lưới 0,4 kV hiện có tại các tuyến liên thôn vẫn giữ nguyên, sẽ cải tạo các tuyến điện sinh hoạt đến từng hộ tiêu thụ; các tuyến 0,4 kV có tiết diện nhỏ sẽ cải tạo nâng cấp tiết diện đảm bảo cung cấp điện.

Lưới chiếu sáng:

Hoàn chỉnh toàn bộ mạng lưới chiếu sáng, các trục đường có mặt cắt lớn hơn 4 m đều được chiếu sáng, bố trí bố trí đi ngầm, kết hợp với tuyến điện 0,4kV cấp điện cho sinh hoạt.

g) Về quản lý chất thải rắn:

- Giai đoạn ngắn hạn, đến năm 2030: Khối lượng rác thải cần phải xử lý khoảng từ 275 - 280 tấn/ngày.

Trước năm 2025, tiếp tục sử dụng các địa điểm tập kết rác thải theo quy hoạch nông thôn mới và đô thị hiện hữu. Phát triển khu vực chôn lấp và xử lý rác thải bãi Kiên Thành với quy mô khoảng 13,9 ha. Sau năm 2025, đầu tư xây dựng Khu chế biến và xử lý rác thải Quý Sơn, Tân Mộc và Nam Kiên Thành.

Giai đoạn dài hạn, đến năm 2050: Khối lượng chất thải rắn cần phải xử lý khoảng từ 420 - 425 tấn/ngày.

Toàn bộ các khu chế biến và xử lý rác thải đều được bố trí nằm ngoài khu vực phát triển đô thị, đảm bảo bán kính vận chuyển trên 10 km trên toàn bộ địa bàn thị xã Chũ với tổng diện tích khoảng 196,9 ha. Trong đó, khu chế biến và xử lý rác thải Quý Sơn quy mô khoảng 67,6 ha; khu chế biến và xử lý rác thải Tân Mộc quy mô khoảng 68 ha; khu chế biến và xử lý rác thải Nam Kiên Thành quy mô khoảng 61,3 ha.

Mỗi tiểu khu đô thị cần xây dựng tối thiểu 01 điểm trung chuyển rác thải ở các trung tâm kỹ thuật hạ tầng, có năng lực phân loại rác thải trước khi vận chuyển tới khu chế biến và xử lý rác thải tập trung của thị xã. Mỗi đơn vị ở cần có tối thiểu 01 điểm tập kết và thu gom rác thải, thực hiện theo chế độ phân loại rác tại nguồn.

h) Về viễn thông

Nhu cầu thông tin liên lạc trong ngắn hạn, đến năm 2030 khoảng 14.000-14.500 đường truyền dẫn, thuê bao; trong dài hạn, đến năm 2050 khoảng 20.500 - 21.000 đường truyền dẫn, thuê bao.

Hệ thống thông tin liên lạc xây dựng với công nghệ mới, hiện đại, tích hợp được các loại hình viễn thông, internet, truyền hình; nâng cấp mở rộng hệ thống chuyên mạch, truyền dẫn toàn đô thị; triển khai đồng bộ mạng cáp ngầm theo hệ thống công trình ngầm đô thị; xây dựng mạng diện rộng của đô thị phục vụ các hoạt động kinh tế - xã hội - văn hóa và quản lý phát triển đô thị; đáp ứng yêu cầu tối thiểu cho thị xã 100 đường dẫn (line)/1.000 dân; khu vực nông thôn, 50 line/1.000 dân; khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp khoảng 15 - 150 line/1.000 dân; các khu chức năng ngoài khu vực nội thị khoảng 25 line/ha.

Phát triển trạm BTS dùng chung, thân thiện với môi trường (tại các khu vực tập trung đông người như không gian mở, quảng trường và khu vực công cộng); trong khu vực đô thị, có tối thiểu 506 trạm BTS, với bán kính 200 - 250 m/1 trạm BTS; ngoài khu vực đô thị, có tối thiểu 248 trạm BTS, với bán kính 500 m/01 trạm BTS; cần tổ chức tối thiểu 12 điểm truyền thông đa phương tiện được bố trí tại khu vực trung tâm mỗi tiểu khu đô thị.

### **3.4. Dự án ưu tiên đầu tư**

a) Trong giai đoạn đến năm 2030, ưu tiên đầu tư cho các dự án có khả năng thành lập thị xã đạt tiêu chuẩn đô thị loại III và các dự án động lực phát triển vùng; các dự án bảo tồn di sản văn hóa, thiên nhiên; các dự án phục vụ tiến trình đô thị hóa, mở rộng, nâng cấp các công trình hiện có. Tập trung nâng cao chất lượng tiện ích đô thị cho 03 cụm đô thị là Chũ, Phượng Sơn và Hồng Giang; các công trình hạ tầng xã hội, giao thông và hạ tầng kỹ thuật cho các tiểu khu đô thị Thanh Hải, Quý Sơn, Kiên Thành, Tân Lập; ưu tiên đầu tư xây dựng các tiểu khu đô thị: hồ Khuôn Thần, Mỹ An, Tân Mộc, Nam Dương.

Các khu chức năng ngoài đô thị, gồm: các dự án nhóm nông nghiệp công nghệ cao; các tổ hợp thương mại, hậu cần vận tải (logistics), công nghiệp và hạ tầng; nhóm dự án du lịch hồ Khuôn Thần, khu di tích chùa Am Vãi, công viên Vải Thiều.

b) Các nhóm dự án ưu tiên đầu tư xây dựng đợt đầu gồm (06) nhóm sau:

- Nhóm dự án động lực phát triển vùng: Khu hậu cần vận tải/logistics; khu nghiên cứu, chuyển giao công nghệ nông nghiệp cây ăn trái; khu quân sự; khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và công nghiệp chế biến nông sản; nông nghiệp đô thị và dịch vụ sinh thái cảnh quan; khu du lịch Hồ Khuôn Thần (Tiểu khu đô thị Hồ Khuôn Thần; Khu du lịch nghỉ dưỡng, Khu thể thao mạo hiểm, Khu vườn thú, Khu thể thao giải trí); khu du lịch chùa Am Vãi; công viên Vải Thiều và các công viên chuyên đề khác.

- Nhóm dự án bảo tồn di sản văn hóa, thiên nhiên: Bảo quản, tu bổ, phục hồi các di tích văn hóa, lịch sử, tín ngưỡng, tôn giáo (chùa Am Vãi, đền Từ Hả, chùa Hàm Long, chùa Khả Lã, chùa Biêng và các di tích khác).

- Nhóm dự án mở rộng, nâng cấp các công trình hiện có: Tập trung nâng cao chất lượng tiện ích như Bệnh viện Đa khoa khu vực Lục Ngạn (tuyên tỉnh); Trung tâm y tế dự phòng huyện Lục Ngạn (tuyên tỉnh); Trạm y tế phường Chũ (tuyên thị); chợ Trung tâm phường Chũ; Sân vận động phường Chũ; Cung văn hóa thiếu nhi thị xã Chũ; Trường PTTH Lục Ngạn số 1; Trường PTTH bán công Lục Ngạn; Trung tâm giáo dục thường xuyên thị xã Chũ; Hệ thống giao thông, hạ tầng kỹ thuật tiểu khu nội thị thị xã Chũ (hiện hữu), tiểu khu đô thị Phượng Sơn và Hồng Giang.

- Nhóm dự án đầu tư cơ sở hạ tầng đô thị: Đầu tư mới các công trình hạ tầng xã hội, giao thông và hạ tầng kỹ thuật thiết yếu cho các tiểu khu đô thị tại các phường, xã Thanh Hải, Quý Sơn, Kiên Lao, Kiên Thành; tiểu khu đô thị Hồ Khuôn Thân; tiểu khu đô thị Mỹ An, Nam Dương.

- Hệ thống giao thông, hạ tầng kỹ thuật kết nối toàn đô thị: Nâng cấp các nhà máy nước Chũ, Hồng Giang, Phượng Sơn; xây dựng mới nhà máy nước Hồ Khuôn Thân; khu chế biến và xử lý chất thải rắn Kiên Thành; Quốc lộ 31 khoảng 24,1 km; tỉnh lộ 289 (kéo dài) khoảng 40,9 km; tỉnh lộ 290 (kéo dài) khoảng 9 km; tỉnh lộ 295 (kéo dài) khoảng 25 km; đường liên đô thị 35,8 km; đường trục chính đô thị 105,9 km; đường chính đô thị 64 km; hệ thống các cầu Nam Mỹ An (kết nối tỉnh lộ 293), cầu Bắc Mỹ An (kết nối Quốc lộ 31), cầu Trù Hựu (kết nối tỉnh lộ 295 kéo dài), cầu Hồng Giang (kết nối tỉnh lộ 290 kéo dài).

### **3.5. Nhu cầu và giải pháp về ngân sách, thu hút đầu tư**

a) Tổng nhu cầu vốn đầu tư xây dựng thị xã Chũ giai đoạn đến năm 2030 là khoảng 1.485 tỷ đồng. Trong đó nguồn vốn ngân sách nhà nước khoảng 445 tỷ đồng (chiếm 30%); vốn ngoài ngân sách khoảng 1.040 tỷ đồng (chiếm 70%):

- Vốn đầu tư lập chương trình, đề án khoảng 18 tỷ đồng; vốn ngân sách khoảng 6 tỷ đồng; vốn ngoài ngân sách khoảng 12 tỷ đồng.

- Vốn đầu tư lập quy hoạch phân khu, thiết kế đô thị, quy chế quản lý đô thị khoảng 57 tỷ đồng; vốn ngân sách khoảng 17 tỷ đồng; vốn ngoài ngân sách khoảng 40 tỷ đồng.

- Vốn chuẩn bị đầu tư 60 tỷ đồng; vốn ngân sách khoảng 18 tỷ đồng; vốn ngoài ngân sách khoảng 42 tỷ đồng.

- Vốn giải phóng mặt bằng 225 tỷ đồng; vốn ngân sách khoảng 68 tỷ đồng; vốn ngoài ngân sách khoảng 157 tỷ đồng.

- Vốn thực hiện đầu tư khoảng 1.125 tỷ đồng; vốn ngân sách khoảng 337 tỷ đồng; vốn ngoài ngân sách khoảng 788 tỷ đồng.

b) Nguồn lực thực hiện gồm 2 nguồn như sau:

- Nguồn từ ngân sách nhà nước: Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của Chính phủ; nguồn vốn xây dựng đô thị của tỉnh Bắc Giang, huyện Lục Ngạn; Chương trình nông thôn mới và phát triển nông nghiệp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Chương trình phát triển chợ dân

sinh của Bộ Công thương; Chương trình xây dựng các đô thị sinh thái của Bộ Xây dựng.

- Nguồn vốn xã hội: Thu hút đầu tư của doanh nghiệp tại chỗ, các doanh nghiệp từ địa phương khác tới; đầu tư nước ngoài (FDI); tài trợ từ các tổ chức phi chính phủ; đầu tư của người dân khu vực quy hoạch.

c) Các nguồn vốn đầu tư bao gồm (04) nhóm với cơ cấu dự kiến như sau:

- Nguồn vốn ngân sách chiếm khoảng 20% đến 40%, vốn xã hội chiếm khoảng 60% đến 80%;

- Vốn đầu tư từ bên ngoài (gồm vốn nước ngoài, vốn của các ngành trung ương và vốn của các doanh nghiệp): từ 40% đến 60%;

- Vốn ngân sách Nhà nước (gồm vốn trung ương, vốn của tỉnh và vốn huy động của đô thị): từ 20% đến 40%;

- Vốn vay tín dụng (quốc tế, trong nước): từ 10% đến 30%;

- Vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác và của nhân dân: từ 30% đến 50%.

d) Giải pháp thu hút nguồn lực, vốn đầu tư xã hội

Tạo cơ chế thu hút nguồn lực xã hội là chủ yếu; ngân sách chỉ sử dụng để đầu tư nghiên cứu, quy hoạch, thực hiện các dự án công ích và các đầu tư có tính hệ thống mà tư nhân không thực hiện hoặc không thực hiện được. Các giải pháp thu hút nguồn lực, vốn đầu tư bao gồm: Thu hút đầu tư từ ngân sách nhà nước, thu hút đầu tư từ tư nhân, thu hút đầu tư từ FDI, thu hút đầu tư của các tổ chức phi chính phủ.

đ) Sử dụng các nguồn vốn

- Xây dựng hệ thống giao thông, cơ sở hạ tầng kỹ thuật: nguồn vốn nhà nước và tư nhân kết hợp: Đường trục chính đô thị: 100% vốn nhà nước; đường chính đô thị và đường liên khu vực: 40% vốn nhà nước; 60% vốn tư nhân; đường khu vực: 20% vốn nhà nước; 80% vốn tư nhân.

- Xây dựng cơ quan, công sở: nguồn vốn ngân sách;

- Xây dựng các công trình công cộng: 100% vốn nhà nước;

- Xây dựng các công trình dịch vụ cộng đồng: từ 10 đến 30% vốn nhà nước và từ 70 đến 90% vốn tư nhân;

- Xây dựng tiện ích xã hội, hạ tầng xã hội: từ 20 đến 40% vốn nhà nước và từ 70 đến 90% vốn tư nhân;

- Xây dựng các công trình kinh tế: 100% vốn tư nhân;

- Xây dựng nhà ở: 100% vốn tư nhân, cụ thể là các hộ gia đình.

## **II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ CHỦ ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**

### **1. Định hướng phát triển phường Chũ**

## 1.1. Mục tiêu

### a) Mục tiêu tổng quát

Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị thật sự trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Tiếp tục phát huy dân chủ, truyền thống đoàn kết, truyền thống văn hóa, lịch sử của địa phương; tranh thủ thời cơ, tích cực khai thác tiềm năng, phát huy lợi thế của phường. Phát triển đa dạng, tập trung đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nhằm nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm tăng thu nhập cho người dân. Tăng cường thu hút đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; trọng tâm là hạ tầng giao thông, đô thị, dịch vụ - du lịch, nông nghiệp công nghệ cao. Thực hiện tăng trưởng kinh tế gắn với bảo vệ tài nguyên, môi trường và phát triển văn hóa xã hội, cải thiện đời sống nhân dân; tăng cường quốc phòng - an ninh, đảm bảo ổn định và giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

### b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030

- Tổng giá trị sản phẩm (GRDP) của các ngành đến năm 2025 đạt 1.552 tỷ đồng và đạt 2.552 tỷ đồng vào năm 2030. Tốc độ tăng trưởng bình quân là 15%. Trong đó: Thương mại - dịch vụ giá trị đạt 1.787 tỷ đồng; tiểu thủ công nghiệp - xây dựng đạt 499 tỷ đồng; sản xuất nông nghiệp giá trị đạt 266 tỷ đồng.

- Cơ cấu kinh tế: Thương mại - dịch vụ chiếm 82,3%; tiểu thủ công nghiệp - xây dựng chiếm 13,34%; sản xuất nông nghiệp chiếm 4,36%.

- Tổng giá trị sản phẩm bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 97 triệu đồng/người/năm; đến năm 2030 đạt 150 triệu đồng/người/năm.

- Huy động khoảng 1.094 tỷ đồng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội.

- Giá trị sản xuất trên 1 ha đất sản xuất nông nghiệp đến năm 2025 đạt 130 triệu đồng.

- Thu ngân sách trên địa bàn trong dự toán tăng bình quân 12-15%/năm.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm dưới 0,5%.

- Tỷ lệ gia đình văn hóa là 95%; tổ dân phố văn hóa đạt 100%; tỷ lệ cơ quan văn hóa đạt 100%.

- Duy trì trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 100%.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn 5%; tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt 100%.

- Tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch 95%; tỷ lệ dân số sử dụng nước hợp vệ sinh 100%; tỷ lệ dân số đô thị 93,5%.

- Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom 95%; tỷ lệ chất thải rắn được xử lý bảo đảm tiêu chuẩn đạt 100%.

- Giải quyết việc làm bình quân cho 250 người/năm, xuất khẩu lao động bình quân 30 người/năm; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70%.



- Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt 85%; tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt 85%.

## **1.2. Nhiệm vụ và giải pháp**

### **a) Phát triển kinh tế**

- Phát triển tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề

Hỗ trợ và tạo mọi điều kiện cho các doanh nghiệp mới đầu tư sớm đi vào hoạt động, phát huy hiệu quả. Chú trọng các doanh nghiệp có vốn đầu tư lớn, tạo ra sản phẩm có giá trị cao, có sức cạnh tranh trên thị trường. Quan tâm hỗ trợ các doanh nghiệp hợp tác xã, cơ sở sản xuất phù hợp. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ tiên tiến, hiện đại, đảm bảo tăng năng lực sản xuất kinh doanh và tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Thực hiện rà soát, quy hoạch và bố trí quỹ đất hợp lý cho nhiệm vụ phát triển tiểu thủ công nghiệp; mở rộng ngành nghề trên cơ sở tiềm năng sẵn có của địa phương như chế biến nông sản thực phẩm, sản xuất “Mỳ Chũ”.

- Phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch

Tiếp tục cải tạo và nâng cấp các chợ trên địa bàn bảo đảm an toàn, thuận tiện cho các hộ kinh doanh, quan tâm đến công tác phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường. Quản lý tốt việc kinh doanh trên các dãy phố, quan tâm hỗ trợ các nhà đầu tư xây dựng, phát triển các trung tâm thương mại, dịch vụ. Phối hợp làm tốt công tác quản lý thị trường, kiểm tra chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, chống gian lận thương mại.

Tăng cường huy động vốn trong nhân dân, thu hút các nguồn vốn nhân rồi đầu tư cho sản xuất kinh doanh. Tăng doanh số cho vay tại quỹ tiết kiệm trung bình lên 100 tỷ đồng/năm, tăng huy động tiền gửi là 90 tỷ đồng/năm, khuyến khích các loại hình tín dụng của các tổ chức đoàn thể. Tiếp tục phát triển đầu tư khu du lịch tâm linh văn hóa đền chùa Khánh Vân, Nghè Mưa và đình Phố Chũ, đình Nghĩa Khuông.

- Phát triển nông nghiệp

Đẩy mạnh thực hiện sản xuất nông nghiệp hàng hóa; tiếp tục triển khai Đề án xây dựng vùng sản xuất cây ăn quả trọng điểm; phát triển cây ăn quả theo hướng hàng hóa, nâng cao sản lượng, chất lượng, giá trị; mở rộng diện tích sản xuất Vải thiều an toàn. Áp dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất, chăn nuôi kinh tế trang trại. Nâng cao chất lượng công tác khuyến nông, xây dựng các mô hình chăn nuôi, trồng trọt đem lại hiệu quả kinh tế cho người dân; chủ động kiểm soát, phòng ngừa dịch bệnh.

- Phát triển đô thị

Tiếp tục triển khai thực hiện các dự án khu đô thị, khu dân cư mới trên địa bàn; nâng cấp cải tạo hệ thống giao thông nội thị theo hướng hiện đại, từng bước xây dựng phường đạt các tiêu chí đô thị loại III. Đầu tư cải tạo, nâng cấp, bổ sung hệ thống chiếu sáng đô thị, đảm bảo 100% đường phố khu vực chính được chiếu sáng. Hoàn thành xây dựng trụ sở làm việc của phường mới.

- Thu, chi ngân sách

Tập trung thu đủ các nguồn, tránh thất thu; phấn đấu đạt và vượt chỉ tiêu thu ngân sách trên địa bàn. Có kế hoạch cân đối thu - chi đảm bảo đáp ứng được yêu cầu phát triển; chọn lọc các ngành, lĩnh vực, công trình trọng điểm để tập trung ưu tiên vốn đầu tư công, nhằm tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội; không đầu tư dàn trải, hiệu quả thấp gây lãng phí; nâng cao trách nhiệm, hiệu quả quản lý tài chính công; tiết kiệm tối đa ngân sách để dành nguồn lực cho đầu tư phát triển bền vững và ứng phó với các vấn đề cấp bách.

b) Văn hóa - xã hội

- Phát triển giáo dục, đào tạo

Tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trang thiết bị, đồ dùng dạy và học, phấn đấu giữ vững các trường chuẩn quốc gia, trong đó có 50% số trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong tất cả các cấp học; đa dạng hoá các loại hình học tập đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh. Tăng cường đổi mới và giữ vững kỷ cương nề nếp trong quản lý, thực hiện tốt các mục tiêu về chất lượng, hiệu quả giáo dục đào tạo, coi trọng giáo dục chính trị, kỹ năng, đạo đức cho học sinh; phòng, chống tệ nạn xã hội xâm nhập trường học. Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng giáo dục, trung tâm giáo dục cộng đồng, Hội Khuyến học, Hội Cựu giáo chức, Hội Cha mẹ học sinh.

- Phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Tiếp tục nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, xử lý tốt các loại dịch bệnh xảy ra trên địa bàn. Tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị y tế và nâng cao trình độ, y đức cho đội ngũ cán bộ y tế. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về hành nghề y dược tư nhân và an toàn vệ sinh thực phẩm. Thu hút đầu tư, tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển các phòng khám đa khoa tư nhân. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia BHYT tự nguyện, để đẩy nhanh tiến độ thực hiện lộ trình BHYT toàn dân, phấn đấu đến năm 2025, tỷ lệ bao phủ BHYT đạt 99,9%. Triển khai thực hiện có hiệu quả công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình; phấn đấu giảm tỷ lệ sinh con lần 3 trở lên và tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh, tốc độ tăng dân số tự nhiên 1,2%; thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho bà mẹ và trẻ em.

- Phát triển văn hoá, thông tin, thể dục thể thao

Chú trọng làm tốt công tác bảo tồn và phát huy giá trị các loại hình nghệ thuật dân tộc đã được công nhận di sản văn hóa ở địa phương và tổ chức các lễ hội truyền thống. Góp phần thúc đẩy phát triển du lịch, nâng cao đời sống tinh thần, cho nhân dân. Tăng cường kiểm tra chấn chỉnh quản lý các di tích; hoạt động cơ sở kinh doanh các dịch vụ văn hoá. Hỗ trợ ngân sách cho hoạt động văn hóa, thể thao và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống truyền thanh cơ sở; kịp thời thông tin, tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước

đến toàn thể nhân dân.

- Thực hiện các chính sách an sinh xã hội, giải quyết việc làm, giảm nghèo và nâng cao đời sống nhân dân

Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp giảm nghèo, giải quyết việc làm, chú trọng tới các địa bàn, phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 0,5% vào năm 2025. Triển khai tốt hoạt động đền ơn đáp nghĩa, đảm bảo đời sống cho người có công và các đối tượng bảo trợ xã hội. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách phúc lợi, an sinh xã hội cho người dân. Thực hiện Đề án đào tạo nghề cho lao động, nhất là khu vực nông thôn phù hợp với điều kiện địa phương; phấn đấu tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70% vào năm 2025. Chú trọng công tác giải quyết việc làm cho người lao động, đẩy mạnh công tác xuất khẩu lao động; hạn chế tối đa tình trạng xuất cảnh trái phép.

- Về quốc phòng, an ninh

Xây dựng lực lượng quân sự địa phương vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Lấy xây dựng vững mạnh về chính trị làm cơ sở, thực sự là lực lượng nòng cốt trong tham mưu, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng ở địa phương. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng, an ninh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững mạnh; xây dựng khu vực phòng thủ thị trấn nằm trong khu vực phòng thủ của huyện giai đoạn 2020 - 2025. Hàng năm, đảm bảo tỷ lệ dân quân tự vệ đạt từ 0,5% dân số trở lên, tham gia huấn luyện xếp loại giỏi đạt từ 90% trở lên.

Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh trật tự, tập trung giải quyết những vấn đề phức tạp ngay từ cơ sở. Đẩy mạnh phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc; tăng cường quản lý hoạt động xuất, nhập cảnh; tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, đảm bảo trật tự an toàn giao thông. Tăng cường trấn áp các loại tội phạm, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ công an viên; phối hợp chặt chẽ với lực lượng quân sự để nắm chắc tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; phát hiện, xử lý kịp thời, hiệu quả mọi tình huống, không để phát sinh những vụ việc phức tạp, bị động, bất ngờ xảy ra.

- Công tác xây dựng chính quyền

Đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của HĐND; tiếp tục đổi mới, nâng cao vai trò, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của HĐND; tăng cường công tác giám sát, khảo sát, tiếp xúc cử tri, tổ chức các phiên họp, kỳ họp theo quy định.

Nâng cao năng lực điều hành, quản lý của UBND; sắp xếp tinh gọn bộ máy nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tạo bước đột phá về cải cách hành chính, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện có hiệu quả cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” trong giải quyết thủ tục hành chính, hướng đến xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, kỷ cương, năng động, phục vụ nhân dân. Tăng cường công khai, minh bạch hoạt

động của chính quyền. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành. Xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất tốt, có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, chuyên nghiệp, có tinh thần, thái độ, ý thức trách nhiệm cao phục vụ nhân dân.

## **2. Định hướng phát triển phường Hồng Giang**

### **2.1. Mục tiêu**

#### **a) Mục tiêu tổng quát**

Xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị thật sự trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Tiếp tục phát huy dân chủ, truyền thống đoàn kết của địa phương; tranh thủ thời cơ, tích cực khai thác tiềm năng, phát huy lợi thế của xã; đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn; xây dựng và tổ chức thực hiện tốt các quy hoạch sử dụng đất, giao thông, xây dựng cơ sở hạ tầng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 bảo đảm chất lượng, hiệu quả; tăng cường thu hút đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trọng tâm là hạ tầng giao thông, đô thị, tiểu thủ công nghiệp, nông thôn. Thực hiện tăng trưởng kinh tế gắn với bảo vệ tài nguyên, môi trường và phát triển văn hóa xã hội, phát triển du lịch sinh thái - cộng đồng - tâm linh, nâng cao đời sống nhân dân; tăng cường quốc phòng - an ninh, đảm bảo ổn định và giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn phường.

#### **b) Mục tiêu đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030**

- Tổng giá trị sản xuất của các ngành đến năm 2025 là 1.336 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân 15%. Trong đó, giá trị sản xuất tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề và xây dựng là 467,76 tỷ đồng; nông, lâm nghiệp, thủy sản là 400,93 tỷ đồng; thương mại, dịch vụ, du lịch là 467,67 tỷ đồng.

- Cơ cấu kinh tế: Tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề và xây dựng chiếm 35%; nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 30%; thương mại - dịch vụ - du lịch chiếm 35%.

- Thu nhập bình quân đầu người đạt 118,2 triệu đồng; thu ngân sách trên địa bàn tăng 10%/năm.

- Huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn đến năm 2025 là 31,6 tỷ đồng.

- Giá trị sản xuất trên 01 ha đất sản xuất nông nghiệp duy trì mức 338,2 triệu đồng.

- Giữ vững xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn 8,7%; tỷ lệ người dân có thể bảo hiểm y tế đạt 99,9%.

- Giữ vững ba trường đạt chuẩn quốc gia.

- Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn xã giảm còn 1,2%; tạo việc làm tăng thêm bình quân mỗi năm 150 lao động; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 71%.

- Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa 93%; tỷ lệ tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa 92,8%; cơ quan, trường học đạt chuẩn văn hoá 100%.

- Tỷ lệ dân số được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%.

- Hoàn thành 100% chỉ tiêu giao quân và huấn luyện dân quân; không để xảy ra vụ việc phức tạp về an ninh trật tự.

## **2.2. Nhiệm vụ và giải pháp**

### **a) Phát triển kinh tế**

- Phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề truyền thống

Tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân, mở rộng cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề truyền thống của địa phương và xây dựng. Duy trì và phát triển các ngành nghề hiện có, mở rộng nghề sản xuất mì; duy trì các ngành nghề có nhiều lợi thế như: mộc dân dụng, gạch không nung, các nhóm, tổ thợ xây; khuyến khích phát triển các ngành nghề mới phù hợp với tình hình thực tiễn ở địa phương.

Khuyến khích, hỗ trợ thành lập mới và nâng cao chất lượng hoạt động, hiệu quả sản xuất, kinh doanh của các hợp tác xã; tăng cường đầu tư phát triển tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề gắn với xây dựng hạ tầng đô thị; tạo điều kiện để doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư vốn, công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường vào sản xuất, kinh doanh nhất là lĩnh vực chế biến các sản phẩm nông nghiệp và công nghệ bảo quản nông sản sau thu hoạch.

- Phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch

Tăng cường công tác phối hợp, tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp gắn kết chặt chẽ với sản xuất, chế biến các mặt hàng nông sản, làm tăng giá trị hàng hóa và tạo đầu ra ổn định, thúc đẩy sản xuất phát triển; đa dạng hóa và mở rộng các loại hình dịch vụ, góp phần thúc đẩy sản xuất, thương mại, dịch vụ vận tải hàng hóa phát triển. Từng bước phát triển du lịch sinh thái với vùng cây ăn quả và di sản văn hóa - khu di tích lịch sử Đền Hả.

- Phát triển nông nghiệp

Khuyến khích nhân dân áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm nông sản gắn với xây dựng chuỗi liên kết trong sản xuất với thị trường tiêu thụ; đẩy mạnh thực hiện sản xuất nông nghiệp hàng hóa; phát triển cây ăn quả theo hướng đa dạng, nâng cao sản lượng, chất lượng, giá trị và hiệu quả; áp dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất, chăn nuôi; nâng cao chất lượng công tác khuyến nông; chủ động kiểm soát, phòng ngừa, ngăn chặn dịch bệnh.

**b) Thu hút đầu tư nâng cấp, xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển đô thị**

Tranh thủ sự giúp đỡ của cấp trên, thu hút các dự án đầu tư về địa phương, huy động mọi nguồn lực trong nhân dân xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị. Phối hợp giải phóng mặt bằng, thực hiện mở rộng quy hoạch đất ở dân cư và

đất thương mại dịch vụ và các khu dân cư khác trên địa bàn phường; tiếp tục chỉ đạo cứng hóa đường giao thông phục vụ sản xuất và đời sống; xây dựng, cải tạo nhà văn hóa một số tổ dân phố.

c) Thu, chi ngân sách

Tập trung khai thác các nguồn thu, với phương châm thu đúng, thu đủ; phân đầu đạt và vượt chỉ tiêu thu ngân sách tại địa bàn hàng năm. Có kế hoạch cân đối thu chi, đảm bảo chi đúng theo Luật Ngân sách nhà nước, thực hành tiết kiệm chi, chống tham nhũng, lãng phí ngân sách, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương.

b) Phát triển giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội

- Phát triển giáo dục

Duy trì ổn định và phát triển đồng bộ các bậc học; chú trọng giáo dục tư tưởng, đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh. Chủ động triển khai có hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông mới, ưu tiên nguồn lực để tăng cường cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị phục vụ dạy học theo chương trình, sách giáo khoa mới; tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Nâng cao chất lượng xây dựng trường chuẩn quốc gia; đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, các hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

- Phát triển sự nghiệp y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Tiếp tục nâng cao chất lượng khám chữa bệnh ban đầu, chăm sóc sức khỏe nhân dân, xử lý tốt các loại dịch bệnh xảy ra trên địa bàn; đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế và nâng cao trình độ, trách nhiệm cho đội ngũ cán bộ y tế; thực hiện tốt các chương trình y tế dự phòng, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng; tăng cường công tác quản lý nhà nước về hành nghề y dược tư nhân và an toàn vệ sinh thực phẩm. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 99,9% vào năm 2025; triển khai thực hiện có hiệu quả công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, phấn đấu giảm tỷ lệ sinh con lần 3 trở lên và tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh.

- Phát triển văn hoá, thông tin, thể thao và công tác gia đình

Chú trọng làm tốt công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc ở địa phương và tổ chức lễ hội truyền thống, góp phần thúc đẩy phát triển du lịch, nâng cao đời sống tinh thần, vật chất cho nhân dân; phát triển các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao; chú trọng phát triển các môn thể thao quần chúng; nâng cao chất lượng các hoạt động văn hoá - thông tin và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; nâng cao chất lượng hoạt động của Đài truyền thanh phường và hệ thống loa ở các tổ dân phố; kịp thời thông tin, tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến toàn thể nhân dân. Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc giáo dục trẻ em; đẩy mạnh tuyên truyền phòng chống bạo lực, xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc.

- Thực hiện các chính sách an sinh xã hội, giải quyết việc làm, giảm nghèo và nâng cao đời sống nhân dân

Tiếp tục thực hiện các giải pháp giảm nghèo bền vững, phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 1,2% vào năm 2025. Triển khai tốt hoạt động đền ơn đáp nghĩa, đảm bảo đời sống cho người có công; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách xã hội cho người dân. Phối hợp thực hiện đào tạo nghề cho lao động, phấn đấu tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 71% vào năm 2025; đẩy mạnh công tác xuất khẩu lao động; hạn chế tối đa tình trạng xuất cảnh trái phép.

#### c) Công tác quốc phòng, an ninh

- Xây dựng lực lượng dân quân nòng cốt vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ quân sự, quốc phòng ở địa phương. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng, an ninh; xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân; xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc.

Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với công tác bảo đảm an ninh trật tự; đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; huy động nhân dân tích cực tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, đảm bảo trật tự an toàn giao thông. Tăng cường trấn áp các loại tội phạm; củng cố, nâng cao chất lượng đội ngũ, phát huy vai trò lực lượng công an chính quy làm việc tại xã. Đẩy mạnh công tác phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng quân sự và lực lượng công an xã.

#### d) Công tác xây dựng chính quyền

- Hội đồng nhân dân phường

Tiếp tục đổi mới, nâng cao vai trò, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân, trọng tâm là hoạt động giám sát, tiếp xúc cử tri, thẩm tra, tổ chức các kỳ họp, việc báo cáo giải trình, chất vấn và ban hành các nghị quyết; thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa Thường trực HĐND với UBND và MTTQ phường; nâng cao chất lượng đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Nâng cao chất lượng điều hành của chính quyền, cải cách hành chính

Nâng cao năng lực điều hành, quản lý của UBND và chất lượng hoạt động của HĐND phường; sắp xếp tinh gọn bộ máy nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động; đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; có phẩm chất tốt, có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, có tinh thần, thái độ, ý thức trách nhiệm cao phục vụ nhân dân. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tạo bước đột phá về cải cách hành chính, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện có hiệu quả cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” trong giải quyết thủ tục hành chính ở phường.

### **3. Định hướng phát triển phường Trù Hựu**

#### 3.1. Mục tiêu

##### a) Mục tiêu tổng quát

Tập trung huy động các nguồn lực cho phát triển: đẩy mạnh cải cách hành chính, thu hút đầu tư; duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế; xây dựng kết cấu hạ

tăng có trọng tâm trọng điểm, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; khai thác và sử dụng hợp lý các tiềm năng, thế mạnh của địa phương để phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề truyền thống, dịch vụ, thương mại và xây dựng. Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, củng cố quốc phòng, quân sự địa phương; tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong sạch vững mạnh.

#### b) Mục tiêu chủ yếu đến năm 2025

- Tổng giá trị sản xuất năm 2025 đạt 600 tỷ đồng; tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân hàng năm tăng 9,5% năm. Trong đó: Nông nghiệp, thủy sản đạt 300 tỷ đồng, chiếm 50%; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng đạt 150 tỷ đồng, chiếm 25%; thương mại, dịch vụ đạt 150 tỷ đồng, chiếm 25% trong cơ cấu kinh tế của phường.

- Thu nhập bình quân đầu người/năm: 60.000.000 đồng/người/năm.

- Thu ngân sách trên địa bàn hàng năm tăng thêm từ 600 - 700 triệu đồng.

- Giá trị sản xuất trên 01 ha đất nông nghiệp đạt 100 triệu đồng.

- Đạt bộ tiêu chí Quốc gia về y tế, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 01%.

- Giải quyết việc làm mới bình quân mỗi năm 400 lao động; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 35%; xuất khẩu lao động bình quân 30 người/năm.

- Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận danh hiệu “gia đình văn hóa” 90%; làng văn hóa, cơ quan văn hóa 90%.

- Đảm bảo giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

### **3.2. Những nhiệm vụ và giải pháp**

#### a) Về phát triển kinh tế

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất nông nghiệp hàng hoá

Hoàn thành quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất nông nghiệp và các quy hoạch chuyên ngành; khuyến khích nông dân dồn điền, đổi thửa, đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp; tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án trọng tâm về phát triển sản xuất có tính sản xuất giá trị hàng hóa cao; xây dựng đội ngũ cán bộ đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, nâng cao trình độ kỹ thuật cho nông dân, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật hiện đại vào sản xuất để tăng nhanh năng suất, hiệu quả của sản xuất nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho nông dân.

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề truyền thống

Xây dựng cơ sở ngành nghề, tiểu thủ công nghiệp gắn với quy hoạch ngành nghề truyền thống cho từng giai đoạn. Phát triển và mở rộng các ngành



nghề để giải quyết việc làm cho người lao động, thúc đẩy chuyển dịch lao động; khuyến khích các cơ sở ngành nghề phát triển ở nhiều loại hình từ hộ sản xuất gia đình đến những tổ, hợp tác xã và doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Phát triển đa dạng các lĩnh vực thương mại, dịch vụ

Tăng cường thực hiện giải pháp đồng bộ về cơ chế tiêu thụ hàng hóa, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, đơn vị, cá nhân gắn kết chặt chẽ làm tăng giá trị hàng hóa và tạo đầu ra ổn định, thúc đẩy sản xuất phát triển, phát triển mạng lưới cửa hàng bán lẻ hàng hoá của các hộ tư nhân, đa dạng về hàng hóa. Phát triển dịch vụ vận tải hàng hóa, vận động người Việt Nam, ưu tiên dùng hàng Việt Nam,...

- Công tác thu - chi ngân sách:

Tập trung thu đủ các nguồn, chống thất thu, phấn đấu đạt và vượt chỉ tiêu thu ngân sách tại địa bàn. Có kế hoạch cân đối thu - chi đảm bảo đáp ứng được yêu cầu phát triển, đảm bảo đúng dự toán, đáp ứng nhu cầu chi lương và chi thường xuyên.

b) Phát triển văn hóa - xã hội

- Phát triển giáo dục và đào tạo

Tiếp tục đầu tư phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân, xây dựng môi trường giáo dục thân thiện. Đặc biệt coi trọng giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, ý thức nhiệm vụ xã hội cho học sinh. Phấn đấu đạt tỷ lệ 100% trẻ đi học đúng độ tuổi, tỷ lệ hoàn thành, tốt nghiệp các cấp học từ 99% trở lên; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên; các trường giữ vững trường đạt chuẩn Quốc gia.

- Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Tiếp tục cải thiện, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; giảm thiểu tối đa các bệnh xã hội; tăng cường phòng, chống các dịch bệnh nguy hiểm. Thực hiện tốt các chương trình y tế dự phòng, tiêm chủng mở rộng; tăng cường công tác quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm. Thực hiện có hiệu quả công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, phấn đấu mục tiêu giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên, tỷ lệ sinh con lần thứ 3 và tình trạng mất cân bằng giới tính ở trẻ sơ sinh. Thực hiện tốt công tác gia đình; chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em.

- Phát triển văn hóa, thể thao

Đổi mới công tác lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với lĩnh vực văn hóa, thể thao. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực xây dựng thiết chế văn hóa. Chú trọng nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”, vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn minh, thực hành tiết kiệm, bài trừ mê tín dị đoan, giữ gìn và tôn tạo phát huy có hiệu quả các di tích lịch sử văn hoá của địa phương.

Củng cố, duy trì, nâng cấp đài truyền thanh và bổ sung các cụm loa truyền thanh, làm tốt công tác tuyên truyền giúp nhân dân thực hiện tốt đường lối lãnh đạo của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước và các quy định của địa phương.

- Thực hiện chính sách xã hội, giải quyết việc làm, giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân

Tiếp tục thực hiện tốt và đồng bộ các giải pháp giảm nghèo bền vững. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục làm cho người nghèo có ý thức tự lực vươn lên thoát nghèo, không trông chờ, ỉ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng. Triển khai tốt các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, đảm bảo đời sống cho người có công, thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách phúc lợi, an sinh xã hội cho người dân.

#### c) Quốc phòng, an ninh

- Tăng cường công tác quân sự địa phương, tạo môi trường ổn định để phát triển kinh tế - xã hội. Hoàn thành 100% công tác tuyển quân hàng năm; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng, an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững mạnh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, chủ động trong mọi tình huống.

- Bảo đảm công tác giữ gìn an ninh, trật tự; chủ động phòng, chống những diễn biến mới phát sinh trên địa bàn. Tăng cường công tác bảo đảm, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, Tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc nảy sinh từ cơ sở, không để xảy ra tình hình phức tạp trên địa bàn, đẩy mạnh phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh tổ quốc, bài trừ các tệ nạn xã hội, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, giảm đến mức tối thiểu các hành vi vi phạm pháp luật.

#### d) Xây dựng chính quyền

- Nâng cao chất lượng quyết định và ban hành chính sách, vai trò giám sát của HĐND; nâng cao chất lượng hoạt động của HĐND đảm bảo cho HĐND hoạt động có hiệu quả, chỉ đạo thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa thường trực HĐND với UBND và MTTQ, thực hiện tốt chức năng giám sát của HĐND, bồi dưỡng nâng cao chất lượng và trình độ của đại biểu HĐND.

- Nâng cao hiệu quả cải cách hành chính; hiệu quả chỉ đạo, điều hành của UBND; cải thiện quan hệ của cơ quan hành chính với nhân dân; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền, tập trung đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý Nhà nước, quản lý điều hành của UBND xã, tạo điều kiện cho nhân dân tham gia thực hiện giám sát hoạt động của chính quyền. Xây dựng, củng cố đội ngũ cán bộ trưởng, phó thôn có chất lượng, thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, giữ gìn an ninh nông thôn, xây dựng các quy ước, hương ước làng văn hóa, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

## 4. Định hướng phát triển phường Phượng Sơn

### 4.1. Mục tiêu

#### a) Mục tiêu tổng quát

Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị thật sự trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới; tiếp tục phát huy dân chủ, truyền thống đoàn kết, truyền thống văn hóa, lịch sử của địa phương; tranh thủ thời cơ, tích cực khai thác tiềm năng, phát huy lợi thế của xã; đẩy mạnh phát triển kinh tế công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề tại địa phương. Phát triển đa dạng cây ăn quả có giá trị kinh tế cao; duy trì ổn định diện tích cây vải thiều hiện có; tập trung đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nhằm nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm nông nghiệp tăng thu nhập cho người dân; đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung; thực hiện tăng trưởng kinh tế gắn với bảo vệ tài nguyên, môi trường và phát triển văn hóa xã hội; tăng cường quốc phòng - an ninh, đảm bảo ổn định và giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

#### b) Mục tiêu chủ yếu đến năm 2025

- Tổng giá trị sản xuất đến năm 2025 đạt 1.443,9 tỷ đồng; tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân hàng năm đạt 12 %.

- Cơ cấu kinh tế: Nông, lâm nghiệp, thủy sản đạt 490,9 tỷ đồng, chiếm : 34%; công nghiệp - xây dựng đạt 357,4 tỷ đồng, chiếm 26 %; thương mại - dịch vụ đạt 577,6 tỷ đồng, chiếm 40%.

- Thu nhập bình quân đầu người đạt 109,2 triệu đồng.

- Thu ngân sách trên địa bàn 20,5 tỷ đồng/năm.

- Giá trị sản xuất trên 01 ha đất sản xuất nông nghiệp đạt 180 triệu đồng.

- Giữ vững chuẩn quốc gia về y tế; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn 7 %.

- Tỷ lệ người dân có thẻ bảo hiểm y tế đạt 100% dân số; tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội là 20% người lao động.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 0,08%/năm, đến năm 2025 giảm còn 6 hộ, 0,17%.

- Tạo việc làm tăng thêm bình quân mỗi năm 200 lao động; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70%.

- Giữ vững và nâng cao chất lượng 3/3 trường học đạt chuẩn quốc gia

- Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa 92%; tỷ lệ làng đạt danh hiệu làng văn hóa 93,3%; cơ quan, trường học đạt chuẩn văn hoá 100%.

- Tỷ lệ dân cư sử dụng nước sạch đạt 50%; tỷ lệ dân số sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%.

- Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom 90%; tỷ lệ chất thải rắn được xử lý 80%; tổ chức thu gom, xử lý rác thải đạt 100%.

## **4.2. Nhiệm vụ và giải pháp**

### **a) Phát triển kinh tế**

- Phát triển nông nghiệp

Đẩy mạnh sản xuất nông - lâm nghiệp hàng hóa; tập trung phát triển kinh tế rừng, kinh tế vườn, đòi theo hướng hợp tác xã và sản xuất hàng hóa xây dựng chuỗi tiêu thụ hàng hóa từ sản xuất đến tiêu thụ. Nâng cao chất lượng công tác khuyến nông, khuyến lâm; khuyến khích và hỗ trợ nhân dân phục hồi chăn nuôi, áp dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất, chủ động phòng ngừa và ngăn chặn dịch bệnh; chú trọng xây dựng nông thôn mới theo hướng phát triển vững chắc, nông thôn mới, kiểu mẫu. Thực hiện tốt công tác trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng, tiếp tục thực hiện phát triển một số loại cây ăn quả có giá trị cao.

- Phát triển tiểu thủ công nghiệp

Bổ trí nguồn kinh phí khuyến công từ ngân sách thị xã phân bổ, hỗ trợ doanh nghiệp, thu hút đầu tư vào phường, đặc biệt là Cụm công nghiệp Cầu Đất; hỗ trợ các tổ dân phố, các hộ, mở rộng cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề truyền thống và xây dựng, duy trì và phát triển các ngành nghề hiện có. Phát huy thế mạnh địa phương là sản xuất vật liệu xây dựng và thùng xốp đựng trái cây; duy trì các ngành nghề có nhiều lợi thế như: gạch không nung, các nhóm tổ thợ xây; khuyến khích phát triển các ngành nghề mới phù hợp với tình hình thực tiễn ở địa phương.

Thu hút doanh nghiệp vừa và nhỏ đầu tư vào địa bàn, ưu tiên doanh nghiệp có vốn đầu tư lớn, thu hút nhiều lao động, công nghệ hiện đại. Khuyến khích, hỗ trợ thành lập mới và nâng cao chất lượng hoạt động, hiệu quả sản xuất, kinh doanh của các hợp tác xã hiện có phù hợp với lợi thế của từng lĩnh vực vào sản xuất các sản phẩm chủ lực có sức cạnh tranh, tạo đột phá tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội trên cơ sở khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế và nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm.

- Phát triển thương mại, dịch vụ

Tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia hoạt động thương mại, dịch vụ; xây dựng cửa hàng tự chọn; đa dạng hóa và mở rộng các loại hình dịch vụ, nhất là tại trung tâm và chợ phường, từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ, góp phần thúc đẩy sản xuất, thương mại, dịch vụ vận tải hàng hóa. Năm 2025, dịch vụ là ngành mũi nhọn của địa phương, chiếm trên 40% tổng giá trị sản xuất trong cơ cấu kinh tế của phường.

### **b) Thu, chi ngân sách**

Tập trung thu đủ các nguồn, tránh thất thu, phấn đấu đạt và vượt chỉ tiêu thu ngân sách tại địa bàn. Có kế hoạch cân đối thu - chi, đảm bảo đúng dự toán, đáp ứng nhu cầu chi lương, chi thường xuyên và chi đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn.

## b) Phát triển văn hóa, xã hội

## - Phát triển giáo dục - đào tạo

Duy trì ổn định và phát triển đồng bộ các cấp học; tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; chú trọng giáo dục tư tưởng, đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh; ưu tiên nguồn lực để tăng cường cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị phục vụ dạy học theo chương trình, sách giáo khoa mới; củng cố, nâng cao chất lượng giữ vững trường học đạt chuẩn quốc gia; tăng cường công tác bồi dưỡng tạo bước chuyển mạnh mẽ về chất lượng cán bộ, giáo viên và chất lượng giáo dục toàn diện; đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, các hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

## - Phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Tiếp tục nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, nâng tuổi thọ trung bình của người dân lên 78 tuổi vào năm 2025. Thực hiện tốt các chương trình y tế dự phòng; tăng cường công tác quản lý nhà nước về y tế, an toàn vệ sinh thực phẩm. Thực hiện lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân đạt 100%. Thực hiện có hiệu quả công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, phấn đấu đạt mục tiêu giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên, tỷ lệ sinh con lần 3 trở lên. Thực hiện tốt công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em.

## - Phát triển văn hoá, thông tin, thể thao

Đổi mới công tác lãnh đạo của Đảng ủy, chi ủy các chi bộ đối với lĩnh vực xây dựng đời sống văn hóa cơ sở. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực xây dựng thiết chế văn hóa, thông tin, thể thao đạt chuẩn quốc gia. Chú trọng nâng cao dân trí, tăng cường công tác giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống văn hóa, văn minh. Đa dạng nội dung chương trình của đài truyền thanh của xã, củng cố duy trì tốt hệ thống loa đài ở các thôn; nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và hoạt động có hiệu quả của cán bộ phụ trách đài.

- Thực hiện các chính sách an sinh xã hội, giải quyết việc làm, giảm nghèo và nâng cao đời sống nhân dân

Triển khai thực hiện tốt các chính sách xã hội, giảm nghèo bền vững; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục làm cho người nghèo có ý thức tự lực vươn lên thoát nghèo, không trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng, đảm bảo việc thực hiện các chủ trương chính sách giảm nghèo có hiệu quả và đúng quy định.

## c) Về công tác quốc phòng, an ninh

Hoàn thành 100% công tác tuyển quân hằng năm; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, chủ động trong mọi tình huống.

Tăng cường công tác bảo đảm an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc nảy sinh từ cơ sở, không để xảy ra tình hình phức tạp trên địa bàn, đẩy mạnh phong trào toàn dân

tham gia bảo vệ an ninh tổ quốc, bài trừ các tệ nạn xã hội, đảm bảo trật tự an toàn gia thông.

#### d) Công tác xây dựng chính quyền

Tiếp tục đổi mới, nâng cao vai trò, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của HĐND, trọng tâm là hoạt động giám sát, tiếp xúc cử tri, khảo sát, thẩm tra, tổ chức các phiên họp, kỳ họp, các phiên báo cáo giải trình, chất vấn và ban hành các quyết định, nghị quyết.

Nâng cao năng lực điều hành, quản lý của UBND; sắp xếp tinh gọn bộ máy nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tạo bước đột phá về cải cách hành chính, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện có hiệu quả cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” trong giải quyết thủ tục hành chính ở xã hướng đến xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, kỷ cương, năng động, phục vụ nhân dân; tăng cường công khai, minh bạch hoạt động của chính quyền. Đổi mới mạnh mẽ công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất tốt, có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, chuyên nghiệp, có tinh thần, thái độ, ý thức trách nhiệm cao phục vụ nhân dân.

### **5. Định hướng phát triển phường Thanh Hải**

#### **5.1. Mục tiêu**

##### a) Mục tiêu tổng quát

Phát huy truyền thống đoàn kết, tranh thủ sự giúp đỡ của cấp trên, đẩy mạnh khai thác tiềm năng phát huy lợi thế của địa phương, tăng cường chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, bền vững; nâng cao chất lượng sức cạnh tranh của sản phẩm; phát triển tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề truyền thống; phát triển thương mại - dịch vụ, đẩy mạnh đầu tư kết cấu hạ tầng xã hội, phát triển văn hóa - xã hội gắn liền với tăng trưởng kinh tế; nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục, y tế; đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng; phát huy dân chủ, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng hệ thống chính trị phường vững mạnh, đủ năng lực thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ của Đảng bộ trong giai đoạn mới.

##### b) Mục tiêu chủ yếu đến năm 2025

- Tổng giá trị sản xuất của các ngành kinh tế đến năm 2025 đạt 1.222,6 tỷ đồng. Trong đó: Tiểu thủ công nghiệp - ngành nghề truyền thống và xây dựng đạt 502,4 tỷ đồng, chiếm 41,1%; nông, lâm nghiệp, thủy sản đạt 495,1 tỷ đồng, chiếm 40,5%; thương mại, dịch vụ đạt 225,1 tỷ đồng, chiếm 18,4%.

- Thu nhập bình quân đầu người đạt 71,5 triệu đồng.

- Thu ngân sách trên địa bàn tăng 1,5 tỷ đồng/năm.

- Huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đến năm 2025 là 50 tỷ đồng.

- Giá trị sản xuất trên 01 ha đất sản xuất nông nghiệp đạt 115 triệu đồng.
- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 40%.
- Duy trì phường đạt tiêu chí quốc gia về y tế 95%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn 10%; tỷ lệ người dân có thẻ bảo hiểm y tế đạt 100%.
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân từ 0,3-0,5%/năm; tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn còn dưới 2%.
- Tạo việc làm tăng thêm bình quân mỗi năm 150 lao động; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 45%.
- Tỷ lệ trường chuẩn quốc gia đạt 100%.
- Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa 93%; tỷ lệ làng đạt danh hiệu làng văn hóa 85%; cơ quan, trường học đạt chuẩn văn hoá 100%.
- Tỷ lệ dân số sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%; tỷ lệ chất thải rắn được thu gom đạt 65%; tỷ lệ chất thải rắn được xử lý 60%.

## **5.2. Nhiệm vụ và giải pháp**

### **a) Phát triển kinh tế**

- Phát triển tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề truyền thống.

Hàng năm bố trí nguồn kinh phí khuyến công từ ngân sách thị xã phân bổ, hỗ trợ doanh nghiệp, hỗ trợ các hộ, mở rộng cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề truyền thống và xây dựng; duy trì và phát triển các ngành nghề hiện có và mở rộng nghề sản xuất mỳ ra các tổ dân phố khác như: Bông, Xê, Lai Cách, Đồi Đỏ, Vàng,...; duy trì các ngành nghề có nhiều lợi thế như: mộc dân dụng, gạch không nung, các nhóm tổ thợ xây; khuyến khích phát triển các ngành nghề mới phù hợp với tình hình thực tiễn ở địa phương.

- Phát triển thương mại, dịch vụ.

Tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia hoạt động thương mại, dịch vụ; xây dựng cửa hàng tự chọn; đa dạng hóa và mở rộng các loại hình dịch vụ, nhất là tại trung tâm và chợ phường, từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ góp phần thúc đẩy sản xuất thương mại, dịch vụ vận tải hàng hóa.

Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực xây dựng thiết chế văn hóa, thông tin, thể thao đạt chuẩn quốc gia. Chú trọng đến đầu tư cơ sở hạ tầng đặc biệt là xây dựng hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống bằng mọi nguồn lực của Nhà nước và các cấp, tập trung huy động nguồn đóng góp của nhân dân, các nguồn vốn di dân tái định cư, nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước và ngân sách địa phương.

- Phát triển nông nghiệp

Đẩy mạnh sản xuất nông - lâm nghiệp hàng hóa; tập trung phát triển kinh tế rừng, kinh tế vườn đồi. Nâng cao chất lượng công tác khuyến nông, khuyến lâm; khuyến khích và hỗ trợ nhân dân phục hồi chăn nuôi, áp dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất, chủ động phòng ngừa và ngăn chặn dịch bệnh;

thực hiện tốt công tác trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng; tiếp tục thực hiện phát triển một số loại cây ăn quả có giá trị kinh tế cao.

b) Thu, chi ngân sách

Tập trung thu đủ các nguồn, tránh thất thu, phân đầu đạt và vượt chỉ tiêu thu ngân sách tại địa bàn. Có kế hoạch cân đối thu - chi, đảm bảo đúng dự toán đáp ứng nhu cầu chi lương và chi thường xuyên.

b) Phát triển văn hóa - xã hội

- Phát triển giáo dục - đào tạo

Tiếp tục đầu tư phát triển sự nghiệp giáo dục; đổi mới căn bản toàn diện giáo dục, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đổi mới phương pháp dạy và học. Đặc biệt coi trọng giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, ý thức trách nhiệm xã hội cho học sinh. Đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục, xây dựng xã hội học tập. Phân đầu đến năm 2025 địa bàn phường có 5/5 trường đạt chuẩn quốc gia.

- Phát triển sự nghiệp y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Tiếp tục nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, nâng tuổi thọ trung bình của người dân lên 75 tuổi vào năm 2025. Thực hiện tốt các chương trình y tế dự phòng, tăng cường công tác quản lý nhà nước về y tế, an toàn vệ sinh thực phẩm. Thực hiện lộ trình BHYT toàn dân đạt 100%. Thực hiện có hiệu quả công tác dân số KHHGD, phân đầu đạt mục tiêu giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên, tỷ lệ sinh con lần 3 trở lên. Thực hiện tốt công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhân dân tham gia BHXH tự nguyện.

- Phát triển văn hoá, thông tin, thể thao và công tác gia đình

Đổi mới công tác lãnh đạo của Đảng ủy, chi ủy các chi bộ đối với lĩnh vực xây dựng đời sống văn hóa cơ sở. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực xây dựng thiết chế văn hóa, thông tin, thể thao đạt chuẩn quốc gia. Chú trọng nâng cao dân trí, tăng cường công tác giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống văn hóa, văn minh.

Nâng cao chất lượng, đa dạng nội dung chương trình của Đài tiếp sóng truyền thanh của phường, củng cố duy trì tốt hệ thống loa đài ở các tổ dân phố; Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và hoạt động có hiệu quả của cán bộ phụ trách đài.

- Thực hiện các chính sách an sinh xã hội, giải quyết việc làm, giảm nghèo và nâng cao đời sống nhân dân

Triển khai thực hiện tốt các chính sách xã hội, giảm nghèo bền vững, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục làm cho người nghèo có ý thức tự lực vươn lên thoát nghèo, không trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng, đảm bảo việc thực hiện các chủ trương chính sách giảm nghèo có hiệu quả và đúng quy định.



#### d) Công tác quốc phòng, an ninh

Hoàn thành 100% công tác tuyển quân hằng năm; xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, chủ động trong mọi tình huống.

Tăng cường công tác bảo đảm an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc, phát sinh từ cơ sở, không để xảy ra tình hình phức tạp trên địa bàn, đẩy mạnh phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh tổ quốc, bài trừ các tệ nạn xã hội, đảm bảo trật tự an toàn giao thông.

#### đ) Công tác xây dựng chính quyền

Tập trung cải cách thủ tục hành chính đẩy mạnh thực hiện mô hình “một cửa”, “một cửa liên thông”; đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực chuyên môn vững vàng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân.

Nâng cao vai trò của HĐND, đổi mới hoạt động đảm bảo tính hiệu quả; đổi mới công tác tiếp xúc cử tri. Thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa Thường trực HĐND với UBND và MTTQ, gắn tiếp xúc cử tri với giám sát và qua giám sát để tiếp xúc cử tri, nâng cao chất lượng giám sát của đại biểu các tổ HĐND.

### **D. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HUYỆN LỤC NGẠN MỚI VÀ CÁC THỊ TRẤN THUỘC HUYỆN LỤC NGẠN**

#### **I. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HUYỆN LỤC NGẠN MỚI**

##### **1. Quan điểm phát triển**

Phát triển nhanh và bền vững, yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng và khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế so sánh phù hợp với điều kiện thực tế của huyện Lục Ngạn mới cũng như dự báo tình hình trong thời gian tới. Lựa chọn phương án phát triển kinh tế nhanh và bền vững. Đây là phương án tăng trưởng trong điều kiện diễn biến tình hình kinh tế trong tỉnh và cả nước tương đối thuận lợi, đó là: Tỉnh Bắc Giang phát huy được các lợi thế so sánh, không gian phát triển công nghiệp được mở rộng, các khu công nghiệp lớn được thành lập, tiếp tục thu hút được các dự án công nghiệp lớn với hàm lượng kỹ thuật cao, tiên tiến, tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp ở mức khá; chất lượng tăng trưởng được cải thiện mạnh mẽ. Các cụm công nghiệp được quy hoạch trên địa bàn huyện được lấp đầy theo đúng tiến độ, du lịch dịch vụ trên địa bàn huyện được đầu tư đúng tiến độ; Việt Nam đang tiếp tục đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng, ổn định kinh tế vĩ mô.

##### **2. Mục tiêu phát triển**

###### **2.1. Mục tiêu chung**

Phát triển huyện theo hướng bền vững với cơ cấu kinh tế: Nông - lâm nghiệp - thủy sản, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ - du lịch. Phát triển kinh tế nông thôn gắn liền với xây dựng các nông

thôn mới, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hoá, an toàn, xây dựng huyện trở thành trung tâm cây ăn quả của vùng gắn với thương hiệu nổi bật vải thiều Lục Ngạn; chú trọng phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - xây dựng, trong đó trọng tâm là công nghiệp chế biến nông sản; đẩy mạnh phát triển các loại hình thương mại - dịch vụ - du lịch, trong đó du lịch có bước phát triển đột phá; phát triển toàn diện lĩnh vực văn hóa, xã hội, giáo dục và đào tạo; y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân; giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững; quan tâm đến khắc phục ô nhiễm và bảo vệ môi trường.

## **2.2. Mục tiêu cụ thể**

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất tăng bình quân thời kỳ 2021 - 2030 đạt 10,5 - 11,5%/năm. Trong đó giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng tăng 15 - 16%/năm (công nghiệp tăng 21 - 22%/năm, xây dựng tăng 10 - 11%/năm); thương mại - dịch vụ - du lịch tăng 7,5 - 8,5%/năm; nông - lâm nghiệp và thủy sản tăng 5,5 - 6,5%/năm.

- Thu nhập bình quân/người năm 2030 đạt khoảng 2.900 - 3.400 USD.

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng bình quân từ 16 - 18%/năm.

- Huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội thời kỳ 2021 - 2030 đạt trên 88 nghìn tỷ đồng.

- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 đạt trên 11,6%.

- Số giường bệnh/vạn dân 14,3 giường.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 2,0 - 2,5%/năm.

- Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch đạt 82,4% (trong đó thành thị 100%; nông thôn 70%).

- Tỷ lệ chất thải rắn thu gom được xử lý đạt 95%;

- 100% các cụm công nghiệp; đô thị có hệ thống xử lý nước thải tập trung; các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường.

- Tỷ lệ độ che phủ rừng 41,9%

- Xây dựng nông thôn mới: Đạt huyện nông thôn mới, và mỗi năm tăng thêm: ít nhất 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, 4 thôn đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Hạ tầng đầu tư phát triển cơ bản theo hướng đồng bộ, hiện đại. Hạ tầng giao vận tải thông suốt, an toàn; điện đảm bảo tốt nhu cầu sản xuất và sinh hoạt; nguồn nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt được đảm bảo; hệ thống đê điều, hồ đập an toàn; hạ tầng xã hội đáp ứng nhu cầu phát triển.

## **3. Nhiệm vụ và giải pháp**

### **3.1. Phát triển kinh tế**

a) Về phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng

- Phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp gắn liền với thế mạnh của vùng huyện Lục Ngạn là kết nối thuận lợi với hệ thống giao thông quốc gia, gần thị trường tiêu thụ lớn (thành phố Bắc Giang, Hà Nội, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Bắc Ninh...), có nguồn nguyên liệu đầu vào về nông lâm sản tại địa phương (đặc biệt là sản phẩm lâm nghiệp và cây ăn quả).

- Chú trọng phát triển các ngành nghề nông thôn, duy trì và phát triển các ngành nghề hiện có, nhất là các ngành nghề có nhiều lợi thế phát triển như nghề làm mỳ gạo, mật ong, nấu rượu, mộc dân dụng; khuyến khích phát triển các ngành nghề mới phù hợp với tình hình thực tiễn ở từng địa phương, thông qua các hoạt động hỗ trợ vốn khuyến công, đào tạo nghề. Ưu tiên các dự án sản xuất sản phẩm chế biến rau, quả, gỗ bảo đảm tiêu chuẩn quốc tế về an toàn thực phẩm, hướng đến xuất khẩu. Riêng về công nghiệp chế biến các sản phẩm nông lâm sản tập trung tại tất cả các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

- Phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng huyện Lục Ngạn chủ yếu dọc theo các trục động lực và các hành lang hỗ trợ phát triển kinh tế, gồm: Quốc lộ 31, Quốc lộ 279; đường tỉnh 289, đường tỉnh 289C, đường tỉnh 291B, đường tỉnh 290, đường tỉnh 248, đường huyện 84, đường huyện 88. Bố trí các điểm công nghiệp, quy mô từ 5 - 10 ha, gồm: Điểm công nghiệp Lim quy mô 10 ha, Cái Cạn 2 quy mô 5 ha, Dọc Đình quy mô 5 ha, Ao Nhãn quy mô 6 ha, Thượng A quy mô 5 ha, Nhà máy sản xuất hoa quả Tân Hoa quy mô 03 ha. Bố trí 06 cụm công nghiệp, gồm: Tân Quang quy mô 15 ha, Biển Động quy mô 50 ha, Phong Vân quy mô 15 ha, Đèo Gia quy mô 20 ha, Tân Lập quy mô 15 ha và Tân Mộc quy mô 15 ha.

#### b) Phát triển thương mại - dịch vụ và du lịch

Ngành thương mại dịch vụ của Lục Ngạn gắn chặt với các vùng nguyên liệu và các cơ sở sản xuất công nghiệp và hệ thống giao thông cấp vùng, liên vùng. Với động lực chính là lâm nghiệp và nông sản, vùng huyện Lục Ngạn tổ chức hệ thống các không gian thương mại, dịch vụ, công nghiệp, vùng nguyên liệu thành các nhóm tập trung, tạo điều kiện cho việc khép kín quy trình cho mỗi sản phẩm. Một số các cực động lực chính trong vùng sẽ tổ chức các đầu mối thương mại, các đô thị sẽ hình thành các trung tâm thương mại dịch vụ.

- Phát triển thương mại - dịch vụ và du lịch chủ yếu dọc theo các trục tăng trưởng và các hành lang hỗ trợ phát triển kinh tế, gồm Quốc lộ 31, Quốc lộ 279; đường tỉnh 289, đường tỉnh 289C, đường tỉnh 291B, đường tỉnh 290, đường tỉnh 248; đường huyện 84, đường huyện 88.

- Hệ thống thương mại dịch vụ huyện Lục Ngạn gồm các chợ đô thị, nông thôn (truyền thống), các chợ đầu mối và các trung tâm thương mại. Các đơn vị hành chính được bố trí chợ đô thị hoặc nông thôn (tùy điều kiện hiệu quả thực tế, một số xã có thể không bố trí chợ nông thôn như Sa Lý, Kim Sơn, mà tận dụng hệ thống các dịch vụ thương mại sẵn có tại địa phương); tổ chức các trung tâm thương mại tại các điểm đô thị: Phì Điền, Biển Động, Tân Sơn, Tân Mộc.

- Du lịch sinh thái gắn với cảnh quan thiên các hồ; du lịch cộng đồng gắn với văn hóa, lễ hội các sắc tộc khác nhau trên địa bàn và hệ thống các di tích, đặc biệt là khu vực Bản Hoa (Tân Sơn) và 08 di tích cấp tỉnh trên địa bàn huyện; quy hoạch không gian du lịch sinh thái nông nghiệp, nghỉ dưỡng, thể thao, vui chơi, giải trí dọc sông Lục Nam; xây dựng các điểm du lịch sinh thái, kết hợp làng nghề truyền thống, du lịch vườn đồi tại các xã, thị trấn: Tân Sơn, Hộ Đáp, Phong Minh, Sa Lý, Giáp Sơn, Biên Sơn Tân Quang, Đồng Cốc, Kim Sơn, Biên Động, Tân Mộc; tổ chức các hình thức du lịch khám phá, trải nghiệm dưới tán rừng, du lịch mạo hiểm tại các xã Tân Sơn, Cẩm Sơn, Sơn Hải, Hộ Đáp, Phong Minh, Sa Lý, Tân Mộc, Tân Lập, Đèo Gia; hình thành trung tâm du lịch, các điểm du lịch cộng đồng phục vụ công tác bảo tồn và phát huy giá trị làng cổ Bắc Hoa, Tân Sơn; trung tâm du lịch tại Phì Điền, đầu mối du lịch toàn vùng huyện; trung tâm du lịch tại Biên Động, phát triển du lịch sinh thái cộng đồng, lễ hội, di sản gắn với di tích cấp tỉnh đình, đền, chùa Biên Động.

### c) Phát triển nông - lâm nghiệp- thủy sản

#### - Về trồng trọt

Xác định các vùng sản xuất trồng trọt tập trung gồm 17 vùng trồng vải, 01 vùng bưởi, 03 vùng trồng cam, 09 vùng trồng nhãn, 11 vùng trồng táo, vùng sản xuất dược liệu, hoa, cây cảnh và chè tại các xã: Phong Minh, Phong Vân, Sa Lý với tổng diện tích khoảng 50 ha.

Cung cấp một số loại giống mới bằng phương pháp ghép cành, giống nuôi cây mô, những giống có năng suất cao, phẩm chất tốt. Thay những giống chất lượng kém, giống thoái hóa. Hỗ trợ liên kết 4 nhà hoặc hỗ trợ nhà vườn sản xuất, tiêu thụ theo các tổ hợp tác, hợp tác xã. Tăng cường xã hội hóa các dịch vụ công như: kiểm nghiệm, kiểm tra đánh giá hệ thống đảm bảo chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, khuyến nông. Hoàn thiện khung pháp lý về kiểm dịch thực vật. Tổ chức sản xuất theo liên kết dọc giữa những người tham gia các công đoạn từ trồng, đến thu mua sản phẩm, chế biến và tiêu thụ sản phẩm thông qua các hợp đồng kinh tế để tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, đảm bảo phát triển bền vững và ổn định, đáp ứng yêu cầu đảm bảo chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

Thực hiện các nghiên cứu cải tiến giống, quy trình sản xuất để nâng cao chất lượng cây ăn quả; nghiên cứu và chuyển giao công nghệ chế biến, bảo quản và vận chuyển... Công tác khuyến nông tập trung vào phổ biến, chuyển giao công nghệ xử lý và bảo quản nông sản sau thu hoạch, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

#### - Về chăn nuôi

Tập trung công nghệ cao vào các khâu giống vật nuôi, xây dựng trang trại đồng bộ, hệ thống chuồng trại khép kín, ứng dụng các công nghệ quản lý trang trại thông minh, công nghệ điều khiển thông minh, chủ động kiểm soát nhiệt độ, tự động cung cấp thức ăn tùy theo độ tuổi của vật nuôi, lập trình số lần cho ăn trong ngày, định lượng cho mỗi lần ăn, tự động mở đèn thấp sáng trang trại, thấp

sáng khi cho ăn. Phát triển 02 khu chăn nuôi tập trung vật nuôi đặc sản, giá trị hàng hóa cao; ngoài ra còn có các vùng chăn nuôi tập trung khác gồm: 04 vùng nuôi gà, 03 vùng nuôi dê, 03 vùng nuôi ong, 02 vùng chăn nuôi gia súc.

#### - Về phát triển rừng

Phát triển không gian che phủ rừng tại vùng đầu nguồn các hồ lớn Đông Bắc tỉnh (Khu vực vành đai rừng Đông Bắc tỉnh thuộc huyện Lục Ngạn); mở rộng, tăng độ che phủ rừng tập trung đầu nguồn hồ Cẩm Sơn, khu vực phía Bắc huyện Lục Ngạn tại các xã Sa Lý, Phong Minh, Tân Sơn, Hộ Đáp, Sơn Hải, Cẩm Sơn, Phong Vân. Duy trì, bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ; quy hoạch 04 vùng sản xuất rừng tập trung gồm 23 đơn vị hành chính liên vùng huyện (gồm cả huyện Lục Ngạn và thị xã Chũ).

Điều chỉnh lại cơ cấu 3 loại rừng để tiến hành bảo vệ, phát triển hợp lý, đảm bảo hiệu quả, bền vững theo hướng rà soát tăng diện tích rừng phòng hộ ở những nơi có rừng tự nhiên đa dạng sinh học, cần bảo vệ nghiêm ngặt; chuyển diện tích rừng tự nhiên của các Ban quản lý rừng, cộng đồng dân cư, UBND xã sang rừng phòng hộ; giảm diện tích rừng sản xuất ở những khu vực nhỏ lẻ để lấy quỹ đất phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội chung toàn huyện; chuyển diện tích cây ăn quả trên đất đồi núi không hiệu quả sang quy hoạch lâm nghiệp để trồng cây lấy gỗ. Bố trí các khu vực tập trung phát triển không gian che phủ rừng tại Vùng đầu nguồn các hồ lớn Đông Bắc tỉnh (Khu vực vành đai rừng Đông Bắc tỉnh thuộc huyện Lục Ngạn).

Xây mới hồ làng Chả (xã Phong Vân), hồ Ruồng (xã Đèo Gia), trạm bơm sông Thảo (xã Biền Động); cải tạo các hồ chứa, hệ thống kênh mương của địa phương quản lý. Nâng tỷ lệ cứng hóa kênh mương trên địa bàn đạt 60%.

### **3.2. Phát triển văn hóa - xã hội**

#### a) Về giáo dục, đào tạo

Xây dựng cơ sở vật chất theo hướng kiên cố hoá, mua sắm, cung cấp đủ trang thiết bị đáp ứng cho nhu cầu dạy và học, tạo điều kiện cho giáo viên và học sinh phát huy hết khả năng giảng dạy và học tập, góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo trong nhà trường. Thực hiện tốt công tác xã hội hóa tại cơ sở. Thực hiện tốt các chế độ chính sách cho giáo viên và học sinh; chăm lo công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý và giáo viên; đảm bảo chất lượng, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, tăng dần tỷ lệ giáo viên người dân tộc, người địa phương; Chỉ đạo việc dạy tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức, giáo viên công tác ở vùng đồng bào dân tộc; xây dựng đủ nhà công vụ cho nhà giáo. Tăng cường công tác phối hợp giữa nhà trường với chính quyền địa phương đặc biệt là Ban đại diện cha mẹ học sinh, Hội khuyến học và các hội, đoàn thể có liên quan đến từng gia đình có học sinh bỏ học để vận động các em ra lớp. Thành lập Ban vận động học sinh ở các thôn gồm: các thành viên là Cán bộ phụ trách thôn, trưởng thôn hoặc Bí thư chi bộ, cán bộ giáo viên trong địa bàn... thường xuyên chỉ đạo đến các cơ sở trường học tiến hành rà soát số học sinh bỏ học, xác định rõ nguyên nhân bỏ học trong thời gian qua, kịp thời đề ra

giải pháp nhằm hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng học sinh bỏ học trong thời gian tới. Duy trì Trường THPT Lục Ngạn 2; mở rộng trường THPT Lục Ngạn 4; duy trì, mở rộng các khối trường mầm non, tiểu học, phổ thông cơ sở tại mỗi đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn.

#### b) Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

- Tăng cường quản lý nhà nước về các hoạt động y tế trên địa bàn đảm bảo đồng bộ toàn diện giữa y tế tư nhân và y tế công lập; tập trung kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ chính sách của Đảng, Nhà nước trong công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân, trên các lĩnh vực: dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh hành nghề y, dược tư nhân, sử dụng quỹ khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế, công tác an toàn thực phẩm,... đảm bảo minh bạch, công bằng. Giai đoạn đến năm 2030, xây dựng mới Trung tâm y tế huyện tại thị trấn Phi Điền; xây dựng trung tâm y tế huyện (cơ sở 2) tại Tân Sơn; xây dựng mới cơ sở vật chất cho các trạm y tế xã, thị trấn.

- Phát triển toàn diện y tế cơ sở, đảm bảo 100% các trạm y tế xã có bác sĩ công tác thường xuyên; 100% trạm y tế xã có đủ 5 nhóm cơ cấu biên chế phục vụ các hoạt động chăm sóc sức khỏe ban đầu. Đầu tư, trang thiết bị, cơ sở vật chất đáp ứng với nhiệm vụ chuyên môn của tuyến xã và tuyến huyện.

#### c) Văn hóa, thông tin thể thao

Phát triển thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở đồng bộ đạt chuẩn; thực hiện công tác quy hoạch sử dụng đất, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất văn hóa thể thao tập trung và không gian trải; nhân rộng các mô hình nhà văn hóa đạt chuẩn để thu hút người dân tham gia sinh hoạt. Theo đó, xây dựng mới khu trung tâm văn hóa, hội nghị cấp huyện (quảng trường, nhà trưng bày, triển lãm, rạp chiếu phim, khu vui chơi), phục vụ việc tổ chức hội nghị, các sự kiện lớn, vui chơi giải trí; quy hoạch khu Liên hợp thể thao của huyện (sân vận động, nhà thi đấu đa năng, bể bơi) đáp ứng nhu cầu hoạt động thể dục thể thao, đào tạo vận động viên thể thao thành tích cao; quy hoạch khu công viên cây xanh cấp huyện, đô thị; xây dựng mới Thư viện huyện đảm bảo cho hoạt động chuyên môn, chức năng phục vụ đáp ứng nhu cầu đọc của đọc giả. Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các nhà văn hoá xã, nhà văn hoá thôn, tổ dân phố đạt chuẩn; xây dựng nhà trưng bày và sinh hoạt cộng đồng; các nhà thi đấu tại các thị trấn. Bố trí quỹ đất để đảm bảo các đơn vị hành chính cấp xã có đủ đất xây dựng 01 sân thể thao tổng hợp với diện tích từ 6.000 - 7.000 m<sup>2</sup>.

#### d) Thực hiện chính sách xã hội

Tăng cường huy động các nguồn lực, nhất là nguồn lực trong nhân dân, các tổ chức xã hội; phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội của xã trong đẩy mạnh tuyên truyền về các mô hình an sinh xã hội với nhiều cách làm sáng tạo để tạo chuyển biến mạnh mẽ từ nhận thức đến hành động của đội ngũ cán bộ làm công tác an sinh xã hội.

Xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch về đào tạo nghề cho lao động nông thôn, về giải quyết việc làm cho người lao động; đẩy mạnh đưa lao động đi

làm việc ở nước ngoài; tăng cường kiểm tra, giám sát công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đào tạo nghề; tuyên truyền những mô hình, các tổ, nhóm, hợp tác xã giải quyết việc làm, mang lại nguồn thu nhập ổn định cho nhiều lao động sau khi học nghề được tăng cường, góp phần nâng cao nhận thức, tính chủ động của người lao động trong quá trình tìm việc làm và chuyển đổi nghề nghiệp.

Ưu tiên vốn tín dụng ưu đãi cho dạy nghề gắn với giải quyết việc làm. Tập trung trợ giúp cho hộ cận nghèo để không tái nghèo và mở rộng chính sách hỗ trợ cho hộ cận nghèo về giáo dục, dạy nghề, y tế,...

### **3.3. Phát triển hệ thống hạ tầng xã hội**

#### **a) Hệ thống hạ tầng quản trị hành chính**

- Cấp huyện: Xây dựng mới trung tâm chính trị, hành chính huyện Lục Ngạn tại thị trấn Phì Điền; xây dựng mới các công trình phục vụ công tác an ninh, quốc phòng; xây dựng mới các công trình quản trị cấp huyện; hệ thống hạ tầng kỹ thuật giao thông, điện, nước,...

- Cấp thị trấn, xã: Cải tạo, mở rộng các trụ sở UBND hiện trạng; quy hoạch, xây dựng mới các công trình UBND, Hội đồng nhân dân, Đảng ủy,... cho các đô thị mới hình thành trong tương lai.

#### **b) Phát triển hạ tầng giáo dục**

- Duy trì trường quy mô Trường THPT Lục Ngạn 2 (xã Tân Hoa); mở rộng Trường THPT Lục Ngạn 4 (Tân Sơn); duy trì, mở rộng (nếu cần thiết) các khối trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở tại mỗi đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn.

- Quy hoạch mới: Vị trí, quy mô diện tích các trường sẽ được tính toán cụ thể trong giai đoạn lập quy hoạch xây dựng nông thôn mới hoặc quy hoạch các thị trấn mới. Trong đó, gồm một số công trình cơ bản như Trường cao đẳng nghề huyện Lục Ngạn tại xã Giáp Sơn; Trường THPT Lục Ngạn 6 tại xã Giáp Sơn; Trường THPT tại xã Tân Lập (giai đoạn 2030 - 2040).

#### **c) Hệ thống hạ tầng y tế:**

Xây dựng mới Trung tâm y tế huyện tại thị trấn Phì Điền (cơ sở chính); xây dựng trung tâm y tế huyện (cơ sở 2) tại xã Tân Sơn; xây dựng mới cơ sở vật chất cho các trạm y tế xã, thị trấn còn lại như: Cẩm Sơn, Tân Quang, Tân Mộc, Sơn Hải,...; xây dựng kiên cố tất cả các trạm y tế xã, thị trấn trên địa bàn.

#### **d) Hạ tầng văn hóa, thể thao:**

- Cấp huyện: Xây dựng mới khu trung tâm văn hóa, hội nghị cấp huyện (quảng trường, nhà trưng bày, triển lãm, rạp chiếu phim, khu vui chơi), phục vụ việc tổ chức hội nghị, các sự kiện lớn, vui chơi giải trí...; xây dựng khu Liên hợp thể thao của huyện (sân vận động, nhà thi đấu đa năng, bể bơi) đáp ứng nhu cầu hoạt động thể dục thể thao, đào tạo vận động viên thể thao thành tích cao;

khu công viên cây xanh cấp huyện, đô thị; xây dựng Trung tâm Văn hóa thông tin và thể thao huyện; xây dựng mới Thư viện huyện; phát triển các Trung tâm Văn hoá - Thông tin, nhà sinh hoạt văn hoá, nhà sinh hoạt cộng đồng.

- Cấp thị trấn, xã: Nhà văn hoá: Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các nhà văn hoá xã, nhà văn hoá thôn, tổ dân phố đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa thể thao và du lịch; xây dựng nhà trưng bày và sinh hoạt cộng đồng thôn Bắc Hoa, Tân Sơn; xây mới các nhà thi đấu tại các đô thị và 02 nhà thi đấu tại các xã Giáp Sơn, Đèo Gia; cải tạo, xây mới các sân vận động tại các đô thị và 03 sân vận động các xã Giáp Sơn, Đèo Gia, Phong Vân; bố trí quỹ đất thể dục thể thao để đảm bảo các đơn vị hành chính cấp xã có đủ đất xây dựng 01 sân thể thao tổng hợp với diện tích từ 6.000 - 7.000 m<sup>2</sup>, trung tâm thể dục thể thao đô thị đảm bảo các tiêu chí đô thị loại V hoặc IV (tùy từng giai đoạn phát triển đô thị).

#### d) Các công trình di tích:

- Bảo tồn và phát huy giá trị các công trình di tích cấp tỉnh trên địa bàn huyện; lập hồ sơ đề nghị xếp hạng 02 di tích cấp tỉnh: Đình Luồng (Biên Sơn) và Đình Đoàn Kết (Tân Quang); bảo tồn các giá trị văn hoá: Nâng cấp hội hát Tân Sơn và phiên chợ xuân vùng cao thành Lễ hội văn hoá cấp vùng; lập hồ sơ đề nghị Bộ Văn hóa thể thao và du lịch công nhận hát Sloong hao (Dân tộc Nùng), hát Soọng cô (Dân tộc Sán Dìu) Lục Ngạn là di sản văn hoá phi vật thể cấp quốc gia; bảo tồn nhà cổ thôn Bắc Hoa, Tân Sơn gắn kết với phát triển văn hoá, du lịch; bảo tồn và phục dựng 1, 2 lễ hội truyền thống: lễ hội lồng tồng của người Tày, lễ cầu mùa của người Dao; xác định 01 điểm quy hoạch khảo cổ học: Chùa Khả Lã, xã Tân Lập 300 m<sup>2</sup>.

### 3.4. Phát triển đô thị và nông thôn

#### a) Đô thị

- Huyện Lục Ngạn hình thành 04 đô thị mới gồm Phi Điền, Biên Động, Tân Sơn, Tân Mộc.

- Giai đoạn đến năm 2025: Hoàn thành nâng cấp đô thị Biên Động và đô thị Phi Điền là đô thị loại V, thành lập thị trấn Biên Động và thị trấn Phi Điền trên cơ sở khu vực quy hoạch chung của 2 đô thị đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Đến năm 2040: Tân Sơn được công nhận là đô thị loại V, hoàn thành nâng cấp xã Tân Sơn thành thị trấn Tân Sơn vào năm 2035; Tân Mộc được công nhận là đô thị loại V.

#### b) Nông thôn

- Mô hình xã nông thôn đồng bằng:

Hình thành các khu trung tâm xã (trụ sở UBND, trung tâm thương mại, trường học, trung tâm công viên, thể dục thể thao, y tế, văn hóa), cụm thôn, cụm dân cư tập trung theo các hệ thống giao thông. Tăng cường các tuyến không gian liên kết không gian đồng bằng dọc Quốc lộ 31 với khu vực trung du gò đồi; các khu vực dân cư tập trung; quy hoạch các vùng sản xuất nông nghiệp, vùng chăn nuôi, định hướng sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp,...



- Mô hình xã nông thôn vùng đồi núi và trung du:

Động lực phát triển và ngành nghề chính là kinh tế vườn đồi, đặc biệt là các loại cây ăn quả, rừng sản xuất,... Không gian quy hoạch kết hợp giữ phát triển tập trung với phân tán; các khu vực dân cư tập trung theo tuyến, cụm; xây dựng các cụm trung tâm công cộng, dịch vụ (trụ sở, trường học, nhà văn hóa, thể dục thể thao, trạm y tế, chợ, bưu điện,...), kết nối với các không gian ở và không gian sản xuất nông lâm nghiệp; quy hoạch các vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp gắn với hệ thống các công trình phục vụ sản xuất: khu bảo quản sau thu hoạch và chế biến, khu tiếp thị giới thiệu sản phẩm, trạm khuyến nông...; xây dựng hệ thống hạ tầng nông thôn đồng bộ theo các tiêu chí nông thôn mới.

### **3.5. Phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật**

a) Phát triển giao thông

- Giao thông đường bộ

Quốc lộ:

Quốc lộ 31: Nâng cấp, cải tạo tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp III miền núi, tuyến đi qua khu vực phát triển đô thị nâng cấp cải tạo theo tiêu chuẩn đường đô thị (quy mô 4 làn xe).

Quốc lộ 279: Nâng cấp, cải tạo tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp III miền núi, tuyến đi qua khu vực phát triển đô thị nâng cấp cải tạo theo tiêu chuẩn đường đô thị.

Đường tỉnh:

Giữ nguyên 4 tuyến đường tỉnh hiện có (đường tỉnh 248, đường tỉnh 289, đường tỉnh 290, đường tỉnh 289C) đạt tiêu chuẩn đường cấp III miền núi; phát triển các tuyến đường huyện hiện có thành đường tỉnh, gồm: đường tỉnh 291B (tuyến được nâng cấp từ đường huyện 81) thành đường tỉnh, chiều dài qua huyện khoảng 23 km; nâng cấp cải tạo đường đạt tiêu chuẩn đường cấp III miền núi. Quy hoạch mở mới tuyến đường tỉnh đường tỉnh 290B (Tâm Dị - Đông Hưng - Quý Sơn - Hồng Giang) dài 26 km, điểm đầu Tâm Dị, huyện Lục Nam, điểm cuối Hồng Giang, huyện Lục Ngạn giao với đường tỉnh 290; tuyến qua huyện mới có điểm đầu từ xã Giáp Sơn đi qua thị trấn Phì Điền, điểm cuối tại Quốc lộ 279 - xã Tân Hoa.

Đường huyện:

Giữ nguyên 4 tuyến đường huyện hiện có (đường huyện 83, đường huyện 84, đường huyện 85, đường huyện 88) nâng cấp, cải tạo đường tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp IV miền núi: Đường huyện 83 (Chũ - Biên Sơn), nâng cấp đường đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi; đường huyện 84 (Tân Hoa - Kim Sơn - Biển Động - Đèo Gia) nâng cấp, cải tạo tuyến đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp IV miền núi; đường huyện 85 (Hộ Đáp nối đường tỉnh 289C với đường tỉnh 290), nâng cấp cải tạo tuyến đạt tiêu chuẩn cấp III miền núi; đường huyện 88 (Lim - Tân Quang - Phú Nhuận), nâng cấp, cải tạo tuyến tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi.

### Giao thông nông thôn:

Đường giao thông nông thôn bao gồm hệ thống đường xã, liên xã (không tính đường thôn xóm). Mở thêm các tuyến giao thông nông thôn ở các khu vực có mật độ giao thông thấp, cải tạo nâng cấp các tuyến hiện có đạt tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành. Đến năm 2030, đảm bảo 100% giao thông nông thôn được cứng hóa. Bề rộng mặt cắt ngang đường nội bộ khu dân cư đạt tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn loại A bề rộng trên 4 m và đường phục vụ sản xuất đảm bảo tiêu chuẩn cấp VI miền núi lòng đường 3,5 m, nền đường rộng 6 m.

### Giao thông đô thị:

Đầu tư phát triển, từng bước đồng bộ, hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống giao thông đô thị theo quy hoạch hệ thống đô thị của tỉnh và quy hoạch các đô thị trong huyện; đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật theo quy mô, tính chất đô thị.

#### - Công trình phục vụ giao thông:

##### Bến bãi đỗ xe:

Bến xe liên tỉnh: quy hoạch 2 bến xe liên tỉnh (bến xe Phì Điền, Tân Sơn): Xây dựng bến xe khách tại thị trấn Phì Điền diện tích khoảng 2 ha đạt bến xe tiêu chuẩn loại IV trở lên; xây dựng bến xe khách tại xã Tân Sơn diện tích khoảng 2ha đạt tiêu chuẩn bến xe loại IV trở lên. Bến xe Tân Sơn trong tương lai chuyển thành điểm trung chuyển xe kết hợp bãi đỗ xe tỉnh.

##### Bãi đỗ xe:

Giai đoạn 2021- 2030: quy hoạch 13 bãi đỗ xe tỉnh, gồm: Tân Sơn, Phong Vân, Sơn Hải, Biên Sơn, Giáp Sơn, Kim Sơn, Tân Hoa, Biền Động, Phì Điền, Tân Quang, Đồng Cốc, Phú Nhuận, Đèo Gia, Tân Mộc, diện tích bãi đỗ xe tối thiểu 01 ha.

Giai đoạn 2030 - 2040: quy hoạch 06 bãi đỗ xe tỉnh, gồm: Cẩm Sơn, Hộ Đáp, Sa Lý, Đèo Gia, Phong Minh, Phong Vân, diện tích bãi đỗ xe tối thiểu 01 ha.

##### Cầu vượt sông:

Xây dựng mới 06 cầu vượt sông Lục Nam trên các tuyến đường huyện quy hoạch mới và cải tạo mở rộng tăng cường khả năng kết nối giữa 2 bên bờ sông Lục Nam và giữa các xã với nhau tạo điều kiện phát triển kinh tế.

##### Vận tải hành khách công cộng:

Tuyến hành khách liên tỉnh: Duy trì tuyến vận tải hành khách liên tỉnh trên tuyến Cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn, Quốc lộ 31, Quốc lộ 279; tuyến Lục Ngạn - Bến xe Nước Ngầm và Lục Ngạn - Gia Lâm.

Tuyến hành khách nội tỉnh: Tuân thủ theo Quyết định số 1953/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 quy hoạch mạng lưới tuyến cố định và bến xe tải hành khách tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Phát triển giao thông công cộng đô thị theo hướng tiên tiến và hiệu quả, hỗ trợ phát triển du lịch, dịch vụ đi phương, kết nối thuận lợi với hệ thống giao thông công cộng vùng tỉnh...;

khuyến khích phát triển giao thông thân thiện môi trường (đi bộ, xe đạp, xe điện...).

b) Thoát nước mặt

Theo địa hình tự nhiên của 19 xã thuộc huyện Lục Ngạn phân chia thành 4 lưu vực thoát nước mưa chính như sau:

Lưu vực 1: thoát về sông hồ Cẩm Sơn, rồi thoát ra sông Hóa ở địa phận tỉnh Lạng Sơn rồi sau đó thoát ra sông Thương; bao gồm các xã: Sơn Hải, Cẩm Sơn, Tân Sơn, Hộ Đáp, Phong Vân;

Lưu vực 2: thoát về sông Cẩm Đàn sau đó thoát ra sông Lục Nam; bao gồm các xã: Phong Minh, Sa Lý, Phúc Sơn, Kim Sơn, 1 phần thị trấn Biển Động, 1 phần xã Phú Nhuận;

Lưu vực 3: Thoát về sông Lục Nam; bao gồm các xã: Tân Lập, Đèo Gia, Phú Nhuận, Biển Động, Đồng Cốc, Tân Hoa, Phì Điền, Tân Quang, Giáp Sơn, Biên Sơn;

Lưu vực 4: Thoát về sông Ông Đình rồi sau đó thoát ra sông Lục Nam; bao gồm xã Tân Mộc.

c) Cấp nước:

- Nhu cầu cấp nước:

Tổng nhu cầu dùng nước đô thị, nông thôn giai đoạn 2023 - 2030 là 21.000 m<sup>3</sup>/ngđ; giai đoạn 2031 - 2040 là 36.000 m<sup>3</sup>/ngđ.

- Định hướng cấp nước liên huyện:

Tuân thủ Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2030 được phê duyệt tại quyết định số 219/QĐ-TTg, ngày 17/02/2022;

Xây mới nhà máy nước Cẩm Sơn công suất đến năm 2030 là 100.000 m<sup>3</sup>/ngđ (theo quy hoạch tỉnh Bắc Giang), dự kiến đến năm 2040 là 200.000 m<sup>3</sup>/ngđ, khai thác nguồn nước thô từ hồ Cẩm Sơn. Phạm vi cấp nước cấp bổ sung nước sạch cho thành phố Bắc Giang và các huyện Yên Dũng, Lục Nam, Sơn Động, Lục Ngạn, thị xã Chũ.

- Định hướng cấp nước đô thị và nông thôn:

Xây mới hệ thống cấp nước sạch tập trung liên thị trấn Biển Động - Phú Nhuận - Kim Sơn - Tân Hoa công suất đến năm 2030 là 6.000 m<sup>3</sup>/ngđ, đến năm 2040 là 9.000 m<sup>3</sup>/ngđ, vị trí đặt tại Biển Động, nguồn nước thô lấy từ sông Cẩm Đàn; bổ sung thêm nguồn nước sạch từ nhà máy nước Cẩm Sơn về. Phạm vi cấp nước gồm thị trấn Biển Động và các xã Kim Sơn, Tân Hoa, Phú Nhuận và cụm công nghiệp Biển Động, các điểm công nghiệp Ba Lều - Biển Động, Hợp Thành - Phú Nhuận, Đồng Đèo - Kim Sơn, Ao Nhãn - Tân Hoa.

Xây mới hệ thống cấp nước sạch tập trung liên xã Đồng Cốc, Phì Điền, Giáp Sơn, Tân Quang công suất đến năm 2030 là 7.000 m<sup>3</sup>/ngđ, đến năm 2040 là 12.000 m<sup>3</sup>/ngđ, khai thác nguồn nước thô sông Lục Nam; bổ sung thêm nguồn

nước sạch từ nhà máy nước Cẩm Sơn về. Phạm vi cấp nước gồm: Phì Điền, Giáp Sơn, Tân Quang, Đồng Cốc và các điểm công nghiệp Thượng A - Đồng Cốc, Thùng Đầu - Tân Quang;

Xây mới hệ thống cấp nước sạch tập trung liên xã Tân Mộc, Tân Lập công suất đến năm 2030 là 3.500 m<sup>3</sup>/ngđ, đến năm 2040 là 6.000 m<sup>3</sup>/ngđ; khai thác nguồn nước thô sông Lục Nam. Phạm vi cấp nước: Tân Mộc, Đèo Gia, Tân Lập và các điểm công nghiệp Hoa Quảng - Tân Mộc, thôn Ruồng - Đèo Gia, Khả Lã - Tân Lập;

Xây mới hệ thống cấp nước sạch tập trung liên xã Tân Sơn và Cẩm Sơn công suất đến năm 2030 là 3.000 m<sup>3</sup>/ngđ, đến năm 2040 là 5.000 m<sup>3</sup>/ngđ, khai thác nguồn nước thô từ hồ Cẩm Sơn, vị trí nhà máy đặt ở xã Tân Sơn. Phạm vi cấp nước Tân Sơn, Cẩm Sơn và các điểm công nghiệp Mông A - Tân Sơn, Thông Bên - Cẩm Sơn;

Xây mới hệ thống cấp nước sạch tập trung liên xã Hộ Đáp và Sơn Hải, Biên Sơn công suất đến năm 2030 là 3.000 m<sup>3</sup>/ngđ, đến năm 2040 là 5.000 m<sup>3</sup>/ngđ, khai thác nguồn nước thô từ hồ Cẩm Sơn, vị trí nhà máy nước đặt tại xã Hộ Đáp. Phạm vi cấp nước Hộ Đáp, Sơn Hải, Biên Sơn và các điểm công nghiệp Cái Cạn - Hộ Đáp, Cầu Sắt - Sơn Hải, Dọc Đình - Biên Sơn.

Cải tạo, nâng công suất hệ thống cấp nước liên xã Phong Vân, Phong Minh hiện có từ 400 m<sup>2</sup>/ngđ dự kiến đến năm 2030 lên 2.000 m<sup>3</sup>/ngđ, đến năm 2040 là 2.500 m<sup>3</sup>/ngđ, khai thác nguồn nước thô từ hồ Cẩm Sơn, vị trí nhà máy nước đặt tại xã Phong Vân. Phạm vi cấp nước Phong Vân, Phong Minh và các điểm công nghiệp Phong Minh, Phong Vân.

Xây mới hệ thống cấp nước sạch xã Sa Lý công suất đến năm 2030 là 600 m<sup>3</sup>/ngđ, đến năm 2040 là 800 m<sup>3</sup>/ngđ, khai thác nguồn nước suối. Phạm vi cấp nước xã Sa Lý và điểm công nghiệp Xé.

Duy trì công trình cấp nước sinh hoạt tập trung thôn Hò Trong, xã Tân Lập công suất hiện có 400 m<sup>3</sup>/ngđ, nguồn nước tự chảy.

Duy trì công trình cấp nước sinh hoạt tập trung thôn Đèo Gia - Cống Luộc, xã Đèo Gia công suất hiện có 370 m<sup>3</sup>/ngđ, nguồn nước tự chảy.

- Cấp nước cho các cụm công nghiệp:

Tổng nhu cầu cấp nước (lấy tròn) đến năm 2040 là 4.000 m<sup>3</sup>/ngđ. Các cụm và điểm công nghiệp trên địa bàn huyện Lục Ngạn, dự kiến sẽ được cung cấp nước sạch từ các trạm cấp nước tập trung liên xã sử dụng nguồn nước sông Lục Nam, sông Cẩm Đàn, hồ Cẩm Sơn và nước suối.

d) Định hướng cấp điện:

- Nhu cầu

Tổng nhu cầu dùng điện của huyện Lục Ngạn đến năm 2040 là 155.66 MW, tương đương 173 MVA.

- Nguồn điện:

Trên địa bàn huyện giai đoạn 2026 - 2030 đóng điện 01 máy biến áp 125 MVA, giai đoạn 2031 -2035 lắp máy biến áp số 2 công suất 125 MVA.

Ngoài ra giai đoạn 2030 - 2040, đề xuất xây dựng thêm trạm biến áp tại Tân Sơn; giai đoạn đến 2035 lắp 01 máy 1x25 MVA, trạm 110kV Tân Sơn sẽ rút ngắn bán kính phục vụ lưới điện trung áp, chủ động cấp điện ổn định cho toàn vùng phí Bắc huyện.

Lưới trung áp 35 kV:

Lưới trung áp tại các đô thị sẽ từng bước cải tạo về cấp điện áp 22 kV phù hợp với mật độ phụ tải và đảm bảo tiêu chuẩn của ngành điện. Các khu đô thị đã ổn định, về Quy hoạch lưới điện phải được ngầm hóa để đảm bảo cảnh quan đô thị, tránh đầu tư nhiều lần. Để thuận tiện trong vận hành, lắp đặt, sửa chữa đường cáp ngầm nên bố trí trong hào cáp kỹ thuật chung. Tiết diện các tuyến trục sử dụng cáp bọc XLPE - 185 cho đường dây nổi trong các khu công nghiệp và vùng ngoại thị, cáp ngầm chống thấm dọc XLPE -240 cho các khu nội thị.

- Trạm hạ áp 35/0,4 kV: Sửa chữa, cải tạo thay thế dần các trạm biến áp không đủ tiêu chuẩn vận hành. Các trạm biến áp xây dựng mới dùng loại trạm 35/0,4 kV. Trên cơ sở nhu cầu dùng điện của từng khu vực bố trí các trạm lưới 35/0,4 kV cho phù hợp với công suất yêu cầu, bán kính phục vụ các trạm hạ áp không quá 400m.

đ) Phát triển thông tin liên lạc:

Chỉ tiêu dự kiến cho thuê bao điện thoại (cố định và di động) đạt 130/100 dân, như vậy nhu cầu toàn bộ huyện khoảng 300.000 thuê bao.

Sử dụng các tuyến cáp quang từ trạm chuyển mạch mới; tuyến cáp quang này sử dụng loại FLX-600A (Quang), hạ ngầm trên vỉa hè, độ sâu trong hào cáp, khoảng cách đến chân các công trình phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật của ngành TC30-05-2002.

- Mạng ngoại vi:

Xây dựng hệ thống công bề theo nguyên tắc tổ chức mạng ngoại vi và có khả năng cho các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông khác sử dụng công bề để phát triển dịch vụ; hạ ngầm tất cả các loại cáp xuống vỉa hè, trên đường nội bộ có mặt cắt nhỏ, có thể trôn trực tiếp ống xuống mặt đường, để đảm bảo chất lượng thông tin và mỹ quan đô thị; đảm bảo đến 2035 đạt trên 75% tỷ lệ ngầm hóa và đồng bộ với các cơ sở hạ tầng khác nhằm tiết kiệm chi phí khi thi công. Các công bề cáp và nắp bề đã được chuẩn hoá về kích thước cũng như kiểu dáng, theo quy chuẩn của ngành. Cáp trong mạng nội bộ của khu vực thiết kế chủ yếu sử dụng loại cáp công có dầu chống ẩm đi trong ống bề PVC (ngầm) có tiết diện lõi dây 0,5mm. Các tủ, hộp cáp dùng loại vỏ nội phiến ngoại, bố trí tại các ngã ba, ngã tư nhằm thuận lợi cho việc lắp đặt và quản lý sau này.

- Mạng di động:

Xây dựng mới trạm thu phát sóng của nhà cung cấp dịch vụ chính, sử dụng công nghệ mới kiểu dáng hình cây, cột đèn,... đặt dọc theo trục đường,

nhằm đảm bảo mỹ quan và nâng cao tính ổn định thông tin di động trên địa bàn các thị trấn.

- Mạng Internet:

Mạng Internet khu vực này sử dụng băng thông rộng, sẽ được phát triển theo phương thức qua mạng nội hạt. Cụ thể là xây dựng các đường DSLAM từ Host Lục Ngạn đến đây, đảm bảo cho khoảng 3.000 thuê bao được kết nối Internet băng thông rộng. Đặc biệt khu vực dịch vụ này cần khai thác các điểm truy cập internet công cộng, với mỗi khu dịch vụ có một điểm truy cập.

- Mạng Internet:

Mật độ Internet băng rộng cố định đạt 25 thuê bao/100 dân; tỷ lệ hộ gia đình sử dụng Internet đạt 75%. Nhu cầu Internet khoảng 40.000 thuê bao. Mạng Internet khu vực này sử dụng băng thông rộng, sẽ được phát triển theo phương thức qua mạng nội hạt. Đặc biệt khu vực dịch vụ này cần khai thác các điểm truy cập internet công cộng, với mỗi khu dịch vụ có một điểm truy cập.

- Bưu chính:

Toàn huyện Lục Ngạn có 2 đại lý dịch vụ bưu chính (Bưu điện huyện, Viettel). Hệ thống bưu chính công cộng đã phủ khắp các xã, thị trấn cơ bản đáp ứng được nhu cầu dịch vụ bưu chính trong huyện. Tiếp tục cải tạo xây dựng Bưu điện Văn hóa cấp xã, đô thị. Mở rộng mạng lưới điểm phục vụ bằng các đại lý bưu điện, đại lý dịch vụ và kiốt tại các điểm dân cư.

e) Thoát nước thải, quản lý CTR và nghĩa trang

- Thu gom và xử lý nước thải:

Các đô thị, khu công nghiệp:

Thị trấn Phi Điền xây dựng các trạm xử lý có tổng công suất 2.020 m<sup>3</sup>/ngđ, thị trấn Biên Động xây dựng các trạm xử lý có tổng công suất 2.000 m<sup>3</sup>/ngđ, Tân Mộc xây dựng các trạm xử lý có tổng công suất 1.500 m<sup>3</sup>/ngđ, Tân Sơn xây dựng các trạm xử lý có tổng công suất 1.800 m<sup>3</sup>/ngđ; các cụm, điểm công nghiệp trong huyện dự kiến quy hoạch hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn, có các trạm xử lý nước thải.

Các cụm dân cư nông thôn: Quy hoạch hệ thống thoát nước chung, nước thải được xử lý qua bể tự hoại xây dựng đúng quy cách, sau đó xả vào hệ thống thoát nước, dẫn ra hồ để làm sạch tự nhiên hoặc tưới ruộng.

Các khu dân cư sống phân tán xây dựng các nhà xí hợp vệ sinh (xí tự hoại, xí hai ngăn, xí thắm...) cho các hộ dân.

- Thu gom và quản lý chất thải rắn:

Cấp huyện: Tiếp tục sử dụng nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt (không chôn lấp) bằng công nghệ TTD-01 tại xã Kiên Thành có công suất 100 tấn/ngày. Ngoài ra sẽ dự kiến quy hoạch xây dựng mới 02 nhà máy xử lý chất thải rắn: Nhà máy tại xã Kim Sơn có diện tích khoảng 10 ha (cho khu vực phí Nam); nhà máy tại xã Phong Minh có diện tích khoảng 10 ha (cho khu vực phí Bắc)

Cấp xã: Quy hoạch, mở rộng mỗi xã 1 cơ sở xử lý chất thải rắn có diện tích khoảng 3 ha.

Đối với chất thải rắn công nghiệp:

Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp có điểm lưu giữ chất thải rắn công nghiệp và xử lý sơ bộ theo quy định về quản lý chất thải rắn công nghiệp. Việc xử lý triệt để chất thải rắn sản xuất sẽ được thực hiện theo quy định.

Chất thải rắn Y tế: Giai đoạn đầu tiếp tục xử lý chất thải rắn y tế bằng lò đốt; giai đoạn sau: Đầu tư xây dựng cụm công trình hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại tại trung tâm y tế huyện và vận chuyển về cụm xử lý tập trung.

Chất thải rắn sẽ được phân loại tại nguồn thành các loại: vô cơ, hữu cơ, nguy hại... Tại các xã trong huyện, xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn theo quy hoạch nông thôn mới đã được duyệt để xử lý chất thải rắn sinh hoạt, không nguy hại.

- Quản lý nghĩa trang:

Đối với nghĩa trang hiện có sẽ tiến hành lập quy hoạch xây dựng lại đảm bảo đúng các quy định, quy phạm hiện hành về chỉ tiêu đất nghĩa trang, vệ sinh môi trường, hạ tầng kỹ thuật. Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong nghĩa trang đồng bộ, từng bước áp dụng các công nghệ táng hiện đại.

Nghĩa trang quy hoạch mới và mở rộng:

Cấp huyện:

Quy hoạch 02 công viên nghĩa trang mới: Nghĩa trang tại xã Kim Sơn với quy mô 15 - 20 ha (cho khu vực phía Nam); Nghĩa trang tại Tân Sơn với quy mô 15 - 20 ha (cho khu vực phía Bắc).

Cấp xã:

Quy hoạch mỗi xã 01 khu nghĩa trang tập trung diện tích tối thiểu 05 ha. Từng bước đóng cửa, di dời các nghĩa trang hiện tại, trước hết tập trung di dời tại các khu vực gần khu đô thị, khu dân cư.

### **3.6. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư**

Triển khai các dự án trụ sở cơ quan trung tâm huyện và trung tâm các đô thị mới hình thành; xây dựng các công trình hạ tầng xã hội: trung tâm văn hóa, thể thao, giáo dục, đào tạo, y tế, các khu dân cư mới; xây mới, cải tạo, mở rộng hạ tầng giao thông liên vùng, giao thông đô thị; xây dựng mới các công trình hạ tầng kỹ thuật: hệ thống cấp nước, thoát nước, hệ thống thoát nước thải, các công trình thủy lợi, đầu tư xây mới đầu mối cấp điện, đầu mối nghĩa trang, xử lý chất thải rắn; thu hút đầu tư, xây dựng các cụm, điểm công nghiệp, trung tâm thương mại dịch vụ, khu du lịch. Các chương trình, dự án ưu tiên, gồm:

a) Trụ sở cơ quan:

- Trung tâm huyện lỵ (Trụ sở Huyện ủy, UBND, HĐND huyện Lục Ngạn, quảng trường...); hệ thống các cơ quan ngành dọc đóng trên địa bàn (Công an, Quân đội, Tòa án, Viện Kiểm sát, Kho bạc, Ngân hàng,...).

- Trung tâm hành chính mới thị trấn Phì Điền.

- Trung tâm hành chính mới thị trấn Biể Động.

b) Hạ tầng xã hội:

- Các trung tâm văn hóa, thể thao cấp huyện.

- Các trung tâm văn hóa, thể thao đô thị Phì Điền, Biể Động.

- Trường cao đẳng nghề Lục Ngạn.

- Trường Phổ thông trung học Giáp Sơn (Lục Ngạn 6).

- Trung tâm y tế huyện Lục Ngạn.

- Xây dựng, nâng cấp hạ tầng làng cổ Bắc Hoa, Tân Sơn.

- Xây dựng khu dân cư trung tâm đô thị Biể Động (28,72 ha; trong đó đất ở là 7,43 ha).

- Xây dựng khu dân cư trung tâm đô thị Phì Điền.

- Xây dựng khu dân cư số 1 xã Phì Điền (quy mô 19 ha; trong đó đất ở là 5,13 ha).

- Xây dựng khu dân cư trung tâm xã Giáp Sơn (quy mô 10 ha; trong đó đất ở là 2,7 ha).

- Xây dựng các khu tái định cư và chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện Lục Ngạn.

c) Hạ tầng kinh tế:

- Thu hút đầu tư, lập quy hoạch chi tiết các Cụm công nghiệp tại Tân Quang, Biể Động, Đèo Gia, Phong Vân.

- Thu hút đầu tư các trung tâm thương mại, siêu thị tại thị trấn Phì Điền, Biể Động.

- Lập chương trình, đề án bảo tồn và phát huy giá trị các di tích cấp tỉnh trên địa bàn huyện.

- Lập chương trình, đề án bảo tồn và phát huy giá trị làng cổ (Bắc Hoa, Tân Sơn).

- Lập hồ sơ đề nghị xếp hạng 02 di tích cấp tỉnh: Đình Luồng (Biển Sơn); Đình Đoàn Kết (Tân Quang).

- Bảo tồn các giá trị văn hoá: Nâng cấp hội hát Tân Sơn và phiên chợ xuân vùng cao thành Lễ hội văn hoá cấp vùng Lập hồ sơ đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận hát Sloong hao (dân tộc Nùng), hát Soọng cô (dân tộc Sán Dìu) Lục Ngạn là di sản văn hoá phi vật thể cấp quốc gia.



- Xác định 01 điểm quy hoạch khảo cổ học: Chùa Khả Lã (xã Tân Lập) có quy mô là 300 m<sup>2</sup>.
- Xây dựng các điểm du lịch cộng đồng tại các xã.
- Xây dựng các điểm du lịch sinh thái tại hồ Cẩm Sơn (Tân Sơn, Cẩm Sơn Hải, Hộ Đáp), Đồng Man (Biển Động).
- Xây dựng các vùng trồng rừng sản xuất.
- Xây dựng các vùng chuyên canh cây ăn quả có giá trị cao;
- d) Hạ tầng kỹ thuật:
  - Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 31.
  - Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 279 (từ Tân Hoa - Cẩm Sơn).
  - Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 248 (Phong Vân - Phong Minh - Sa Lý - Xuân Dương - Lộc Bình, Lạng Sơn).
  - Cải tạo, mở rộng tuyến đường huyện 88 (QL31 - Tân Quang - Đồng Cốc - Phú Nhuận).
  - Cải tạo, mở rộng tuyến đường huyện 84 (Kim Sơn - Biển Động - Phú Nhuận - Đèo Gia).
  - Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 289C (Kiên Thành - Sơn Hải - Hộ Đáp - Tân Sơn - Hữu Kiên, tỉnh Lạng Sơn).
  - Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 291B (Tuyên Nam Dương - Đèo Gia - Yên Định, Sơn Động).
  - Mở mới tuyến đường tỉnh 290B kéo dài (trung tâm Chũ - Giáp Sơn - Phì Điền - Kim Sơn).
  - Mở mới tuyến đường huyện (Tân Mộc - Tân Lập - Tân Quang - QL31).
  - Xây dựng bến xe huyện.
  - Cải tạo, nâng cấp các công trình đầu mối cấp điện, thông tin liên lạc huyện.
  - Xây dựng mới mạng lưới, đầu mối cấp điện, thông tin liên lạc cho các thị trấn Phì Điền, Biển Động.
  - Xây dựng hồ Làng Chả (xã Phong Vân).
  - Xây dựng hệ thống cấp nước sạch tập trung liên xã Đồng Cốc, Phì Điền, Giáp Sơn, Tân Quang.
  - Xây dựng hệ thống cấp nước sạch tập trung liên thị trấn Biển Động, Kim Sơn, Phú Nhuận.
  - Trạm xử lý nước thải sinh hoạt khu vực thị trấn Biển Động.
  - Trạm xử lý nước thải sinh hoạt khu vực thị trấn Phì Điền.
  - Xây dựng khu xử lý CTR cấp huyện.

- Xây dựng khu vực nghĩa trang cấp huyện.

### **3.7. Nhu cầu và khả năng huy động các nguồn vốn**

Tổng nhu cầu vốn đầu tư các công trình, dự án đến năm 2030 khoảng 3.500 tỷ đồng. Trong đó, ngân sách trung ương hỗ trợ đầu tư 1.000 tỷ đồng; ngân sách địa phương bố trí khoảng 1.500 tỷ đồng; nguồn vốn xã hội hóa khoảng 1.000 tỷ đồng. Dự kiến cơ cấu nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước sẽ giảm dần, tăng cơ cấu nguồn vốn đầu tư từ doanh nghiệp và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

#### **a) Vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước (bao gồm cả vốn ODA)**

Nguồn vốn thuộc ngân sách nhà nước bao gồm nguồn xây dựng cơ bản tập trung, nguồn thu để lại, nguồn vốn đầu tư theo chương trình, mục tiêu quốc gia, nguồn vốn sự nghiệp có tính chất xây dựng cơ bản.

Trung ương đầu tư vào các công trình kết cấu hạ tầng, gồm: Trụ sở làm việc, mạng lưới giao thông, thủy lợi, bệnh viện, cơ sở đào tạo,... trên địa bàn huyện mới. Các nguồn vốn từ trung ương thông qua các chương trình phát triển và các cơ chế chính sách ưu đãi của Chính phủ đối với vùng nghèo và các chính sách tương tự cho các giai đoạn sau.

Bám sát các quy hoạch ngành có liên quan đến địa bàn huyện, thông qua các đơn vị của các Bộ, ngành trung ương kiến nghị các danh mục công trình quan trọng trên địa bàn huyện nhằm khai thác các nguồn vốn thuộc thẩm quyền quản lý của các Bộ, ngành trung ương để đầu tư vào địa bàn.

Tích cực tranh thủ các nguồn tài trợ ODA, xây dựng chiến lược, kế hoạch vận động và sử dụng vốn ODA tập trung vào lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật ở các trung tâm kinh tế và các khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, các công trình bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, xóa đói giảm nghèo...

#### **b) Vốn đầu tư từ doanh nghiệp và vốn tín dụng nhà nước**

Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nhà nước mở rộng đầu tư sản xuất, kinh doanh trên địa bàn; tăng cường bố trí vốn tín dụng nhà nước cho các dự án sản xuất hàng hoá tập trung.

#### **c) Vốn đầu tư từ doanh nghiệp ngoài quốc doanh và dân cư**

Đây là nguồn vốn hết sức quan trọng, được các doanh nghiệp và người dân trực tiếp đầu tư để phát triển sản xuất kinh doanh và có xu hướng chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

## **II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THỊ TRẤN BIÊN ĐỘNG THUỘC HUYỆN LỤC NGẠN MỚI**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Quán triệt sâu sắc và vận dụng sáng tạo các chủ trương, nghị quyết của Đảng, tiếp tục đổi mới nội dung phương thức lãnh đạo; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và sức mạnh toàn dân; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị thật sự trong sạch,

vững mạnh, đáp ứng nhu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới; tiếp tục phát huy dân chủ, truyền thống đoàn kết của địa phương; tranh thủ thời cơ, tích cực, sáng tạo, mạnh dạn khai thác tiềm năng thế mạnh của địa phương. Phát triển đa dạng cây ăn quả có giá trị kinh tế cao; duy trì và ổn định diện tích cây vải và cây có múi, định hướng phát triển và khai thác có hiệu quả diện tích rừng sản xuất vốn có nhằm tăng thu nhập, nâng mức sống của người dân. Tiếp tục thu hút đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, tăng cường các biện pháp bảo vệ tài nguyên, môi trường và phát triển văn hóa, xã hội; tăng cường quốc phòng - an ninh, đảm bảo ổn định và giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

## **2. Mục tiêu chủ yếu**

- Tổng giá trị thu nhập từ các lĩnh vực đến năm 2025 đạt 681 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân là 16%. Cơ cấu kinh tế: Tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề truyền thống và xây dựng đạt 286 tỷ, 40,01 %; nông - lâm nghiệp đạt 309 tỷ đồng, chiếm 43,39%; thương mại, dịch vụ đạt 117 tỷ đồng, chiếm 16,4% trong cơ cấu kinh tế của thị trấn.

- Thu nhập bình quân đầu người đạt 69 triệu đồng/người/năm.
- Thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân 1,5 tỷ đồng/năm.
- Huy động vốn đầu tư phát triển xã hội giai đoạn đạt 44 tỷ đồng.
- Giá trị sản xuất trên 01 ha đất nông nghiệp đạt 109 triệu đồng.
- Độ che phủ rừng đạt 50% tính theo diện tích rừng hiện có.
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn dưới 2,5%.
- Tốc độ tăng dân số tự nhiên là 1%; duy trì tỷ suất sinh hằng năm 14%; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng 10%; tỷ lệ người dân có thẻ bảo hiểm y tế đạt 100%.
- Tạo việc làm tăng thêm bình quân mỗi năm 60 lao động; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 42%.
- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 100%.
- Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa 90%; tỷ lệ làng đạt danh hiệu làng văn hóa 85%; cơ quan, trường học đạt chuẩn văn hoá 100%.
- Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%.
- Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom 65%; chất thải rắn được xử lý 60%.

## **3. Nhiệm vụ và giải pháp**

### **3.1. Phát triển kinh tế**

#### **a) Phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề truyền thống và xây dựng**

Hàng năm bố trí nguồn kinh phí khuyến công từ ngân sách thị xã phân bổ, hỗ trợ các tổ dân phố, các hộ để mở rộng cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề truyền thống và xây dựng, duy trì và phát triển các ngành nghề hiện có và mở rộng các ngành nghề có nhiều lợi thế như: mộc dân dụng, gạch xi

măng, các nhóm, tổ thợ xây dựng dân dụng; khuyến khích phát triển các ngành nghề mới phù hợp với tình hình thực tiễn ở địa phương.

Hình thành mới cụm công nghiệp Đồng Lèn ở phía Đông Nam Quốc lộ 31, cửa ngõ phía Đông, với quy mô khoảng 50 ha tạo động lực phát triển công nghiệp của thị trấn Biên Động.

#### b) Phát triển đa dạng các lĩnh vực thương mại, dịch vụ

Tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia hoạt động thương mại dịch vụ; xây dựng cửa hàng tự chọn; đa dạng hóa và mở rộng các loại hình dịch vụ tại trung tâm thị trấn và dọc trục giao thông chính, từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ, góp phần thúc đẩy sản xuất thương mại, dịch vụ; nhất là dịch vụ vận tải hàng hóa, hành khách,...

Không gian phát triển thương mại - dịch vụ gồm trung tâm thương mại dịch vụ cấp vùng, tiểu vùng tại cửa ngõ phía Tây thị trấn; dọc Quốc lộ 31 phát triển các loại hình thương mại, dịch vụ đô thị; khu trung tâm thị trấn, phía Bắc Quốc lộ 31 hình thành tổ hợp trung tâm thương mại, dịch vụ.

#### c) Sản xuất nông - lâm nghiệp hàng hoá

Xây dựng và phát triển nông nghiệp theo các phân khu chức năng được được phê duyệt, gồm: sản xuất nông lâm nghiệp, đô thị và dịch vụ sinh thái Đồng Man; sản xuất nông lâm nghiệp và dịch vụ sinh thái Bắc sông Thảo; sản xuất nông lâm nghiệp và dịch vụ cộng đồng Thùng Thịnh, sản xuất nông lâm nghiệp và dịch vụ cộng đồng.

Đẩy mạnh sản xuất nông - lâm nghiệp hàng hoá; tập trung phát triển kinh tế rừng, kinh tế vườn, đồi; nâng cao chất lượng công tác khuyến nông, khuyến lâm; khuyến khích và hỗ trợ nhân dân phục hồi chăn nuôi, áp dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất, chủ động phòng ngừa và ngăn chặn dịch bệnh. Thực hiện tốt công tác trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng; tiếp tục thực hiện phát triển một số loại cây ăn quả có giá trị kinh tế cao, đặc biệt là vải thiều và cây có múi như cam, bưởi.

Đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở; tăng cường các biện pháp quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường. Tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của cấp trên, huy động mọi nguồn lực trong nhân dân; ưu tiên cho xây dựng, nâng cấp hệ thống thuỷ lợi, giao thông nông thôn. Quản lý chặt chẽ về đất đai, tài nguyên và môi trường; đẩy mạnh xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về đất đai.

Nông lâm nghiệp hiện trạng được duy trì chức năng, có ứng dụng khoa học kỹ thuật để phát triển nông lâm nghiệp công nghệ cao, ngoài chức năng chính là sản xuất nông lâm nghiệp, có thể kết hợp hình thành các dịch vụ sinh thái, trải nghiệm, khám phá,... nhằm gia tăng thêm giá trị.

#### d) Công tác thu, chi ngân sách

Tập trung thu đủ các nguồn, tránh thất thu, phấn đấu đạt và vượt chỉ tiêu thu ngân sách tại địa bàn; có kế hoạch cân đối thu - chi, đảm bảo đúng dự toán đáp ứng nhu cầu chi lương và chi thường xuyên.

### 3.2. Phát triển văn hóa - xã hội

#### a) Phát triển giáo dục

Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đổi mới phương pháp dạy và học. Đặc biệt coi trọng giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, ý thức trách nhiệm xã hội cho học sinh; đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục, xây dựng xã hội học tập. Phân đầu đến năm 2025 có 3/3 trường giữ vững chuẩn quốc gia mức độ II.

#### b) Văn hóa, thông tin, thể thao

Xây dựng và phát triển văn hóa, con người thị trấn Biên Động đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Đổi mới công tác lãnh đạo của Đảng ủy, chi ủy các chi bộ đối với lĩnh vực xây dựng đời sống văn hóa cơ sở; đẩy mạnh xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực xây dựng thiết chế văn hóa, thông tin, thể thao đạt chuẩn quốc gia; chú trọng nâng cao dân trí, tăng cường công tác giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống văn hóa, văn minh.

Nâng cao chất lượng hoạt động của lĩnh vực tiếp sóng phát thanh, thông tin tuyên truyền. Nâng cao chất lượng, đa dạng nội dung chương trình của Đài tiếp sóng truyền thanh của thị trấn, củng cố duy trì tốt hệ thống loa đài ở các tổ dân phố; nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và hoạt động có hiệu quả của cán bộ phụ trách đài.

#### c) Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân; hoạt động truyền thông dân số, gia đình, trẻ em. Tiếp tục nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, thực hiện tốt các chương trình y tế dự phòng; tăng cường công tác quản lý nhà nước về y tế, an toàn vệ sinh thực phẩm. Thực hiện lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân đạt 100% vào năm 2025; thực hiện có hiệu quả công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, phấn đấu đạt mục tiêu giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên, tỷ lệ sinh con lần 3 trở lên.

#### d) Thực hiện chính sách xã hội

Thực hiện tốt các chính sách xã hội, giải quyết việc làm, giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân. Triển khai thực hiện tốt các chính sách xã hội, giảm nghèo bền vững; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục làm cho người nghèo có ý thức tự lực vươn lên thoát nghèo, không trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng, đảm bảo việc thực hiện các chủ trương chính sách giảm nghèo có hiệu quả và đúng quy định.

#### đ) Quốc phòng, an ninh

Hoàn thành 100% công tác tuyên quân hàng năm; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, chủ động trong mọi tình huống.

Tăng cường công tác bảo đảm an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự

an toàn xã hội; tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc nảy sinh từ cơ sở, không để xảy ra tình hình phức tạp trên địa bàn, đẩy mạnh phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh tổ quốc, bài trừ các tệ nạn xã hội, đảm bảo trật tự an toàn giao thông, giảm các hành vi vi phạm pháp luật và vi phạm hành chính.

#### e) Xây dựng chính quyền

Nâng cao vai trò của HĐND thị trấn; đổi mới hoạt động đảm bảo tính hiệu quả; đổi mới công tác tiếp xúc cử tri. Thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa Thường trực HĐND với UBND và MTTQ; gắn tiếp xúc cử tri với giám sát và qua giám sát để tiếp xúc cử tri; nâng cao chất lượng giám sát của đại biểu các tổ HĐND. Tập trung cải cách theo tục hành chính theo; đẩy mạnh theo mô hình “một cửa”, “một cửa liên thông”. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực chuyên môn vững vàng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân. Xây dựng, củng cố đội ngũ cán bộ tổ dân phố có chất lượng, thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh nông thôn, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở và bảo vệ sản xuất.

### 3.3. Phát triển mạng lưới hạ tầng kỹ thuật

Thị trấn Biên Động được phân thành 03 vùng phát triển, gồm: Vùng lõi, là vùng khuyến khích phát triển, thu hút đầu tư xây dựng đầy đủ các phân khu chức năng đô thị theo quy hoạch chung đô thị Biên Động đã được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt. Các khu chức năng và công trình được xây dựng với quy mô từ nhỏ đến lớn và áp dụng các chỉ tiêu sử dụng đất đa dạng (thấp dần từ lõi ra các hướng). Vùng đệm, là vùng hạn chế phát triển, vùng sản xuất nông - lâm nghiệp gắn liền với các khu chức năng ở hiện trạng, các khu chức năng du lịch, dịch vụ sinh thái. Khu vực này hạn chế xây dựng các công trình quy mô lớn, áp dụng các chỉ tiêu sử dụng đất thấp, có tính chất sinh thái. Vùng vành đai xanh, là vùng bảo vệ nguyên trạng về kết cấu địa hình, cấu trúc cảnh quan. Chỉ tiến hành các hoạt động sản xuất nông - lâm nghiệp và xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động sản xuất nông - lâm nghiệp.

#### a) Phát triển giao thông

- Giao thông đối ngoại:

Quốc lộ 31:

Tiến hành duy tu, cải tạo tuyến đạt tiêu chuẩn cấp III đồng bằng, lòng đường rộng 11m, nền đường rộng 12m. Đoạn đi qua khu dân cư trung tâm thị trấn xây dựng làn đường gom đảm bảo an toàn giữa dòng giao thông nội bộ và giao thông đối ngoại, mặt cắt ngang 54m, vỉa hè một bên rộng 6m, làn đường gom rộng 10,5m, dải phân cách rộng 3m và làn đường đối ngoại rộng 15m; đoạn đi qua khu vực phát triển đô thị cải tạo mở rộng theo tiêu chuẩn đường chính đô thị, mặt cắt ngang rộng 30m, vỉa hè mỗi bên rộng 7,5m, lòng đường rộng 15m, 4 làn xe phục vụ giao thông đô thị.

Đường đối ngoại:

Gồm 2 tuyến đường phía Bắc và phía Nam: Tuyến phía Bắc dài khoảng 1,5km đi xã Kim Sơn; tuyến phía Nam dài khoảng 1,3km đi xã Phú Nhuận. Tiến hành cải tạo, mở rộng 2 tuyến đạt tiêu chuẩn cấp IV, nền đường rộng 12m, lòng đường rộng 7m.

- Giao thông đô thị:

Đường chính đô thị:

Quốc lộ 31 và 2 trục chính Bắc - Nam xây mới: Quốc lộ 31 đoạn đi trong thị trấn gồm 2 đoạn với mặt cắt rộng 54m và 30m; trục Bắc - Nam 1 là trục hành chính, văn hóa, thể thao khu đô thị mới với mặt cắt rộng 37m; trục Bắc - Nam 2 là trục phân định không gian khu vực dân cư hiện trạng và khu vực phát triển mới phía Tây với mặt cắt 30m.

Đường liên khu vực:

Là tuyến được đầu nối với đường chính đô thị, kết nối các tiểu khu, các khu chức năng trong đô thị, tạo nên mạng lưới giao thông khép kín khung kết nối khu vực trung tâm, đường rộng 27m, đường rộng 20m.

Đường giao thông nông thôn:

Bề rộng mặt cắt ngang đường nội bộ khu dân cư đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi với nền đường tối thiểu rộng 7,5m và đường phục vụ sản xuất đảm bảo tiêu chuẩn cấp V miền núi.

- Công trình giao thông:

Xây dựng 02 bãi đỗ xe tập trung tại khu tập trung xây dựng thị trấn đảm bảo bán kính phục vụ 500 - 700m, với tổng quy mô 1,87 ha. Cải tạo, xây dựng cầu qua sông, theo cấp hạng đường, tĩnh không cầu 2 - 3m nhằm đảm bảo an toàn dòng chảy khi mùa mưa, lũ quét.

- Công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai:

Cải tạo nâng cấp 12 hồ đập trên địa bàn thị trấn, kiên cố hóa 4,67 km kênh mương, nạo vét khơi thông khe suối, khe tụ thủy, sông Thảo, kênh mương tiêu,... nhằm tăng cường khả năng thoát nước vào mùa mưa lũ.

b) Cao độ nền

- Đối với khu vực hiện trạng:

Giữ nguyên cao độ nền, chỉ san nền cục bộ; các khu vực lõi trũng từng bước cải tạo nền, tôn nền đến cao độ không chế tối thiểu hoặc có giải pháp nền móng công trình tránh gây ngập úng.

- Đối với khu vực xây mới: Tôn nền đến cao độ an toàn, kết nối hài hòa với khu vực hiện trạng, cao độ nền xây dựng tối thiểu 49,55m.

c) Phát triển hệ thống thoát nước mưa

- Lưu vực:

Phân chia phân tán nhằm thoát nhanh, triệt để, bao gồm 2 lưu vực chính và các tiểu lưu vực phụ thoát về hệ thống hồ điều hòa, kênh tiêu rồi thoát ra sông. Lưu vực 1, phía Đông bắc thoát ra sông Thảo, diện tích lưu vực khoảng 957,9 ha; lưu vực 2, phía Tây nam thoát ra khe suối, khe tụ thủy rồi thoát ra sông Lục Nam ở phía Nam diện tích lưu vực khoảng 942,24 ha.

- Hệ thống thoát nước:

Xây dựng hệ thống thoát nước mưa là hệ thống công tròn bê tông cốt thép và hệ thống cống hộp chạy dọc các tuyến giao thông để thu gom nước mưa trên mặt đường và từ công trình.

d) Phát triển hệ thống cấp nước

- Tổng nhu cầu dùng nước trên địa bàn thị trấn Biễn Động đến năm 2035 là 4.000 m<sup>3</sup>/ngđ.

- Nguồn nước:

Căn cứ vào Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và đánh giá trữ lượng, chất lượng nguồn nước của các sông, hồ, chọn nguồn nước mặt sông Cẩm Đàn và hồ Cẩm Sơn làm nguồn cấp nước chính cho sinh hoạt và sản xuất của thị trấn, riêng nguồn nước ngầm sẽ làm nguồn nước hỗ trợ dự phòng.

- Công trình đầu mối:

Xây mới hệ thống cấp nước sạch tập trung liên xã: Biễn Động - Phú Nhuận - Kim Sơn - Tân Hoa, công suất đến năm 2027 là 6.000 m<sup>3</sup>/ngđ, vị trí đặt tại thị trấn Biễn Động; nguồn nước thô lấy từ sông Cẩm Đàn, cấp cho thị trấn Biễn Động đến năm 2027 là 2.000 m<sup>3</sup>/ngđ và đến năm 2035 cấp bổ sung thêm nguồn nước sạch từ nhà máy nước Cẩm Sơn về với nhu cầu là 2.000 m<sup>3</sup>/ngđ.

Phạm vi cấp nước:

Phạm vi cấp nước gồm thị trấn Biễn Động và các xã Phú Nhuận, Kim Sơn, Tân Hoa thuộc huyện Lục Ngạn.

đ) Phát triển hệ thống cấp điện

- Nhu cầu:

Tổng nhu cầu dùng điện trên địa bàn thị trấn Biễn Động đến năm 2035 là 16.463 MW, tương đương 18,29 MVA.

- Nguồn điện:

Trạm 110/35/35 kV Lục Ngạn mới được nâng công suất lên 2x40 MVA; sử dụng lưới trung áp 35 kV, đảm bảo cung cấp điện trong tương lai lâu dài cho thị trấn Biễn Động và các khu vực phụ cận.

Lưới trung áp 25 kV, với nhu cầu công suất sinh hoạt 16,46 MW, sẽ sử dụng 01 tuyến 35 kV hiện có cung cấp cho thị trấn. Xây dựng 01 tuyến 35 kV mới từ trạm 110 kV Lục Ngạn kết nối với lưới 35 kV hiện có cung cấp cho thị trấn; lưới 35 kV xây dựng mới sẽ hạ ngầm theo vỉa hè đường giao thông. Cầu



trúc lưới 35 kV theo mạng mạch vòng vận hành hở hoặc có liên kết với lưới trung áp của các trạm 110 kV lân cận.

e) Phát triển thông tin liên lạc

- Chỉ tiêu dự kiến cho thuê bao điện thoại (cố định và di động) đạt 130/100 dân, như vậy nhu cầu của toàn bộ thị trấn Biển Đông là khoảng 20.000 thuê bao. Sử dụng các tuyến cáp quang từ trạm chuyên mạch mới, tuyến cáp quang này sử dụng loại FLX-600A (Quang), hạ ngầm trên vỉa hè, độ sâu trong hào cáp, khoảng cách đến chân các công trình phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật của ngành (TC30-05-2002).

- Mạng ngoại vi:

Xây dựng hệ thống cống bể theo nguyên tắc tổ chức mạng ngoại vi và có khả năng cho các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông khác sử dụng cống bể để phát triển dịch vụ. Hạ ngầm tất cả các loại cáp xuống vỉa hè, trên đường nội bộ có mặt cắt nhỏ, đảm bảo đến 2035 đạt trên 75% tỷ lệ ngầm hóa.

- Mạng di động:

Xây dựng mới trạm thu phát sóng của nhà cung cấp dịch vụ chính, sử dụng công nghệ mới kiểu dáng hình cây, cột đèn... đặt dọc theo trục đường.

- Mạng Internet:

Mạng Internet sử dụng băng thông rộng, sẽ được phát triển theo phương thức qua mạng nội hạt, xây dựng các đường DSLAM từ Host Lục Ngạn, đảm bảo cho khoảng 3.000 thuê bao được kết nối Internet băng thông rộng.

- Bưu chính:

Toàn huyện Lục Ngạn có 2 đại lý dịch vụ bưu chính (Bưu điện huyện, Viettel); hệ thống bưu chính công cộng đã phủ khắp các xã, thị trấn cơ bản đáp ứng được nhu cầu dịch vụ bưu chính trong huyện; tiếp tục cải tạo xây dựng bưu điện văn hóa thị trấn Biển Đông.

g) Phát triển hệ thống thoát nước thải, quản lý CTR và nghĩa trang

- Thu gom và xử lý nước thải:

Tổng lượng thải khoảng 2.120 m<sup>3</sup>/ngđ, trong đó hệ thống thoát nước thải dự kiến là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn.

Nước thải sinh hoạt: Toàn bộ nước thải của thị trấn được thu gom và đưa về trạm xử lý nước thải tập trung có công suất 2.000 m<sup>3</sup>/ngđ, diện tích 0,4 ha. Trạm bơm chuyển tiếp nước thải số 01 có công suất 500 m<sup>3</sup>/ngđ; trạm bơm chuyển tiếp nước thải số 2 có công suất 1.500 m<sup>3</sup>/ngđ.

Nước thải từ cụm công nghiệp: Nước thải cụm công nghiệp được xử lý đạt quy chuẩn môi trường; xây dựng trạm xử lý cụm công nghiệp 600 m<sup>3</sup>/ngđ.

- Thu gom và quản lý chất thải rắn:

Lượng chất thải rắn dự kiến là 24,5 tấn/ngày; chất thải rắn đô thị phải được phân loại tại nguồn thải thành các chất hữu cơ và vô cơ trước khi thu gom, vận chuyển đến khu xử lý chất thải rắn của huyện. Theo quy hoạch tỉnh Bắc Giang, khu xử lý chất thải rắn tập trung của toàn huyện dự kiến đặt tại xã Kiên Thành với quy mô công suất khoảng 300 tấn/ngày và diện tích khoảng 05 ha.

- Quản lý nghĩa trang:

Xây dựng mới 01 nhà tang lễ bên trong công viên nghĩa trang quy hoạch mới. Đối với các nghĩa trang hiện có trên địa bàn thị trấn sẽ từng bước, có lộ trình dừng chôn cất mới (hung táng), chỉ tiếp nhận mộ cát táng, hỏa táng. Tại các nghĩa trang này sẽ cải tạo, trồng thêm cây xanh (dự kiến quy hoạch công viên nghĩa trang mới tại khu vực phía Đông với tổng diện tích khoảng 10 ha).

#### **4. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư:**

- a) Triển khai thực hiện các dự án khu vực trung tâm đô thị.
- b) Xây dựng các công trình công cộng đô thị: UBND thị trấn mới, trường học, chợ, nhà văn hóa, sân thể thao.
- c) Cải tạo hạ tầng giao thông trục chính đô thị, gồm: Quốc lộ 31, các đường trục chính BN1, BN2.
- d) Xây dựng mới các công trình hạ tầng kỹ thuật, gồm: Nhà máy cấp nước sạch đô thị, mạng lưới cấp nước khu vực trung tâm, mạng lưới thoát nước mưa, công trình trạm xử lý nước thải (gần sông Tháo), mạng lưới thoát nước thải.
- đ) Xây dựng khu đô thị (đơn vị ở mới hình thành) cùng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đi kèm.
- e) Xây dựng quỹ nhà tái định cư phục vụ nhu cầu giải tỏa xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.
- g) Thu hút đầu tư, xây dựng các trung tâm thương mại dịch vụ, gồm: Ưu tiên các công trình dọc Quốc lộ 31 (khu vực cửa ngõ phía Tây, khu vực UBND thị trấn hiện nay).
- h) Thu hút đầu tư, xây dựng hạ tầng du lịch, gồm: Khu du lịch, nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ,...

#### **5. Giải pháp tạo nguồn vốn đầu tư phát triển**

- a) Khai thác có hiệu quả nguồn vốn từ quỹ đất để tập trung xây dựng các công trình hạ tầng xã hội.
- b) Thu hút vốn ODA để đầu tư một số công trình lớn như: Hệ thống thoát nước và vệ sinh môi trường, xây dựng hệ thống lưới điện, nâng cấp xây dựng một số cầu, đường. Thực hiện các cơ chế chính sách để thu hút các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đầu tư vào các lĩnh vực: cơ sở hạ tầng kỹ thuật và kinh tế, các công trình mới, xây dựng mới trung tâm thương mại, công viên vui chơi giải trí, khu đô thị, công trình giao thông.

c) Tích cực thu hút vốn hỗ trợ của các Bộ, ngành để đầu tư một số công trình quan trọng như: giao thông, thủy lợi, công sở, bưu chính viễn thông, ngân hàng,... Tận dụng các nguồn thu ngân sách, tiết kiệm chi để tăng tỷ lệ đầu tư cho chỉnh trang đô thị.

d) Tiếp tục huy động sự đóng góp của nhân dân, xã hội hoá một số dự án như đường liên khu phố, điểm vui chơi, nhà văn hoá,... Đẩy mạnh thu hút đầu tư phát triển các dự án khu đô thị, dân cư, công nghiệp, du lịch, thương mại, dịch vụ trong khu vực.

### **III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THỊ TRẤN PHÌ ĐIỀN THUỘC HUYỆN LỤC NGẠN MỚI**

#### **1. Mục tiêu tổng quát**

Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị thật sự trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Tiếp tục phát huy dân chủ, truyền thống đoàn kết, truyền thống văn hóa, lịch sử của địa phương; tranh thủ thời cơ, tích cực khai thác tiềm năng, phát huy lợi thế của xã; đẩy mạnh phát triển kinh tế nông lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề. Phát triển đa dạng cây ăn quả có giá trị kinh tế cao; duy trì ổn định diện tích cây vải thiều hiện có; tập trung đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nhằm nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm nông nghiệp tăng thu nhập cho người dân. Tăng cường thu hút đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; trọng tâm là hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật. Thực hiện tăng trưởng kinh tế gắn với bảo vệ tài nguyên, môi trường và phát triển văn hóa - xã hội, cải thiện đời sống nhân dân; tăng cường quốc phòng - an ninh, đảm bảo ổn định và giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

#### **2. Chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2025**

##### **a) Về phát triển kinh tế**

- Tổng giá trị sản xuất các ngành đến năm 2025 đạt 900 tỷ, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 14,5%/năm. Trong đó: Nông - lâm nghiệp - thủy sản đạt 245 tỷ đồng; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề đạt 360 tỷ đồng; thương mại, dịch vụ đạt 295 tỷ đồng.

- Cơ cấu kinh tế: Nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 27,22%; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề chiếm 40%; thương mại, dịch vụ chiếm 32,78%.

- Thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân 10 đến 15%/năm (không tính thu tiền đất).

- Giá trị sản xuất trên 01 ha đất nông nghiệp đạt 280 triệu đồng.

##### **b) Về văn hóa - xã hội**

- Thị trấn đạt tiêu chí Quốc gia về y tế giai đoạn 2; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 100 %.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn dưới 2%, số hộ cận nghèo còn dưới 3%.

- Giải quyết việc làm mới bình quân mỗi năm 200 lao động.
- 100% số tổ dân phố có nhà văn hóa; 85% trở lên hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa; 80% cơ quan, đơn vị được công nhận danh hiệu văn hóa.
- Giữ vững Trường đạt chuẩn Quốc gia 3/3 trường.
- Tỷ lệ dân số sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%.
- Tỷ lệ thu gom rác thải đạt 100%; thực hiện thu phí vệ sinh môi trường theo quy định.

### **3. Nhiệm vụ và giải pháp**

#### **a) Phát triển kinh tế**

- Nông, lâm nghiệp, thủy sản

Tập trung thực hiện chương trình phát triển nông, lâm nghiệp hàng hóa, tiếp tục cụ thể hoá và thực hiện có hiệu quả nội dung Nghị quyết Trung ương 7 (khoá X) về “nông nghiệp, nông dân, nông thôn”, phát triển nông nghiệp theo hướng đa dạng, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị, hiệu quả trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến. Tăng cường đầu tư và có chính sách phù hợp hỗ trợ đầu tư cho vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, nhất là xây dựng hạ tầng, thủy lợi, giống, công nghệ. Duy trì, phát triển một số cây trồng chủ lực của địa phương như vải thiều, táo,... Tăng cường ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới vào sản xuất, bảo quản và chế biến nông sản; phấn đấu giá trị sản xuất trên 01 ha đất nông nghiệp đạt 200 triệu đồng.

Khuyến khích chăn nuôi theo hướng tập trung, hướng chủ yếu cho phát triển đàn lợn và đàn gia cầm; thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi; đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào chăn nuôi để tăng hiệu quả sản xuất, tăng giá trị hàng hoá.

Quan tâm đầu tư tu sửa, nâng cấp các công trình thủy lợi như hệ thống kênh mương, hồ đập, trạm bơm; phát huy hết khả năng của các công trình thủy lợi hiện có. Sử dụng có hiệu quả các nguồn chính sách hỗ trợ của nhà nước cho sản xuất nông nghiệp, giảm nghèo, cận nghèo cho nhân dân. Tạo các điều kiện thuận lợi để nhân dân tiếp cận và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn vay ưu đãi của Ngân hàng cho phát triển sản xuất.

- Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng

Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp theo hướng hiệu quả, bền vững; tập trung đầu tư chiều sâu, khuyến khích các hộ gia đình đầu tư phát triển sản xuất các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, nhằm đa dạng hoá các ngành nghề; ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp có gắn với sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và bảo vệ môi trường cho nhân dân. Phấn đấu giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp giai đoạn tăng bình quân 10%/năm trở lên.

Đầu tư nâng cấp kết cấu hạ tầng; tập trung nguồn lực đầu tư, nâng cấp đường giao thông nông thôn, kênh mương, cải tạo hồ đập, xây dựng công trình

thiết chế văn hóa, trường học; sửa chữa nâng cấp trụ sở thị trấn; thu hút, kêu gọi đầu tư xây dựng điểm cụm công nghiệp Cầu Chét.

- Thương mại - dịch vụ

Phát triển đa dạng và nâng cao chất lượng các ngành dịch vụ; đẩy mạnh xã hội hóa các loại dịch vụ đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhân dân. Phần đầu giá trị sản xuất các ngành dịch vụ giai đoạn tăng bình quân 3 đến 5%/năm.

Tăng cường các biện pháp quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về đất đai, khai thác tài nguyên; tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho nhân dân, triển khai xây dựng các điểm trung chuyển tập kết rác của thị trấn.

- Thu, chi ngân sách trên địa bàn

Tập trung thu đủ các nguồn, tránh thất thu, phấn đấu đạt và vượt chỉ tiêu thu ngân sách trên địa bàn hàng năm. Có kế hoạch cân đối thu - chi đảm bảo đáp ứng yêu cầu phát triển.

b) Văn hóa, xã hội

- Về giáo dục

Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; chú trọng giáo dục tư tưởng, đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh. Tiếp tục đổi mới quản lý, nội dung, phương pháp dạy và học, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất trường học. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên, củng cố và nâng cao chất lượng trường chuẩn quốc gia. Chú trọng công tác hướng nghiệp, tư vấn lao động, hỗ trợ giải quyết việc làm cho người lao động, nhất là các đối tượng là người nghèo, cận nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn.

Đẩy mạnh áp dụng khoa học - kỹ thuật và công nghệ mới vào thực tiễn sản xuất và đời sống; trong đó ưu tiên cho lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, bảo vệ môi trường, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng; nâng cao ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính.

- Về y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Tiếp tục cải thiện nâng cao chất lượng chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân, trú trọng công tác y tế dự phòng, xử lý tốt các loại dịch bệnh xảy ra trên địa bàn; tăng cường quản lý nhà nước về y dược tư nhân và an toàn vệ sinh thực phẩm; giữ vững và nâng cao đơn vị xã đạt bộ quốc gia về y tế; đẩy mạnh tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo hiểm y tế, nâng tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 100% năm 2025, tỷ lệ dân số sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%.

Triển khai thực hiện có hiệu quả công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình, thực hiện tốt các chủ trương, chính sách, pháp luật về dân số, hạn chế mức sinh, giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên và mất cân bằng giới tính khi sinh; thực hiện tốt công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em.

- Về văn hóa thông tin, thể dục thể thao

Chú trọng phát triển hoạt động văn hóa, thông tin, thể thao và phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; củng cố hệ thống đài truyền thanh của thị trấn và các tổ dân phố, kịp thời tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước đến toàn thể nhân dân.

- Về thực hiện các chính sách xã hội

Thực hiện tốt các chính sách xã hội, chăm lo gia đình chính sách và người có công; triển khai hiệu quả các chương trình hỗ trợ giảm nghèo, các chương trình vay vốn hỗ trợ giảm nghèo; phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 1,5%, hộ cận nghèo dưới 2,5%. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách phúc lợi, an sinh xã hội cho người dân; chú trọng công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động, đẩy mạnh công tác xuất khẩu lao động giải quyết việc làm cho người dân.

c) Quốc phòng, an ninh

- Xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh, tạo môi trường ổn định để phát triển kinh tế - xã hội. Chăm lo xây dựng và củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân; tiếp tục nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang địa phương, thực hiện tốt các chính sách hậu phương quân đội.

- Giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự, chủ động tấn công trấn áp tội phạm, giải quyết có hiệu quả các tệ nạn xã hội, kiểm chế tai nạn giao thông; đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và chủ động phòng, chống những diễn biến mới phát sinh trên địa bàn.

d) Công tác xây dựng chính quyền

Đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân, trọng tâm là hoạt động giám sát, tiếp xúc cử tri; đẩy mạnh công tác phối hợp hoạt động giữa Hội Đồng nhân dân với Ủy ban nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc; tạo mọi điều kiện phát huy tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong việc xây dựng chính quyền và hoạch định, quyết định các chính sách tại địa phương.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân; tập trung lãnh đạo cải cách thủ tục hành chính, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện có hiệu quả cơ chế “một cửa” và “một cửa liên thông”; ứng dụng rộng rãi, hiệu quả công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, giảm tối đa thủ tục giấy tờ và thời gian đi lại của các tổ chức và công dân. Thực hiện nghiêm các quy định về phân công, phân cấp của UBND, đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong lãnh đạo, quản lý, điều hành; xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất tốt, có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, chuyên nghiệp, có tinh thần thái độ, ý thức phục vụ nhân dân trong tình hình mới.

## **4. Phát triển đô thị thị trấn Phì Điền**

### **4.1. Phát triển không gian đô thị Phì Điền**

Cấu trúc thị trấn Phì Điền phát triển theo hai trục dọc Bắc Nam và Đông Tây; không gian đô thị Phì Điền được phát triển dựa trên nguyên tắc tôn trọng tối đa địa hình vùng sơn địa, do vậy hệ thống giao thông được quy hoạch và xây dựng mềm mại bám theo địa hình; các khu vực đồng bằng thuận lợi thì mạng lưới giao thông được quy hoạch và xây dựng dạng ô cờ, tạo thuận lợi để hình thành các cụm chức năng đô thị, như sau:

a) Hướng từ Tây sang Đông với hai trục xương sống quan trọng là Quốc lộ 31 và tuyến đường trục Đông Tây nối Quốc lộ 279, Quốc lộ 290 và thị xã Chũ; trục Bắc-Nam kết nối từ khu vực du lịch sinh thái hồ Làng Muối với vùng dân cư xã Tân Quang.

b) Các vùng chuyên canh cây ăn quả có sản lượng cao như vải thiều, cam, bưởi được đề xuất bảo tồn hình thành các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao để gia tăng năng suất và phát huy vai trò thương hiệu nông sản của huyện Lục Ngạn.

c) Các địa điểm có vị trí thuận lợi, giao thoa bởi các trục giao thông chính được xác định các tổ hợp công trình quy mô lớn, có giá trị phục vụ cộng đồng như bệnh viện, trường học, các trung tâm thương mại, chợ, bãi đỗ xe tập trung.

d) Các vùng du lịch được quy hoạch tại các vùng có lợi thế lớn về cảnh quan như khu vực xung quanh hồ làng Muối, vùng cảnh quan ven suối và vùng du lịch miệt vườn xã Tân Quang.

đ) Phát triển thị trấn Phì Điền theo quy hoạch chung đô thị được phê duyệt, gồm các phân khu chức năng như sau: Khu trung tâm hành chính; khu dịch vụ thương mại; khu du lịch sinh thái kết hợp du lịch nông nghiệp khám phá, trải nghiệm; khu cảnh quan nông, lâm nghiệp; khu sinh thái và tổ hợp du lịch cảnh quan.

## **4.2. Phát triển hạ tầng kỹ thuật**

a) Phát triển giao thông

- Giao thông đối ngoại:

Quốc lộ 31: Phát triển theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/09/2021. Đoạn ngoài đô thị đường cấp III, cấp IV với 2 - 4 làn xe cơ giới; đoạn qua đô thị có bề rộng mặt cắt đường 42 - 60m với 4 làn xe chính và 2 làn đường gom mỗi bên.

Quốc lộ 279: Chạy dọc phía Đông của thị trấn Phì Điền, kết nối thị trấn với các tỉnh Lạng Sơn và Quảng Ninh; tuyến đường sẽ được cải tạo nâng cấp với quy mô đường cấp III với 2 làn xe.

Đường huyện: Kết nối thị trấn Phì Điền với khu vực của huyện Lục Ngạn; các tuyến đường sẽ được cải tạo nâng cấp, xây mới với quy mô đường cấp IV với 2 làn xe.

- Hệ thống giao thông đối nội:

Đường chính đô thị: Đường đô thị có mặt cắt 1 - 1, đường rộng 50m, lòng đường 30m, hè đường 12m, rải phân cách 8m; mặt cắt 2A - 2A, đường rộng 36m, lòng đường 21m, hè đường 12m, rải phân cách 3m.

Đường liên khu vực: Đường liên khu vực có mặt cắt 2B - 2B, đường rộng 30m, lòng đường 18m, hè đường 12m.

Đường khu vực: Đường khu vực có mặt cắt 4 - 4, đường rộng 21m, lòng đường 9m, hè đường 12m; mặt cắt 5 - 5, đường rộng 12m, lòng đường 9m, hè đường 3m.

- Bến bãi đỗ xe tập trung:

Bến xe: Xây dựng 01 bến xe cấp huyện tại thị trấn Phì Điền với quy mô từ 01 - 03 ha để phục vụ nhu cầu trung chuyển hàng hóa và nhu cầu phát triển của huyện Lục Ngạn;

Bãi đỗ xe tập trung: Bố trí các bãi đỗ xe tập trung trên địa bàn thị trấn Phì Điền với quy mô mỗi bãi xe từ 0,1 đến 0,3 ha. Sử dụng kết hợp nhiều hình thức bãi đỗ xe (bãi đỗ xe cao tầng, bãi đỗ xe ngầm, bãi đỗ xe thông minh,...) để đáp ứng nhu cầu đỗ xe cho thị trấn và đảm bảo chỉ tiêu nhu cầu đỗ xe tối thiểu đạt 2,5 m<sup>2</sup>/người. Các công trình trên địa bàn thị trấn khi thiết kế phải tính toán đảm bảo nhu cầu đỗ xe theo tiêu chuẩn, quy chuẩn có liên quan.

b) Định hướng cao độ nền

- Các khu vực đã xây dựng ổn định:

Đối với các khu vực đã xây dựng ổn định trên địa bàn thị trấn sẽ giữ nguyên nền hiện trạng xây dựng. Khi cải tạo xây dựng mới xen kẽ, cần cải tạo nền đến cao độ nền xây dựng hiện trạng đã không chế tại các khu vực.

- Các khu vực xây dựng mới.

Các khu vực dự kiến xây dựng mới theo quy hoạch chung đô thị Phì Điền có độ dốc nền dưới 10% thì giữ nguyên cao độ hiện trạng, chỉ san nền cục bộ tạo mặt bằng xây dựng công trình, không đào đắp lớn; các khu vực ven suối đảm bảo nền xây dựng không bị ngập lụt.

c) Phát triển hệ thống thoát nước mưa

- Hệ thống thoát nước:

Hệ thống thoát nước mưa được xây dựng là hệ thống thoát nước hỗn hợp. Theo đó, trong khu vực dân cư hiện trạng sử dụng hệ thống thoát nước mưa chung với nước thải; nước thải sinh hoạt chảy chung với nước mưa và được tách ra tại các miệng xả nước mưa, đưa nước thải về trạm xử lý nước thải tập trung của thị trấn để xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép rồi xả ra môi trường xung quanh. Khu vực xây dựng mới khi phát triển đô thị theo quy hoạch được sử dụng hệ thống thoát nước mưa riêng giữa nước mưa và nước thải.

- Lưu vực thoát nước:

Thị trấn Phì Điền được chia làm 4 lưu vực chính thoát nước mưa, gồm:



Lưu vực số 1 (Phía Tây hồ Muối): Hệ thống thoát nước mưa được xây dựng mới kết hợp với cống hiện hữu, hướng thoát nước xuống các khe tụ thủy chảy về suối hiện trạng và kênh tiêu, chảy theo hướng Bắc - Nam thoát ra suối Cầu Chét qua Quốc lộ 31 thoát về sông Lục Nam.

Lưu vực số 2 (Phía Nam và phía Đông Hồ Muối): Hệ thống thoát nước mưa được xây dựng mới kết hợp với cống hiện hữu, hướng thoát nước xuống các khe tụ thủy chảy về suối hiện trạng và kênh tiêu, chảy theo hướng Bắc - Nam thoát ra suối Cầu Chét qua Quốc lộ 31 thoát nước về sông Lục Nam.

Lưu vực số 3 (Phía Đông thị trấn Phì Điền): Hệ thống thoát nước mưa được xây dựng mới kết hợp với cống hiện hữu, hướng thoát nước xuống các khe tụ thủy chảy về suối hiện trạng theo hướng Bắc - Nam rồi thoát ra suối Cầu Chét qua Quốc lộ 31 thoát nước về sông Lục Nam.

Lưu vực số 4 (Phía Nam Quốc lộ 31): Hệ thống thoát nước mưa được xây dựng mới kết hợp với cống hiện hữu, hướng thoát nước xuống các khe tụ thủy chảy về suối hiện trạng, theo hướng Bắc - Nam thoát ra suối Cầu Chét rồi thoát nước về sông Lục Nam.

#### d) Phát triển hệ thống cấp nước

- Tiêu chuẩn cấp nước:

Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt giai đoạn 2030 - 2040 từ 120 - 130 lít/người/ngày, đêm; tỷ lệ dân được cấp nước từ 90 - 100%; tiêu chuẩn cấp nước công nghiệp từ 22 m<sup>3</sup>/ha, tỷ lệ cấp đạt 70%.

- Nguồn cấp:

Hệ thống cấp nước sạch tập trung liên xã Đồng Cốc, Phì Điền, Giáp Sơn, Tân Quang có công suất theo các giai đoạn phát triển 2030 - 2040 tương ứng 7.000 - 12.000 m<sup>3</sup>/ngày, đêm; khai thác nguồn nước thô sông Lục Nam, bổ sung thêm nguồn nước sạch từ nhà máy nước Cẩm Sơn về.

#### đ) Phát triển năng lượng và chiếu sáng

- Tổng nhu cầu sử dụng điện của thị trấn Phì Điền đến năm 2030 dự kiến là 12.500kVA; nhu cầu sử dụng điện giai đoạn 2030 - 2040 dự kiến là 20.500 kVA.

- Nguồn điện cấp cho thị trấn Phì Điền từ Trạm 110/35/22 kV Lục Ngạn 2×40 MVA; toàn bộ lưới điện xây dựng mới dự kiến được đi ngầm; Trạm biến áp xây dựng mới sử dụng máy biến áp có gam máy từ 100 đến 630 kVA.

#### e) Phát triển hạ tầng viễn thông

Thị trấn Phì Điền được cấp tín hiệu từ tổng đài Lục Ngạn thông qua trục cáp quang chạy dọc theo Quốc lộ 31. Theo đó, thị trấn sẽ xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng thông tin liên lạc hiện đại, an toàn, có dung lượng lớn, tốc độ cao, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Phát triển hạ tầng thông tin liên lạc, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia khai thác dịch vụ thông tin liên lạc; ưu tiên áp dụng

các công nghệ tiên tiến, hiện đại, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường và sử dụng hiệu quả tài nguyên.

g) Phát triển hệ thống thoát nước thải, quản lý CTR và nghĩa trang

- Thoát nước thải:

Nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt của thị trấn Phì Điền được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Tỷ lệ nước thải sinh hoạt của thị trấn được thu gom và xử lý đạt 80% (đến năm 2030) và 100% (đến năm 2040). Trên địa bàn thị trấn sẽ xây dựng các trạm xử lý nước thải tập trung, tùy thuộc vào điều kiện kinh tế, dây truyền công nghệ của các trạm xử lý nước thải tập trung sẽ khác nhau trong đó ưu tiên sử dụng phương pháp sinh học tự nhiên xử lý nước thải. Xây dựng 1 trạm xử lý với diện tích khoảng 0,6 ha xử lý nước thải sinh hoạt thị trấn Phì Điền; khu vực nông thôn hiện trạng sẽ khuyến khích các hộ dân sử dụng xí tự hoại. Đến năm 2030, sử dụng hệ thống thoát nước nửa riêng; đến năm 2040, sử dụng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn.

Nước thải công nghiệp.

Nước thải công nghiệp từ các khu/cụm công nghiệp phải được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra hệ thống thoát nước của thị trấn hoặc nguồn tiếp nhận. Hệ thống thoát nước trong các khu/cụm công nghiệp tập trung là hệ thống thoát nước riêng, có trạm xử lý nước thải cho từng khu/cụm công nghiệp.

- Quản lý chất thải rắn.

Chất thải rắn công nghiệp và chất thải rắn nguy hại được đưa về xử lý tại khu xử lý chất thải rắn cấp vùng của tỉnh; chất thải rắn sinh hoạt tiếp tục được đưa về xử lý tại nhà máy xử lý rác thải tại khu Dọc Tranh, thôn Cai Lè, xã Kiên Thành.

- Nghĩa trang.

Đối với các nghĩa trang hiện có, không tiến hành chôn mới, xây dựng khoảng cây xanh vùng đệm, song song sẽ tiến hành cải tạo xây dựng lại, đảm bảo tăng diện tích cây xanh, bổ sung hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường. Các nghĩa trang nhỏ lẻ trong vùng phát triển đô thị, đề xuất không chôn mới, trong tương lai dần chuyển đổi thành công viên cây xanh, quy tập về nghĩa trang tập trung xây dựng mới.

Xây dựng 01 nghĩa trang nhân dân mới: Dự kiến xây dựng nghĩa trang tập trung có quy mô khoảng 7,2 ha tại thôn Chay, thị trấn Phì Điền.

## **5. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư**

a) Về giao thông

- Dự án tuyến đại lộ Đông - Tây chạy song song với Quốc lộ 31 kết nối Quốc lộ 279 và đường tỉnh 290.

- Dự án trục đại lộ 36m, kết nối trung tâm hành chính mới của huyện Lục Ngạn với Quốc lộ 31 và trục đại lộ Đông - Tây vành đai đô thị, kết nối sang xã Tân Quang.

- Dự án tuyến đường lộ giới 36m, kết nối vùng du lịch hồ làng Muối với trung tâm thị trấn Phi Điền, Quốc lộ 31 và vùng du lịch sinh thái miệt vườn xã Tân Quang.

#### b) Về công trình hành chính và hạ tầng xã hội

- Xây dựng tổ hợp trung tâm hành chính mới và các cơ quan ban ngành của huyện Lục Ngạn quy mô 11 ha, trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện Lục Ngạn; các tổ chức chính trị - xã hội; hệ thống các cơ quan ngành dọc (Công an, Quân sự, Tòa án, Viện Kiểm sát, Kho bạc,...).

- Xây dựng trung tâm thương mại, chợ đầu mối nông sản giáp Quốc lộ 31 tại khu vực thôn Cầu Sài, gần Quốc lộ 279.

### **6. Nhu cầu và giải pháp huy động nguồn vốn**

#### a) Nhu cầu

Giai đoạn đến năm 2030, tỉnh Bắc Giang sẽ đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống công trình hạ tầng đô thị, dự kiến kinh phí khoảng 1.500 tỷ đồng.

#### b) Nguồn vốn

- Nguồn vốn đầu tư từ huyện:

Các nguồn viện trợ, đầu tư của các tổ chức trong và ngoài nước; phát huy tối đa nội lực của địa phương, khuyến khích nguồn vốn đầu tư từ nhiều thành phần kinh tế; đẩy mạnh xã hội hóa trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hoá - thể thao,...

Khai thác tốt hệ thống hạ tầng đô thị hiện hữu, đẩy mạnh khai thác quỹ đất, tài sản công, tài nguyên của địa phương và các nguồn khác để tạo vốn xây dựng hệ thống hạ tầng.

Xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp đặc điểm của địa phương và môi trường đầu tư hấp dẫn nhằm thu hút, khuyến khích các thành phần kinh tế cùng tham gia vào quá trình xây dựng phát triển đô thị theo định hướng quy hoạch.

- Tạo nguồn vốn phát triển đô thị

Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước (bao gồm cả vốn ODA), trong đó cả từ ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh dành chủ yếu cho phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội. Dự kiến vốn đầu tư từ ngân sách sẽ đáp ứng được khoảng 25 - 30% nhu cầu vốn đầu tư.

Kêu gọi nguồn vốn từ Trung ương và tỉnh đầu tư vào các hệ thống công trình lớn của mạng lưới giao thông, thủy lợi, cung cấp năng lượng,...

Thực hiện cải cách hành chính, tạo thông thoáng trong lĩnh vực đầu tư và có biện pháp khuyến khích nhân dân và các doanh nghiệp bỏ vốn xây dựng, mở rộng sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện. Khuyến khích mọi thành phần

kinh tế đầu tư vào công nghiệp, dịch vụ, tạo ra nhiều việc làm bằng cách tạo thuận lợi trong đăng ký kinh doanh, giao đất, cho thuê đất, thuê mặt bằng, miễn giảm thuế và tiền thuê đất, tiền sử dụng đất... Dự kiến nguồn vốn đầu tư từ các doanh nghiệp và các tập đoàn kinh tế lớn, doanh nghiệp xã hội hóa sẽ chiếm khoảng 25 - 30% cơ cấu vốn đầu tư.

Vốn tín dụng và liên doanh, liên kết với các địa phương ngoài huyện (kể cả đầu tư nước ngoài): dự kiến khoảng 20 - 25% tổng nhu cầu vốn đầu tư.

- Đối với các dự án xây dựng các công trình thuộc kết cấu hạ tầng như kiên cố hoá kênh mương, bê tông hoá đường giao thông nông thôn... phải cân đối và lồng ghép các nguồn vốn được Trung ương để lại (thuế nông nghiệp, thuế tài nguyên, thu cấp quyền sử dụng đất...), vốn huy động bằng tiền nhân công trong dân và vốn vay, cần tính đến hiệu quả đầu tư và khả năng hoàn trả.

- Nguồn vốn được tạo ra từ cơ chế “thu hút nguồn lực từ quỹ đất” dự kiến chiếm khoảng 20 - 25% tổng nhu cầu vốn đầu tư. Để huy động nguồn vốn này cần xây dựng các cơ chế, chính sách, dự án cụ thể và kiến nghị tỉnh cho phép thực hiện.

## **PHẦN THỨ NĂM**

### **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

#### **I. KẾT LUẬN**

Việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã; điều chỉnh địa giới hành chính huyện Lục Ngạn để thành lập thị xã Chũ và huyện Lục Ngạn mới; thành lập các phường thuộc thị xã Chũ, thành lập thị trấn thuộc huyện Lục Ngạn mới là một yêu cầu tất yếu, khách quan, phù hợp với chủ trương về sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn đến năm 2030 theo các Quyết định phê duyệt quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đồng thời, đáp ứng lòng mong đợi của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện Lục Ngạn thời gian qua.

Thị xã Chũ được thành lập sẽ là hình thành nên cực tăng trưởng kinh tế - xã hội ở vùng Đông bắc của tỉnh Bắc Giang, tạo động lực to lớn đẩy nhanh sự phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, khai thác tiềm năng và lợi thế của khu vực, góp phần phân công lại lao động giữa các vùng, miền trong tỉnh Bắc Giang và các tỉnh vùng Đông Bắc bộ, Trung du miền núi phía Bắc.

Huyện Lục Ngạn mới và thị trấn Biển Đông, thị trấn Phì Điền với các cơ sở vật chất hiện có đã được Nhà nước đầu tư qua nhiều năm trước, diện tích tự nhiên khá lớn, lực lượng lao động dồi dào và có nhiều tiềm năng về phát triển công nghiệp, dịch vụ thương mại, tương lai sẽ thu hút đầu tư đa dạng các ngành nghề sản xuất, chế biến có lợi thế, sẽ giúp cho bộ mặt vùng nông thôn mới của huyện nói riêng và của tỉnh Bắc Giang nói chung thêm khởi sắc.

#### **II. KIẾN NGHỊ**

Ủy ban nhân dân huyện Lục Ngạn kính đề nghị Chính phủ, các Bộ, ngành và tỉnh Bắc Giang tiếp tục quan tâm, tạo điều kiện và có chính sách ưu đãi về vốn đầu tư từ các nguồn của Trung ương và các dự án tài trợ khác cho thị xã Chũ và huyện Lục Ngạn mới đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đảm bảo mục tiêu phát triển tương xứng với vai trò vị trí trung tâm phía Đông bắc của tỉnh.

Ủy ban nhân dân huyện Lục Ngạn trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

## **BẢNG BIỂU SỐ LIỆU**

Bắc Giang, ngày tháng năm 2023

**BIỂU 1: TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHUẨN CỦA KHU VỰC DỰ KIẾN THÀNH LẬP  
THỊ XÃ CHỦ THUỘC TỈNH BẮC GIANG**

(Số liệu đến 31/12/2022)

TT	Các tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Đánh giá các tiêu chuẩn		
			Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
I	<b>Quy mô dân số</b> (bao gồm dân số thường trú và dân số tạm trú quy đổi)	Người	$\geq 100.000$	129.709	Đạt
II	<b>Diện tích tự nhiên</b>	km <sup>2</sup>	$\geq 200$	251,44	Đạt
III	<b>Đơn vị hành chính trực thuộc</b>				Đạt
a	Số đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc	Đơn vị	$\geq 10$	10,00	Đạt
b	Tỷ lệ số phường trên tổng số đơn vị hành chính cấp xã	%	$\geq 50\%$	5,00	Đạt
IV	<b>Đã được công nhận là đô thị loại III hoặc IV; hoặc khu vực dự kiến thành lập thị trấn đã được phân loại đạt tiêu chí của đô thị loại III hoặc loại IV</b>			Loại IV	Đạt
V	<b>Cơ cấu và trình độ phát triển KT - XH</b>				
1	Cân đối thu chi ngân sách		Đủ	Dư	Đạt
2	Thu nhập bình quân đầu người/tháng so với trung bình cả nước (lần)	Lần	$\geq 0,7$	0,7	Đạt
3	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 03 năm gần nhất (%)	%	Đạt bình quân của tỉnh Bắc Giang (12,45%)	12,45	Đạt
4	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất (%)	%	Đạt bình quân của tỉnh Bắc Giang (4,07%)	4,07	Đạt

TT	Các tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Đánh giá các tiêu chuẩn		
			Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
5	Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế	%	$\geq 75\%$	78,94	Đạt
6	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp nội thành, nội thị, thị trấn, quận và phường	%	$\geq 75\%$	79,84	Đạt

**TM. UBND TỈNH BẮC GIANG**  
**CHỦ TỊCH**



Lục Ngạn, ngày tháng năm 2023

**BIỂU 2: TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHUẨN CỦA KHU VỰC DỰ KIẾN THÀNH LẬP  
PHƯỜNG CHỦ THUỘC THỊ XÃ CHỦ**

(Số liệu đến 31/12/2022)

TT	Các tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Đánh giá các tiêu chuẩn		
			Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
I	<b>Quy mô dân số</b> (bao gồm dân số thường trú và dân số tạm trú quy đổi)	Người	$\geq 5.000$	18.276	Đạt
II	<b>Diện tích tự nhiên</b>	km <sup>2</sup>	$\geq 5,5$	12,84	Đạt
III	<b>Cơ cấu và trình độ phát triển KT - XH</b>				
1	Cân đối thu chi ngân sách		Đủ	Dư	Đạt
2	Thu nhập bình quân đầu người/tháng so với trung bình cả nước	Lần	-	-	-
3	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 03 năm gần nhất	%	-	-	-
4	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của thị xã (2,10%)	0,67	Đạt
5	Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế	%	-	-	-
6	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp nội thành, nội thị, thị trấn, quận và phường	%	$\geq 70\%$	93,97	Đạt
IV	<b>Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị</b>				
1	Trạm y tế	Công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	01	Đạt

TT	Các tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Đánh giá các tiêu chuẩn		
			Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
2	Cơ sở hạ tầng và thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	06	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100%	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m <sup>2</sup> /người	≥ 1,8	3,98	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m <sup>2</sup> /người	≥ 1,0	3,46	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	≥ 400	800,15	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ)	m <sup>2</sup> /người	≥ 5	27,54	Đạt
8	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 90	95	Đạt



TT	Các tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Đánh giá các tiêu chuẩn		
			Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m <sup>2</sup> /người	≥ 2	1,99	Chưa đạt
10	Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 80	89	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	%	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên (≥ 50)	80	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km <sup>2</sup>	≥ 2,5	3,14	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	89	Đạt

**TM. UBND HUYỆN LỤC NGẠN**  
**CHỦ TỊCH**



Lục Ngạn, ngày tháng năm 2023

**BIỂU 3: TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHUẨN CỦA KHU VỰC DỰ KIẾN THÀNH LẬP  
PHƯỜNG HỒNG GIANG THUỘC THỊ XÃ CHỦ**

(Số liệu đến 31/12/2022)

TT	Các tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Đánh giá các tiêu chuẩn		
			Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
I	Quy mô dân số (bao gồm dân số thường trú và dân số tạm trú quy đổi)	Người	$\geq 5.000$	12.584	Đạt
II	Diện tích tự nhiên	km <sup>2</sup>	$\geq 5,5$	14,50	Đạt
III	Cơ cấu và trình độ phát triển KT - XH				
1	Cân đối thu chi ngân sách		Đủ	Dư	Đạt
2	Thu nhập bình quân đầu người/tháng so với trung bình cả nước	Lần	-	-	-
3	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 03 năm gần nhất	%	-	-	-
4	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của thị xã (2,10%)	1,02	Đạt
5	Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế	%	-	-	-
6	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp nội thành, nội thị, thị trấn, quận và phường	%	$\geq 70\%$	77,42	Đạt
IV	Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị				
1	Trạm y tế	Công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	1	Đạt

TT	Các tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Đánh giá các tiêu chuẩn		
			Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
2	Cơ sở hạ tầng và thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	3	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100%	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m <sup>2</sup> /người	≥ 1,8	3,45	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m <sup>2</sup> /người	≥ 1,0	2,67	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	≥ 400	734,65	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ)	m <sup>2</sup> /người	≥ 5	20,01	Đạt
8	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 90	90	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m <sup>2</sup> /người	≥ 2	2,12	Đạt



TT	Các tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Đánh giá các tiêu chuẩn		
			Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
10	Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	$\geq 80$	84	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả		Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên ( $\geq 50$ )	75	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km <sup>2</sup>	$\geq 2,5$	2,43	Chưa đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	$\geq 80$	85	Đạt

**TM. UBND HUYỆN LỤC NGẠN**  
**CHỦ TỊCH**



Lục Ngạn, ngày tháng năm 2023

**BIỂU 4: TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHUẨN CỦA KHU VỰC DỰ KIẾN THÀNH LẬP  
PHƯỜNG TRÙ HỮU THUỘC THỊ XÃ CHỦ**

(Số liệu đến 31/12/2022)

TT	Các tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Đánh giá các tiêu chuẩn		
			Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
I	<b>Quy mô dân số</b> (bao gồm dân số thường trú và dân số tạm trú quy đổi)	Người	$\geq 5.000$	11.930	Đạt
II	<b>Diện tích tự nhiên</b>	km <sup>2</sup>	$\geq 5,5$	12,75	Đạt
III	<b>Cơ cấu và trình độ phát triển KT - XH</b>				
1	Cân đối thu chi ngân sách		Đủ	Dư	Đạt
2	Thu nhập bình quân đầu người/tháng so với trung bình cả nước	Lần	-	-	-
3	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 03 năm gần nhất	%	-	-	-
4	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của thị xã (2,10%)	2,78	Chưa đạt
5	Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế	%	-	-	-
6	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp nội thành, nội thị, thị trấn, quận và phường	%	$\geq 70\%$	79,10	Đạt
IV	<b>Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị</b>				
1	Trạm y tế	Công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	1	Đạt



TT	Các tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Đánh giá các tiêu chuẩn		
			Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
2	Cơ sở hạ tầng và thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	3	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100%	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m <sup>2</sup> /người	≥ 1,8	2,98	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m <sup>2</sup> /người	≥ 1,0	2,13	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	≥ 400	761,32	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ)	m <sup>2</sup> /người	≥ 5	22,39	Đạt
8	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 90	93	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m <sup>2</sup> /người	≥ 2	1,92	Chưa đạt



TT	Các tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Đánh giá các tiêu chuẩn		
			Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
10	Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	$\geq 80$	84	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả		Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên ( $\geq 50$ )	74	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km <sup>2</sup>	$\geq 2,5$	1,59	Chưa đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	$\geq 80$	83	Đạt

**TM. UBND HUYỆN LỤC NGẠN**  
**CHỦ TỊCH**



Lục Ngạn, ngày tháng năm 2023

**BIỂU 5: TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHUẨN CỦA KHU VỰC DỰ KIẾN THÀNH LẬP  
PHƯỜNG PHƯỢNG SƠN THUỘC THỊ XÃ CHỦ**

(Số liệu đến 31/12/2022)

TT	Các tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Đánh giá các tiêu chuẩn		
			Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
I	<b>Quy mô dân số</b> (bao gồm dân số thường trú và dân số tạm trú quy đổi)	Người	$\geq 5.000$	13.990	Đạt
II	<b>Diện tích tự nhiên</b>	km <sup>2</sup>	$\geq 5,5$	20,65	Đạt
III	<b>Cơ cấu và trình độ phát triển KT - XH</b>				
1	Cân đối thu chi ngân sách		Đủ	Dư	Đạt
2	Thu nhập bình quân đầu người/tháng so với trung bình cả nước	Lần	-	-	-
3	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 03 năm gần nhất	%	-	-	-
4	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của thị xã (2,10%)	0,83	Đạt
5	Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế	%	-	-	-
6	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp nội thành, nội thị, thị trấn, quận và phường	%	$\geq 70\%$	74,63	Đạt
IV	<b>Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị</b>				
1	Trạm y tế	Công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	1	Đạt



TT	Các tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Đánh giá các tiêu chuẩn		
			Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
2	Cơ sở hạ tầng và thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	4	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100%	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m <sup>2</sup> /người	≥ 1,8	2,54	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m <sup>2</sup> /người	≥ 1,0	2,32	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	≥ 400	705,76	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ)	m <sup>2</sup> /người	≥ 5	21,88	Đạt
8	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 90	91	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m <sup>2</sup> /người	≥ 2	1,87	Chưa đạt



TT	Các tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Đánh giá các tiêu chuẩn		
			Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
10	Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	$\geq 80$	83	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả		Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên ( $\geq 50$ )	70	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km <sup>2</sup>	$\geq 2,5$	2,39	Chưa đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	$\geq 80$	83	Đạt

**TM. UBND HUYỆN LỤC NGẠN**  
**CHỦ TỊCH**



Lục Ngạn, ngày tháng năm 2023

**BIỂU 6: TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHUẨN CỦA KHU VỰC DỰ KIẾN THÀNH LẬP  
PHƯỜNG THANH HẢI THUỘC THỊ XÃ CHỦ**

(Số liệu đến 31/12/2022)

TT	Các tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Đánh giá các tiêu chuẩn		
			Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
I	<b>Quy mô dân số</b> (bao gồm dân số thường trú và dân số tạm trú quy đổi)	Người	$\geq 5.000$	19.521	Đạt
II	<b>Diện tích tự nhiên</b>	km <sup>2</sup>	$\geq 5,5$	17,01	Đạt
III	<b>Cơ cấu và trình độ phát triển KT - XH</b>				
1	Cân đối thu chi ngân sách		Đủ	Dư	Đạt
2	Thu nhập bình quân đầu người/tháng so với trung bình cả nước	Lần	-	-	-
3	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 03 năm gần nhất	%	-	-	-
4	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của thị xã (2,10%)	3,14	Chưa đạt
5	Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế	%	-	-	-
6	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp nội thành, nội thị, thị trấn, quận và phường	%	$\geq 70\%$	70,35	Đạt
IV	<b>Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị</b>				
1	Trạm y tế	Công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	1	Đạt



TT	Các tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Đánh giá các tiêu chuẩn		
			Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
2	Cơ sở hạ tầng và thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	5	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100%	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m <sup>2</sup> /người	≥ 1,8	1,76	Chưa đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m <sup>2</sup> /người	≥ 1,0	1,89	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	≥ 400	745,71	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ)	m <sup>2</sup> /người	≥ 5	21,93	Đạt
8	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 90	91	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m <sup>2</sup> /người	≥ 2	1,93	Chưa đạt



TT	Các tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Đánh giá các tiêu chuẩn		
			Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
10	Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	$\geq 80$	83	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả		Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên ( $\geq 50$ )	71	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km <sup>2</sup>	$\geq 2,5$	2,41	Chưa đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	$\geq 80$	82	Đạt

**TM. UBND HUYỆN LỤC NGẠN**  
**CHỦ TỊCH**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bắc Giang, ngày tháng năm 2023*

**BIỂU 7: TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHUẨN CỦA HUYỆN LỤC NGẠN MỚI**  
*(Số liệu đến 31/12/2022)*

TT	Các tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Đánh giá các tiêu chuẩn		
			Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
I	Quy mô dân số (bao gồm dân số thường trú và dân số tạm trú quy đổi)	Người	$\geq 120.000$	125.710	Đạt
II	Diện tích tự nhiên	km <sup>2</sup>	$\geq 450$	856,54	Đạt
III	Số đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc	Đơn vị	$\geq 13$ (Có ít nhất 1 thị trấn)	17 xã và 2 thị trấn	Đạt

**TM. UBND TỈNH BẮC GIANG  
CHỦ TỊCH**



Lục Ngạn, ngày tháng năm 2023

**BIỂU 8: TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHUẨN CỦA KHU VỰC DỰ KIẾN THÀNH LẬP  
THỊ TRẤN BIỂN ĐỘNG THUỘC HUYỆN LỤC NGẠN**  
(Số liệu đến 31/12/2022)

TT	Các tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Đánh giá các tiêu chuẩn		
			Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
I	Quy mô dân số (bao gồm dân số thường trú và dân số tạm trú quy đổi)	Người	$\geq 8.000$	9.308	Đạt
II	Diện tích tự nhiên	km <sup>2</sup>	$\geq 14$	18,65	Đạt
III	Đã được công nhận là đô thị loại IV hoặc V; hoặc khu vực dự kiến thành lập thị trấn đã được phân loại đạt tiêu chí của đô thị loại IV hoặc loại V			Loại V	Đạt
IV	<b>Cơ cấu và trình độ phát triển KT - XH</b>				
1	Cân đối thu chi ngân sách		Đủ	Dư	Đạt
2	Thu nhập bình quân đầu người/tháng so với trung bình cả nước	Lần	-	-	-
3	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 03 năm gần nhất	%	-	-	-
4	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của huyện (8,69%)	2,24	Đạt
5	Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế	%	-	-	-
6	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp nội thành, nội thị, thị trấn, quận và phường	%	$\geq 65\%$	62,23	Chưa đạt

**TM. UBND HUYỆN LỤC NGẠN**  
**CHỦ TỊCH**



Lục Ngạn, ngày tháng năm 2023

**BIỂU 9: TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHUẨN CỦA KHU VỰC DỰ KIẾN THÀNH LẬP  
THỊ TRẤN PHÌ ĐIỀN THUỘC HUYỆN LỤC NGẠN**  
(Số liệu đến 31/12/2022)

TT	Các tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Đánh giá các tiêu chuẩn			Ghi chú
			Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá	
I	Quy mô dân số (bao gồm dân số thường trú và dân số tạm trú quy đổi)	Người	≥ 8.000	5.670	Đạt	
II	Diện tích tự nhiên	km <sup>2</sup>	≥ 14	7,29	Đạt	Áp dụng Khoản d, Điều 31 của NQ 27/2022/UBNTVQH15: “Trường hợp thành lập đơn vị hành chính đô thị trên cơ sở nguyên trạng 01 đơn vị hành chính cùng cấp hoặc điều chỉnh địa giới các đơn vị hành chính để thành lập đơn vị hành chính đô thị mà không làm thay đổi số lượng đơn vị hành chính thì diện tích tự nhiên của các đơn vị hành chính sau khi thành lập, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính có thể thấp hơn nhưng tối thiểu phải đạt 50% tiêu chuẩn của đơn vị hành chính tương ứng
III	Đã được công nhận là đô thị loại IV hoặc V; hoặc khu vực dự kiến thành lập thị trấn đã được phân loại đạt tiêu chí của đô thị loại IV hoặc loại V			Loại V	Đạt	
IV	Cơ cấu và trình độ phát triển KT - XH					
1	Cân đối thu chi ngân sách		Đủ	Dư	Đạt	
2	Thu nhập bình quân đầu người/tháng so với trung bình cả nước	Lần	-	-	-	
3	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 03 năm gần nhất	%	-	-	-	

TT	Các tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Đánh giá các tiêu chuẩn			Ghi chú
			Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá	
4	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của huyện (8,69%)	2,66%	Đạt	
5	Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế	%	-	-	-	
6	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp nội thành, nội thị, thị trấn, quận và phường	%	≥ 65%	69,02%	Đạt	

**TM. UBND HUYỆN LỤC NGẠN**  
**CHỦ TỊCH**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**HUYỆN LỤC NGẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Lục Ngạn, ngày tháng năm 2023*

**BIỂU 10: TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHUẨN CỦA XÃ BIÊN SƠN**  
*(Số liệu đến 31/12/2022)*

TT	Các tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Đánh giá các tiêu chuẩn		
			Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
I	Quy mô dân số (bao gồm dân số thường trú và dân số tạm trú quy đổi)	Người	$\geq 8.000$	9.768	Đạt
II	Diện tích tự nhiên	km <sup>2</sup>	$\geq 30$	32,72	Đạt

**TM. UBND HUYỆN LỤC NGẠN**  
**CHỦ TỊCH**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bắc Giang, ngày tháng năm 2023*

**BIỂU 11: TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHUẨN CỦA HUYỆN SƠN ĐỘNG  
SAU KHI TÁCH TRƯỜNG BẢN QUỐC GIA KHU VỰC 1 VÀO HUYỆN LỤC NGẠN MỚI**

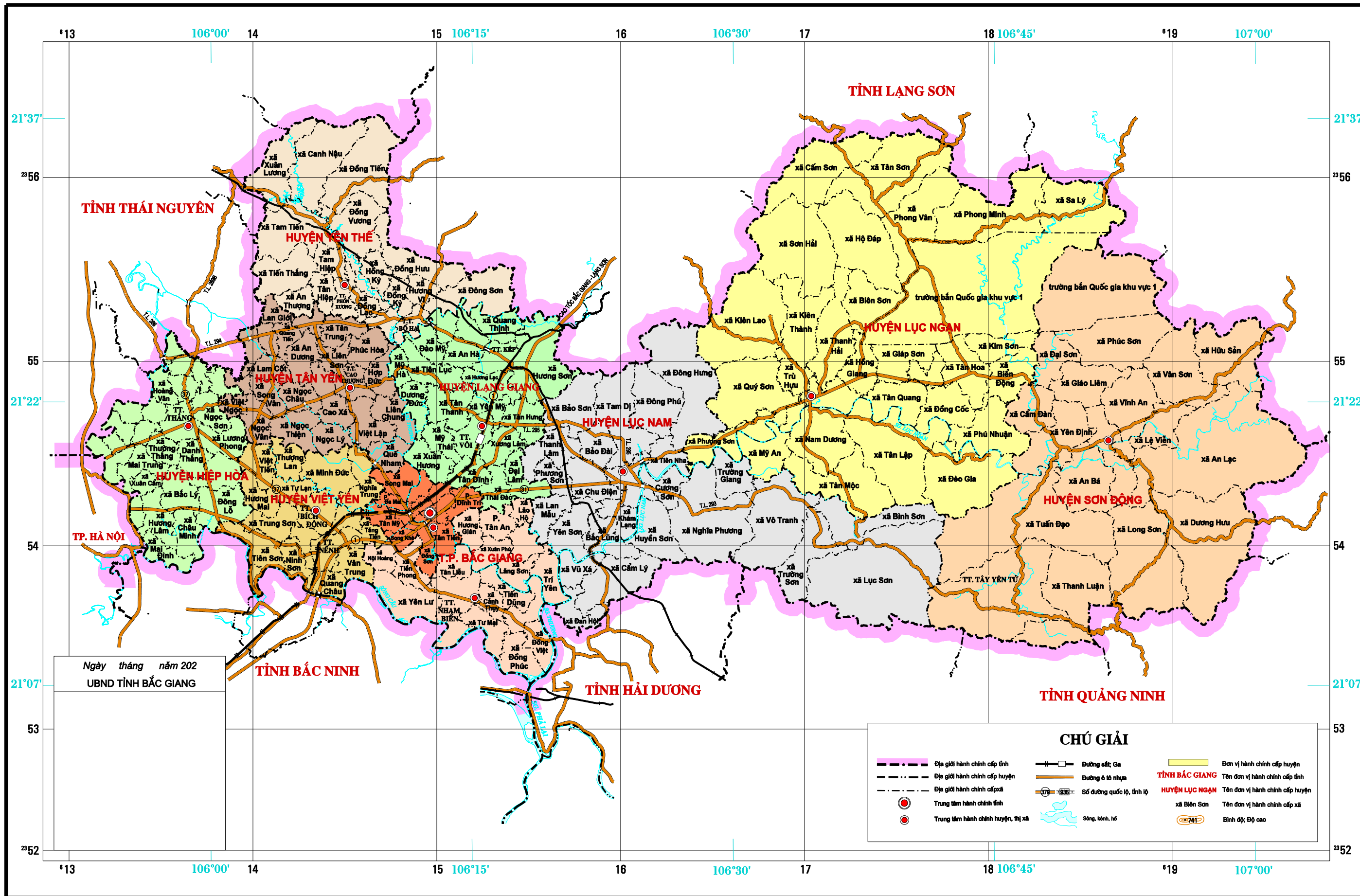
*(Số liệu đến 31/12/2022)*

TT	Các tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Đánh giá các tiêu chuẩn		
			Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
I	Quy mô dân số (bao gồm dân số thường trú và dân số tạm trú quy đổi)	Người	$\geq 120.000$	88.969	Đạt
II	Diện tích tự nhiên	km <sup>2</sup>	$\geq 450$	785,06	Đạt
III	Số đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc	Đơn vị	$\geq 13$ (Có ít nhất 1 thị trấn)	15 xã và 2 thị trấn	Đạt

**TM. UBND TỈNH BẮC GIANG  
CHỦ TỊCH**

# HỆ THỐNG BẢN ĐỒ

# BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG ĐGHČ TỈNH BẮC GIANG

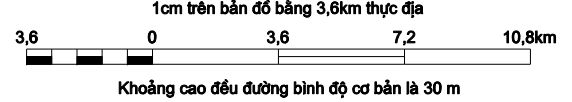


Ngày tháng năm 202  
UBND TỈNH BẮC GIANG

### CHÚ GIẢI

	Địa giới hành chính cấp tỉnh		Đường sắt; Ga		Đơn vị hành chính cấp huyện
	Địa giới hành chính cấp huyện		Đường ô tô nhựa		TỈNH BẮC GIANG Tên đơn vị hành chính cấp tỉnh
	Địa giới hành chính cấp xã		Số đường quốc lộ, tỉnh lộ		HUYỆN LỤC NGẠN Tên đơn vị hành chính cấp huyện
	Trung tâm hành chính tỉnh		Sông, kênh, hồ		xã Biên Sơn Tên đơn vị hành chính cấp xã
	Trung tâm hành chính huyện, thị xã				Bình độ; Độ cao

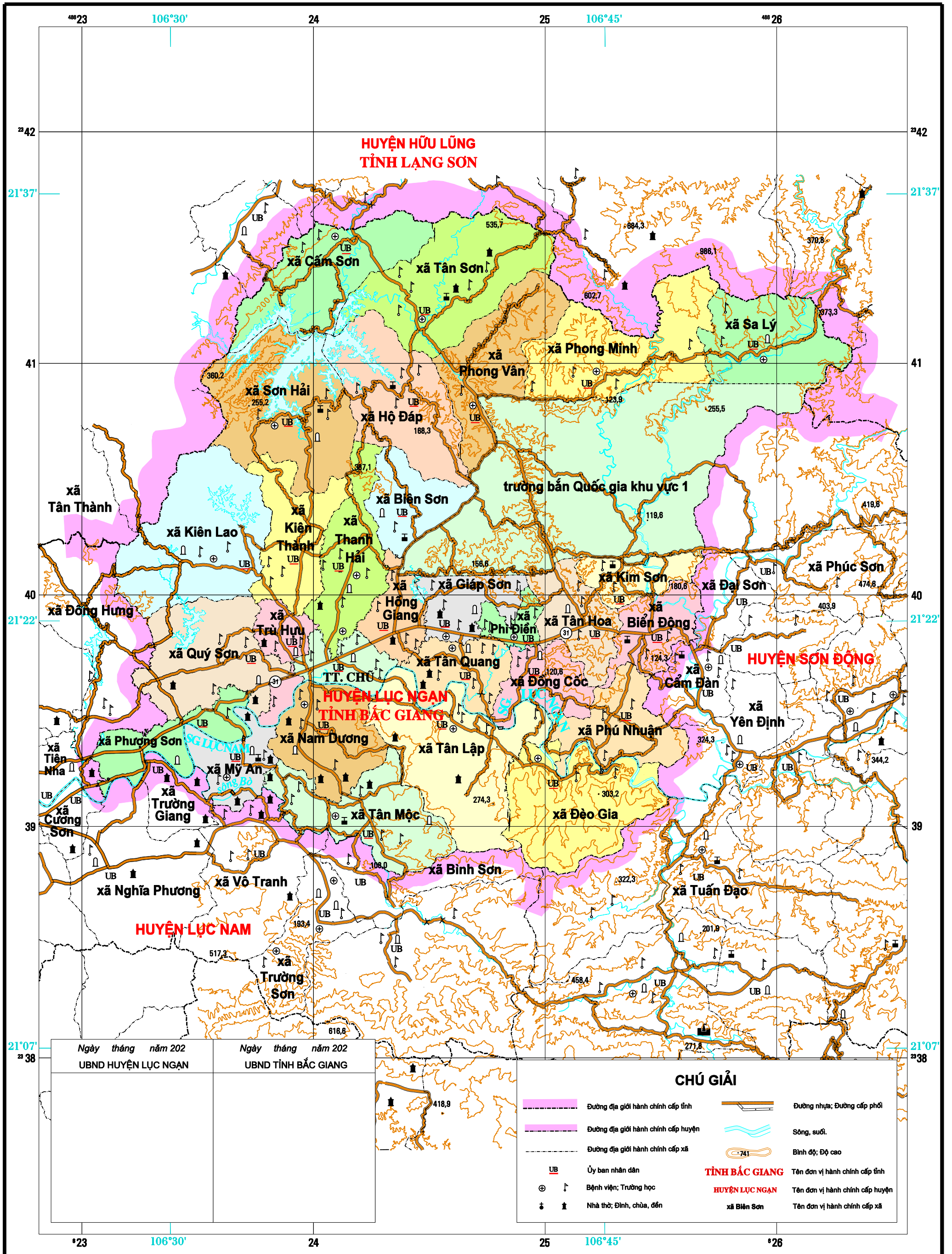
**TỶ LỆ 1:360 000**



**CÔNG TY TNHH TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ BẢN ĐỒ TP.HCM**  
 Bản đồ hiện trạng ĐGHČ tỉnh Bắc Giang được thành lập năm 2023.  
 Hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN-2000, Hệ độ cao quốc gia, kinh tuyến trung ương 105°múi chiều ố°. Tài liệu sử dụng để thành lập:  
 - Thông tư số 05/2014/TT-BTNMT ngày 12/02/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy hệ, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bắc Giang  
 - Bản đồ địa giới hành chính tỷ lệ 1:25 000 được thực hiện theo Dự án "Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính" trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.



# BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG ĐGHČ HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

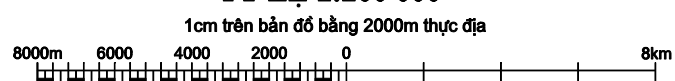


Ngày tháng năm 202  
UBND HUYỆN LỤC NGẠN

Ngày tháng năm 202  
UBND TỈNH BẮC GIANG

CHÚ GIẢI	
	Đường địa giới hành chính cấp tỉnh
	Đường địa giới hành chính cấp huyện
	Đường địa giới hành chính cấp xã
	Ủy ban nhân dân
	Bệnh viện; Trường học
	Nhà thờ; Đình, chùa, đền
	Đường nhựa; Đường cấp phối
	Sông, suối
	Bình độ; Độ cao
<b>TỈNH BẮC GIANG</b>	Tên đơn vị hành chính cấp tỉnh
<b>HUYỆN LỤC NGẠN</b>	Tên đơn vị hành chính cấp huyện
<b>xã Biên Sơn</b>	Tên đơn vị hành chính cấp xã

**TỶ LỆ 1:200 000**

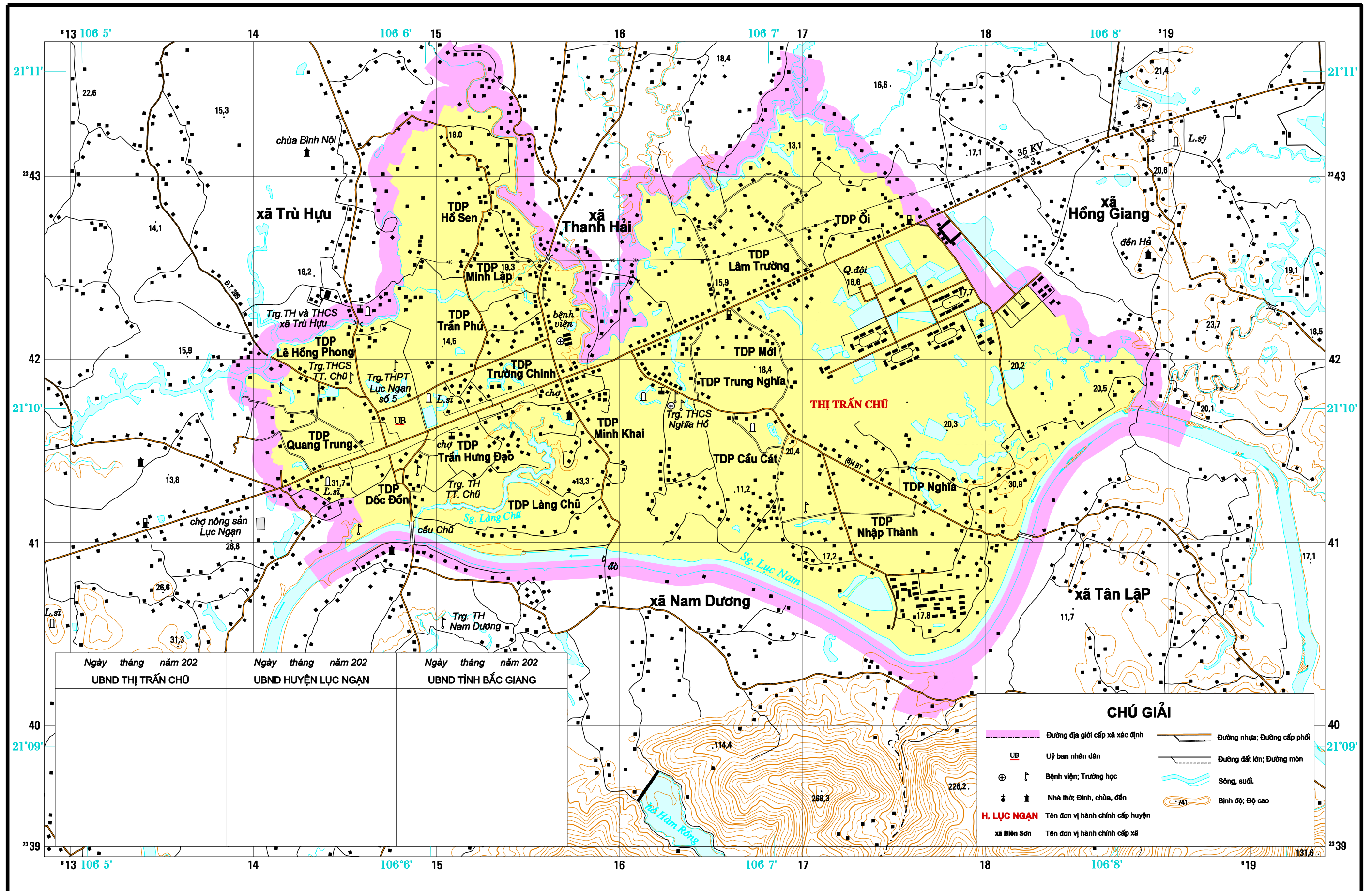


Khoảng cao đều đường bình độ cơ bản là 30m

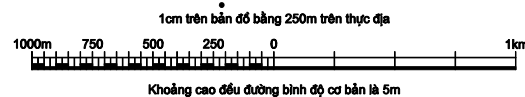
CÔNG TY TNHH TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ BẢN ĐỒ TP.HCM  
 Bản đồ hiện trạng ĐGHČ huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang được thành lập năm 2023.  
 Hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN-2000, hệ độ cao quốc gia, kinh tuyến trung ương 105°  
 múi Ơ. Tài liệu sử dụng để thành lập:  
 - Thông tư số 05/2014/TT-BTNMT ngày 12/02/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành  
 Danh mục địa danh dân cư, sông vãn, thủy hệ, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ  
 tỉnh Bắc Giang.  
 - Bản đồ địa giới hành chính tỷ lệ 1:25 000 được thực hiện theo Dự án "Hoàn thiện, hiện đại hóa  
 hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính trên địa bàn  
 tỉnh Bắc Giang."



# BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG ĐGHC THỊ TRẤN CHỦ, HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG



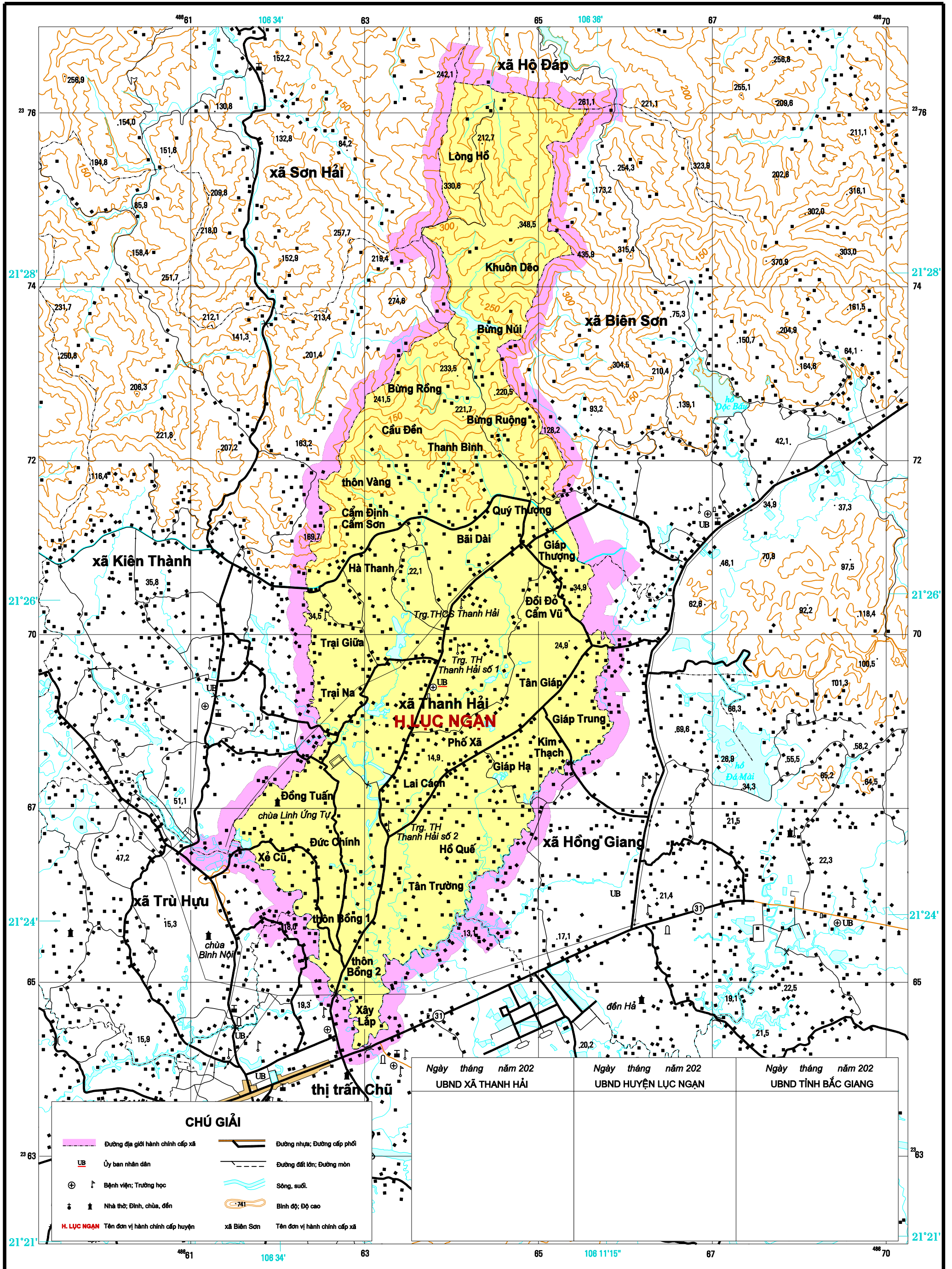
**TỶ LỆ 1:25 000**



**CÔNG TY TNHH TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ BẢN ĐỒ TP.HCM**  
 Bản đồ hiện trạng ĐGHC thị trấn Chủ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang được thành lập năm 2023.  
 Hệ quy chiếu và hệ toàn độ quốc gia VN-2000, Hệ độ cao quốc gia, kinh tuyến trung ương 105°, múi  
 chiều 6° Tài liệu sử dụng để thành lập:  
 - Thông tư 05/2014/TN - BTNMT ngày 12/02/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành danh  
 mục địa danh dân cư, văn sơn, thủy hệ, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bắc Giang.  
 - Bản đồ địa giới hành chính tỷ lệ 1:25 000 được thực hiện theo dự án " Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ,  
 bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.



# BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG ĐGHC XÃ THANH HẢI, HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG



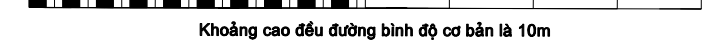
Ngày tháng năm 202  
 UBND XÃ THANH HẢI      Ngày tháng năm 202      UBND HUYỆN LỤC NGẠN      Ngày tháng năm 202      UBND TỈNH BẮC GIANG

### CHÚ GIẢI

- Đường địa giới hành chính cấp xã
- Ủy ban nhân dân
- Bệnh viện; Trường học
- Nhà thờ; Đình, chùa, đền
- H. LỤC NGẠN Tên đơn vị hành chính cấp huyện
- Đường nhựa; Đường cấp phối
- Đường đất lớn; Đường mòn
- Sông, suối
- Bình độ; Độ cao
- Xã Biên Sơn Tên đơn vị hành chính cấp xã

**TỶ LỆ 1: 45 000**

1cm trên bản đồ bằng 450m thực địa



Khoảng cao đều đường bình độ cơ bản là 10m

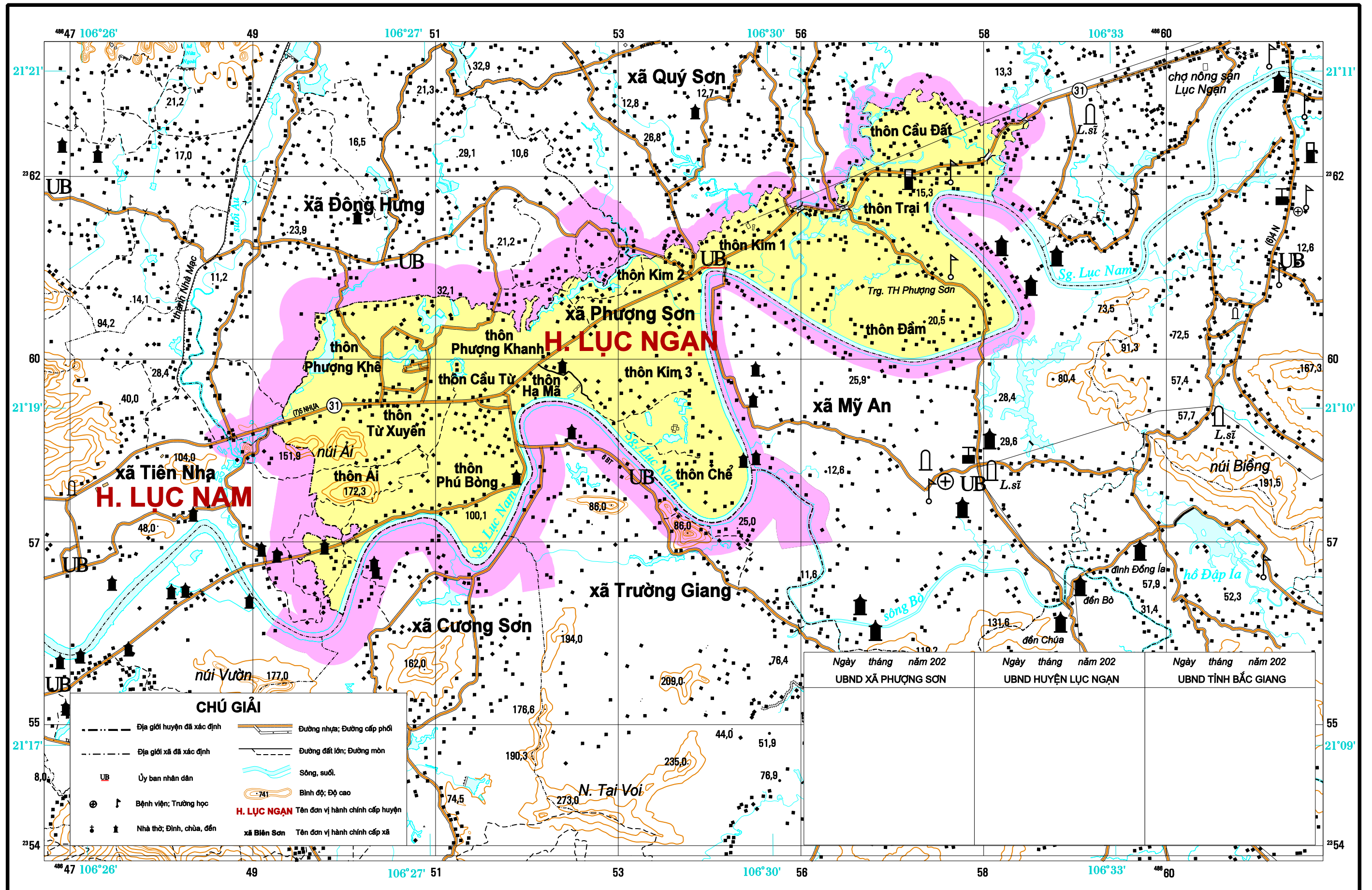
**CÔNG TY TNHH TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ BẢN ĐỒ TP.HCM**  
 Bản đồ hiện trạng xã Thanh Hải thuộc huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang được thành lập năm 2023.  
 Hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN-2000, Hệ độ cao quốc gia, kinh tuyến trung ương 105°15'15" kinh độ Đông để thành lập.  
 - Thông tư số 05/2014/TT-STNMT ngày 12/02/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sông suối, thủy hệ, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bắc Giang.  
 - Bản đồ địa giới hành chính tỷ lệ 1:25 000 được thực hiện theo Dự án "Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính" trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.



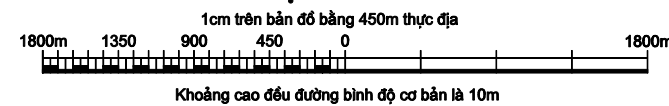




# BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG ĐGHC XÃ PHƯỢNG SƠN, HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG



**TỶ LỆ 1:45 000**



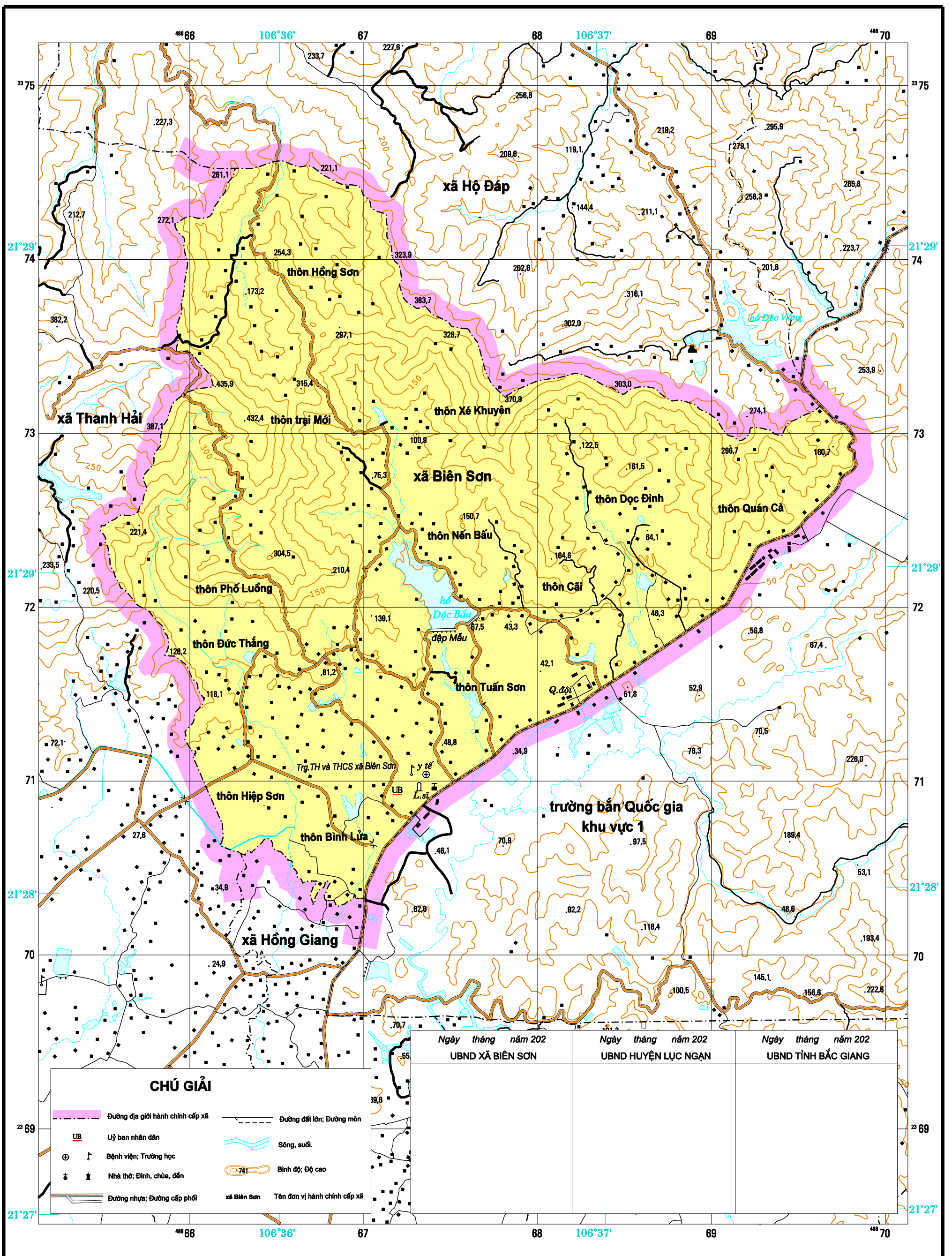
CÔNG TY TNHH TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ BẢN ĐỒ TP.HCM  
 Bản đồ hiện trạng ĐGHC xã Phượng Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang được thành lập năm 2023.  
 Hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN-2000, Hệ độ cao quốc gia, kinh tuyến trung ương 105°, múi chiếu 6°. Tài liệu sử dụng để thành lập:  
 - Thông tư số 05/2014/TT-BTNMT ngày 12/02/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành Danh mục địa danh dân cư, văn sơn, thủy hệ, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bắc Giang.  
 - Bản đồ địa giới hành chính tỷ lệ 1:25 000 được thực hiện theo Dự án "Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Giang."







# BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG ĐGHC XÃ BIÊN SƠN, HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG



**TỶ LỆ 1:30 000**

1cm trên bản đồ bằng 300m thực địa



Khoảng cao đều đường bình độ cơ bản là 5m

## CHÚ GIẢI

- |  |                                  |  |                              |
|--|----------------------------------|--|------------------------------|
|  | Đường địa giới hành chính cấp xã |  | Đường đất lớn; Đường mòn     |
|  | Ủy ban nhân dân                  |  | Sông, suối                   |
|  | Bệnh viện; Trường học            |  | Bình độ; Độ cao              |
|  | Nhà thờ; Đình, chùa, đền         |  | xã Biên Sơn                  |
|  | Đường nhựa; Đường cấp phối       |  | Tên đơn vị hành chính cấp xã |

Ngày tháng năm 202

UBND XÃ BIÊN SƠN

Ngày tháng năm 202

UBND HUYỆN LỤC NGẠN

Ngày tháng năm 202

UBND TỈNH BẮC GIANG

CÔNG TY TNHH TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ BẢN ĐỒ TP.HCM

Bản đồ hiện trạng ĐGHC xã Biên Sơn thuộc huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang được thành lập năm 2023.

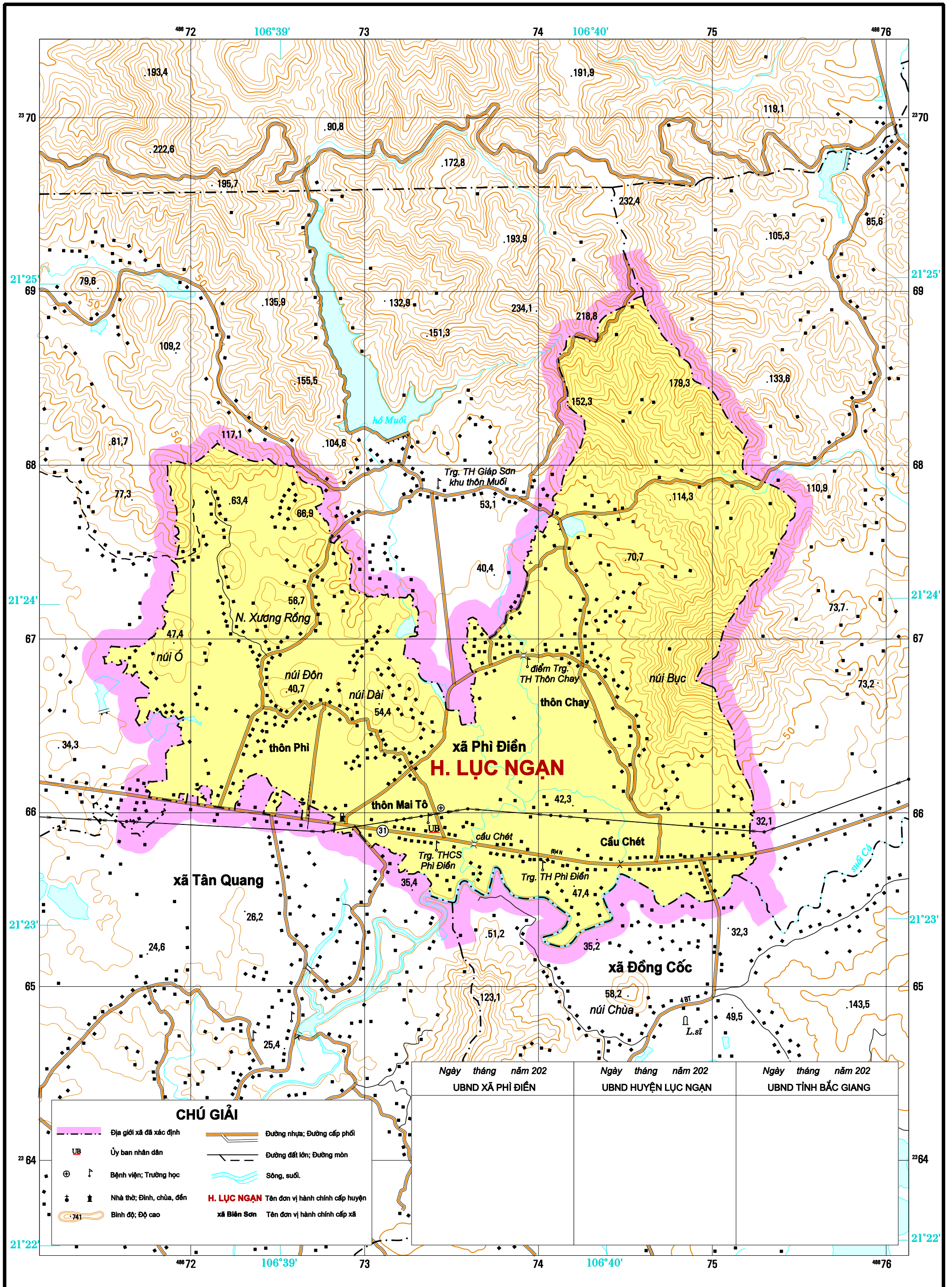
Hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN-2000, Hệ độ cao quốc gia, kinh tuyến trung ương 105°, múi chiếu 6°. Tài liệu sử dụng để thành lập:

- Thông tư số 05/2014/TT-BTNMT ngày 12/02/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành Danh mục địa danh dân cư, văn sơn, thủy hệ, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bắc Giang.

- Bản đồ địa giới hành chính tỷ lệ 1:25 000 được thực hiện theo Dự án "Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Giang."

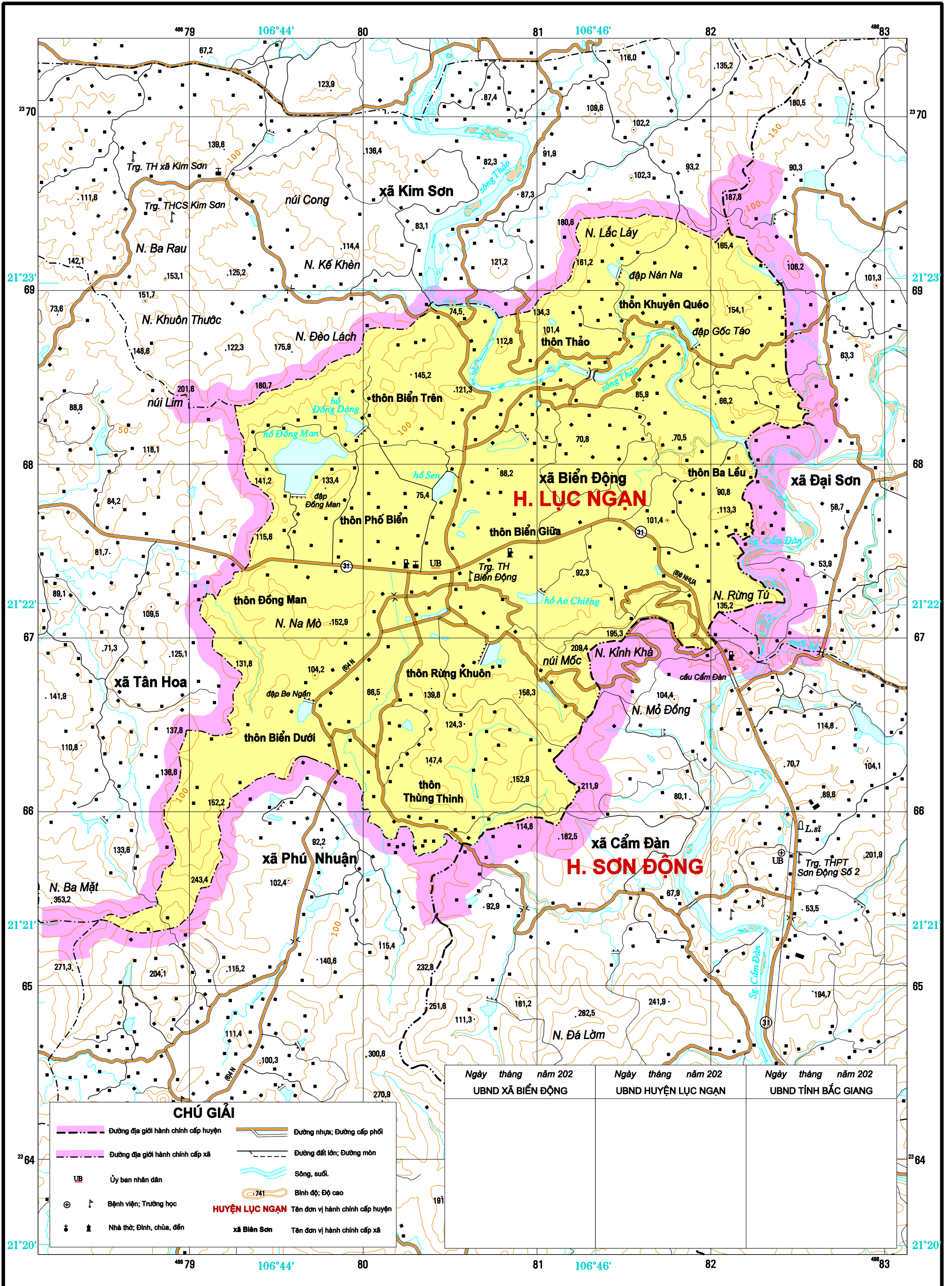


# BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG ĐGHC XÃ PHÌ ĐIỀN, HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG





# BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG ĐGHČ XÃ BIỂN ĐỘNG, HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG



**TỶ LỆ 1:30 000**

1 cm trên bản đồ bằng 300m thực địa

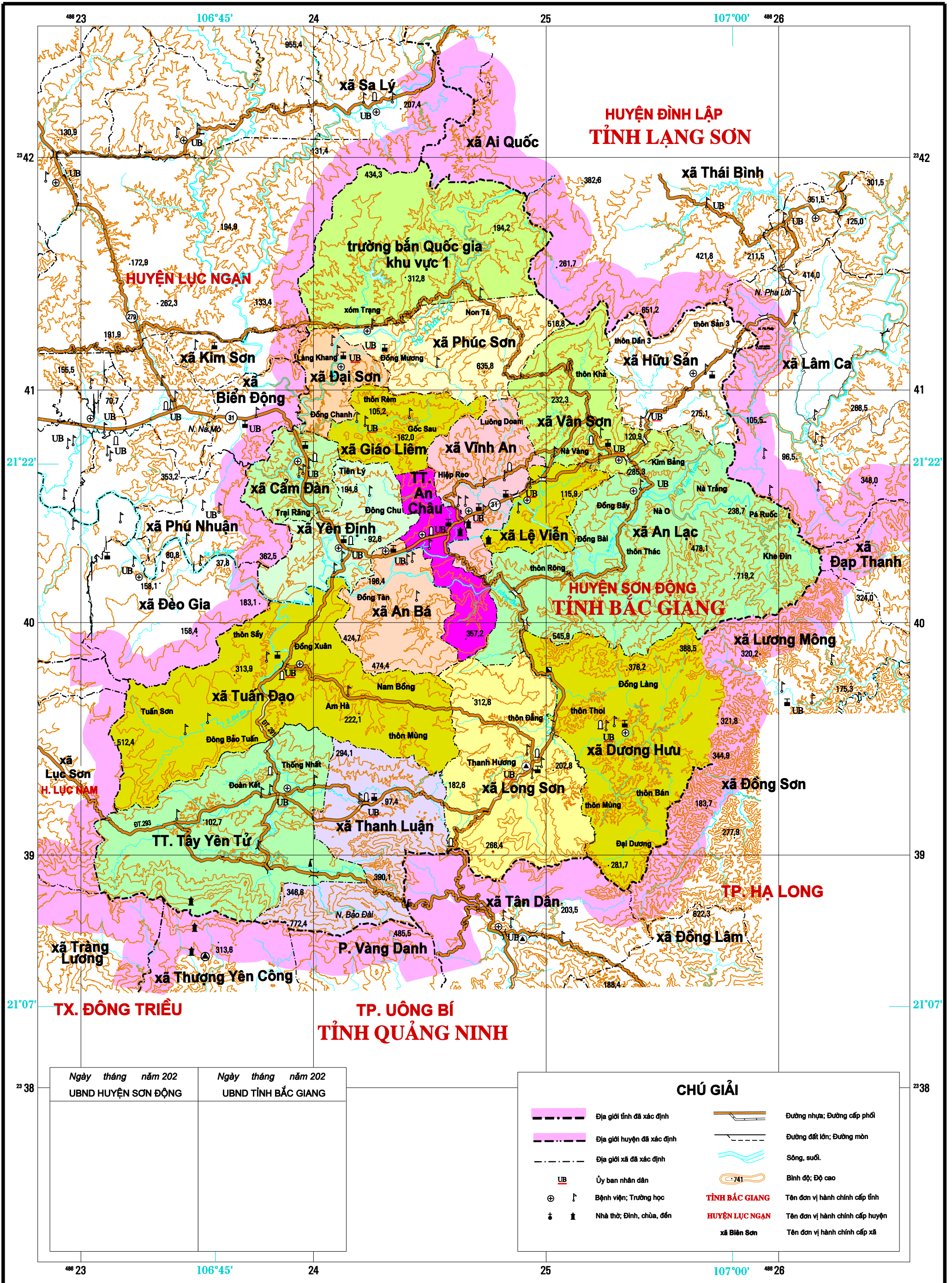
1200m 900 600 300 0 1200m

Khoảng cao đều đường bình độ cơ bản là 5m

CÔNG TY TNHH TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ BẢN ĐỒ TP.HCM  
 Bản đồ hiện trạng ĐGHČ xã Biển Động, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang được thành lập năm 2023.  
 Hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN-2000, Hệ độ cao quốc gia, kinh tuyến trung ương 105°, múi chiếu 6°. Tài liệu sử dụng để thành lập:  
 - Thông tư số 05/2014/TT-BTNMT ngày 12/02/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành Danh mục địa danh dân cư, văn sơn, thủy hệ, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bắc Giang.  
 - Bản đồ địa giới hành chính tỷ lệ 1:25 000 được thực hiện theo Dự án "Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Giang."



# BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG ĐGHČ HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC GIANG



**TỶ LỆ 1:180 000**

1cm trên bản đồ bằng 1800m thực địa

7200m 5400 3600 1800 0 7,2km

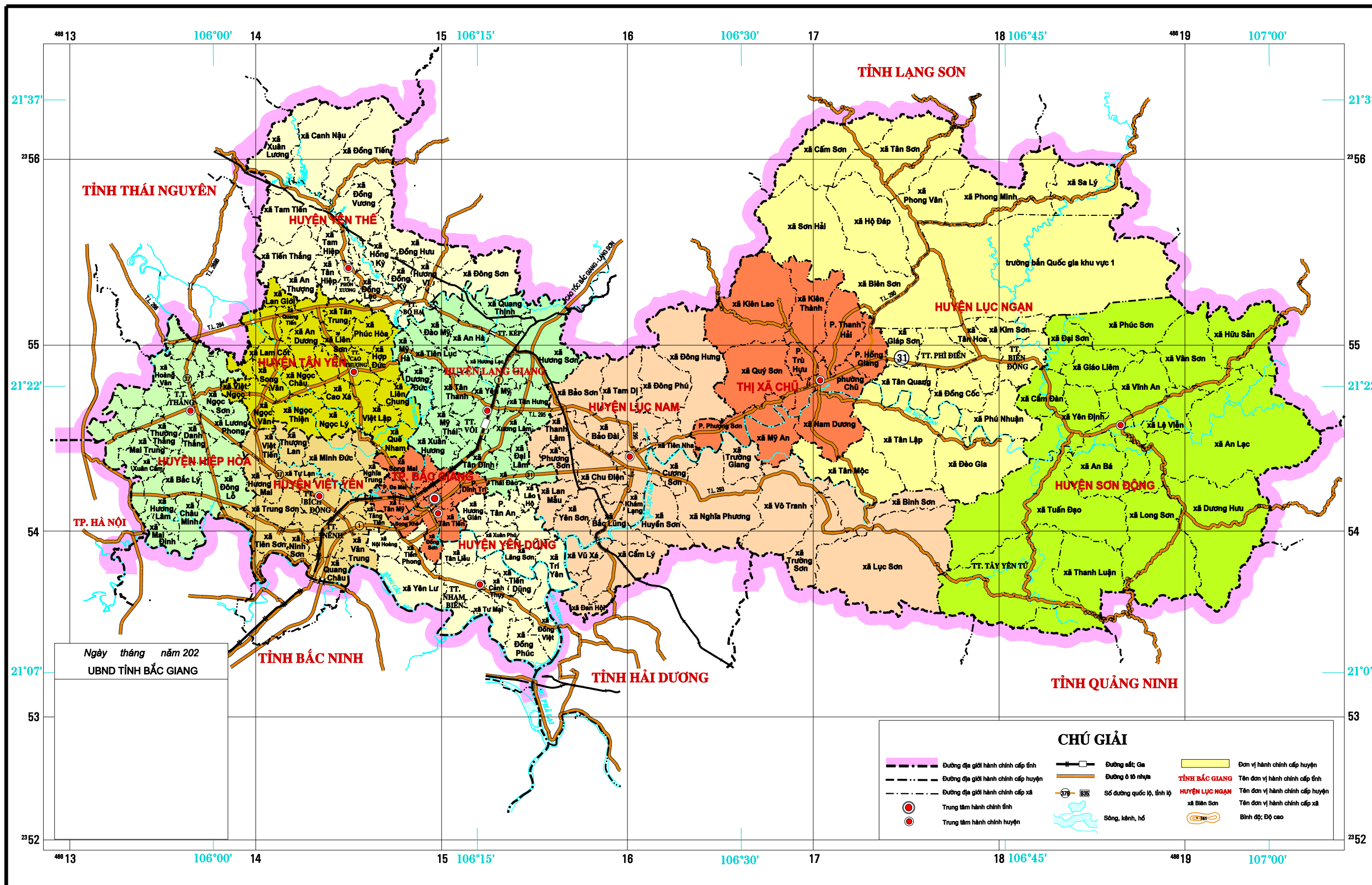
Khoảng cao đều đường bình độ cơ bản là 40m

CÔNG TY TNHH TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ BẢN ĐỒ TP.HCM

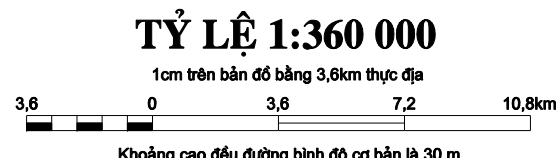
Bản đồ hiện trạng ĐGHČ huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang được thành lập năm 2023. Hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN-2000, Hệ độ cao quốc gia, kinh tuyến trung ương 105°, múi giờ 6°. Tài liệu sử dụng để thành lập:  
 - Thông tư số 05/2014/TT-BTNMT ngày 12/02/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành Danh mục địa danh dân cư, văn sơn, thủy hệ, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bắc Giang.  
 - Bản đồ địa giới hành chính tỷ lệ 1:25 000 được thực hiện theo Dự án "Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Giang."



# BẢN ĐỒ SẮP XẾP, ĐIỀU CHỈNH ĐGHCH HUYỆN LỤC NGẠN VÀ SƠN ĐỘNG ĐỂ CHIA TÁCH, THÀNH LẬP THỊ XÃ CHỦ VÀ THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ CHỦ; THÀNH LẬP THỊ TRẤN PHI ĐIỀN, THỊ TRẤN BIỂN ĐỘNG THUỘC HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG



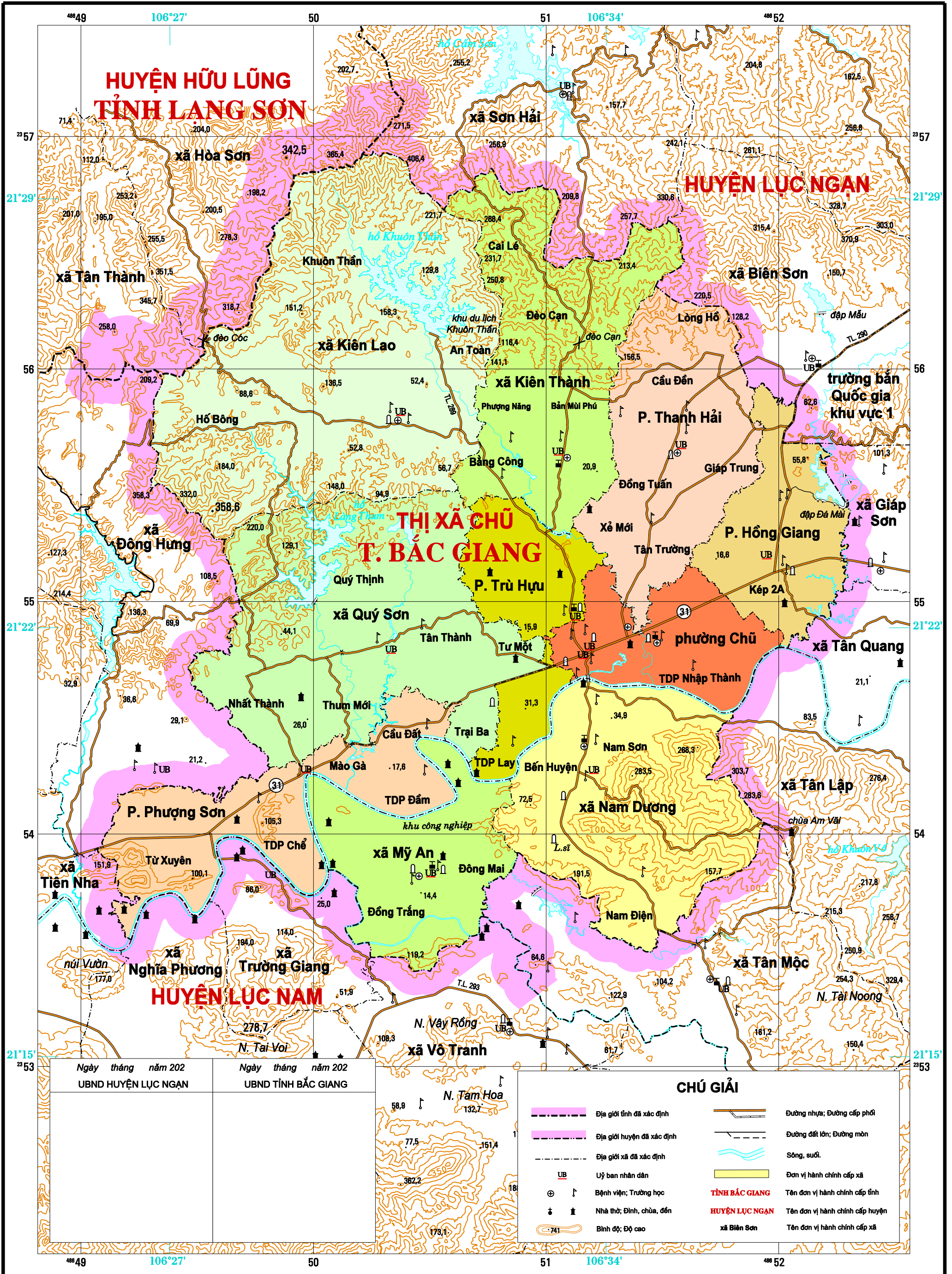
Ngày tháng năm 202  
UBND TỈNH BẮC GIANG



**CÔNG TY TNHH TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ BẢN ĐỒ TP.HCM**  
Bản đồ sắp xếp, điều chỉnh ĐGHCH huyện Lục Ngạn và Sơn Động để chia tách, thành lập thị xã Chủ và thành lập các phường thuộc thị xã Chủ; thành lập thị trấn Phi Điền, thị trấn Biển Động thuộc huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang  
Hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN-2000, Hệ độ cao quốc gia, kinh tuyến trung ương 105°múi chiếu 6°. Tài liệu sử dụng để thành lập:  
- Thông tư số 05/2014/TT-BTNMT ngày 12/02/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sông, suối, thủy hệ, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bắc Giang.  
- Bản đồ địa giới hành chính tỷ lệ 1:25 000 được thực hiện theo Dự án "Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính" trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.



# BẢN ĐỒ PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP THỊ XÃ CHỦ, TỈNH BẮC GIANG



Ngày tháng năm 202  
UBND HUYỆN LỤC NGẠN

Ngày tháng năm 202  
UBND TỈNH BẮC GIANG

## CHÚ GIẢI

- Địa giới tỉnh đã xác định
- Địa giới huyện đã xác định
- Địa giới xã đã xác định
- Ủy ban nhân dân
- Bệnh viện; Trường học
- Nhà thờ; Đình, chùa, đền
- Bình độ; Độ cao
- Đường nhựa; Đường cấp phối
- Đường đất lớn; Đường mòn
- Sông, suối.
- Đơn vị hành chính cấp xã
- Tên đơn vị hành chính cấp tỉnh
- Tên đơn vị hành chính cấp huyện
- Tên đơn vị hành chính cấp xã

TỶ LỆ 1:90 000

1cm trên bản đồ bằng 900m thực địa

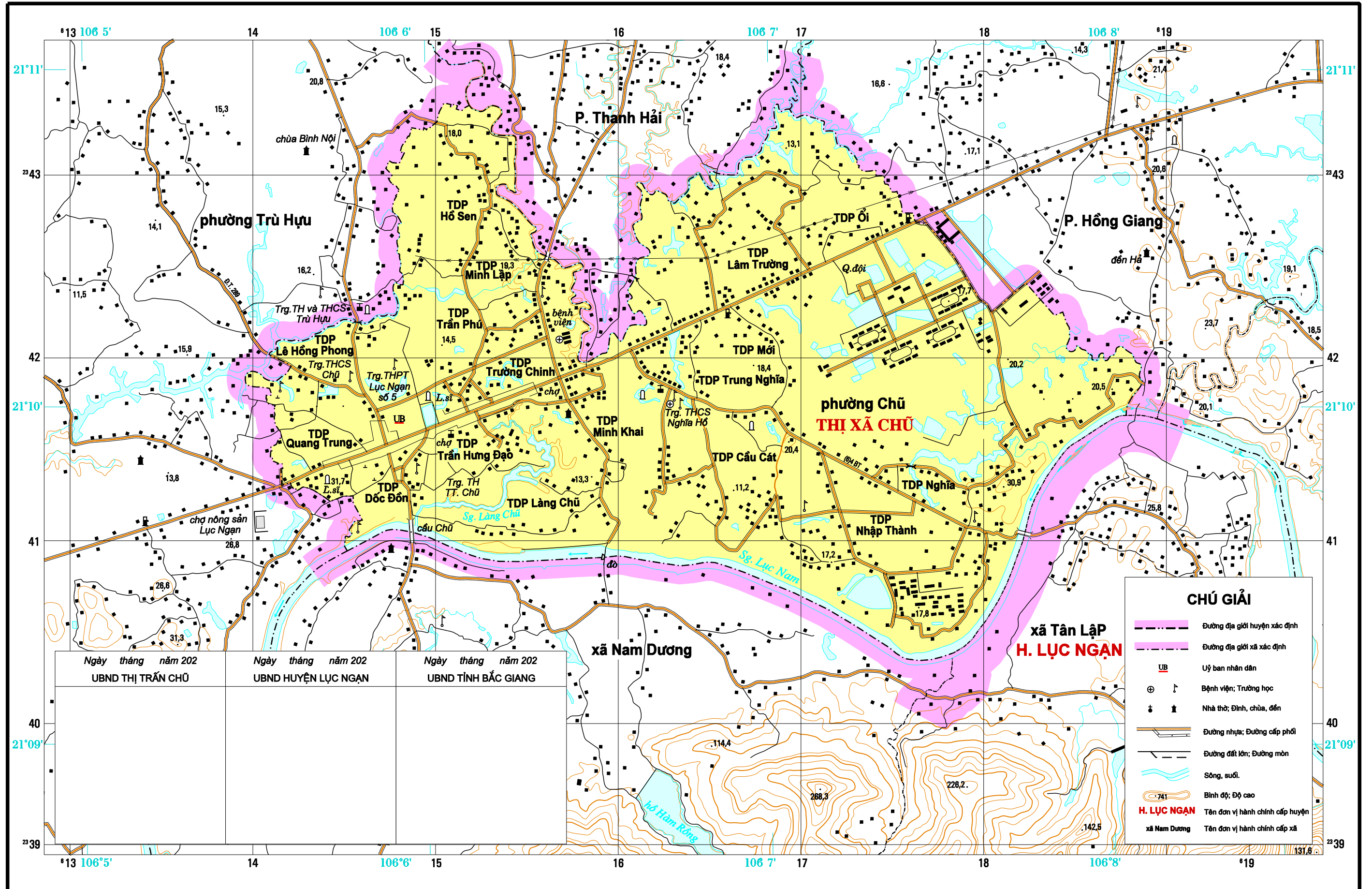


Khoảng cao đều đường bình độ cơ bản là 20m

CÔNG TY TNHH TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ BẢN ĐỒ TP.HCM  
 Bản đồ phương án thành lập thị xã Chủ, tỉnh Bắc Giang được thành lập năm 2023.  
 Hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN-2000, hệ độ cao quốc gia, kinh tuyến trung ương 105° 00' 00". Tài liệu sử dụng để thành lập:  
 - Thông tư số 05/2014/TT-BTNMT ngày 12/02/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bắc Giang.  
 - Bản đồ địa giới hành chính tỷ lệ 1:25 000 được thực hiện theo Dự án "Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính trên bản đồ tỉnh Bắc Giang."



# BẢN ĐỒ PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP PHƯỜNG CHỦ THUỘC THỊ XÃ CHỦ, TỈNH BẮC GIANG

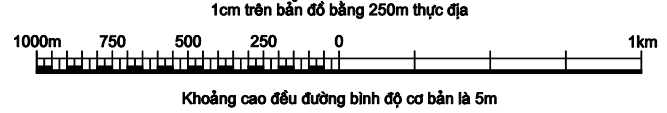


**CHÚ GIẢI**

- Đường địa giới huyện xác định
- Đường địa giới xã xác định
- UB Ủy ban nhân dân
- ⊕ ⊙ Bệnh viện; Trường học
- ⊕ ⊙ Nhà thờ; Đình, chùa, đền
- Đường nhựa; Đường cấp phối
- Đường đất lớn; Đường mòn
- Sông, suối
- 741 Bình độ; Độ cao
- H. LỤC NGẠN** Tên đơn vị hành chính cấp huyện
- xã Nam Dương Tên đơn vị hành chính cấp xã

Ngày tháng năm 202	Ngày tháng năm 202	Ngày tháng năm 202
UBND THỊ TRẦN CHỦ	UBND HUYỆN LỤC NGẠN	UBND TỈNH BẮC GIANG

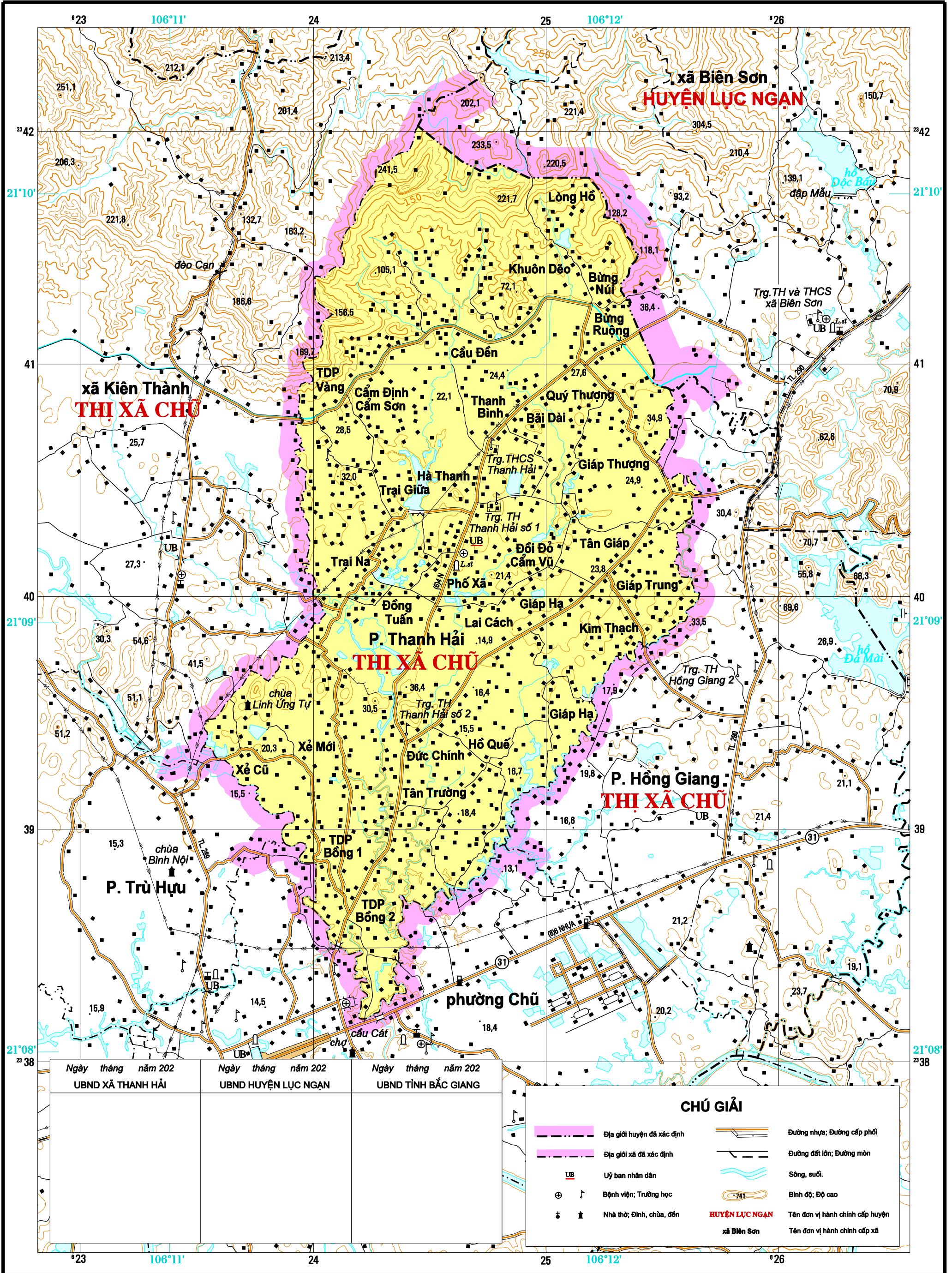
**TỶ LỆ 1:25 000**



**CÔNG TY TNHH TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ BẢN ĐỒ TP.HCM**  
 Bản đồ phương án thành lập phường Chủ thuộc Thị xã Chủ, tỉnh Bắc Giang được thành lập năm 2023. Hệ quy chiếu và hệ toàn độ quốc gia VN-2000, Hệ độ cao quốc gia, kinh tuyến trung ương 105°, mỗi chiều 6°. Tài liệu sử dụng để thành lập:  
 - Thông tư 05/2014/TN - BTNMT ngày 12/02/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành danh mục địa danh dân cư, văn sơn, thủy hệ, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bắc Giang.  
 - Bản đồ địa giới hành chính tỷ lệ 1:25 000 được thực hiện theo dự án " Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.



# BẢN ĐỒ PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP PHƯỜNG THANH HẢI (KHÔNG BAO GỒM THÔN KHUÔN RỄO), THỊ XÃ CHỦ, TỈNH BẮC GIANG



Ngày tháng năm 202	Ngày tháng năm 202	Ngày tháng năm 202
UBND XÃ THANH HẢI	UBND HUYỆN LỤC NGẠN	UBND TỈNH BẮC GIANG

CHÚ GIẢI	
	Địa giới huyện đã xác định
	Địa giới xã đã xác định
	Ủy ban nhân dân
	Bệnh viện; Trường học
	Nhà thờ; Đình, chùa, đền
	Đường nhựa; Đường cấp phối
	Đường đất lớn; Đường mòn
	Sông, suối
	Bình độ; Độ cao
	HUYỆN LỤC NGẠN
	xã Biên Sơn



**CÔNG TY TNHH TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ BẢN ĐỒ TP.HCM**

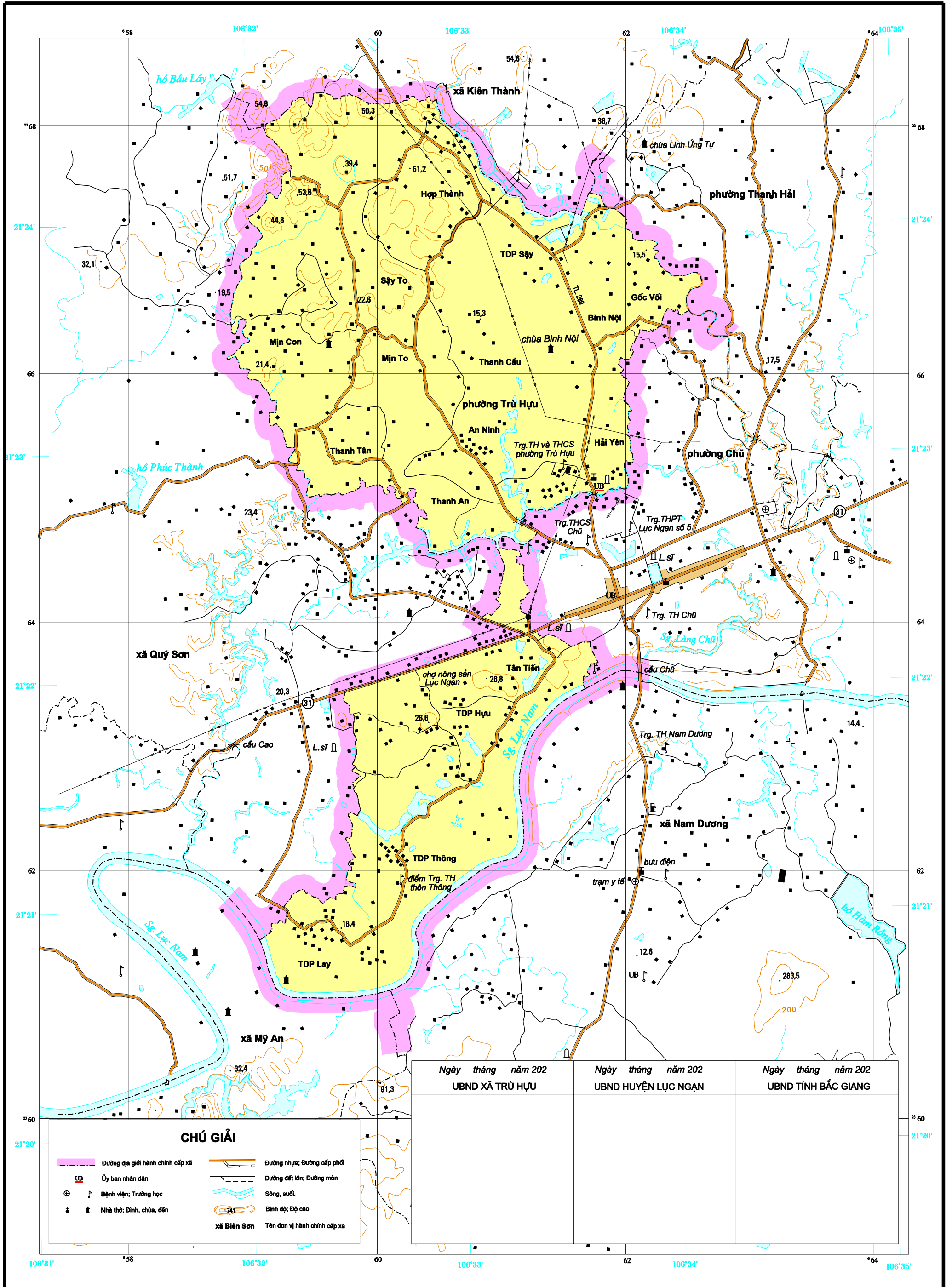
Bản đồ phương án thành lập phường Thanh Hải (không bao gồm thôn Khuôn Rễo), thị xã Chủ, tỉnh Bắc Giang thành lập năm 2023.

Hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN-2000, hệ độ cao quốc gia, kinh tuyến trung ương 111° 00' 00". Tài liệu sử dụng để thành lập:

- Thông tư số 05/2014/TT-BTNMT ngày 12/02/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy hệ, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bắc Giang.
- Bản đồ địa giới hành chính tỷ lệ 1:25 000 được thực hiện theo Dự án "Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Giang".



# BẢN ĐỒ PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP PHƯỜNG TRÙ HỤ THUỘC THỊ XÃ CHỦ, TỈNH BẮC GIANG



**TỶ LỆ 1:28 000**

1cm trên bản đồ bằng 280m thực địa



Khoảng cao đều đường bình độ cơ bản là 5m

CÔNG TY TNHH TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ BẢN ĐỒ TP.HCM  
 Bản đồ phương án thành lập phường Trù Hụ thuộc thị xã Chủ, tỉnh Bắc Giang được thành lập năm 2023.  
 Hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN-2000, hệ độ cao quốc gia, kinh tuyến trung ương 105° 0'. Tài liệu sử dụng để thành lập:  
 - Thông tư số 05/2014/TT-BTNMT ngày 12/02/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sông suối, thủy lợi, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bắc Giang.  
 - Bản đồ địa giới hành chính tỷ lệ 1:25 000 được thực hiện theo Dự án "Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Giang."

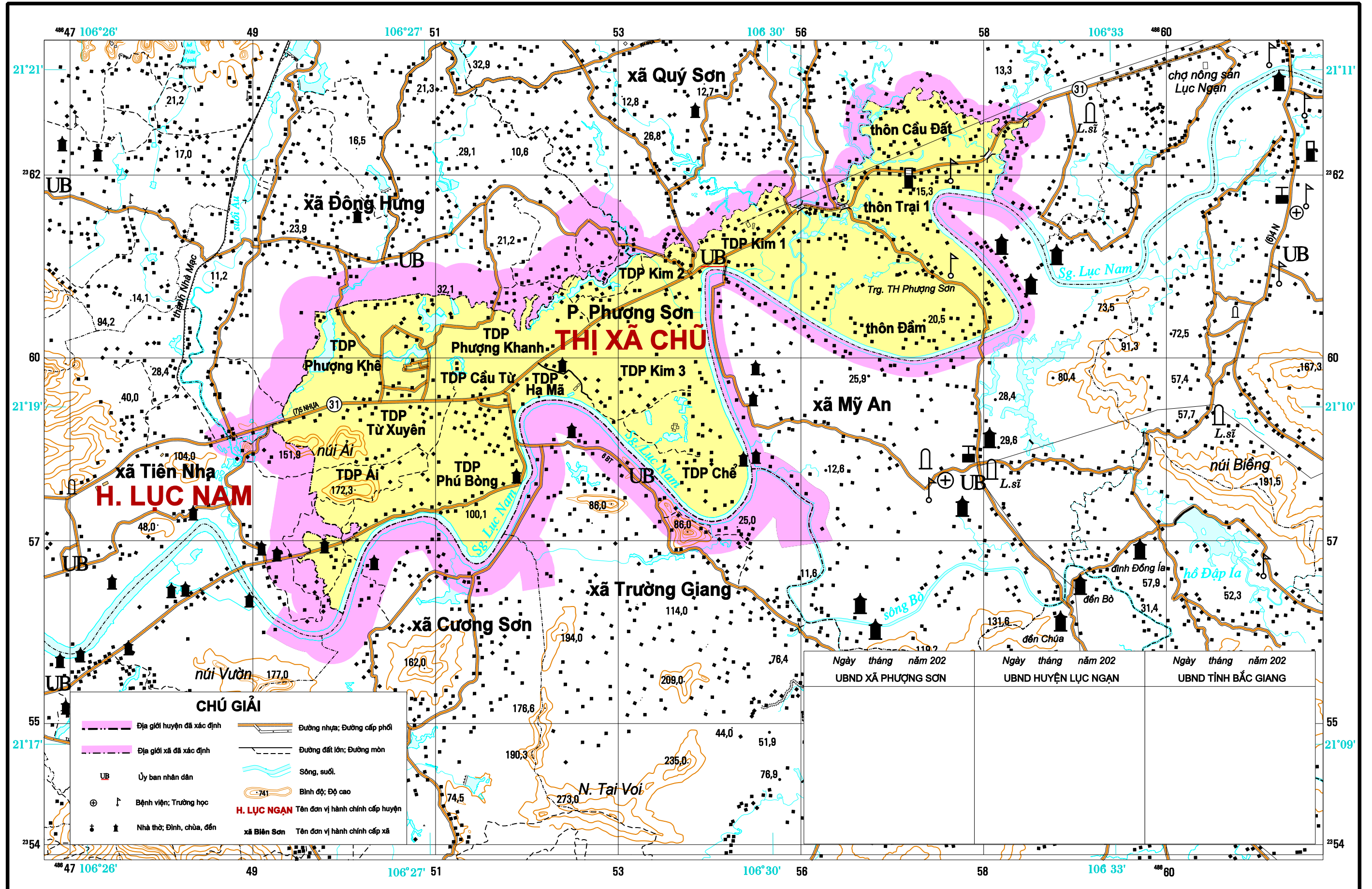
Ngày tháng năm 202  
 UBND XÃ TRÙ HỤ

Ngày tháng năm 202  
 UBND HUYỆN LỤC NGẠN

Ngày tháng năm 202  
 UBND TỈNH BẮC GIANG



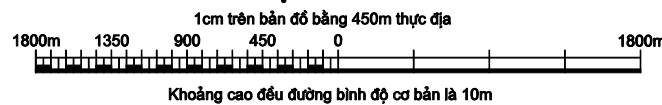
# BẢN ĐỒ THÀNH LẬP PHƯỜNG PHƯỢNG SƠN THUỘC THỊ XÃ CHỦ, TỈNH BẮC GIANG



## CHÚ GIẢI

- Địa giới huyện đã xác định
- Địa giới xã đã xác định
- UB Ủy ban nhân dân
- Bệnh viện; Trường học
- Nhà thờ; Đình, chùa, đền
- Đường nhựa; Đường cấp phối
- Đường đất lớn; Đường mòn
- Sông, suối.
- Bình độ; Độ cao
- H. LỤC NGẠN** Tên đơn vị hành chính cấp huyện
- xã Biên Sơn** Tên đơn vị hành chính cấp xã

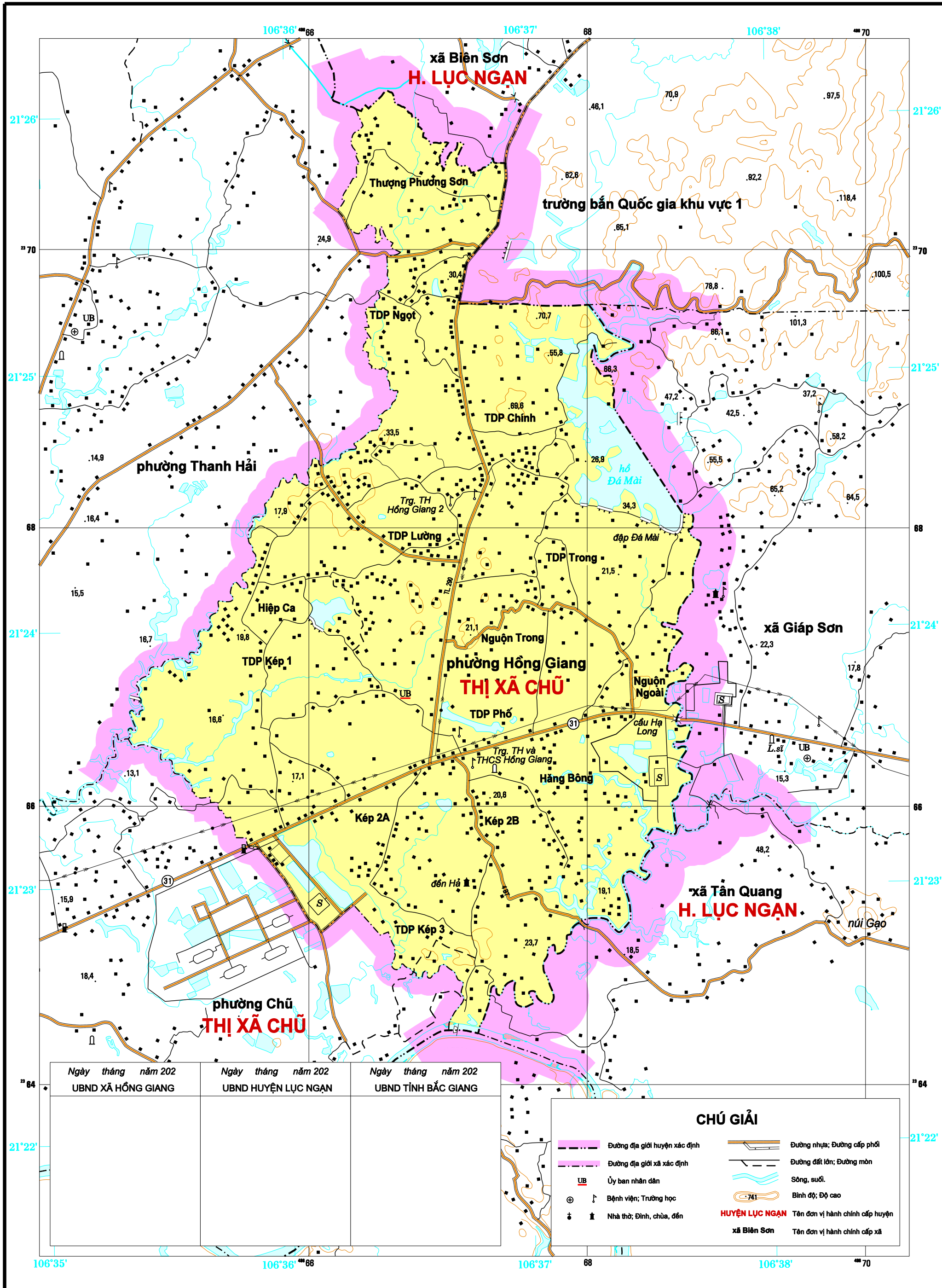
**TỶ LỆ 1:45 000**



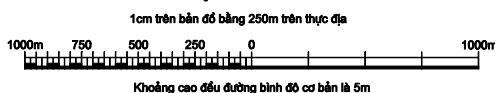
CÔNG TY TNHH TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ BẢN ĐỒ TP.HCM  
Bản đồ phương án thành lập phường Phượng Sơn thuộc thị xã Chủ, tỉnh Bắc Giang được thành lập năm 2023.  
Hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN-2000, Hệ độ cao quốc gia, kinh tuyến trung ương 105°, múi chiếu 6°. Tài liệu sử dụng để thành lập:  
- Thông tư số 05/2014/TT-BTNMT ngày 12/02/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành Danh mục địa danh dân cư, văn sơn, thủy hệ, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bắc Giang.  
- Bản đồ địa giới hành chính tỷ lệ 1:25 000 được thực hiện theo Dự án "Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính trên bản tỉnh Bắc Giang."



# BẢN ĐỒ PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP PHƯỜNG HỒNG GIANG THUỘC THỊ XÃ CHỦ, TỈNH BẮC GIANG



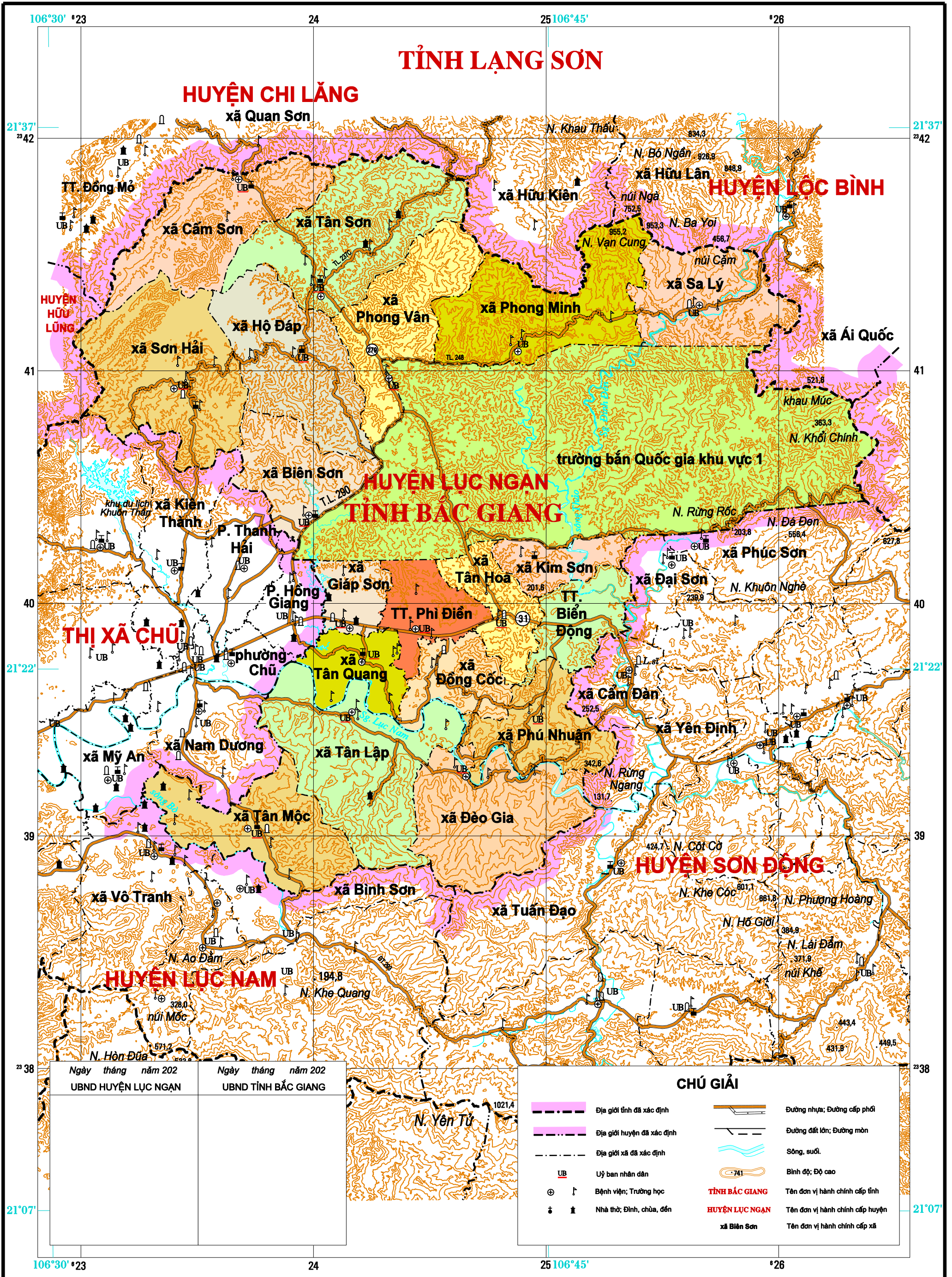
**TỶ LỆ 1:25 000**



CÔNG TY TNHH TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ BẢN ĐỒ TP.HCM  
 Bản đồ phương án thành lập phường Hồng Giang thuộc thị xã Chủ, tỉnh Bắc Giang được thành lập năm 2023.  
 Hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN-2000, Hệ độ cao quốc gia, kinh tuyến trung ương 105° mỗi chiều 0'. Tài liệu sử dụng để thành lập:  
 - Thông tư số 07/2014/TT-BTNMT ngày 12/02/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy hệ, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bắc Giang.  
 - Bản đồ địa giới hành chính tỷ lệ 1:25 000 được thực hiện theo Dự án "Hoàn thiện, hiện đại hóa bộ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính" trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.



# BẢN ĐỒ PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH ĐGHHC THÀNH LẬP HUYỆN LỤC NGẠN MỚI VÀ THÀNH LẬP CÁC THỊ TRẤN THUỘC HUYỆN LỤC NGẠN MỚI, TỈNH BẮC GIANG

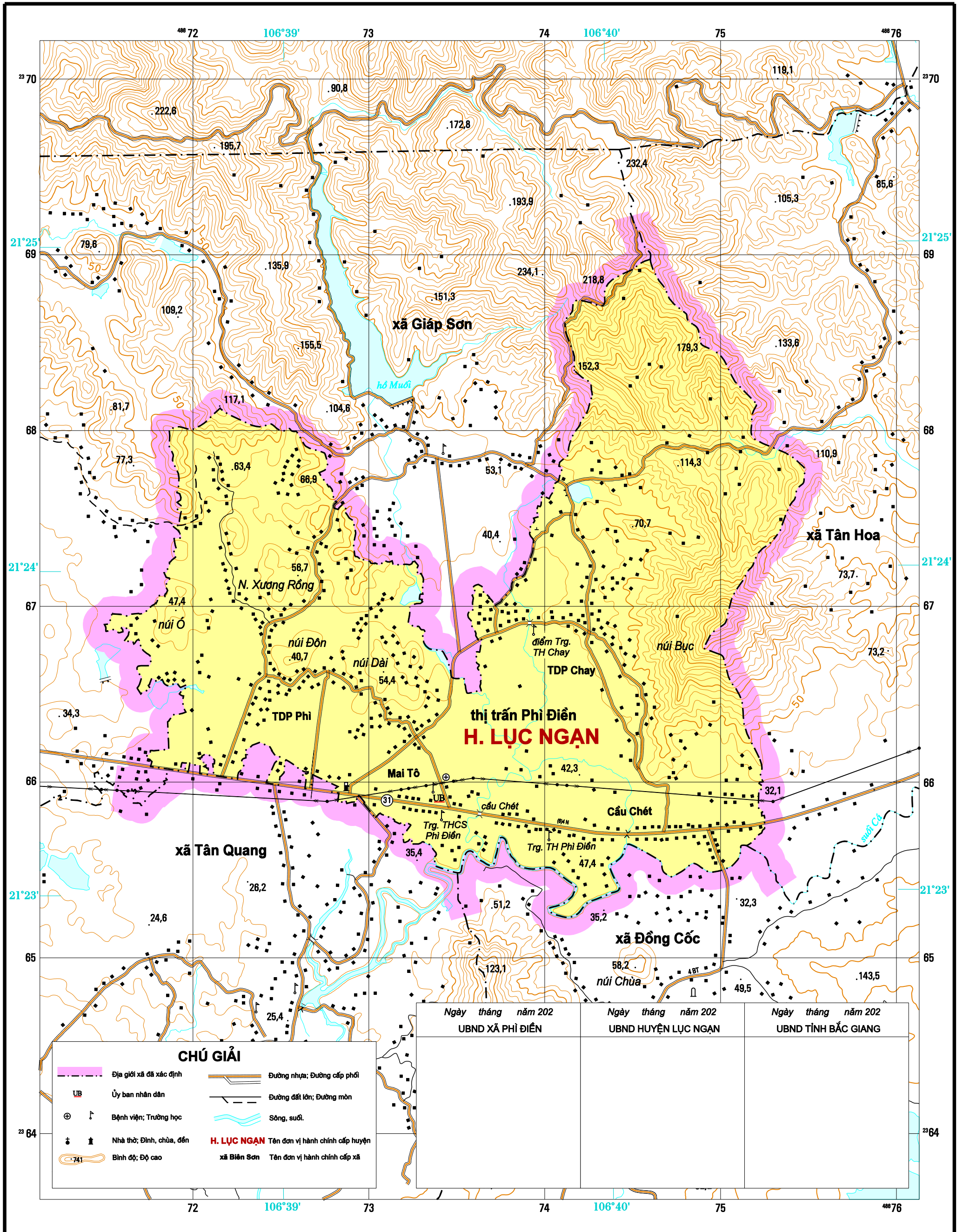






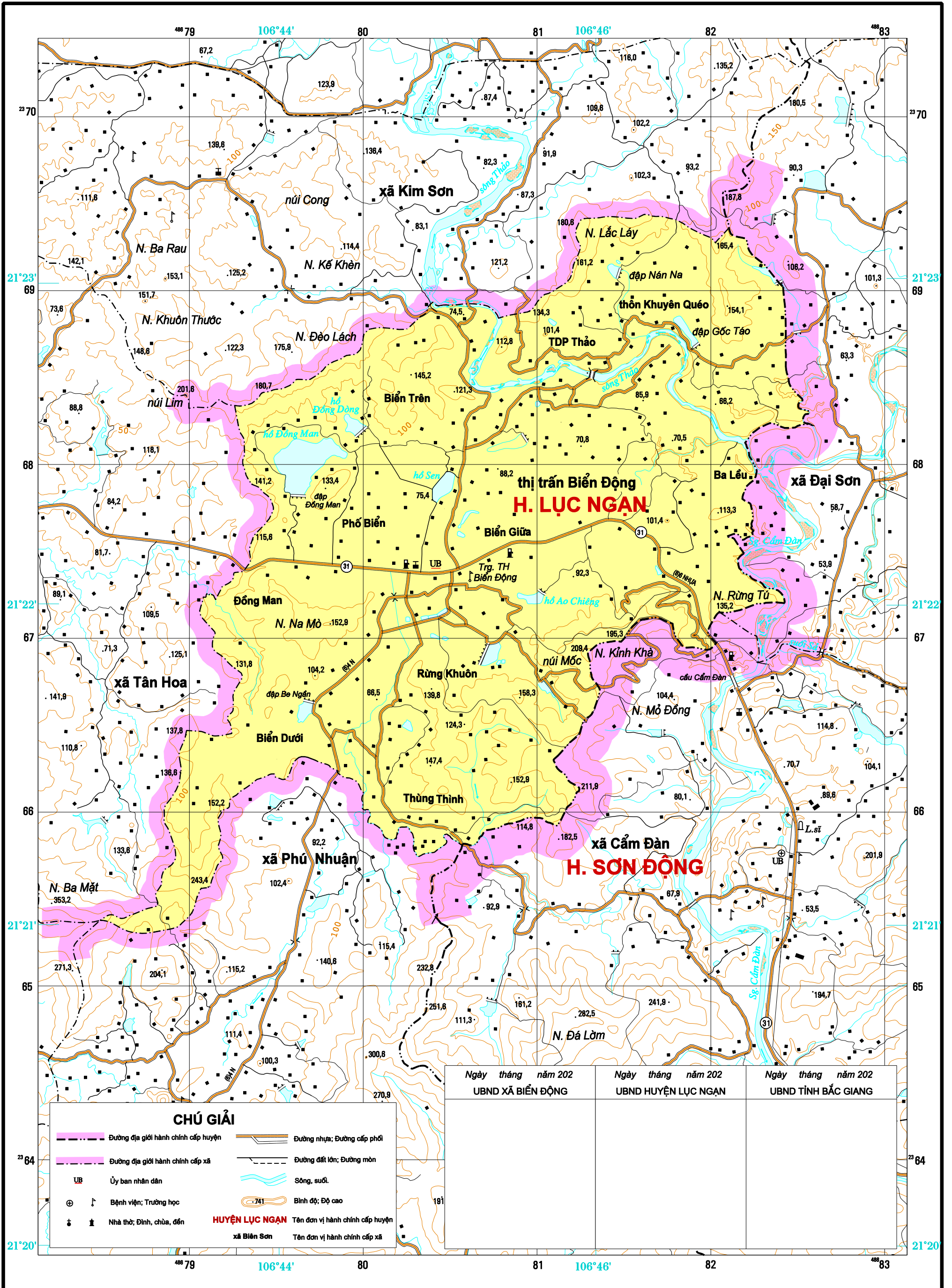


# BẢN ĐỒ PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP THỊ TRẤN PHÌ ĐIỀN, HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG





# BẢN ĐỒ PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP THỊ TRẤN BIỂN ĐỘNG, HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

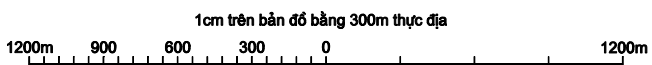


Ngày tháng năm 202	Ngày tháng năm 202	Ngày tháng năm 202
UBND XÃ BIỂN ĐỘNG	UBND HUYỆN LỤC NGẠN	UBND TỈNH BẮC GIANG

**CHÚ GIẢI**

- Đường địa giới hành chính cấp huyện
- Đường địa giới hành chính cấp xã
- Ủy ban nhân dân
- Bệnh viện; Trường học
- Nhà thờ; Đình, chùa, đền
- Đường nhựa; Đường cấp phối
- Đường đất lớn; Đường mòn
- Sông, suối.
- Bình độ; Độ cao
- HUYỆN LỤC NGẠN** Tên đơn vị hành chính cấp huyện
- xã Biên Sơn** Tên đơn vị hành chính cấp xã

**TỶ LỆ 1:30 000**

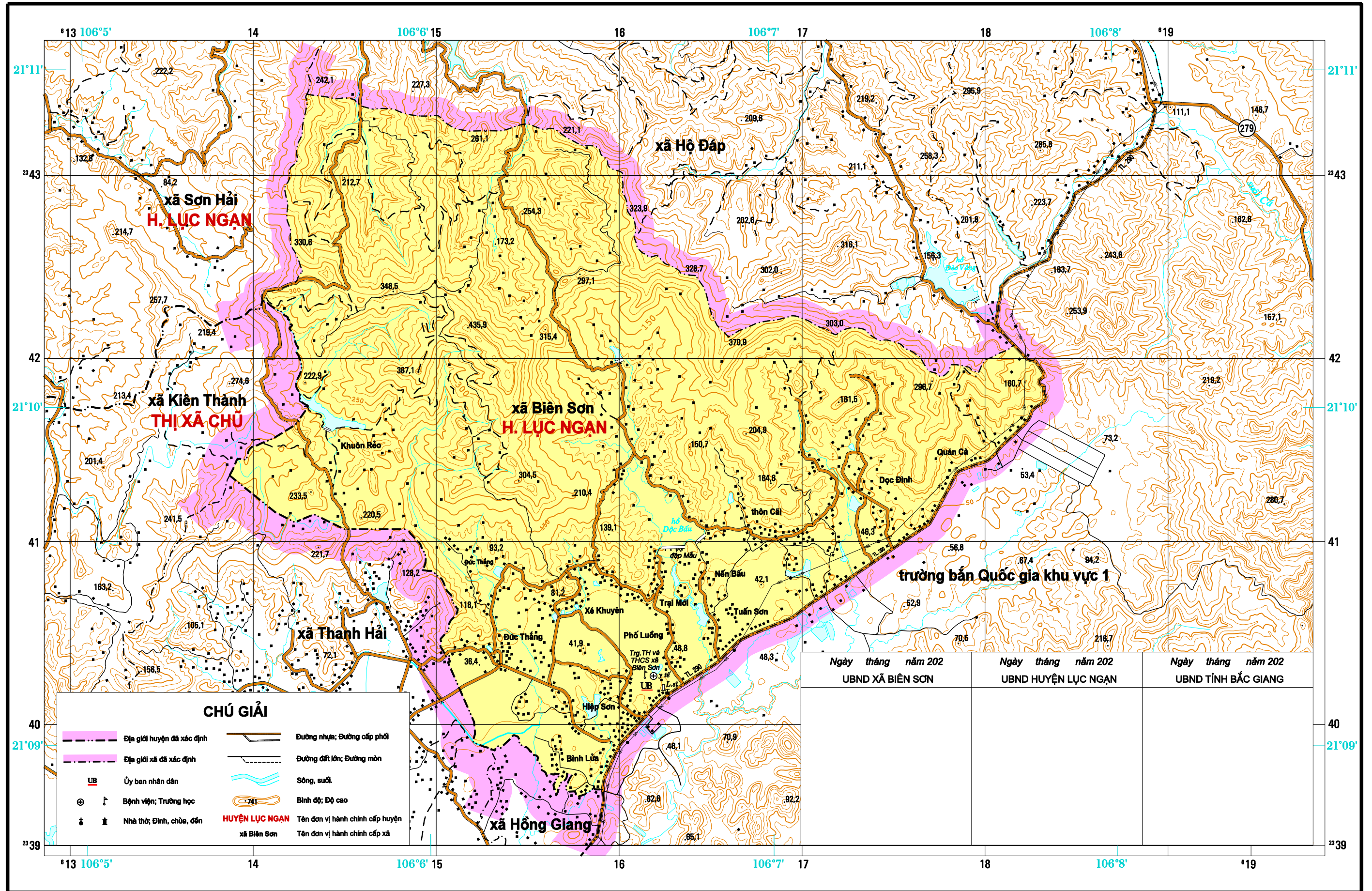


Khoảng cao đều đường bình độ cơ bản là 5m

CÔNG TY TNHH TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ BẢN ĐỒ TP.HCM  
 Bản đồ phương án thành lập thị trấn Biển Động, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang được thành lập năm 2023.  
 Hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN-2000, Hệ độ cao quốc gia, kinh tuyến trung ương 105°, mũi chiếu 6°. Tài liệu sử dụng để thành lập:  
 - Thông tư số 05/2014/TT-BTNMT ngày 12/02/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành Danh mục địa danh dân cư, văn sơn, thủy hệ, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bắc Giang.  
 - Bản đồ địa giới hành chính tỷ lệ 1:25 000 được thực hiện theo Dự án "Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Giang."



# BẢN ĐỒ PHƯƠNG ÁN NHẬP THÔN KHUÔN RỄO VÀO XÃ BIÊN SƠN, HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

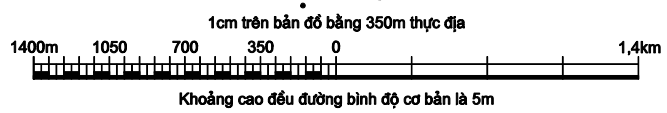


## CHÚ GIẢI

- Địa giới huyện đã xác định
- Địa giới xã đã xác định
- UB Ủy ban nhân dân
- ⊕ Bệnh viện; Trường học
- ⊙ Nhà thờ; Đình, chùa, đền
- Đường nhựa; Đường cấp phối
- Đường đất lớn; Đường mòn
- Sông, suối.
- 741 Bình độ; Độ cao
- HUYỆN LỤC NGẠN** Tên đơn vị hành chính cấp huyện
- xã Biên Sơn** Tên đơn vị hành chính cấp xã

Ngày tháng năm 202	Ngày tháng năm 202	Ngày tháng năm 202
UBND XÃ BIÊN SƠN	UBND HUYỆN LỤC NGẠN	UBND TỈNH BẮC GIANG

**TỶ LỆ 1:35 000**



**CÔNG TY TNHH TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ BẢN ĐỒ TP.HCM**  
 Bản đồ phương án nhập thôn Khuôn Rẻo vào xã Biên Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang được thành lập năm 2023.  
 Hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN-2000, hệ độ cao quốc gia, kinh tuyến trung ương 105° 05' 00". Tài liệu sử dụng để thành lập:  
 - Thông tư số 05/2014/TT-BTNMT ngày 12/02/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sông, suối, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bắc Giang.  
 - Bản đồ địa giới hành chính tỷ lệ 1:25 000 được thực hiện theo Dự án "Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Giang."